

HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

TỬ VI ÁO BÍ
BIỆN CHỨNG HỌC

SÀI GÒN
1972

Phát đoạn từ

1. Một lời nói của bậc đạ nhân, Đức Trạng-Trình: Hoành sơn nhất đái, tức dĩ dung thân, đã giúp cho nhà Nguyễn hơn hai trăm năm vương nghiệp, và hơn một thế kỷ đế nghiệp.

2. Cao-Bằng tuy tiểu khả diên sở thế, mà họ Mạc đã rút lui về đất Cao-Bằng, giữ được nghiệp hơn sáu mươi năm.

3. Cũng một lời: Kim tuế bất năm, nhĩ đẳng thu điền đương dụng cựu cốc (năm nay mất mùa hãy lấy thóc cũ làm giống) mà họ Trịnh biết nghe theo, với thời gian hơn hai trăm năm phi vương phi bá quyền thiên hạ, đã không đoạt ngôi nhà Lê, với bối cảnh một quốc gia lấy tinh thần Nho giáo làm ánh sáng tuyệt đối tôn quân, có vua lại có chúa, mà quyền hành tập trung ở Chúa cả.

Phải chăng các bậc quân-vương đã biết tin tưởng vào sự quán-thông của Cụ Trình-Quốc-Công, mà nước nhà mới có một giai đoạn lịch sử hy hữu vậy.

Đối lại Trung-Quốc sử minh chứng cho ta thấy chỉ có một triều đạ nhà Tống, là không sát hại các công thần cả tân cựu triều, lại cùng đồng bàn ẩm tửu, chan chứa hạnh phúc thái bình thông cảm, mãi tiệc lại được chia của cải trong kho, kẻ lui về điền viên lạc đạo, không sợ bị vấn tội cựu triều, người ở lại phò tá chấn hưng tân triều thêm thịnh đạt.

Vì nguyên nhân thời mạt Đường loạn-lạc, bà thân mẫu gánh hai con đi tỵ nạn, cậu Triệu-Khuôn-Dẫn và Triệu-Khuôn-Nghĩa trạc độ năm ba tuổi gặp đức Trần-Đoàn tại núi Phú-sơn, là nơi tiên sinh thường lai vãng thưởng ngoạn, tiên sinh mới hỏi bà : hà vật lão ẩu, bà trả lời đưa hai con đi tránh loạn, tiên sinh tự nói : Nhất đốm lương thái bình thiên tử (một vai mà hai ông vua Thái-Bình), rồi hỏi bà, muốn có tiền bà bán trái núi trước mặt kia cho tôi, bà trả lời núi của Vua sao tôi bán được, tiên sinh nói cứ bán cho tôi không sao, đoạn bà xé áo của mình và hai con, lấy miếng vải nhỏ bỏ vào ống đũa, coi như văn tự, trao cho tiên sinh để thọ lãnh 10 lạng bạc.

Thấm thoát thoi đưa, thời lai phong tống, 2 cậu nhỏ này trải qua thời loạn, đã nghiêm nhiên trở thành hai vị tướng được hiệu lệnh đi tiểu giặc.

Xuất phát binh quyền tới cầu Trần-Kiều thì quay trở về, hạ Vua Đường xuống để lên ngôi báu, là Tống-Thái-Tổ tức vua Triệu-Khuôn-Dẫn, khi băng hà truyền ngôi cho em là Triệu-Khuôn-Nghĩa.

Khi ở ngôi cửu ngũ, chắc có nhiều vị quần thần trình lên kế hoạch, dùng hay nên giết tiên sinh, vì sợ là bậc có tài, nên mới có việc nhiều lần sứ thần vờ ra làm việc, cho tiền bạc châu báu, gái đẹp, thu thuế và bức bách đuổi đi, tiên sinh không nhận bất kể điều chi, chỉ kính cẩn nói xin hỏi lại Thái-Hoàng Thái-Hậu sẽ rõ tự sự, và dâng vua Thái-Tổ mấy văn thơ để tỏ ý mình.

Thơ

Bằng vi cơ phách ngọc vi tai

Nhục hạ quân vương Tống đáo lai

Xử sỹ bất tri vu giáp mộng

Không lao thần nữ hạ dương đài.

Phải chăng khi biết được chuyện bán đất, và tư-tưởng thoát-tục của tiên sinh, thời hiển nhiên là bậc thần tiên-tri, hơn nữa những quốc sách an bang tế thế, đàm luận với sứ thần nhiều lần qua lại cũng được dâng lên Tống-Thái-Tổ nên triều đạ này mới có việc làm phi thường được lịch sử khen tặng là đệ nhất nhân đức vậy.

Đến đời vua Tống-Nhân-Tôn phong tặng tiên sinh tôn danh Hi Di.

Khi sinh tiền, tiên sinh là một bậc bác học uy thâm tu luyện tại núi Phù-sơn đắc đạo mà lập ra môn Tử vi đầu số, căn cứ vào phương-vị tinh-tú ảnh-hưởng, mà biết vận hành họa phúc của con người và quốc gia.

Nghiên cứu hiểu biết cao bao nhiêu, thời lòng ngưỡng mộ đối với tiên-sinh càng nghiêm-cẩn bấy nhiêu, vì biết được họa phúc của một người, là biết được cả muôn người.

Nếu hiểu biết là đường sáng, là kim chỉ nam, hướng dẫn ta đạt được tận thiện mỹ về cách xử thế và hành trang, để vươn lên trong cuộc sống cạnh tranh sinh tồn này.

Biết bao nhiêu vết tích của dân tộc Lạc-Việt ta đã để lại trên 18 bình nguyên Trung-Quốc, ra đi phiêu bồng, rồi định nghiệp trên giải đất tuy nhỏ bé, nhưng cầm tù, đã quay cuồng vô ý thức trong cuộc chiến bi oa chữ nhục, mà chịu cảnh xuyên-huyết sơn-hải, hiền-mẫu chinh-phu, cô-nhi quả-phụ, từ thành thị tới thôn quê, thật là tang thương đến cả hoa cỏ này. Phải chăng biết là cần thiết, là cứu cánh của dân tộc ta, vì chỉ có biết mới sống, biết cái thế hoàng long Việt-Nam, biết cái thế bát tự phân lưu hư hoa Hanoi, biết cái thế thần quy long mã lạc hà đồ Saigon, biết cái thế nam phương bính đỉnh hỏa, hỏa thăng lên vùn vụt, để hồi đầu cổ tổ, lập lại một Việt bang xuân thái, ngũ bách niên thiên hạ vậy.

Vì ý nghĩ biết bất kể phương diện nào cũng thiết dụng, hơn nữa Tử-vi đầu-số tuy là môn lý-học áo-bí, vi-diệu, nhưng ngày nay, hiển nhiên các nhà thông thái đã chứng nghiệm qua các thiên văn đài và viễn vọng kính, là khoa toán học tinh đầu, nếu sự lập thành, nhất nhất phải dùng đến sách vở, sẽ vấp biết bao cản trở, và dễ đưa tới chán nản.

Nhưng nếu nhập tâm được các quy luật qua một số bài thơ và lập được lá số trên bàn tay, tất sẽ lợi dụng được tất cả thời gian nhàn rỗi, trong giường ngủ, ngoài đường phố, trên xe trên tàu, hay cùng nhau đàm đạo, đều có thể suy-luận, khảo-sát, để thăng tiến mau trên con đường lý-học được.

Nên tôi mạo muội xuất bản cuốn sách này, không kể tài hèn sơ thiển, thật là múa rìu qua mặt Lỗ-Ban, cũng không ngoài lòng sở vọng trên vậy.

Kính mong các bậc cao minh thứ tha chỉ giáo và chư vị niệm tình.

Kính đề

tại Thủ-đô Saigon Mạnh Thu năm Nhâm Tý.

HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

Chương 1

CÁCH LẬP THÀNH MỘT LÁ SỐ TỬ-VI TRÊN GIẤY**KHỞI SỰ ĐỊNH CUNG**

1- Lấy một tờ giấy chia làm 12 ô (cung) tùy theo khuôn giấy lớn nhỏ:

6 Ty	7 Ngọ	8 Mùi	9 Thân
5 Thìn			10 Dậu
4 Mão			11 Tuất
3 Dần	2 Sửu	1 Tý	12 Hợi

HÌNH VẼ THÍ DỤ

Mỗi Ô được định danh là một cung.

Khởi từ cung ghi số 1 là cung tý,

Ô số 2 là cung Sửu

Ô số 3 là cung Dần

Ô số 4 là cung Mão

Ô số 5 là cung Thìn

Ô số 6 là cung Ty

Ô số 7 là cung Ngọ

Ô số 8 là cung Mùi

Ô số 9 là cung Thân

Ô số 10 là cung Dậu

Ô số 11 là cung Tuất

Và Ô số 12 là cung Hợi.

2- Áp dụng của 12 chi:

Thập nhị địa chi là tên dùng, để chỉ 12 năm như thường, nghe nói tuổi Tý, tuổi Dần, tuổi Hợi...được dùng để chỉ cho 12 cung trong 1 lá số, thường gọi là Địa Bàn, mà vị trí ở địa bàn này không thay đổi như hình trên, khởi từ cung Tý... tới cung Hợi.

An xong 12 cung cố định rồi, còn một khoảng trống giữa dùng để ghi danh hiệu, năm, tháng, giờ sinh.

- a- Dương số thuộc Âm hay Dương.
thuộc Nam hay Nữ

Vì nam có âm nam, hay dương nam
và nữ có âm nữ , hay dương nữ

- b- Dương số mệnh thuộc hành nào của ngũ hành.
 - c- Và thuộc cục nào của ngũ cục.
- khoảng trống giữa được gọi là cung Thiên Bàn.

THÍ DỤ CUNG THIÊN BÀN Ô 13

	Ô 13 Ông và Bà Vũ-Văn-Việt sinh ngày____ tháng____ giờ, năm Bính Dần Dương Nam Hỏa mạng Mộc tam cục		

Tùy theo nam hay nữ mà ghi ở cung Thiên Bàn, và ba mục trên sẽ được phân định, nhưng tạm gác lại để định giờ sinh trước.

3- Phép định giờ

Một ngày và một đêm là 24 giờ đồng hồ. cứ 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ theo âm lịch để tính số Tử-vi.

Và giờ âm lịch được tính kể từ không giờ tức là 24 giờ đến 2 giờ là giờ Tý, và cứ tuần tự tính 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ âm lịch là Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và giờ Hợi tức là 22 giờ tới 24 giờ.

LIỆT KÊ THEO GIỜ HIỆN HÀNH

Từ	0 giờ	đến	2 giờ	là	giờ	:	TÝ
Từ	2 giờ	đến	4 giờ	là	giờ	:	SỬU
Từ	4 giờ	đến	6 giờ	là	giờ	:	DẦN
Từ	6 giờ	đến	8 giờ	là	giờ	:	MÃO
Từ	8 giờ	đến	10 giờ	là	giờ	:	THÌN
Từ	10 giờ	đến	12 giờ	là	giờ	:	TỶ
Từ	12 giờ	đến	14 giờ	là	giờ	:	NGỌ
Từ	14 giờ	đến	16 giờ	là	giờ	:	MÙI
Từ	16 giờ	đến	18 giờ	là	giờ	:	THÂN
Từ	18 giờ	đến	20 giờ	là	giờ	:	DẬU
Từ	20 giờ	đến	22 giờ	là	giờ	:	TUẤT
Từ	22 giờ	đến	24 giờ	là	giờ	:	HỢI

4- Định phân cung số

Khoa Tử-vi được chia thành 12 cung là các cung kê sau:

Mạnh-viên để chỉ tính mạnh của mình.

Huynh-đệ Chỉ anh em.

Phu-quân (thê thiếp) tùy theo Nam hay Nữ.

Tử-tức Chỉ con cái.

Tái-bạch Chỉ tiền của.

Tật-ách Chỉ bệnh hoạn.

Thiên-ri Chỉ xuất ngoại.

Nô-bộc bạn bè và gia nhân.

Quan-lộc Nghề nghiệp, hoạn lộ.

Điền-trạch Cửa nhà ruộng vườn.

Phúc-đức Phúc ảm của nhà mình.

Phụ-mẫu Cha mẹ.

Và 1 cung thứ 13 nữa là cung Thân, chỉ cuộc đời mình sẽ phong trần hay vinh hoa ra sao.

5-Phép an cung mạnh.

Biết được giờ sinh thuộc chi nào của giờ Âm lịch theo Tý Sửu rồi.

- Bắt đầu tính từ cung Dần (cung số 3) là tháng giêng.
- Mỗi cung một tháng, tính theo chiều thuận tới tháng sinh.
- Kể luôn cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tới giờ sinh, ngưng tại cung nào.

Kể cung ấy là cung mạnh.

và viết Mạnh viên vào cung ấy.

CHIỀU THUẬN VÀ CHIỀU NGHỊCH

Chiều thuận và chiều nghịch được tính theo vòng kim đồng hồ.

THÍ DỤ Ở TỬ VI:

Người sinh tháng 4 giờ Dần.

An cung Mạnh, tháng sinh tính thuận.

Khởi tháng giêng ở cung Dần

tháng hai ở cung Mão

tháng ba ở cung Thìn

tháng tư tới cung Tỵ cho người sinh tháng tư, như vậy là thuận theo kim đồng hồ.

An Mạnh giờ sinh tính nghịch.

Khởi giờ Tý ở cung Tý là cung ngưng lại là tháng tư.

Giờ Sửu ở cung Thìn.

Giờ Dần ở cung Mão cho người sinh giờ Dần, như vậy là nghịch theo kim đồng hồ.

Sau khi ghi Mạnh-viên rồi, kế tiếp theo chiều nghịch.

An các cung khác là Huynh, Thê (Phu nếu là phái Nữ), Tử, Tài, Ách, Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ, cho đủ 12 cung, chỉ cần viết tắt 1 chữ như vậy là đủ hiểu.

6-Phép an Thân

Kể cung Dần là tháng giêng, mỗi cung một tháng.

Tính theo chiều thuận tới tháng sinh.

Kể luôn cung ấy là giờ Tý.

Tính luôn theo chiều thuận tới giờ sinh

Ngưng lại cung nào, an Thân ở cung ấy.

vị trí Thân chỉ ở 6 cung.

Mạnh, Thê (Phu), Tài, Ri, Quan, Phúc.

Nếu ở vào 6 cung khác là sai.

7- Phép tìm cục:

Khi an xong Mạnh và Thân, muốn an được 2 chòm sao Tử-vi và chòm sao Thiên-phủ, phải căn cứ vào hàng thiên-can của tuổi, và mạnh an ở cung nào mới tìm ra Cục được.

Thập thiên can là :

Giáp Ất Bính Đinh Mậu

Kỷ Canh Tân Nhâm Quý

được chia đi đôi với nhau để tìm cục.

như: Giáp Kỷ

Ất Canh
Bính Tân
Đinh Nhâm
Mậu Quý

Nên luôn luôn nhớ là:

- 1- Phải biết Thiên-can của tuổi can là gì.
- 2- Mạnh cư ở cung nào trong 12 cung. Thường gọi là ngũ cục như sau:
 - 1- Thủy nhị cục
 - 2- Mộc tam cục
 - 3- Kim tứ cục
 - 4- Thổ ngũ cục
 - 5- Hỏa lục cục

8- BẢNG LIỆT KÊ 10 HÀNG CAN VÀ CUNG AN MẠNH ĐỂ TÌM CỤC.

BẢNG 1 CỦA TUỔI GIÁP VÀ KỶ

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỦY nhị cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	HỎA lục cục
THÌN TÝ	MỘC tam cục
NGỌ MÙI	THỔ ngũ cục
THÂN DẬU	KIM tứ cục

BẢNG 2 CỦA TUỔI ẤT VÀ CANH

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỔ lục cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỔ ngũ cục
THÌN TÝ	KIM tứ cục
NGỌ MÙI	MỘC tam cục
THÂN DẬU	THỦY nhị cục

BẢNG 3 CỦA TUỔI BÍNH VÀ TÂN

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỔ ngũ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	MỘC tam cục
THÌN TÝ	THỦY nhị cục
NGỌ MÙI	KIM tứ cục
THÂN DẬU	HỎA lục cục

BẢNG 4 CỦA TUỔI ĐINH VÀ NHÂM

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	MỘC tam cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	KIM tứ cục
THÌN TÝ	HỎA lục cục
NGỌ MÙI	THỦY nhị cục
THÂN DẬU	THỔ ngũ cục

BẢNG 5 CỦA TUỔI MẬU VÀ QUÝ

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	KIM tứ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỦY nhị cục
THÌN TÝ	THỔ ngũ cục
NGỌ MÙI	HỎA lục cục
THÂN DẬU	MỘC tam cục

9- Phép an sao Tử-vi

Tử-vi an theo cục và ngày sinh.

Vậy phải tìm xem Tử-vi cố định ở vị trí nào trên 12 cung.

Và Tử-vi tinh đổi vị trí tùy theo mỗi cục.

Bảng kê Tử-vi theo 5 cục

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

THỦY NHỊ CỤC

8 – 9	10 – 11	12 - 13	14 – 15
6 – 7 – 30			16 – 17
4 – 5 – 28 – 29			18 – 19
2 – 3 – 26 – 27			20 - 21

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

MỘC TAM CỤC

4 – 12 – 14	7 – 15 – 17	10 – 18 – 20	13 – 21 – 23
1 – 9 – 11			16 – 24 - 26
6 – 8			19 – 27 – 29
3 – 5	2 – 28	25	22 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

KIM TỬ CỤC

6 – 16 – 19 – 25	10 – 20 – 23 – 29	14 – 21 – 27	18 – 28
2 – 12 – 15 – 21			22
8 – 11 – 17			26
4 – 7 – 13	3 – 9	5	1 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

THỎ NGŨ CỤC

8 – 20 – 24	1 – 13 – 25 – 29	6 – 18 – 30	11 – 23
3 – 15 – 19 – 27			16 – 28
10 – 14 – 22			21
5 – 9 – 17	4 – 12	7	2 – 26

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

HỎA LỤC CỤC

10-24-29	2-16-30	8-22	14-28
4-18-23			1-20
12-17-27			7-26
6-11-21	5-15-25	9-19	3-13

Khi biết được vị trí và an Tử-vi xong, theo chiều nghịch mà an Thiên-cơ, bỏ cách một cung an Thái-dương tiếp theo Vũ-khúc, đến Thiên-Đồng, bỏ cách hai cung và an sao Liêm-Trinh.

Tử vi tinh hệ gồm 6 sao.

Tử vi, thiên cơ, Thái dương, Vũ khúc, Thiên đồng và Liêm Trinh.

10- Phép an chòm sao Thiên-phủ:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát, Phá-quân.

Chòm sao thiên phủ an theo chiều thuận, các sao liên tiếp theo các cung, chỉ trừ sao Phá-quân thì bỏ cách đi 3 cung như sau:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát mỗi cung 1 sao, và bỏ cách 3 cung mới an sao Phá-quân ở cung thứ 4.

TÌM VỊ TRÍ SAO THIÊN-PHỦ

Muốn biết sao Thiên-phủ ở cung nào, xin coi trên bảng ghi vị trí của sao Tử-vi và Thiên-phủ hiện hành trên 12 cung.

A - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-vi Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ

Nếu muốn an số trên bàn tay, nên nhập tâm hai bản đối chiếu vị trí Thiên-phủ với Tử-vi này, riêng 2 câu ca an Tử-vi và Thiên-phủ ở mục Tử-vi an trên bàn tay.

Riêng cung dần và cung Thân thì Tử-vi và Thiên-phủ bao giờ cũng cư đồng cung.

B - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Tử-vi Thiên-Phủ
Thiên-Phủ			Tử-vi
Thiên-Phủ			Tử-vi
Tử-Vi Thiên-Phủ	Tử-vi	Tử-vi	Tử-vi

Hai cung Tỵ và Hợi :

Tử-Vi ở cung Tỵ thì Thiên-Phủ ở Hợi cung ; và Thiên-Phủ ở cung Tỵ thì Tử-Vi ở Hợi cung.

THÍ DỤ BẢNG A

Tử-Vi ở cung Mùi sao Thiên-Phủ ở cung Dậu.

Tử-Vi ở cung Ngọ sao Thiên-Phủ ở cung Tuất.

Tử-Vi ở cung Tỵ sao Thiên-Phủ ở cung Hợi.

Tử-Vi ở cung Thìn sao Thiên-Phủ ở cung Tý.

Tử-Vi ở cung Mão sao Thiên-Phủ ở cung Sửu.

Và Vị trí của Tử-Vi Thiên-Phủ cũng ngược lại như ở Bảng B.

Như vậy là đã lập được một số lá gồm có Mệnh và Thân đủ 12 cung.

An luôn được chòm sao Tử-Vi gồm 6 sao và chòm sao Thiên-Phủ gồm 8 sao.

Cộng lại là 14 chính tinh.

CHƯƠNG 2**CÁCH LẬP THÀNH TỬ-VI TRÊN BÀN TAY**

1– Khi đã biết được năm tháng, ngày giờ sinh.

– Để ngửa bàn tay trái, và hình dung các cung trên bàn tay theo một số lá số Tử-vi an trên giấy, sẽ có các cung như hình vẽ.

Tập nhìn đi nhìn lại cho quen các địa chỉ, tức là các Cung từ Cung Tý số 1.

Cung Sửu	số 2
Cung Dần	số 3
Cung Mão	số 4
Cung Thìn	số 5
Cung Tỵ	số 6
Cung Ngọ	số 7
Cung Mùi	số 8
Cung Thân	số 9
Cung Dậu	số 10
Cung Tuất	số 11
Và Cung Hợi	số 12

thường gọi là địa-bàn gồm 12 cung, mà 12 địa chỉ Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, gắn liền với cung cố-định không thay đổi.

2– Cách an mệnh:

– Sau khi phân định được vị trí của 12 cung, nhất là cung Dần và biết giờ sinh thuộc chi nào của Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi.

– Dùng ngón tay cái để tính số.

– Bắt đầu tính cung Dần là tháng giêng.

– Mỗi cung một tháng, tính theo chiều thuận đến tháng sinh.

– Kể cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tới giờ sinh.

– Ngưng tại cung nào, an Mệnh ở cung ấy.

– Kể tiếp an các cung khác theo chiều nghịch, nhưng chỉ dùng một chữ đầu như Mạnh, Huỳnh,...Phụ mà thôi

như Mạnh-Viên

Huỳnh-đệ

Thê-thiếp (hay Phu-quân)

Tử-tức

Tài-bạch

Tật-ách hay giải ách

Thiên-ri

Nô-bộc
Quan-lộc
Điền-trạch
Phúc-đức
và cuối cùng là Phụ-mẫu

3– Các công thức cần phải nhập tâm để an Tử-vi trên bàn tay.

1– Thuộc lòng và nhìn nhận vị-trí mười hai cung trên bàn tay.

2– Danh đề của 12 tuổi.

Tên của 12 cung.

và 12 giờ sinh.

đều lấy chung ở thập nhị địa chỉ là :

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty

Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi

Nên thuộc lòng theo thứ tự của 12 địa chỉ này để dễ dàng về sau.

3– Nhập tâm các danh từ trên 12 cung, bằng cách vắn tắt chỉ dùng 12 chữ đầu của các cung.

Mạnh, Huynh, Thê, Tử, Tài, Ách

Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ

✱

TỬ-VI NAM MẠNH CA

Tử-vi thiên trung đệ nhất tinh.

Mạnh Thân tương ngộ phúc tài hưng.

Nhược phùng tướng tá cung trung hội.

Phú quý song toàn bá lạnh danh.

TẬP ĐỐI CHIẾU HÌNH VẼ BÀN TAY 12 CUNG

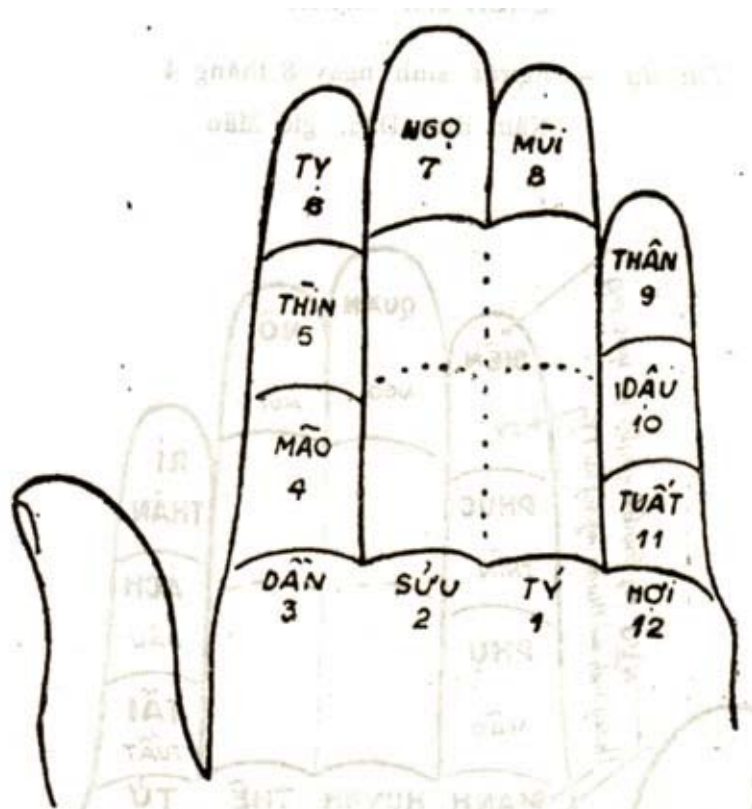
Và hình vẽ lá số 12 cung trên giấy

HÌNH VẼ 1 LÁ SỐ TRÊN GIẤY

6 Tỵ	7 Ngọ	8 Mùi	9 Thân
5 Thìn			10 Dậu
4 Mão			11 Tuất
3 Dần	2 Sửu	1 Tý	12 Hợi

← An thuận An nghịch →

- 1- Tập nhìn nhận vị trí cung Dần để biết an MẠNH và THÂN.
- 2- Vị trí cung Tý
- 3- Vị trí cung Ngọ
- 4- Vị trí cung Thìn
- 5- Vị trí cung Tuất
- 6- 2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính các sao.

HÌNH VẼ BÀN TAY GỒM 12 CUNG

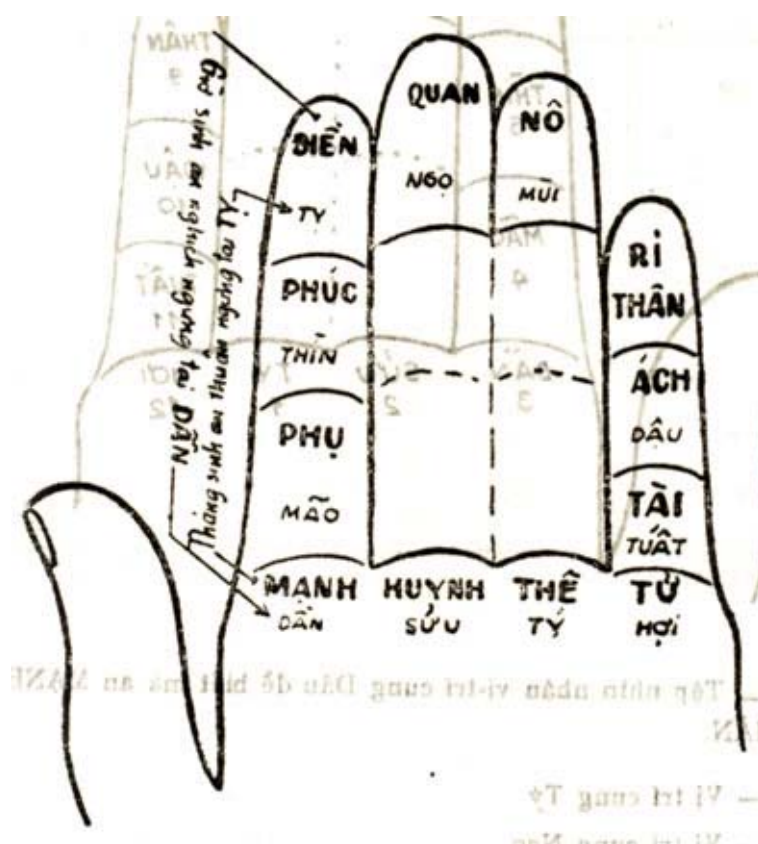
- 1 - Tập nhìn nhận vị-trí cung Dần để biết mà an MẠNH và THÂN
 - 2 - Vị trí cung Tý
 - 3 - Vị trí cung Ngọ
 - 4 - Vị trí cung Thìn
 - 5 - Vị trí cung Tuất
- 2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính nhiều các sao sau này

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP MẠNH

Thí dụ : người sinh 8 tháng 4

Năm Bính Dần Mão



thuận tới cung Tý ngưng lại

Giờ sinh tính nghịch với cung Mão ngưng lại

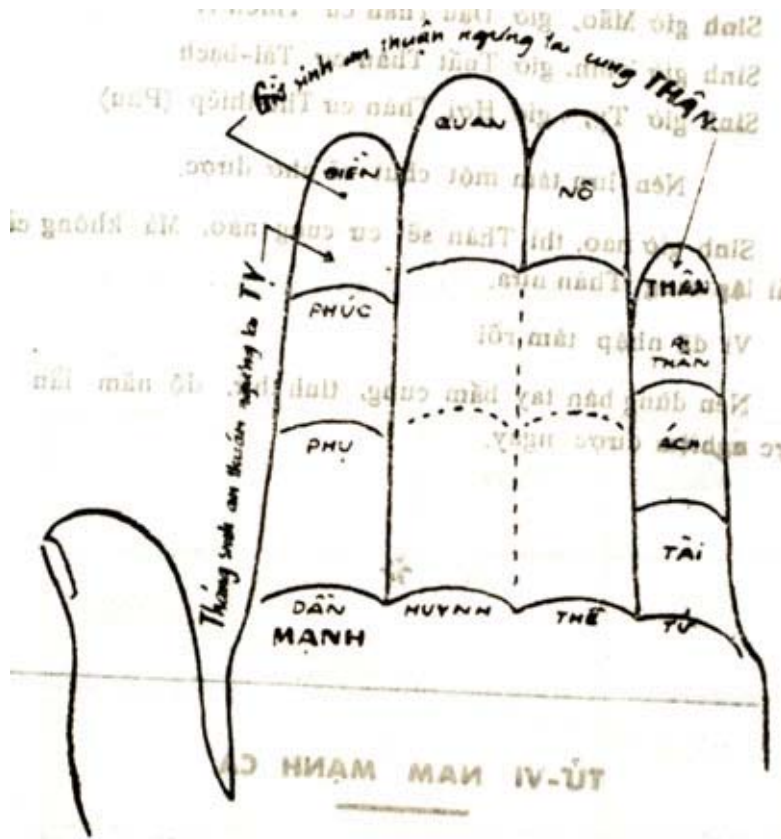
GHI NHẬN : Tháng sinh tính

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP THÂN

- Khởi từ cung Dần là tháng giêng
- Tính thuận tới tháng sinh
- Ngưng lại cung nào
- Kề cung ấy là giờ Tý
- Tính thuận tới giờ sinh

Ngưng tại cung nào
Lập Thân ở cung ấy.



NHẬN XÉT:

Thân lập tại cung Thiên-Ri vì:

- Tháng sinh tính thuận ngưng tại cung Ty.
- Giờ sinh tính thuận ngưng tại cung Thân.

BẢNG LIỆT KÊ CUNG THÂN

Thân cư tại các cung theo giờ sinh

Sinh giờ Tý thì Mạnh và Thân cư đồng cung

Sinh giờ Ngọ thì Mạnh và Thân cũng đồng cung

Sinh giờ Sửu, giờ Mùi Thân cư Phúc-đức

Sinh giờ Dần, giờ Thân Thân cư Quan-lộc

Sinh giờ Mão, giờ Dậu Thân cư Thiên-ri

Sinh giờ Thìn, giờ Tuất Thân cư Tài-bạch

Sinh giờ Tý, giờ Hợi Thân cư Thê-thiếp (Phu)

Nên lưu tâm một chút sẽ nhớ được.

Sinh giờ nào, thì Thân sẽ cư cung nào, Mà không cần phải lập cung Thân nữa.

Vì đã nhập tâm rồi

Nên dùng bàn tay bấm cung, tính thử, độ năm lần sẽ thực nghiệm được ngay.



TỬ-VI NAM MẠNH CA

Hỏa Linh Dương Đà lai tương hội.
Thất Sát đồng cung đa bất quý.
Khi nhân cô độc cánh hình thương.
Nhược thị không-môn vi cát lợi.

5- Nhập tâm các cung xung chiếu theo hình mũi tên.

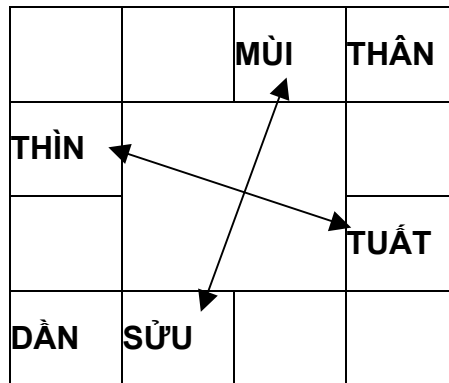
1- Cần ghi nhớ vị trí 4 cung Thìn – Tuất

Và Sửu – Mùi

để làm tiêu chuẩn, giúp cho sự nhập tâm các cung khác, vì 2 cung Thìn, Tuất để khởi tính các sao. Và 2 cung Sửu, Mùi thường hay có cách giáp biên.

ĐỐI CHIẾU

HÌNH VẼ CÁC CUNG CỰ CHIẾU TRÊN GIẤY

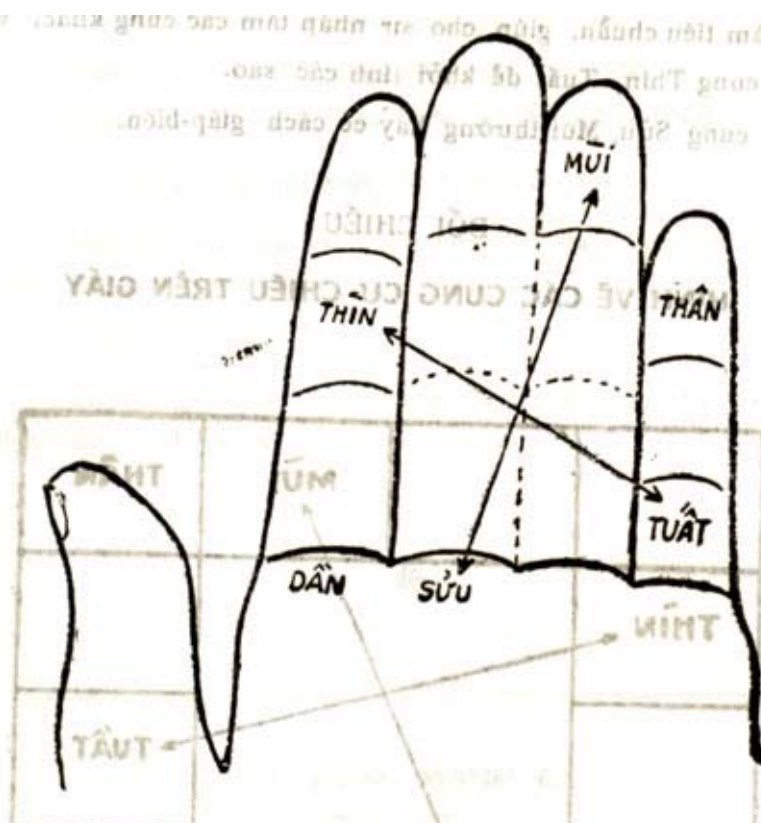


4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọi là *Tứ-Mộ*

Nhận định vị trí các cung

HÌNH VẼ CÁC CUNG XUNG CHIẾU TRÊN BÀN TAY

4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọi là *Tứ-Mộ*



Nên luôn tập ghi nhớ các cung trên bàn tay.

2 cung Thìn Tuất xung chiếu để an các sao THUẬN NGHỊCH.

2 cung Sửu Mùi thường có cách GIÁP BIÊN.

6-Phép Định Cục.

PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT

1- Đây là một mục rất quan trọng, và coi như khó nhất của khoa Tử-vi lập thành, nên lưu tâm cẩn thận.

2- Trước hết phải tìm xem tuổi thuộc can nào của thập thiên-can là:

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu
Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý

Đã được xếp sẵn song-hành cùng nhau cho việc tìm cục như sau:

Giáp Kỷ
 Ất Canh
 Bính Tân
 Đinh Nhâm
 Mậu Quý

coi như một bài thơ, đọc xuôi luôn là:

Giáp Kỷ, Ất Canh, Bính Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý
 Cứ 2 chữ một chữ, như Giáp Kỷ, rồi Ất Canh v.v...

Để sau này gặp tuổi có can nào, đọc câu thơ của can ấy lên, sẽ biết được cục của nó là cục gì ngay.

NHẬN XÉT:

Cần nhận xét bài thơ sau đây, vì trong mỗi chữ, đều có sẵn bộ chấm thủy, bộ mộc, chữ Kim, chữ Hỏa, chữ Thổ, như thế có thể biết ngay thuộc cục nào của ngũ cục.

Thí dụ: Chữ Giang có Chấm Thủy : sẽ là Thủy nhị cục.

Chữ Đăng có bộ Hỏa : sẽ là Hỏa lục cục.

Chữ Giá có bộ Mộc : sẽ là Mộc tam cục.

Chữ Bích có bộ Thổ : sẽ là Thổ ngũ cục.

Chữ Ngân có bộ Kim : sẽ là Kim tứ cục.

NHẬP TAM BÀI THƠ TÌM CỤC NÀY

GIÁP KỶ Giang Đăng Giá Bích Ngân

ẤT CANH Yên Cảnh Tích Mai Tân

BÍNH TÂN Đề Liễu Ba Ngân Trúc

ĐINH NHÂM Mai Tiến Chước Hải Trần

MẬU QUÝ Ngân Ba Đôi Chước Liễu

Ngũ hành lập cục tảo như vân

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục tòng Dần Mão cục ví chân.

✱

THIÊN-CƠ NAM MẠNH CA

Cơ-Nguyệt Thiên-Lương hợp Thái-dương.

Thường nhân phú túc trí điền trang.

Quan viên đắc ngộ Khoa Quyền Lộc.

Chức vị cao thiên diện Đế Vương.

BẢNG LIỆT KÊ CÁC CHỮ CỦA BÀI THƠ

NẾU BIẾT CHỮ HÁN

vì nếu chữ Hán, đọc chữ Giang có chấm thủy, đã biết ngay là thủy nhị cục rồi.

Các chữ kia cũng đều như thế cả

		Giáp Kỷ		
Giang	Đăng	Giá	Bính	Ngân
Thủy 2 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục

Ất Canh				
Yên	Cảnh	Tích	Mai	Tâm
Hỏa 6 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục

Bính Tân				
Đề	Liêu	Ba	Ngân	Trúc
Thổ 5 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục

Đinh Nhâm				
Mai	Tiền	Chước	Hải	Trần
Mộc 3 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục

Mậu Quý				
Ngân	Ba	Đôi	Chước	Liêu
Kim 4 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục

CHÚ Ý: Khi tính cục thì cứ 2 cung, kể là một chữ trong bài thơ.

Thí dụ: Chữ Giang chung cả hai cung Tý và Sửu

Chữ Đẳng chung cả hai cung Dần và Mão

- Tất cả 5 câu thơ để tìm cục, cùng khởi từ cung Tý Sửu
- và 1 chữ là cục chung của hai cung, khi thấy cung Mạnh cư ở hai cung ấy.
- Hai cung Dần và Mão thuộc cục nào, thì hai cung Tuất và Hợi thuộc cục ấy.

Là do nghĩa ở hai câu thơ cuối cùng.

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục lòng Dần Mão cục vi chân.

TẬP NẠP ÂM VÀ BẮM CUNG

Thí dụ : Tuổi sinh thuộc can Giáp hay Kỷ.

- Tự hình dung Giáp hay Kỷ trong trí nhớ.
- Miệng nạp âm Giang, thời ngón tay cái bắt đầu chấm vào cung Tý rồi Sửu (vì hai cung Tý Sửu ăn chung một chữ Giang, hay bắt kể chữ nào của bài thơ, cũng một chữ tính chung cho 2 cung cả)
- Kế tiếp miệng nạp âm Đẳng tay bấm vào 2 cung Dần rồi Mão.
Kế tiếp miệng nạp âm Giá tay bấm vào 2 cung Thìn rồi Ty.

Kế tiếp miệng nạp âm Bích tay bấm vào 2 cung Ngọ rồi Mùi.

Kế tiếp miệng nạp âm Ngân tay bấm vào 2 cung Thân rồi Dậu.

- 4- Như thế là hết câu thơ nạp âm của hàng can Giáp và Kỷ nhưng còn thiếu hai cung Tuất và Hợi chưa có Cục. Hãy lấy cục của hai Cung Mão Dần làm cục cho 2 cung Tuất Hợi.

Đây là cách tập nạp âm bấm cung cho tất cả các hàng can của bài thơ.

Khi nạp âm điểm cung, nên nhớ gặp Mạnh tại cung nào, ngưng tại cung ấy, cũng như nạp âm ngưng tại chữ nào là cục ấy vậy.

Bảng liệt kê, Mạnh cư cung nào, thuộc cục nào.

Thí dụ : Tuổi thuộc hành can:

Giáp Kỷ

Dùng câu thơ

Giang Đăng Giá Bích Ngân

Mạnh cư cung Tý và Sửu gặp chữ Giang là Thủy nhị cục

Mạnh cư cung Dần và Mão gặp chữ Đăng là Hỏa lục cục

Mạnh cư cung Thìn và Tỵ gặp chữ Giá là Mộc tam cục

Mạnh cư cung Ngọ và Mùi gặp chữ Bích là Thổ ngũ cục

Mạnh cư cung Thân và Dậu gặp chữ Ngân là Kim tứ cục

Mạnh cư cung Tuất và Hợi gặp chữ Đăng là Hỏa lục cục

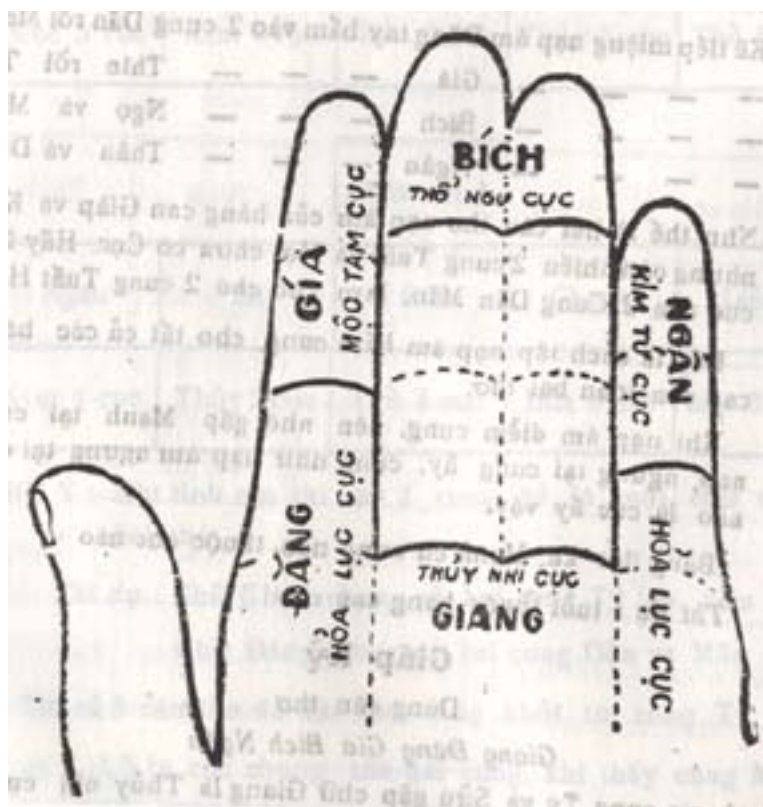
Hai cung Tuất và Hợi là Đăng vì cũng như Dần Mão.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI GIÁP KỶ

GIANG ĐĂNG GIÁ BÍCH NGÂN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục



GHI NHỚ: 1- Mạnh cư 2 cung tính chung 1 cục

2- Cục của 2 cung Dần Mão là cục của hai cung Tuất Hợi

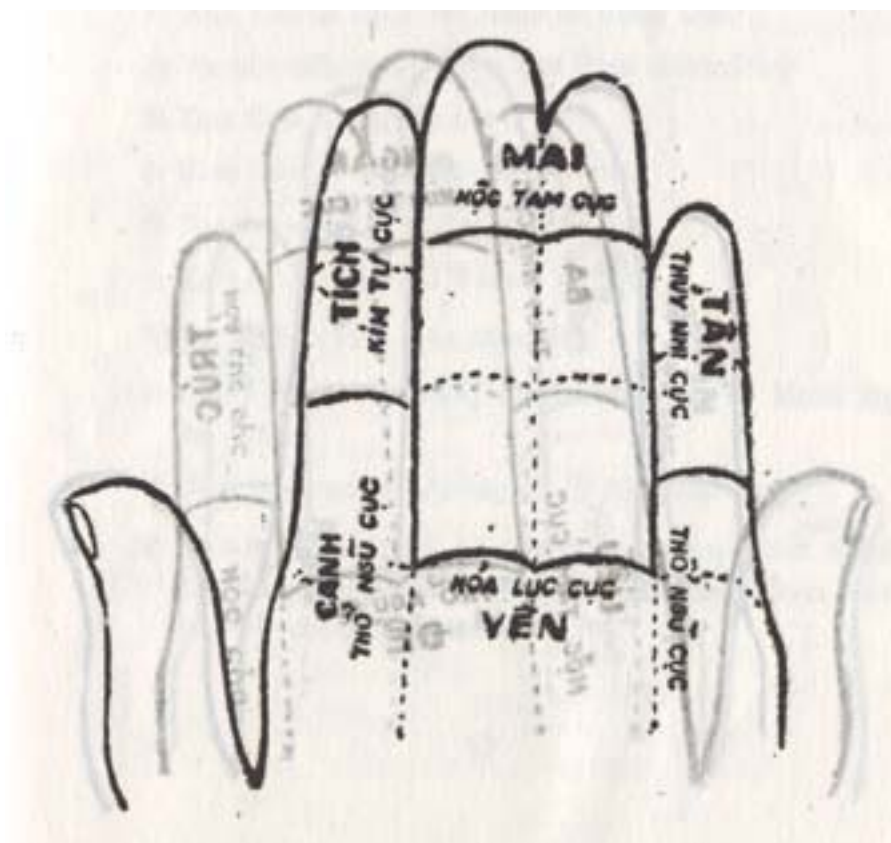
3- 2 quy luật này áp dụng chung cho cả 10 hàng can

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI ẤT CANH

YÊN CẢNH TÍCH MAI TÂN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục



Mạnh cư cung Tý Sửu là Hỏa lục cục

Mạnh cư cung Dần Mão là Thổ ngũ cục

Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Kim tứ cục

Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Mộc tam cục

Mạnh cư cung Thân Dậu là Thủy nhị cục

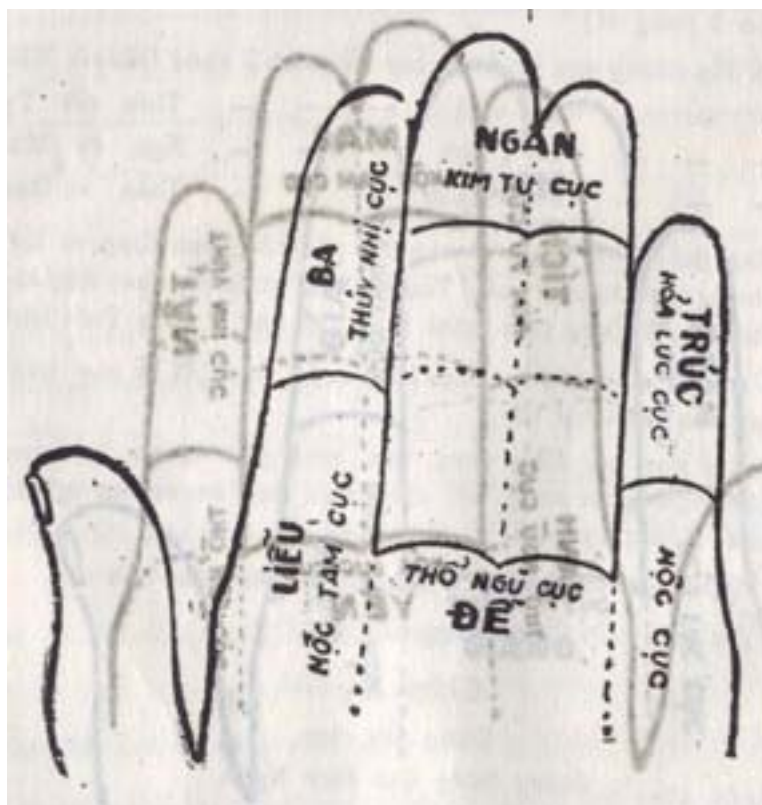
Mạnh cư cung Tuất Hợi là Thổ ngũ cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI BÍNH TÂN

ĐỀ LIẾU BA NGÂN TRÚC

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục



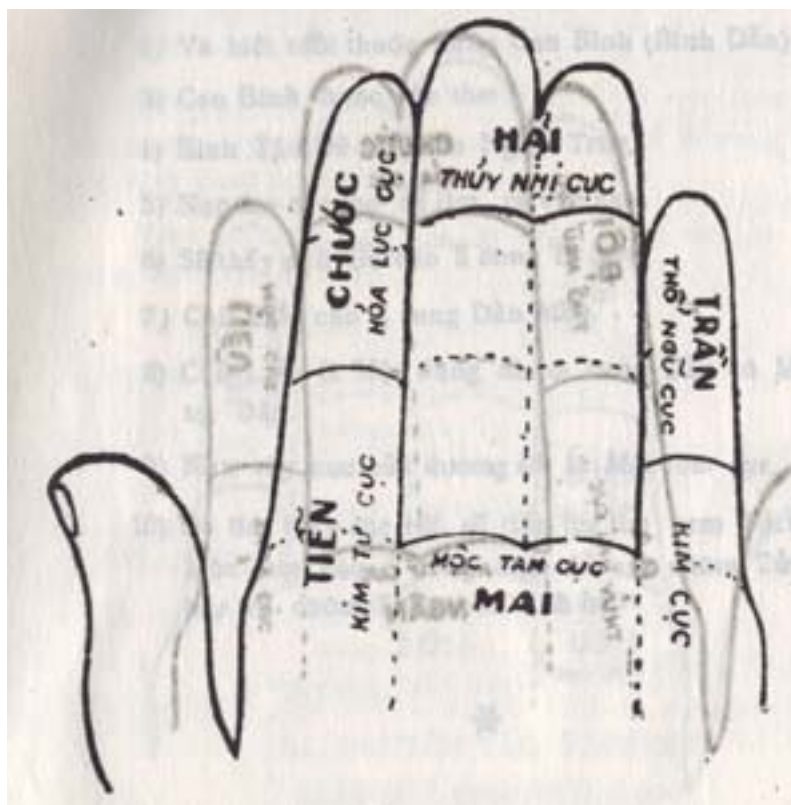
Mạnh cư cung Tý Sửu là Thổ ngũ cục
 Mạnh cư cung Dần Mão là Mộc tam cục
 Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Thủy nhị cục
 Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Kim tứ cục
 Mạnh cư cung Thân Dậu là Hỏa lục cục
 Mạnh cư cung Tuất Hợi là Mộc tam cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI ĐINH NHÂM

MAI TIỀN CHƯỚC HẢI TRẦN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục



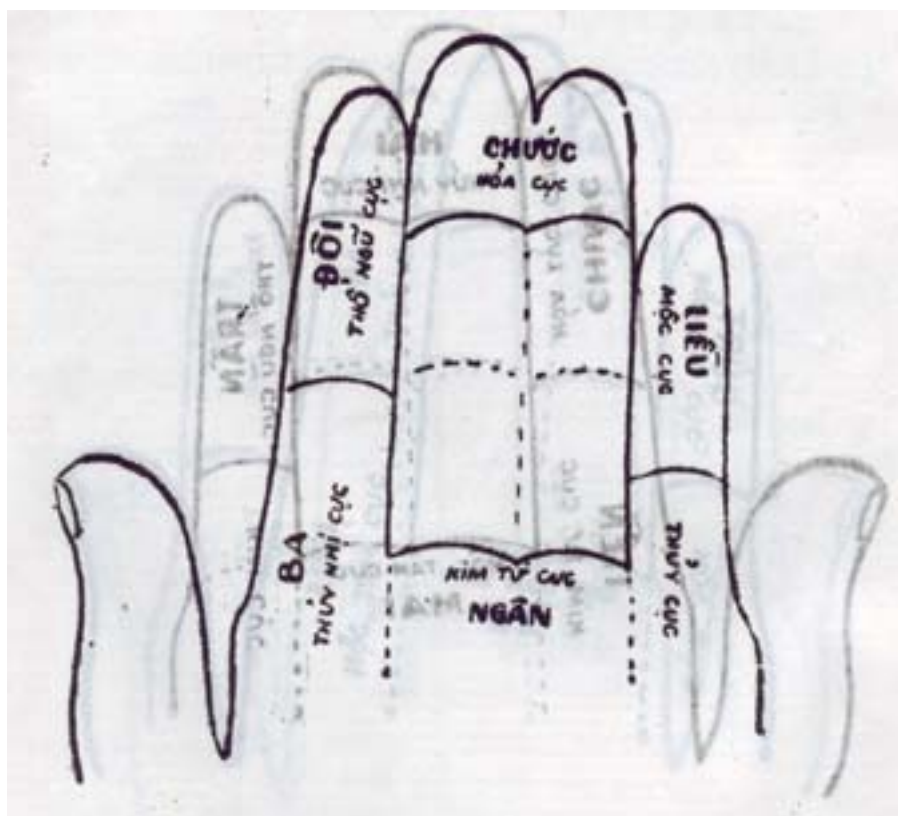
Mạnh cư cung Tý Sửu là Mộc tam cục
 Mạnh cư cung Dần Mão là Kim tứ cục
 Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Hỏa lục cục
 Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Thủy nhị cục
 Mạnh cư cung Thân Dậu là Thổ ngũ cục
 Mạnh cư cung Tuất Hợi là Kim tứ cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI MẬU QUÝ

NGÂN BÀ ĐÔI TRƯỚC LIỄU

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục



Mạnh cư cung Tý Sửu là Kim tứ cục
 Mạnh cư cung Dần Mão là Thủy nhị cục
 Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Thổ ngũ cục
 Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Hỏa lục cục
 Mạnh cư cung Thân Dậu là Mộc tam cục
 Mạnh cư cung Tuất Hợi là Thủy nhị cục

THÍ DỤ ĐỂ TÌM CỤC

Đương số sinh ngày mùng 8 tháng 4

Năm Bính Dần giờ Mão

- 1) Như trên đã lập được Mạnh tại cung Dần
- 2) Và biết tuổi thuộc hàng Can Bính (Bính Dần)
- 3) Can Bính thuộc câu thơ:
- 4) Bính Tân Đề Liễu Ba Ngân Trúc
- 5) Nạp âm câu thơ để tìm ra cục nào
- 6) Sẽ thấy chữ Đề cho hai cung Tý Sửu
- 7) Chữ Liễu cho hai cung Dần Mão
- 8) Chữ Liễu là Mộc đựng nhằm cung Dần có mạnh lập tại Dần
- 9) Như vậy cục của đương số là Mộc tam cục
- 10) Đã tìm thấy cục rồi, sẽ tiếp tục tìm xem Tử vi thuộc Mộc tam cục ở cung nào, để an chòm Tử vi tinh hệ và chòm Thiên phủ tinh hệ.

✱

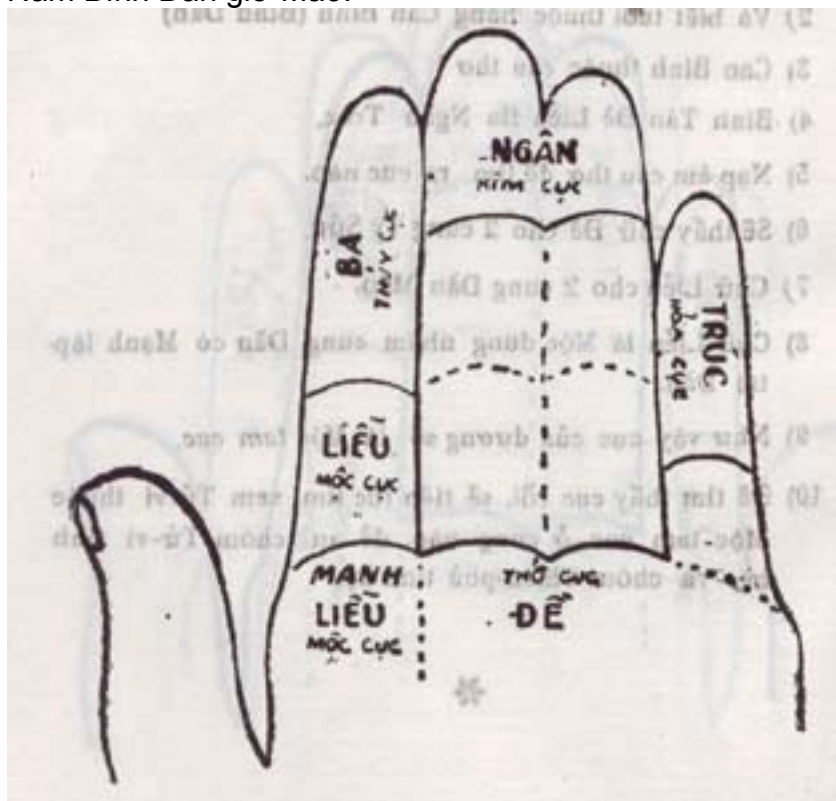
THÁI DƯƠNG NAM MẠNH CA

Mạnh lý Dương phùng phúc thọ nùng.
 Cánh kim Quyền Lộc lưỡng tương phùng.

Khô Xương Tả Hữu lai tương tấu.

ÁP DỤNG TÌM CỤC

Cho đương số sinh ngày mùng 8 tháng 4
Năm Bính Dần giờ Mão.



NHẬN XÉT: Sinh mùng 8-4 Bính Dần, giờ Mão
Mạnh cư cung Dần
Nạp âm Liễu nhằm cung Dần.
Và cục là Mộc tam cục

1- Định cục:

Theo phương pháp thứ 2

KHÔNG CẦN BIẾT CHỮ HÁN

A- Nếu biết chữ Hán, thì bài thơ trên thật là đơn giản. Vì đọc đến đâu sẽ biết ngay được cục gì, vì mỗi chữ Giang, Đẳng hay các chữ khác của bài thơ định cục đều có các chữ kim, chữ mộc hay chữ thủy ẩn ở trong.

Nhưng nếu không biết chữ Hán, thì nên theo phương pháp dưới đây để dễ ghi nhớ hơn, thường là phương pháp của các thầy hành nghề thiếu thị giác.

Trên mặt bàn tay trái, sau khi phân chia ra vị trí các cung thập nhị địa chi.

Ta hãy chia bàn tay thành 2 phần:

a) **PHẦN TRÊN CÓ CÁC CUNG:**

Cung Thìn Tỵ
Cung Ngọ Mùi
Và cung Thân Dậu

b) **PHẦN DƯỚI CÓ CÁC CUNG:**

Cung Dần Mão
Cung Tý Sửu
Và cung Tuất Hợi

B- NGUYÊN TẮC ĐỊNH CỤC

Mạnh cư hai cung kề lại là một cục

- 1) Vì thập thiên can như một bài thơ nhập tâm,
Nhập tâm luôn thứ tự thập can này.
Vì chỉ có năm hàng thứ tự mà thôi.
Và hai hàng can đều dùng chung 1 câu thơ để nạp âm tìm cục.

THƠ

Giáp Kỷ

ất Canh

Bính Tân

Đinh Nhâm

Mậu Quý

Thí dụ: Nói tới hàng can Mậu hay Quý, biết ngay là thuộc thứ tự hàng thứ 5
Nói tới hàng can Bính Tân, biết ngay là thuộc thứ tự hàng thứ 3.
Bài thơ thập can này áp dụng cho cả 6 cung thuộc nửa bàn tay trên.
Và 6 cung thuộc nửa bàn tay dưới

2) Bài thơ Mộc Thổ Kim Định cục

Cho 6 cung thuộc nửa bàn tay trên

Nhập tâm luôn các chữ Mộc Thổ Kim Thủy Hỏa dưới đây như một bài thơ

Vì là bài thơ, dùng để nạp âm định cục cho 6 cung phần trên bàn tay

6 cung phần trên, nhập lại 2 cung một, thành ra chỉ còn có 3 cung để định cục

Vì nguyên tắc định cục, cứ 2 cung của Mạnh cư, là một chữ của bài thơ định cục

BÀI THƠ ĐỊNH CỤC

Của 6 cung thuộc nửa trên của bàn tay

Mộc Thổ Kim

Kim Mộc Thủy

Thủy Kim Hỏa

Hỏa Thủy Thổ

Thổ Hỏa Mộc

NGUYÊN TẮC ĐỂ GHI NHỚ

Vì bài thơ thập can có 5 hàng

Bài thơ định cục cũng có 5 hàng

- Thí dụ1: Khi muốn tìm cục cho tuổi thuộc can Giáp hay can Kỷ. Đọc hàng thứ nhất của bài thơ định cục Mộc Thổ Kim dùng ngón tay cái bấm vào 6 cung trên của bàn tay.
Cứ 1 chữ Mộc, hay Thổ hay Kim ấn chung 2 cung.
Thấy Mạnh cư cung nào
Nạp âm ngưng tại cung ấy.
Nạp âm gặp chữ Mộc biết là Mộc tam cục.
Nạp âm gặp chữ Thổ biết là Thổ ngũ cục.
Nạp âm gặp chữ Kim biết là Kim tứ cục.

TÌM CỤC HÀNG CAN ẤT VÀ CANH

Thí dụ 2: Muốn tìm cục cho 2 can ất Canh.

Đọc câu Kim Mộc Thủy mà nạp âm.

ất Canh thuộc thứ tự hàng 2.

Kim Mộc Thủy cũng thuộc thứ tự hàng 2 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN BÍNH TÂN

Thí dụ 3: Muốn tìm cục cho 2 can Bính và Tân.

Đọc câu Thủy Kim Hỏa mà nạp âm.

Bính Tân thuộc thứ tự hàng 3.

Thủy Kim Hỏa cũng thuộc thứ tự hàng 3 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN ĐINH VÀ NHÂM

Thí dụ 4: Muốn tìm cục cho 2 can Đinh và Nhâm.

Đọc câu Hỏa Thủy Thổ mà nạp âm.

Đinh Nhâm thuộc thứ tự hàng 4.

Hỏa Thủy Thổ cũng thuộc hàng 4 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN MẬU VÀ QUÝ

Thí dụ 5: Muốn tìm cục cho 2 can Mậu và Quý.

Đọc câu Thổ Hỏa Mộc mà nạp âm.

Mậu Quý thuộc thứ tự hàng 5.

Thổ Hỏa Mộc cũng thuộc hàng 5 của bài thơ định cục.

✱

VỮ KHÚC NAM MẠNH CA

Vũ-khúc thủ mạnh hóa vi quyền.

Cát diệu lai lâm phúc thọ tuyên.

Chí khí chênh vênh đa xuất chúng

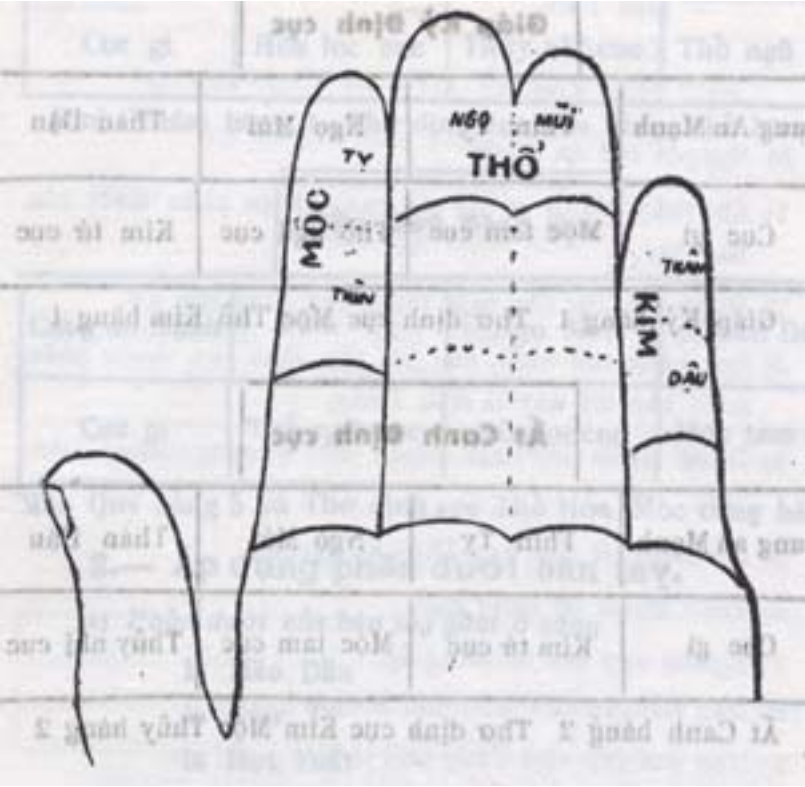
Siêu phàm nhập thánh hướng nhân tiên.

ĐỊNH CỤC

Áp dụng cho 6 cung thuộc nửa trên bàn tay

CAN GIÁP KỲ

Thơ Mộc Thổ Kim



Giáp Kỷ Định Cục		
Cung An Mạnh		
Thìn Ty	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Mộc 3 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục

BẢNG TÌM CỤC CỦA THẬP THIÊN CAN

Áp dụng 6 cung phần trên bàn tay

Giáp Kỷ Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Mộc tam cục	Thổ ngũ cục	Kim tứ cục

Giáp Kỷ hàng 1 Thơ định cục Mộc Thổ Kim hàng 1

Ất Canh Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Kim tứ cục	Mộc tam cục	Thủy nhị cục

Ất Canh hàng 2 Thơ định cục Kim Mộc Thủy hàng 2

Bính Tân Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Hỏa nhị cục	Kim tứ cục	Thủy lục cục

Đinh Nhâm Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Hỏa lục cục	Thủy nhị cục	Thổ ngũ cục

Đinh Nhâm hàng 4 Thơ định cục Hỏa Thủy Thổ hàng 4

Mậu Quý Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Thổ ngũ cục	Hỏa lục cục	Mộc tam cục

Mậu Quý hàng 5 và Thơ định cục Thủy Hỏa Thổ cũng hàng 5

2- Áp dụng phần dưới bàn tay

a) Phần dưới của bàn tay gồm 6 cung

là Mão Dần

là Sửu Tý

là Hợi Tuất

cũng dùng bài thơ thập thiên can, và chỉ cần ghi nhớ thứ tự 5 hàng của nó

Và nhập tâm bài thơ dưới đây, để định cục cho 4 cung Mão, Dần, Sửu, Tý ở phần dưới bàn tay.

Vì 2 cung Mão Dần thuộc cục nào.

2 cung Tuất Hợi thuộc cục ấy.

Hơn nữa nguyên tắc định cục, thời 2 cung nhập chung 1 cục. Nên tại sao bài thơ này chỉ có 2 chữ mà thôi.

BÀI THƠ

Định cục phần dưới bàn tay

Hỏa Thủy

Thổ Hỏa

Mộc Thổ

Kim Mộc

Thủy Kim

b) *Nguyên tắc áp dụng*

- 1) Khi thấy mạnh cư tại các cung thuộc phần dưới của bàn tay.
- 2) Muốn tìm cục cho tuổi thuộc can Giáp hay Kỷ.
- 3) Đọc hàng thứ nhất của bài thơ định cục, thuộc phần dưới bàn tay này là Hỏa Thủy.
- 4) Dùng ngón tay cái bấm vào 4 cung Mão, Dần, Sửu, Tý.
- 5) Cứ mỗi chữ Hỏa hay Thủy ăn hai cung.
- 6) Thấy Mạnh cư cung nào.
- 7) Ngưng nạp âm tại cung ấy.
- 8) Nạp âm gặp chữ Hỏa biết là Hỏa lục cục.
- 9) Nạp âm gặp chữ Thủy biết là Thủy nhị cục.
- 10) Nếu Mạnh cư cung Tuất Hợi, thì lấy cục của 2 cung Mão Dần làm cục của 2 cung Tuất Hợi.

PHẦN CÒN LẠI

- 1) Muốn tìm cục cho 2 can *Ất Canh*.
Đọc câu thơ thứ 2 *Thổ Hỏa* để nạp âm.

- 2) Muốn tìm cục cho 2 can *Bính Tân*.
Đọc câu thơ thứ 3 *Mộc Thổ* để nạp âm.

- 3) Muốn tìm cục cho 2 can *Đinh Nhâm*.
Đọc câu thơ thứ 4 *Kim Mộc* để nạp âm.

- 4) Muốn tìm cục cho 2 can *Mậu Quý*.
Đọc câu thơ thứ 5 *Thủy Kim* để nạp âm.

Riêng cục của 2 cung *Tuất Hợi* là cục của 2 cung *Dần Mão*.

BẢNG TÌM CỤC CỦA THẬP THIÊN CAN

Áp dụng 4 cung phần dưới bàn tay.

Giáp kỷ định cục

Cung an Mạnh	Mão Dần	Sửu Tý
Cục gì	Hỏa lục cục	Thủy nhị cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Ất Canh định cục

Cung an Mạnh	Mão Dần	Sửu Tý
Cục gì	Thổ ngũ cục	Hỏa lục cục

Cục của 2 cung Mão dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Bính Tân định cục

Cung an Mạnh	Mão Dần	Sửu Tý
Cục gì	Mộc tam cục	Thổ ngũ cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Đinh Nhâm định cục

Cung an Mạnh	Mão Dần	Sửu Tý
Cục gì	Kim tứ cục	Mộc tam cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Mậu Quý định cục

Cung an Mạnh	Mão Dần	Sửu Tý
Cục gì	Thủy nhị cục	Kim tứ cục

Cục của 2 cung Mão dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

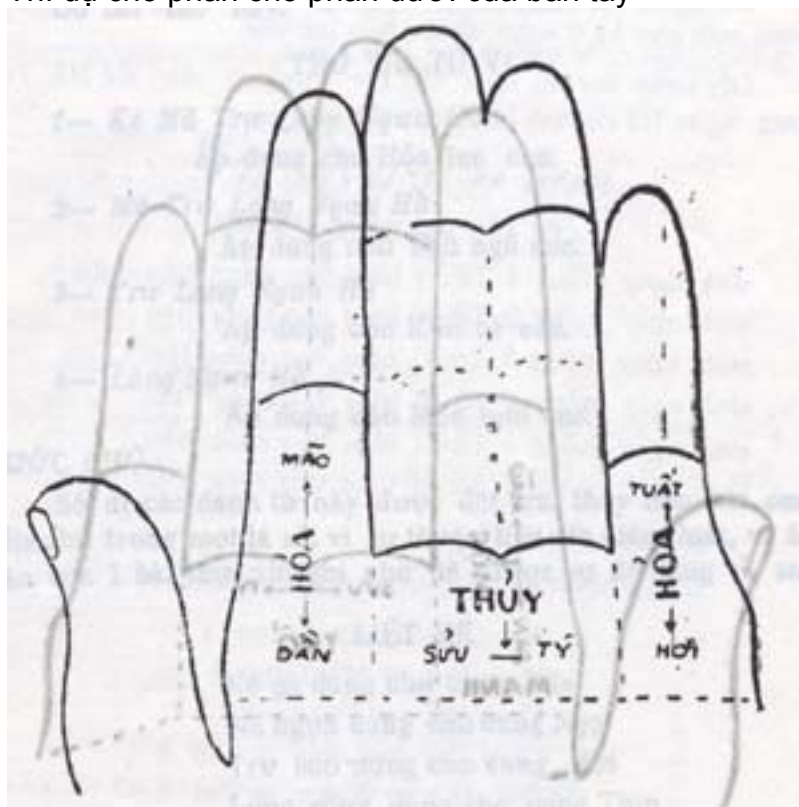
CƯỚC CHÚ: Xin quan sát kỹ càng các hình 13 – 14 – 15 làm thí dụ, để áp dụng định cục cho 4 hàng can đôi còn lại là Ất Canh, Bính Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý không có hình vẽ bàn tay làm thí dụ.

Cùng một định luật tìm cục này, khi đã hiểu biết nguyên tắc của tuổi Giáp và Kỷ một cách kỹ càng, sau khi tập nạp âm và bấm cung, sẽ rất dễ dàng cho các tuổi khác khi muốn tìm cục.

HÌNH VẼ TÌM CỤC CỦA TUỔI

GIÁP VÀ KỶ

Thí dụ cho phần cho phần dưới của bàn tay



NẠP ÂM TÌM CỤC

Chữ Hỏa chung cho 2 cung Dần Mão là Hỏa lục cục.

Chữ Thủy chung cho 2 cung Sửu Tý là Thủy nhị cục.

Hai cung Tuất Hợi bỏ trống không phải nạp âm.

Vì cục của 2 cung Dần Mão là cục của 2 cung Tuất Hợi

GHI NHỚ:

Mạnh cư 2 cung tính chung 1 cục.

Cung Mạnh gặp chữ Hỏa là Hỏa lục cục.

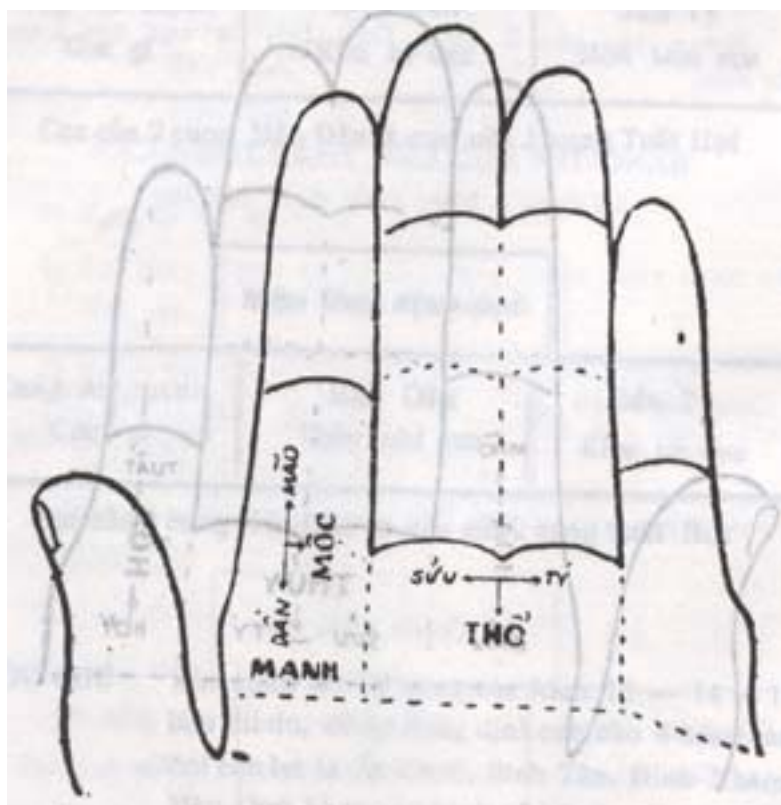
Cung Mạng gặp chữ Thủy là Thủy nhị cục.

CÁCH TÌM CỤC

Một thí dụ chung để nhận xét.

Đương số sinh ngày mùng 8 tháng 4

Năm Bính Dần giờ Mão.



Như trên đã lập được Mạnh tại cung Dần.
 Và biết tuổi thuộc hàng can Bính (Bính Dần).
 Cung dần ở phần dưới của bàn tay.
 Can Bính thuộc câu thơ thứ 3 Mộc Thổ.
 nạp âm của câu thơ Mộc Thổ để tìm cục gì.
 sẽ thấy chữ Mộc gặp Mạnh tại cung Dần.
 như vậy là đương số thuộc Mộc tam cục.

Tiếp tục tìm Tử-vi ở cung nào, để an chòm Tử-vi tinh hệ và chòm sao Thiên-phủ tinh-hệ.

PHƯƠNG PHÁP TÌM TỬ-VI

Sau khi đã định được cục tiếp tục tìm Tử-vi.
 Nguyên tắc tìm Tử-vi ở cung nào.
 Do bài thơ này.

THƠ TÌM TỬ-VI

- 1- Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ
 Áp dụng cho Hỏa lục cục.
- 2- Mã Trư Long Ngưu Hổ
 Áp dụng cho Thổ ngũ cục.
- 3- Trư Long Ngưu Hổ
 Áp dụng cho Kim tứ cục.
- 4- Long Ngưu Hổ
 Áp dụng cho Mộc tam cục.

CƯỚC CHÚ:

Sở dĩ các danh từ này được đặt ra, thay cho các cung (địa chỉ) trong 1 lá số, vì sự thuận tiện các niêm luật, và âm vận của 1 bài thơ, xin ghi nhớ để được sự dễ dàng về sau.

LIỆT KÊ

Kê gà dùng cho cung Dậu
 Mã ngựa dùng cho cung Ngọ
 Trư heo dùng cho cung Hợi
 Long rồng dùng cho cung Thìn

Ngưu trâu dùng cho cung Sửu
 Hồ cạp dùng cho cung Dần
 Còn lại 6 danh từ khác nữa
 Thỏ mèo dùng cho cung Mão
 Xà rắn dùng cho cung Tỵ
 Dương dê dùng cho cung Mùi
 Hầu khỉ dùng cho cung Thân
 Khuyển chó dùng cho cung Tuất
 Thử chuột dùng cho cung Tý

Hỏa Lục Cục Dụng

Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ

Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ là vị trí Tử-vi cư tại 6 cung, trong 1 chu kỳ 6 ngày, thuộc Hỏa lục cục.

Lấy ngón tay cái bấm vào các cung có tên Kê Mã Trư Long Hồ cho tới khi nhập tâm được.

BẢNG AN TỬ-VI CHU KỲ

Tập bấm vào cung như sau

Sinh ngày mùng 1 Tử-vi bấm vào cung Dậu : Kê
 Sinh ngày mùng 2 Tử-vi bấm vào cung Ngọ : Ngựa
 Sinh ngày mùng 3 Tử-vi bấm vào cung Hợi : Heo
 Sinh ngày mùng 4 Tử-vi bấm vào cung Thìn : Long
 Sinh ngày mùng 5 Tử-vi bấm vào cung Sửu : Ngưu
 Sinh ngày mùng 6 Tử-vi bấm vào cung Dần : Hồ

Mỗi chu kỳ là 6 ngày

Mà Kê Mã Long Trư Hồ là 6 chữ

Theo thứ tự Kê là thứ 1

Theo thứ tự Mã là thứ 2

Theo thứ tự Trư là thứ 3

Theo thứ tự Long là thứ 4

Theo thứ tự Ngưu là thứ 5

Theo thứ tự Hồ là thứ 6

Khi nói tới sinh ngày mùng 1 biết ngay là Kê

Khi nói tới sinh ngày mùng 2 biết ngay là Trư

Khi nói tới sinh ngày mùng 3 biết ngay là Hồ

Tập nạp âm và bấm cung cung cho quen, để khi nói tới Kê, Trư hay Hồ, sẽ biết ngay là cung Dậu, Hợi hay Dần.

Biết bấm vào cung để an Tử-vi từ mùng 1 tới mùng 6 theo qui luật Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ, mà không bị.

CÁCH CHUYỂN TỬ-VI

của Chu Kỳ 2 (theo ngày sinh)

Thí dụ sinh ngày mùng 9

Lấy 9 trừ đi 1 chu kỳ 6 ngày, sẽ còn thừa lại 3 ngày.

Đương nhiên coi 3 ngày còn lại này như sinh ngày mùng 3 vậy.

Nếu sinh ngày mùng 3

Thời sẽ trở lại như ngày sinh từ ngày mùng 1 tới mùng 6.

Trư là thứ tự thứ 3 đã an Tử-vi của chu kỳ 1.

Và Trư là cung Hợi.

Cung Hợi chuyển thuận đi 1 cung là cung Tý.

Tức là Tử-vi sẽ an ở cung Tý

Vì sinh mùng 9 là chu kỳ 2, nên phải chuyển thêm 1 cung

Và cứ thế mà chuyển thuận thêm mỗi cung cho mỗi chu kỳ theo ngày sinh.

PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN CUNG

Tùy theo chu kỳ

của Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ

Lấy ngày sinh trừ đi bao nhiêu lần 6.

Còn dư lại bao nhiêu ngày kể là 1 chu kỳ.

1 chu kỳ này cộng với bao nhiêu lần 6, là số dư căn cứ để chuyển bấy nhiêu cung cho Tử-vi.

Thí dụ: sinh ngày 28

Bốn lần 6 là $24 : 4 \times 6 : 24$

Lấy $28 - 24$: còn lại 4 ngày

4 ngày dư lại kể là 1 chu kỳ

Lấy $4 + 1 : 5$ tức là chu kỳ thứ 5

Phải chuyển thuận Tử-vi đi cung 5

ÁP DỤNG: Đương nhiên coi 4 ngày còn lại như sinh ngày mùng 4 của chu kỳ 1 để an Tử-vi.

Nếu sinh ngày mùng 4.

Thì sẽ trở lại như sinh ngày mùng 1 đến mùng 6

Mà Long là thứ tự thứ 4 để an Tử-vi của chu kỳ 1.

Và Long là cung Thìn

Cung Thìn chuyển thuận đi 5 cung là cung Thân

Tức là Tử-vi sẽ an ở cung Thân

Vì sinh ngày 28 là chu kỳ thứ 5 vậy.

CUỘC CHÚ:

Xin xem các hình vẽ ở sau để đối chiếu và kiểm điểm.

1- Vị trí của Tử-vi theo các cục

2- Và phương pháp chuyển cung, tùy theo chu kỳ tính theo ngày sinh.

3- Lấy ngày sinh trừ cho bao nhiêu chu kỳ, số ngày sinh thừa lại, đương nhiên coi như sinh từ mùng 1 tới mùng 6 mà an Tử-vi theo lúc ban đầu.

✱

THIÊN ĐỒNG NAM MẠNH CA

Thiên-đồng tọa mạnh tính ôn lương.

Phúc lộc du du thọ cánh trường.

nhược thị phúc nhân cư miếu vượng.

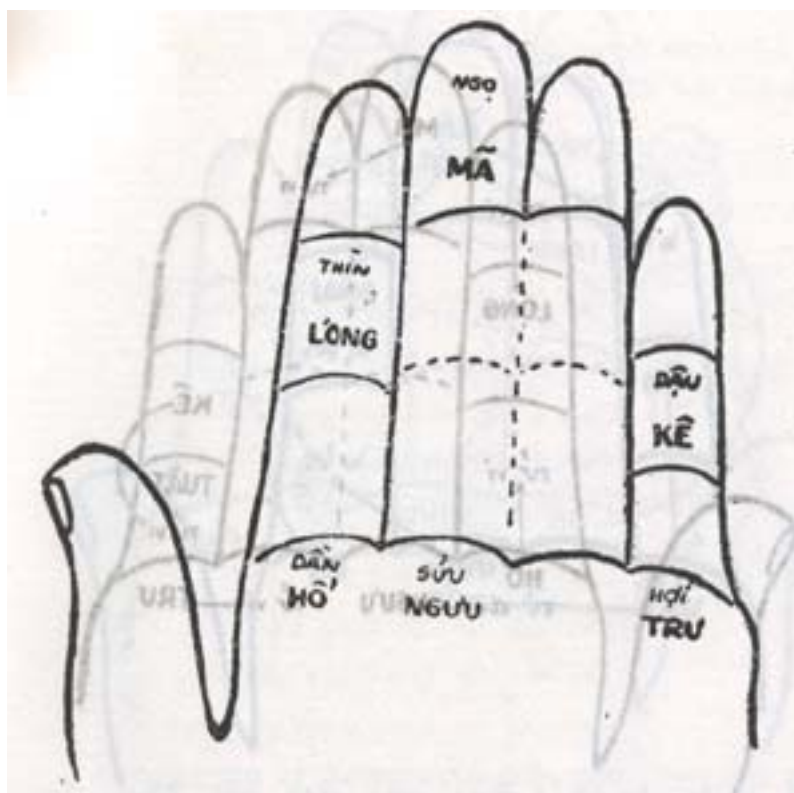
định giao thực lộc dự truyền dương.

Vị trí của Tử-vi thuộc

HÒA LỘC CỤC

Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ

(1 chu kỳ là 6 ngày)



Biết được quy luật của Hỏa lục cục là Tử-vi an tại 6 cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ.

Sinh mồng 1 Tử-vi an tại Dậu là Kê.

Sinh mồng 2 Tử-vi an tại Ngọ là Mã.

Sinh mồng 3 Tử-vi an tại Hợi là Trư.

Sinh mồng 4 Tử-vi an tại Thìn là Long.

Sinh mồng 5 Tử-vi an tại Sửu là Ngưu.

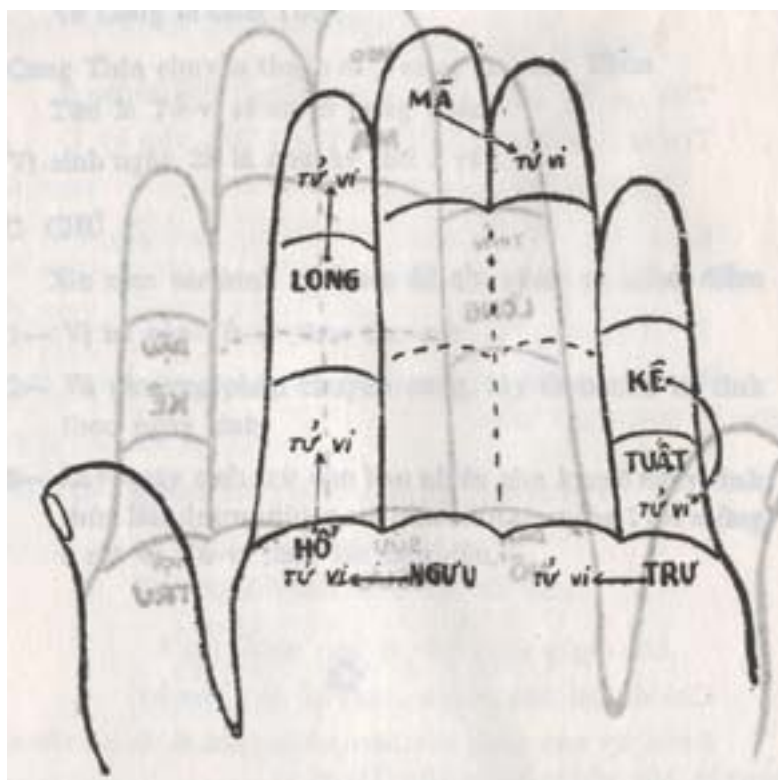
Sinh mồng 6 Tử-vi an tại Dần là Hổ.

Chu kỳ 2 chuyển Tử-vi thuận 1 cung

Sinh từ 7-8-9-10-11-12 thuộc

HỎA LỤC CỤC

Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vi thuộc chu kỳ 2 theo ngày sinh nên Tử-vi tại các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ phải chuyển thuật 1 cung.

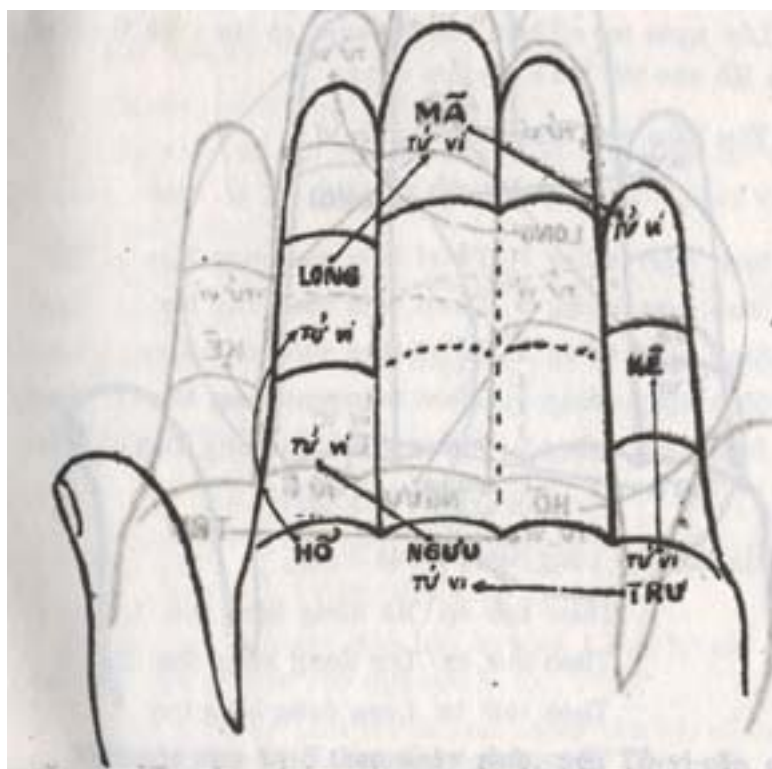
Sinh mồng 7 Tử-vi tại Kê là Dậu sang cung Tuất.
 Sinh mồng 8 Tử-vi tại Mã là Ngọ sang cung Mùi.
 Sinh mồng 9 Tử-vi tại Trư là Hợi sang cung Tý.
 Sinh mồng 10 Tử-vi tại Long là Thìn sang cung Ty.
 Sinh mồng 11 Tử-vi tại Ngưu là Sửu sang cung Dần.
 Sinh mồng 12 Tử-vi tại Hồ là Dần sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 3

Sinh từ 13-14-15-16-17-18 thuộc

HỎA LỰC CỤC

Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ



Vì thuộc chu kỳ 3 theo ngày sinh nên Tử-vi tạt các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phải chuyển thuận sang cung thứ 3

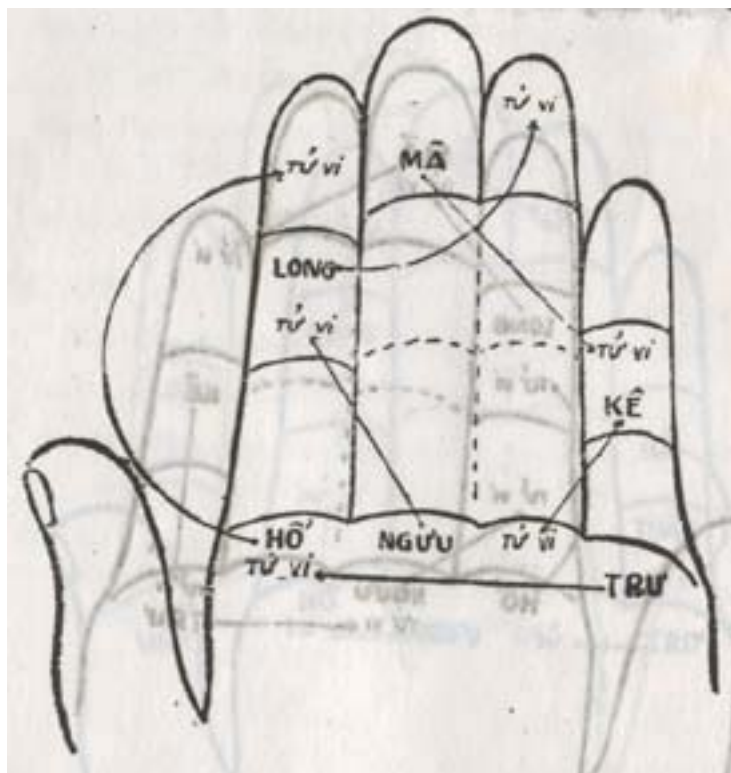
- Sinh ngày 13 Tử-vi căn cứ ở Kê sang cung Hợi.
- Sinh ngày 14 Tử-vi căn cứ ở Mã sang cung Thân.
- Sinh ngày 15 Tử-vi căn cứ ở Trư sang cung Sửu.
- Sinh ngày 16 Tử-vi căn cứ ở Long sang cung Ngọ.
- Sinh ngày 17 Tử-vi căn cứ ở Ngưu sang cung Mão.
- Sinh ngày 18 Tử-vi căn cứ ở Hổ sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 4

Sinh từ 19-20-21-22-23-24 thuộc

HỎA LỤC CỤC

Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ



Vi thuộc chu kỳ 4 theo ngày sinh nên Tử-vi căn cứ tại các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ phải chuyển sang cung thứ 4.

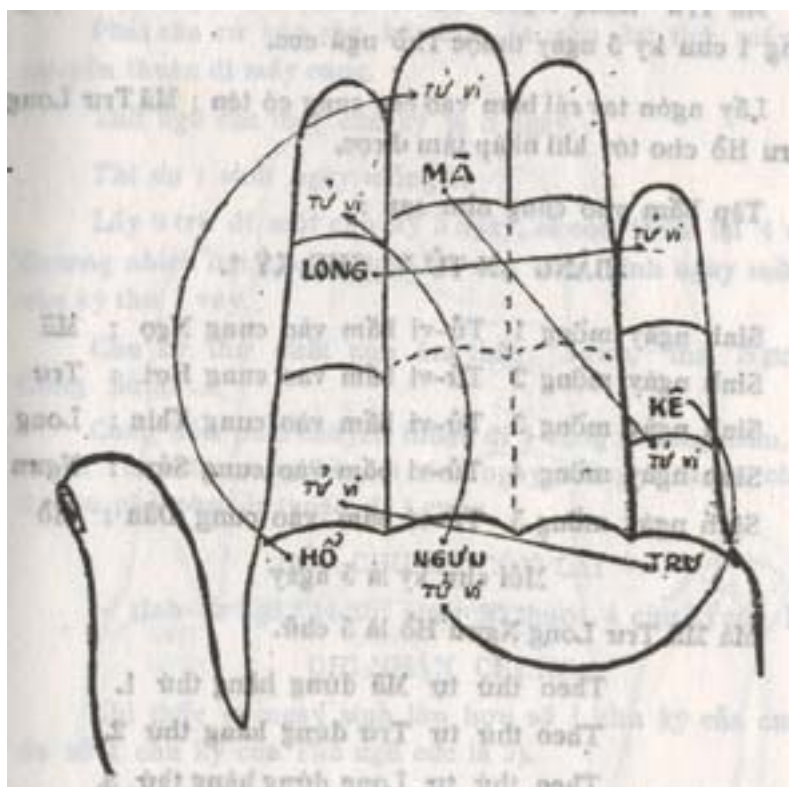
- Sinh ngày 19 Tử-vi căn cứ ở Kê sang cung Tý.
- Sinh ngày 20 Tử-vi căn cứ ở Mã sang cung Dậu.
- Sinh ngày 21 Tử-vi căn cứ ở Trư sang cung Dần.
- Sinh ngày 22 Tử-vi căn cứ ở Long sang cung Mùi.
- Sinh ngày 23 Tử-vi căn cứ ở Ngưu sang cung Thìn.
- Sinh ngày 24 Tử-vi căn cứ ở Hồ sang cung Tý.

Chu kỳ 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 5

Sinh từ 25-26-27-28-29-30 thuộc

HỎA LỤC CỤC

Vị trí Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì thuộc chu kỳ 5 theo ngày sinh, nên Tử-vi căn cứ tại các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phải chuyển thuận sang cung thứ 5.

Sinh ngày 25 Tử-vi căn cứ tại Kê sang cung Sửu.

Sinh ngày 26 Tử-vi căn cứ tại Mã sang cung Mão.

Sinh ngày 27 Tử-vi căn cứ tại Trư sang cung Tuất.

Sinh ngày 28 Tử-vi căn cứ tại Long sang cung Thân.

Sinh ngày 29 Tử-vi căn cứ tại Ngưu sang cung Tỵ.

Sinh ngày 30 Tử-vi căn cứ tại Hổ sang cung Ngọ.

Phương pháp tìm Tử-vi

Thổ ngũ cục dụng

Mã Trư Long Ngưu Hổ

Mã Trư Long Ngưu Hổ là vị trí Tử-vi cư tại 5 cung, trong 1 chu kỳ 5 ngày thuộc Thổ ngũ cục.

Lấy ngón tay bấm vào các cung có tên Mã Trư Long Ngưu Hổ cho tới khi nhập tâm được.

Tập bấm vào cung như sau:

BẢNG AN TỬ-VI CHU KỲ

Sinh ngày mùng 1 Tử-vi bấm vào cung Ngọ : Mã.

Sinh ngày mùng 2 Tử-vi bấm vào cung Hợi : Trư.

Sinh ngày mùng 3 Tử-vi bấm vào cung Thìn : Long.

Sinh ngày mùng 4 Tử-vi bấm vào cung Sửu : Ngưu.

Sinh ngày mùng 5 Tử-vi bấm vào cung Dần : Hổ.

Mỗi chu kỳ là 5 ngày

Mà Mã Trư Long Ngưu Hổ là 5 chữ.

Theo thứ tự Mã đứng hàng thứ 1.

Theo thứ tự Trư đứng hàng thứ 2.

Theo thứ tự Long đứng hàng thứ 3.

Theo thứ tự Ngưu đứng hàng thứ 4.

Theo thứ tự Hổ đứng hàng thứ 5.

_ Khi nói tới sinh ngày mồng 2, biết an Tử-vi ở Trư.

_ Hay là sinh ngày mồng 5, biết an Tử-vi tại cung Hổ.

Để sau này không bị lầm cung này sang cung khác. tập bấm nhập tâm được 5 cung, để an Tử-vi sinh từ mồng 1 tới mồng 5, thời các chu kỳ còn lại sẽ không có sự lầm lẫn nữa.

CÁCH CHUYỂN TỬ-VI

của chu kỳ 2 (theo ngày sinh)

Phương pháp chuyển Tử-vi theo chu kỳ ngày sinh của Thổ ngũ cục, cũng như cách chuyển cung của Hỏa lục cục.

Phải căn cứ vào chu kỳ sinh, là chu kỳ thứ mấy, mà chuyển thuận đi mấy cung.

Thổ ngũ cục một là 5 ngày.

Thí dụ: sinh ngày mồng 9.

Lấy 9 trừ đi 1 chu kỳ 5 ngày, sẽ còn thừa lại 4 ngày. Đương nhiên coi 4 ngày thừa lại này như sinh ngày mồng 4 chu kỳ thứ 1 vậy.

Chu kỳ thứ 1 nạp âm thấy Ngưu, mà Ngưu là Cung Sửu.

Cung Sửu phải chuyển thuận đi 1 cung là cung Dần. tức là an Tử-vi tại cung Dần, vì sinh ngày mồng 9 thuộc chu kỳ 2 nên phải chuyển thuận đi 1 cung.

BỐN CHU KỲ CÒN LẠI

_ Sinh từ ngày 11 tới ngày 30 thuộc 4 chu kỳ còn lại.

GHI NHẬN CHUNG

Khi thấy số ngày sinh lớn hơn số 1 chu kỳ của cục (thí dụ số 1 chu kỳ của Thổ ngũ cục là 5)

Lấy số ngày sinh trừ đi bao nhiêu chu kỳ, số thừa lại cứ đương nhiên coi như sinh thuộc chu kỳ thứ 1, nạp âm Mã Trư Long Ngưu Hổ dụng cung nào lấy cung ấy làm căn cứ để chuyển Tử-vi đi mấy cung, là tùy theo sinh thuộc chu kỳ thứ mấy.

CƯỚC CHÚ: Xin xem các hình vẽ ở sau để đối chiếu và kiểm điểm vị trí của Tử-vi theo cục.

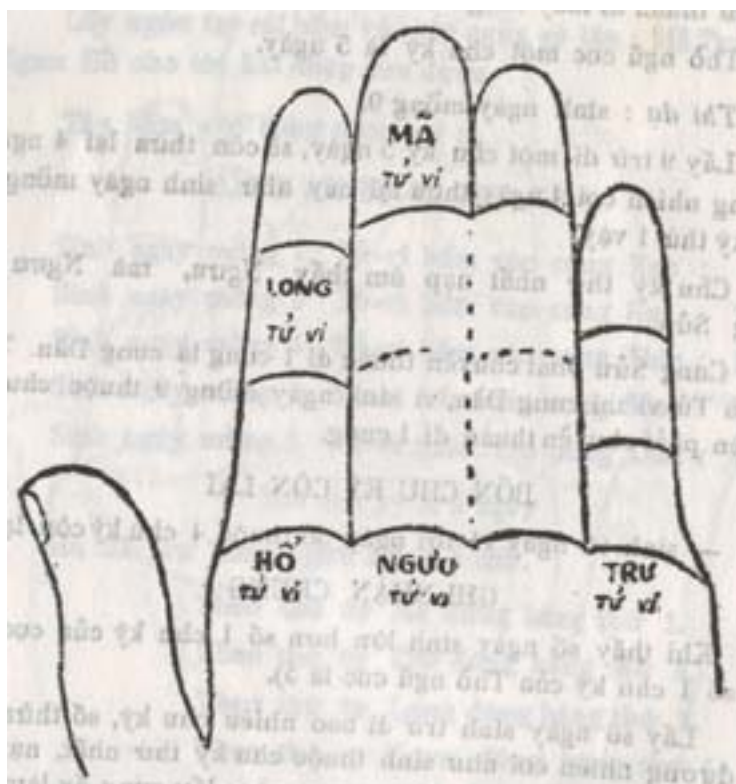
Và phương pháp chuyển cung tùy theo ngày sinh thuộc chu kỳ thứ mấy mà chuyển mấy cung.

Vị trí của Tử-vi thuộc

THỔ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ

(1 chu kỳ là 5 ngày)



Biết được quy luật của Thổ ngũ cục là Tử-vi an tại 5 cung Mã Trư Long Ngưu Hổ.

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi an tại Ngọ : Mã.

Sinh ngày mồng 2 Tử-vi an tại Hợi : Trư.

Sinh ngày mồng 3 Tử-vi an tại Thìn : Long.

Sinh ngày mồng 4 Tử-vi an tại Sửu : Ngưu.

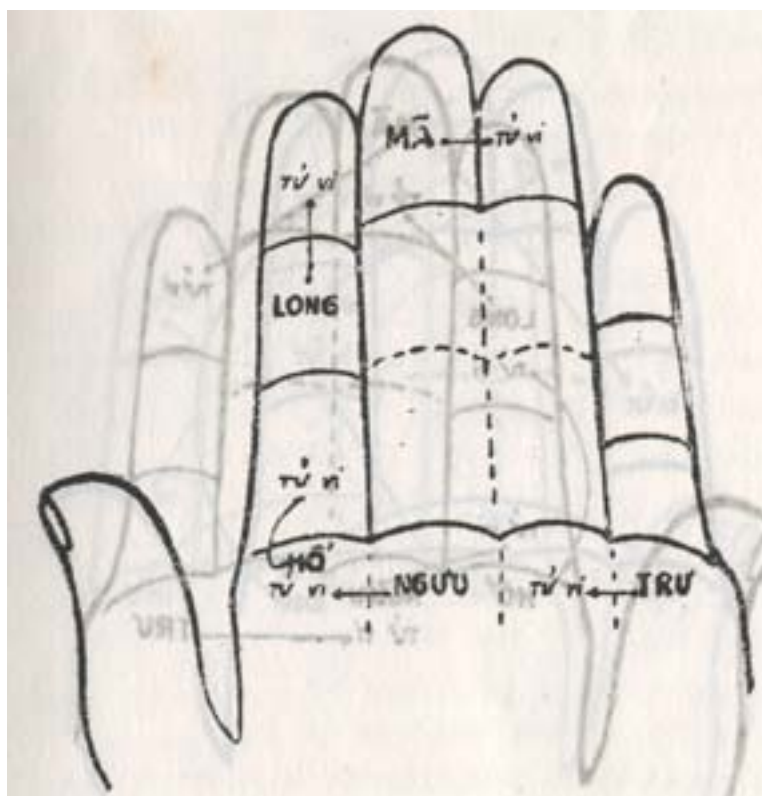
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi an tại Dần : Hổ.

Chu kỳ 2 chuyển Tử-vi thuận 1 cung

Sinh từ ngày 6-7-8-9-10 thuộc

THỔ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển.



Vì thuộc chu kỳ 2 theo ngày sinh, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải chuyển thuận sang cung thứ 2.

Sinh ngày 6 Tử-vi an tại Mã chuyển sang cung Mùi.

Sinh ngày 7 Tử-vi an tại Trư chuyển sang cung Tý.

Sinh ngày 8 Tử-vi an tại Long chuyển sang cung Tỵ.

Sinh ngày 9 Tử-vi an tại Ngưu chuyển sang cung Dần.

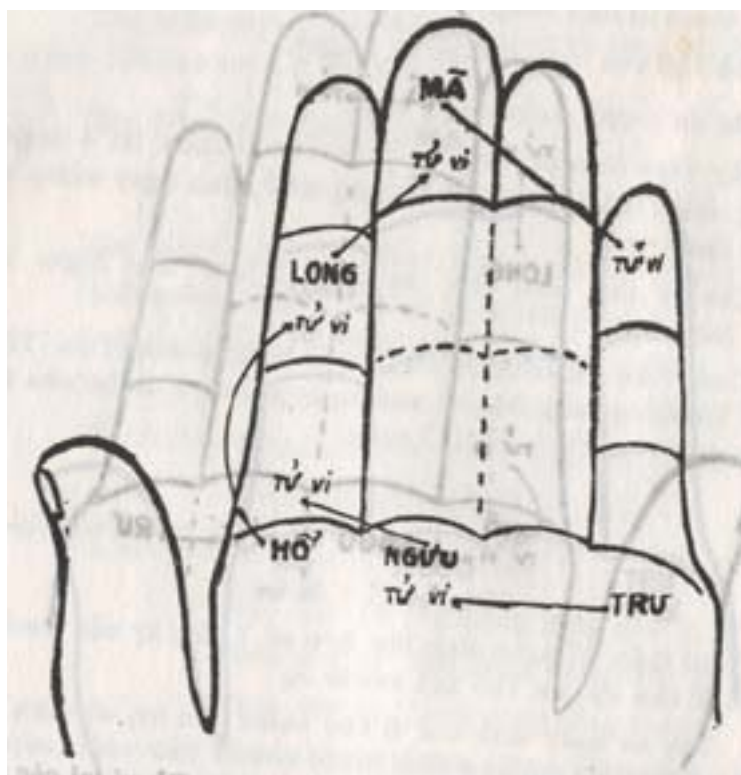
Sinh ngày 10 Tử-vi an tại Hổ chuyển sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung 3

Sinh ngày 11-12-13-14-15 thuộc

THỎ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vi thuộc chu kỳ 3 theo ngày sinh, Nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 3.

Sinh ngày 11 Tử-vi an tại Mã chuyển sang cung Thân.

Sinh ngày 12 Tử-vi an tại Trư chuyển sang cung Sửu.

Sinh ngày 13 Tử-vi an tại Long chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 14 Tử-vi an tại Ngưu chuyển sang cung Mão.

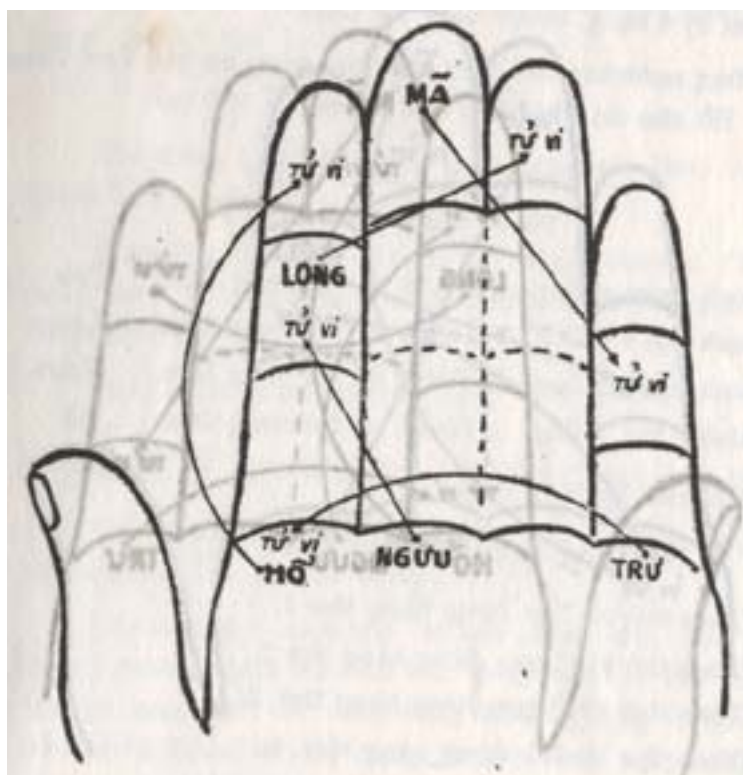
Sinh ngày 15 Tử-vi an tại Hổ chuyển sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 thuận chuyển Tử-vi sang cung 4

Sinh ngày 16-17-18-19-20 thuộc

THỎ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển.



Vì thuộc chu kỳ 4 theo ngày sinh, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 4

Sinh ngày 16 Tử-vi an tại Mã chuyển sang cung Dậu.

Sinh ngày 17 Tử-vi an tại Trư chuyển sang cung Dần.

Sinh ngày 18 Tử-vi an tại Long chuyển sang cung Mùi.

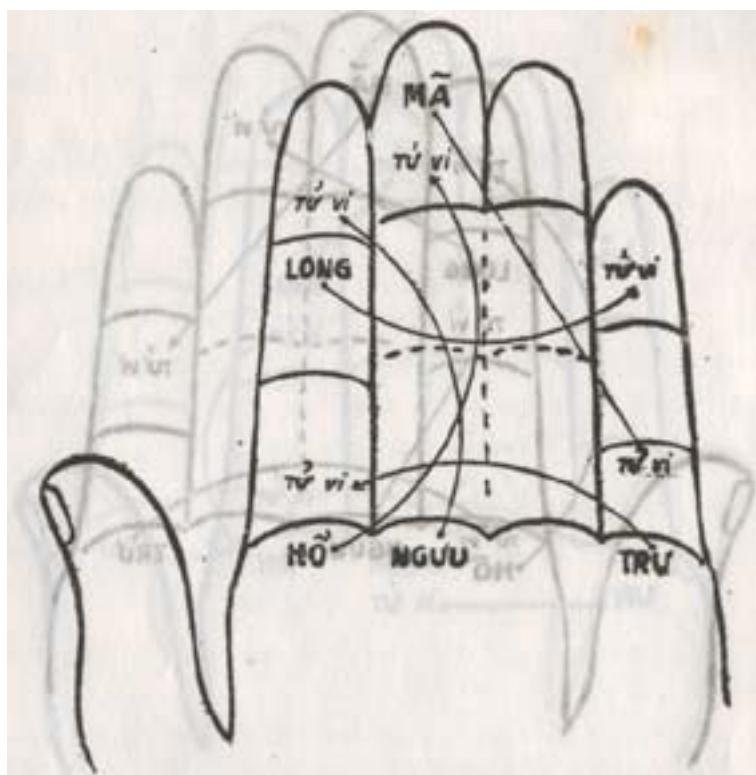
Sinh ngày 19 Tử-vi an tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.

Sinh ngày 20 Tử-vi an tại Hổ chuyển sang Tỵ.

Chu kỳ 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung 5

Sinh ngày 21-22-23-24-25 thuộc

THỎ NGŨ CỤC



Vì ngày sinh thuộc chu kì 5, nên tử vi tại các cung Mã Ngự Long Trư Hổ Phải thuận chuyển sang cung 5

Sinh ngày 21 căn cứ Tử-vi tại Mã chuyển sang cung Tuất

Sinh ngày 22 căn cứ Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Mão

Sinh ngày 23 căn cứ Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân

Sinh ngày 24 căn cứ Tử- vi tại Ngưu chuyển sang cung Tỵ

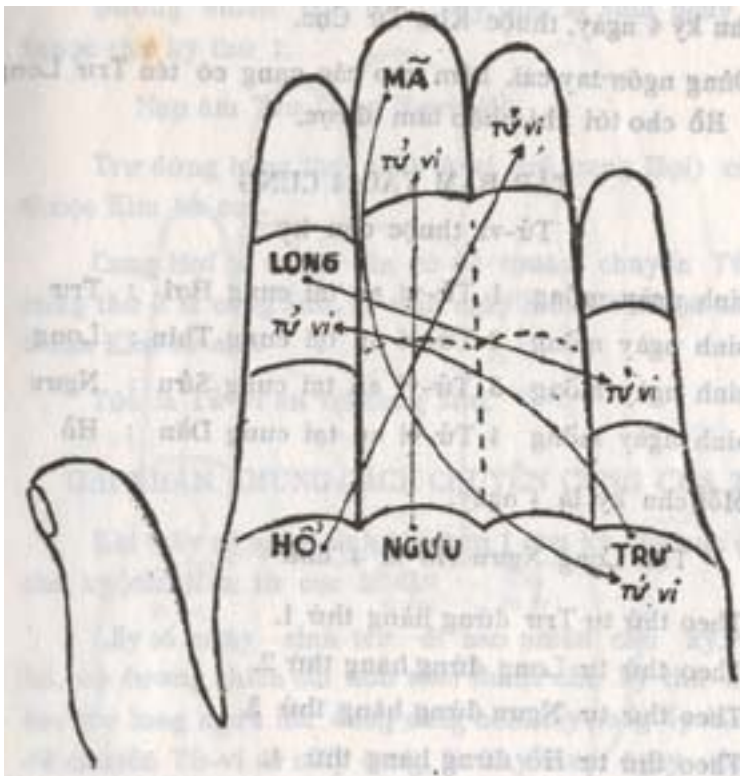
Sinh ngày 25 căn cứ Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ

Chu kì 6 chuyển Tử-vi sang cung 6

sinh ngày 26-27-28-29-30 thuộc

THỎ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kì 6, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 6

Sinh ngày 26 Căn cứ Tử-vi tại Mã chuyển sang cung Hợi.

Sinh ngày 27 Căn cứ Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn.

Sinh ngày 28 căn cứ Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu.

Sinh ngày 29 Căn cứ Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 30 Căn cứ Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Phương pháp tìm Tử-vi

Kim Tứ Cục dụng

Trư Long Ngưu Hổ

Trư Long Ngưu Hổ là vị trí Tử-vi cư tại cung 4, trong 1 chu kỳ 4 ngày, thuộc Kim tứ cục.

Dùng ngón tay cái bấm vào các cung có tên Trư Long, Ngưu Hổ cho tới khi nào nhập tâm được.

TẬP BẮM VÀO 4 CUNG

Tử-vi thuộc chu kỳ 4

Sinh ngày mùng 1 Tử-vi an tại cung Hợi : Trư.

Sinh ngày mùng 2 Tử-vi an tại cung Thìn : Long.

Sinh ngày mùng 3 Tử-vi an tại cung Sửu : Ngưu.

Sinh ngày mùng 4 Tử-vi an tại cung Dần : Hổ.

Trư Long Ngưu Hổ là 4 chữ

Theo thứ tự Trư đứng hàng thứ 1.

Theo thứ tự Long đứng hàng thứ 2.

Theo thứ tự Ngưu đứng hàng thứ 3.

Theo thứ tự Hổ đứng hàng thứ 4.

Khi nói tới sinh ngày mùng 2, biết an Tử-vi ở cung Long.

Khi nói tới sinh ngày mùng 4, bấm được Tử-vi ở cung Hổ ngay hầu tránh được sự lầm lẫn sau này.

NGUYÊN TẮC CHUYỂN TỬ-VI

của chu kỳ 3 (theo ngày sinh)

Nguyên tắc chuyển Tử-vi, tùy theo ngày sinh để tính chu kỳ.

Thí dụ: sinh ngày mồng 8

Một chu kỳ của Kim tứ cục là 4 ngày.

Lấy 9 trừ đi 2 chu kỳ 4 ngày ($2 \times 4 : 8$).

số còn lại $9-8 : 1$, tức là còn 1 ngày.

Đương nhiên coi số 1 này như là sinh ngày mồng 1 thuộc chu kỳ thứ 1.

Nạp âm Trư Long Ngưu Hồ

Trư đứng hàng thứ 1 là vị trí (cung Hợi) của Tử-vi thuộc Kim tứ cục.

Cung Hợi là cung căn cứ để thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 3 là cung Sửu, vì sinh ngày mồng 9 thuộc chu kỳ thứ 3 của Kim tứ cục.

Tức là Tử-vi an tại cung Sửu.

GHI NHẬN CHUNG CÁCH CHUYỂN CUNG CỦA TỬ-VI

Khi thấy số ngày sinh lớn hơn 1 chu kỳ của cục (thí dụ: chu kỳ của Kim tứ cục là 4).

lấy số ngày sinh trừ đi bao nhiêu chu kỳ, số thừa lại cứ đương nhiên coi như sinh thuộc chu kỳ thứ 1, nạp âm Trư Long Ngưu Hồ đựng cung nào lấy cung ấy làm căn cứ để chuyển Tử-vi đi mấy cung, là tùy theo ngày sinh thuộc chu kỳ thứ mấy.

CUỘC CHÚ: xin xem các hình vẽ để đối chiếu và kiểm điểm các vị trí của Tử-vi theo cục.

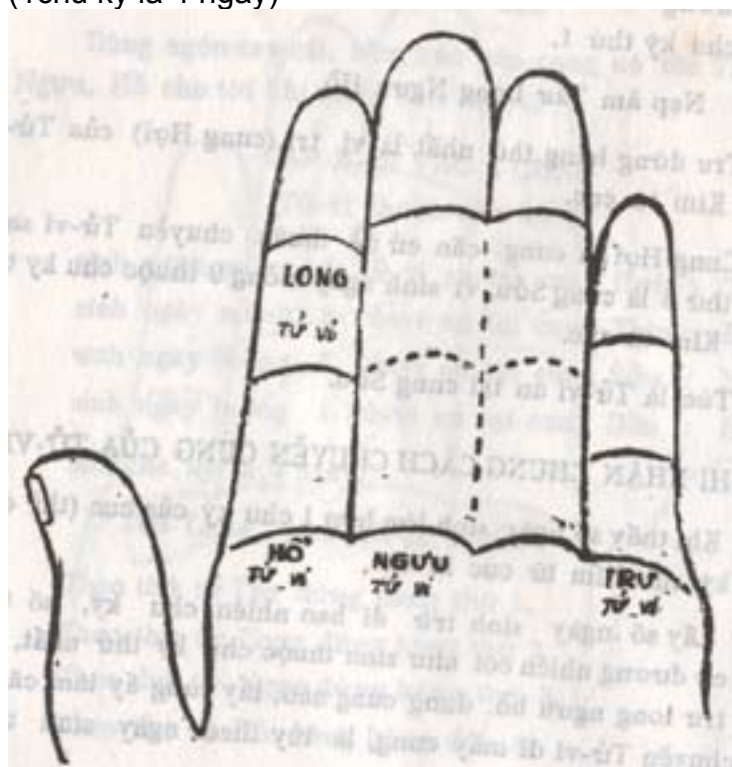
✱

Vị trí của Tử-vi thuộc

KIM TỨ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hồ

(1 chu kỳ là 4 ngày)



Biết được qui luật Kim tứ cục là Tử-vi tại 4 cung Trư Long Ngưu Hồ

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi cư tại Hợi : Trư

Sinh ngày mồng 2 Tử-vi cư tại Thìn : Long

Sinh ngày mồng 3 Tử-vi cư tại Sửu : Ngưu

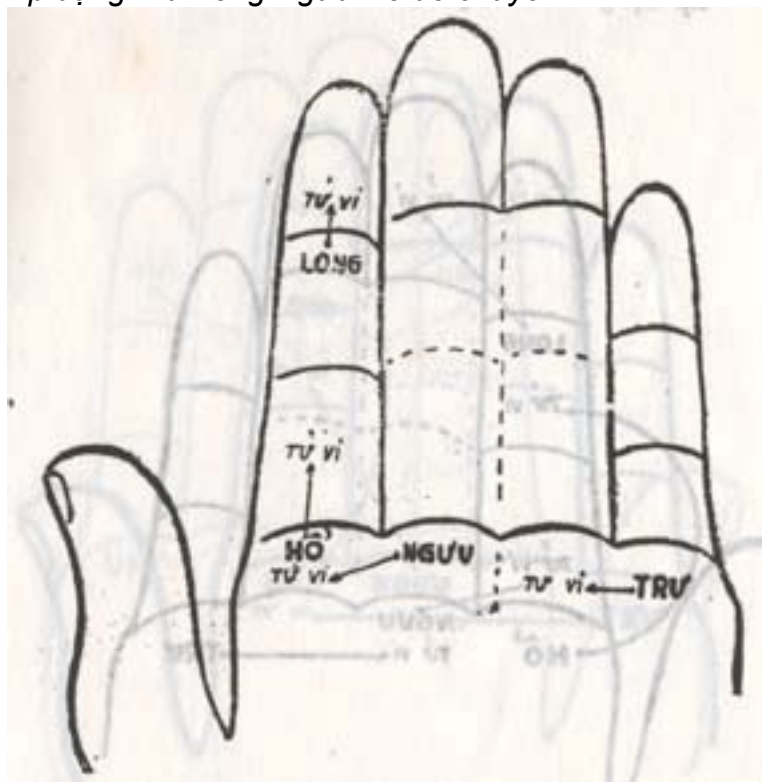
Sinh ngày mồng 4 Tử-vi cư tại Dần : Hồ

Chu kỳ 2 chuyển thuận Tử-vi 1 cung

Sinh ngày 5-6-7-8 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 2, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hồ chuyển thuận sang cung 2.

Sinh ngày mùng 5 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Tý.

Sinh ngày mùng 6 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ty.

Sinh ngày mùng 5 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dần.

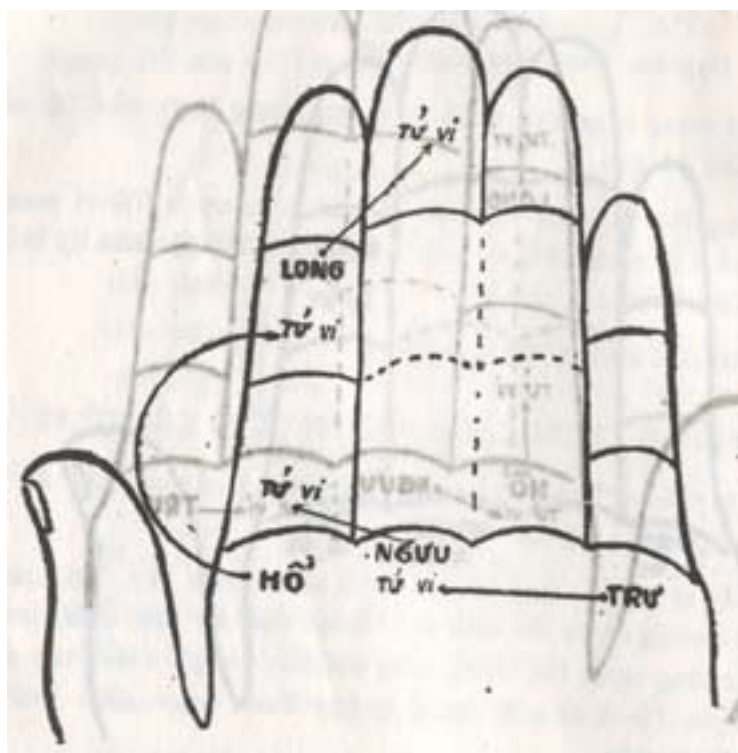
Sinh ngày mùng 5 Tử-vi tại Hồ chuyển sang cung Mão.

Chu kỳ 3 chuyển thuận sang cung 3

Sinh ngày 9-10-11-12 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hồ để chuyển



vì ngày sinh thuộc chu kỳ 3, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hồ phải thuận chuyển sang cung 3.

Sinh ngày 9 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Sửu

Sinh ngày 10 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ

Sinh ngày 11 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mão

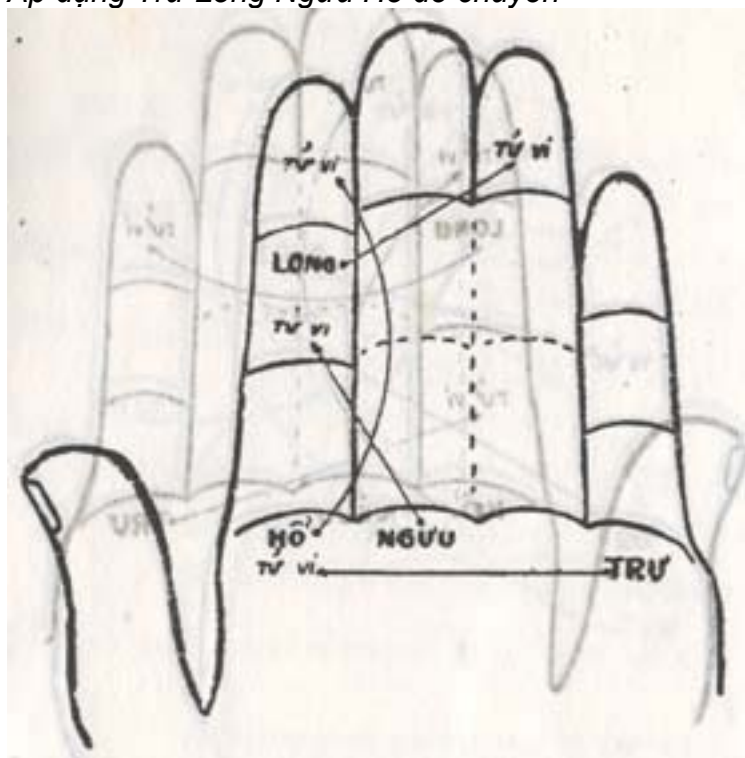
Sinh ngày 12 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn

Chu kỳ 4 chuyển thuận thuận Tử-vi sang cung 4

Sinh ngày 13-14-15-16 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 4, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hổ , phải thuận chuyển sang cung 4.

Sinh ngày 13 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Dần.

Sinh ngày 14 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Mùi.

Sinh ngày 15 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.

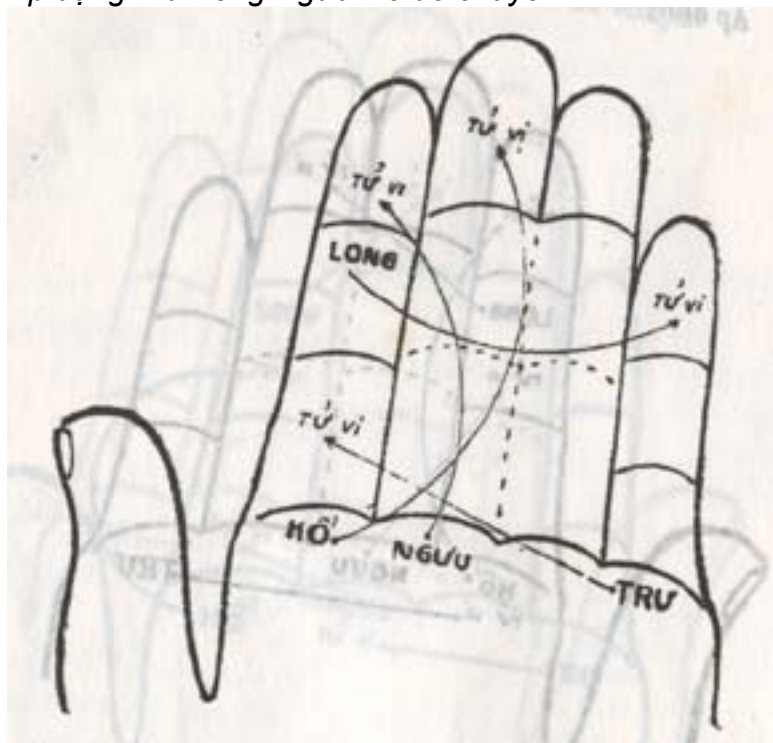
Sinh ngày 16 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ty.

Chu kỳ 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung 5.

Sinh ngày 17-18-19-20 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 5, nên Tử-vi tại cung Trư Long Ngưu Hổ , phải thuận chuyển sang cung 5.

Sinh ngày 17 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Mão.

Sinh ngày 18 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân.

Sinh ngày 19 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ty.

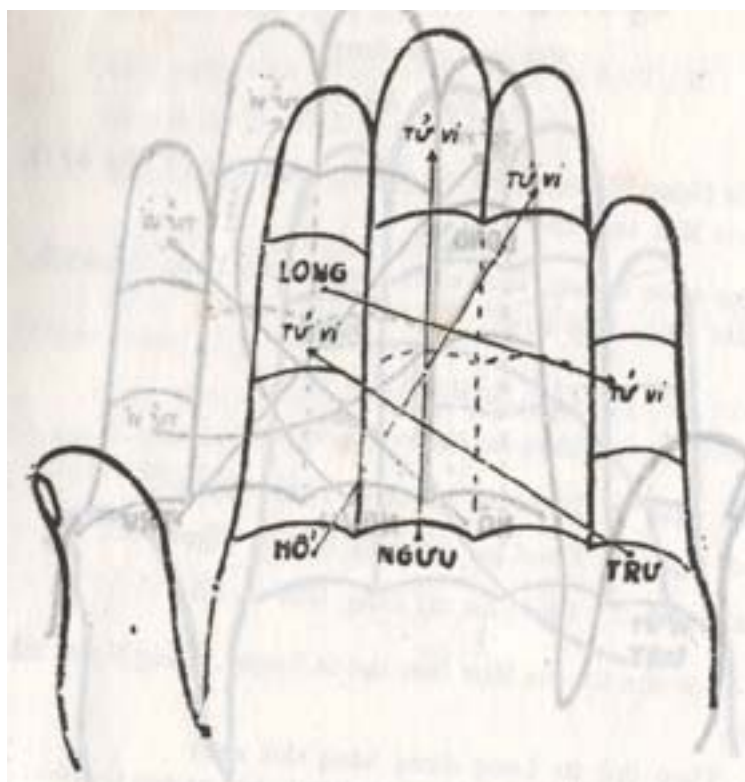
Sinh ngày 20 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ.

Chu kỳ 6 chuyển thuận Tử-vi sang cung 6

Sinh ngày 21-22-23-24 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 6, nên Tử-vi tại các cung Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 6.

Sinh ngày 21 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn

Sinh ngày 22 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu.

Sinh ngày 23 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ngọ.

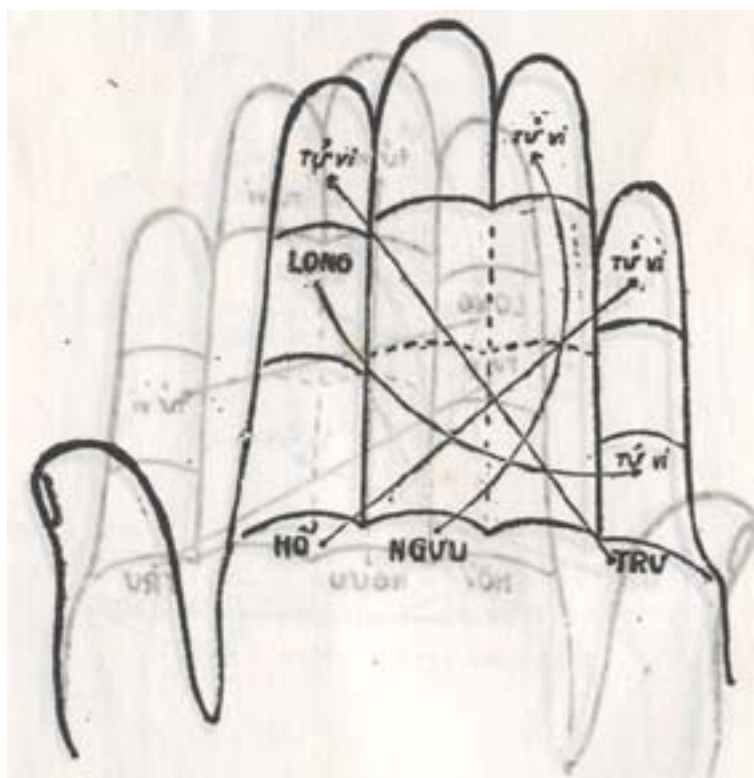
Sinh ngày 24 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Chu kỳ 7 chuyển thuận Tử-vi sang cung 7

Sinh ngày 25-26-27-28 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 7, nên Tử-vi tại các cung Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 7.

Sinh ngày 25 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Ty.

Sinh ngày 26 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tuất.

Sinh ngày 27 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mùi.

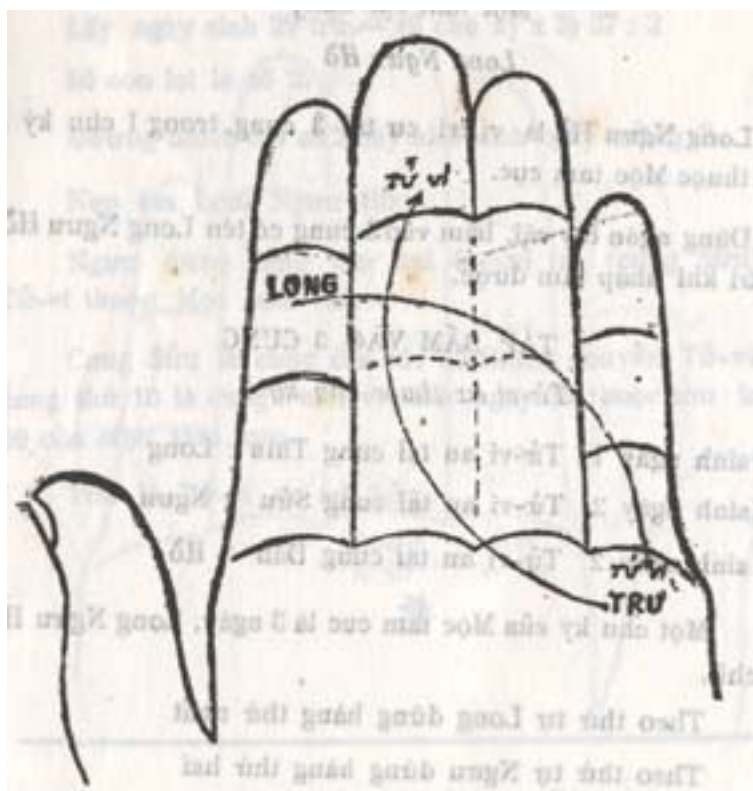
Sinh ngày 28 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thân.

Chu kỳ 8 chuyển thuận Tử-vi sang cung 8

Sinh ngày 29 và 30 thuộc

KIM TỬ CỤC

Áp dụng Trư Long để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 8, nên Tử-vi tại 2 cung Trư, Long phải thuận chuyển sang cung 8.

Sinh ngày 29 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ

Sinh ngày 30 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Hợi

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngư Hồ tìm Tử-vi

Phương pháp tìm Tử-vi

Mộc tam cục dụng

Long Ngư Hồ

Long Ngư Hồ là vị trí cư tại 3 cung trong 1 chu kỳ 3 ngày thuộc Mộc tam cục

Dùng ngón tay cái bấm vào 3 cung có tên Long Ngư Hồ cho tới khi nhập tâm được.

TẬP BẤM VÀO 3 CUNG

Tử-vi cư thuộc chu kỳ 1

Sinh ngày 1: Tử-vi an tại cung Thìn : Long

Sinh ngày 2 Tử-vi an tại cung Sửu : Trâu

Sinh ngày 3 Tử-vi an tại cung Dần : Hồ

Một chu kỳ của Mộc tam cục là 3 ngày, Long Ngư Hồ là 3 chữ.

Theo thứ tự Long đứng hàng thứ nhất

Theo thứ tự Ngư đứng hàng thứ hai

Theo thứ tự Hồ đứng hàng thứ ba

TẬP BẤM CUNG CHO THẬT NHẬP TÂM

Khi nói tới sinh ngày mồng 1, an ngay được Tử-vi ở cung Long.

Khi nói tới sinh ngày mồng 3, an ngay được Tử-vi ở cung Hồ để sau này chuyển cung được dễ dàng.

NGUYÊN TẮC CHUYỂN TỬ-VI

Mấy cung tùy theo chu kỳ của ngày sinh

Nguyên tắc chuyển Tử-vi đi bao nhiêu cung, là tùy theo bấy nhiêu chu kỳ tính theo ngày sinh.

Thí dụ: sinh ngày 29

Lấy ngày sinh 29 – (9 chu kỳ x 3) 27:3

Số còn lại là số 2

Đương nhiên coi số 2 này như sinh ngày mồng 2

Nạp âm Long Ngưu Hồ

Ngưu đứng hàng thứ 2 là vị trí (cung Sửu) của Tử-vi thuộc Mộc tam cục

Cung Sửu là cung căn cứ, để thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 10 là cung Tuất. vì sinh ngày 29 thuộc chu kỳ thứ 10 của Mộc tam cục
tức Tử-vi an tại Sửu.

✱

THAM LANG NAM MẠNH CA

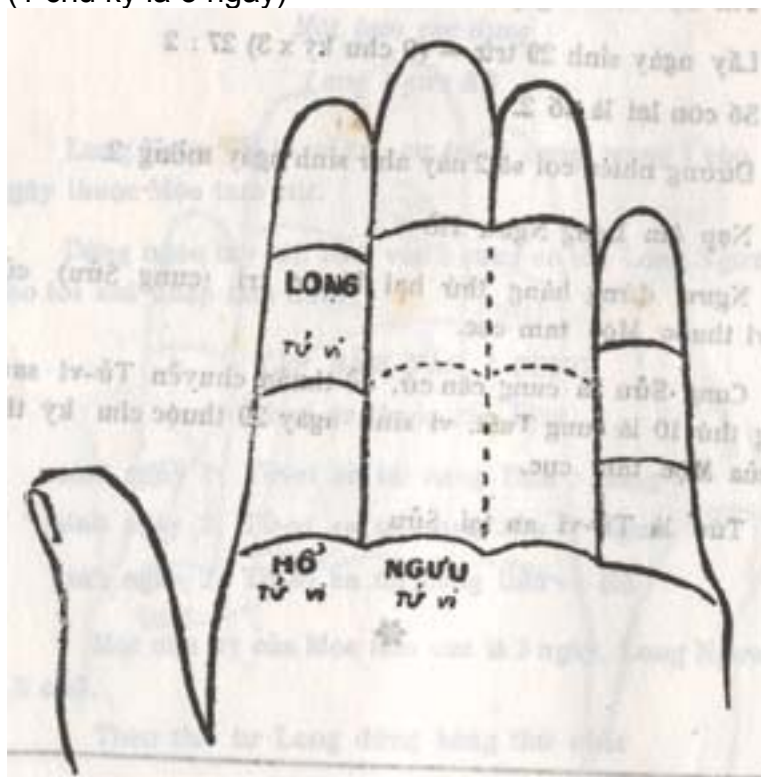
Tứ Mộ cung trung phúc khí nùng
Đề bing chỉ nhật lập biên công.
Hỏa-Linh cùng hội thành vi quý
Danh chấn chư di định hữu phong

Vị trí của Tử-vi thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hồ

(1 chu kỳ là 3 ngày)



Biết được qui luật của Mộc tam cục là Trư Long Ngưu Hồ-vi cư tại 3 cung Long Ngưu Hồ .

Sinh ngày 1 Tử-vi tại cung Thìn : Long

Sinh ngày 2 Tử-vi cư tại Sửu : Ngưu

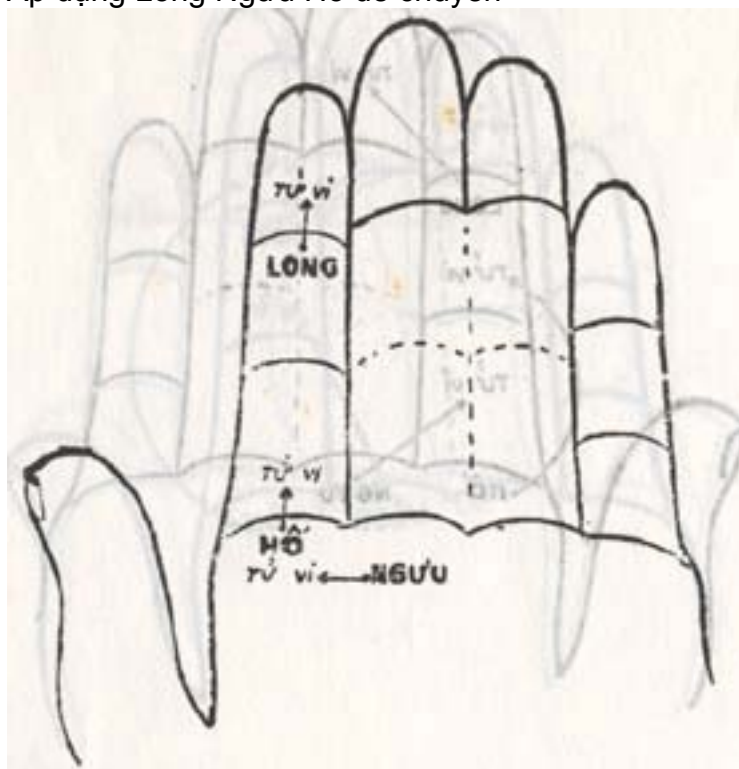
Sinh ngày 3 Tử-vi cư tại Dần : Hồ

Chu kỳ 2 chuyển thuận Tử-vi sang cung 2

Sinh ngày 4-5-6 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 2, nên Tử-vi ở các cung Long Ngưu Hồ phải chuyển sang cung 2.

Sinh ngày 4 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ty.

Sinh ngày 5 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dần.

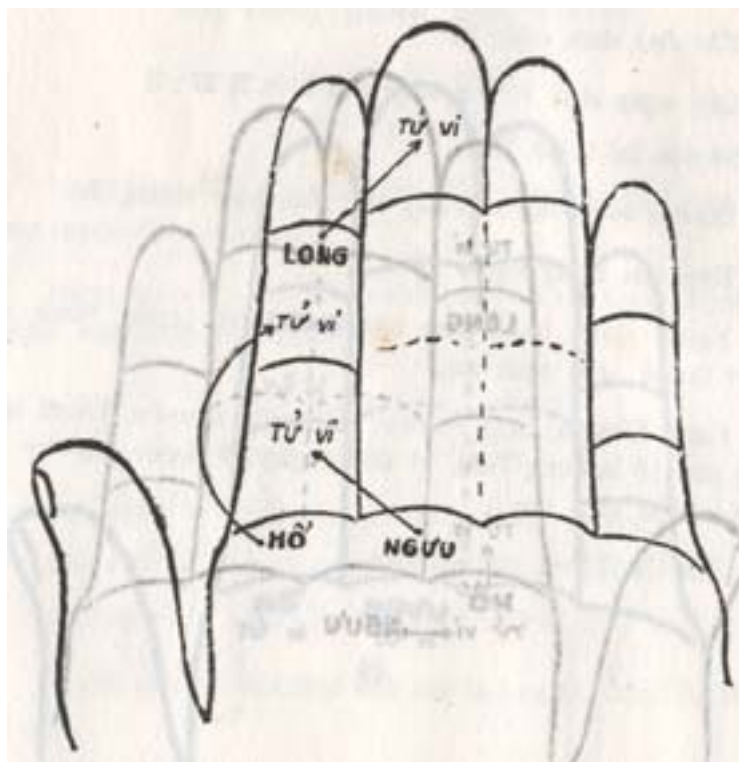
Sinh ngày 6 Tử-vi tại chuyển sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung 3

Sinh ngày 7-8-9 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 3, nên Tử-vi ở các cung Long Ngưu Hổ phải chuyển thuận sang cung 3.

Sinh ngày 7 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 8 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mão.

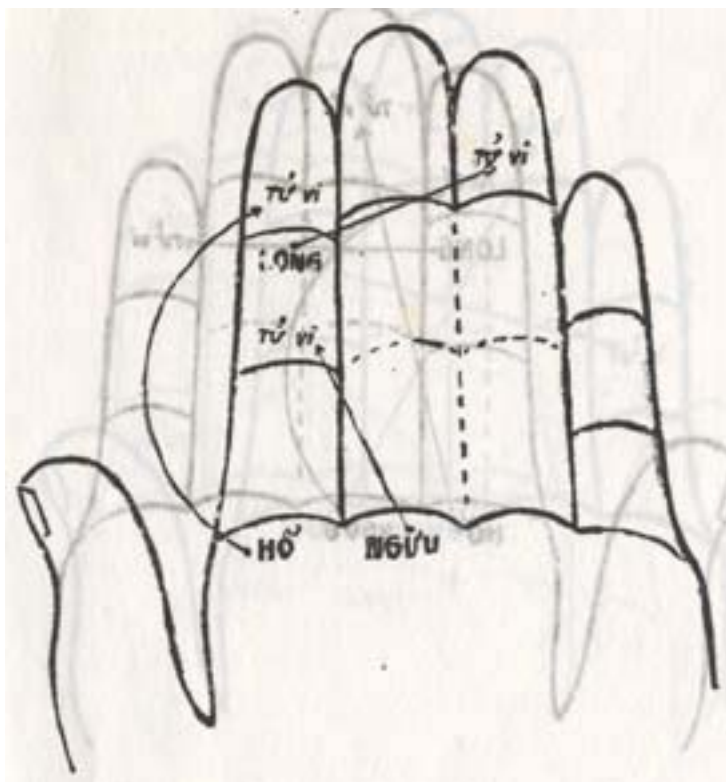
Sinh ngày 9 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 chuyển thuận Tử-vi sang cung 4

Sinh ngày 10-11-12 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 4, nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 4.

Sinh ngày 10 tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 11 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.

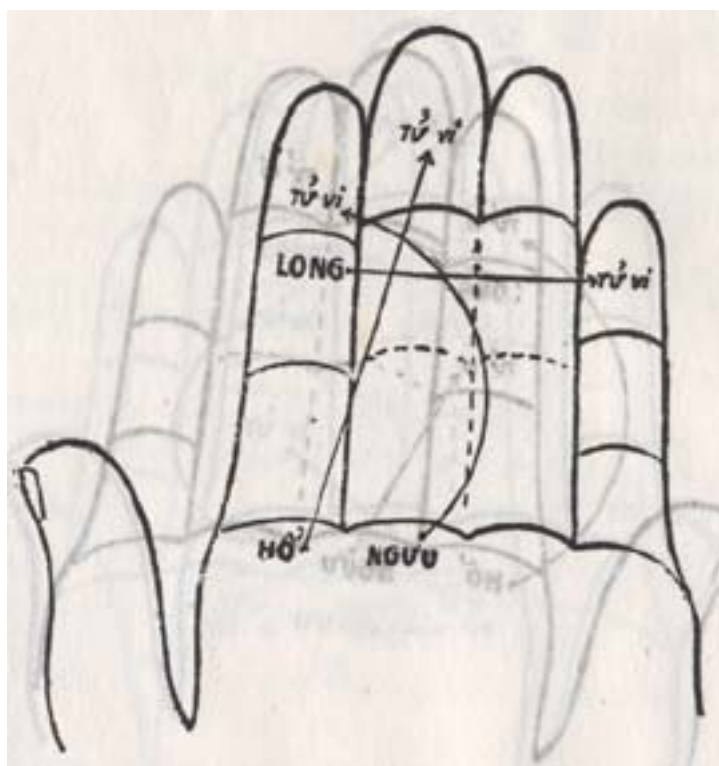
Sinh ngày 12 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ty.

Chu kỳ 5 chuyển thuận Tử-vi sang cung 5

Sinh ngày 13 – 14 – 15 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 5 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 5.

sinh ngày 13 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân

sinh ngày 14 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Tỵ

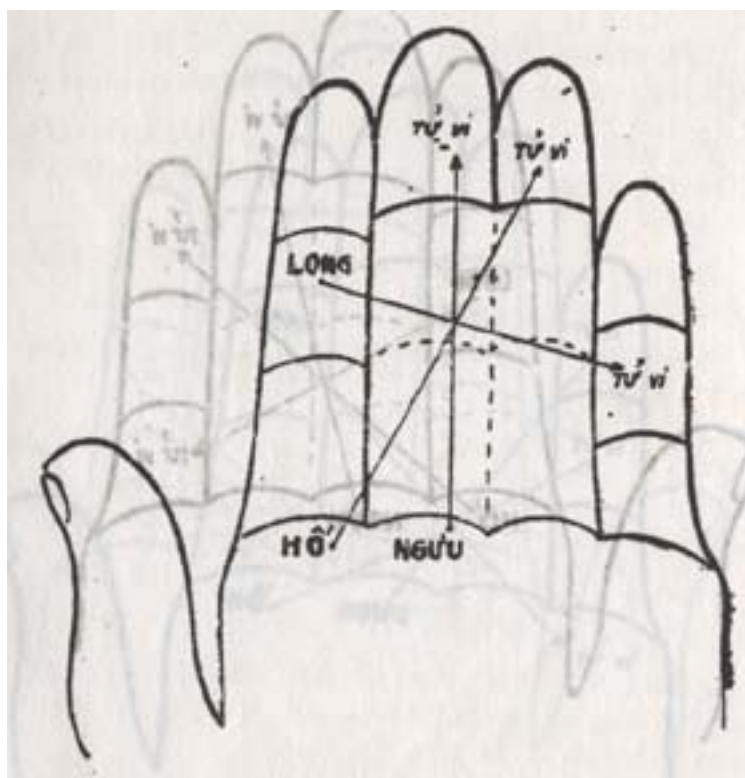
sinh ngày 15 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ.

Chu kỳ 6 chuyển thuận Tử-vi sang cung 6

Sinh ngày 16 – 17 – 18 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 6 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 6.

sinh ngày 16 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu

sinh ngày 17 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ngọ.

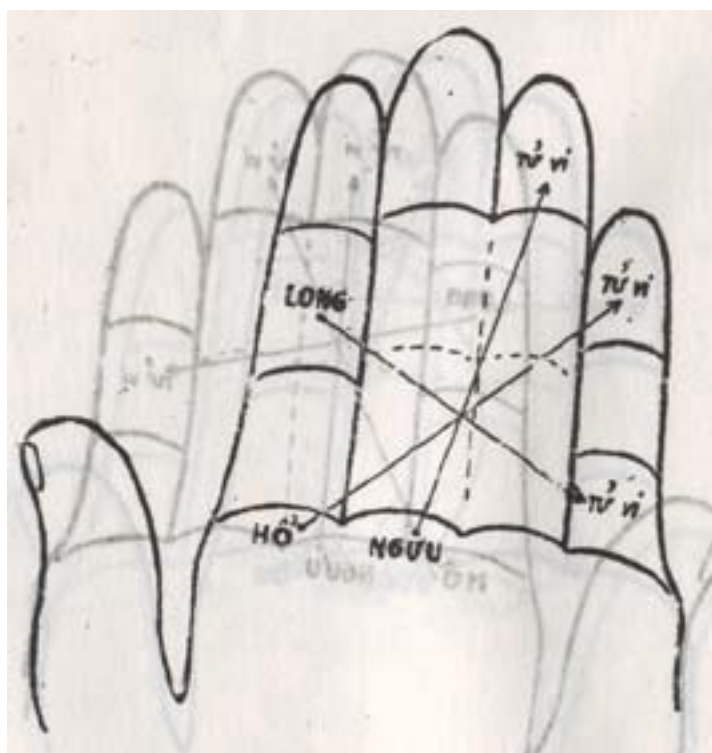
sinh ngày 18 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Chu kỳ 7 chuyển thuận Tử-vi sang cung 7

Sinh ngày 19 – 20 – 21 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 7 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 7.

sinh ngày 19 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tuất.

sinh ngày 20 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mùi

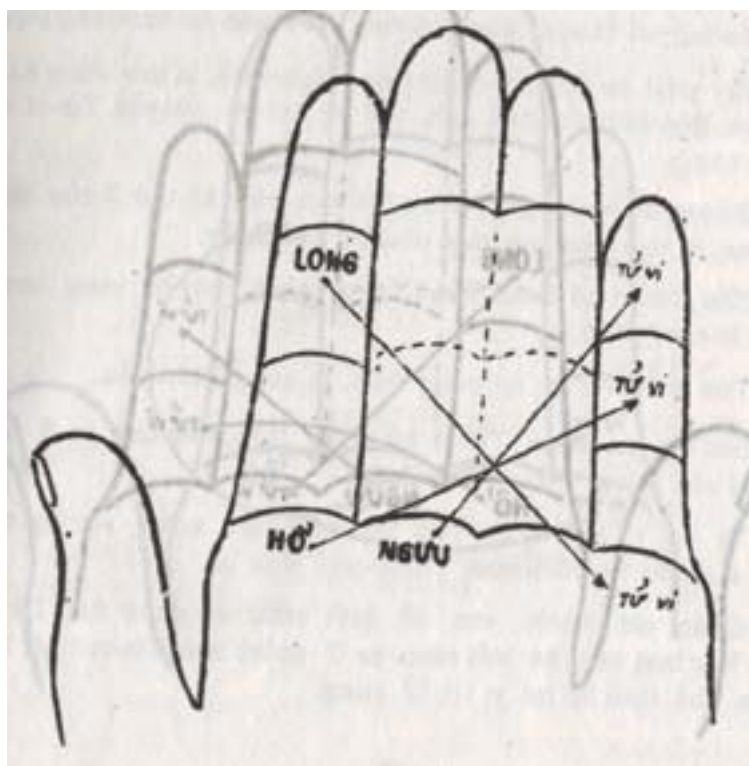
sinh ngày 21 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thân.

Chu kỳ 8 chuyển thuận Tử-vi sang cung 8

Sinh ngày 22 – 23 – 24 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 8 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 8.

sinh ngày 22 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Hợi.

sinh ngày 23 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thân.

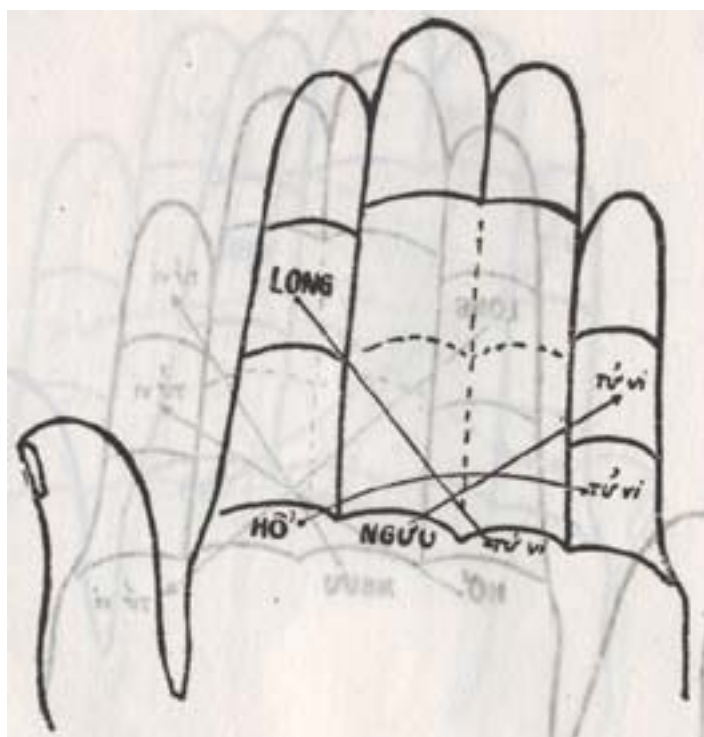
sinh ngày 24 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Dậu.

Chu kỳ 9 chuyển thuận Tử-vi sang cung 9

Sinh ngày 25 – 26 – 27 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 9 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hồ phải thuận chuyển sang cung 9.

sinh ngày 25 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tý.

sinh ngày 26 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dậu.

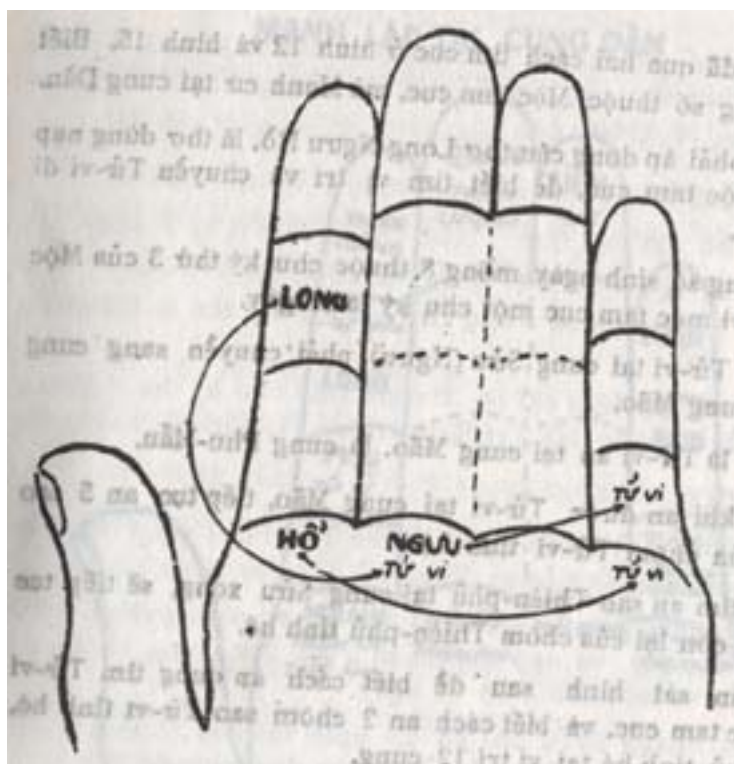
sinh ngày 27 Tử-vi tại Hồ chuyển sang cung Tuất.

Chu kỳ 10 chuyển thuận Tử-vi sang cung 10

Sinh ngày 28 – 29 – 30 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hồ để chuyển



Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 10 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 10.

sinh ngày 28 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Sửu.

sinh ngày 29 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Tuất.

sinh ngày 30 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Hợi.

Cách tìm Tử-vi an tại cung nào thuộc

MỘC TAM CỤC

Thí dụ của đương số sinh

Ngày mùng 8 tháng 4 giờ Mão

Năm Bính Dần

Như đã qua hai cách tìm cục ở hình 12 và hình 15. Biết rằng đương số thuộc Mộc tam cục, mà Mệnh cư tại cung Dần.

Vậy phải áp dụng câu thơ Long Ngưu Hổ, là thơ dùng nạp âm cho Mộc tam cục, để biết tìm vị trí và chuyển Tử-vi đi mấy cung.

Đương số sinh ngày mùng 8 thuộc chu kỳ thứ 3 của Mộc tam cục, vì mộc tam cục của một chu kỳ là 3 ngày.

Nên Tử-vi tại cung Sửu (Ngưu) phải chuyển sang cung thứ 3 là cung Mão.

Tức là Tử-vi an tại cung Mão, là cung Phụ-Mẫu.

Sau khi an được Tử-vi tại cung Mão, tiếp tục an 5 sao còn lại của chòm Tử-vi tinh hệ.

Và tìm an sao Thiên-phủ tại cung Sửu xong, sẽ tiếp tục an 7 sao còn lại của chòm Thiên-phủ tinh hệ.

Quan sát hình sau để biết cách áp dụng tìm Tử-vi theo Mộc tam cục, và biết cách an 2 chòm sao Tử-vi tinh hệ, Thiên-phủ tinh hệ tại vị trí 12 cung.

✱

THIÊN-PHỦ NAM MẠNH CA

Hỏa Linh Dương Đà tam phương hội.

Vì nhân gian trá đa lao碌.

Không-Kiếp đồng viên bất vi giai.

Chỉ tại không-môn đã hưởng phúc.

Nguyên tắc an chòm Tử-vi tinh hệ

Và Thiên Phủ tinh hệ.

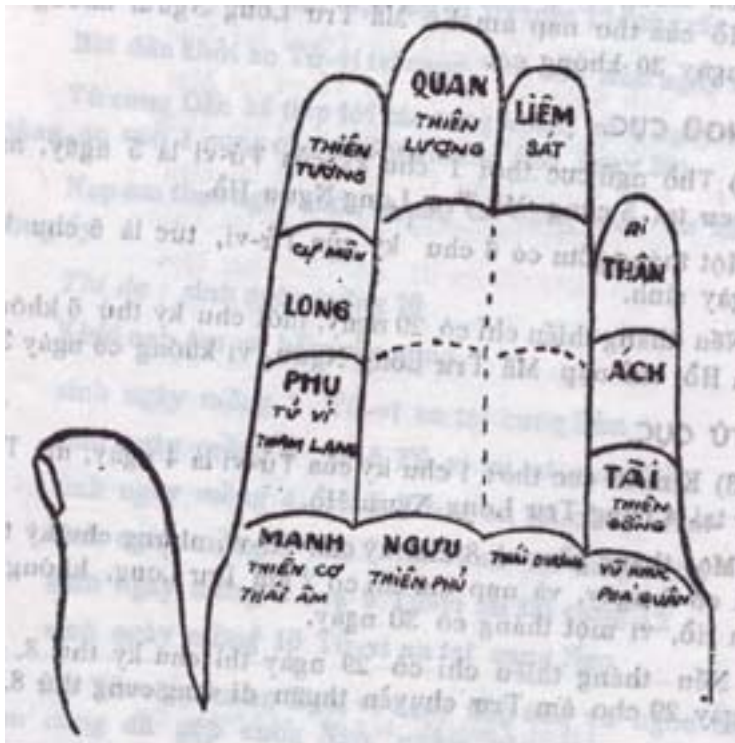
Áp dụng Long Ngưu Hổ tầm Tử-vi thuộc

MỘC TAM CỤC

Đương số sinh ngày mùng 8 tháng 4 giờ mao

Năm Bính Dần

MẠNH LẬP TẠI CUNG DẦN



TRÍCH GHI : Tử-vi Tham-Lang đồng cư Phụ mẫu cung.

2 sao Thiên-Cơ và Thái-âm đồng cư Mạnh cung.

Cung Thân cư Thiên-ri của đương số vô chính hiệu.

Hội chung Mạnh Tài Quan : Cơ Nguyệt Đồng

Lương tác lại nhân, là cách thuộc phú đoán của Tử-vi.

GHI NHẬN CHUNG

về chu kỳ ngày sinh trong một tháng của 4 cục

HỎA LỤC CỤC

1) Hỏa lục cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 6 ngày, vậy một tháng gồm có 5 chu kỳ của Tử-vi, tức là 5 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 5 thiếu một âm Hổ của thơ nạp âm Kê Mã Trư Long Ngưu, không có Hổ vì ngày 30 không có.

THỔ NGŨ CỤC

2) Thổ ngũ cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 5 ngày, mà Tử-vi cư tại 5 cung Mã Trư Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 6 chu kỳ của Tử-vi, tức là 6 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 6 không có âm Hổ, chỉ nạp âm Kê Mã Trư Long Ngưu, vì không có ngày 30.

KIM TỨ CỤC

3) Kim tứ cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 4 ngày, mà Tử-vi cư tại 4 cung Trư Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 8 chu kỳ của Tử-vi, nhưng chu kỳ thứ 8 chỉ có 2 ngày, và nạp âm chỉ còn 2 âm Trư Long, không có Ngưu Hổ, vì một tháng có 30 ngày.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thì chu kỳ thứ 8, chỉ có ngày 29 cho âm Trư chuyển thuận đi sang cung thứ 8.

MỘC TAM CỤC

4) Mộc tam cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 3 ngày, mà Tử-vi cư tại 3 cung Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 10 chu kỳ của Tử-vi, chính là 10 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 10 chỉ có 2 ngày, cũng như khi nạp âm không cần đến âm Hổ, vì không có ngày 30.

THỦY NHỊ CỤC

Định luật của Tử-vi trên 12 cung

ĐỊNH LUẬT CỦA TỬ-VI

THUỘC THỦY NHỊ CỤC

TRÊN VỊ TRÍ 12 CUNG

Riêng Thủy nhị cục, việc tìm vị trí trên 12 cung rất dễ dàng.

Bắt đầu khởi an Tử-vi tại cung Sửu nếu sinh ngày mồng 1.

Từ cung Dần kế tiếp đến các cung khác, cứ 2 ngày liên tiếp nhau, an vào 1 cung cho đến hết tháng (tới ngày 30).

Nạp âm theo ngày sinh, ngưng tại cung nào, an Tử-vi tại cung ấy.

Thí dụ : sinh ngày mồng 10

Khởi nạp âm và bấm vào cung.

sinh ngày mồng 1 Tử-vi an tại cung Sửu

sinh ngày mồng 2 và 3 Tử-vi an tại cung Dần

sinh ngày mồng 4 và 5 Tử-vi an tại cung Mão

sinh ngày mồng 6 và 7 Tử-vi an tại cung Thìn

sinh ngày mồng 8 và 9 Tử-vi an tại cung Tỵ

sinh ngày mồng 10 Tử-vi an tại cung Ngọ

An Tử-vi tại cung Ngọ, vì ngày nạp âm, và ngón tay cái bấm cung đã gặp cung Ngọ, nhằm vào ngày sinh là ngày mồng 10.

Nếu sinh ngày 29 hay 30, khởi nạp ngày mồng 1 tại cung Sửu, bắt đầu từ cung Dần trở đi, miệng nạp tay bấm vào các cung, cứ tuần tự cho tới khi miệng nạp âm tới ngày 29 hay 30 tại cung nào, ngưng tại cung ấy và an Tử-vi tại cung đó.

BẢNG KÊ TỬ-VI TẠI 12 CUNG

Theo Thủy nhị cục

sinh ngày	1	an Tử-vi tại	SỬU
sinh ngày	2 và 3	an Tử-vi tại	DẦN
sinh ngày	4 và 5	an Tử-vi tại	MÃO
sinh ngày	6 và 7	an Tử-vi tại	THÌN
sinh ngày	8 và 9	an Tử-vi tại	TỶ
sinh ngày	10 và 11	an Tử-vi tại	NGỌ
sinh ngày	12 và 13	an Tử-vi tại	MÙI
sinh ngày	14 và 15	an Tử-vi tại	THÂN
sinh ngày	16 và 17	an Tử-vi tại	DẬU
sinh ngày	18 và 19	an Tử-vi tại	TUẤT
sinh ngày	20 và 21	an Tử-vi tại	HỢI
sinh ngày	22 và 23	an Tử-vi tại	TÝ
sinh ngày	24 và 25	an Tử-vi tại	SỬU
sinh ngày	26 và 27	an Tử-vi tại	DẦN
sinh ngày	28 và 29	an Tử-vi tại	MÃO
sinh ngày	30	an Tử-vi tại	THÌN

✱

LIÊM-TRINH NAM MẠNH CA

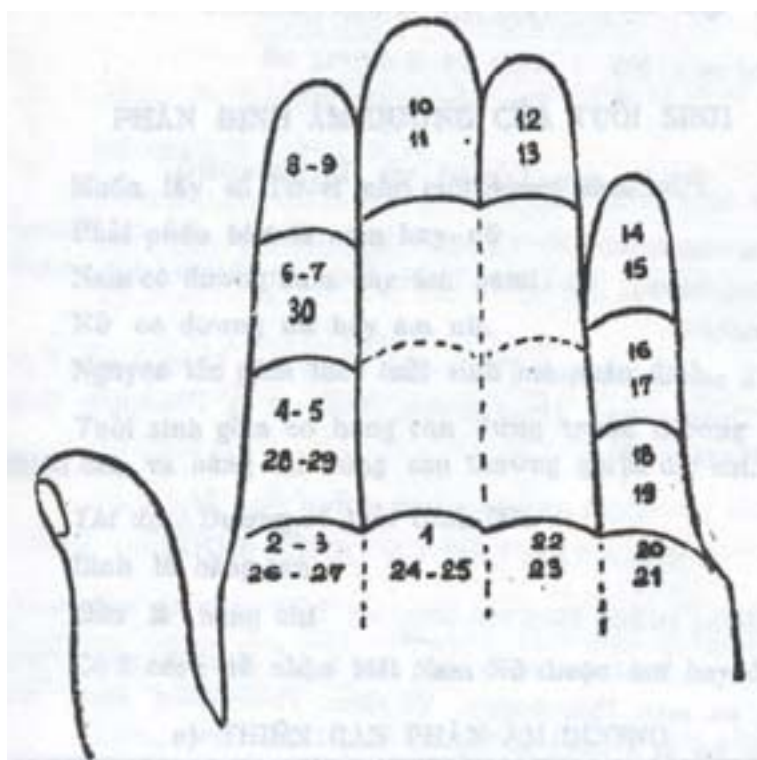
Liêm-trinh tọa mạnh hiệu nhân cung.
 Bản phá Kinh-dương Hỏa cánh trung.
 Túng hữu Tài Quan vị bất mỹ.
 Bình sinh hà rĩ đắc thung dung.

THỦY NHỊ CỤC

Thuận khởi an Tử-vi ngày mồng 1 tại cung Sửu

Từ cung Dần, 2 ngày kể từ 1 cung cho tới hết tháng.

VỊ TRÍ TỬ-VI TRÊN 12 CUNG



Ghi nhận : sinh mồng 1 an Tử-vi tại Sửu cung

sinh mồng 24 và 25 an Tử-vi tại Sửu cung

sinh mồng 28 và 29 an Tử-vi tại Mão cung

✱

CHƯƠNG 3

**NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG
CỦA TUỔI SINH****NGUYÊN TẮC AN CHÒM TỬ-VI TINH-HỆ
VÀ CHÒM THIÊN-PHỦ TINH-HỆ****PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG CỦA TUỔI SINH**

Muốn lấy số Tử-vi cho một người nào.

Phải phân biệt là nam hay nữ.

Nam có dương nam hay âm nam

Nữ có dương nữ hay âm nữ.

Nguyên tắc phải theo tuổi sinh mà phân định.

Tuổi sinh gồm có hàng can đứng trước thường gọi là thiên can, và hàng chi đứng sau thường gọi là địa chi.

Thí dụ : Dương số tuổi Bính-Dần

Bính là hàng can

Dần là hàng chi

Có 2 cách để nhận biết Nam Nữ thuộc âm hay dương.

a) THIÊN CAN PHÂN ÂM DƯƠNG

Dương	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
Âm	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý

b) ĐỊA CHI PHÂN ÂM DƯƠNG

Dương	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất
Âm	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Dậu	Hợi

Căn cứ theo hàng can hay hàng chi mà định âm dương.

Thí dụ : Nam :Bính Dần là dương nam

Quý Hợi là âm nam.

Thí dụ : Nữ :Giáp Tý là dương nữ

Tân Sửu là âm nữ.

Phép an Tử-vi và Thiên-phủ.

An chòm sao Tử-vi gồm 6 chính tinh là : Tử-vi, Thiên-Cơ, Thái-dương, Vũ-khúc, Thiên-đồng và Liêm-trinh theo chiều nghịch.

Và an chòm sao Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát và Phá-quân theo chiều thuận.

*Cách an chòm sao Tử-vi tinh hệ***NHẬP TÂM CÂU CA QUYẾT DƯỚI**

Miệng xướng danh sao nào, tay bấm cung để an sao ấy.

Tử-vi, Thiên-cơ, cách nhất (tức là bỏ đi một cung trống không an sao) Thái-dương, Vũ-khúc, Thiên-đồng cách nhị (tức là bỏ đi 2 cung không an sao) Liêm-trinh.

Những dòng tiểu chú trong dấu ngoặc để hiểu chứ không đọc lên.

Cách an chòm sao Thiên-phủ tinh hệ

Cần nhập tâm hai bảng A và B là vị trí Thiên-phủ, đối chiếu với vị trí của Tử-vi ở chương mục 1.

NHẬP TÂM THIÊN-PHỦ CA QUYẾT DƯỚI

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát cách tam (tức là bỏ trống 3 cung không an sao) Phá-quân.

Xin nhớ tìm xem Thiên-phủ an ở cung nào, rồi mới bắt đầu an Thiên-phủ.

KIỂM ĐIỂM LẠI CÁC MỤC.

Đã lập Mạnh hình số 3 và lập được 12 cung.

Đã an được Thân hình số 4.

Đã tìm được cục là Mộc tam cục hình 12 và hình 15.

Phân định âm dương của đương số là Dương nam.

Áp dụng Long Ngưu Hổ thuộc Mộc tam cục để tìm.

An được Tử-vi tại cung (vị trí) nào.

An được chòm Tử-vi tinh-hệ gồm 6 chính tinh.

An được chòm Thiên-phủ tính-hệ gồm 8 chính tinh.

Tới đây là mọi sự khó khăn đã qua, và đương nhiên trở thành người an được số Tử-vi trên tay.

Mục an các sao khác, trung tinh, tiểu tinh sẽ song hành với việc nghiên cứu về khoa Tử-vi đầu số, thấm nhuần với thời gian, để đi sâu vào đường lý học.

Riêng việc nhập tâm các ca quyết và an sao nếu muốn nhanh chóng thời chỉ một tuần lễ khắc xong.

CHƯƠNG MỤC AN TINH ĐẦU

1- Tương quan cung địa chỉ, Cung số và Cách.

2- Nhập tâm các bài ca quyết.

3- Bí quyết an sao trên bàn tay.

Nguyên tắc an tinh đầu**VÀ VỊ TRÍ 12 CUNG**

Trước khi an sao, cần nhận định vị trí các cung đối chiếu, hợp chiếu thường được gọi ở Tử-vi là xung chiếu, tam hợp và nhị hợp, để dễ phân an sao và khỏi bị lầm lẫn sau này.

Hơn nữa nhất là lập thành Tử-vi trên bàn tay, các cung như tam Hợp cục.

THÍ DỤ : Thân Tý Thìn

Dần Ngọ Tuất

Tỵ Dậu Sửu

Hợi Mão Mùi

12 cung trên lá số như Mạnh, Huynh, Thê, Tử, Tài, Ách, Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ.

THÍ DỤ : Mạnh Tài Quan

Huynh Ách Điền

Thê Ri Phúc

Tử Nô Phụ

THÍ DỤ : Thấy Mạnh cư cung Thân, thì Tài cư Thìn và Quan cư cung Tý ở 1 tam hợp cục. cũng như các sao chính tinh (14 chính diệu) thường hợp lại thành các cách :

Tử Phủ Vũ Tướng cách

Sát Phá Tham cách

Hay Là Sát Phá Vũ Liêm Tham cách

Cơ Nguyệt Đồng Lương cách

Nhật Nguyệt cách

Sẽ kết hợp trên vị trí các cung tam hợp như Thân Tý Thìn Hợi Mão Mùi chẳng hạn, hay tại các cung Mạnh Tài Quan Thê Ri Phúc.

Vì 4 Tam hợp cục, cùng với 12 cung số và các cách Tử Phủ hay Nhật Nguyệt, có sự tương quan cùng nhau trên vị trí, nên khi biết được cung Mạnh tại tam hợp cục này, có sao nào, cách nào, có thể biết ngay được, các cung tam hợp khác có cách gì.

Nên tại sao các nhà hành nghề thiếu thị giác, khi biết được sao nào cư cung Mạnh, hay là Mạnh Tài Quan có cách nào, lại có thể biết ngay trên các cung tam hợp có cách gì, hoặc Huynh Ách Điền có cách gì, hay Tử Nô Phụ cư tại tam hợp cục nào.

Vì sự tương quan tam hợp cục, với các cung Mạnh Tài Quan, cũng như sự liên hợp các cách Tử Phủ, Sát Phá với tam hợp cục, và Mạnh Tài Quan nên biết được 1 cung hay 1 sao, là có thể tính chung được toàn thể 12 cung số vậy.

TAM HỢP CỤC LÀ 3 CUNG CHIẾU LẤN CHO NHAU

Thí dụ : Mạnh Tài Quan

Huynh Ách Điền

Thê Ri Phúc

Tử Nô Phụ

✱

THÁI-ÂM NAM MẠNH CA

Thái-âm nguyên thị thủy chi tinh
 Thân Mạnh phùng chi phúc tự sinh
 Dậu Tuất Hợi viên vi đắc địa
 Quang huy dương hiển tinh danh hanh

TƯƠNG QUAN 12 CUNG

	NGO QUAN		
	DẦN		
	NGO TUẤT		TUẤT TÀI
DẦN MẠNH			

			THỂ THÂN
RI THÌN		THÂN TỶ THÌN	
			PHÚC TỶ

TỶ ĐIỀN			
	TỶ		DẬU ÁCH
	DẬU SỬU		
	SỬU HUYNH		

		MÙI PHỤ	
	HỢI		
MÃO TỬ	MÃO MÙI		
			HỢI NÔ

12 CUNG XUNG CHIẾU

CUNG XUNG CHIẾU là 2 cung đối chiếu lẫn nhau

Thí dụ : Mạnh và Ri bao giờ cũng là cung xung chiếu nhau.

	RI		THÂN RI
MẠNH			
			RI
MẠNH DẦN		MẠNH	

BIỂU LÝ NHỊ HỢP 12 CUNG

TÝ	NGỌ	MÙI	THÂN
THÌN			DẬU
MÃO			TUẤT
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI

12 cung nhị hợp

Tý hợp Sửu

Dần hợp Hợi

Mão hợp Tuất

Thìn hợp Dậu

Tỵ hợp Thân

Ngọ hợp Mùi

Phương pháp an chư-tinh

Cung Thìn Tuất là 2 cung để khởi tính sao.

An Tả-phụ • Hữu bật

gọi tắt là TẢ HỮU hay PHỤ BẬT

Tính theo tháng sinh

AN TẢ-PHỤ :

Cung Thìn kể là tháng giêng *tính thuận* đến *tháng sinh*, mỗi cung 1 tháng.

Ngưng tại cung nào, an Tả-phụ ở cung ấy.

Thí dụ : sinh tháng 4 an Tả-phụ ở tại cung Mùi.

AN HỮU-BẬT :

Cung Tuất kể là tháng giêng *tính nghịch* đến *tháng sinh*, mỗi cung 1 tháng.

Ngưng tại cung nào, an Hữu-bật ở cung ấy.

Thí dụ : sinh tháng 4 an Hữu-bật ở tại cung Mùi.

An Tam-thai • Bát-tọa

gọi tắt là THAI TỌA

Tính theo ngày sinh

TAM-THAI :

Cung có sao Tả-phụ, kể là mồng 1, *tính nghịch tới ngày sinh*, ngưng tại cung nào, an Tam-Thai tại cung ấy.

Thí dụ : sinh mồng 8 tháng 4

An Tam-thai ở tại cung Dần.

An Bát-tọa ở tại cung Tý.

BÁT-TỌA :

Cung có sao Hữu-bật, kể là mồng 1, *tính nghịch tới ngày sinh*, ngưng tại cung nào, an Bát-tọa tại cung ấy.

PHỤ-BẬT, THAI-TỌA THƠ

Tả-phù Thìn thuận tháng sinh

Hữu-bật nghịch Tuất đình ninh chẳng là

Tả-phù thuận khởi Tam-thai

Hữu-bật nghịch Tọa khởi bài ngày sinh

Cách tập an sao lúc đầu

Vì lúc khởi đầu, không tránh khỏi sự bỡ ngỡ, nên lấy một lá số có đủ 12 cung, rồi thử tính 2 sao Phụ Bát và Thai Tọa theo như cách an ở trên, sẽ chóng quen và nhập tâm, sẽ thấy hiện ra sao Tả-hữu tại các cung như ở dưới.

Thìn Tuất là hai cung

để khởi tính cho bộ sao Tả-hữu.

Vậy sinh tháng giêng Tả tại Thìn, Hữu tại Tuất

sinh tháng 7 Tả tại Tuất, Hữu tại Thìn

sinh tháng 4 Tả Hữu đồng cung tại Mùi

sinh tháng 10 Tả Hữu đồng cung tại Sửu.

Sinh tháng 3 tháng 5 giáp biên Tả-Hữu tại cung Mùi.

Sinh tháng 9 tháng 11 giáp biên Tả-Hữu tại cung Sửu.

✱

Đọc đi đọc lại và nhận xét chừng mấy lượt sẽ nhập tâm được ngay, tới khi cần lấy số, nói tới sinh tháng nào, đã biết ngay không phải tính tới nữa.

Cũng một bộ sao Tả-Hữu này, liên quan tới các sao khác, khi cùng khởi thuận nghịch tại 2 cung Thìn Tuất, vị trí đồng cung và giáp biên cung như nhau cả.

Kiểm điểm 2 sao Thai-Tọa

Căn cứ 2 sao Tả-Hữu ở cung nào mới khởi an được 2 sao Thai-Tọa.

Thí dụ : Tả Hữu tại 2 cung Thìn Tuất.

Người sinh ngày mồng 1

Người sinh ngày mồng

Người sinh ngày 13

Người sinh ngày 23

Thời Thai tọa sẽ đồng cung với Tả-Hữu tại 2 cung Thìn Tuất.

Thí dụ : Tả-Hữu tại 2 cung Sửu Mùi.

Nếu sinh ngày mồng 1-13 và ngày 25 thời Thai-Tọa sẽ đồng cung với Tả-Hữu tại 2 cung Sửu Mùi.

Thí dụ : Thai-Tọa có cách Giáp biên Sửu Mùi.

Nếu sinh ngày mồng 2-6-8 ngày 12, ngày 14 ngày 18-20-24-26 và ngày 30 sẽ thấy Thai-Tọa giáp biên tại 2 cung Sửu Mùi.

Kiểm điểm 2 sao Xương khúc

Xem cách an sao này ở dưới.

Thí dụ : Xương Khúc vì an theo giờ sinh.

Người sinh giờ Tý an Khúc tại Thìn, Xương tại Tuất.

Người sinh giờ Ngọ an Khúc tại Tuất, Xương tại Thìn.

Người sinh giờ Mão an Khúc Xương đồng cung tại Mùi.

Người sinh giờ Dậu an Khúc Xương đồng cung tại Sửu.

Kiểm điểm 2 sao Long Phượng

Vì 2 sao này an theo năm sinh.

Người sinh năm Tý an Long tại Thìn, Phượng tại Tuất.

Người sinh năm Ngọ an Long tại Tuất, Phượng tại Thìn.

Người sinh năm Mão an Long Phượng đồng cung tại Mùi.

Người sinh năm Dậu an Long Phượng đồng cung tại Sửu.

Sinh năm Dần, năm Thìn an Long Phượng giáp biên tại Mùi.

Sinh năm Thân, năm Tuất an Long Phượng giáp biên tại Sửu.

Kiểm điểm 2 sao Quang-Quý

2 sao này an theo ngày sinh và căn cứ cung có sao Khúc Xương.

Thí dụ : Khúc Xương cư tại Thìn Tuất

Người sinh mồng 2, mồng 8-14-20-26, Quang Quý sẽ đồng cung với Khúc Xương tại Thìn Tuất.

THÍ DỤ KHÚC XƯƠNG CƯ TẠI SỬU MÙI

Người sinh mồng 1 và mồng 3.

Người sinh mồng 7 và mồng 9.

Người sinh mồng 13 và mồng 15.

Người sinh mồng 19 và mồng 21.

Người sinh mồng 25 và mồng 27,

sẽ thấy Quang Quý giáp biên tại 2 cung Sửu Mùi.

QUY LUẬT ĐỂ GHI NHỚ

Trên đây là các bộ sao đứng đầu trung và tiểu tính, sau khi kiểm điểm có thể mỗi người sẽ phát hiện được một cách nhớ khác nhau, để sau này khi tính số, nói tới sinh nam tháng ngày nào, khắc biết ngay vị trí cung an rồi, nên tại sao các người hành nghề thiếu thị giác, lại không cần tính mà có thể an được đúng cung.

Sau khi đã tìm được quy luật rồi, không sợ sai cung nữa và cứ thử kiểm điểm như trên đây mới hiểu rõ, sự liên quan của các bộ sao này, tại các cung giáp và cách đồng cư một cung được.

Nên ghi lấy phần kiểm điểm để tập áp dụng lúc nhàn rồi.

Cách an hai sao Văn-xương • Văn-khúc

Gọi tắt là KHÚC-XƯƠNG

An theo giờ sinh.

VĂN KHÚC :

Kể cung Thìn là giờ Tý, *tính thuận tới giờ sinh*, ngưng tại cung nào, an Văn-khúc tại cung ấy.

Thí dụ : sinh giờ Mão, an Văn-khúc tại cung Mùi.

VĂN XƯƠNG:

Kể cung Tuất là giờ Tý, *tính nghịch tới giờ sinh*, ngưng tại cung nào, an Văn-xương tại cung ấy.

Thí dụ : sinh giờ Mão, an Văn-xương tại cung Mùi.

An Ân-quang • Thiên-quý

Gọi tắt là QUANG-QUÝ, an theo ngày sinh.

ÂN-QUANG :

Tìm Văn-Xương ở cung nào, kể cung ấy là ngày mồng 1, *tính thuận tới ngày sinh*, ngưng tại cung nào, lùi lại 1 cung an Ân-quang ở cung ấy.

THIÊN-QUÝ :

Tìm Văn-Khúc ở cung nào, kể cung ấy là ngày mồng 1, *tính nghịch tới ngày sinh*, ngưng tại cung nào, lùi lại 1 cung an Thiên-quý ở cung ấy.

Thí dụ : sinh mồng 8, Văn-xương tại Mùi, an Ân-quang tại cung Sửu.
 Văn Khúc tại Mùi, an Thiên-quý tại cung Sửu.

An bộ thai-phụ • Phong-cáo

Gọi tắt là THAI-CÁO

Bộ sao Thai-Cáo này có 2 cách an.

Cách 1 - Theo giờ sinh.

THAI-PHỤ :

Kể cung Ngọ là giờ Tý, *tính thuận tới giờ sinh*, ngưng tại cung nào, an Thai-phụ tại cung ấy.

PHONG-CÁO :

Kể cung Dần là giờ Tý, *tính thuận tới giờ sinh*, ngưng tại cung nào, an Phong-cáo tại cung ấy.

Cách 2 – Căn cứ vào cung của sao Văn-Khúc

Trước 2 cung là sao Thai-phụ

Sau 2 cung là sao Phong-Cáo

Thí dụ : sao Văn-Khúc ở cung Mùi

An Thai-phụ ở cung Dậu

An Phong-cáo ở cung Tý

THƠ NHẬP TÂM

AN SAO XƯƠNG KHÚC, THAI-CÁO, QUANG-QUÝ

Theo giờ sao lập tinh thông

Tuất cung khởi Tý nghịch tòng Văn-Xương

Văn-Khúc Thìn thuận cho tường

Ngọ Thai, Dần Cáo, thuận đường chớ sai

Khúc-Xương nghịch thuận Quý-Quang

Quý nghịch Quang thuận lùi sang một vì

LỜI BAN

Hiện nay không thống nhất về việc an sao Ân-Quang Thiên-Quý.

Khi thì an Ân-Quang nghịch như sao Văn-Xương, vì luận rằng sao Văn-Xương khởi an nghịch tại Tuất, thời Ân-Quang cũng phải an nghịch như sao Văn-Xương.

Lại an Thiên-Quý thuận và luận rằng sao Văn Khúc khởi thuận tại Thìn, thời Thiên Quý cũng phải an thuận như sao Văn Khúc.

Nhưng khi xét qua các sách

Thí dụ : Tam-Thai tòng Tả-phụ thuận khởi,

chí ư sinh nhật an Tam-Thai.

Bát-Tọa tòng Hữu-Bật nghịch khởi,

chí ư sinh nhật an Bát-Tọa .

Ân-Quang tầm Văn-Xương thuận khởi, chí ư sinh nhật, thoái nhất vị thị Ân-Quang.

Thiên-Quý tầm Văn-Khúc nghịch khởi, chí ư sinh nhật, thoái nhất vị thị Thiên-Quý.

An bộ sao Long-trì

Phượng-các

Và sao Giải-thần

Gọi tắt là LONG PHƯỢNG, an theo năm sinh.

LONG-TRÌ :

Cung Thìn kể cung Dần là giờ Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Long-Trì tại cung ấy.

PHƯỢNG-CÁC :

Cung Tuất kể cung Dần là giờ Tý, *tính nghịch tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Phượng-Các tại cung ấy.

THƠ

Long Phượng Thìn Tuất niên sinh

Long Phượng thuận nghịch in luôn Giải thần

An bộ sao Thiên-Khôi Thiên-Việt

Gọi tắt là KHÔI-VIỆT

THƠ

Giáp Mậu thị Ngưu Dương

Ất Kỷ Thử Hầu hương

Canh Tân phùng Mã Hổ

Nhâm Quý Thố Xà tàng

Bính Đinh Trư Kê vị

Thử thị quý nhân phương.

Thí dụ : Người sinh tuổi Giáp tuổi Mậu

An Thiên-Khôi ở Sửu, an Thiên-Việt ở Mùi

Người sinh tuổi Ất tuổi Kỷ

An Thiên-Khôi ở Tý, an Thiên-Việt ở Thân

Người sinh tuổi Canh tuổi Tân

An Thiên-Khôi ở Ngọ, an Thiên-Việt ở Dần

Người sinh tuổi Nhâm tuổi Quý

An Thiên-Khôi ở Mão, an Thiên-Việt ở Tỵ
 Người sinh tuổi Bính tuổi Đinh
 An Thiên-Khôi ở Hợi, an Thiên-Việt ở Dậu

LỜI BAN

Bộ sao Thiên-Khôi, Thiên-Việt

Bộ sao này hiện nay cũng chia thành 2 phái, an ở cung khác nhau.

Vì cũng có nhiều sách in khác nhau, như Giáp Mậu, Canh nhập chung 3 can và an ở Ngưu Dương (Sửu Mùi)

Vì căn cứ như bài thơ

Thiên-Khôi Thiên-Việt cùng là quý nhân
 Giáp Mậu Canh Ngưu quân, Dương ký
 Ất Kỷ kia xuôi ngược Thử Hàu
 Tân phùng Mã Hổ vào ra

có lẽ đã bị nhầm chữ Ngưu canh là trâu cày.

Tao Vì thập thiên can dùng chung cho các khoa lý số, và nhất là hai sao Khôi - Việt , vừa là phương vị quý nhân, và Thiên Ất quý nhân .

Nên ở sách Thần Phong chính tông , chuyên về thiên can ,phương vị sinh khắc của ngũ hành thuộc niên , nguyệt , nhật , thời.

Bộ Thiên-cơ hội-nguyên chuyên về địa lý .

Bộ Dương trạch tam yếu chuyên về nhà cửa.

Bộ Xích ngọc kinh chuyên tứ thủy pháp .

đều ghi là *Canh tân sơn* Ngọ Dần vì quý nhân .

Chữ sơn là tượng trưng cho long , mà long là giải đất , về phong thủy pháp thường gọi là sơn thủy , tức là giải đất thuộc Canh hay Tân , thì Ngọ Dần là phương vị quý nhân.

KẾT LUẬN : Giáp Mậu ở Ngưu Dương
 và Canh Tân là Mã Hổ .

quyết không phải hoài nghi vậy.

An 2 sao Thiên - quan quý nhân và Thiên - phúc quý nhân.

gọi tắt là QUAN-PHÚC, an theo hàng can

Sinh tuổi Giáp an Thiên Quan ở cung Mùi .

Thiên phúc ở cung Dậu .

Sinh tuổi Ất an Thiên Quan ở cung Thìn.

Thiên phúc ở cung Thân.

Sinh tuổi Bính an Thiên Quan ở cung Tỵ .

Thiên phúc ở cung Tý.

Sinh tuổi Đinh an Thiên Quan ở cung Dần.

Thiên phúc ở cung Hợi.
 Sinh tuổi Mậu an Thiên Quan ở cung Mão.
 Thiên phúc ở cung Mão.
 Sinh tuổi Kỷ an Thiên Quan ở cung Dậu.
 Thiên phúc ở cung Dần.
 Sinh tuổi Canh an Thiên Quan ở cung Hợi.
 Thiên phúc ở cung Ngọ.
 Sinh tuổi Tân an Thiên Quan ở cung Dậu.
 Thiên phúc ở cung Tý.
 Sinh tuổi Nhâm an Thiên Quan ở cung Tuất.
 Thiên phúc ở cung Ngọ.
 Sinh tuổi Quý an Thiên Quan ở cung Ngọ.
 Thiên phúc ở cung Tý.
 THÍ DỤ : Người sinh tuổi Bính .
 An Thiên – quan ở cung Tý , an Thiên – phúc ở cung Tý .

THƠ

Thiên quan Thiên phúc Giáp đàm Mùi Kê.
 Ất Thìn, Thân, Bính về Tý Tý.
 Đinh Dần cung, Hợi vị tương lâm.
 Mậu lâm Mão, Kỷ Dậu Dần .
 Canh thời Hợi Ngọ, còn Tân Dậu Xà .
 Nhâm Tuất Ngọ, Quý Ngọ Xà .
 Thiên Nguyệt đức thuận, Kê Xà hời hương .

CƯỚC CHÚ.

Riêng người sinh tuổi Mậu, 2 sao Quan-Phúc an đồng cung ở Mão cả .

Còn các tuổi khác, căn cứ bài thơ mà an. Thiên –quan đứng trước, Thiên phúc đứng sau, thời các cung cũng thế, cung Mùi trước và cung Kê sau, nên Thiên quan an ở cung Mùi và Thiên phúc an ở cung Kê.

An bộ sao Thiên-đức ● Nguyệt-đức

Gọi tắt là THIÊN-NGUYỆT Đức, an theo năm sinh.

NGUYỆT-ĐỨC :

Cung Tý kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Nguyệt -Đức ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần, an Nguyệt -Đức tại cung Mùi.

THIÊN-ĐỨC :

Cung Dậu kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Thiên-Đức ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần an Thiên-đức tại cung Hợi .

An 3 sao : Đào-hoa ● Hồng-loan ● Thiên-kỳ

Gọi tắt là ĐÀO HỒNG HỖ an theo năm sinh.

AN ĐÀO-HOA:

Người sinh năm Thân Tý Thìn an Đào-Hoa tại Dậu

—	—	Dần Ngọ Tuất an Đào-Hoa tại Mão
—	—	Tỵ Dậu Sửu an Đào-Hoa tại Ngọ
—	—	Hợi Mão Mùi an Đào-Hoa tại Tý

Thí dụ : Người sinh năm Dần, an Đào Hoa tại cung Mão

AN HỒNG-LOAN :

Kể cung Mão là năm Tý, *tính nghịch tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Hồng-Loan tại cung ấy .

Thí dụ : Người sinh năm Dần, an Hồng Loan tại cung Sửu.

THIÊN-HỖ :

Căn cứ sao Hồng-Loan ở cung nào, tìm cung xung chiếu của cung có sao Hồng-Loan để an Thiên-hỷ.

Thí dụ : Hồng-Loan ở cung Mão, an Thiên-hỷ ở cung Dậu.

NHẬN XÉT : Bao giờ hai sao Hồng-Loan và Thiên-hỷ cũng ở cung xung chiếu với nhau.

THƠ

Niên chỉ sao ấy cũng hay
 Mão cung khởi Tý, nghịch bày Hồng-Loan
 Đối xung Thiên-hỷ một đoàn
 Đào hoa Dần Ngọ, Tuất giàn Mão cung
 Thân Tý Thìn, lập Dậu trung
 Năm Tỵ Dậu Sửu ở trong Ngọ vì
 Hợi Mão Mùi an về Tý lại

An bộ sao tứ Hoá

Hoá -lộc, Hoá - quyền, Hoá -khoa, Hoá -kỵ

Gọi tắt là Lộc, Quyền, Khoa, Kỵ

An theo hàng can và sao.

**BẢNG LIỆT KÊ 10 HẠNG CAN, MÀ TỬ HOÁ
SẼ HỘI ĐỒNG CUNG VỚI CÁC SAO**

SINH TUỔI GIÁP

Liêm-Trinh	Phá-Quân	Vũ-Khúc	Thái-Dương
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI ẤT

Thiên-Cơ	Thiên-Lương	Tử-Vi	Thái-Âm
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI BÍNH

Thiên-Đồng	Thiên-Cơ	Văn-Xương	Liêm-Trinh
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI ĐINH

Thái-Âm	Thiên-Đồng	Thiên-Cơ	Cự-Môn
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI MẬU

Tham-Lang	Thái-Âm	Hữu-Bát	Thiên-Cơ
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI KỶ

Vũ-Khúc	Tham-Lang	Thiên-Lương	Văn-Khúc
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI CANH

Thái-Dương	Vũ-Khúc	Thiên-Đồng	Thái-Âm
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI TÂN

Cự-Môn	Thái-Dương	Văn-Khúc	Văn-Xương
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI NHÂM

Thiên-Lương	Tử-Vi	Thiên-Phủ	Vũ-Khúc
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI QUÝ

Phá-Quân	Cự-Môn	Thái-Âm	Tham-Lang
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

NHẬN XÉT:

1- Người sinh tuổi Canh, bao giờ cũng có cách tam hoá liên châu, vì 3 sao Thái-Dương, Vũ-Khúc, Thiên-Đồng an theo chiều nghịch, liền với nhau 3 cung của chòm tử vi tính hệ .

2- Người sinh tuổi Tân, thì cách tam hoá khó nhất, vì hai sao Cự -Môn, Thái-Dương hay đồng cung, và hai sao Văn-Khúc, Văn-Xương, an theo chiều nghịch nhau, nên khó đứng liền cung nhau được.

THƠ

Giáp Liêm Phá Vũ Dương vi bạn
 Ất Cơ Lương Tử Nguyệt giao xâm
 Bính Đồng Cơ Xương Liêm-trình địa
 Đinh Nguyệt Đồng Cơ Cự-Môn tầm
 Mậu Tham Nguyệt Bát Cơ vị chủ
 Kỷ Vũ Tham Lương Văn-khúc đoan
 Canh Nhật Vũ Đồng Âm vi chính
 Tân Cự Nhật Khúc Xương tầm
 Nhâm Lương Tử Phủ Vũ-khúc đoan
 Quý Phá Cự Nguyệt Tham-Lang đình.

CƯỚC CHÚ .- Theo thứ tự từ Lộc, tới Quyền, tới Khoa, tới Kỵ; cũng như Liêm, tới Phá, tới Vũ, rồi tới Dương an với Hoá Kỵ cuối cùng.

Các can khác cũng cùng một nguyên tắc.

An 2 sao Thiên-tài ●Thiên-thọ

Gọi tắt là Tài-Thọ, an theo năm sinh, căn cứ cung Mạnh và cung Thần.

THIÊN-TÀI :

Cung Mạnh kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào an Thiên-tài ở cung ấy.

Thí dụ : Sinh năm Dần, lập Mạnh tại Dần, an Thiên tài ở cung Thìn.

THIÊN-THỌ :

Cung Thân kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Thiên-Thọ ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần, lập Thân ở cung Thân, an Thiên-Thọ tại cung Tuất.

An 2 sao Thiên-thương ●Thiên-sứ

THIÊN-THƯƠNG: An cố định với cung Nô-Bộ

THIÊN-SỨ : Bao giờ cũng an tại cung giải ách.

An 2 sao Thiên-Khốc ●Thiên-Hư

Gọi tắt là KHỐC-HƯ, an theo năm sinh

THIÊN-KHỐC :

Kể cung Ngọ là năm Tý, *tính nghịch tới năm sinh* ngưng tại cung nào, an Thiên-khốc tại cung ấy.

THIÊN-HƯ :

Cung Ngọ kể năm Tý, *tính theo chiều thuận tới năm sinh* ngưng tại cung nào an Thiên-hư tại cung ấy .

Thí dụ :Sinh năm Dần, an Thiên-khốc tại cung Thìn, an Thiên-hư tại cung Thân.

An 2 Thiên-la ●Địa võng

Gọi tắt là LA-VÔNG

THIÊN-LA : Bao giờ cũng an ở cung Thìn

ĐỊA-VÔNG: Bao giờ cũng an cố định ở cung Tuất.

THƠ AN

4 bộ Tài-Thọ, Thương-Sứ, Khốc-Hư, La-Vông

Thân cung thuận Thọ, Mạnh cung thuận Tài

Nô thương, Giải Sứ an bài

Ngọ cung nghịch Khốc, Ngọ đài thuận Hư

Thìn Tuất La-Vông yên cư

An 2 sao Cô-thần ●Quả-tú

Gọi tắt là CÔ-QUẢ, theo năm sinh.

1) Sinh năm Dần Mão Thìn

An sao Cô-Thần tại cung Tý

An sao Quả-Tú tại cung Sửu

2) Sinh năm Tý Ngọ Mùi

An sao Cô-Thần tại cung Thân

An sao Quả-Tú tại cung Thìn

3) Sinh năm Thân Dậu Tuất

An sao Cô-Thần tại cung Hợi

An sao Quả-Tú tại cung Mùi

4) Sinh năm Hợi Tý Sửu

An sao Cô-Thần tại cung Dần

An sao Quả-Tú tại cung Tuất

Thí dụ: Sinh năm Dần, an sao Cô-Thần tại Tý cung, an sao Quả-Tú tại Sửu cung.

THƠ

*Cô Quả Tài Trạch miếu đường
 Người Dần Thìn Mão đôi phương Xà-Ngưu
 Ty Ngọ Mùi, Thân Thìn đòi vị
 Tuất Dậu Thân, phương Hợi phương Mùi
 Hợi Tý Sửu, Cô Dần, Tuất Quả
 Tử Phủ phùng danh quả nhân xưng .*

An sao Thiên-hình

Thuận theo tháng sinh

THIÊN HÌNH:

Cung Dậu kể tháng Giêng , *tính thuận tới tháng sinh*, ngưng tại cung nào, an Thiên-hình tại cung ấy .

Thí dụ: Sinh tháng 4, an Thiên- hình tại Tý cung.

An 2 sao Thiên-riêu Thiên-y

gọi tắt là Riêu-Y, thuận theo tháng sinh.

Riêu-Y bao giờ cũng ở đồng cung .

Kể cung Sửu là tháng Giêng, tính thuận tới tháng sinh.

Ngưng tại cung nào an Riêu-Y ở cung ấy .

THÍ DỤ : Sinh tháng 4 , an Thiên-Riêu,Y tại cung Thìn.

THƠ

*Thiên hình tính nét rất hung .
 Thuận tìm tháng để tận cùng Dậu cung.
 Thiên riêu dâm đảng phiêu bồng.
 Thuận tìm sinh tháng Sửu cung hồi đầu .*

An sao Thiên-Mã

Gọi tắt là Mã an theo năm sinh.

Sinh 3 năm Thân Tý Thìn, an Thiên Mã ở cung Dần .

Sinh 3 năm Dần Ngọ Tuất, an Thiên Mã ở cung Thân.

Sinh 3 năm Ty Dậu Sửu , an Thiên Mã ở cung Hợi.

Sinh 3 năm Hợi Mão Mùi , an Thiên Mã ở cung Ty.

THÍ DỤ : a) Người sinh năm Dần .

An sao Thiên –Mã tại cung Thân.

b) Người sinh năm Mùi.

Thiên Mã an tại cung Ty.

An sao Hoa-Cái

Tuỳ theo năm sinh .

Người sinh các năm Thân Tý Thìn.

An sao Hoa-cái tại cung Thìn.

Người sinh các năm Dần Ngọ Tuất.

An sao Hoa-cái tại cung Tuất .

Người sinh các năm Tỵ Dậu Sửu

An sao Hoa-cái tại cung Sửu.

Người sinh các năm Hợi Mão Mùi.

An sao Hoa-cái tại cung Mùi.

THÍ DỤ : sinh tuổi Dần, Hoa-cái an tại cung Tuất .

Sinh tuổi Mão, an Hoa-cái tại cung Mùi

CƯỚI CHÚ : Có 2 cách để giúp trí nhớ.

Vì Thiên-Mã và Hoa-cái thường hay có cách giáp, nên nhớ hai sao để an đồng thời.

Cách 1 – Thơ

Mã trước, Cái sau, để áp dụng vào Hổ và Long

Thân Tý Thìn, Mã Cái Hổ Long

Dần Ngọ Tuất, Thân Tuất trung

Năm Tỵ Dậu Sửu, Trư cung Ngưu tàng

Hợi Mão Mùi ở Xà Dương .

Cách 2

Tên các năm khi đọc lên .

a) *Thí dụ* : Thân Tý Thìn, thì Thiên- Mã an ở cung đối xung với chữ đầu là chữ Thân

b) Tỵ Dậu Sửu, thì Thiên-Mã sẽ an ở cung xung chiếu với cung Tỵ là cung Hợi, và Thiên-Mã ở cung Hợi.

Thí dụ an sao Hoa-cái - Coi 12 tuổi như 4 tam hợp cuộc. Nên Thân Tý Thìn, an Hoa-cái ở cung Thìn (ở chữ Thìn cuối cùng của Thân Tý Thìn).

Dần Ngọ Tuất , an Hoa-cái ở cung Tuất

Tỵ Dậu Sửu , an Hoa-cái ở Sửu chữ cuối cùng.

Hợi Mão Mùi , an Hoa-cái ở cung Mùi.

CẦN NHỚ : Thiên-mã ở cung xung chiếu của chữ đầu của 4 tam hợp cuộc, và an Hoa-cái ở chữ cuối cùng .

An sao Phá-toái

Tuỳ theo năm sinh.

Sinh các năm Tý Ngọ Mão Dậu an Phá-toái ở Tý .

— — Dần Thân Tý Hợi an Phá-toái ở Dậu

— — Thìn Tuất Sửu Mùi an Phá-toái ở Sửu.

Thí dụ : Người sinh năm Dần , an sao Phá-toái ở cung Dậu.

THƠ

Tý Ngọ Mão Dậu Rắn nằm hang
Dần Thân Tý Hợi Gà khua vang
Thìn tuất Sửu Mùi Trâu Phá- toái.

An sao Kiếp- sát

tuỳ theo năm sinh

Sinh các năm Thân Tý Thìn, an kiếp sát tại cung Tý

— — Dần Ngọ Tuất — — — Hợi

— — Tý Dậu Sửu — — — Dần

— — Hợi Mão Mùi — — — Thân

Thí dụ: Người sinh năm Ngọ an Kiếp-sát ở cung Hợi.

THƠ KIẾP SÁT

Kiếp- sát phá hoại tan hoang
Thân Tý Thìn ấy ở hang rắn cùng.
Hợi Mão Mùi, Khỉ nó trông,
Tuổi Dần Ngọ Tuất , Lợn lòng đòi ăn
Tý Dậu Sửu, Kiếp tại Dần
Ngọ Kinh Đà ấy cái thân chẳng còn.

An sao Đầu-quân

Thường gọi là Nguyệt- tướng, tuỳ theo tháng sinh.

ĐẦU QUÂN

Kể cung có sao Thái-tuế là tháng giêng, tính nghịch tới tháng sinh, ngưng tại cung nào, kể cung ấy là giờ Tý , tính thuận tới giờ sinh, ngưng tại cung nào an Đầu-quân tại cung ấy.

Thí dụ: Người sinh năm Dần tháng 4 giờ Mão, an Đầu-quân ở cung Dần

THƠ

Đầu quân xảo trá muôn bề

Thái tuế khởi nghịch, tính về tháng sinh

Tháng sinh khởi, Tý rành rành

Đầu-quân thuận tính, tìm thời sinh hương.

An sao Thiên- trừ

tuỳ theo hàng can của năm sinh.

Sinh tuổi Giáp Đinh an Thiên - trừ tại Tý

—	—	Ất	Mậu	Tân	—	—	—	Ngo
—	—	Bính	—	—	—	—	—	Tý
—	—	Kỷ	—	—	—	—	—	Thân
—	—	Canh	—	—	—	—	—	Dần
—	—	Nhâm	—	—	—	—	—	Dậu
—	—	Quý	—	—	—	—	—	Tuất

Thí dụ: sinh năm Mậu hay Tân, an Thiên trừ ở cung Ngọ

THƠ

Ngựa Trừ Tân Ất Mậu

Rắn ghét cực Giáp Đinh

Chuột tằm Bính, Kê nhâm, Khuyển quý

Cọp hỏl Canh, Khỉ Kỷ quý hương.

An sao Lưu- niên văn tinh

Tuỳ theo hàng can của năm sinh

Sinh tuổi Giáp an Lưu-niên văn tinh tại Tý

Sinh tuổi Ất an Lưu-niên văn tinh tại Ngọ

Sinh tuổi Bính Mậu an Lưu-niên văn tinh tại Thân

—	—	Đinh	Kỷ	—	—	—	—	Dậu
—	—	Canh	—	—	—	—	—	Hợi
—	—	Tân	—	—	—	—	—	Tý
—	—	Nhâm	—	—	—	—	—	Dần

Sinh tuổi Quý an Lưu-niên văn tinh tại Mão

Thí dụ: Người sinh năm Bính, an Lưu-niên Văn tinh tại cung Thân

THƠ LƯU-NIÊN VĂN TINH

Giáp Tý Ất Ngọ, Bính bù Mậu Thân

Đinh Kỷ Dậu, Nhâm tại Dần

Lưu – niên Quý Mão, tuổi Tân Tý vì.

An sao Lưu- hà

Tuỳ theo hàng can của năm sinh

Sinh tuổi Giáp an Lưu- hà tại cung Dậu

— —	Ất —	— — — —	Tuất
— —	Bính	— — — —	Mùi
— —	Đinh	— — — —	Thân
— —	Mậu	— — — —	Tỵ
— —	Kỷ —	— — — —	Ngọ
— —	Canh	— — — —	Thìn
— —	Tân	— — — —	Mão
— —	Nhâm	— — — —	Hợi

Sinh tuổi Quý an Lưu- hà tại cung Dần

Thí dụ : *Người sinh tuổi Bính , an Lưu- hà tại cung Mùi*

THƠ

*Giáp Kê, Ất Khuyển, mạnh Lưu hà
Bính Mùi, Đinh Hài, Mậu kiên Xà
Kỷ Ngọ, Canh Thìn , Tân Mão vị
Nhâm Trư, Quý Hổ thị can gia.*

An 2 sao Thiên -Giải, Địa- giải

thuận theo năm sinh.

THIÊN GIẢI:

Kể cung Thân là tháng giêng, *tính thuận tới tháng sinh* ngưng tại cung nào, an Thiên -giải tại cung ấy.

Thí dụ: Người sinh tháng 4, an Thiên - giải ở cung Hợi

ĐỊA GIẢI:

Kể cung Mùi là tháng giêng, *tính thuận tới tháng sinh* ngưng tại cung nào , an Địa -giải tại cung ấy .

Thí dụ: *Người sinh tháng 4 , an Địa giải tại cung Tuất*

THƠ

*Tháng sinh Thiên , Địa giải bản
Thiên Thân, Mùi Địa thuận tầm quê hương.*

An 2 sao Hoả- tinh , Linh- tinh

Gọi tắt là HOẢ LINH, tuỳ theo giờ và năm sinh.

HOẢ- TINH:

Nam khởi Hoả - tinh trước, và Linh sau.

LINH TINH :

Nữ khởi Linh- tinh trước và Hoả sau.

Hai sao Hoả - tinh và Linh-tinh cùng an thuận cả , tùy theo năm sinh để biết , khởi Hoả- tinh và Linh- tinh ở 2 cung nào, và tùy theo giờ sinh khởi thuận , ngưng tại cung nào, an Hoả -tinh và Linh- tinh ở cung ấy .

<i>Nam nhân sinh năm</i>	<i>Cung Khởi Hoả</i>	<i>Cung khởi Linh</i>
Thân Tý Thìn	Dần	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Sửu	Mão
Tỵ Dậu Sửu	Mão	Tuất
Hợi Mão Mùi	Dậu	Tuất
<i>Nữ nhân sinh năm</i>	<i>Cung khởi Linh</i>	<i>Cung khởi Hoả</i>
Thân Tý Thìn	Dần	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Sửu	Mão
Tỵ Dậu Sửu	Mão	Tuất
Hợi Mão Mùi	Dậu	Tuất

1) THÍ DỤ: Nam sinh năm Dần giờ Mão, khởi tính Hoả tinh ở cung Sửu , và an Hoả- tinh tại cung Thìn.

Khởi tính thuận Linh- tinh ở cung Mão, và an Linh- tinh tại cung Ngọ.

2) THÍ DỤ: Nữ sinh năm Dần giờ Mão, khởi tính thuận Linh-tinh ở cung Sửu, an Linh- tinh tại cung Thìn.

Và khởi tính Hoả-tinh ở cung Mão, và an Hoả-tinh tại cung Ngọ.

THƠ

Thân Tý Thìn nhân , Dần Tuất tường.
Dần Ngọ Tuất nhân , Sửu Mão vị .
Tỵ Dậu Sửu nhân, Mão Tuất phương.
Hợi Mão Mùi nhân ,Dậu Tuất phùng.
Nam tiên khởi Hoả, Nữ tiên Linh.

An sao Thái tuế và các sao liên hệ

Sinh năm nào, an Thái tuế ở cung ấy.

Thí dụ : Người sinh năm Dần, an Thái tuế tại cung Dần.

An 4 sao Thiên- Không ●Thiếu- dương,

Quán- sách và Trục-phù

THIÊN KHÔNG, THIẾU DƯƠNG:

Khi an Thái- tuế rồi , an luôn cung đằng trước 2 sao Thiên không ,và Thiếu- dương.

QUÁN SÁCH ,TRỰC PHÙ:

Và cung sau Thái- tuế, an 2 sao Quán-sách, Trực- phù.

Thí dụ : Thái- tuế ở cung Dần.

An Thiên-không , Thiếu –dương tại cung Mão và an 2 sao Quán- sách, Trực-phù tại cung Sửu.

Vòng Thái-tuế gồm 12 sao, an thuận mỗi cung một sao là :

Thái-tuế, Thiếu- dương, Tang- môn, Thiếu- âm, Quan- phù, Tử-phù, Tuế-phá, Long- đức, Bạch- hổ, Phúc-đức, Điều- khách, Trực-phù.

Thí dụ : An Thái tuế tại cung Dần rồi.

An Thiếu-dương tại cung Mão

_ Tang-môn	_ _ Thìn
_ Thiếu-âm	_ _ Ty
_ Quan-phù	_ _ Ngọ
_ Tử-phù	_ _ Mùi
_ Tuế-phá	_ _ Thân
_ Long-đức	_ _ Dậu
_ Bạch-hổ	_ _ Tuất
_ Phúc-đức	_ _ Hợi
_ Điều-khách	_ _ Tý
_ Trực-phù	_ _ Sửu

Coi 12 sao từ Thái-tuế tới Trực-phù, như một bài thơ đọc xuôi luôn theo thứ tự, Thiếu- dương v.v...Trực-phù.

Riêng 2 sao Thiếu-dương và Trực-phù, lúc học nhập tâm thứ tự, thì đọc cho đủ 12 sao.

Nhưng khi áp dụng in sao trên bàn tay, hoặc in vào lá số, thì thực hành an luôn sao Thiên-dương cùng với Thiên-không, và an luôn sao Trực-phù với Quan-sách đồng cung.

CỨ NHỚ THEO BÀI THƠ LÁ.

Còn như Thái-tuế niên cư

Mười hai cung ấy cứ như địa bàn

Tuế tiền nhất vị thị Thiên-Thiếu

Hậu nhất vị Quán-sách, Trực-phù.

NHẬN XÉT NHẬP TÂM

Thái tuế trước có 2 sao Thiên –không, Thiếu- dương

và sau có 2 sao Quan- sách, Trực- phù.

Thái- tuế, tuế- phá thường gọi là bộ lưỡng tuế, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

1) Thí dụ: Thái tuế ở cung Dần

Thì tuế phá ở cung Thân

Thái tuế ở cung Thân

Thì bao giờ Tuế- phá cũng ở cung Dần.

2) Thí dụ : 2 sao Tang- môn và Bạch- hổ, thường gọi là bộ Tang Hổ, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

Tang- môn ở cung Mão

Thì Bạch- hổ cư cung Dậu

Nếu Tang Môn ở cung Dậu

Thì bao giờ Bạch- hổ cũng cư cung Mão

Nên thực tập tùy theo trên giấy, hay trên tay, căn cứ theo như trên, tự khắc sẽ hiểu được qui luật của các sao trên vị trí 12 cung, để sau này khi nói tới sinh năm nào, sẽ biết ngay các sao, an theo năm sinh cư cung nào, không cần phải tính tới nữa.

Cùng một quy luật trên 12 cung mà áp dụng.

1) Các sao an theo năm sinh

2) Các sao an theo tháng sinh

3) Các sao an theo ngày sinh

4) Các sao an theo giờ sinh.

Có sự gần như tương đồng tại các cung, nên tại sao các thầy hành nghề thiếu thị giác, không cần phải dùng bàn tay mà vẫn biết được, tới khi đã thuộc nhập tâm, thò lại không thể sai nên phải dùng công thức từng sao để tính, thò việc an sao đòi hỏi một sự chú trọng hầu như tuyệt đối, cũng chưa chắc hoàn hảo được.

An sao Lộc- tồn và các sao liên hệ

LỘC TỒN:

1) Tùy theo hàng can của tuổi sinh mà định cung để an sao Lộc-tồn.

2) Vòng sao Lộc- tồn sẽ an thuận, nếu là dương nam, âm nữ.

3) Và vòng sao Lộc- tồn sẽ an nghịch nếu là âm nam, dương nữ.

Thí dụ : Người sinh tuổi Bính, Lộc- tồn an tại Tỵ cung.

Người sinh tuổi Bính là dương nam, nên các sao của vòng Lộc- tồn sẽ an thuận, mỗi sao một cung.

Sinh năm Giáp an Lộc-tồn tại cung Dần

— — Ất — — — — — Mão

Sinh năm Bính Mậu an Lộc- tồn tại cung Tỵ

— — Đinh Kỷ — — — — — Ngọ

Sinh năm Canh an Lộc-tồn tại cung Thân

— — Tân — — — — — Dậu

— — Nhâm — — — — — Hợi

Sinh năm Quý an Lộc- tồn tại cung Tý

THƠ

*Giáp Dần , Ất Mão , Bính Mậu Ty
Đinh Kỷ Ngọ , Canh Thân
Tân Dậu , Nhâm Hợi , Quý Lộc Tý
Lộc- tồn tiền hậu an ngay Kinh-Đà.*

BÁC SỸ :

Lộc- tồn bao giờ cũng đồng cung với sao Bác- Sỹ nên khi an Lộc-tồn, không nên quên Bác-sỹ.

An Kinh- dương và Đà- la : Kinh-dương và Đà-la bao giờ cũng ở hai bên sao Lộc-tồn.

Nên khi an Lộc-tồn , Bác-Sỹ xong, nên an ngay Kinh-dương ở cung đằng trước Lộc-tồn.

Và an sao Đà-La ở cung sau liền với cung có sao Lộc-tồn.

Thí dụ : Lộc tồn ở cung Ty

An Kinh-dương tại cung Ngọ

An sao Đà-la ở cung Thìn.

Vòng sao Lộc-tồn, ngoài 3 sao Bác-Sỹ, Kinh-dương Đà-la còn 11 sao đi theo là:

Lộc-tồn, Lực-Sỹ, Thanh-long, Tiểu-Bao, Tướng-quân, Tấu-thư, Phi-liêm, Hỷ- thần, Bệnh-phủ, Đại-hao, Phục-bệnh, Quan-phủ.

Coi 12 sao Lộc-tồn Bác-Sỹ, Lực-Sỹ như một bài thơ đọc xuôi luôn theo thứ tự.

Thí dụ : Lộc-tồn, Bác-sỹ, Lực-Sỹ v.v...tới Quan phủ.

Tuỳ theo thuận nghịch , an mỗi sao một cung sau khi đã an Lộc-tồn.

Thí dụ : An thuận cho người Dương Nam và Âm Nữ

thấy Lộc-tồn tại cung Ty

An lực-sỹ tại cung Ngọ, cùng với Kinh Dương

Thanh Long tại Mùi cung

Tiểu Hao tại Thân cung

Tướng Quân tại Dậu cung

Tấu Thư tại Tuất cung

Phi Liêm tại Hợi cung

Hỷ Thần tại T ý cung

Bệnh phủ tại S ửu cung

Đại Hao tại Dần cung

Phục Binh tại Mão cung

An Quan Phủ tại Thìn cung, cùng với Đà La.

Ngược lại nếu an Lộc tồn nghịch cho người âm nam và dương nữ sẽ thấy.

Sao Lực Sỹ đồng cung với sao Đà La ở Thìn. Và sao Quan Phủ đồng cung với sao Kinh Dương tại Ngọ.

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ

1) Lộc-tồn bắt cư tứ mộ, là sao Lộc tồn không bao giờ cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi cả.

Vì can có 10 hàng can, Lộc tồn theo can, lại có hai hàng can nhập một như: Bính Mậu thì Lộc tồn tại Ty, và hai can Đinh Kỷ thì Lộc tồn tại Ngọ, cũng coi như Lộc tồn chỉ có 8 hàng can, nên không có Lộc tồn ở tứ mộ được.

2) Nên nhận định vị trí 4 sao của vòng Lộc tồn để sau này không cần tính mà khắc được, là các sao tướng Quân, Phục-bình, Tiểu-hao, Đại-hao.

a) Hai sao Tướng quân, Phục-bình thường gọi là bộ Tướng Phục, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

b) 2 sao Tiểu-hao, Đại-hao thường gọi là song Hao, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

Thí dụ : Sao Tiểu-hao cư cung Ty

Thì sao Đại-hao bao giờ cũng ở cung Hợi.

An sao Tràng-sinh và các sao liên hệ

Tuỳ theo Cục và Âm Dương

1) TRÀNG – SINH:

Muốn an Tràng-sinh trước hết phải biết thuộc cục nào. Và thuộc dương nam âm nữ, để định cung an Tràng sinh, để khởi thuận hay khởi nghịch.

2) ĐỊNH CUNG AN TRÀNG-SINH THEO CỤC VÀ ÂM DƯƠNG

Dương nam âm nữ, Mộc tam cục, an Tràng sinh tại cung Hợi, thuận khởi.

Dương nam âm nữ, Kim tứ cục, an Tràng sinh tại Ty cung, thuận khởi.

Dương nam âm nữ, Hoả lục cục, an Tràng sinh tại cung Dần, thuận khởi

Dương nam âm nữ, Thuỷ nhị cục và Thổ ngũ cục, an Tràng sinh tại Thân cung, thuận khởi.

3) ĐỊNH CUNG AN TRÀNG-SINH THEO CỤC VÀ ÂM DƯƠNG

Âm nam dương nữ, Mộc tam cục, an Tràng-sinh tại Mão cung, nghịch khởi.

Âm nam dương nữ, Kim tứ cục, an Tràng-sinh tại Dậu cung, nghịch khởi.

Âm nam dương nữ, Hoả lục cục, an Tràng-sinh tại Ngọ cung, nghịch khởi.

Âm nam dương nữ, Thuỷ nhị cục và Thổ ngũ cục, an Tràng-sinh tại Tý cung, nghịch khởi.

Thí dụ : Dương nam Mộc tam cục, an Tràng sinh tại Hợi thuận khởi.

Âm nam Mộc tam cục, an Tràng sinh tại Mão cung và nghịch khởi.

4) Vòng Tràng-sinh gồm 12 sao tuỳ theo thuận khởi, hay nghịch khởi, an mỗi sao 1 cung là: Tràng-sinh, Mộc-dục, Quang-đối, Lâm-quang, Đế-vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng.

5) Dương nhiên coi như một bài thơ đọc xuôi cho tới nhập tâm từ Tràng-sinh, Mộc-dục...cho tới Thai, Dưỡng.

An Tràng-sinh và 11 sao liên hệ.

a)Thí dụ:Mộc tam cục, dương nam âm nữ thuận khởi.

An Tràng-sinh tại cung Hợi.

An Mộc-dục tại cung Tý.

An Quang-đới tại cung Sửu.

An Lâm-quang tại cung Dần.

An Đế-vượng tại cung Mão.

An sao Suy tại cung Thìn.

An sao Bệnh tại cung Ty.

An sao Tử tại cung Ngọ.

An sao Mộ tại cung Mùi.

An sao Tuyệt tại cung Thân.

An sao Thai tại cung Dậu.

An sao Dưỡng tại cung Tuất.

b) Thí dụ:Mộc tam cục âm nam hay dương nữ an nghịch khởi tại Mão cung.

An Tràng-sinh tại cung Mão.

An Mộc-dục tại cung Dần

An Quang-đới tại cung Sửu.

An Lâm-quang tại cung Tý.

An Đế-vượng tại cung Hợi.

An sao Suy tại cung Tuất

An sao Bệnh tại cung Dậu.

An sao Tử tại cung Thân.

An sao Mộ tại cung Mùi.

An sao Tuyệt tại cung Ngọ.

An sao Thai tại cung Ty.

An sao Dưỡng tại cung Thìn.

NHẬN ĐỊNH ĐỂ GHI NHỚ

1) 2 sao Tràng-sinh và Bệnh bao giờ cũng ở cung xung chiếu với nhau.

Tràng-sinh an tại cung Mão

Thì sao Bệnh an tại cung Dậu.

Nếu Tràng-sinh tại cung Dậu.

Thì sao Bệnh bao giờ cũng ở Mão cung.

2) 2 sao Đế-Vượng và Thai bao giờ cũng ở cung xung chiếu với nhau.

Khi đế-vượng an tại cung Mão

Thì sao Thai bao giờ cũng ở cung Dậu.

Nếu Thai cư cung Mão.

Thì Đế-vượng cư tại Dậu cung.

THƠ AN TRÀNG- SINH

Dương nam âm nữ thuận hành

Người Kim tứ cục Sinh dành Ty cung

Hoả cục tràng đóng tại Dần

Người Mộc tam cục có phần Hợi hương

Thân cung Thuỷ Thổ biên cương

Tràng-sinh qua mục nghịch phương an bài

Âm nam dương nữ nghịch đương

Hoả cục Ngọ đường , Mão chính Mộc tam

Xét tra Kim cục Dậu gia

Thuỷ Thổ cục lấy Tý toà nhân ai .

An 2 sao Địa-kiếp, Địa-không

Gọi tắt là KIẾP KHÔNG

Theo giờ sinh Kiếp thuận , Không nghịch

ĐỊA-KIỆP:

Kể cung Hợi là giờ Tý, tính thuận tới giờ sinh , ngưng tại cung nào an Địa kiếp tại cung ấy .

ĐỊA-KHÔNG:

Kể cung Hợi là giờ Tý, tính nghịch tới giờ sinh , ngưng tại cung nào an Địa không tại cung ấy .

Thí dụ : Người sinh giờ Mão

An Địa-kiếp tại cung Dần , an Địa-không tại cung Thân.

THƠ

Kiếp không khởi tự Hợi cung

Không nghịch kiếp thuận , long hung tùy thời

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ**1) KIẾP KHÔNG ĐỒNG CUNG**

Sinh giờ Tý : Kiếp Không đồng cung tại Hợi

Sinh giờ Ngọ: Kiếp Không đồng cung tại Ty

2) KIẾP KHÔNG GIÁP BIÊN:

Sinh giờ Sửu, giờ Hợi: Kiếp Không giáp biên tại Hợi

Sinh giờ Ty, giờ Mùi: Kiếp Không giáp biên tại Ty

3) KIẾP KHÔNG CƯ 2 CUNG XUNG CHIẾU NHAU:

Sinh giờ Mão: Kiếp an tại Dần.

Và an Không tại Thân cung

Sinh giờ Dậu: an Địa-kiếp tại cung Thân

Và an Địa-không tại cung Dần

Tập bấm cung ở bàn tay 2 sao Địa-kiếp, Địa-không này , an theo giờ sinh , sẽ nhập tâm được sinh giờ nào , có cách đồng cung , giờ nào có cách giáp biên , và giờ nào sẽ cư cung xung chiếu nhau, để sau không phải tính tới Kiếp Không khi lấy số.

An Mạnh-chủ

Tuỳ theo năm sinh.

Người sinh năm Tý an Mạnh chủ với Tham-lang

Người sinh năm Sửu Hợi an Mạnh chủ với Cư-môn

— — — Dần Tuất__ — — — Lộc-tồn

— — — Mão Dậu__ — — — Văn-khúc

Người sinh năm Ngọ an Mạnh chủ với Phá-quân

— — — Thân Thìn an Mạnh chủ với Liêm -trinh

— — — Mùi Ty — — — — — Vũ-khúc

An Thân- chủ

Người sinh năm Tý an Thân chủ với Linh-tinh

— — — Sửu Mùi — — — Thiên-tướng

— — — Ngọ — — — Hoả-tinh

— — — Dần Thân_ — — — Thiên-lương

— — — Mão Dậu _ — — — Thiên-đồng

— — — Thìn Tuất_ — — — Văn-xương

— — — Ty Hợi — — — — — Thiên-cơ.

Thơ an Mạnh-chủ

Mạnh –chủ sao lại kể ra
 Tuổi Hợi, tuổi Sửu cùng nhà Cự –môn
 Dần Tuất Hợi với Lộc-tồn
 Mão Dần Văn Khúc Chuột còn Tham-Lang
 Vũ-khúc Rắn trắng Dê vàng
 Liêm trinh Rồng Khỉ, Ngựa hàng Phá quân

Thơ an Thân- chủ

Thân –chủ ngộ hãm thời hung
 Người mà tuổi Tý hội cùng Linh-tinh
 Tuổi Ngọ sao Hoả một mình
 Sửu Mùi Thiên-tướng Thiên-lương Thân Dần
 Thiên-đồng Mão Dậu xuất thân
 Thiên cơ Tý Hợi một phần không sai
 Thìn Tuất Văn-xương an bài
 Đồng cung Thân Mạnh mấy ai sánh tầy.

An sao Triệt-lộ

Gọi tắt là Triệt

TRIỆT:

Tuỳ theo hàng can của tuổi sinh, mà định cung an sao Triệt.

Sao Triệt cư giữa vị trí của 2 cung

SINH THUỘC CAN

Giáp Kỷ
 Ất Canh
 Bính Tân
 Đinh Nhâm
 Mậu Quý

CUNG AN TRIỆT

Thân Dậu
 Mùi Ngọ
 Thìn Tỵ
 Dần Mão
 Tý Sửu

BẢNG KÊ TRIỆT AN TẠI 10 CUNG

BÍNH TÂN	ẤT CANH	GIÁP KỶ
ĐINH NHÂM	MẬU QUÝ	

Thí dụ: Người sinh năm Bính Dần hay Tân Ty

An Triệt ở giữa 2 cung Thìn và Ty

THƠ AN TRIỆT

Triệt không thời Giáp Kỷ Hầu Kê
 ất Canh Mùi Ngọ đi về
 Bính Tân Thìn Ty vẫn nề xưa nay
 Đinh Nhâm Dần Mão sánh bày
 Mậu Quý Tý Sửu phương này lạ thay.

An sao Tuần không

Gọi tắt là TUẦN

TUẦN:

Muốn an sao Tuần, phải tính xem tuổi sinh thuộc Giáp nào trong Lục giáp.

Vì sao Tuần an theo giáp, thường gọi là con nhà giáp nào, thí dụ: Giáp Tý, Giáp Tuất.

Tuần cũng cư ở vị trí giữa 2 cung như sao Triệt.

Tính thấy tuổi sinh thuộc Giáp nào

Một Giáp là 10 tuổi	Cung an Tuần
Khởi từ Giáp Tý tới Quý Dậu	Tuất + Hợi
Khởi từ Giáp Tuất tới Quý Mùi	Thân + Dậu
Khởi từ Giáp Thân tới Quý Ty	Ngọ + Mùi
Khởi từ Giáp ử Ngọ tới Quý Mão	Thìn +
Khởi từ Giáp Thìn tới Quý Sửu	Dần + Mão
Khởi từ Giáp Dần tới Quý Hợi	Tý + Sửu

BẢNG KÊ TUẦN AN TẠI 12 CUNG

GIÁP NGỌ	GIÁP THÂN	GIÁP TUẤT
GIÁP THÌN	GIÁP DẦN	GIÁP TÝ

Xem bảng kê dưới :

Phải tính tuổi sinh thuộc con nhà Giáp nào, để an sao Tuần tại cung nào.

Người sinh tuổi	:Thuộc Giáp nào	:Cung an Tuần
Ất Sửu hay Nhâm Thân	:Giáp Tý	:Tuất Hợi
Ất Hợi hay Nhâm Ngọ	:Giáp Tuất	: Thân Dậu
Ất Dậu hay Nhâm Thìn	:Giáp Thân	:Ngọ Mùi
Ất Mùi hay Nhâm	:Giáp Ngọ	:Thìn Tỵ
Ất Tỵ hay Nhâm Tý	:Giáp Thìn	: Dần Mão
Ất Mão hay Nhâm Tuất	:Giáp Dần	:Tý Sửu

Cách ghép can chi để biết thuộc Giáp nào trong 6 Giáp, vì Thiên can chỉ có 10 hàng , mà địa chi có 12.

1)Bắt đầu lấy chữ đầu của hàng can là Giáp, đem ghép với chữ đầu của hàng chi, thành ra Giáp Tý , nếu cứ ghép xuôi tới 10 hàng , thì chữ Quý cuối cùng của 10 hàng can sẽ gặp địa- chi Dậu, như vậy là hết 1 Giáp, và các tuổi từ Giáp Tý tới Quý Dậu sẽ thuộc con nhà Giáp Tý.

2)Lại tiếp tục lấy chữ đầu của hàng can là Giáp , ghép với chữ Tuất của hàng chi còn lại, nhập chung lại sẽ thấy Giáp Tuất, và cứ như thế , thứ tự nạp xuôi , tới khi chữ Quý cuối cùng bên hàng can , gặp chữ nào ở bên địa-chi, tức là hết một Giáp , như vậy tuổi từ Giáp Tuất tới Quý Mùi đều thuộc con nhà Giáp Tuất cả.

3)Cứ thứ tự nạp xuôi như trên , sẽ thấy hiện ra 5 vòng địa-chi hợp với 6 vòng Thiên can , cho đủ 60 năm , mới đủ 6 giáp.

Vì Thiên can có 10 hàng , phải 6 lần mới đủ 60 năm.

Và địa-chi có 12, chỉ 5 lần đã đủ 60 năm, nên khi ghép can với chi, mới thấy thừa lại 2 hàng địa-chi, ngay từ giáp đầu là Giáp Tý, và phải ghép đủ với nhau 60 năm mới thấy bên Thiên can tới chữ Quý, thì bên địa-chi cũng tới chữ Hợi :

Như vậy, năm Giáp Tý là năm khởi đầu của một vòng 60 năm và năm Quý Hợi là năm cuối cùng của 1 vòng 60 năm. Và trong 1 vòng 60 năm, gồm đủ tục Giáp như ta thường thấy.

THƠ AN TUẦN

Tuần không tính nghịch vòng quanh
Giáp Tý Tuất Hợi ngóng trông đêm ngày
Giáp Tuất Thân Dậu giải bày
Giáp Ngọ Thìn Tỵ Giáp Thân Ngọ Mùi
Giáp Thìn Dần Mão nhớ ai
Giáp Dần Tý Sửu không sai một phần.

CÁCH AN SAO TUẦN TRÊN BÀN TAY

Phải tính tuổi sinh thuộc con nhà giáp nào, để an sao Tuần trên 12 cung.

Thập can có 10 hàng là:

Giáp ắt Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý.

COI NHƯ MỘT BÀI THƠ

Đọc ngược lại nhập tâm là :

Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính ắt Giáp.

Nguyên tắc : Bấm tuổi sinh vào cung địa bàn, rồi đọc ngược, và bấm ngược hàng can, bắt đầu từ can tuổi sinh tới Giáp, vì chữ Giáp là đầu của thập can.

Thí dụ : Người sinh tuổi Bính Dần

-Bấm can Bính vào cung Dần, rồi đọc ngược hàng can Bính Ất Giáp.

Sẽ thấy : Bính ở cung Dần

ắt ở cung Sửu

Và Giáp ở cung Tý

Như vậy biết ngay, tuổi Bính Dần thuộc con nhà Giáp Tý, an sao Tuần ở giữa hai cung Tuất Hợi.



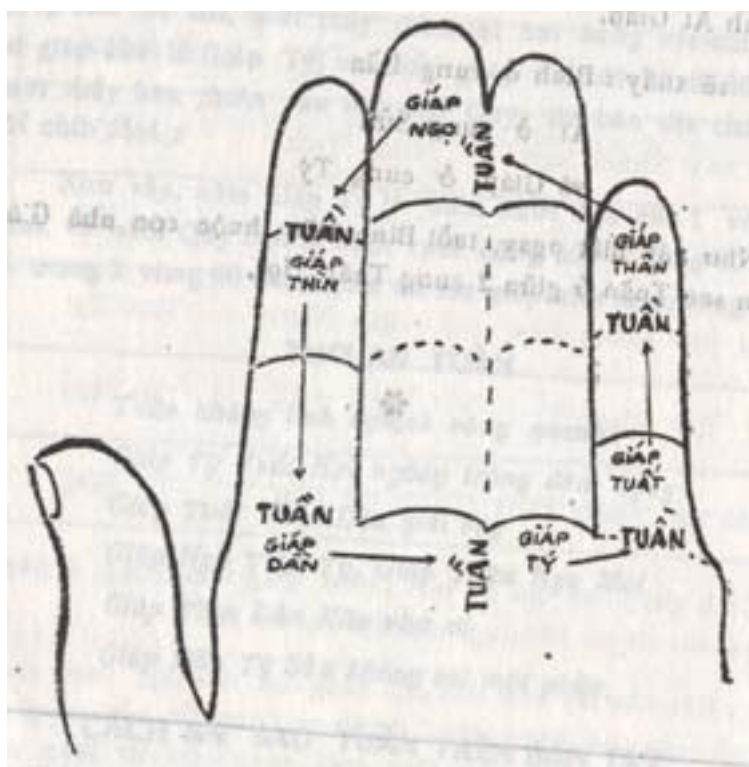
CỤ MÔN NAM MẠNH CA

Cụ môn Tý Ngọ nhị cung phùng.
Cục trung đắc ngộ rĩ vi vinh.
Tam hợp hoá cát Khoa Quyền Lộc
Quan cao cực phẩm y tử bác.

NGUYÊN TẮC AN SAO TUẦN

Sao Tuần an theo lục giáp

Vị trí lục giáp trên bàn tay



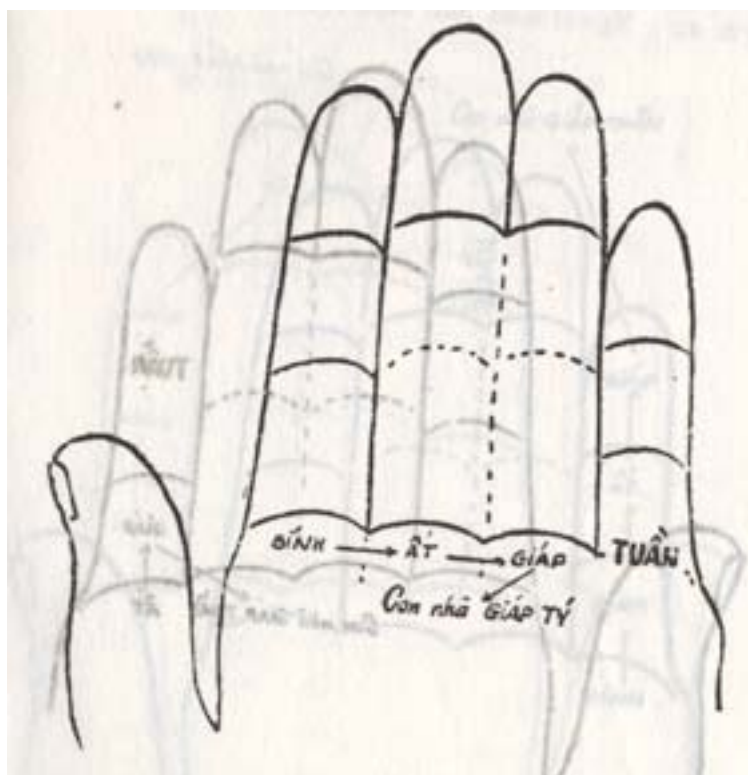
- 1) Giáp Tý ở cung Tý an sao Tuần tại Tuất Hợi.
- 2) Giáp Tuất ở cung Tuất an sao Tuần tại Thân Dậu.
- 3) Giáp Thân ở cung Thân an sao Tuần tại Ngọ Mùi.
- 4) Giáp Ngọ ở cung Ngọ an sao Tuần tại Thìn Tỵ.
- 5) Giáp Thìn ở cung Thìn an sao Tuần tại Dần Mão.
- 6) Giáp Dần ở cung Dần an sao Tuần tại Tý Sửu.

MỘT GIÁP CÓ 10 TUỔI TỪ GIÁP TÝ TỚI QUÝ DẬU

Hình vẽ áp dụng an sao Tuần.

Thí dụ :người sinh tuổi Bính Dần

Thuộc con nhà giáp nào



NGUYÊN TẮC TÌM TUỔI THUỘC GIÁP NÀO

Bắt kể tuổi sinh nào , nạp ngược và bấm cung ngược , khởi từ can tuổi sinh , tới khi giáp gặp cung nào, tức là tuổi sinh thuộc Giáp ấy.

Nạp âm và bấm nghịch Bính Ất Giáp .

Bính tại cung Dần.

Ất tại cung Sửu

Giáp tại cung Tý, như vậy tuổi sinh thuộc Giáp Tý

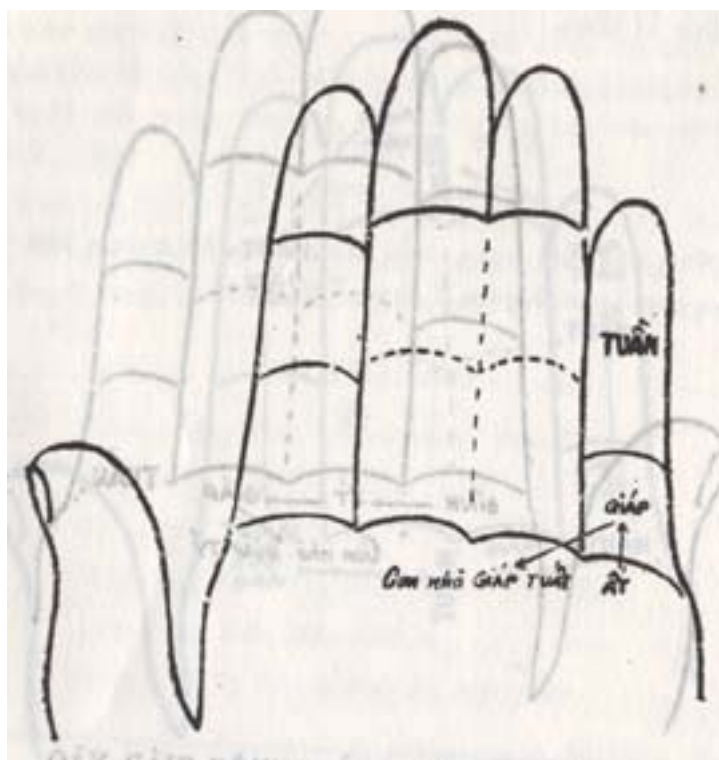
An sao Tuần ở Ất Hợi.

MỘT GIÁP CÓ 10 TUỔI KHỞI TỪ GIÁP TỚI QUÝ

Áp dụng tìm an sao Tuần.

Thí dụ : người sinh tuổi ất Hợi

Thuộc con nhà giáp nào



NGUYÊN TẮC : Bất kể tuổi sinh nào , nạp ngược hàng can ,cho tới khi giáp gặp cung nào, tức là tuổi sinh thuộc Giáp ấy.

Nạp âm và bấm ngược hàng can: Ất Giáp .

Bấm Ất vào cung Hợi.

Giáp vào cung Tuất, như vậy tuổi Ất Hợi thuộc

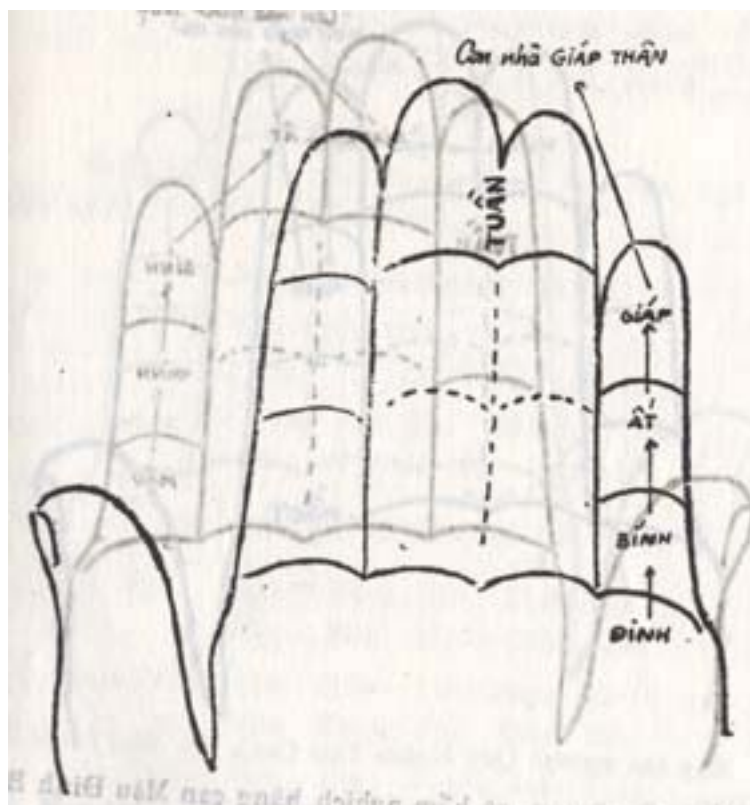
Giáp Tuất.

An sao Tuần tại Thân Dậu cung.

GIÁP ĐỨNG ĐẦU , QUÝ ĐỨNG CUỐI LÀ 1 GIÁP

Áp dụng tuổi sinh thuộc Giáp nào

Thí dụ :người sinh tuổi Đinh Hợi



Nạp âm ngược hàng can Đinh Ất Giáp.

Bấm Đinh tại cung Hợi tức là tuổi sinh.

Bính tại cung Tuất.

Ất tại cung Dậu

Giáp tại cung Thân, tuổi sinh thuộc Giáp Thân.

An sao Tuất tại Ngọ Mùi.

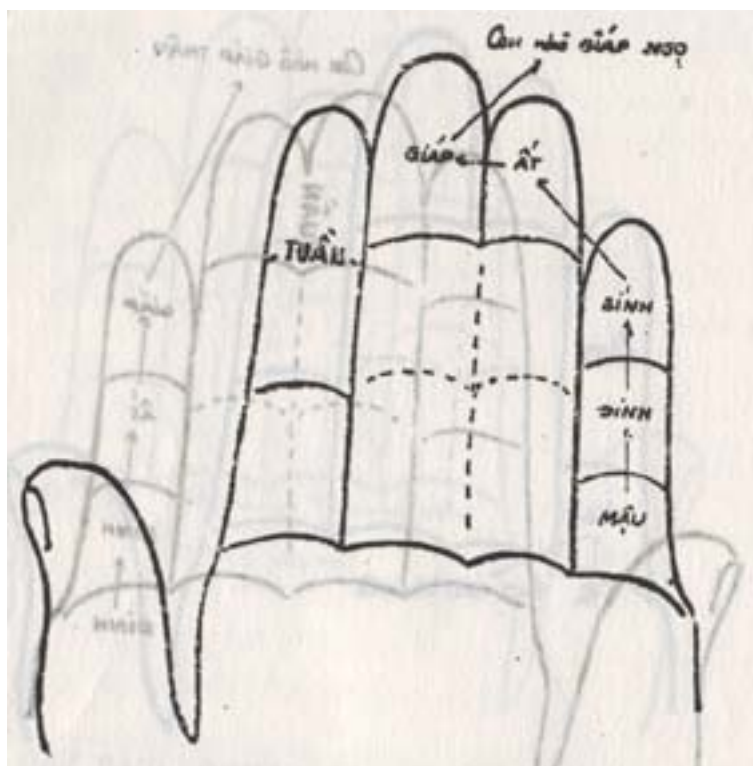
10 TUỔI THUỘC GIÁP NGỌ

Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất.

Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão.

Áp dụng tìm tuổi thuộc giáp nào.

Thí dụ: Người sinh tuổi Mậu Tuất.



Nạp âm ngược và bấm ngược hàng can Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

- 1) Bấm Mậu vào cung Tuất.
- 2) Bấm Đinh vào cung Dậu
- 3) Bấm Bính vào cung Thân
- 4) Bấm Ất vào cung Mùi
- 5) Bấm Giáp vào cung Ngọ

Như vậy tuổi sinh thuộc con nhà Giáp Ngọ.

An sao tuần vào cung Thìn Ty.

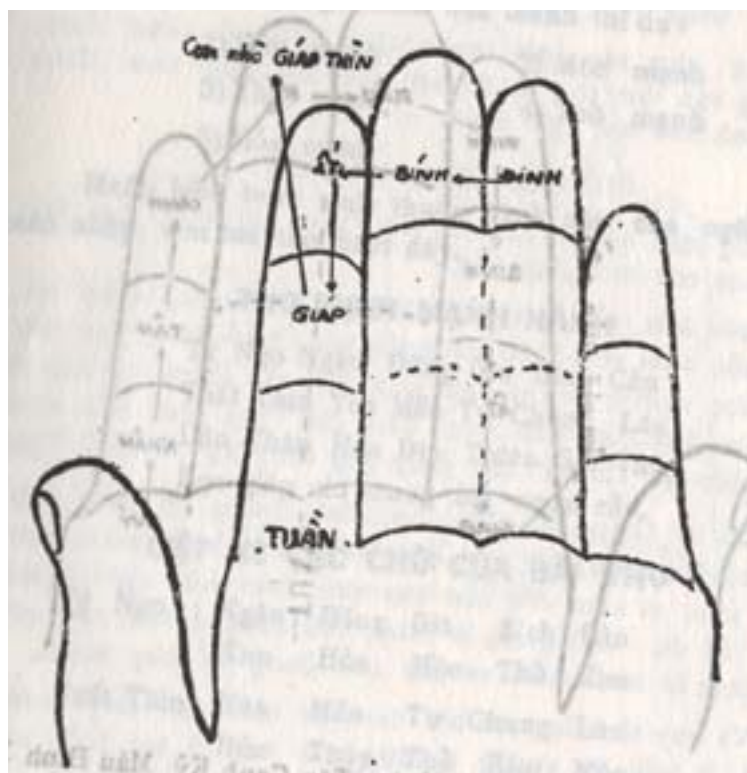
10 TUỔI THUỘC GIÁP THÌN

Giáp Thìn, Ất Ty, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân.

Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu.

Áp dụng tìm tuổi thuộc giáp nào.

Thí dụ: Người sinh tuổi Đinh Mùi.



Nạp âm ngược hàng can áp dụng cho tất cả các tuổi.

- 1) Bấm Đinh vào cung Mùi.
- 2) Bấm Bính vào cung Ngọ
- 3) Bấm Ất vào cung Ty
- 4) Bấm Giáp vào cung Thìn

Như vậy tuổi sinh Đinh Mùi thuộc Giáp Thìn.

An sao tuần tại cung Dần Mão.

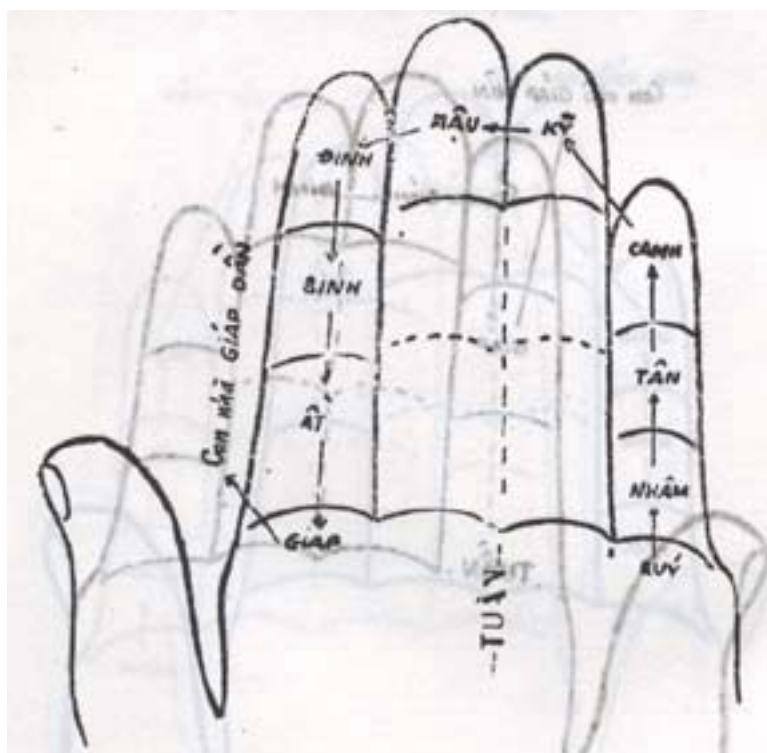
10 TUỔI THUỘC GIÁP DẦN

Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Ty, Mậu Ngọ.

Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi.

Áp dụng tìm tuổi thuộc giáp nào.

Thí dụ: Người sinh tuổi Quý Hợi.



Nạp âm ngược Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1) Bấm Quý vào Hợi | 2) Bấm Nhâm vào cung Tuất. |
| 3) Bấm Tân vào cung Dậu | 4) Bấm Canh vào cung Thân. |
| 5) Bấm Kỷ vào cung Mùi | 6) Bấm Mậu vào cung Ngọ . |
| 7) Bấm Đinh vào cung Tỵ | 8) Bấm Bính vào cung Thìn . |
| 9) Bấm Ất vào cung Mão | 10) Bấm Giáp vào cung Dần. |

Như vậy tuổi sinh Quý Hợi thuộc con nhà Giáp Dần.

An sao tuần vào cung Tý Sửu.

Phương Pháp

Định ngũ hành Bản Mệnh

BẢN MẠNH NGŨ HÀNH :

Mệnh có ngũ hành của mệnh thí dụ:

- | | |
|-------------|------------|
| 1)Kim mệnh | 2)Mộc mệnh |
| 3)Thuỷ mệnh | 4)Thổ mệnh |
| 5)Hoả mệnh | |

Muốn biết tuổi sinh thuộc hành nào của ngũ hành nên nhập tâm bài thơ dưới đây.

THƠ ĐỊNH MẠNH HÀNH

Tý Ngọ Ngân Đăng Gia Bích Câu

Tuất Thìn Yên Mãn tự Chung Lâu
 Dần Thân Hán Địa Thiêu Sài Thấp
 Lục giáp chi trung bất ngoại cầu .

LIỆT KÊ CÁC CHỮ CỦA BÀI THƠ

Tý Ngọ : Ngân Đẳng Giá Bích Câu
 Kim Hoả Mộc Thổ Kim
 Tuất Thìn : Yên Mãn Tự Chung Lâu
 Hoả Thuỷ Thổ Kim Mộc
 Dần Thân: Hán Địa Thiêu Sài Thấp
 Thuỷ Thổ Hoả Mộc Thuỷ

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ

Giáp Tý và Giáp Ngọ thiếu 1 hành thuỷ, lại có 2 hành kim, vì chữ đầu Ngân Kim chữ cuối Câu Kim.

Giáp Dần và Giáp Thân thiếu 1 hành Kim, lại có 2 hành Thuỷ, vì chữ đầu Hán Thuỷ, chữ cuối thấp cũng là Thuỷ.

Chỉ có Giáp Thìn và Giáp Tuất gồm đủ 5 hành.

PHÂN ĐỊNH BÀI THƠ

Hai chữ Tý Ngọ của câu thơ đầu , dùng cho Giáp Tý và Giáp Ngọ.

Hai chữ Tuất Thìn là chữ phù đầu của câu thơ thứ hai, dùng cho Giáp Tuất và Giáp Thìn.

Cũng như các tuổi thuộc Giáp Dần và Giáp Thân, thời dùng câu thơ thứ ba để nạp âm , mà định xem Mệnh thuộc hành nào của ngũ hành

PHẦN ÁP DỤNG BÀI THƠ

Cũng như nguyên tắc của sao Tuần, khi muốn tìm tuổi sinh thuộc con nhà Giáp nào.

Muốn biết tuổi sinh thuộc hành nào , dùng ngón tay cái bấm tuổi năm sinh vào cung địa bàn , (mỗi hàng can một cung) đọc ngược từ can năm sinh đến can Giáp(vì Giáp là hàng can đầu của thập can) , Giáp gặp cung nào , tuổi sinh thuộc Giáp ấy . Thí dụ can Giáp gặp cung Ngọ là Giáp Ngọ.

Lại từ Giáp dùng bài thơ, tính thuận tới tuổi sinh , thấy tuổi sinh gặp chữ nào của câu thơ, thì biết Mệnh thuộc hành nào , vì năm chữ của câu thơ, thời mỗi chữ là một hành, thí dụ : chữ giang là thuỷ chữ đặng là hoả, nên gặp chữ đặng là hoả mệnh , và gặp chữ giang là thuỷ mệnh.

NGUYÊN TẮC THU NGẮN

- 1)Nạp âm ngược hàng can tìm tuổi thuộc Giáp nào?
- 2)Tính thuận câu thơ tới tuổi sinh.
- 3)Gặp chữ nào Mệnh thuộc hành ấy.
- 4)Nạp nghịch hàng can , mỗi can một cung.

5) Nạp thuận câu thơ, mỗi chữ ăn 2 cung.

CƯỚC CHÚ: Xem các hình vẽ để tập nạp âm, tính xem Mệnh thuộc hành nào của ngũ hành.

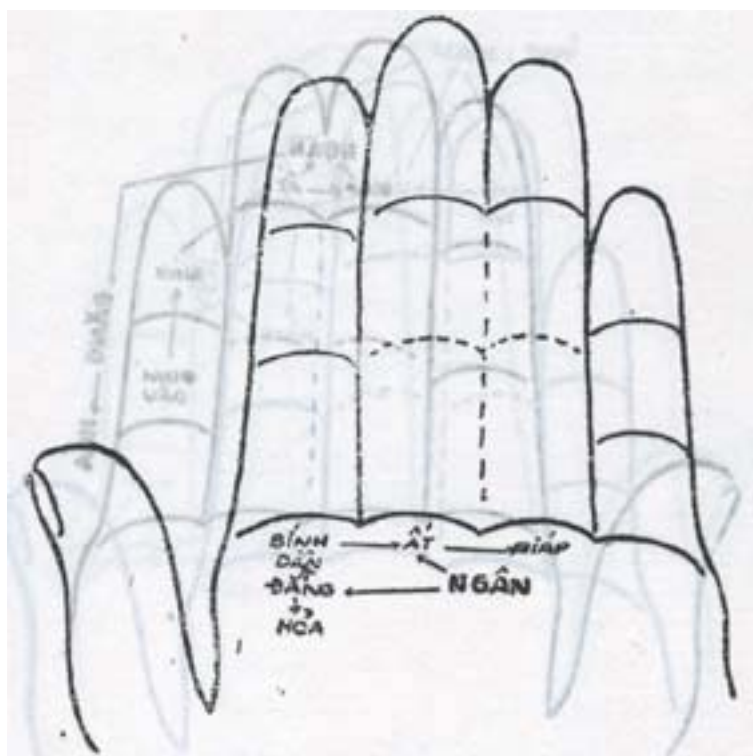
Tìm Mệnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI BÌNH DẦN**

Thuộc **HỎA MẠNH**

10 tuổi thuộc Giáp Tý

Áp dụng thơ: Ngân Đăng Giá Bích Câu



- Khởi sự bấm Bình vào cung Dần, Ất vào cung SửuThân, Giáp vào cung Tý, như vậy tuổi Bình Dần thuộc Giáp Tý.
- Giáp Tý và Giáp Ngọ đều dùng chung câu thơ.
- Tý Ngọ Ngân Đăng Giá Bích Câu. Thơ tính thuận.
- Bấm Ngân vào cung Tý và cung Sửu.
- Đăng vào cung Dần ngưng lại vì là tuổi Bình Dần.
- Chữ Đăng là hỏa, nên biết tuổi Bình Dần là Mệnh Hỏa.

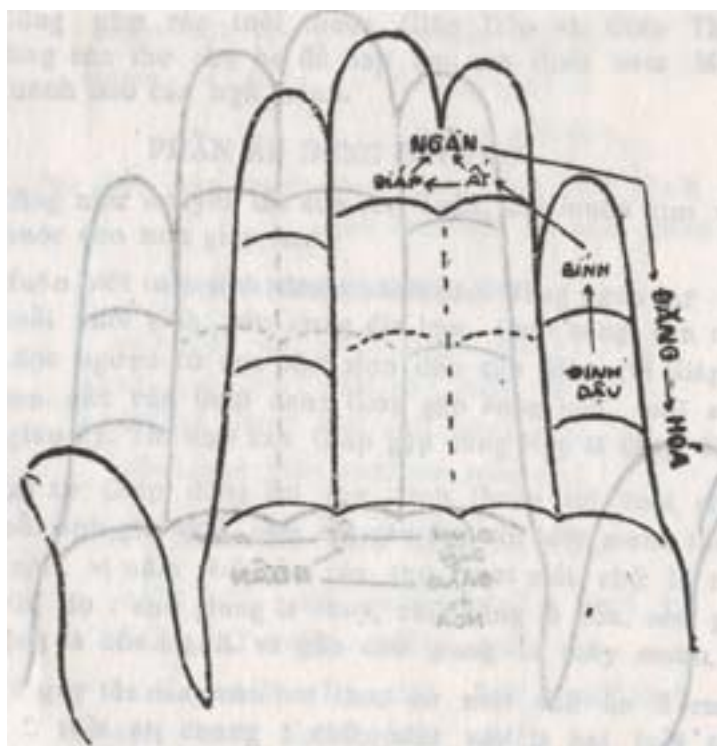
Tìm Mệnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH DẬU**

Thuộc **HỎA MẠNH**

Các tuổi thuộc Giáp Ngọ

Thơ: Ngân Đăng Giá Bích Câu, 1 chữ ăn hai cung



- Khởi sự bấm Đinh vào cung Dậu, Bình vào cung Thân, Ất vào cung Mùi, Giáp vào cung Ngọ, tức là tuổi Đinh Dậu thuộc Giáp Ngọ.
- Thơ Giáp Ngọ: Ngân Đăng Giá Bích Câu.
- Bấm thuận Ngân vào cung Ngọ và cung Mùi.
Bấm thuận Đăng vào cung Thân và cung Dậu, ngưng lại vì là tuổi Đinh Dậu.
- Tuổi Đinh Dậu gặ chữ Đăng là hỏa tức là Hỏa Mạng.

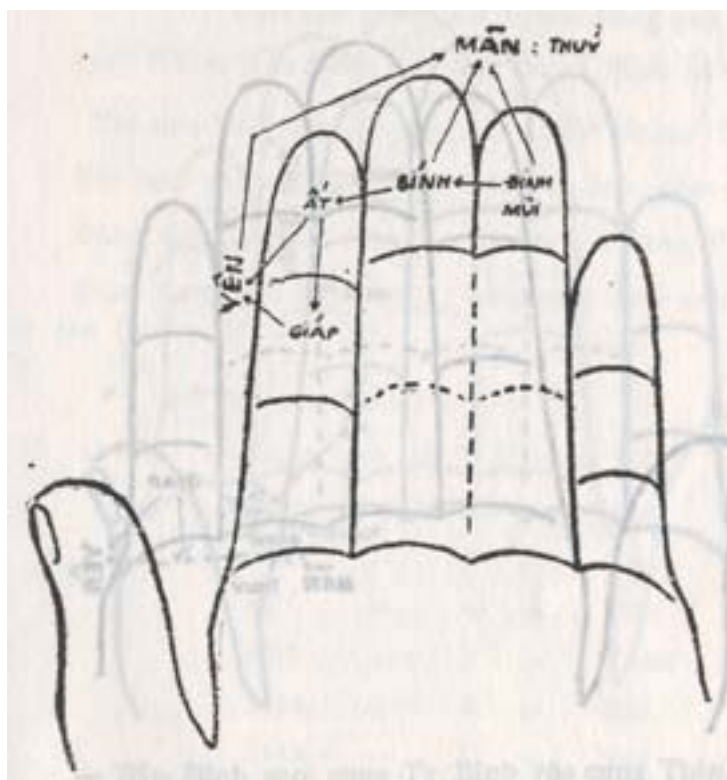
Tìm Mệnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH MÙI**

Tuổi ĐINH MÙI là THỦY MẠNH

Các tuổi thuộc Giáp Thìn, các tuổi thuộc Giáp Tuất

Áp dụng một câu thơ: Yên Mãn tự Chung Lâu



- Bắt đầu bấm Đinh vào cung Mùi, Bính vào cung Ngọ, Ất vào cung Tỵ, Giáp vào cung Thìn, là tuổi Đinh Mùi thuộc Giáp Thìn.
- Giáp Thìn dùng thơ: Yên Mãn Tự Chung Lâu tính thuận.
- Bấm Yên vào cung Thìn và cung Tỵ, Bấm Mãn vào cung Ngọ và cung Mùi.
- Chữ Mãn là Thủy gặp ở Mùi, tức là tuổi Đinh Mùi thuộc Thủy Mệnh.

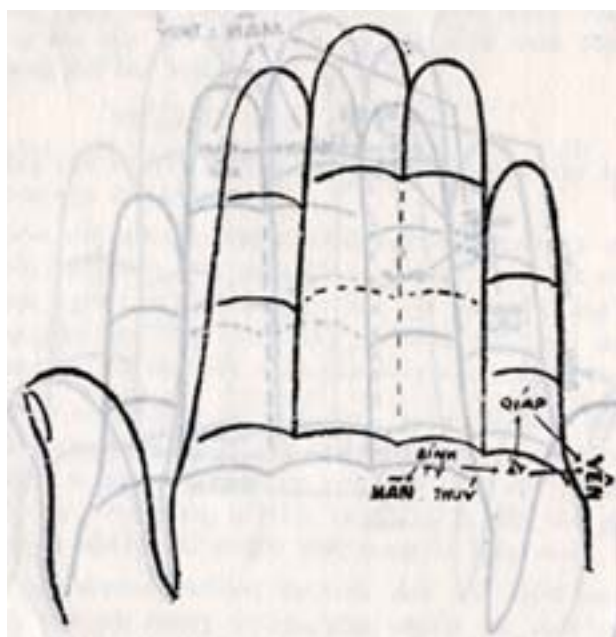
Tìm Mệnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI BÍNH TÝ**

Tuổi BÍNH TÝ là THỦY MẠNG.

Giáp Thìn, Giáp Tuất dùng câu thơ

Yên Mãn Tự Chung Lâu



- Bắt đầu bấm Bình vào cung Tý, Ất vào cung Hợi, Giáp vào cung Tuất, thời biết tuổi Bính Tý thuộc Giáp Tuất.
- Giáp Tuất cũng dùng thơ Yên Mãn Tự Chung Lâu tính thuận.
- Bắt đầu bấm Yên vào hai cung Tuất và cung Hợi, bấm Mãn vào cung Tý, như vậy tuổi Bính Tý là Thủy mạng vì Mãn là Thủy, gặp ở cung Tý, tức là tuổi Bính Tý.

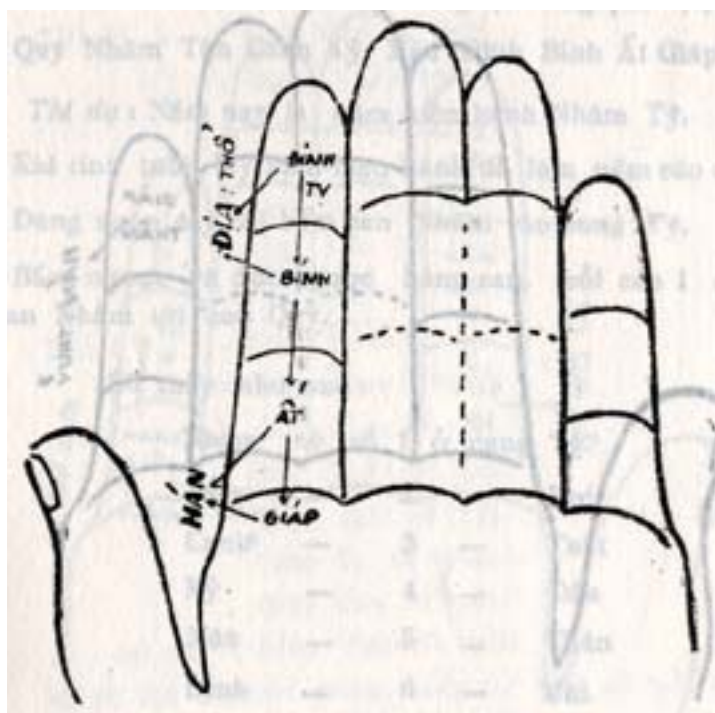
Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH TÝ**.

Tuổi ĐINH TÝ thuộc THỔ MẠNH.

Giáp Dần và Giáp Thân dùng chung câu thơ.

Hán Địa Siêu Sài Thấp



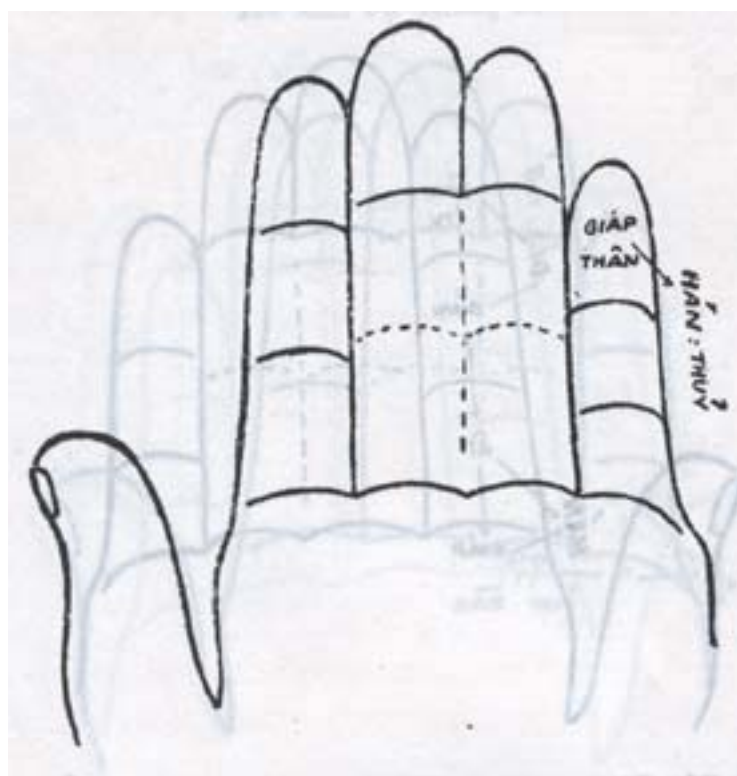
- Bấm Đinh vào cung Ty, Bính vào cung Thìn, Ất vào cung Mão, bấm Giáp vào cung Dần, ngưng lại và biết tuổi Đinh Tỵ thuộc Giáp Dần, sẽ áp dụng thơ của Giáp Dần.
- Dần Thân Hán Địa Thiêu Sài Thấp.
- Bấm Hán vào cung Dần và cung Mão, Bấm Địa vào cung Thìn và cung Ty.
- Địa là Thổ gặp ở cung Ty, là tuổi Đinh Tỵ thuộc Thổ Mạnh.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI GIÁP THÂN**

Tuổi GIÁP THÂN là THỦY MẠNH.

Áp dụng thơ: Dần Thân Hán Địa Thiêu Sài Thấp.



- Khi tính tuổi để biết tuổi sinh thuộc con nhà Giáp nào.
- Nguyên tắc bấm ngược hàng can, từ can tuổi sinh tới chữ Giáp ngưng lại, vì Giáp là hàng can đầu của một Giáp, nên khi tính ngược hàng can, gặp Giáp thì ngưng lại, sẽ biết là Giáp nào của sáu Giáp.

Thấy Giáp Thân là tuổi sinh không phải nạp can nữa, chỉ áp dụng thơ để biết hành nào thôi.

Nạp âm Hán là Thủy, vậy tuổi Giáp Thân là Thủy Mạnh.

I. Phương pháp tính tuổi trên bàn tay

Hàng can gồm có 10 là:

Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Tân Canh Quý

Phải đọc nhập tâm ngược hàng can là:

Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

Thí dụ: Năm nay là năm hiện hành Nhâm Tý.

Khi tính tuổi, lấy năm hiện hành để làm năm căn cứ.

Dùng ngón tay cái bấm can Nhâm vào cung Tý.

Bấm ngược và đọc ngược hàng can, mỗi can một cung từ can Nhâm tới can Quý.

Sẽ thấy như sau:

Nhâm có số 1 ở cung Tý				
Tân	_	2	_	Hợi
Canh	_	3	_	Tuất
Kỷ	_	4	_	Dậu
Mậu	_	5	_	Thân
Đinh	_	6	_	Mùi
Bính	_	7	_	Ngọ
Ất	_	8	_	Tỵ
Giáp	_	9	_	Thìn
Quý		10		Mão

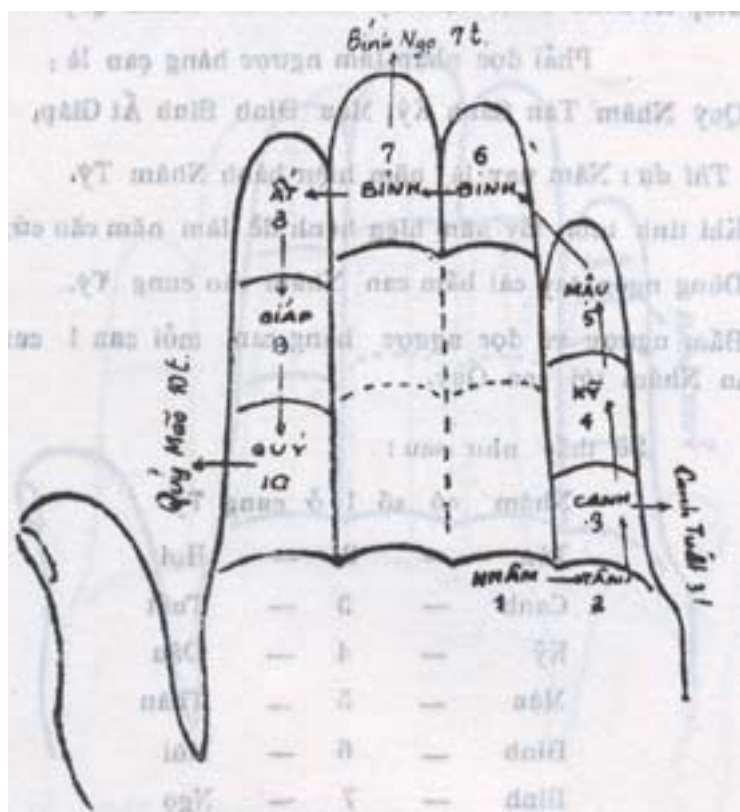
Đương nhiên coi Nhâm Tý là 1 tuổi, vì là năm hiện hành.

✱

HÌNH VẼ BÀN TAY

Cách an nghịch 10 hàng can để biết số tuổi .

Lấy năm hiện hành là Nhâm Tý là 1 tuổi là căn cứ.



Nhập luôn hàng can vào cung và nói ngay tuổi.

- Thí dụ 1) Đưa trẻ 10 tuổi là tuổi Quý Mão, vì hàng can Quý là số 10 ở cung Mão.
 2) Đưa trẻ 7 tuổi là tuổi Bính Ngọ, vì hàng can Bính là số 7 ở cung Ngọ.
 3) Đưa trẻ tuổi là tuổi Canh Tuất, vì hàng can Canh là số 3 ở cung Tuất
 Đương nhiên áp dụng từ 1 tuổi tới 10 tuổi.

II._ Nguyên tắc 2.

Cùng một phương pháp này, áp dụng chung cho tất cả các người nào muốn biết tuổi, và can chi là can chi gì.

Căn cứ vào số của hàng can là số mấy, rồi cứ chuyển thuận, cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi.

THÍ DỤ 1: _Quý Mão 10 tuổi.
 _Quý Ty 20 tuổi.
 _Quý Mùi 30 tuổi.
 _Quý Dậu 40 tuổi.
 _Quý Hợi 50 tuổi.
 _Quý Sửu 60 tuổi.

Lại trở về Quý Mão 70 tuổi.

THÍ DỤ 2: _Giáp là số 9
 _Tức là Giáp Thìn 9 tuổi.
 _Giáp Ngọ 19 tuổi.
 _Giáp Thân 29 tuổi.
 _Giáp Tuất 39 tuổi.
 _Giáp Tý 49 tuổi.
 _Giáp Dần 59 tuổi

Lại trở về Giáp Thìn 69 tuổi.

Và cứ thế chuyển thêm cung để biết số tuổi cao hơn

THÍ DỤ 3: _Hàng can Ất là số 8.
 _Tức là Ất Ty 8 tuổi.
 _Ất Mùi 18 tuổi.
 _Ất Dậu 28 tuổi.
 _Ất Hợi 38 tuổi.
 _Ất Sửu 48 tuổi.
 _Ất Mão 58 tuổi.

Lại trở về Ất Ty 68 tuổi.

THÍ DỤ 4: _Hàng can Bính là số 7.
 _Bính Ngọ 7 tuổi.
 _Bính Thân 17 tuổi.
 _Bính Tuất 27 tuổi.
 _Bính Tý 37 tuổi.
 _Bính Dần 47 tuổi.
 _Bính Thìn 57 tuổi.
 _Bính Ngọ 67 tuổi.

THÍ DỤ 5: _Hàng can Đinh là số 6.
 _Tức là Đinh Ngọ 6 tuổi.
 _Đinh Thân 16 tuổi.
 _Đinh Tuất 26 tuổi.
 _Đinh Tý 36 tuổi.
 _Đinh Dần 46 tuổi.
 _Đinh Thìn 56 tuổi.

lại trở về Đinh Ngọ 66 tuổi.

THÍ DỤ 6: _Hàng can Mậu là số 5.

Tức là Mậu Thân 5 tuổi.

Mậu Tuất 15 tuổi.

Mậu Tý 25 tuổi.

Mậu Dần 35 tuổi.

Mậu Thìn 45 tuổi.

Mậu Ngọ 55 tuổi.

lại trở về Mậu Thân 65 tuổi.

THÍ DỤ 7: _Hàng can Kỷ là số 4.

Tức là Kỷ Dậu 4 tuổi.

Kỷ Hợi 14 tuổi.

Kỷ Sửu 24 tuổi.

Kỷ Mão 34 tuổi.

Kỷ Tỵ 44 tuổi.

Kỷ Mùi 54 tuổi.

lại trở về Kỷ Dậu 64 tuổi.

THÍ DỤ 8: _Hàng can Canh là số 3.

Tức là Canh Tuất 3 tuổi.

Canh Tý 13 tuổi.

Canh Dần 23 tuổi.

Canh Thìn 33 tuổi.

Canh Ngọ 43 tuổi.

Canh Thân 53 tuổi.

lại trở về Canh Tuất 63 tuổi.

THÍ DỤ 9: _Hàng can Tân là số 2.

Tức là Tân Hợi 2 tuổi.

Tân Sửu 12 tuổi.

Tân Mão 22 tuổi.

Tân Tỵ 32 tuổi.

Tân Mùi 42 tuổi.

Tân Dậu 52 tuổi.

lại trở về Tân Hợi 62 tuổi.

THÍ DỤ 10: _Hàng can Nhâm là số 1.

Tức là Tân Tý 1 tuổi.

Tân Dần 11 tuổi.

Tân Thìn 21 tuổi.

Tân Ngọ 31 tuổi.

Tân Thân 41 tuổi.

Tân Tuất 51 tuổi.

lại trở về Tân Tý 61 tuổi.

Và cứ như thế chuyển thêm cung để biết số tuổi cao hơn.

Nguyên tắc 3

Biết can chi của tuổi mà không biết số tuổi bao nhiêu.

Thí dụ: Có người hỏi tuổi Bính Dần, năm nay bao nhiêu tuổi.

ÁP DỤNG : _ Cùng một phương pháp, lấy đầu ngón tay cái bấm ngược, và đọc ngược hàng can, vào cung Tý, cho tới khi gặp hàng can Bính.

_ (Kể cung Tý là năm Nhâm Tý hiện hành).

Bấm Nhâm vào Tý, thấy Nhâm có số 1.

Tâm vào Hợi, thấy Tân số 2.

Canh vào Tuất, thấy Canh số 3.

Kỷ vào Dậu, thấy Kỷ số 4.
 Mậu vào Thân, thấy Mậu số 5.
 Đinh vào Mùi, thấy Mùi số 6.
 Bính vào Ngọ, thấy Bính số 7.
 Thấy Bính ngưng lại, và biết Bính là số 7.
 Vậy cứ từ Bính Ngọ, chuyển thuận cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi.
 Bính Ngọ số 7 là 7 tuổi.
 Bính Thân 17 tuổi.
 Bính Tuất 27 tuổi.
 Bính Tý 37 tuổi.
 Bính Dần 47 tuổi.
 Vậy là tuổi Bính Dần 47 tuổi

✱

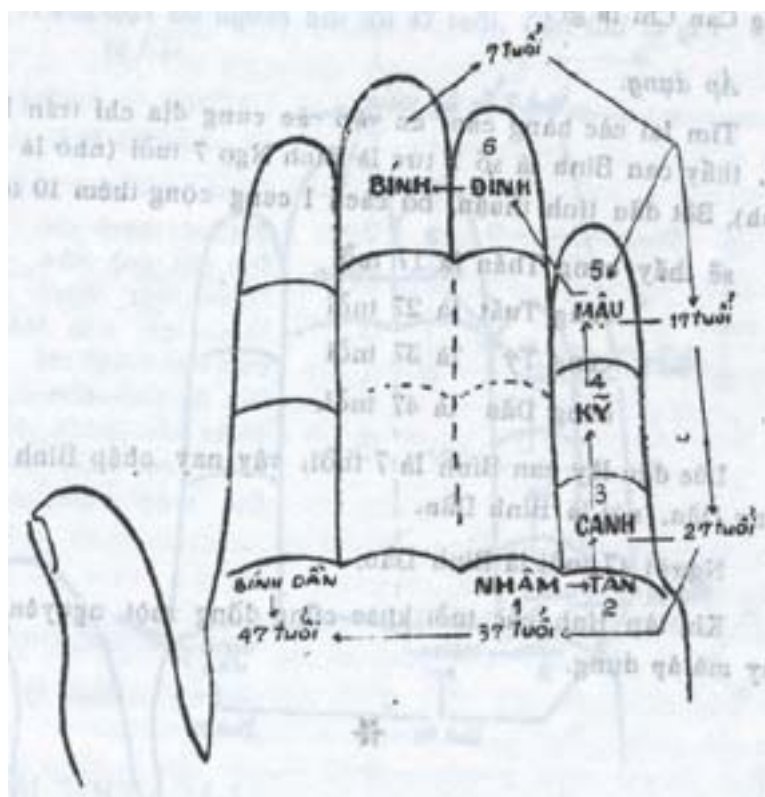
THIÊN TƯỚNG NAM MẠNH CA

Thiên-tướng cát tinh vi Mạnh chủ.
 Tất định tư nhân đa khắc kỷ.
 Tài Quan lộc chủ vượng gia tư.
 Quyền áp đương thời thù bất mỹ.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG ĐỂ TÌM HIỂU

Biết can chi, mà không biết số tuổi bao nhiêu.

Thí dụ: có người hỏi, tuổi Bính Dần năm nay bao nhiêu



- Coi năm Nhâm Tý là năm hiện hành.
- Bấm Nhâm vào cung Tý là số 1, ấn ngược hàng can, bấm Tân vào cung Hợi số 2, bấm Canh vào cung Tuất là số 3, bấm Kỷ vào Dậu biết là số 4, bấm Mậu vào Thân biết là

số 5, bấm đing vào cung Mùi biết là số 6, bấm Bính vào cung Ngọ biết là số 7. Tìm được can Bính của tuổi dương số, tính thuận bỏ cách một cung cộng thêm 10 tuổi, sẽ thấy cung Thân 17, cung Tuất 27, cung Tý 37, cung Dần 47. Nhập can Bính vào Dần tức là Bính Dần 47 tuổi.

-

Nguyên tắc 4

Thí dụ: Một người chỉ biết số tuổi là 47, mà không biết hàng Can Chi là gì?

Áp dụng.

Tìm lại các hàng can, ấn vào các cung địa chi trên tay, thấy can Bính là số 7 tức là Bính Ngọ 7 tuổi (nhớ là can Bính). Bắt đầu tính thuận, bỏ cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi.

Sẽ thấy cung Thân là 17 tuổi

cung Tuất là 27 tuổi

cung Tý là 37 tuổi

cung Dần là 47 tuổi.

Lắc đầu lấy can Bính là 7 tuổi, vậy nay nhập Bính vào cung Dần, nói là Bính Dần.

Người 47 tuổi là Bính Dần.

Khi tập tính các tuổi khác cũng đồng một nguyên tắc này mà áp dụng.

✱

THIÊN LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên - lương chi diệu số trung cường.

Hình thần ổn trọng tính ôn lương.

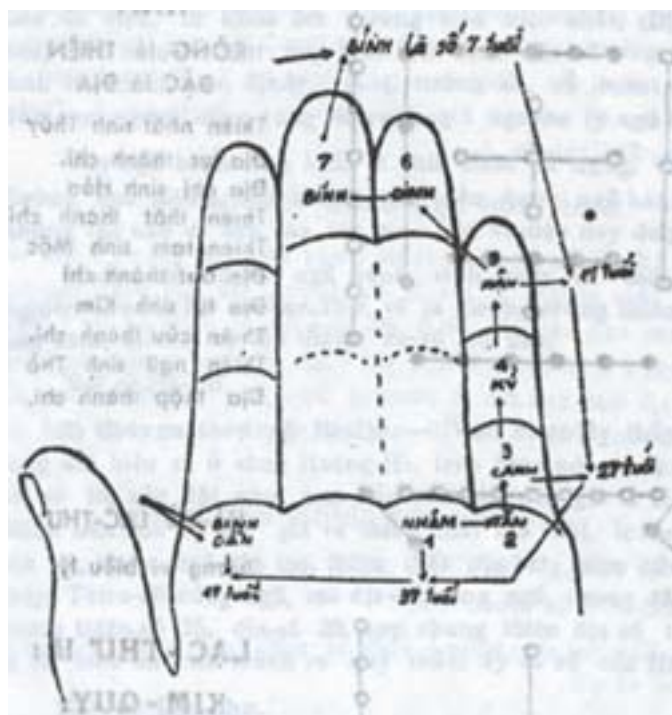
Tả Hữu Khúc Xương lai hội hợp.

Quản giao phú quý liệt triều cương.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG ĐỂ TÌM HIỂU

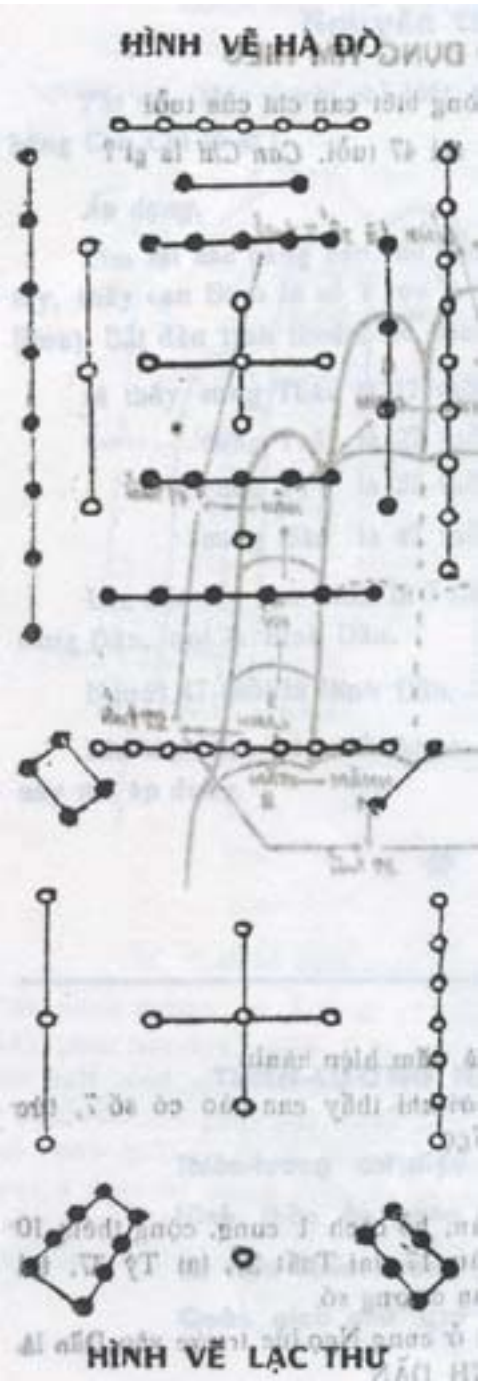
Biết số tuổi mà không biết can chi của tuổi

Thí dụ: có người hỏi tôi 47 tuổi. Can Chi là gì?



- Lấy năm Nhâm Tý là năm hiện hành.
- Aán ngược hàng can tới khi thấy can nào có số 7, tức là can Bính ở cung Ngọ.
- Nhớ lấy can Bính.
- Rồi bắt đầu tính thuận, bỏ cách một cung, cộng thêm 10 tuổi, sẽ thấy tại Thân 17, tại Tuất 27, tại Tý 37, tại Dần 47 tức là tuổi của dương số.
- Nhập chung can Bính ở cung Ngọ lúc trước vào Dần là

BÍNH DẦN



TƯỢNG THIÊN ĐỊA BAO HÀM	HÀ ĐỒ là:	TRUNG
	RÔNG ĐẶC là ĐỊA Thiên nhất sinh Thủy Địa lục thành chi. Địa nhị sinh Hỏa Thiên nhất thành chi. Thiên tam sinh Mộc Địa bát thành chi Địa tứ sinh Kim Thiên cửu thành chi. Thiên ngũ sinh Thổ	là THIÊN

Địa thập thành chi.

HÀ ĐỒ LẠC THƯ

Tường vi biểu lý.

LẠC THƯ là:

KIM – QUY.

Tái cửu: đội chín

Phú nhất: đập một

Tả tam.

Hữu thất.

Nhị tứ vi kiên (vai)

Lục bát vi túc (chân)

Ngũ vị cư trung.

Quan hệ của Hà – Đồ Lạc – Thư

BIẾN DỊCH CỦA NGŨ HÀNH

Biểu lý ngũ hành tương quan dịch số.

- 1) Văn minh Đông – Phương ta đã có cả 1 bộ môn văn - hóa tối diệu, từ khoa âm dương siêu việt nhất, (Dịch lý học) bao hàm cả một quy luật biến dịch của vũ trụ muôn loài, tới thiên văn, địa lý, tử vi, tướng số, cả môn y học đến con người cũng cùng chịu chung một nguyên lý ngũ hành.

Vậy ngũ hành sinh khắc là chìa khóa tối trọng, để mở đường cho tất cả, nếu không tạm hiểu được ngũ hành, thì không thể nào đi sâu vào các môn học vi diệu này được.

Muốn hiểu được ngũ hành sinh khắc ra sao, phải nghiên cứu Hà - Đồ và Lạc – Thư, vì là tượng trưng thiên địa bao hàm, biểu lý sự tạo thành ra vũ trụ này.

Nói về Hà – Đồ.

- 2) Chuyện chép về Hà – Đồ. __ Vua Phục – Hy thấy con long mã hiện ra ở sông Hoàng Hà, trên lưng nó có từ số 1 tới số 10, xếp đặt như một bản họa cho nên gọi là Hà – Đồ. Nhân bản họa ấy mà ghi ra thiên nhất địa nhị, thiên tam địa tứ, thiên ngũ địa lục, thiên thất địa bát, thiên cửu địa thập. Thiên - số cũng ngũ, mà địa – số cũng ngũ, tương đắc mà thành thiên – số 25, địa số 30, hợp chung thiên địa số thành là 55, biến hóa mà thành ra quỹ thần, ấy là số của Hà – Đồ.

Nói về Lạc – Thư

- 3) Lời xưa ghi lại rằng: vua Hạ – Vũ đi trị thủy, có con rùa nổi lên ở trên sông Lạc, trên mai nó có 45 chấm tròn, nhân đó là ra Cửu trụ. Trên lưng con rùa các chấm tròn được xếp đặt : trê nchisn, dưới một, bên tả 3, bên hữu 7, số 7 và 4 làm vai, số 6 và 8 làm chân, cho nên đặt là Lạc – Thư (Lạc – thư là kim quy).

Khi nghiên cứu về Hà – Đồ Lạc – Thư thì thấy giống như một, nên nói Hà – Đồ Lạc – Thư tương vi biểu lý vậy.

Hà – đồ Lạc – thư tương quan Thái – cực

- 4) Và ta thường nghe nói Thái – cực, lưỡng - nghi, tứ – tượng, bát quái là chứng triệu của Hà – đồ Lạc – thư.

Thái – cực khi chưa thành hình bao gồm 1 cơ, 1 ngẫu, mà số thì dương 1, âm 2, là cơ ngẫu của Đồ – thư đó, tới Lưỡng – Nghi thì sinh 1 cơ 1 cơ ngẫu làm 2 thành 4 là Tứ – Tượng, nói về ngôi thì Thái – dương 1, Thiếu – âm 2, Thiếu – dương 3, Thái – âm 4, mà số thì Thái – dương 9, Thiếu – âm 8, Thiếu – dương 7, Thái – âm 6.

Sinh hóa ngũ hành và phương vị

Lấy ở Hà – đồ mà nói thì trong trời đất, chỉ có một khí mà thôi, chia ra làm 2, tức là âm dương, mà ngũ hành tạo hóa ra làm vạn vật đều có ở đó, cho nên vị ở Hà – đồ thì một hoàn bị với 6 ở phương Bắc, 2 với 7 kết hợp mà ở phương Nam, 3 với 8 làm bạn mà ở phương Đông, 4 với 9 đồng đạo mà ở phương tây, 5 với 10 cùng quy tụ giữ nhau chặt chẽ mà ở giữa.

Thụ căn của chính ngũ hành

5) Ta thấy khí dương trong nhẹ ở trên là cơ, cho nên số 1-3-5-7-9 là thuộc trời.

Khi âm đục nặng ở dưới là ngẫu, cho nên số 2-4-6-8-10 thuộc về đất.

Cho nên 5 vị thiên, 5 vị địa tương đắc, để rồi trời lấy một sinh thủy, địa lấy 6 mà thành, địa lấy hai sinh hỏa, thiên lấy 7 mà thành, thiên lấy 3 sinh mộc, địa lấy 8 mà thành, địa lấy 4 sinh kim, thiên lấy 9 mà thành, thiên lấy 5 sinh thổ, địa lấy 10 mà thành.

Ấy là luật hợp, cho nên chứa 5 cơ mà làm thành 25, chứa 5 ngẫu mà làm 30, hợp chung lại mà làm thành 55, đó là số của Hà – Đồ.

Hình thành của Thiên - can và Địa - chi

6) Sau khi đã nhậ chân được biểu tượng hình thành và phương vị của Hà – đồ và Lạc – thư, tiền bối chúng ta mới nhân đó, mà đặt ra được quy luật vô cùng tài tình là thập niên can : Giáp Ất mộc, Bính Đinh hỏa, Mậu Kỷ thổ, Canh Tân kim, Nhâm Tý thủy, mà tương đắc như:

Giáp hợp Kỷ

Ất hợp Canh

Bính hợp Tân

Đinh hợp Nhâm

và Mậu hợp Quý

bẩm thụ ở trời (thập niên can) mà ra mạnh con người, rồi con người chịu thêm sự phát sinh của canh là là vật biểu tượng, bằng thập nhị địa – chi , Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, mà Tý Hợi là con chuột, con heo, con rắn rồi nào con khỉ (biết đâu chả là khỉ đột) con trâu, con chó, con cạp, mà thành tính tình xấu tốt, được phú quý hay bần tiện, thọ yếu của người ta, là do quy luật địa – chi sở tang, thiên can sở thuộc, đã sinh hóa ra ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Tượng và ứng của Tien – thiên

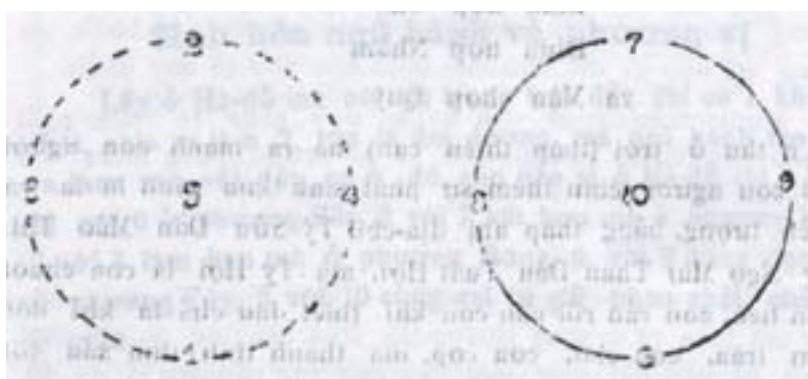
7) Chú trọng và quan sát các hình vẽ, là biểu tượng của quy luật hình thành, từ Thái – cực hay Thái – vi, hay Thiên – đĩnh hay la tử vi dẫu số của ta đã biến hóa thăng giáng, nhập xuất, vắng phần, thuận nghịch, mà ra ngũ hành muôn vật.

Vậy tiên –thiên ngũ hành là, vật thiên thanh tương, thuộc thời gian chưa thành hình, mà tượng thì giác quan ta chưa thấy được, vì còn trong chu kỳ đồng nhất thể, để sau mới thụ căn, mà trùng trùng duyên khởi, sinh sinh hóa hóa cái nhất thể thành ngũ hành.

- 1 nên trước hết cái Nhất thể (gọi là Thái – cực)
- 2 Chứa cả âm lẫn dương.
- 3 rồi âm dương tương thôi, tương mà mới thành ratam – tài.
- 4 tiếp đến là tử tượng.
- 5 để sau hết là vòng sinh là ngũ hành.

BIỂU LÝ TIÊN -THIÊN NGŨ HÀNH

HÌNH VẼ



Vòng Tiên – thiên biểu lý các đợt bằng chấm dứt.

NGŨ HÀNH

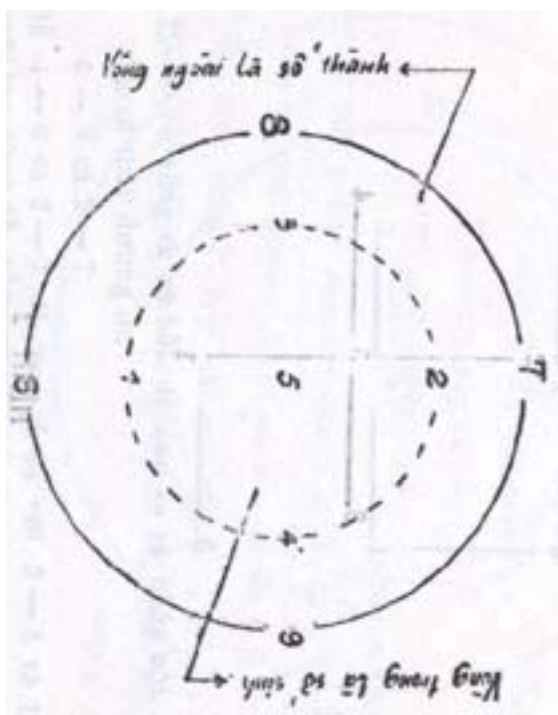
8)Tiếp đến ngũ hành thì ra ngoài, cũng một quy luật theo Tiên –thiên có 4 chu kỳ, từ 6 đến 9, mà ta gọi là cá biệt ngũ hành.

Tức là chiều hướng đường đi
xuống 6 thành thủy
lên 7 thành hỏa
qua 8 thành mộc
sang 9 thành kim
nhập 10 thành thổ tức là lại trở về cung trung.

HÌNH VẼ TIÊN – THIÊN TƯƠNG PHỐI NGŨ HÀNH

Tiên – thiên là vòng trong

Ngũ hành là vòng ngoài.



4 số thành (hình) giao hợp với 4 số sinh (tương) qua thời gian sinh hóa để thành cá biệt ngũ hành.

Vậy tượng thuộc Tiên – thiên hay thể.

và hình thuộc Hậu – thiên hay dụng.

Tiên – thiên hay thể, Hậu – thiên hay dụng, biến hóa theo quy luật ngược chiều nhau, nên Tiên – thiên theo chiều trái, mà Hậu – thiên theo chiều nghịch, để rồi hình thành vạn vật mà ta gọi là ngũ hành, các hình vẽ trên là biểu lý khái niệm mà thôi.

Tiên – thiên (thể) và Hậu – thiên (dụng) đã theo quy luật thuận nghịch.

nên nước chảy xuống

lửa bốc lên

mộc uốn khúc

kim chiều theo

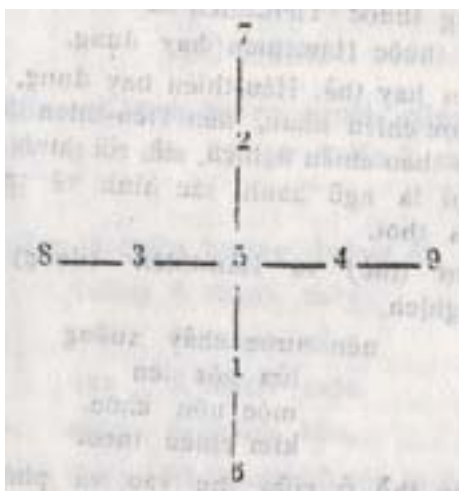
mà thổ ở giữa thu vào và phát ra.

Nên Tiên – thiên ngũ hành được biểu lý bằng đường đi.

Tiên-niên ngũ hành.



Tiên-niên ngũ hành hợp cùng Hậu thiên ngũ hành.



Do cơ cấu thời gian.

Tiên-thiên ngũ hành và Hậu- thiên ngũ hành, qua quy luật biên dịch, biểu lý bằng đường đi bẻ thanh góc.



Do đó có vắng và có hồi , để xuất ra và nhập nội .

Ta sẽ thấy đường đi.

4_9 và 2_7

nên để 4_9 và 2_7 đi cùng chiều với 3_8 và 1_8 dấu mũi tên dùng để chỉ ta từ sinh tới thành.

Đổi lại thì

9_4 và 7_2 ngược chiều với 3_8 và 1_8

hình vẽ biểu lý cho ta thấy 1 ra và 1 vào



BIỂU LÝ THANH

5 trong ra gấp 1 thành 9
 5 trong ra gấp 1 thành 8
 4 sinh vào gấp 3 thành 8
 2 sinh vào gấp 3 thành 7

nên suy ra được

6,8 là số ra của dương tản mát, hướng theo tay trái.

9,7 là số vào của âm tụ lại, hướng theo tay mặt.

Cho nên sự hoà hợp của trời đất thật chặt chẽ , tương trợ cho nhau đến tận cùng, mà cứ số đất chắn đi với số lẻ trời ví như

1-----9

2-----7

3-----8

1-----

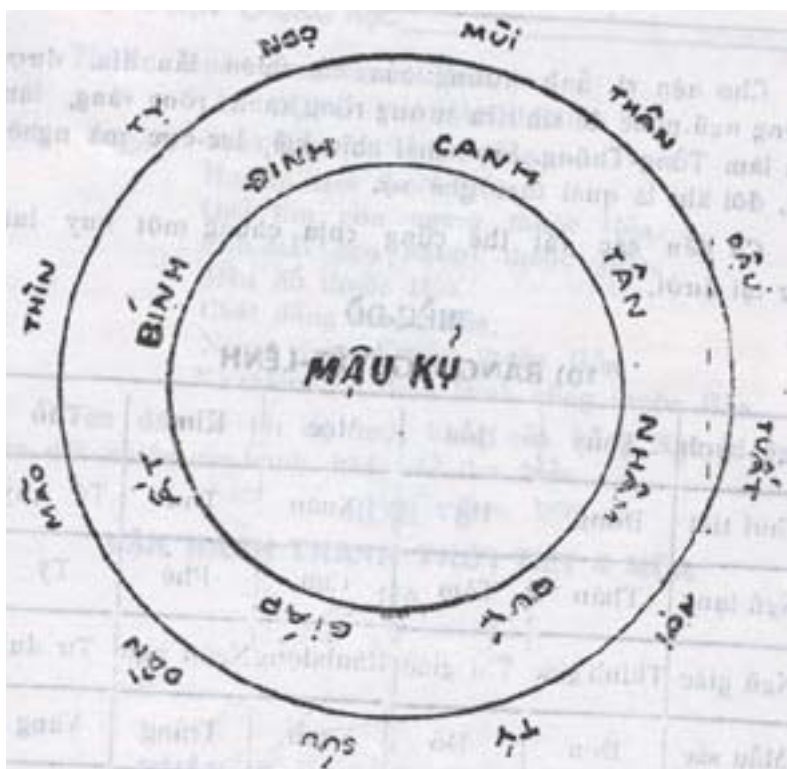
Thiên , Địa, Nhân, Vật

Tương quan ngũ hành

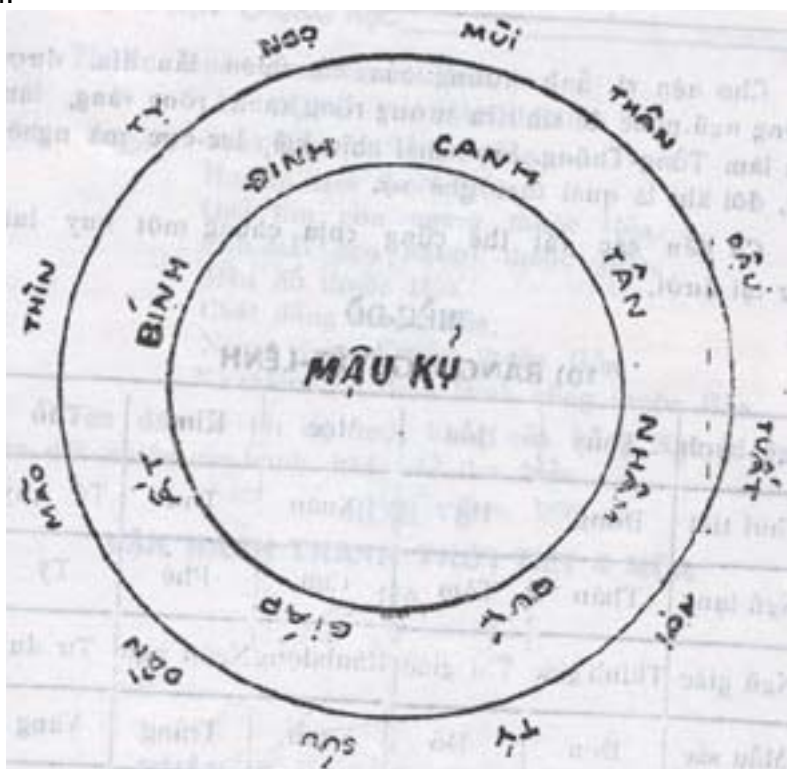
9) Phát minh thập thiên-can (10) và thập nhị địa chi(12) cùng theo một cơ cấu thời gian, và quy luật tiên-thiên hậu-thiên sinh hóa, để tạo thành ngũ hành, ta có cả thiên lẫn địa, mà thiên làm căn bản gốc, gọi là thiên can như Giáp ẤtNhâm Quý.

Và đất là ngọn ngành, gọi là địa chi như Tý Sửu.....Tuất Hợi.

Phối hợp với nhau làm lịch số của thời gian.



Con người hoàn toàn thu bẩm, do can chi năm tháng ngày giờ sinh mà biểu lý ngũ hành.



Cho nên vì ảnh hưởng của cả thiên lẫn địa, được hưởng ngũ-phúc để sinh ra trường rồng xanh, rồng vàng, làm vua làm tổng thống, hay phải chịu kiếp lục cực mà nghèo hèn, đôi khi là quai thải ghê sợ.

Cả đến các vật thể cũng chịu chung một quy luật như tại dưới.

BIỂU ĐỒ

10) BẢNG NGUYỆT LỆNH

Ngũ hành	Thủy	Hoả	Mộc	Kim	Thổ
Thời tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Ngũ tạng	Thính giác	Thị giác	Hành động	Ngôn ngữ	Tư duy
Màu sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Mùi vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ cung	Vũ	Chũy	Giốc	Thương	Cung
Số	6	7	8	9	5
Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Thiên can	Nhâm quý	Bính Đinh	Giáp ất	Canh Tân	Mậu kỷ

Đây là một liệt kê, hoặc vật thể, hoặc phương vị theo ngũ hành, nên quan sát và tìm hiểu thêm ra, từ lục phủ ngũ tạng, tới mọi vộ phận của con người, đều thể hiện qua ngũ hành, tượng bằng các sao của môn Tử vi, thời tính linh tật bệnh, hạnh phúc, tai nguy, sẽ giúp cho việc phân luận được nhiều lợi ích chân xác trong 1 lá số.

Thí dụ thuộc bảng Nguyệt lệnh

ÁP DỤNG VÀ HÀNH HOẢ

Thời mùa hạ thuộc Hoả

Hướng nam thuộc Hoả

Quả tim con người thuộc Hoả

Con mắt con người thuộc Hoả

Màu đỏ thuộc hoả

Chất đắng thuộc Hoả

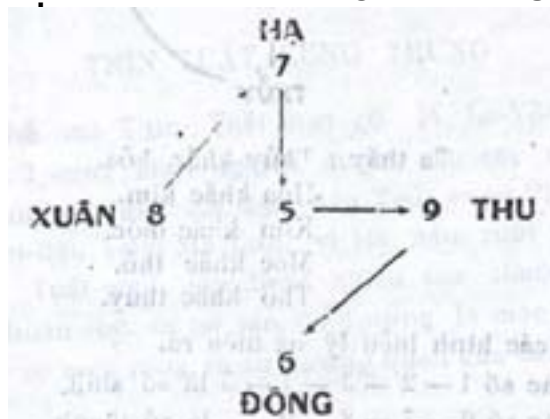
Nhạc lý cung thủy thuộc hoả

Và thiên can Bính Đinh cũng thuộc Hoả

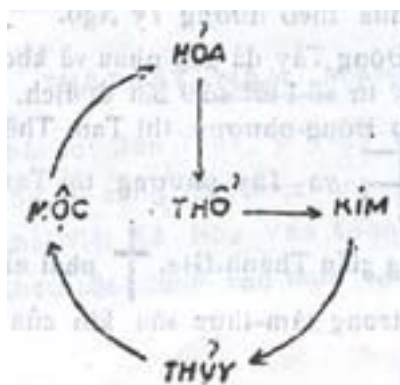
Trên đây là thí dụ một hàng của bảng Nguyệt lệnh nên đối chiếu các hành khác về để tìm hiểu.

HÌNH VẼ

VẬN HÀNH THANH THỜI TIẾT 4 MÙA

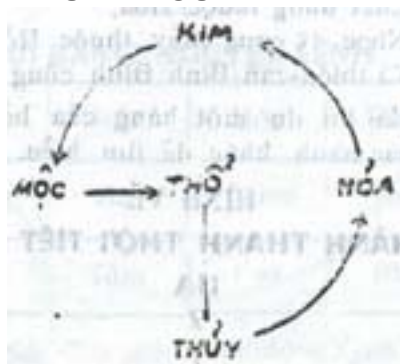


HÌNH VẼ BIỂU LÝ NGŨ HÀNH CHI SINH



Ta thấy: Mộc sinh hoả.
 Hoả sinh thổ
 Thổ sinh kim
 Kim sinh thủy
 Thủy sinh mộc

BIỂU LÝ NGŨ HÀNH CHI KHẮC



Ta thấy : Thủy khắc Hoả.
 Hoả khắc Kim.
 Kim khắc Mộc.
 Mộc khắc Thổ.
 Thổ khắc Thủy.

Qua các hình biểu lý đã hiện ra.

Các số 1_2_3_4_5 là số sinh.

Và các số 6_7_8_9 là số thành.

11) Nên người xưa đã theo quy luật vận hành trong Hà-đồ và Lạc-thư, mà biết căn cứ vào phương vị, để xây cất cung điện đền chùa theo hướng Tý Ngọ.

Cũng như Đông Tây đã gặp nhau về khoa toán học, cùng chung một biểu lý từ số 1 tới số 9 bất di dịch, và cũng một công thức mà tôn giáo Đông phương thì Tam Thế Âm Bồ

Tát, dấu hiệu chữ vạn  và Tây phương thì Tam- Vị nhất-Thể Thiên-Chúa, cũng dấu

Thánh giá , phải chăng Hà-đồ, Lạc-thư đã ẩn sẵn trong tâm thức sâu kìa của con người, và nếu muốn đi sâu vào đường lý-học, không thể bỏ qua bộ sách Ngũ-kinh độc-bản hoặc Thư-kinh tập-chuyên, trên đây chỉ là khái niệm mà thôi.

Áp dụng sang Tử-vi.

12) Khi đã nhận thức được quy luật của số 4 , là nút mở vận hành của ngũ hành, mới thay được H-D tiền sinh, thủy tổ phát sinh ra khoa Tử –vi Đầu –số, lại lấy tới 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, mà Tuất ở nơi Thiên-phủ miêu vị, đòi chiêu Tử vi cao ngất sáng ngời ở Ngọ cung.

Vậy nên hiểu Sửu Mùi là thổ ngoại, thổ đã thành mà hai cung Thìn Tuất là nơi thổ hư trung, Thổ hãy còn thu lấy hoặc phát ra, để thành nên thực thể ngũ hành khác.

THÌN TUẤT CUNG TRUNG

Vì thế mà Thìn Tuất mới gọi là La-võng chi địa ,thường là 2 cung khởi nghịch thuận của các sao , thường có danh là xương long chi địa, nên Tuất cung Phủ ngũ Hồng Quyền Phụ –Bật, kiêm Mộ tinh, vi tối hảo , mới thấy rõ các nguyên lý Tuất phải gặp được nhiều sao thuộc hành Thổ mới thật hoàn mỹ , và tại sao cơ lượng là Mộc ở Tuất lại miêu địa, sẽ hiểu rộng ra sự tương quan của các cung được.

✱

THẤT SÁT NAM MẠNH CA

Thất –sát Dần Thân Tý Ngọ cung.
Tây di cũng thù phục anh hùng.
Khôi-Việt Tả Hữu Văn Xương hội .
Khoa-Lộc danh cao thực vạn chung.

Địa phận Thiên bàn cung

1_Ngũ hành Mạnh tự

ÂM DƯƠNG VÀ NGŨ HÀNH CỤC

Cung Thiên bàn dùng để ghi Mạnh thuộc hành nào , nam nữ thuộc Âmhay Dương , tuổi sinh thuộc cục nào , và để đánh dấu các cung lưu vận niên từng năm.

Phân định Mạnh thuộc hành nào .

Tiên quyết phải xét Mạnh thuộc hành nào , thuộc kim , mộc , thủy , hỏa hay thổ , thử đến phân định xem hành ấy thuộc loại nào , sau đó mới xét đến các sao trong cung Mạnh, xem sao nào hợp với hành của bản mệnh, và xem sao ấy có đồng một bản chất , hay một tính lý với mệnh không , hay là sao ấy khắc chế với mệnh , rồi sao mới hợp các cung tam hợp , xung chiếu , và nhị hợp lại ,để xét toàn thể tinh mệnh .

Thí dụ biết mệnh thuộc Mộc, nhưng là mộc nào.

- 1) Đại làm mộc là thứ mộc rất to lớn , ví như cây đa, cây đề ở đình chùa.
- 2) Mộc thuộc dương liễu mộc là thứ cây cũng to lớn, mà ta có thể dùng gỗ để làm nhà cửa.
- 3) Mộc thuộc tùng bách là loại kém bằng dương liễu, thí dụ gỗ chỉ làm đồ dùng.
- 4) Mộc thuộc bình địa mộc là loại cây ta , thường thấy ở vườn ấp chẳng hạn.
- 5) Mộc thuộc tang già mộc là thứ cây dâu, lá dùng để nuôi tằm.

6) Mộc thuộc thạch lưu mộc là thứ cây như cây lưu trồng để làm kiếng chơi.

Qua các thí dụ trên, căn cứ vào bài lục thập hoa giáp là 1 vòng 60 năm, ta thấy mộc là cây, nhưng cây có nhiều loại khác nhau, không đồng bản chất và tính lý, thì không ở chung được với nhau.

NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH

1) Đồng vị, đồng tính, cư đồng gia.

2) Bất đồng vị, bất đồng tính, bất cư đồng gia.

(cùng bản chất cùng tính lý có thể ở chung nhau một nhà)

(Không cùng bản chất và tính lý không thể ở chung với nhau được).

Thí dụ về việc phân loại mộc này.

Tại sao ở rừng ta nhận thấy khu này là rừng tre, lồ ô, thì toàn là tre và lồ ô, ta ít khi thấy một cây loại khác tre, hay lồ ô, có thể ở giữa rừng tre, lồ ô được, giả thử có 1, 2 cây khác loại, dù là cây sao hay dầu, là thứ cây sinh trưởng rất mau, rất lớn cũng không thể có được, nếu có cũng chỉ là cây cong queo, làm củi mà được thôi.

Tìm hiểu về nguyên lý sẽ thấy trước hết, đất này đã hợp cho loại tre, loại lồ ô, và Chẳng khi tre và lồ ô đã lớn, thân khí và các thứ khí khác của tre, lồ ô phát ra, thì chỉ có đồng loại của nó mới có thể sinh trưởng được thôi, các loại cây khác sẽ bị khắc chế mà tiêu diệt.

Không cần nói chi tới loại tre và lồ ô, là thứ cây còn lớn, ngay khu rừng nào là khu cỏ tranh yếu ớt, cũng thấy toàn thể là cỏ tranh cả.

Phải chăng đây là định luật của loài thảo mộc. Sau khi hiểu được định luật đồng nhị dị (cùng mà khác) của mộc loại, là đã đồng thời hiểu ra hành còn lại.

ĐỊNH LUẬT ÁP DỤNG

Kỳ cổ hà dư như: Lưỡng hoả thành Viêm.

Lưỡng Hoả Hoả Tuyệt.

(tại sao như thế, hai hoả gặp nhau thành đám cháy lớn, cũng hai hoả gặp nhau mà hoả bị tuyệt).

Vì lửa sấm sét trên trời (tích lịch hoả) với lửa ở hoả lò, là lửa đun bếp (lò trung hoả) thời gặp nhau làm sao để mà sinh hoá được, nếu sét đánh vào đám lửa đun bếp, thì đương nhiên sẽ tắt hết lửa ngay.

Cùng một định luật này, áp dụng cho 3 hành còn lại kia, là về phương diện sinh hoá và diệt vong.

Áp dụng hành Kim, lưỡng kim kim khuyết.

Hành Thổ, lưỡng thổ thổ duyệt.

Hành Thủy, lưỡng thủy thủy kiệt.

Trên đây là sự sinh khắc cùng một loại với nhau.

Dị biệt ngũ hành khắc sinh

Lại còn sự khắc và sinh của các hành khác đối kháng cùng nhau nữa.

Thí dụ như nước và lửa là 2 loại thuộc ngũ hành cá biệt nhau, lửa không thể ở gần nước được, vì thuận lý thì thủy khắc hỏa, lửa đi lên mà nước thì lắng tụ xuống. Nhưng ngược lại nếu muốn có nước vệ sinh để dùng, phải đun sôi lên, nước mới thuần khiết và đặc dụng.

ĐỊNH LUẬT ÁP DỤNG

Kỳ cổ hà dư, như Thủy Khắc Hoả

Vô Hoả bắt thành Thuỷ
(tại sao như thế nước khắc chế lửa, mà không có lửa ,lại không thành thuỷ.)

SINH KHẮC KIM VÀ MỘC

Thí dụ như Kim(sắt) khắc chế Mộc, lấy dao,cưa , búa chặt thì cây chết, nhưng nếu không có Kim là búa , chẳng đục để đục gọt, chạm tĩa , thì gỗ kia đâu có thành được những tủ xư , những bộ sa-lông quý giá , hay là đình chùa nguy nga lộng lẫy được.

Hiểu được 2 thí dụ trên tất sẽ dùng được nguyên tắc để xét đoán , Kim nào khắc Mộc nào là được việc, và áp dụng về Kim,Mộc như sau:

Kỳ cổ hà dư, như kim khắc Mộc

Vô kim bắt thành Mộc.

(tại sao như thế sắt là thứ khắc Mộc, mà không có sắt thì mộc lại không thành).

Vậy nên suy ra chẳng hạn như kim mà khắc mộc tang giá , hay là mộc rau muống , ấy là mộc chiết , mà còn hết luôn đời vậy.

Mạnh hành và tinh đầu hành

Trên đây là một định luật chung cho ngũ hành, nên đã phân định được, hoặc sao chinh tinh, hay là một sao nào hợp với hành của mệnh, thời nên xét đoán xem sao đó đối chiếu với hành của bản mệnh sinh khắc ra sao, để luận trình độ nhiều ít về xấu tốt.

Nếu mệnh và sao cư mệnh đồng một hành với nhau, thời ông sao đó mới chính là của mình, tức là của mệnh.

Người có sao cư cung mệnh cùng với một bản Mệnh, nên không bị khắc chế bởi hung sát tinh mà còn được các điều phù trì tất sẽ hưởng danh tài hưng vượng, và đức tính mới chính là bậc quân tử, có thể hoàn toàn tinh cậ không thể có tâm hồn sảo trá tiểu nhân được.

Về đầu số có 14 chính tinh luân chuyển trên 12 cung mà thôi, cáhí khó khăn là ở chỗ đó, vì trong 12 cung chỉ có 3, 5 cung là vô chính diệu, còn các cung kia không sao này thời sao kia, 1 ngày 1 giờ, trong một quốc gia nhỏ bé này cũng sinh sản ra bao nhiêu trẻ em, mà những người đạt phú quý và tri thức song tâm hồn phúc thiện ích quốc lợi dân lại là phần khác, nên trước mặt nhà lý số có kể đâu là Tử-vi cư Ngọ, Thiên-phủ lâm Tuất, Thất-sát Dần Thân, Phá-quân Tý Ngọ mà bảo, nhất hô bá mặc, cự-phú, đôi kim tích ngọc, hay tứ phương cũng phục anh hùng, trái lại còn cười thầm, và biết đây là ôn gươgng đủ thứ, hay là chủ cai thầu đó thôi.

Nên nguyên lý của đầu số, đều phải nhất luật quay tròn xoáy chặt vào Can Chi, mà vòng lục thập hoa giáp là minh chứng tỏ tường, định sẵn cái Hành nhất định của tuổi sinh, không một nhà thuật số nào chối bỏ được, cứ 60 năm tinh tú mới chuyển hết 1 chu kỳ, nên cũng Tử-Phủ Vũ Tướng, mà người này phúc hậu, kẻ khác lại nam-trá, nên nhà Tử-vi học có nhiều cách phê số thâm sâu, mà người hậu học và người có số không hiểu chi cả.

Thí dụ như : Thoát khí chi đồ.

hay là : Cầu trâu vị miễn.

Tức là kẻ lột áo người, hay là mình sẽ bị lột áo.

Hay là chó cắn gãy gối, chó cắn rách áo, chó cắn trộm, phải chăng là khát cái chi đồ, hay là loại đạo-chích cũng vậy.

Trên đây là những định lý riêng về ngũ hành thuộc bản mệnh, quy luật sinh khắc của các sao nên xem ở mục tinh đầu.

Âm dương lý

1) Sau khi đã định được ngũ hành thuộc bản Mệnh, tiếp đến nên nhận xét, xem dương số thuộc Âm Dương nam nữ để phân định các tam hợp cục, xem các sao cư chiếu ở các cung tam hợp, thuận nghịch cho một lá số ra sao.

Về âm dương lý này, ta nên biết, 1 thí dụ khái niệm như con người, kẻ thuận tay mặt, tất vị tay mặt sẽ tiện cho công việc hơn, kẻ thuận tay trái thì tay trái sẽ đắc lực hơn, và như khoa học Tây – phương đã chứng minh, ai thuận tay nào nên để người ấy làm việc tay ấy, vì do dành hưởng cả bộ thần kinh tại óc, đã linh diệu về phía ấy hơn, trái nghịch với sự xếp đặt thiên nhiên đó, sẽ bị kém nhạy cảm.

NGUYÊN LÝ PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG

2) Vậy xét về đường đi thuận nghịch, vãng phản của đương Tiên-thiên và Hậu-thiên xuyên qua 2 cung Thìn Tuất, và 2 cửa ngõ đóng mở là 2 cung Mão Dậu, để sinh sinh hoá hoá, thành các cá biệt ngũ hành, đã tựu thành sự phân chia thuận nghịch của các tam hợp cục, thí dụ như Thân Tý Thìn là 1 tam hợp cục, đối với người Dương nam Âm nữ, thì phải khởi từ cung Thân, tới cung Tý, tới cung Thìn là nơi cuối cùng, cũng như một người đã về tới nhà mình vậy.

Đối với người Âm nam Dương nữ, thì nghịch lại phải khởi từ cung Tý tới Thân và khi tới Thìn cung là nơi cuối cùng, đây là sự định lý âm dương, của 2 chữ Âm và Dương đã ghi trong cung Thiên-bản mà ta thường không quan tâm tới.

MẠNH CUNG TƯƠNG QUAN PHƯƠNG-VỊ QUY LÝ ÂM DƯƠNG.

3) Vì quy luật Âm Dương, nên cung Mệnh sẽ rất quan trọng đối với cách giáp, và ngay khi chỉ có một sao ở hai bên cung Mệnh.

Thí dụ Mệnh ngồi cung Dần, có sao Địa-kiếp cư cung Sửu.

Người Dương nam Âm nữ khởi thuận hành, nên mặt quay sang cung Mão, thì sự tác hại của Địa-kiếp sẽ nhẹ, vì Địa-kiếp ở sau lưng.

Song với người Âm nam Dương nữ, khởi nghịch hành, ví như trước mặt lúc nào cũng có tên côn đồ ám hãm mình vậy, cho nên duy chỉ có một Địa-kiếp mà cuộc đời vẫn bị nhiều khổ hạnh.

TAM HỢP CỤC LIÊN HỆ ÂM DƯƠNG

4) Ba cung Mệnh Tài Quan bao giờ cũng ở trong một tam hợp cục, nên Âm Dương quy lý vào tam hợp cục cùng 1 quy luật.

Thí dụ đối với người Dương nam Âm nữ, tam hợp cục Thân Tý Thìn, Mệnh ngồi cung Tý, hung sát tinh cư cung Thân, sẽ nặng tại vạ hơn là hung sát tinh cư cung Thìn, vì bọn hung sát kia sẽ đi từ cung Thân tới cung Tý của Mệnh, nhưng nếu hung là cư cung Thìn, thì tai họa sẽ sơ qua thôi, vì hung sát tinh ở vào điểm cuối cùng của một tam hợp cục.

ÂM DƯƠNG QUY LÝ

LƯU NIÊN VẠN HÀNH ĐẠI TIỂU HẠN.

5) Đã hiểu được Âm Dương quy lý vào Mạnh cung, và các tam hợp cục của Âm Dương nam nữ, nặng nhẹ ra sao, thì việc lưu hạn tới cung đại-hạn, tiểu-hạn và nguyệt nhật hạn, thời cũng 1 nguyên tắc.

Không những các cung đại hạn, niên, nguyệt, nhật, thời phải xét cung nào nặng, cung nào nhẹ, nhất là khi lưu vòng sao Tràng sinh, là đại diện cho gia đình gồm toàn thể các thứ bậc, vòng sao Thái -tuế và vòng sao Lộc-tồn, thấy các sao thiện ác của các vòng sao này, ở trong các cung tam hợp với cung đại diện cho một hạn (thí dụ đại hạn cư cung Ngọ) thời phải quy lý Âm Dương, để phân định hai cung Dần và Tuất xem cung nào hệ trọng, cho nên cũng hung sát tinh ở tam hợp chiếu mà hạn nhẹ, cũng hung sát tinh cư ở tam hợp chiếu, mà hạn trở tay không kịp, là do lý Âm Dương cả;

Nên vì lý Âm Dương mà phân biệt được Mạnh cư cung nào, thì tay mặt ở cung nào, tay trái ở cung nào, đối chiếu các sao tượng hình tính thân thể con người, mà toán ra được các cơ quan tỳ vết, hình thương hay ám tật.

Thí dụ Mạnh ngồi cung Tuất.
Cung Dậu là tay mặt.
Cung Hợi là tay trái.

Mà sao Phượng các là tai của con người, nếu Phượng-các ở cung Dậu bị Hình, Kiếp, tức là tai bên mặt sẽ bị tỳ vết.

Một thí dụ sao Phượng-các là tai cho tất cả các sao hình tượng thân thể con người, nên khi nghi ngờ giờ sinh không đúng, muốn kiểm chứng Tử-vi với dương số, đã có cung Mạnh và cung Tật-ách để so sánh, tất không thể nào di dịch được.

ĐẦU SỐ TƯƠNG QUAN TƯỚNG HỌC

6) Cũng như khoa xem tướng, nhà tướng học trông thấy tai phải một người nào đó có tỳ vết, tất biết ngay cha mẹ của người ấy phải có thời gian phá bại, tùy thuộc thời gian mà tai là tượng trưng.

Vì đối với Tướng học.

Tai phải thuộc Mộc (tượng thời gian từ 8 tuổi tới 14 tuổi).

Tai trái thuộc Kim (tượng thời gian từ sơ sinh tới 7 tuổi).

Như vậy là Kim khắc Mộc, hơn nữa tại là cơ quan để xem về sự thụ hưởng phúc đức, vì nhĩ giả y dĩ.

CÔNG THỨC ÂM DƯƠNG

7) Đối với Mạnh Thân cư cung Âm và cung Dương.

Sự phân định của quy luật Âm Dương lý, đối với một lá số cần thiết như thế nào qua các thí dụ trên.

Ngược lại như thường thấy sinh Dương hiềm Mạnh cư Âm vị (cung âm), sinh Âm hiềm Mạnh cư Dương vị (cung Dương) hay là Mạnh cư cung Âm mà Thân cư cung Dương, cho nên số bị triết giảm xấu, thời thiết tưởng không phải là lý Âm Dương nữa, vì

Tử-vi học phải liên-hợp cả năm tháng, ngày giờ sinh, mới có một độ số Tử-vi ở tại cung nào, ngay như một người sinh Dương, Mạnh cư cung Dương, hay sinh Âm, Mạnh cư cung Âm, cũng còn phải xét đoán xem, cung Âm hay cung Dương kia có miếu vượng hay bị khắc hãm, như vậy tại sao lại sinh Dương Mạnh cư Âm, hay sinh Âm mạnh cư cung Dương, là khắc chế, là xấu, thì thật Tử-vi đã tự mâu thuẫn vậy.

Định lý về ngũ cục

Thủy nhị cục
Thổ ngũ cục
mộc tam cục
kim tứ cục
hỏa lục cục

1) Về Cục là một trong ba quy luật tốt cần thiết trong cung Thiên-ban, vì tam thập niên tiền quan Mạnh, tam thập niên hậu khán Cục.

Điều quan trọng là Mạnh và Cục nên tương đồng 1 hành hoặc giả chính tinh cư cung Mạnh, nếu không đồng hành với hành của Mạnh, thì nên được một sao chính tinh khác đồng một hành với Cục, như thế sẽ được một nửa đời sau, vì nửa đời sau ăn theo Cục, nếu được sao chính tinh đồng hành với Cục cư trong tam hợp cục, thời cung nào cũng có sao chính tinh đồng hành với Cục, cung ấy sẽ được âm hợp hơn.

Thí dụ Cục là, Mộc tam cục.

Mạnh Tài Quan cư ở 3 cung tam hợp Dần Ngọ Tuất, cung Tài cư Tuất có sao Thiên-lương, như vậy cung Tài được sự âm hợp vì Cục là Cục mộc, mà Tài cung được sao Thiên-lương cũng là Mộc, nên cung Tài sẽ được tốt duyên hơn hai cung kia.

Liên hệ ngũ hành Mạnh và ngũ hành Cục.

2) Nếu Mạnh và Cục không cùng một hành, nên căn cứ quy luật bất di bất dịch của lý học là.

Sinh phải sinh nhập.
và Khắc phải khắc xuất.

luôn luôn lấy Mạnh làm chủ, để luận sinh nhập và khắc xuất Rĩ Mạnh vi mẫu và Cục vi tử.

1- Thí dụ Mạnh Hỏa, cục Mộc là tốt, vì mộc sinh hỏa, là Cục nhập vào Mạnh.

2- Mạnh Hỏa, cục Kim thì kém hơn, nhưng không bị khắc chế gì cho Mạnh, vì Hỏa khắc Kim là khắc xuất.

3- Nếu Sinh xuất và Khắc nhập thì xấu. Thí dụ Mạnh Mộc và Cục Kim là mộc bị kim khắc, như vậy là Cục khắc Mạnh tức là khắc nhập.

SỰ HÀNH TÀNG CỦA VÒNG TRÀNG SINH

Nguyên lý hợp thành Cục.

3) Sở dĩ hành có ngũ hành, mà sự kết hợp Cục là gồm cả thiên can, địa chi, bát quái, lấy 12 cung địa chi sở tàng phân thành 4 tam hợp cục, nên cục Thủy và cục Thổ mới nhập chung lại làm một, và có lý thuận nghịch tùy theo Âm Dương.

Thí dụ tam hợp cục Dương là Thân Tý Thìn, nhưng tam hợp cục Âm là Tý Thân Thìn, để định phân thành tứ dương cục và tứ Âm cục.

4) Sự kết hợp Cục , thuộc tứ Dương Cục

1- MỘC TAM CỤC

Địa chi : Hợi Mão Mùi thuộc Mộc cục.

thiên can : Kiền Giáp Định thuộc Mộc cục.

nên Cấn Bính thuộc sao Tham lang (Mộc).

- Dương cục Tràng sinh ở Hợi.

2 - HỎA LỤC CỤC

Địa chi : Dần Ngọ Tuất hợp thành Hỏa cục

Thiên can : Cấn Bính Tân hợp thành Hỏa cục.

Nên Hợi Mão Mùi Canh thuộc sao Liêm-trinh (hỏa)

- Dương cục Tràng sinh cư Dần.

3 - KIM TỨ CỤC

Địa chi : Tỵ Dậu Sửu hợp thành Kim cục

thiên can : Tốn Canh Quý hợp thành Kim cục.

nên Tỵ Sửu Đoài Đinh thuộc sao Vũ Khúc (kim)

- Dương cục Tràng sinh tại Tỵ.

4 - THỦY NHỊ CỤC

Địa chi : Thân Tý Thìn hợp thành Thủy cục.

thiên can : Khôn Nhâm Ất hợp thành thủy cục.

nên Nhâm Dần thuộc sao Văn-khúc (thủy).

Thủy cục và Thổ cục thuộc Dương, Tràng sinh tại Thân.

Từ Dương cục, Tràng sinh khởi ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi, cho người sinh Dương nam Âm nữ, và khởi thuận.

5 - Tứ Âm Cục thuộc Tràng sinh

Thí dụ 1 tam hợp cục.

Khi là dương cục : Thân Tý Thìn.

Khi là âm cục : Tý Thân Thìn.

- 1- Mộc tam cục Tràng sinh khởi ở cung Mão.
- 2- Hỏa lục cục Tràng sinh khởi ở cung Ngọ.
- 3- Kim tứ cục Tràng sinh khởi ở cung Dậu.
- 4- Thủy nhị cục và Thổ ngũ cục Tràng sinh khởi tại cung Tý.

Tứ âm cục khởi nghịch Tràng sinh tại 4 cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu, cho người Âm nam và Dương nữ.

6 – TRÀNG SINH ÁP DỤNG THEO 10 HÀNG CAN.

Tràng-sinh cũng theo hàng Can của mỗi năm mà định vị-trí, tùy theo Can ấy thuộc Âm hay Dương mà an thuận hay nghịch, để khi lục niên vận hạn, các sao thuộc vòng Tràng sinh gặp các sao thiện ác ra sao mà luận đoán.

1) TỬ TRÀNG SINH NGŨ HÀNH

thuộc tứ Dương cục thuận khởi.

- 1- Can Giáp thuộc Mộc, Tràng sinh tại Hợi
- 2- Can Bính thuộc Hỏa, Tràng sinh tại Dần
- 3- Can Canh thuộc Kim, Tràng sinh tại Ty.
- 4- Can Nhâm (Thủy) và can Mậu (Thổ) Tràng sinh tại Thân

2) TỬ TRÀNG SINH NGŨ HÀNH

thuộc tứ Âm cục nghịch khởi.

- 1- Can Ất thuộc Mộc, Tràng sinh tại Mão
- 2- Can Đinh thuộc Hỏa, Tràng sinh tại Ngọ
- 3- Can Tân thuộc Kim, Tràng sinh tại Dậu
- 4- Can Quý (Thủy) và can Kỷ (Thổ) Tràng sinh tại Tý.

QUY ĐỊNH THẬP CAN NGŨ HÀNH

Đông phương giáp ất mộc
 Nam phương bính đinh hỏa.
 Tây phương nhâm quý thủy.
 Trung cung mậu kỷ thổ.

ĐỊNH LÝ TRÀNG SINH

- 8) Vòng Tràng –sinh được tính theo, Sinh Vượng Mộ Dưỡng là tốt.

Và Suy Bệnh tử Tuyệt là xấu.

Mà sao Mộ thuộc Thổ, phải cư mộ địa, không được thay đổi vị trí, mặc dù Tràng-sinh thuận khởi hay nghịch khởi, nên cứ một tam hợp cục có một cung thổ đứng nơi chót, để là mốc giới căn cứ, mà hai cung kia đổi thay vị trí, vì thế mà cứ mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) mới gọi là cung trung hay trung ương thì cũng vậy.

- 1) Thí dụ - Mộc cục thuộc Dương.

Tràng-sinh tại Hợi thuận khởi

Đế-vượng tại Mão

Sao Mộ ở Mùi.

- 2 – Hay là Mộc cục, thuộc Âm nghịch khởi.

tràng-sinh tại Mão cung.

Đế-vượng tại Hợi.

Sao Mộ ở Mùi cung.

- 1- Như vậy là Dương cục thuận khởi,

Sao Mộ ở Mùi cung

- 2- Hay là âm cục nghịch khởi,

Sao Mộ cũng ở cung Mùi

Như vậy Mộ địa phải coi như mốc giới, căn cứ bất di bất dịch cho vòng Tràng sinh.

- 8) Vòng Tràng-sinh có 2 định luật.

1- Áp dụng cho cục để biết 12 cung của một người, hợp hung cát ra sao theo tiêu trường.

2- Áp dụng Tràng-sinh thuộc năm, để biết các sao xấu tốt của vòng Tràng-sinh, nhập vào cung nào, luận đoán xấu tốt của các cung ấy, khi lưu niên vận hạn

9) Tràng-sinh tương quan Dịch-học

Về khoa Âm Dương học tức là khoa Dịch-lý, cũng phải dùng.

1- Tràng-sinh chưởng quyết (vòng sao Tràng-sinh)

2- Lộc Mã-Dương nhận ca (Lộc-tồn, dịch mã Kinh-dương)

3- Quý nhân ca quyết (Thiên-khôi, Thiên-việt)

Vòng Tràng-sinh ở Âm Dương học thì căn cứ Sanh phi khắc phục và Phi lai phục thần, ở 6 hào mà tính thế và ứng để luận cát hung.

10) Tràng-sinh tương quan Bát Trạch học.

Khoa Dương Trạch học, tà phép dạy về xây cất nhà cửa cũng thế.

1- Bắt buộc phải tìm mạch đất (Dương trạch gọi là long) thuộc Cục gì (kim mộc thủy hỏa thổ)

2- Phải phân định mạch đất thuộc Âm Dương cục để khởi Tràng-sinh tại 4 cung Dần Thân Ty Hợi hay là khởi tại Tý Ngọ Mão Dậu.

3- Phải xem năm xây cất nhà thuộc can nào, định âm dương của hàng can, để khởi Tràng-sinh thuận hay nghịch, mà tính các phương hướng xấu tốt của năm đó.

4- An Tràng-sinh xong tất biết ngay hướng phạm và hướng tốt và định lý pháp ở khó Dương Trạch là:

1) Đệ nhất sinh khi là Tràng-sinh

2) Đệ duyên niên là Đế-vương

3) Đệ tam tuyệt mạnh là Tuyệt.

4) Đệ tứ ngũ quý là Tử.

Rồi mới tiếp tục tìm phương vị Thiên-ất quý nhân (Thiên-khôi, Thiên-việt)

Lộc mã dương nhận (Lộc-tồn, Dịch mã, Kinh dương)

11) TRÀNG-SINH TƯƠNG QUAN ĐỊA LÝ (PHONG THỦY)

Ở khoa Địa-lý, Tràng-sinh quan trọng bội phần hơn các môn Tử-vi hoặc Dịch-học.

Vì muốn an táng mộ-phần, thời bắt buộc phải tính Tràng-sinh một cách cẩn thận.

1- Nếu kiết-huyệt mà phạm vào Tử, Tuyệt của vòng Tràng-sinh cũng không phát được

2- Đất thường âm được Sinh, Vượng hướng của Tràng-sinh thì mộ phần yên ổn, tử tôn bình an.

Nên các ca quyết của Tràng-sinh pháp đọc lên là minh bạch, không thể di dịch được.

12) TỬ THỦY PHÁP TRÀNG-SINH

(bốn phép Tràng-sinh theo giòong nước chảy)

1- Hòa cục Tràng-sinh pháp

1- Ất Bính giao nhi xu Tuất (ca quyết).

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Tuất (mộ) thì biết đất ấy là Hỏa cục.

Song chưa biết được Hỏa cục này thuộc âm hay dương cục.

2- Phân âm dương pháp

Địa lý gia đứng ở Mão phương nhìn đối diện với phương Tuất thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh, mà Dương Hỏa cục Tràng-sinh tại Dần.

Đế-vương tại Ngọ

sao Mộ tại Tuất.

như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở Mão phương nhìn đối diện với phương Tuất thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm Hỏa cục Tràng-sinh tại Ngọ cung.

Đế-vương tại Dần

sao Mộ tại Tuất.

Như vậy là Âm cục, nhưng sao Mộ cũng phải cư mộ địa, vì cung Tuất là Thổ, nên gọi là mộ địa.

2- Thủy cục Tràng-sinh pháp**1- Tân Nhâm hội nhi tỵ Thìn (ca quyết).****THỦY CỤC**

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Thìn (mộ) thì biết đất ấy là thủy cục.

Song chưa biết thủy cục này thuộc dương hay âm.

2- Phân âm dương pháp

Địa lý gia đứng ở Dậu, nhìn đối diện với phương Thìn thấy dòng nước chảy từ trái qua tay phải thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương thủy cục Tràng-sinh cư Thân cung.

Đế-vương tại Tý

sao Mộ tại Thìn.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở Dậu phương nhìn đối diện với phương Thìn thấy dòng nước chảy từ tay mặt sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm thủy cục Tràng-sinh tại Tý cung.

Đế-vương tại Thân cung

sao Mộ tại Thìn cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Kim cục Tràng-sinh pháp

1- Đầu Ngưu Nạp Đinh Canh chi khi (ca quyết).

KIM CỤC

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Sửu (mộ) thì biết đất ấy là Kim cục.

Song chưa biết Kim cục này thuộc dương hay âm.

2- Định pháp Dương cục

Địa lý gia đứng ở Ngọ phương, nhìn đối diện với phương Sửu thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương kim cục Tràng-sinh cư Ty cung.

Đế-vương tại Dậu

sao Mộ tại Sửu cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở phương Ngọ nhìn đối diện với phương Sửu thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm kim cục Tràng-sinh tại Dậu cung.

Đế-vương tại Sửu cung
sao Mộ tại Thìn cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

4- Mộc cục Tràng-sinh pháp

Kim Dương thu Quý Giáp chi hình (ca quyết).

MỘC CỤC

1- Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Mùi (mộ) thì biết đất ấy là Mộc cục.

Song chưa biết Mộc cục này thuộc dương hay âm.

PHÂN ÂM DƯƠNG PHÁP

2- Địa lý gia đứng ở phương Tý, nhìn đối diện với phương Mùi thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương mộc cục Tràng-sinh tại Hợi cung.

Đế-vương tại Mão
sao Mộ tại Mùi cung.

Như vậy là sao Mộ cư mộ địa.

ĐỊNH PHÉP ÂM CỤC

3- Địa lý gia đứng ở phương Tý nhìn đối diện với phương Mùi thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm Mộc cục Tràng-sinh tại Mão.

Đế-vương tại Hợi
sao Mộ tại Mùi cung.

Như vậy là sao Mộ cư mộ địa, vì cung Mùi thuộc thổ nên gọi là mộ địa.

12) KIỂM CHỨNG TRÀNG-SINH

Trong 4 phép về Tràng-sinh là,

1) Ất bính Giao nhi Xu Tuất (hỏa cục) tức là phương Ất giao sang phương Bính, hay là phương Bính giao sang phương Ất, nhưng phải thu về phương Tuất.

2) Tân Nhâm Hội nhi Tụ Thìn (thủy cục), tức là phương Tân hội với phương Nhâm, hay là phương Nhâm hội với phương Tân, mà tụ về, quy về phương Thìn.

3) Đầu Ngưu nạp Đinh Canh chi khi (Kim cục), tức là phương Đinh hội với phương Canh, hay là Canh hội với Đinh, mà Nạp về phương Ngưu (Sửu).

4) Kim Dương Thu Quý Giáp chi ninh (Mộc cục), tức là phương Quý hội với Giáp, gồm với Quý mà Thu về phương Mùi.

5) Như vậy thời Tràng-sinh pháp ở môn Phong-thủy đã minh chứng một cách rõ rệt, minh bạch là Tràng-sinh phải thay đổi, khởi thuận nghịch nhưnag sao Mộ thời không thay đổi, sao Mộ lúc nào cũng phải cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, mà ý nghĩa tứ mộ là cung trung, là trung ương, đã là cung trung, hay trung ương thì tại sao lại thay đổi được nên ở 4 tam hợp cục, mỗi tam hợp cục đều có một cung thuộc thổ cả.

Thí dụ : Hội Mão Mùi hợp thành Mộc cục, vậy phải có một cung mùi để làm cứ điểm, mới phân được âm dương.

Hơn nữa nên tìm hiểu ở các chữ Hội, Tụ, Nạp, Thu ở bài ca quyết, của tứ thủy pháp Tràng-sinh thuộc khoa Phong thủy.

Và định luật chung ta thấy ở Hà Đồ, Lạc thư thì mỗi lần vắng phản, sinh thành, để sinh hóa thành các cá biệt ngũ hành, thì đường đi hầu như đều trở về cung trung thuộc thổ và sự hợp thành của cục, lấy 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi là căn bản để phân âm dương, là lý ở đó vậy.

13) TỬ TRÀNG-SINH Ở TỬ-VI ĐẦU SỐ

Nếu ta thấy các môn học 1 về Dịch lý

2- Phong thủy, Dương trạch (nhà cửa)

3- Phong thủy, Địa lý (mồ mã)

Và ở Tử-vi đầu số cũng phải sử dụng tới Tràng-sinh, mà khoa nào cũng Dương thì Tràng-sinh ở Dần Thân Ty Hợi.

Mà âm là Tý Ngọ Mão Dàn.

Như đã thấy ở bài kinh quyết của Địa lý thì Tràng-sinh dù Dương hay Âm cục, chỉ đổi thay phương vì Tràng-sinh mà mộ địa tượng trưng sao Mộ của vòng Tràng-sinh không thay đổi.

14) SỰ HIỆN HÀNH CỦA VÒNG SAO TRÀNG-SINH

Hiện nay sự thực hành vòng Tràng-sinh chia thành môn phái khác nhau.

Cách an Tràng-sinh thứ nhất.

Hầu như toàn thể đã áp dụng an Tràng-sinh thuận nghịch, nguyên tại một cung.

Tức là chỉ khởi ở 4 cung Dần Thân Ty Hợi.

1- Mộc cục an Tràng-sinh

1- Thí dụ dẫn chứng – Mộc cục thuộc Dương
an Tràng-sinh tại Hợi cung.

Đế-vương tại Mão.

Sao Mộ tại Mùi cung.

2- Mộc cục nghịch khởi Âm nam Dương nữ
cũng an Tràng-sinh tại Hợi cung.

Đế-vương tại Mùi .

Sao Mộ tại Mão cung.

2- Kim cục an Tràng-sinh

- 1- Dương nam hay Âm nữ – Kim cục an Tràng-sinh thuận khởi an Tràng-sinh tại Tỵ cung.

Đế-vương tại Dậu cung.

Sao Mộ tại Sửu cung.

- 2- Âm nam hay Dương nữ – Kim cục an Tràng-sinh nghịch khởi Tràng-sinh cũng khởi tại Tỵ cung.

Đế-vương tại Sửu cung.

Sao Mộ tại Dậu cung.

3- Hỏa cục an Tràng-sinh

- 1- Sinh Dương nam hay Âm nữ – Tràng-sinh thuận khởi an Tràng-sinh tại Dần cung.

Đế-vương tại Ngọ cung.

Và Sao Mộ tại Thìn cung.

- 2- Sinh Âm nam hay Dương nữ – Tràng-sinh nghịch khởi cũng an Tràng-sinh tại Dần cung.

Đế-vương tại Tuất.

Sao Mộ tại Ngọ cung.

4- Thủy cục và Thổ cục an Tràng-sinh

- 1- Sinh Dương nam hay Âm nữ – Tràng-sinh thuận khởi an Tràng-sinh tại Thân cung.

Đế-vương tại Tý.

Sao Mộ tại Thìn cung.

- 2- Sinh Âm nam hay Dương nữ – Tràng-sinh nghịch khởi an Tràng-sinh tại Thân cung.

Đế-vương tại Thìn.

Và an Sao Mộ tại Tý cung.

5- Ghi nhận cách an Tràng-sinh

Thuận nghịch đồng khởi tại một cung.

Qua cách an sao Tràng-sinh như trên, dù Âm hay Dương nếu cùng khởi tại một cung.

- 1- Thời sinh Dương nam Âm nữ

Ta thấy sao Mộ cư tại Thìn Tuất Sửu Mùi.

2- Trái lại với người sinh Âm nam Dương nữ

Thì sao Mộ ở 4 cung Tý Ngọ Mão Dần.

Như thế là sao Mộ đã không cư mộ địa nữa, mà còn cư tại các cung thuộc tứ chính thủy nữa.

Kiểm định sao tuyệt

thuộc vòng Tràng-sinh

6) Nếu Âm hâu Dương cùng khởi Tràng-sinh ở 1 cung thì sao tuyệt không đổi thay, chỉ cư tại 4 cung Dần Thân Tý Hợi.

1- Thí dụ Mộc cục vòng Tràng-Sinh khởi thuận

an Tràng-sinh tại Hợi

Đế-vương tại Mão.

Sao Mộ tại Mùi cung.

và sao tuyệt an tại cung Thân.

2- Mộc cục vòng Tràng-Sinh nghịch thuận

an Tràng-sinh tại Hợi cung

Đế-vương tại Mùi.

Sao Mộ tại Mão.

và sao tuyệt an tại Dần cung .

7) Biểu đồ sao Tuyệt của các cục

Sao Tuyệt thuộc Mộc cục

1- Mộc cục an thuận khởi Tràng-sinh.

Sao Tuyệt cư tại Thân cung

2- Mộc cục an Tràng-sinh nghịch khởi .

Sao Tuyệt an tại cung Dần

Sao Tuyệt thuộc Hỏa cục.

3- Hỏa cục an thuận vòng Tràng-sinh.

Sao Tuyệt cư tại Hợi cung.

4- Hỏa cục khi vòng Tràng-sinh an nghịch.

Sao Tuyệt an tại Tý cung.

Vị trí sao tuyệt thuộc Kim cục.

5- Kim cục an thuận vòng Tràng-sinh

Sao Tuyệt cư tại Dần cung.

6- Kim cục khi vòng Tràng-sinh an nghịch khởi.

Sao Tuyệt an tại Thân cung.

Vị trí sao tuyệt thuộc Thủy cục và Thổ cục.

7- Thủy và Thổ cục khi an vòng Tràng-sinh thuận

Sao Tuyệt an tại Tỵ cung.

8- Thủy và Thổ cục an vòng Tràng-sinh nghịch

Sao Tuyệt cư tại cung Hợi.

8) NHẬN XÉT VỊ TRÍ CỦA SAO MỘ VÀ SAO TUYỆT

1- Sao Mộ – Dương nam Âm nữ, thì sao Mộ cư tại 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi.

Âm nam Dương nữ, thì sao Mộ cư tại 4 cung Tý Ngọ Mão Dần.

2- Sao Tuyệt – Dương nam Âm nữ hay Âm nam Dương nữ, sao Tuyệt cũng chỉ cư tại 4 cư Dần Thân Tỵ Hợi.

Mà ở Tử-vi đầu số :

1- Thìn Tuất Sửu Mùi là tứ mộ hay tứ khổ.

2- Tý Ngọ Mão Dần là tứ bại hay tứ tuyệt.

3- Dần Thân Tỵ Hợi tứ sinh hay tứ tuyệt.

Như vậy nếu an Tràng-sinh, Âm hay Dương cùng khởi *****

9) NGŨ HÀNH SINH KHẮC ĐỊNH LỆ

Ở các cung thuộc ngũ hành, thì Thổ là cung trung, là nơi sở cứ, để cho các hành nhập xuất, mà sinh hóa thành các hành cá biệt.

1- Nên Mộ là mộ địa, không thể thay đổi vị trí, cho nên đã lấy sao Mộ của vòng Tràng-sinh làm sở cứ căn bản ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, mà chỉ thay đổi vị trí Tràng-sinh tùy theo Âm hay Dương.

2- Trái lại sao Tuyệt phải đổi thay, để có tuyệt đi mới có sinh, và sao tuyệt khi thuộc âm, phải ở tứ bại là Tý Ngọ Mão Dần.

Vì 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi thuộc thủy khí và 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu là tứ chính thủy nên từ khi biến thành thủy thực trao đổi cho nhau mà Mão Dậu là nơi miếu địa của song Hào nên mới có cách chúng thủy triều đông.

3- Và tại sao 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu lại là tứ bại ở Tử-vi học, nên tứ âm cục, sao Tuyệt đổi vị trí sang các cung Tý Ngọ Mão Dậu để hợp cùng lý khí mà sinh được, nên định luật âm sinh nhi dương trưởng, là hợp với sao Tuyệt, khi thuộc âm là phải tuyệt, rồi mới sinh là thế.

4- Nếu sao Tuyệt dù Âm hay Dương cũng chỉ ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi, thì chữ tứ bại dùng để chỉ cho 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu là lầm lẫn, và vô nghĩa vậy.

15) Sự hiện hành của vòng Tràng-sinh

Cách an Tràng-sinh thứ hai

Một cách an vòng Tràng-sinh thứ hai chiếm phỏng định 5% đa số là các Cụ, đã khởi thuận nghịch cùng tại 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi.

1- Khi an thuận vòng Tràng-sinh, thời mỗi cung một sao , đủ số 12 cung.

2-Nhưng khi an nghịch vòng Tràng-sinh, thời hai sao Tràng-sinh và Đế-vượng cùng an tại 1 cung.

3- Như vậy vòng Tràng-sinh khi an thuận thời đủ 12 cung mà khi khởi nghịch thì thiếu 1 cung không có sao nào và 2 sao Tràng-sinh và Đế-vượng đã đồng cư 1 cung rồi.

Thí dụ : Mộc tam cục

1) KHI AN VÒNG TRÀNG-SINH THUẬN KHỞI.

an Tràng-sinh tại Hợi cung

Đế-vượng tại Mão.

sao Mộ tại Mùi cung

sao Dưỡng tại Tuất cung.

Như vậy là 12 cung mỗi cung có 1 sao của vòng Tràng-sinh.

2) KHI AN VÒNG TRÀNG-SINH NGHỊCH KHỞI.

an Tràng-sinh và Đế vượng đồng cung tại Hợi

sao Suy cư tại cung Mùi.

sao Tuyệt tại Mão cung

và sao Dưỡng tại cung Sửu .

Như vậy là cung Tý không có sao nào của vòng Tràng-sinh.

HỆ LUẬN CÁCH AN TRÀNG-SINH

ĐẾ-VƯỢNG ĐỒNG CUNG

4- Việc lập luận cách an Tràng-sinh, Đế-vượng đồng cung đã giải thích là.

1- Khi an Tràng-sinh thuận, thời sao Mộ cư mộ địa, vậy khi an nghịch, phải an 2 Tràng-sinh, Đế-vượng đồng cung thì sao Mộ mới cư mộ địa được.

2- Đã cứng rắn tỏ ý nghĩa, sao Mộ là Thổ phải cư Mộ địa là gì, phải chăng là Thổ thì tại sao lại an tại 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu được.

NHẬN XÉT

Như thế là thiếu một cung để an sao Đế-vượng.

1- Mà định pháp trong Âm Dương bố khi đồ (tức là phép Âm Dương chuyển thuận nghịch) đã không đúng, vì thiếu hẳn 1 cung không có Đế-vượng và khi tùy theo Âm Dương để lập hướng.

Thí dụ lập Sinh thu Vương.

hay là lập Vượng thu Sinh pháp.

Khi gặp Âm cục thì biết lập gì được và cả 2 sao Tràng-sinh, Đế-vượng đã nhập 1 cung rồi.

- 2- và ca quyết: Bối Vương nghinh Sinh nghịch cục với định lý của Âm cục, đã bị bỏ đi không được chấp nhận nữa.

16) Luận chung Tràng-sinh pháp

1- Định vị trí sao Mộ

Qua các dẫn chứng của sao Mộ và sao Tuyệt thì sao Mộ dù Âm hay Dương cũng chỉ cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi mới là hợp lý, nếu chuyển sao Mộ sang tứ bại cung Tý Ngọ Mão Dậu thì không còn căn bản nào làm mốc giới cho vòng Tràng-sinh nữa và 4 tam hợp cục, mỗi tam hợp cục có 1 cung thổ định hướng sở cư đã vô nghĩa.

2- Định vị trí sao Tuyệt

Cũng như định luật Âm sinh nhi Dương trưởng của vòng Tràng-sinh, khi gặp Âm nam Dương nữ thì sao Tuyệt là bằng chứng hiển nhiên đã cư tại Dần Thân Tý Hợi, hoàn toàn lâm sang dương cục, lý khi đang trưởng thành.

Nên khi gặp âm cục là khi dương đã trưởng rồi, thời sao tuyệt phải hồi về 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu, để âm kia hợp được lý khi mới có thể sinh được.

Vậy mộ phải cư mộ địa.

Mà tuyệt phải đổi thay vị trí.

Qua sự phân tích và tìm hiểu trong bài ca quyết, Tràng-sinh tứ thủy pháp, để đối chiếu gồ hàu xác định được chân thực.

Cách lưu niên vận hạn

An tiểu hạn

Sau khi an xong các sao, bắt đầu an tiểu hạn trên 12 cung để biết vận hạn từng năm một.

- 1- Muốn tính tiểu hạn từng năm, phải tùy theo năm sinh và là nam hay nữ.

Nam khởi tính theo chiều thuận

Nữ khởi tính theo chiều nghịch

- 2- Bất kể nam hay nữ đều khởi tại 1 cung nhưng ghi năm sinh ở bên cạnh cung khởi, sinh năm nào ghi năm ấy, chỉ khác nam thuận nữ nghịch.

PHÂN ĐỊNH NHƯ SAU

Sinh thuộc năm	Cung khởi ghi
Thân Tý Thìn	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Thìn
Tý Dậu Sửu	Mùi
Hợi Mão Mùi	Sửu

- 3- Thí dụ nam sinh năm Thân, ghi chữ thân ở bên cạnh cung Tuất là cung khởi, rồi theo chiều thuận an tiếp các cung khác, ghi chữ Dậu ở bên cung Hợi, chữ Tuất bên cung Tý, ghi Hợi ở cung Sửu, cứ như thế tiếp tục ghi những cung còn lại theo thứ tự 12 chi.

BẢNG GHI CÁCH TÍNH LƯU NIÊN TIÊU HẠN 1 NĂM

Tý	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn	Mão Thìn Dần	Tý Ngọ Mùi	Dậu
Mão	Sửu Tý Hợi	Thân Tuất Dậu	Thân
Dần	Sửu Tý Dần	Hợi Tuất Tý Dậu	Dậu
Mão	Mão Thìn Tý	Thân Ngọ Mùi	Tuất
Dần	Sửu	Tý	Hợi

- 1- Nam nhân sinh năm Thân
- 2- Ghi Thân bên cạnh cung Tuất
- 3- Nam sinh thuận khởi

4- Thí dụ Nữ sinh năm Thân, cũng khởi ở cung Tuất, ghi chữ Thân ở bên cung Tuất, tiếp tục an nghịch các chi Dậu bên cung Dậu, ghi Tuất bên cung Thân, và tuần tự ghi nghịch các cung còn lại theo thứ tự 12 chi.

BẢNG GHI CÁCH TÍNH LƯU NIÊN TIÊU HẠN 1 NĂM

- 1- Nữ nhân sinh năm Thân
- 2- Ghi Thân bên cạnh cung Tuất
- 3- Cung Tuất là cung khởi
- 4- Nữ sinh khởi nghịch

5- Muốn biết vận hạn xấu tốt trong 1 năm nào, căn cứ cung ghi năm ấy, xét ảnh hưởng các sao.

THƠ AN TIỂU HẠN

Tinh hạn tra xét mọi phàn.

Nam thuận nữ nghịch phải cần xét suy.

Tuổi Dần Ngọ Tuất Thìn ghi.

Thân Tý Thìn ấy tại vì Tuất cung.

Hợi Mão Mùi trâu ngó trông .

Tỵ Dậu Sửu dê lông đòi ăn.

LƯU ĐẠI HẠN

Một Đại Hạn là mười năm.

CÁCH LƯU ĐẠI HẠN

1- Phải căn cứ vào Cục

Nếu là thủy nhị cục ghi số 2 – 11 vào cung Mạnh.

2- Phải căn cứ Dương nam Âm nữ, chuyển hạn theo chiều thuận.

Âm nam Dương nữ, chuyển hạn theo chiều nghịch.

Thí dụ 1: Dương nam thủy nhị cục hay Âm nữ thủy nhị cục.

Bắt đầu ghi 2 – 11 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn thuận, ghi 12 – 21 vào cung Phụ Mẫu, 22 – 31 vào cung Phúc-đức, 32 – 41 cung Điền-trạch, 42 – 51 cung Quan-lộc, 52 – 61 cung Nô-bộc, và 62 – 71 cung Thiên-ri.

Thí dụ 2 : Âm nam thủy nhị cục hay Dương nữ thủy nhị cục.

Khởi ghi 2 – 11 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn theo chiều nghịch, ghi 12 – 21 vào cung Huynh-đệ, 22 – 31 vào cung Thê-thiếp (Phu-quân), 32 – 41 cung Tử-tức, 42 – 51 cung Tài-bạch, 52 – 61 cung Tật-ách, và 62 – 71 cung Thiên-ri.

Thí dụ 3: Dương nam mộc tam cục hay Âm nữ mộc tam cục.

Bắt đầu ghi 3 - 12 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn thuận, ghi 12– 22 vào cung Phụ Mẫu, 23 – 32 vào cung Phúc-đức, 33 – 42 cung Điền-trạch, 43 – 52 cung Quan-lộc, 53 – 62 cung Nô-bộc, và 63 – 72 cung Thiên-ri.

Thí dụ 4 : Âm nam mộc tam cục hay Dương nữ mộc tam cục.

Khởi ghi 3 – 12 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn theo chiều nghịch, ghi 13 – 22 vào cung Huynh-đệ, 23 – 32 vào cung Thê-thiếp (Phu-quân), 33 – 42 cung Tử-tức, 43 – 52 cung Tài-bạch, 53 – 62 cung Tật-ách, và 63 – 72 cung Thiên-ri.

GHI ĐẠI HẠN TÙY THEO CỤC

Thủy nhị cục ghi 2 – 11, 12 – 21 và tiếp theo.....

Mộc tam cục ghi 3 – 12, 13 – 22 và tiếp theo.....

Kim tứ cục ghi 4 – 13, 14 – 23 và tiếp theo.....

Thổ ngũ cục ghi 5 – 14, 15 – 24 và tiếp theo.....

Hỏa lục cục ghi 6 – 15, 16 – 25 và tiếp theo.....

Và tiếp theo ghi cho tới cung Thiên-ri là quá đủ, vì nhân sinh thất thập cổ lai hy rồi, đâu còn mong muốn gì thêm.

Các số ghi 2 – 11, 3 – 12, 4 – 13, 5 – 14, 6 – 15, là để đánh dấu một đại hạn 10 năm, từ tuổi nào và đại hạn lâm cung nào thì xét vận hạn theo ảnh hưởng của cung ấy.

Thí dụ đại hạn ghi 44 – 53 ở cung Quan-lộc thì vận hạn xấu tốt ảnh hưởng, cho tới 10 năm từ 44 tuổi đến 53 tuổi, của các sao liên hệ thuộc cung Quan-lộc.

Lưu nguyệt hạn

Để biết vận hạn xấu tốt trong một tháng.

Hai cách thường sử dụng.

Cách 1 – Khởi tính Nguyệt hạn từ cung Niên hạn, kể là tháng giêng, tính theo chiều nghịch tới tháng sinh, ngưng tại cung nào kể cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều thuận tới giờ sinh ngưng tại cung nào kể cung ấy là tháng giêng, tuần tự tính thuận tháng 2, tháng 3, tháng 4, tới tháng nào muốn biết vận hạn.

Cách 2 – Kể cung ghi niên hạn là tháng giêng, tính thuận tới tháng 2, tháng 3, tháng 4 hay tháng nào muốn biết vận hạn, mỗi cung 1 tháng.

CÁCH TÍNH NHẬT HẠN

Để biết vận hạn tốt xấu trong một ngày.

Biết Nguyệt hạn tại cung nào, kể luôn cung ấy là mồng 1, tuần tự mỗi ngày 1 cung, cho tới ngày muốn biết vận hạn.

CÁCH TÍNH THỜI HẠN

Để biết vận xấu tốt trong vòng 1 giờ.

Biết Nhật hạn tại cung nào, kể cung ấy là giờ Tý, tính thuận mỗi giờ một địa chỉ theo Tý, Sửu,...tới giờ nào muốn biết xấu tốt.



THẤT-SÁT NAM MẠNH CA

Thất sát tọa Mạnh lạc nhân cung.
Cự tú Dương Đà cánh chiếu xung.
Nhược bất thương chi tất tổn cốt.
Không môn tăng đạo khả hưng long.

CHƯƠNG 4 TÌNH-LÝ VÀ TƯỢNG-HÌNH CỦA CHỮ -TÌNH CỰ CUNG MẠNG-VIÊN

Tử-Vi

Tử vi là ngôi đế cực, cư nơi miếu vương, gặp được Tả-hữu, Khôi-việt, Hồng-đào, cát tinh phủ tri, thời phú quý hiển đạt tốt cùng.

Không gặp được Phu-vật là vô dụng, đáo nhị hạn giải được hung ác của Dương-đà, Hỏa-linh.

Chỉ sợ lạc Không-vong là đế ngộ hung đồ, thời nên đi tu làm tăng đạo, ắt được hưởng phúc.

Tử vi là người tầm thước, mặt đỏ tía hồng, tính tình đôn hậu.

Hãm địa thường bị bệnh dạ dày, hay mắc chứng đau bụng, kiết tả, thường bị âm hư và đàm trệ.

Thiên-Phủ

Thiên Phủ cũng là đế vị thuộc âm Thổ.

Miếu địa ở Tuất gặp được Tả phụ đồng cung là thượng cách (Tả Phụ cách là gấm thêm hoa, là tài tinh, cùng với Lộc-tồn thì giàu có cự vạn, vàng chèn ngọc cất.

Cũng như Tử-vi, được Phụ bát, Hồng đào, Khôi việt, thời cự phủ, công danh toại mãn, chế hóa được hạn họa của Dương-đà, Hỏa-Linh, tối kỵ gặp Tuần-không là khó lắm rồi, và lạc Không-vong là trở thành họa.

Thử ư Mạnh-Thân là người khoan hòa, thuần nhã và ngay thẳng, mặt hơi vuông, da trắng.

Nên có cách Kim ô viên mãn, ngọc thổ thanh kỳ.

Thiên-Cự

*Miếu ư đông vị, từ cung Dần tới Thân.
Hãm ư tây vị, từ cung Dậu tới Sửu.*

Thái-dương là nghi tượng của dương khí, để phát ra ánh sáng, nuôi dưỡng và sinh hóa muôn loài.

Cự cung Quan lộc là đệ nhất cách.

Ưu nơi miếu địa thi tài lộc và danh quyền cao vọi vọi, chủ chấp chương oai quyền, gặp được khúc xương, Khôi việt thì phú quý cực phẩm.

Cự Ngọ vị là người tài lộc, địch quốc chi phú, hay tranh quyền của người trên.

Chỉ sợ hội Dương-đà ví như trời giông tố, không còn mặt trời nữa.

Miếu địa ở Nữ mạnh là bậc hiền phu, chính trực, đoan trang, vượng phu ích tử.

Nam mạng là người khôi ngô, tuấn tú, trán cao. Mặt dài trên to dưới nhỏ như mặt con rắn. Thái-dương diện khuyên xà tề.

Nếu ngộ Hình là người tán đồ ra mà cao, thường gọi là trán che sương.

Nữ mạnh ngộ Kinh thời nên tu hành hưởng phúc, không nên lập gia đình, vì bị hình khắc phu tử.

Ngộ Đà là người tâm thần vô định, lúc thân lúc sơ.

Hội với Hình, riêu, Kỵ phải toái quan phòng về mục tật.

Thái-Âm

Miếu địa ở Đông vị từ Dần tới Thân cung
Hãm địa ở Đông vị từ Dần tới Thân cung

Thái-Âm thuộc thủy là nghi tượng sự sáng về đêm, cư Thiên ri hội Lộc, là người xuất ngoại mà lập nên cơ nghiệp.

Chủ ư Điền-tài hội Lộc là hợp cách.

Hội với Văn-khúc ở Hợi-cung, là cách bình bộ ngập điện cung, (thong thả vào cung).

Ở số là tượng mẹ vả thê thiếp.

Thái-âm hãm ngộ Riêu Ky thường hay mắc bệnh thận, các chứng phù thũng.

Ngộ Hình Linh, Hư , thì hay mơ màng và bị di mộng tinh. Nữ Mạng hội với Tang Hổ, phải phòng bệnh tật về máu huyết và khi sinh sản.

Hội với Riêu-Ky hãm thì dâm dăng và đói mực tật. Hội với Kinh Đà thì bị hình khắc lục thân, không thể tốt đẹp được .

Thái âm không sợ Không-vong, nhưng tối úy Kinh Đà. Nhật Nguyệt cư nơi miếu địa ngộ Triệt Tuấn thì tối lại, ở nơi hãm địa Triệt Tuấn là sáng trở lại.

Thủ Mệnh là mặt tròn, tươi trắng tính tình hieu hòa, nữ mạng thì đoan trang, chỉ sợ ngộ Dương Đà, là khắc hãm, phá tổ ly tông.

Vũ-Khúc

Vũ-Khúc là bắc đầu thuộc Kim

Là tài tinh, chủ về tiền của.

Cư 2 cung, Tài, Trạch thì hợp cách.

Đồng cung với Tham-tang thì thiếu niên bất lợi, phải tới nửa đời sau mới thànhững cơ nghiệp được .

Hội với Phá-quân cư Tài là đồng thành tây hại, đồng tiền lên xuống tựa dòng nước xuôi.

Tham Vũ hội Mệnh thì đầu nhỏ mình to.

Thủ ư Mệnh hãm, thì dáng người nhỏ thỏ, mặt hơi dài, tiếng nói to mà thanh sáng, thường hay có noát ruồi nơi kín.

Vũ Khúc chỉ tính tình cương cường, quả cảm nhưng hay giận hờn.

Chỉ sợ hội với ác sát thành keo kiệt, bủn xỉn.

Hội với Thất-sát ở Mão Dậu gia Hình việt Linh Hỏa, phòng té cây, sét đánh, tàn tật, tai nạn xe cộ. Ngộ Ky thường mắc bệnh xuyễn và bệnh lao.

Thiên- Đồng

Thiên Đồng là nam đầu tinh thuộc dương Thủy.

Chủ phúc thiên, cư cung Phúc-đức là tốt nhất, chủ ích thọ.

Thiên-đồng cư 12 cung không sợ sát hung.

Thủ Mạnh là người phi nộn, da trắng mày xanh, mắt sáng, lưng dày, tính nét phúc hậu, hòa nhã. Hội với Khôi, Khoa, Xương, Khúc là người liêm khiết, có trí linh sáng, biết trước được công việc.

Hội với Kinh-dương, Thái-âm, Phượng-các ở cung Tý, Ngọ là cách Kinh, Đông, âm nhi phùng phượng Giải, tài kiếm văn võ, quý hiển cực phẩm.

Hội với Cự-môn hãm là người xảo ngôn, lệnh sắc, ngu độn mà hạ tiện, tính tình thay đổi luôn.

Liêm-Trinh

Liêm-Trinh là bắc đầu tinh thuộc Hỏa.

Liêm-Trinh nhập miếu ngọ Văn-xương chủ lễ nhạc, hội với Thất-Sát thiên về về võ chức.

Cư Quan-lộc chấp chưởng binh quyền quý hiển.

Cư Mạnh là đào hoa thứ hai.

Hãm địa thường dong chơi cờ bạc.

Thủ Mạnh là người dáng cao, mặt xương xương, lông mày rậm, miệng rộng, tính tình ưa tranh đấu.

Cùng với Tham lang Ty Hợi, thì chiếu lấy hình ngục, luôn luôn đao chồn công mon.

Hội với Kiếp Không hãm, thời suốt đời hà tiện, tính tình ương ngạnh gàn dở, vì đam mê mà mắc hình phạt không tránh được.

Hãm ngọ Hình Ky thường hay mắc chứng huyết nhiệt mà sinh mụn nhọt.

Tham-Lang

Tham-Lang là bắc đầu tinh thuộc âm Mộc.

Tham-Lang vừa là sao sát, mà cũng là sao phúc thiện, có nhiều tâm hồn ưa thích thần tiên và ca vịnh.

Cư miếu vượng hội với Hỏa-Linh, Khôi-việt, hợp Lộc thì giàu sang như trở bàn tay.

Hội Binh Tường và Linh thì uy vũ, quả cảm, cương nghị, binh quyền vạn lý.

Hội với Sinh Vượng thì trường thọ, không sao nào bằng.

Hội với Khôi Việt thì thanh cao, đứng đắn, cơ mưu thâm thúy, là người ưa thích về các môn khoa học huyền bí.

Hội với Khúc-Xương loà cách làm thầy, cứu lưu nơi thôn dã.

Hội với Phụ Bật Hình Ky, là cách của các bậc danh y, hay là phù thủy cao tay.

Ở với Tử-vi Mão Dậu thích về tu hành.

Cùng với ác sát là người gian xảo, lấy thân làm sơ, xử sự hậu bạc nhất, không trọng phong tục, hay xiêm nịnh.

Cùng với Đào-hoa là tử chiến giang hồ, phiếm thủy đào hoa cách, thường đam mê tửu sắc mà gian dâm.

Thủ Mạnh là người hơi thấp, dáng hơi đậm, rắn chắc mà thường có răng ngắn.

Hãm địa hay mắc chứng hôi nách.

Nữ mạnh nhộ Đào, Riêu Hình, Ky là thị phi chiêu oán suốt đời,

Chung thân chỉ là ca kỹ hạ hạng, hoặc nô tỳ ở các nhà hàng ca vũ.

Ngộ Liêm trinh Ty Hợi rất cần gặp Triệt Tuần giải cứu là phản vi kỳ cách.

Cự – Môn

Cự – môn là bắc đầu tinh thuộc Thủy.

Hóa khi thành ám.

Cự-môn hãm thủ mệnh là người chua nhoa, đa hư thiếu thực.

Hội với Kỵ Đà là người nói alúp (cà lăm) mà đa dâm.

Hội với Thái Tuế thì thị phi khẩu thiệt.

Người tuổi Quý ở cung Tý Ngọ là hợp cách.

Hội với Thiên Cơ Mão Dậu, người tuổi Bính Tân là thượng cách.

Cự ở Thìn Tuất người tuổi Tân là thượng cách, vì có sự ám hợp đầu số (Tôn Tân Cự-môn tinh).

Tượng thân thể Cự môn là cái mồm, nên thủ Mệnh hãm là người môi thâm.

Thiên – Tướng

Thiên tướng là Nam Đầu thuộc Dương Thủy.

Thiên tướng là sao phúc thiện, hóa khi là cái ẩn, là văn tinh.

Cự ở Quan-lộc là hợp cách.

Thủ Mệnh là người đứng đắn, trung trực hay có lòng nhân từ, thường hay bênh vực kẻ cô thân, cô thế.

Gặp Tướng, Quân, Bình, Aán, là cách xuất tướng, nhập tướng, chấp chương quyền cao chức vọng về binh nghiệp.

Ngộ Xương Khúc Khôi Việt thì văn quan quý hiển.

Gặp Dương-đà ác sát không sợ hung nguy.

Miếu địa cư nữ Mệnh thì hình dung tuấn tú, vượng phu ích tử, nhưng hay đoạt quyền chồng, nói năng hoạt bát, linh lợi khéo léo.

Chỉ sợ nơi hãm địa lạc Không – Vong, Linh – Hỏa thì bị hình khắc, quả cô đối với phu tử, càng về hậu vận càng xấu.

Nữ Mệnh có Tướng Hồng là người mặt hoa da phấn thế nào cũng lấy được chồng quyền quý.

Thiên – Lương

Thiên-lương là nam đầu tinh âm Mộc

Thiên-lương là sao phúc thiện, hóa khi là âm tinh

Cự ở Phụ-mẫu và Phúc-đức là hợp cách.

Hội với Thái Dương cư Mão ở Phúc-đức, họ hàng ích Thọ mà quý hiển.

Rất cần gặp Dương, Xương, Lộc thì quý hiển vạn toàn.

Ngộ Khúc xương, Khôi việt, thì văn chương siêu việt, cơ mưu xuất quỷ nhập thần, thường là các bậc đại nhân quân sư.

Hội Bình Quyền, Tướng Aán là chấp chương bình quyền, hoặc tham mưu binh bị.

Thủ mệnh là người dáng cao, hơi ồm ồm, trán cao, tính nết uẩn lương, hay giấu tâm sự, phúc hạn mà nghiêm cần, không thích khoe khoang.

Cư Sửu Mùi ngộ Đà hóa khi là văn cách.

Hội với Tuế Đà ở Thìn Tuất thì văn chương thi phú, ăn nói đanh thép.

Chỉ sợ hãm địa hội với Dương Linh là hạ cục, nghèo hèn mà gian trá.

Cơ, Lương hãm ngộ Lộc-tồn, gia Linh, Hình, Tuế là phạ-lộc cách.

Là cách làm thầy bói, nửa mùa, thầy cúng, hội thêm, các nghề đàn địch, trống hát châu văn, hoặc các nghề quảng cáo hoàn tán.

Phạ lộc cách, có sách còn nói là Bả-lộc cách nữa.

Thất – Sát

Thất –sát là nam đầu thuộc Dương Kim.

Miếu địa: Dần Thân.

Thất-sát là thượng tướng tinh, nên cách Thất-sát triển đầu, là anh hùng võ nghiệp vô đối. Cư nơi miếu địa thì tứ phương cũng phục anh hùng, là bậc hào kiệt, trí lược hơn người.

Hội Khúc-xương, Khôi-việt nắm quyền sinh sát, tước lộc vinh xương, cự vạn chi tài không kể xiết.

Mệnh ngộ Thất-sát hãm địa, hay cư Dần Thân ngộ Triệt Tuất thì bốn ba, lao khổ, bao nhiêu linh diệu lại hóa thành hung họa, trầm ngâm ít nói, tính tình lúc vui, lúc sầu, ngăn ngại khó khạo.

Hội với Dương, Hình thì làm nghề đồ tể (giết trâu, bò, heo, gà) hay làm nghề thợ rèn.

Thường là những nghề cầm dao búa rìu kiếm tiền.

Mệnh có Thất-sát hãm, lưu hạn gặp Thất sát hãm hội Liêm Hình, là cách lộ thượng ami thi (chết đường) xa nhà, xa quê hương.

Lưu hạn gặp được Tử-vi, Thiên tướng, Lộc-tồn thì giải được hung ngay.

Thủ Mệnh là người tầm thước, mắt to sáng, địa các hơi vuông, nhưng mặt hay bị sẹo.

Thất-sát hội Văn-xương ngộ Triệt lại là người có đôi mắt bé nhỏ.

Phá – Quân

Phá-quân là đầu tinh thuộc âm Thủy.

Miếu địa ở Tý Ngọ.

Cư Tý Ngọ là nhập miếu, là cách thủy ba đại hải (sóng cồn bể ca) hóa khi là hao tinh.

Ngộ Khoa Quyền Lộc thì quý hiển.

Hội với Vũ-khúc là đông thành tây bại.

Ngộ Tử-vi Sửu Mùi người tuổi Bính, Mậu, Nhâm, Quý, thì quý hiển.

Người tuổi Giáp, phá tại Tý là đệ nhất cách.

Miếu địa gặp Phượng Long Xương Khúc thời người cao, mặt trắng, môi hồng, tai to mắt sáng, lông mày thật rậm mà đen.

Tinh thần thông minh, lanh lợi mà cơ trí hơn người, ưa những việc bạo động.

Phá quân cư Tý không sợ Kiếp Không đối với người mạng Thủy.

Mạng Kim, Thủy lưu nhị hạn gặp Thất-sát ở Thân cung, nếu hội với Khúc Xương Long Phượng, thời đi vào người chốn hung họa, cũng không sợ hung nguy, lại nhân đó là cơ hội mà gặp vinh hoa quý hiển.

Hãm địa thì lấy thiện làm ác, ương ngạnh, chung thân lẳng đẵng, phá tổ ly tông, đam mê tửu sắc, không tôn trọng phong hóa, bất chấp lễ nghi.

Tả – Phụ . Hữu – Bật

Tả Phụ thuộc Dương Thổ

Rĩ đông vi tả phương vị

Tả Phụ là phụ trợ

Hữu Bật thuộc âm Thổ

Rĩ tây vi hữu phương vị

Hữu Bật là trợ giúp.

Miếu địa Thìn Tuất, Vượng địa Sửu Mùi.

Tả-phụ Hữu-bật là hai sao thuộc Đông Tây phương vị, chuyên đi theo để phò tá tất cả các cách, nhất là đối với bộ Tử Phủ phải cần thiết.

Hội với cát tinh thì hỏa cát.

Gặp hung tinh lại hóa thành hung.

Tả-phụ nên đồng cung với Tử Phủ, Hữu-bật không nên đồng cung với Tử Phủ.

Cư ở Thìn Tuất, Tả Phủ nên ở Mạnh, mà Hữu –bật nên ở đối cung, vì Hữu-bật là cổ cách.

Giáp biên cách phải đúng phương vị, không nên Tả sang Hữu, hay Hữu sang Tả.

Cách giáp biên bất kể với chính tinh nào cũng cần đúng phương vị.

Đồng cung thời nên ở cùng cát tinh, nếu hội với hung tinh, thời sẽ nhập đảng mà tác họa.

Hữu-bật hội với Thiên-tướng cũng như cách nường Tường là hợp cách.

Phụ bật cư Mạnh là người khắc khoan, khắc đỉnh nhưng phải xa quê hương đất tổ.

Phụ-bật ở nơi miếu địa thời sức phù tá mạnh mẽ gần như chinh tinh.

Lâm Mạnh Thân là triệu chứng đấu tranh, một đời phúc hậu, ủng Hồng Đào Khôi Việt thời quý hiển khôn lường.

Cư hay giáp biên ở Quan-lộc cũng hợp cách, là người được sống trogn thịnh thời, ở đây Tả-Hữu ví như văn võ ở chốn triều đình.

Lâm Tài Bạch hội với song Lộc, thì tiền của như nước triều, hội với Lộc-tồn là càn gchôn ngọc cát. Những vị bậc sỹ, giáo sư, cô mục hoặc làm thầy tướng số, phù thủy, nếu không có Tả Hữu thì không thể là danh gia được .

Văn –Khúc Văn –Xương

Còn gọi là văn quế văn hoa, gọi tắt là quế hoa.

Văn-xương thuộc Kim là bắc đầu tinh

Văn-khúc âm Thủy là bắc đầu tinh.

Văn-xương hội với Thái-dương, Thiên-lương, Hóa-lộc, là cách phú quý song toàn.

Cũng như Văn-khúc hội với Thái-âm là hợp cách.

Khúc hội với Phá-quân ở cung Ngọ, thời hợp cách hơn hội với Phá-quân ở Tý, vì Tý thuộc thủy, Phá-quân thủy, mà Văn-khúc cũng thủy, nên quá nhiều thủy, không như ở Ngọ, vì Ngọ là thiên thượng hỏa, Văn-xương chủ căn tinh khoa giáp.

Văn-khúc chủ đàn nhạc, nghệ thuật, ca hát, tấu cũ Xương-khúc phù tá cho Nhật Nguyệt là hợp cách nhất, dù Nhật Nguyệt hãm địa, với Khúc-xương cũng ví như được sáng ra, nên dù Nhật Nguyệt tuy hãm, nhưng cũng phong túc một đời.

Không có sao nào hội với Nhật Nguyệt đặc cách như Khúc-xương, nên ở phủ đoán là Âm dương hội Xương-khúc nhi đắc lực. Gia hợp Long Phượng là toàn mỹ.

Nên tùy Mệnh hội với sao nào mà luận, nếu hội với Khôi Việt, Khoa, Long Phượng, toàn văn tinh đoan thời là bậc học uyên súc, có thể ngồi mà biết thiên hạ sự.

Nếu không có Khôi Khoa, mà Khúc cư Mệnh hội với Vũ-khúc, và Phượng Long, Quan, Phúc, Tấu Riêu, là những nhà kiến trúc, nhạc sư, họa sư, hay những đào nương, thành danh thượng thặng, trở nên triệu phú nếu hội với song Lộc (vì song Lộc là phủ tinh nhưng cũng là văn tinh).

Nếu Khúc-xương ở nơi lâm tuyền (hãm địa) hội Phượng Long, Tấn Vũ, Dương Đà lại là những thợ mộc, thợ khảm, thợ sơn, thợ rèn, hoặc hành nghề với đồ kim khí nhưng rất khéo tay.

Văn-khúc đồng cung với Vũ khúc là cách lưỡng Khúc trùng phùng, thường thiên về võ nghiệp.

Hội với Bình Hình, Tướng ân, Thái Phong là người bậc nguyên nhung, chấn vệ biên cương, Khúc-xương thủ Mệnh hội với Hỏa-ky thường hay bị yếu vong.

Văn-xương thủ Mệnh là người có cặp mắt sáng, về già thường hay phệ bụng.

Cũng như Phu Bát phò tá đắc lực cho người mạng Thổ Hỏa.

Khúc-xương rất hợp cho người Kim Thủy.

Khúc-xương cũng như Tả Hữu là sao đứng đầu các trung tinh, ở nơi miếu địa sức phù trợ có thể ví như chinh tinh.

Thiên – khô . Thiên- việt

Thiên-khô là nam đầu tinh thuộc Hỏa đời Mộc

Thiên –việt nam đầu tinh thuộc Hỏa đời Kim.

Miếu địa ở Ngọ Dần

Vượng địa ở Mão Ty

Hãm địa ở Hợi Tý Sửu.

Khôi-việt được tôn là Thiên-ất quý nhân, chủ văn chương khoa giáp .

Cư ở Mạnh Thân là cách toạ Quý hưởng Quý, thời tinh tinh thanh khiết, mo phạm, không ưa những điều thị phi bất chính.

Hội với Khoa xương Khúc thì văn tài siêu việt, thông kim bác cổ.

Miếu hay vượng địa rất kỳ sao Không, dù học vấn có khá, nhưng khoa trường cũng lận đận không thể đỗ cao được .

Cư nơi hãm địa Hội Tý Sửu lại cần gặp được Triệt Tuất khắc chế mới học thành, và thi cử đỗ đạt được .

Thủ Mạnh là cách ư gia quốc vi nhân trường, dù hãm địa cũng là cách trội vượt hơn những người lân cận.

Thiên-khôi tượng ở thân thể là đầu.

Ngộ Hình là đầu thường hay tỳ vết , có sẹo , Thiên-việt là bả vai.

Ngộ Hình hay bị so vai, hoặc vai cao vai thấp.

Tượng văn , thời khôi là bằng cấp, mà Việt là cái bút.

Tượng đồ vật là búa, rìu , mai, cuốc , dao kéo.

Việt thủ Mạnh hãm thời trong mặt đánh mà hơi đen.

Long –trì . Phượng Các

Long –trì thuộc Thủy.

Phượng-các thuộc Mộc đối Kim.

Miếu địa ở Sửu Mùi.

Long Phượng là đài các chi tinh, và cũng là văn diệu , 2 sao này phò tá bộ Nhật Nguyệt , Cơ Lương rất đặc lực .

Người tuổi Mão Dậu , Phượng Long đồng cung, Sửu Mùi gặp Quý Ân , Khôi Hồng là cách nam cận cứu trùng , nữ tác cung phi , khoa trường thời nhất cử thành danh.

Nhập Mạnh thì dáng người khôi ngô, tuấn tú mà vui tươi.

Tượng ở người Long-Tri là cái vú.

Nên ở nữ Mạnh là có bộ ngực nở nang tươi hồng.

Long-tri ngộ Hình Kiếp là ngực lép, thường hay mắc chứng bệnh mụn nhọt , ung thư vú.

Phượng-các tượng thân thể là tai.

Phượng-các nhập Mạnh là tai to.

Nếu ngộ Hình Kiếp là tai bị tỳ vết.

Ở Phù có câu:

Phượng-Long Mão Dậu đôi miền

Vượng thời kim bảng để tên ở đầu.

Người tuổi Mão Dậu Phượng Long ở đồng cung Sửu Mùi, nếu gia hội văn tinh là cách đỗ thủ khoa đầu bảng.

Không nên lầm mà tìm 2 sao Phượng Long ở cung Mão Dậu, vì Long-tri an thuận ở Thìn, mà Phượng-các an nghịch ở Tuất , không bao giờ ở cung Mão Dậu được ,vậy Mão Dậu chính là người tuổi Mão Dậu.

Tam –Thai . Bát –Tọa*Hai sao Thai-Tọa đều thuộc Thổ cả.**Miếu địa ở Thìn Tuất Sửu Mùi.*

Tam-thai là đài các tinh, chủ khoan hoà bề vạ .

Tam-thai là thượng-thai, trung-thai và hạ-thai.

Diệc tác tam-năng, diệc xưng tam-giai, hữu xưng thái-giai.

Chỉ 3 cấp: Thái-úy, trung Tư-dỗ và hạ Tư-không.

Bát-tọa chỉ chiếc xe của 1 vị quan đứng đầu lục tào, ngồi để phân phát các hiệu lệnh, nên cư mộ địa là tài kiêm văn võ.

Thai-tọa ví như các phủ các sở, nên rất hợp với bộ Thai Cáo.

Hội với Binh Tướng, là thiên về võ nghiệp

Tam-thai là tượng nhà cửa gia ốc

Bát-tọa tượng môn hộ, (cửa ngõ) và là xe hô-lơ

Ở thân thể Tam-thai tượng trán, Bát-tọa tượng cằm.

Cư Mạnh là người có trán vuông, bích lập, như bức tường dựng và cằm nở nang.

Ở tường học người có mắt rộng và địa các nở nang, là người có nhiều nhà đất.

Ân –Quang Thiên –Quý*Ân-Quang thuộc dương Hỏa.**Thiên-quý dương Thổ.*

Quý Ân miếu địa ở Sửu Mùi, chủ may mắn, gặp thời.

Hai sao này đóng ơng hai cung nào cũng được sự tốt lành.

Được gọi là phúc thiện tinh, vì hội với sao hung cũng không có hại, nên gặp được Quý Ân là có sự cứu khổ phò nguy.

Quý Ân hội với Nhật Nguyệt là hợp cách, ví như tăng sức sáng rực rỡ cho Âm Dương.

Hội với Cơ Lương, lại như văn diệu, nên người Mộc mạnh, Cơ Lương gặp Quang-Quý là đắc lực hợp cách.

Quý Ân Mùi Sửu hạn cầu

Đường may nhẹ bước danh cao cửu trùng.

Thủ Mạnh thì dáng người cao, thanh tư, thường có bộ quý mục (mắt quý, trong sáng mà tâm hồn phúc thiện).

Thai –Phụ . Phong –Cáo*Thai-Phụ thuộc Thổ.**Phong-Cáo thuộc Thổ.*

Hai sao này chỉ bằng sắc ấn tín.

Hội với Binh Hình Tướng Ân, là hợp cách, ví như rìu búa, cờ biển, ấn tín của 1 vị nguyên soái.

Tướng Cáo thủ Mạnh, gia hội Hồng-loan, Hoa-cáhi, thời thiếu niên toạ chí, là người sớm thành đạt, có uy quyền võ nghiệp, sẽ giữ các quyền chức chính vị, về văn là người quản đốc các cuộc nhữn nhà sở, về lưu trữ thư tịch, hay nhữn ngành chuyên về thăng thưởng, phong tặng huân công.

Thiên-Quan Thiên-Phúc Quý-Nhân

Thiên-Quan thuộc Hỏa.

Thiên-Phúc thuộc Thổ.

Thực lệ người phương đông hay gián nhữn tấm giấy đỏ, có 4 chữ Thiên Quan tứ phúc, là do tín ngưỡng, lưu truyền từ thời Giới-Tử –Thôi bị đốt cháy trong rừng.

Nên thường gọi là đạo gia chi thần, là thần chuyên ban phúc cho gia đình.

Hai thần Thiên Quan quý nhân (thần của Trời)

Thiên Phúc quý nhân (thần của đất)

Thường giáng vào ngày 15 tháng giêng, tức là ngày tết Viên Tiêu. Tết Giới Tử Thôi.

Nên hai sao Quan Phúc đi với các sao ác sát không có hại, cư ở cung nào là chế khắc giải trừ bớt được tai nạn, hội với sao nào cũng tốt cả, nên được gọi là phúc thiện tinh.

Thủ Mạnh là người có lòng từ thiện, chỉ e nữ Mạnh ngộ Hình Ky, là người hay thay đổi tính tình, ưa thích đồng bóng không chán, nhất là hội với sao Thiên-Đồng hãm.

Hỏa-Tinh . Linh-Tinh

Hỏa-Tinh là nam đầu thuộc âm Hỏa.

Linh-Tinh là nam đầu thuộc Hỏa đới Kim.

Miếu vượng ở Ty, Ngọ, Dần, Mão.

Hỏa-Linh là hung sát tinh, chủ sát phạt, tai nạn, cô bản, nhưng nhập miếu lại giúp ích lớn lao.

Tử Phủ gặp thời chế hòa bớt được tính hung ác của Hỏa Linh.

Cơ-Lương ngộ Hỏa-Linh thì bị tối hung

Tham hội Hỏa là phù ông cách.

Tham ngộ Linh là cách tướng tướng chi danh, phát về võ nghiệp.

Thủ Mạnh phải tùy miếu hãm mà luận, hãm địa là người luôn luôn có vẻ u sầu.

Hội với Riêu Hình, thì khi ngủ hay bị mơ màng hình ảnh ma quái.

Hội với Kinh Hình, thường hay mắc bệnh thần kinh, hay các chứng kinh phong, gân cốt bị yếu.

Hỏa Linh hãm tại Tý Hợi dễ bị đau tim.

Kinh-Dương . Đà-La

Kinh-Dương là bắc đầu tinh thuộc Kim đới Hỏa.

Đà-La bắc đầu thuộc Kim đới Thủy.

Dương Đà la Sát tinh, chủ táo bạo, cô đơn.

Dương hóa khí là hình.

Đà hóa khí là ky

Kinh cư tử mộ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là miếu địa.

Đà miếu ở Dần, Thân, Ty, Hợi

Kinh-dương được tôn là đệ nhất văn tinh, văn chương quán thế, đối với người tuổi Tân, Kinh Dương cư Tuất, cũng như tuổi Ất, Kinh Dương cư Thìn, Đà-La là nghiên mực, đồng cung với Thiên-hình ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, hội với văn tinh, là cách văn chương thi phú hiển đạt.

Hội với phú tinh, là người giàu có cự vạn, vàng chôn ngọc cất.

Dương Đà miếu địa ở cung vô chính diện, là cách Kinh hay Đà độc thủ nhập miếu, là anh hùng uy áp biên cương.

Đa-la hội với Tuế Hình Riêu Ky ở Thìn Tuất, thời ngôn ngữ đanh thép, người người kinh phục.

Thủ Mệnh là những nhà danh tài tư pháp, chỉ sợ lạc Kông-vong Linh Hỏa, thôi không tránh được chân tay tàng tật, thường hay mắc tai nạn xe cộ hình thường.

Thủ Mệnh lấy thân làm sơ, nhưng không gian hiểm như tinh lý của Hỏa-ky.

Kinh-lương hội Hỏa-lọ, là nhà kinh thương phát đạt trở nên giàu có.

Kinh hãm địa, hội với Thiên-hình hay Thất-sát, là hành nghề đồ tể.

Dương Đà nhập miếu thì văn tài lỗi lạc, phú quý thanh dương.

Chỉ e nơi hãm, hội Không-vong ác sát thì bốn ba hình khắc, khó tránh được hình thương hung họa.

Hỏa-Ky

Hỏa ky thuộc Thủy.

Hỏa-ky chủ thâm trầm, xảo quyết, ghen ghét, mưu cơ.

Nhập miếu ở cung Điền Tài, là thần giữ gìn tiền của rất đắc lực.

Nhập Mệnh thì không tránh được thị phi, oán hờn cứ từ đâu buộc vào mình.

Nhập Quan thì hoạn lộ không bền, toàn chuyện vu vơ mà mất tả hữu.

Hội với Liêm-trinh thì oán thù không ít.

Nhập miếu ở Tý Hợi.

Miếu địa hội với Hỏa-quyền, là người cơ mưu trí lược.

Hội với Thanh-Long, Long-đức, Lưu-hà là cách rồng mây gặp hội.

Hãm gặp Vũ, Riêu, Phả-toái, hay bị cảm.

Hỏa-ky tượng thân thể là cái lưới.

Ngộ Việt Đà-la, nói lấp, nói ngọng (cà lăm).

Thiên-hình

Thiên-hình thuộc Hỏa.

Thiên-hình là sao hung, chủ cô khắc, hình thương.

Ở nơi hãm địa hội với ác sát là tai vạ, hình thương không tránh được .

Hội với Liêm-trinh thì hình ngục không thoát.

Miếu địa ở Dần, Mão, Dậu, Tuất.

Cư nơi miếu, hỏa là Hỷ-thần, cùng với văn tinh là người học thành.

Hội với Bình, Tướng, Ấn, Hình, hỏa thành đại long đao, võ nghiệp lừng lẫy, chấn ngự biên cương .

Thiên-hình thủ Mệnh thì người thấp, lưng ngắn, tính tình thường thô cục.

Địa-không – Địa-Kiếp

Kiếp-không đều thuộc Hỏa.

Miếu địa ở Tỵ Hợi.

Bình địa ở Dần Thân.

Kiếp-không là bộ sao hung ác nhất của Tử-vi.

Tử Phủ gặp thời vua mất ngôi, quan mất hết chức quyền .

Dù được các trung tiểu tinh phù tá, mà gặp Kiếp-không cũng đồng thành tây bại, hay là cũng bị thất bại vào lúc cuối cùng.

Lâm Thân Mệnh, thời bốn ba, rất khó thành công quý hiển.

Anh hùng tài trí không nên gặp, nếu gặp chỉ nên ẩn thân nơi thôn dã, vương vấn với nợ đấu tranh thì chung thân bất mãn, và đôi khi rước lấy tai vạ vào thân lúc chung Mộ, ngay tăng đạo cũng còn tơ vương hoàn tục. Kiếp Không là mối nợ oan nghiệt của những người cách mạng, chính trị phúc không toàn vẹn, nhưng vương nghiệp đấu tranh, bồi hồi tâm sự nhiều tam canh, cũng không dứt được, vì bản chất Hỏa của nó cũng ưa cạnh tranh rồi.

Nhập miếu ở Tỵ Hợi, thì hoạnh phát danh tài rất lớn lao, phát dã như lôi (phát như sấm sét).

Cách Kiếp Không Tỵ Hợi, đối với người tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi, là hưởng phát dã như lôi, dư lại các tuổi khác tuy phát dã như sấm sét về danh tài, nhưng không được bền chặt, đến khi bại thời tan ra mây khói, là cách bại giả như hôi.

Riêng người sinh Thìn, Tuất, Sửu, Mùi còn được hưởng cách Mạng Không Thân Kiếp hãm địa, là cách rất xấu đối với tuổi khác.

Đặc biệt hai tuổi Kim và Thổ, cách Mạng Không Thân Kiếp, ngược lại danh tài hoạnh phát, chung thân phú quý.

Người sinh tháng tư, tháng mười, cũng được cách Kiếp Không vô luận. Không Kiếp không tác hại, vì tháng tư, tháng mười là tháng Tỵ, tháng Hợi, nên ảnh hưởng Kiếp Không không tác hại, cũng như Kiếp Không ở hai cung Dần Thân, không hoàn toàn tác hại, khi phù khi diệt.

Được cách Kiếp Không nhập miếu ở Tỵ Hợi hoàn toàn rất khó, vì khi đã nhập miếu thì phải hoàn toàn tránh được 2 sao Triệt Tuần, nếu bị Triệt Tuần án ngữ, không phải là cách nhập

miếu nữa, vì như tương giác không phùng thời nữa, đã bị giảm mất nhiều uy lực phu tri của Kiếp Không .

Kiếp Không hãm thủ Mạnh , là người tính tình hung bạo, đồng cung với Tử-vi, Thiên-phủ hãm là người nhút nhát, không quyết định một việc gì nhanh chóng được thành người quá dụt dè, mà hồng thời cơ.

Thiên-Thương Thiên-Sứ

Thiên-thương thuộc dương Thủy.

Thiên-sứ thuộc âm Thủy

Thiên-thương hãm ở Thìn, Ngọ, Mùi, Thiên-sứ ở Sửu, Tuất, Thiên-sứ chủ hao tán, tai-tật.

Hội với Thái-tuế dương Đà hãm, thường bị hao tán, thị phi, khẩu thiệt, quan tung.

Lưu nhi hạn khi xuất hành, xa nhà lâu ngày, phải phòng tai vạ, có nhiều việc lo buồn.

Hội vớ song Hao, Tang-Hổ là súc vật trong nhà bị chết chóc.

Thuộc hạ giúp việc trong nhà sẽ bỏ đi, hay có sự ly tán về bằng hữu.

Lộc-Tồn

Lộc-tồn thuộc dương Thổ

Miếu vượng ở Tý Ngọ Dần Thân, Mão Dậu.

Chủ quyền tước của cải, văn chương thi phú. Đồng cung với Khoa Quyền hay Hỏa-Lộc thì phú quý, văn chương, khoa giáp hiển vạn.

Cư Tý Ngọ xung chiếu với Hỏa-lộc và Văn Tinh, đệ nhất văn chương cách, thông minh thanh hiển.

Cách song Lộc Tý Ngọ nếu ngộ Không , thời học hành khó thành, mà công danh trắc trở, song Lộc Tý rất đặc cách văn chương, nhưng rất yếu hèn, nếu gặp hung sát tinh.

Đồng cung với Hỏa-lộc ở Dần Thân, là cách đôi kim tích ngọc.

Cùng với Hỏa-lộc ở tam hợp cuộc chiếu về Tử-vi, là song Lộc phụng nghinh cách, là vua thanh có tôi hiền.

Nếu ở phương miếu địa triều Tử-vi, cũng ví như cách quân thần khánh hội.

Mạnh có Lộc-tồn đơn thủ, là người tính toán quá độ về tiền bạc mà thành người keo kiệt, bủn xỉn, ăn ở tỏ ra cách bần tiện, vì hai sao Dương đà luôn ở giáp biên.

Nên Lộc-tồn, nếu đồng cung với một trong ba tam Hỏa, Lộc-tồn đơn thủ hay đồng cung, hoặc hợp chiếu với ba sao Hỏa, để quyết luận tính tình và nghề nghiệp.

Hỏa-Lộc

Hỏa-lộc thuộc Thổ

Hỏa-lộc chủ tiền của phú quý.

Thủ Thân Mạnh thì tiền bạc súc tích, cư Quan-lộc thì hoạn lộ hanh thông.

Hội với Lộc-tồn thành cách song Lộc, thì tiền tài kiếm được dễ dàng không phải khó nhọc.

Có cách song Lộc, chắc chắn thế nào cũng được nhà cửa ruộng vườn thanh thản, chỉ e phùng Không, trở lại thanh hung hoạ, vì tài mà lâm nạn.

Phùng Không, hội với Kiếp-Không, hay Hình, thì không thể tránh được ngục tù.

Hỏa-lộc thủ Mạnh, thì người phì nộn, râu mọc quai nón, lông tóc tốt rậm.

Hội với Văn –xương, là có cặp mắt sáng mà sau thế nào cũng phệ.

Hỏa-Quyền

Hỏa-quyền thuộc Mộc.

Cử uy quyền, linh lợi, cơ mưu.

Hỏa-quyền là quý tinh, tôn tinh, nhưng là sao rất yếu, đi với cát tinh phù trì mạnh mẽ, nhưng hội với hung thị hoá hung.

Hội với Cự-môn, Phá-quân, trở nên rất đặc lực, cử quyền binh.

Hội với Hỏa-ky là người cơ mưu quyền biến, điều hành công việc rất quy mô.

Hội với Hỏa-lộc hay Lộc-tồn, chiến hoặc giáp biên, là cách phú quý than dương.

Hội với Hỏa-lộc cư chiến thân Mạnh, là cách xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc bả phù Thân Mạnh.

Hỏa-Quyền ở thân thể là hai lưỡng quyền.

Thủ Mạnh là người có hai lưỡng quyền cao.

Hỏa-Khoa

Hỏa-khoa thuộc Thủy.

Không sợ ác sát tinh, chủ văn tinh khoa giáp, thông minh, lịch duyệt, phúc hậu mà ôn lương. Được tôn là vị thần đệ nhất, để giải trừ tai nạn nguy hung cho cách Sát Phá Tham.

Đệ nhất giám sát thần, chấp chương về thi cử, nên hội Khôi Việt, Khúc Xương thành một văn tinh đoàn, người có Khôi Khoa, Quế Hỏa, thời học văn một mà thông hiểu ra nhiều, ngày xưa là các bậc trạng nguyên, bảng-nhấn thân-hoa, văn tài, thi phú lưu danh, không có bộ văn tinh này, thời nay cũng không thể hiển đạt tới Thạc-sĩ, hay là các bác học được.

Nên Quý tinh, chửng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thanh danh.

Có cách Khôi Khoa, thường là người đứng đầu kim bảng.

Không dễ về học vấn, mà kinh doanh thương mại cũng phát đạt.

Khoa quyền nhân Khô-Việt dĩ thành công.

Kết hợp với tam Hỏa, cư Mạnh hay Quan-Tài, được ở Đông vị miếu vượng, thời uy lực mạnh như Tả Hữu, Thai Tọa, phù quý văn chương toàn vẹn. Khoa Quyền Lộc cũng Không hãm ám xung, thời mất hết tinh cách cát diệu, vì 2 sao Lộc kỵ Không mà Quyền thi kỵ Kiếp.

Thiên-Không*Thiên-không thuộc Hỏa**Miếu vượng ở Ty Ngọ Dần Mão.*

Thiên-không là sao hung, quý tinh và quyền tinh không nên gặp.

Nếu gặp thời khoa trường lận đận, mà công danh trắc trở.

Nên ở phú đoán : Hạng Vũ anh hùng ngộ Thiên-không nhi táng quốc.

Thạch-Sùng hạn hành Địa-Kiếp nhi vong gia.

Hội với Đào-hoa, là người có mưu trí, nhưng cơ nghiệp đổ vỡ.

Không Đào là cách bản thiên triết sỹ, ví như chim bay lưng trời gãy cánh.

Cung Mạnh có tam Không thủ chiếu, là cách đổ vỡ hay phải lập nghiệp, làm nhà ba lần được yên thân.

Đại-hao Tiểu-hao*Song Hao thuộc Thủy.**Miếu ở Mão Dậu - Vượng ở Tý Ngọ.*

Lâm Mạnh hãm địa, là người bé nhỏ, ưa thích cờ bạc, đam mê rượu chè.

Hội với Mã Riêu, là tình như đáy giếng, hoang tàn, chỉ dong chơi mà pha bại tổ nghiệp.

Mâm Mạnh Quan, cư Mão Dậu lại là văn tinh, rất thông minh, lanh lợi, là người có tài tháo vát, lập nên cơ nghiệp.

Ở Quan-Lộc thì đắc cách hơn Mạnh Thân.

Song Hao Mão Dậu, chúng thủy triều đông, là các dòng nước đều chảy về phương đông, ví như bốn đại dương cùng căn cứ hướng về Thái-Bình-dương, và đại dương này tương quan địa cầu là đông vị.

Nước thủy triều lên và xuống mỗi ngày, là do ảnh hưởng của mặt trăng thu hút, nên thủy triều tháng nào cũng có 2 kỳ, con nước, là so thời gian 1 tháng của ta, bằng 1 ngày và 1 đêm của mặt trăng, và thời gian của thủy triều thăng giáng là do ngày sóc, vọng, huyền, vị trí của trái đất tương quan với mặt trăng, đồng hành trên quỹ đạo, mà mặt trăng trực tiếp ảnh hưởng đến địa cầu ta, là hành tinh cư đông vị của trái đất.

Như vậy, nếu các ngọn nước phải hướng về đông, là Hao miếu ở đó là chính lý.

Chúng thủy là tất cả các dòng nước, phải đâu là chúng hỏa mà là Hỏa được.

Song Hoa tượng ở thân thể là cái mũi. Nên song Hao cư Mạnh, mũi hơi bị hếch, lỗ mũi hướng lên trời một chút.

Ở tướng học gọi mũi này là mũi trư tụy (mũi heo).

Tang –Môn Bạch - Hổ*Tang-môn thuộc Mộc.**Bach-hổ thuộc Kim.*

Miếu địa ở Mão Dậu – Vượng ở Dần Thân.

Hai sao Tang-Hổ là bại-tinh, chủ hình thương, tại nạn bệnh tật.

Tang-môn cư Mão, ví như bằng sắc, hiệu lệnh treo ở cửa nhà Trời.

Bạch-hổ cư Dậu là cách Hổ khiêu tây phương

Hổ ở đây ví như đã no, nên về hang nghỉ, không còn hung nguy, vì Dậu coi như thâm sơn cùng cốc, không ai đặt chân tới, và Bạch-hổ Kim, Dậu là âm kim nên Hổ miếu là lý do đó.

Kết hợp với Đường-phù, Tấu-thư, ví như hổ mang hòm sắc đi đường xa, nên chẳng những anh hùng, mà vãi cả nam chương nữa.

Kết hợp với Phương-Long, Hoa-cái, thành bộ tứ Linh, có thể chấn át được hung tinh, nên lưu hạn gặp tứ Linh thời không sợ hung họa.

Hội nhân, thi cử, cầu công danh, mà gặp được tứ Linh là đắc cách.

Hội với Hình, và Phi, thời nên tùy nơi miếu hãm mà luận đoán, vì tai họa hay bị sự cũng có thể đến một cách nhanh chóng được. Tang-Hổ hãm chủ phá bại tiền tài, công danh, nhị nạn mà gặp thời buồn thương khổ tránh.

Lâm Mạnh thời vẻ mặt không được tươi, u buồn, thường hay mắc chứng bệnh về phổi và ruột, nhất là những chứng áp huyết, và đờm nhiệt mà sinh bệnh lao.

Hội với Dương Đà, dễ bị yếu gân và các chứng kinh phong.

Đàn bà lưu hạn, khi lâm bồn, mà Tang-Hổ gặp Lưu-hà, thời phải quan phòng, khó tránh được sự châm chích mổ xẻ.

Trái lại Tang-Hổ miếu địa nhập Mạnh, là cách tứ phương cũng phục anh hùng, tính tình cương dũng, văn võ song toàn mà lập nên nghiệp lớn.

Đào – Hoa . Hồng – Loan . Thiên - Hỷ

Đào-hoa thuộc Mộc

Hồng-loan thuộc Mộc đới Thủy.

Thiên hỷ thuộc Hỏa đới Mộc.

Cư cung Quan-lộc thì hợp cách nhất, hoạn lộ sẽ nhẹ bước thang mây, vì thờ thế, hay vì hoàn cảnh, mà được địa vị dễ dàng, và tránh được các tính lẳng lơ hoa nguyệt của Hồng Đào, nếu cư ở Mạnh.

Hồng-Đào miếu địa ở Tý Hợi, chủ phát triển tài lộc công danh thăng tiến.

Hồng-Đào cần thiết cho Tử Phủ, nhưng đối với bộ nào, sự phù trì cũng đắc lực cả.

Đào-hoa, Thiên-hỷ, Hỷ-thần, hợp lại là bộ tam minh, hay gọi tắt là bộ song hỷ, thì hỷ sự đến trùng trùng.

Bộ tam minh hội với Nhật Nguyệt, sẽ được sáng ra bội phần.

Lưu hạn mà gặp tam minh, thời thi cử, cầu công danh, tài lộc, hôn nhân chắc sẽ được đắc ý.

Về già mà lưu hạn, thấy Hồng Hỷ ở mộ khó, là chủ tật bệnh và có sự nguy kịch tới tính mạng.

Hồng hội với địa-kiếp, Quả Cô, là cách chết thất cổ, vì Hồng-loan là cái giây thừng.

Hồng Kiếp, Quả Cô, cư cung PHu Thê, là phải 1 hay 3 tao mời chính định được.

Nữ Mạnh có cách Tướng Hồng, là gặp chồng quý hiển.

Hồng-loan hội Lộc Kinh Đà, là các bà rất giỏi về kinh thương, nhất là buôn bán vải vóc rất được vượng phát.

Nữ Mạnh gặp Đào Thai tướng Phục, thời khó tránh được sự làm lỡ bụng to, và bị hãm hiếp, hai sao Hồng Đào xung hay hợp chiều cung Thiên-ri, là cách vợ chồng thiên lý tương ngộ, kết duyên với nhau chồng nam vợ bắc.

Vợ chồng viễn phối tha hương

Đào Hồng đôi chiếu vào nàng Thiên-ri.

Thiên – Tài . Thiên - Thọ

Thiên-Tài, Thiên-Thọ đều thuộc Thổ.

Chủ phục thọ tang tài lộc và nhân từ.

Thiên thọ cư cung nào cũng tốt đẹp, nhưng ở Phụ-mẫu và Phúc-đức là hợp cách hôn.

Hội với Thiên-lương càng tăng phúc thọ.

Thiên-tài hội với Nhật hãm, là người nói năng không cẩn trọng, không giữ gìn thuần phong mỹ tục, và thường thiếu lòng tín ngưỡng về thần quyền.

Thiên-tài ngộ Nhật bất minh,

Những phường lếu láo, để khinh Phật Thần.

Bộ Tứ Đức, Thiên, Nguyệt, Long, Phúc-Đức

Thiên-đức, Nguyệt-đức, đều thuộc Hỏa.

Long-đức thuộc Thủy

Phúc-đức thuộc thổ.

Cử khoan hòa, nhân hậu, đoan chính và phúc thiện. Thiên-Nguyệt-đwsc được gọi là bộ lưỡng Đức. Lâm Thân Mạnh thời giảm trừ được tai nạn, tật bệnh hung nguy, và là người đoan chính từ tâm.

Giải được phần nào các sao hung sát, chế giảm được tính hoa nguyệt của Hồng Đào.

Hội với Hồng Đào, tuy có tính dâm, nhưng là chính dâm chứ không phải là cách ngoại tình, cách này ở nữ Mạnh là người xinh tươi, duyên dáng, có tài cư xử lịch thiệp.

Lưỡng-Đức hội với Long-đức, Phúc-đức, là bộ tứ Đức, cư chiếu Mạnh Thân thời phù trì đắc lực, dù lâm hạn họa đồ vớ cũng không bị tuyệt địa, lại có thể nhờ vận khác để khởi vận được, nên người có tứ Đức Mạnh Thân dù sao cũng còn hưởng được ân nọ huệ kia, giữ được cái cốt cách của người phong lưu, không quá khốn đốn cùng quẫn, cửa nhà bán sạch, chân tra vào cùm.

Bốn sao này được gọi là phúc thiện tinh, hội với hung sát thời không nhập đảng tác hại, tính hay giải cứu, tá khốn phò nguy.

Hội với cát diệu thời tăng thêm mỹ mãn.

Thiên-Nguyệt Đức Giải-thần tàng.

Cũng là Quan Phúc một đoan trừ hung.

Phá-Toái . Kiếp-Sát*Phá-toái thuộc Thủy**Kiếp-sát thuộc Hỏa.*

Kiếp-sát chủ hình thương tai nguy, hung họa, mổ xẻ.

Phá-toái chủ phá hại, hao tán điền trạch tiền của. Hai sao này tuy là hai sao nhỏ, nhưng nếu kết hợp với Kiếp Không Linh Hỏa thì như kẻ phụ giúp cho Kiếp Hỏa tăng thêm tính hung ác lên nhiều.

Lưu nhị hạnh hội với Hỏa-tinh, TangHổ, chủ cháy nhà, hung họa về hình thương, hoặc hoán cải nghề nghiệp.

Lưu hạn văn niên là lâm trọng bệnh, vì chỉ sự chết chóc có hiếu tang không lành.

Nữ nhân lưu hạn khi lâm bồn, thì khó tránh được mổ xẻ, châm chích.

Pha-toái Kiếp-sát hội với Thất-sát, Phá-quân, gia Lộc và Dương Đà là người hành nghề đồ tể (giết heo trâu bò) hay nghề chửi lười (đánh cá sông biển) thật phát đạt thịnh vượng.

Đầu-Quân*Đầu-quân thuộc Hỏa*

Đầu-quân là sao Nguyệt Tướng.

Tính lý gần giống như Phục-Binh hay Hỏa Ky

Hội với cát tinh miếu vượng thời uy nghi, nghiêm cẩn, có cơ mưu biến hóa lanh lợi.

Tá phù cho Tử phủ, tăng thêm tốt đẹp.

Cư Quan-Lộc, Điền-trạch là hợp cách, giữ gìn của cải được bền chặt.

Hội hung tinh hãm, thời gần giống như Phục-binh Hỏa Ky . Tính tình gian hiểm, ưa đặt điều thị phi, dương đông kích tây, sinh sự thù ghét.

Bác-Sỹ*Bác-sỹ thuộc Thủy.*

Chủ văn chương, bác học, công danh thi cử.

Hội với Lộc-Tồn và Dương Đà giáp biên, là chứng nhân cho sự đổi thay, phú quý văn chương của tính chất Lộc-Tồn khi hội chiếu với các tinh đầu khác.

Hội với Riêu-Y là cách thầy thuốc giỏi.

Thiên-riêu . Thiên-y*Thiên-Riêu, Thiên-Y thuộc Thủy.*

Cư nơi miếu địa là người văn chương thi phú thanh hiển, là nhà khảo cứu rất sâu về các môn học, trọng lễ nghĩa phong tục, gìm vào các nơi tửu sắc cũng không bị say đắm,

Hội với Hồng-loan cư Mạnh, thì y phục lúc nào cũng cẩn trọng.

Hội với Cơ Lương, Tả Hữu, Bác-sỹ là thầy thuốc danh giá cao tay.

Hội với Tả Hữu, Hình Ky, lưỡng Phù (Quan-phù Trục-phù) là thầy phù thủy rất giỏi.

Nữ Mạnh mà Hồng-Riêu hội với Lộc Dương Đà, đàn bà là người kinh thương về vải vóc, canh củi hay nghề may vá được tiếng tăm thịnh vượng .

Nữ Mạnh hội Hồng, Riêu, Tấu, Vũ, Mỹ, Đào, là cách đào nương thương thắng về ca vũ.

Gia hợp song Lộc Tý Ngọ, là danh tiếng vang động lại cự vạ chi tai.

Thiên-Trù . Thiên-Giải

Địa-Giải . Giải-Thần

Thiên-trù thuộc Thổ, Thiên-giải Hỏa.

Địa-giải thuộc Thủy khí, miếu ở Mão Dậu.

Bốn sao này là phúc thiện tinh.

Cư Thân Mạnh chủ phúc hậu nhân từ cứu khổn phó nguy, giải trừ được phần nào tai nạn hung nguy, gia tăng phúc thọ.

Cư Điền Tài, thời giữ gìn của cải ruộng vườn được bền chặt thêm.

Tuy là sao nhỏ, nhưng lưu nhị hạn mà gặp được thời cũng đỡ lo ngại, dù không có nhiều mãnh lực để triệt tiêu được các tai họa .

Lưu-Niên . Văn-Tinh

thuộc Hỏa

Chủ Văn-tinh, khoa giáp, học vấn.

Lâm Mạnh là người có học vấn.

Lưu nhị hạn mà gặp thì cầu công danh, thi cử có sự đắc ý.

Trực-Phù . Tử-Phù

thuộc Hỏa

Chủ về tật bệnh.

Hội với Thiên-lương, Đà-la, hay bị bệnh đau ruột, gan, và chứng kiết lỵ.

Lưu hạn gặp Tang-Hổ, Hỏa-Linh, Địa-kiếp, phải quan phòng nạn hỏa tai.

Thiếu-Dương . Thiếu-Âm

Thiếu-dương thuộc Hỏa khí, miếu ở Tý Ngọ.

Thiếu-âm thuộc Thủy khí miếu ở Mão Dậu.

Hai sao này là hai khí thiếu dương và khí thiếu âm của Nhật Nguyệt.

1) Dương trung hữu dương.

2) Âm trung hữu âm .

3) Dương trung hữu âm.

4) Âm trung hữu dương.

Trao đổi cho nhau theo luật âm sinh nhi dương trưởng khi Thái-dương bị tuyệt cần gặp khí âm (thiếu âm) để mà sinh, cũng như khi Thái-âm bị tuyệt, thời cần gặp khí dương (Thiếu-dương) để mà trưởng.

Vậy thời Thái-dương, Thái-âm, lúc bị tuyệt địa, cần phải nhờ Thiếu-dương, Thiếu-âm mà sinh trưởng.

Không nên nghĩ Thiếu-âm, Thiếu-dương là nhật Nguyệt thứ hai, mà nên căn cứ vào, dương tuyệt gặp âm, âm tuyệt gặp dương là đắc vị, tùy theo vị trí của Nhật Nguyệt cần thiết tới Thiếu-âm, Thiếu-dương, hay không cần thiết mà luận đoán thời mới phân định được.

Thí dụ: Nhật cư Tý mà gặp được Thiếu-âm là tốt.

Nguyệt ở Ngọ mà gặp được Thiếu-dương là tốt.

Điều-Khách thuộc Kim

Chủ ngôn luận văn chương thi phú.

Hội với song Hao, Tang-Hổ là bộ bại-tinh, chủ phá hại tài sản, gia trang, gây tật bệnh hình thương.

Cư ở hãm địa, nói năng không cẩn trọng, ham mê chơi bời, nhất là bài bạc, và ly khắc tổ tông.

Hội với Mã Khốc lâm Mạnh, là người học vấn có tài hùng biện, mẫn tiệp rất khéo léo về ngoại giao.

Mã Khốc Khách, ví như ngựa có đủ bộ yên cương và nhạc.

Quan-Phù thuộc Hỏa

Chủ thông minh, cơ mưu quyền bính.

Quan-phù rất hợp với Thái-tuế, Tuế-phá hay hội với Cơ, Lương, Tang-Hổ, Hình, miếu địa, tăng thêm phần rực rỡ tốt đẹp về văn chương, binh nghiệp và tính chất của các sao này.

Hội với tuế Đà, Hình kỵ, cư hãm địa, thì khó tránh được ngục hình, hoặc thị phi nơi công môn.

Quan-phù Tấu Tuế một đoàn

Đêm ngày châu chực cửa quan mỗi môn.

Lực Sỹ thuộc Mộc

Sao này là tùy tinh.

Kết hợp với hung linh tăng thêm sự hung ác.

Hội với cát tinh, thời gia tăng mỹ mãn.

Kinh-dương hội lực Sĩ.

Lý Quảng bất phong

Lý Quảng không được thăng quan tiến chức, vì bị Kinh-dương hội với Lực-sỹ.

Thanh-Long thuộc Thủy

Chủ may mắn, linh lợi, tài năng, tiền của.

Cư nơi hãm một mình, ví như con rắn đất, không đắc lực.

Đồng cung với Long-đức ở Thìn, là nhập miếu, là cách song Long nhập uyên, rồng vào hang vực.

Song Long hội Lộc, là trai lấy vợ con nhà khuê các, vợ có tiền của hồi môn, gái lấy chồng quý hiển mà giàu có.

Song Long cư cung Phúc-đức là hợp cách nhất là nhà có mã phát đều cho nam nữ, mà thành đạt lâu dài.

Thanh-long đồng cung với Hoả-ky là rồng mây gặp gỡ, là cách Long vãi ắt nam khánh-hội.

Thanh-long đồng cung với Lưu-hà, là rồng vẩy trong bể lớn.

Long Kỵ Hà đồng cung, là tài lộc công danh, có sự gặp gỡ tự nhiên, không phải mưu cầu cực nhọc.

Tướng-Quân thuộc Mộc

Chủ can trường, nghi vệ, binh quyền.

Hội với Thiên-tướng ở Mạnh hay ở Quan-Lộc là cách lưỡng Tướng, là xuất tướng nhập tướng.

Cách lưỡng Tướng, 1 thủ ở Mạnh, 1 ở Quan, hay 1 ở Ri, là hợp hơn cách lưỡng Tướng đồng cung.

Hội với bộ binh, Hình Ấn, thiên về võ nghiệp, nếu được lưỡng Tướng, thời binh quyền hiển hách, toàn mỹ hơn nhiều.

Hội với Thiên-hình miếu địa, ví như ông tướng có thanh long đao.

Tướng Phục Hồng Đào, hay Việt Khôi, là cách sớm phát binh nghiệp, nhưng văn chương học thức, thường hay quản trị chính chức ở các nha sở, hay là tham mưu về các binh gia.

Thủ Mạnh là người có lưng ngàn, ngộ Việt là da hơi đen, tính tình quá cảm nhưng hơi thô.

Tấu Thư thuộc Kim

Cử bằng sắc, ân tín và các thư lịch

Hội với Hổ-ky ở miếu vượng,

Hội với Vũ Hủ Đào, ưa thích nghệ thuật, hành nghề ca vũ nổi tiếng.

Phi-liêm thuộc Hỏa

Hội với các sao miếu vượng, là người khôn ngoan lanh lẹ, phù trì cho các sao này thêm oai quyền mỹ mãn.

Hội với Bạch-Hổ miếu, hợp cách ví như Hổ Phi. Cùng với Hổ, Hình, hay Hỏa-Linh hãm, Phi-liêm ví như binh khí sắc bén, giúp cho Hổ Linh Hình tác hoạ mau lẹ.

Thủ Mạnh hợp cách, là người lanh lợi, nhưng tính cấp, và có cơ mưu, ngày nay là những phi công, phi tiêu về ngành không vận, hay các thuyền trưởng, hoa tiêu về ngành thủy vận rất đắc lực.

Lưu hạn ngộ Hình hay Kỵ hãm, thời phải quan phòng tai nạn, nếu có sẵn hai sao này hãm ở Mạnh, hay ở Quan-Lộc.

Tượng ở thân thể là lông và tóc, nên thường là người lông tóc rậm, ngộ Hình là tóc quăn.

Hỷ-thần thuộc Mộc

Chủ may mắn, vui vẻ, tăng tiến tài lộc.

Hội với Thiên-hỷ, thành bộ song Hỷ, là sự vui mừng tài lộc đến dồn dập.

Cư Quan-Lộc là hợp cách.

Hỷ cư Mạnh, Quan hay Tài, lưu nhị hạn mà gặp song Hỷ thời chắc chắn mưu tài lộc, hôn nhân, sinh nở sẽ được xứng ý toại lòng.

Tượng ở thân thể là cái trĩ.

Ngộ Hình là bị bệnh trĩ.

Gia thêm Kiếp là bị bệnh trĩ rất nặng.

Bệnh-Phủ thuộc Thổ

Chủ bệnh tật hình thương

Bệnh-phủ thủ Mạnh, người gầy và da nốt hơi đen xám. Hội với Địa-kiếp chủ hạ tiện, cơ hàn. Hay bị bệnh đau dạ dày, đầy hơi, chướng khí và chứng kiết lị.

Phục-Binh thuộc Hỏa

Chủ cơ mưu quyền biến, gian xảo.

Hội với ác sát tinh lâm Mạnh, là người đa hư thiếu thực, tính tình xảo trá.

Hội với Hình Tướng Ấn, có tài năng, hiển đạt về võ nghiệp.

Phục-binh không nên cư ở Mạnh. Cư ở Thiên-ri chiếu Mạnh là hợp cách, vì như vậy là nội Tướng ngoại Binh, nếu cư Mạnh, là nội Binh ngoại Tướng thời xấu.

Nhưng nếu Phục-binh cư Mạnh gặp chính tinh miếu địa, là người biết tùy thời xử sự.

Phục hội Địa-kiếp, thời phải quan phòng bị ám toán.

Nữ mạnh có Thai, Phục thời khó giữ được danh tiết và dễ bị hãm hiếp.

Quan-Phủ thuộc Hỏa

Chủ thị phi khản thiết.

Hội với Liêm-trinh, Thiên-hình và Tuế hãm địa, thì hay mắc thị phi, quan tụng và dễ ngục tù.

Hội với Thái-tuế, Thiên-hình, Cự-môn miếu địa, lại là người rất giỏi về luật pháp có tài biện thuyết.

Trần-Sinh thuộc Thủy

Trần-Sinh thuộc Thủy, là csi sinh kí, hay tử khí.

Hợp lại với vòng Lộc-tồn và vòng Thái-tuế, để biết thịnh suy của mình, và thê tử, các ngành trong gia đình.

Hợp cách phát van học phủ quy, tính trung lương, phúc thọ lâu dài.

Hội với Tham-lang là hợp cách nhất, chủ ích thọ phúc lộc.

Hội với Không-vong tai biến, chính thê (vợ cả) là người vô hậu, phải có thứ nhất mới có con được.

Mộc-Dục thuộc Thủy

Mộc-dục miếu địa ở Tý Ngọ.

Mộc-dục chỉ sự ưa thích làm đom và tắm gội

Hội với Đào-tinh, thời con gái trong nhà dâm loạn.

Trong gia đình phòng thủy tai tự tử, bệnh đau mắt đới tật.

Mộc-dục cư cung PHu-Thê, rất kỵ Không-vong.

Hợp cách ở các cung Mạnh, Thân, Điền, Tài.

Cư ở Phúc-đức, hay cung Tử-tức hội với Hỉ-thần, ví như cái chậu tắm cho quý tử, sonh con thông minh, thần đồng ách.

Mộc-dục đồng cung với Văn-Khúc là hợp cách, chủ chức quyền, tài lộc hanh thông.

Quan Đới thuộc Kim

Chủ quyền binh, mũ măng, cân đai, y bố.

Hội với Văn-Xương là đắc cách nhất.

Hội với Tử-vi, Thiên-phủ, Phá-quân, Thất-sát, Thanh-long là hợp cách, là người văn chương thi phú tự thiếu thời.

Thủ mệnh thì văn chương công danh hiển đạt, binh nhật lúc nào cũng cẩn trọng về y phục.

Chỉ e gặp Hỏa Linh thành dâm đảng, tửu sắc tới bạc đầu vẫn còn vương vấn, nhiều duyên nợ đoạn trường, ưa thích đồ bạc và hay mắc chứng đam nhiệt.

Lâm-quan thuộc Kim

Lâm-quan hội Lộc là hợp cách.

Hội với Vũ-Khúc là đệ nhất cách của Lâm-quan, vì cùng là hanh kim, sẽ gặp được nhiều cơ hội may mắn tốt đẹp.

Chủ tảo tuế đặc lộ, được xuất nhập nơi quyền quý, là tham mưu phò tá các bậc danh cao quyền trọng.

Tối kỵ đồng cung với Hỏa-Linh là hãm phá, thường bị bệnh chảy máu cam, xuất huyết, đứt mạch máu hay đàm nhiệt.

Đồng cung với Địa-Kiếp, là bị bệnh tràng nhạc nặng, bệnh yết hầu hay thit dư ở họng.

Lạc Hỏa-Linh thời vợ chồng xung khắc mà vợ là cách gia trung hàn phúc thường đời khổ, không được chồng yêu mến, đây là cách của vợ hai, thường ăn cơm ngọai nhà ngai.

Lưu hanh mà thấy Lâm-quan lạc Không-Kiếp Linh-Hỏa, phải quan phòng các chứng bệnh kể trên, gia đình tổn hại tài lộc, và phóng hai sẽ mắc nhiều hạn họa.

Lâm-quan tượng tnân thể là cái cổ.

Thủ Mạnh là người co cở cao và to.

Đế-Vượng thuộc Kim

Đế-vượng hợp sao Vũ-Khúc nhất

Đồng cung với Vũ-Khúc là đồng ruộng nhà cửa cao sang, danh vọng hiển quý.

Thủ ở pHu, Thê thì thuận hòa, êm ấm, bà nào cũng nội trợ đảm lược cả, tử tôn đề đa, vui vẻ, hiếu thuận.

Đế-vượng lạc Không-Kiếp, ruộng vườn tiêu tán, tổ nghiệp không giữ được, mà tiểu phòng, và con út sẽ bị hạn họa.

Đế-vượng hội với Tử-vi, Thiên-phủ, Vũ-Khúc, Phúc-bật là người có cơ mưu, có tài lãnh đạo tổ chức.

Đế-vượng tượng ở thân thể là cái lưng.

Thủ Mạnh là người có lưng bị mắc ung thư hậu bối.

Lưu hạn Vượng hội với cát tinh, là tậu cửa nhà vườn ruộng, gia thêm phòng thất, sinh con đẻ cái, và gặp nhiều may mắn.

Chỉ sợ lạc Không-Kiếp Hỏa-Linh là triệu chứng tiểu phòng và con út lâm hạn họa, và tài lộc hao tán.

Suy thuộc Kim

Chủ sự suy yếu, sa sút không hình đạt.

Suy là sắc, tượng huy hiệu và bổ tử của các bộ triều phục.

Sao Suy cơ Thân Tuất, hội với Cư-Môn là đặc cách nhất. Đồng cung với Tử-vi Thiên-Phủ là như quần áo co thêu hoa lá cho đẹp dễ hơn, thiếu niên cặp đệ văn chương, phú túc.

Suy chủ về mỹ thuật, nhất là ngành ca vũ, hội với Lộc-tồn là cách phú túc tài lộc cư vạn.

Suy hội với Cơ Lương hãm lạc Hỏa Linh, Không-Kiếp, thời ngôn nghề điệu thủ rất lợi hại (trộm cắp móc túi).

Lưu hạn gặp cách trên, phải quan phòng gia đạo xảy ra đạo chích tổn hại.

Bệnh, Tử thuộc Hỏa

Hai sao Bệnh và Tử có sự ứng hợp với sao Liêm-Trinh.

Hội với Liêm-trinh miếu thường thiên về võ nghiệp, và có quyền binh.

Hội với Vũ-Khúc, Thiên-tướng hãm địa, trai hay mắc nạn binh đao, hình thương tàn tật, nữ thường xảy ra việc hoại thai hay sinh đẻ thiếu tháng.

Cự Mạnh hãm, là người hình dáng hơi ốm, da xám, vòng quanh hai con mắt bị đen.

Gia Hình hãm, thường bị lao, kinh phong, và có khi bị phong cùi.

Lưu hạn mà hai sao Bệnh, Tử gặp song Hao, Bệnh-phù, Tang Hổ, thì không thoát được tật bệnh hình thương.

Bệnh và Tử lâm Tật-ách gặp Song Hao Tang Hổ, Bệnh-phù, không được Triệt Tuấn án ngữ, tất sẽ mắc bệnh nan y.

Mộ thuộc Thổ

Sao Mộ có sự ứng hợp với sao Phá-quân ở bốn cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu Phá-quân đồng cung với sao Mộ là như khắc chế được tình hung ác, ưa giết chóc sát phạt, mà hoàn lương lại cho Phá-quân, cũng như Cự-môn Thìn Tuất có sự ứng hợp với tinh đầu vậy.

Mộ hội với Khúc Xương Thìn Tuất Sửu Mùi, cùng với Phá-quân lại là cơ mưu, đa học, đa năng, phú quý, ví như hoa quả gặp mùa xuân tươi tốt.

Chỉ sợ tam hợp xung phá, lục Hỏa Linh, Không Kiếp, thời nghèo túng mà nợ nần quanh năm không dứt.

Con trai thứ ba, con gái thứ hai tất sẽ cô khổ, mà đệ tam phòng thời không tránh được tai họa.

Tuyệt thuộc Hỏa

Thai thuộc Thổ

Sao Tuyệt tương hợp với Hỏa-Lộc là đắc cách .

Cự Tý Ngọ cung hội với song Lộc cách, thời thông minh phát phúc, có văn học mà quý hiển.

Hội với Vũ-khúc Phá-quân, thì cha con bất hòa, vợ chồng ly biệt, trai lãng đãng dong chơi, gái đa dâm, vợ cả cợ hai hay tư tình thông gian.

Sao Tuyệt cư ở Tử-tức cung.

Hội với Quả Cô, Lộc-tồn ở Tử-tức là cách đào lão vô nhi khóc (không có tiếng trẻ khóc) hay là những cách hữu sinh vô dưỡng.

Sao Thai không nên cư Nô-bộc cung, hội với Đào-Hoa, trong nhà không tránh được, vợ hay con gái có tư tình.

Thai thủ hay chiếu ở cung Phu-Thê, là đã cảm thông nhau sâu đậm rồi mới thành hôn.

Sao Thai mà ngộ Đào-Hoa

Tiền dâm hậu thủ mới ra vợ chồng.

Dưỡng thuộc Mộc

Sao Dưỡng ví như chiếc án thư (cái bàn) của người làm việc.

Hội với cát tinh phù trì thêm tốt đẹp.

Hội với Hỏa-Linh, Không Kiếp, làm con nuôi hay là những người thường hay phải đổi tên họ.

Thủ Mệnh cùng với cách Sát Phá Tham hãm, khi ấu trùng thường hay bán cửa chùa, cửa đền.

Cũng như những người vì biến cố chính trị, thường đổi danh tánh.

Cô-Thần . Quả-Tú

Cô-Thần thuộc dương Hỏa

Quả-Tú thuộc âm Hỏa

Chủ can trường, dừng mảnh, đơn cô, nam kỵ Cô, nữ kỵ Quả cư Mệnh.

Quả Cô ở Thìn Tuất Sửu Mùi vô chính diệu, riêng người Hỏa hay Thổ mạnh, cùng với Tả Hữu Thai-Toạ, nên phân luận tùy theo phú quý hay văn tinh hội chiếu.

Hội với tôn tinh, quý tinh là bậc học thức uyên bác, tính tình rất nghiêm cẩn.

Gia hội với phú tinh, và quyền tinh được cát diệu phù trì là bậc xưng cô nhân, quả nhân, quyền nhiếp thiên hạ.

Cư ở cung Quan-lộc là hợp cách nhất.

Quả Cô hội với Vũ-khúc, tối kỵ nhất là nữ Mệnh, thì phu quân yếu triết, mà tử tức hình khắc, thế nào cũng không khỏi rơi lệ vì con bất hiếu được.

Cô-thần Quả-tú không thể là Thổ được .

Hội với Tư-vi, Thiên-phủ là vượng tướng Quả Cô. Nhưng phải có cát tinh phù trì, và Quả cô cũng như Phụ-bật, hội với cát phù cát, mà hội với hung tinh, sẽ theo hung mà tác hại.

Thiên-Khốc . Thiên-Hư

Thiên-khốc thuộc dương Kim.

Thiên-hư thuộc âm Thổ.

Chủ hoài thương lo buồn.

Hai sao này là bại-tinh, cùng với song Hao Tang Hổ là bộ lục-bại.

Cư nơi hãm địa là hình thương, sầu muộn, có sự hình khắc lục thân và gia trạch bị tổn hại tài lộc.

Hội ở Tý Ngọ là miếu địa, cùng với cát tinh thời anh hùng danh tiếng lừng lẫy.

Hội với Hỏa-quyền ở Mão Dậu, là cách Khốc quyền, minh danh vu thế, là người có công nghiệp sử sách ghi danh.

Khốc với Hỏa-quyền ở Mão Dậu, là cách Khốc quyền, minh danh vu thế, là người có công nghiệp sử sách ghi danh.

Khốc Hư thủ Mệnh, dù miếu địa ở Tý Ngọ cũng muộn phát mới tốt.

Thường những người Khốc Hư, thì hay bị hình khắc, đông thành tây bại ở tuổi trẻ, và trung niên, phải muộn phát tới tuổi tri thiên mệnh, mới được sự vinh trường, và bớt được các thị phi sầu muộn.

Thủ Mệnh hãm là người có trí nhớ lảng đãng, thường hình khắc lục thân, và vảnh mắt hay bị thâm đen.

Thiên-La . Địa-Võng

Thiên-la Địa-võng là hai sao luôn luôn chỉ cư ở hai cung Thìn Tuất mà thôi.

Không cần thiết an hai sao La Võng, vì thông người thường ở môn Tử-vi, thường gọi hai cung Thìn Tuất là La Võng chi địa.

Thiên-La Địa-Võng là cái lưới trên trời, hàng rào ở đất, nên Tử-vi, Thiên-tướng cư ở Thìn Tuất, cần phải cơ Kinh-Dương hay Thiên-tướng, hoặc là sao hung nhập miếu để phá tan lưới và rào, để Tử. Tướng hay chính tinh nào cư Thìn Tuất có đất mà tung hoành.

Nếu Tử Tướng không được hung tinh nhập miếu, ví như bị vướng rào, mắc lưới, tức là anh hùng vô dụng vô chi địa vậy.

Thiên-Mã

Thiên-Mã là dịch mã, nên tùy theo ngũ hành của mệnh để phân luận xấu tốt.

Thiên-mã ngộ Lộc là cách Lộc Mã giao trì, ngựa thả vào đồng cỏ tha hồ mà ăn.

Ngộ Tràng-sinh là cách thanh vôi đất nam đặc lộ, thiếu niên đặc chí.

Nên các cách Thiên-mã ngộ Triệt Tuần là ngựa què, ngựa chết.

Mã-Đà : là ngựa què.

Mã-Thiên-hình : là phù thi mã (xe chở xác chết).

Mã-tuyệt : là mã cùng đồ

Mã Lộc-tồn : là chiết tiên mã (bỏ roi đánh ngựa)

Mã-Hoa : là chiến mã

Mã-Hao : là dâm mã

Mã khốc Khách : là mã thắng đủ yên cương vang rền tiếng nhạc.

Mã-Lộc Tử Phủ : là kim dư phù giá (xe vàng) điện ngọc.

Nên xét Mã có bị Triệt khắc hại, và bản mệnh ngũ hành, hợp hay khắc mã, các cung có Mã, bởi vì Thiên-mã là mẫn tiệp, Lộc Mã là cự vạn chi tài, mà sao lại nói năng quá dở, buồn bán mãi không thấy giàu có.

Hơn nữa tượng thân thể là chân tay, thì Mã Triệt, Mã Hình là ngựa què, ngựa chết, mà sao không thấy chân tay tàn tật, chết chóc chi cả, chỉ tại mã của người, mã đi mượn chạy việc, chứ có đúng vào ngũ hành của Mệnh đâu, mà là mã của mình.

Thai-Tuế

Thái-tuế là một hành tinh cư đông vị địa cầu, các thuật số gia đã nhận biết từ sơ hán, đi theo quỹ đạo Dần Thân, mà một ảnh của nó trực xạ vào Dần Thân, nên có tục lệ kiêng cử quật thổ, kiến tạo gia ốc vào năm Dần, và một vòng chung quanh mặt trời là 12 năm so với quả đất 1 năm.

Sở dĩ kiêng cử vào năm Dần, vì hình ảnh quá lớn của Tuế xạ và cung Dần, ví như ta đi dưới ánh nắng mặt trời, hình bóng của ta in trên mặt đất, nên mới đặt là nhiếp đề cách, đối với sao Thái-Tuế.

Thái-tuế tượng trưng các hành động, cử chỉ, và vẻ mặt của con người, về cách giao tiếp với xã hội, tức là công ăn việc làm của mình.

Thái-tuế là đức nhân của ngũ đức.

Thái-tuế chỉ phước may mắn của con người .

Ở khoa Thiên-văn tượng Thái-tuế

Mùa xuân là nhiếp-đề.

Mùa hạ là trùng hoa.

Mùa thu là ứng tinh.

Và mùa Đông là kỳ tinh.

Cũng như Tràng-sinh, chỉ các ngành thứ bậc trong gia đình, chịu lấy may mắn của vòng Thái-tuế là 12 sao mà tiêu trường, Nên Thái-tuế kèm thêm Thiên-không, Quán-sách thuộc Hỏa, rĩ hỏa đức vượng, để Tuế Mộc chịu lấy mà năng sinh Phú, sinh quý, và sinh đủ mọi thứ, có thể cả bán hàn nữa, là do Lộc-tồn Thổ, kèm hai bên là chất Kim của Dương Đà hộ vệ để khỏi khuyết tuyệt đi.

Nên ba vòng Tràng-sinh, Thái-tuế, Lộc-tồn, Kinh-đà, Thiên-không, kết hợp lại cho đủ ngũ hành, để lưu niên vận hạn, mà biết được vận hành họa phúc của gia đình, chức phận tài lộc có bị chuyển hoán là do dịch mã, và phương hướng có thể được an cư đắc địa hay không.

Như vậy nếu Thái-tuế thuộc Hỏa, thì lưu hạn thiếu đi một hành Mộc trong ngũ hành, mà hành Mộc là cử chỉ, là việc làm ăn, là phước may mắn không có.

Lưu hạn phải chăng là muốn biết công việc, nghề nghiệp có được phát đạt thịnh vượng không .

Cũng như thiếu Tràng-sinh, thời không thể hiểu biết được các thứ bậc trong gia đình, cha con chồng vợ, nam nữ, thứ trưởng, thế thế ra sao.

Và không có Lộc-tồn, sẽ không biết kết quả của công ăn việc làm, phú quý bản tiện thế nào vậy.

★

PHÁ-QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân Thất-sát dư Tham-lang.

Nhập miếu anh hùng bất khả đương

Quan-Vũ mạnh phùng ví thượng tướng.

Thứ nhân phú túc trí đền trang.

CHƯƠNG 5

BẢNG LIỆT KÊ 12 CHU KỲ

CỦA TỬ-VI VÀ THIÊN-PHỦ AN TẠI 12 CUNG
 ĐỐI CHIẾU CÁCH TỐT XẤU CỦA 14 CHÍNH TINH

I. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Tý

Cung Tý

Tử-vi – hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Canh Kỷ

Nhâm Quý

Khoa Quyền Lộc chiếu

Nữ Mạnh hội tứ sát

CÁCH TỐT XẤU

Quý cách

hay chán nản

hay gặp dịp tốt may mắn lạ thường

ví như ngọc có vết là xấu, hậu vận kém

Cung Dần

Phá-quân : Đắc địa

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Canh Kỷ

Xương Khúc thủ chiếu

Phùng Mã Lộc

Ngộ Dương Đà

Ngộ Hỏa Linh

Dương Đà Hỏa Linh Kỵ

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

chủ quý nhưng tính tình không minh bạch

tuy thịnh vượng nhưng nữ mạnh dâm.

sinh tàn tật

thành hôn ba lao碌

cư Quan-Lộc dễ trở thành hành khát

Cung Thìn

Thiên-Phủ : Miếu địa

Liêm-trình : Lợi

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Canh Nhâm

Bính Mậu

Ngộ Văn-Xương

Phụ Bát cư chiếu

Ngộ Không-vong

ngộ Đà-la

Kiếp Không hội ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

hay gặp thị phi, thành bại

hiếu lễ nhạc

Tôn cư vạn thặng.

phá tài bại sản

thường hay bị bệnh nùng huyết

dễ xảy ra tự tử

Cung Ty

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất, Mậu, Nhâm

Khoa Quyền Lộc cư chiếu

Ngộ Kinh Đà ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Cô quả, cơ nghiệp không trường tồn.

xuất ngoại năng thành.

tửu sắc, tà dâm, yếu triết chân tay thường đối
tật.**Cung Ngọ**

Tham-Lang : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ

Bính Mậu Canh Dần Thân

Ngộ Tuất

Bính Mậu hội Kinh

Xương Khúc cư chiếu

CÁCH TỐT XẤU

Phúc hậu.

hạ cúc.

chung thân không thành cơ nghiệp.

phú quý song toàn.

đa hư thiếu thực.

Mùi cung

Thiên-đồng : hãm

Cự-môn : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Ất Bính Canh Tân

Nhâm Quý

Đinh Mậu Kỷ

Ngộ Hỏa Linh

Ngộ Hỏa Linh lưu niên ác hạn

Ác sát cư chiếu

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

hạ cách, thường sinh thị phi, khẩu thiệt.

trong người có nốt ruồi lạ.

chết đường, chết xa nhà.

thường gặp hoa tai.

Thân cung

Thiên-tướng : đắc địa

Vũ-khúc : miêu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Ất Kỷ Canh

Lộc Mã đồng cung

Phục-Bật Xương-Khúc cư chiếu

Hội Xương Khúc

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

thường hồi hương khi đã phát tài lộc.

phát đạt về công danh.

Thông minh, và công nghệag tinh xo.

Hỏa Linh xung phá	tàn tật hình thương.
Ngộ tứ sát	thường hay gặp tai nạn
Hội Dương Đà	hay bị mắc hình phạt.

Dậu Cung

Thái-dương : hãm

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Ất Tân Nhâm

Tài quan song mỹ

Giáp Canh

Có công danh nhưng không hiển đạt, là cách có tiếng nhưng không có miếng.

Tuất Cung

Thất-sát : Bình

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Cát tinh cư chiếu

quý hiển có mưu lược

Phu Bật Khúc Xương

chấp chương binh quyền

Cát tinh hội chiếu lệch lạc

tuy là người lịch lãm, nhưng phải lao tâm

Hội Hỏa Linh

Tất sinh yếu triết.

HợiCung

Thiên-Cơ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Bính Mậu Nhâm

Hợp cục, không được lâu dài

Gặp Phụ-Bật Khúc-xương, Khôi-Việt

hoá cát nên giữ được cơ nghiệp trường cửu.

Ất Bính Đinh cát tinh hội chiếu

chủ phú quý

Ngộ Hỏa Linh, Dương Đà

tất sinh cùng khổ, làm công nghệ tinh xảo, nhưng ly tổ và gian xảo.

II. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Sửu cung.

Cung Sửu

Tử-vi : đắc địa

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Bính đinh Mậu Kỷ Nhâm

phú quý kham kỷ

Tả Hữu cát diệu hội chiếu
Hội Kinh Đà
Lach Không-vong

tất sẽ được chấp chưởng oai quyền.
chuyên về kinh thương.
bất hiểu.

Mão Cung

Thiên-Phủ : đắc địa

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Bính Tân

Kỷ

Giáp Canh

Tả Hữu cát diệu hội

Tả Hữu Xương Khúc gia cát hội

Xương Khúc Lộc-tồn

Lạc Kiếp-Không ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ.

chủ quý cách.

không quý hiển, trước lớn, mà say nhỏ, hữu
thủ vô chung.

là cách tôn quý.

phú quý ân sủng tôn vinh

giàu có vạn thặng.

gian trá, xảo quyệt, thường bị tai nạn và cô
đơn.

Thìn Cung

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Mậu Nhâm

Khoa quyền Lộc hội

Ngộ Dương Đà

Gia ác sát

CÁCH TỐT XẤU

hình khắc lục thân và không được lâu dài

phản cung hoá cát, xa quê cha đất tổ, lập
được cơ nghiệp.

bôn ba, lao碌.

bị mục tạt.

Ty Cung

Liêm-Trình : Vượng

Tham-Lang : bình

TUỔI SINH VÀ SAO

Nam

Nữ

Nam Nữ

Giáp Bính Kỷ Mậu Nhâm

Ngộ Lộc-tồn

Tuổi Bính hỏa-ky đồng cung

hội Xương Khúc

CÁCH TỐT XẤU

lãng đãng, phiêu bồng, ưa thích lãng du.

đa dâm, dìm mình chốn tửu sắc mà táng thân.

nên làm công nghệ, tăng đạo ngoài đời thời cô
hàn, phá tổ ly tông mà thôi.

được hưởng phúc nhưng không lâu dài.

khá tốt.

được hưởng phúc, giải được hung họa.

Xương Khúc cư chiếu
Nữ mạnh Bính Tân át Mậu
Hội ác sát

đa hư thiếu thực.
là người thanh bạch.
làm nghề ag bh mi.

Ngọ Cung

Cụ-môn : Vượng địa
TUỔI SINH VÀ SAO
Khoa Quyền Lộc cư chiếu

Đinh Quý
Tân Kỷ
Bính Mậu
Tam hợp ác sát

CÁCH TỐT XẤU
Thạch trung ẩn ngọc, tất sẽ được hưởng phúc
và giàu có, nhưng không quý cách.
là người được hưởng thượng cách.
Rất tốt nhưng không bằng Đinh Quý.
lao lực mà yếu vong.
dễ bị mắc thủy nạn.

Mùi Cung

Thiên-tướng : bình
TUỔI SINH VÀ SAO
Cát tinh cư chiếu
Hội Tả Hữu Xương Khúc
Hỏa Lin ác sát hội

CÁCH TỐT XẤU
Tài quan song mỹ
chấp chương oai quyền
Tứ chi sinh tàn tật

Thân Cung

Thiên-đồng : Vượng
Thiên-Lương : hãm
TUỔI SINH VÀ SAO
Giáp Ất Đinh Kỷ Canh
Ngọ Tả Hữu Khúc Xương
Hội Tràng-Sinh
Kính Dương giáp chiếu
Dương Hỏa Linh xung phá
Nữ mạnh ngộ Dương Đà,
Hỏa Linh xung phá

CÁCH TỐT XẤU
là người phúc hậu
quý hiển.
là người thanh kỳ cao kiến
phóng đảng, thương luân bại lý
là người hạ cục, bần tiện cơ hàn.
thường chỉ là người tình, mà không thành gia
thất.

Dậu Cung

Vũ-khúc : Vượng
Thất-sát : Vượng
TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Ất Tân

Tả Hữu Xương Khúag Khc chu

Cát tinh hội chiếu lệch lạc

Kinh Dương đồng cung

Hỏa Linh đồng cung

phúc hậu tài quan song mỹ

phát phú phát quý là người rất nhiều mưu lược

Tuy là người lịch lãm, nhưng phải tận toan, thiếu thời, bất lợi, nên chuyên về kinh doanh.

làm nghề đồ tể mà phát đạt.

hãm tài mà hay ngộ nạn.

Tuất Cung

Thái-Dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Thái-dương phản bối

Ngộ Kinh đồng cung

Phùng ác sát

Ngộ Riêu Hình

CÁCH TỐT XẤU

hạ cực, thành bại thời thường

cô độc, hình khắc lục thân, trán dô, che sương. Ly tổ mới mong được dễ chịu.

bôn ba lao碌

mục tạt có thể lừa.

Tý Cung

Thiên-cơ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh Nhâm Quý

Đồng Lương hội chiếu

Hội Tả Hữu Xương Khúc

Nữ Mạnh Thiên-cơ

Cát tinh hội chiếu

CÁCH TỐT XẤU

Tái quan song mỹ.

ưa thích về võ, thường hay luận bàn về binh pháp.

văn chương thanh hiển, võ trung lương.

tinh thần cương trực, cơ biến, giữ quyền bính trong gia đình.

được hưởng phúc thọ song toàn

III. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Cung Dần

Dần Cung

Tử-vi : Vượng

Thiên-Phủ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh

Giáp

Phụ Bật hội chiếu

CÁCH TỐT XẤU

là người được hưởng chung thân phúc hậu

chung thân phú quý

tôn cư vạn thặng

Lộc Mã đồng cung
Phụ Bát Khúc Xương
Ngộ Kiếp Không
Nữ Mạnh Nhâm Giáp

Kim dư phù giá, giàu có vàng chôn ngọc cất
Ân lộc tôn Vinh tại triều đình.
thường ngộ tai nạn, tăng gia bại sản
là người hình hánh đẹp đẽ, vượng phu ích tử.

Mão Cung

Thái-âm : lạc hãm
TUỔI SINH VÀ SAO
Ất Mậu Nhâm
Khoa Quyền Lộc hội chiếu

Phùng ác sát
Ngộ Kinh Hỏa đồng cung

CÁCH TỐT XẤU
Tuy hợp cục, nhưng phú quý không lâu dãi.
phản hung hoa cát, nhưng phải xuất ngoại ly
tông.
bôn ba, lao碌
Tứ chi thân thể hay bị tàn tật, ưa tửu sắc dễ bị
yếu vong.

Thìn cung

Tham-Lang : Vượng
TUỔI SINH VÀ SAO
Mậu Canh Ngọ Hỏa Linh Quý
Thìn Tuất Sửu Mùi lạc Không-vong
Gia cát tinh hội

Ngộ Khúc Xương
Ngộ Hình Kinh

CÁCH TỐT XẤU
Tài quan song mỹ
Giàu sang nhưng trọng phong tục tập quán.
sẽ được trường thọ nhưng hay làm việc bất
chính .
đa hư thiếu thực
thường là đồ tể, thợ rèn tinh xảo

Ty Cung

Cự-môn : Vượng
TUỔI SINH VÀ SAO
Tân Quý
Cự-môn Ty cung thủ Thân Mạnh

Hội Dương Đà giáp chiếu
Nhị hợp Sát Tấu

CÁCH TỐT XẤU
Tài quan song mỹ
không hợp cục, là người lắm điều hay chiếu
lấy thị phi.
nam nữ đều ưa tà dâm
tắt gặp hung nguy.

Ngọ Cung

Liêm-Trinh : Vượng
Thiên-Tướng : Đắc
TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Đinh Quý Bính
 Bính
 Tả Hữu Xương Khúc
 Ngọ Văn-Khúc
 Ngô Kinh cư chiếu
 Nữ mạnh Bính Tân, Ất Mậu

Tài quan song mỹ
 hoạnh phát nhưng cũng hoạnh phá
 chấp chưởng binh quyền
 ưa thích ca vũ nhạc
 là người hay chiêu thị phi.
 là người nghiêm chỉnh, tính tình thanh khiết.

Mùi Cung

Thiên-Lương : Đắc

TUỔI SINH VÀ SAO
 Mậu
 Ất Nhâm
 Các tinh tương phùng
 Tả Hữu Khúc Xương
 Xương Lộc đồng cung
 Cư Thân Mạnh

CÁCH TỐT XẤU
 quý hiển cách
 phú quý song toàn
 bình sinh phúc thọ
 xuất thế vinh hoa
 danh tiếng, thanh quý
 thường được thọ trường

Thân Cung

Thất-sát : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO
 Bính Mậu
 Nhâm Ngọ Tuất
 Giáp Kỷ Canh
 Chư cát tinh cư chiếu
 Cát tinh hội chiếu lệch lạc
 Thất-sát triều đầu

CÁCH TỐT XẤU
 trung bình
 quan phòng trên đường binh nghiệp
 Tài quan song mỹ.
 tất sẽ là đại tướng
 tuy có tài, nhưng sẽ gian tân lao碌
 là cách tước lộc vinh xương, binh quyền vạn ý.

Dậu cung

Thiên-đồng : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO
 Ất Bính Tân
 Kinh Dương hội
 Ngọ Hỏa Linh

CÁCH TỐT XẤU
 Tài quan song mẽ.
 dễ bị tàn tật
 thân thể có nốt ruồi lạ.

Tuất Cung

Vú-Khúc : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO
 Thìn Tuất Sửu Mùi

CÁCH TỐT XẤU
 phú quý đề đa

Giáp Ất

Văn-khúc đồng cung

phúc hậu

tài quan song mỹ, là cách lưỡng Khúc trùng phùng, danh chấn chư bang, xuất tướng nhập tướng.

Giáp Khôi Việt

Hội Hỏa Linh ác sát

văn cách có tài thi phú.

vì tiền tài ngộ nạn.

Hợi Cung

Thái-dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Phùng sát tinh

Giáp

Phùng Quyền Lộc

Hội Riêu Hình Kỵ

Hội Dương Đà Không-vong

CÁCH TỐT XẤU

nghèo hèn cô độc

hạ tiện là hạ cục

dù được Quyền Lộc, cũng không đắc cách, dễ chán nản, trước chuyên cần mà sau bỏ dở.

dễ bị mục tạt và mù lòa.

suốt đời nghèo túng, cô đơn thành bại bất nhất, xa quê hương sẽ bớt được hung họa.

Tý Cung

Phá-quân : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Quý

Giáp Quý

Bính Mậu

Bính Mậu Dần Thân

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu, phú quý.

quan quý, thanh hiển, vị chí tam công.

Riêng tuổi này là anh tịnh nhập miếu.

chủ khốn.

là người cô đơn, đối tạt dù phú quý cũng không lâu dài hay bị yếu vong.

Sửu Cung

Thiên-Cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Đinh Nhâm Quý

Ất Tân

Hội Khôi Việt Quý Ân Xương Khúc

Nếu Cơ bị gia ác sát tinh

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

nếu có sao Lộc hội chiếu là hợp cách.

văn chương thanh hiển, võ là người trung lương.

sẽ là cách: cầu trâu như thử thiết, ví như chó cắn trộm, mèo ăn vụng.

PHỤ ĐỀ

Riêng về câu Cầu thân như thử thiết, thường là cách phê lá số rất kín đáo của thầy số uyên thâm nho học, gặp những người tâm hồn gian xảo, khó lường hay dối trá, lường thầy phản bạn, thường hay làm những việc mờ ám đạo chích, các cụ lấy câu : “Cầu thân như thử thiết “ để phê, ngay cả những người quyền quý. Ta hãy hình dung con chó lừ đừ cắn trộm hay là ăn vụng, và hình dung cử chỉ của chú Tý thập thò cửa lỗ, đồ ta trông thấy chú Tý này một cách công khai ban ngày, thế mà sao nào quần nào áo, ngay cả trứng gà trứng vịt, chuột ta cũng đủ thuật pháp tha đi được, nên các cụ đã dùng phê số, vì muốn cất nghĩa oai hùng như thế nào cũng được .

Thật không thiếu chi những cách phê dí dỏm của các nhà số học, nhưng không tiện bàn, chỉ dành lúc trà dư tửu hậu được, vì có nhiều tư cách tiểu lâm, nhất là đối với những lá số mà Phá-quân, Thất-sát, Thiên-cơ, Tham-lang ngộ hung ác sát tinh.

IV. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Mão Cung.

Mão Cung

Tử-vi : bình

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Ngộ Hỏa Kỷ Tân

Ngộ Linh

Giáp Ất Canh

Hợi Mão Mùi

Không Cô Tả Hữu, Khúc Xương

Hội Khúc Xương

Hội Kinh Đà

Ngộ từ Sát

Tham-lang nữ Mạnh

CÁCH TỐT XẤU

là phú ông cách

quý hiển về võ nghiệp

quý hiển nhưng không trường tồn.

Nam nữ tà dâm, chung thân, không làm nên cơ nghiệp.

hạ cực nghèo hèn.

đa hư thiếu thực

nên chuyên về kinh thương

là hàng tăng đạo

là số người phong trần.

Thìn Cung

Cự-môn : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Tân Ất Quý

Tuổi Ất mạnh lập Thìn

Đinh Canh

Giáp Đinh Mậu Kỷ

Kinh Đà hãm chiếu

CÁCH TỐT XẤU

quý hiển cách

người tuổi Ất mạnh lập Thìn có Cự-môn là hợp cách.

chủ khốn

không hợp, chiêu lấy khẩu thiệt, thị phi

nam nữ tà dâm

Gia hợp Tẩu Sát hãm
Ngộ Hỏa Linh phùng ác hạn

tất sẽ gặp đại hung nguy
thường hay bị chết đường, chết xa nhà.

Ty Cung

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Mậu Nhâm

Tả Hữu Xương Khúc hội

Hỏa Linh xung phá

CÁCH TỐT XẤU

được hưởng phúc hậu

sẽ được chấp chưởng oai quyền.

là người tàn tật.

Ngọ Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Quý

Cát tinh cư chiếu

Hội Vãiết nam Khúc đồng cung

Đồng Lương Thân Mạnh

Phụ Bật Xương Khúc chiếu

CÁCH TỐT XẤU

được hưởng phúc thọ và quan tư thanh hiển.

bình sinh phúc thọ phú quý

là hợp cách

không sợ hung nguy

là cách xuất tướng nhập tướng

Mùi Cung

Liêm-trình : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp

Hội Hỏa-Lộc

Bính Mậu gia cát diệu

Vô tứ Sát

Cát diệu cư chiếu lệch lạc

Hội chiếu ác sát

Phùng Vũ Phá

Hội Dương Đà

Hội Kiếp Không Hỏa-ky

Đáo hạn Không-vong Sát Đà

Phùng Tử-Tướng Lộc-Tồn

Thất-sát : đắc

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

hợp cách nên phú quý

Tài quan song mỹ, nhưng cũng bị thị phi.

phản vì tích phú chi nhân

hiển đạt về võ nghiệp, nhưng trải qua gian tân.

tàn tật và bị bệnh lao

bị phá tổ nghiệp

hay mắc chứng nùng huyết

là cách lộ nhưng mai thi

chết tại trận tiền

khả nghi giải hung hạn

Tuất Cung

Thiên-đồng : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh

Phụ Bát Xương Khúc

Ngộ Hỏa Linh

Kình Đà hãm chiếu

Nữ Mạnh tuổi Quý

CÁCH TỐT XẤU

Hỏa cát, chủ quý vì có sự ám hợp đầu số

quý hiển cách

có nốt ruồi lạ

dễ bị tàn tật

là người hiền hậu

Hợi Cung

Vũ-khúc : bình

Phá-quân : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Nhâm

CÁCH TỐT XẤUphúc hậu, tài quan song mỹ, nhưng thiếu thời
nửa đời sau mới thành cơ nghiệp, phải ly tổ
biệt tông thành công được .

Hội tử sát

Vũ Phá hội Tài bạch

vì tiền tài mà mắc nạn

đồng thành tây bại, tiền đến tay rồi lại hoá
không .**Tỷ Cung**

Thái-dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Đinh

Mậu kỷ

Nhâm Quý

Bính Đinh Hỏa mạnh

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

phú quý, nhưng không lâu dñi

nghèo túng hạ cực

là cách Nhật trầm thủy để, loạn thế phùng
quân.

Hội ác sát

tắt phải bồn ba, lao碌, mà khó tránh hình
thương.**Sửu Cung**

Thiên-phủ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Bính Mậu Đinh gia cát diệu

Nhật Nguyệt giáp Tài Mạnh

gia cát tinh

Phụ Bát, Xương Khúc đồng cung

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

không quyền quý cũng giàu có

tôn cư vạn thặng

Dương Đà Hỏa Linh
Hội Kiếp Không

là người gian trá không thực
cô đơn hạ tiện

Dần Cung

Thiên-cơ : vượng

Thái-âm : bình

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Bính Đinh Quý

Tài quan song mỹ

Bính đinh cát hội

quý hiển, phú túc

Hội Khôi Việt Khoa Xương Khúc

là người vãi ắt nam chương thanh hiển, võ
nghịệp trung lương.

Mã-Lộc đồng cung

phú quý mẫn tiệp

Cát tinh cư chiếu

nhất sinh khoái lạc

Nữ Mạnh

tuy phú quý nhưng dâm và phúc nạn toàn

Hội ác sát Hỏa Linh

là người dâm tiện, hình khắc lục thân, thường
làm nghề bạch mi và sương kỵ.

V. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Thìn

Thìn Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Kỷ Canh Quý

Tài quan song mỹ, vi thần bất trung, vi tử bất
hiếu. Quý mà không phú, thường là người có
hư danh.

Hội Tả Hữu Xương Khúc

chấp chương oai quyền.

Dương Đà Hỏa Linh hãm

chuyên về kinh thương.

Hội Kinh đồng cung

hợp cách, là phá rào lưới cho Tử-vi Thiên-
tướng.

Đáo hạn Phùng Không Kiếp

thường bị đơn độc, chết xa nhà

Ty Cung

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Nam Nữ Mạnh

nam lãng đãng, nữ đa dâm

Dương Đà giúp chiếu

thường là người không theo điều chính,
thương phong bại tục.

Hỏa Linh hãm chiếu

hạ tiện, phiêu đảng, vô nghị, cô độc, yếu vong.

Nữ mạnh

là người dâm đảng, thường làm sượng kỵ và
tỳ thiếp.

Ngọ Cung

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ

Bính Mậu

Canh Nhâm Ngọ Tuất

Gia hội cát tinh

Hội Kinh Dương hay Hình

Gia ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ.

trung bình cách.

phải lo toan trên đường sự nghiệp, tuy lịch lãm
nhưng gian tân.

có chức quyền vinh xương.

tất sẽ phải bỏ thân chiến địa.

yếu triệt

Thân Cung

Liêm-trình : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Mậu Canh

Mùi Thân hội Lộc.

Vô tứ sát

Giáp Phủ Tướng triều Viên
hội Lộc

Ngọ Văn-Khúc

Ngọ Đà-La

Ngọ Hỏa Linh Không Vong

Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Quý

Liêm ngộ Hình miếu

CÁCH TỐT XẤU

quý hiển cách.

phú quý thanh dương

phản vi tích phú chi nhân

là người thương mại, giàu có vàng chôn ngọc
cất

ưa thích về máu.

mắc bệnh về máu.

là cách yếu triệt, hay tự ải đầu hà.

là người tính tình thanh bạch kiểntinh thủ tiết.

đoan chính vượng phu ích tử.

Tuất Cung

Phá quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Mậu Nhâm

Giáp Quý

Ngọ Khúc Xương

Ngọ Hỏa Linh ác sát

CÁCH TỐT XẤU

quý cách

phúc thọ

bôn ba, nhưng thành cơ nghiệp

hạ tiện.

Hợi Cung

Thiên-đồng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Nhâm Quý

Tả Hữu Xương Khúc

Canh

Ngộ Hỏa Linh

Hội tứ sát

Nữ Mạnh Nhâm Quý

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

quý hiển phú túc

hạ cực

tất sinh nốt ruồi lạ

tàn tật hình khắc lục thân

tuy mỹ nhưng dâm.

Tý Cung

Thiên-phủ : hãm

Vũ-Khúc : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Canh Quý

Thủ Mạnh Thân

Phụ Bát Khúc Xương

Hội Lộc-Tồn

Kiêm Quyền lộc

Hội Khôi Việt

Ngộ Kiếp Không

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

chủ phúc thọ

cao đệ ân vinh

giàu có cự vạn

phản vi hỷ cách, văn học và phú quý

có tài thi phú

cô đơn, vì tài ngộ nạn

Sửu Cung

Thái-âm : đắc địa

Thái-dương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Tân Đinh Mậu

Tỵ Dậu nhị cung chiếu,

hay Mùi hội Khúc Xương

Cát tinh hội chiếu lệch lạc

Khúc Xương giáp Mạnh

Tam hợp vô cát tinh

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

đích thị hầu bá, vị chí công khanh

phú má không quý hiển

quý mà không hiển đạt

phản vi hung

Dần Cung

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Mậu Kỷ
Hội Khúc Xương
Lộc Mã đồng cung
Kình Đà hãm chiếu
Nữ Mạnh hội ác sát

Tài quan song mỹ
là người đa hư thiếu thực.
ăn nói rất miễn tiện.
phong lưu thái trượng.
dâm tiện cô đơn, hình khắc lục thân.

Mão Cung

Thiên-cơ : vượng

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Tân Quý

Chư cát tinh phù trì hội song Hao

Mậu

Canh Giáp hội Dương Đà

Hỏa Linh ác sát

Nữ Mạnh Hỏa Linh Riêu kỵ

CÁCH TỐT XẤU

Hợp cục tài quan song mỹ.

là bậc lương đồng, vị chí tam công.

hữu thành hữu bại

phá cục, ly tổ tông mới thành tựu được, tuy
miễn tiện nhưng phúc nam toàn.

ưa thích khoái lạc dâm dăng

dâm tiện hình khắc lục thân, khẩu thiệt

ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Tý cung.

Tý Cung

Tử-vi : vượng

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Bính Mậu Nhâm Quyền

đồng cung

Hội Dương Đà

Gia từ sát

Gia Không Kiếp hãm

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ, phúc hậu

quý hiển chuyên về binh nghiệp

chuyên về kinh thương

hậu vận không toàn.

hư danh ma ôm hận trường.

Dậu Cung

Liêm-trinh : hãm

Phá-quân : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Tân Quý Canh

CÁCH TỐT XẤU

cát lợi

Giáp Bính	hoạnh phát, hoạnh phá, phải xa que hương mới tốt.
Hội Xương Khúc	là người hàn sỹ, học giỏi thông minh, nhưng không thành danh.
Hội Văn-Khúc	ưa về ca nhạc
Hội tứ sát	chuyên về công nghiệp nhưng khéo léo
Dương cư Sửu chiếu	ưa tranh đấu nhưng hình ngục
Dương cư Mão	lộ thượng mai thi
Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Quý	tính tình thanh bạch, vượng phu ích tử.

Hợi Cung

Thiên-phủ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Mậu Tân Nhâm

Kỷ

Canh

Phụ Bát Khúc Xương, hội Lộc-tồn

Hỏa Linh hãm

Kiếp Không hãm chiếu

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

quý cách

bất quý, tiên đại hậu, hữu thủy vô chung

quý hiển mà giàu có

đa hư thiếu thực

là người bôn ba, cô đơn, hình khắc lục thân.

Tý Cung

Thiên-đồng : vượng

Thái-âm : miếu.

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Mậu Kỷ Tân Quý

Bính Đinh

Thủ Mạnh Thân

Cát tinh hội chiếu lệch lạc

Khúc Xương hội song Lộc

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

phú quý trung lương

chủ nhất sinh khoái lạc

phú mà không quý

phú quý, trại lấy vợ con nhà khuê các.

Sửu Cung

Vũ-khúc : vượng

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Kỷ Canh Tân

Hội Hỏa

Hội Linh

CÁCH TỐT XẤU

quý hiển cách

phú ông cách

tướng tướng chi danh, thiếu niên bất lợi, ngoài 30 tuổi mới thành cát khánh.

Thìn Tuất Sửu Mùi

Phùng Hình Kỵ

Hội Khúc Xương

Khúc Xương giáp Mạnh

Khôi Việt Quý Ân

Lạc Không Vong Cô Quả

hợp cục phú quý

chuyên về công nghệ rất khéo léo.

người Mộc Mạnh đa hư thiếu thực.

cũng là người xảo ngôn

người Kim Mạnh, văn chương thi phú thanh
hiển, chấp chưởng chính chức.

người Kim Mạnh vì tiền ngộ nạn, thân bỏ chiến
trường.

Dần Cung

Thái-dương : vượng

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh Tân Quý

Tam hợp Hình Sát

Ngộ Không vong Linh Hỏa

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

xuất ngoại hung nguy

phá cách, tất sẽ bị bôn ba suốt đời, không toại
chí.

Mão Cung

Thiên-tướng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Tân

Giáp Canh

Tả Hữu Khúc Xương

Dương Đà sát tẩu

Dương Đà Hỏa Linh

CÁCH TỐT XẤU

cát lợi

chủ khốn

chấp chưởng oai quyền

chuyên về công nghệ

thường hay bị hình phạt, và hung nguy tàn tật.

Thìn Cung

Thiên-cơ : vượng

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Nhâm Ất

Gia Xương Lộc

Hội Bình Hình Tướng Ấn

Xương Lộc Tả Hữu

CÁCH TỐT XẤU

hưởng phúc hậu cách, có nghề rất tinh xảo,
thường là các kỹ sư phát minh.

nhà sáng chế mà trở thành rất giàu có.

thường thiên về tham mưu binh nghiệp, mà
không sợ hung nguy.

Văn thanh hiển, võ nghiệp trung lương

Tối kỵ Hỏa Linh và Kinh
hãm xung phá

bôn ba chốn lợi danh chỉ thất bại, không xứng
ý toại lòng.

VII. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Ngọ

Ngọ Cung

Tử-vi : miếu địa

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Giáp Kỷ

Bính Mậu

Hội Khôi Việt Tướng Quân

Nữ Mạnh

CÁCH TỐT XẤU

vị chí công khanh.

hữu hành hữu bại

cách xuất tướng, nhập tướng người rất mô
phạm, oai quyền mà được chúng nhân sùng
ái.

là người hình dáng đường bệ, vượng phu ích
tử.

Thân Cung

Phá-quân : Bình

TUỔI SINH VÀ SAO

Nhâm Tân Canh Quý

Phùng Lộc Mã

Phùng Khúc Xương

Hỏa Linh Kinh hãm

Quan-Lộc lạc Hỏa Linh

Không Vong

CÁCH TỐT XẤU

tà quan song mỹ, nhưng tánh tình không minh
bạch.

tuy phú quý, nhưng nam lăng đẽ, nữ dâm

là người hàn sỹ, học giỏi nhưng thi không đỗ
đạt.

ưa thích đấu tranh, nhưng chỉ bốn ba chiêu thị
phi.

là cách đao xú hành khát.

Tuất Cung

Thiên-phủ : miếu

Liêm-trình : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Canh Nhâm Kỷ

Bính Mậu

Giáp Đinh Tả-Phu hội chiếu

Phu Bật Khúc Xương

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ, chủ quý hiển.

hữu thành hữu bại.

là cách phú quý.

chấp chưởng binh quyền

Ngộ Văn-Khúc Kiếp Đà-La

cô đơn, hà tiện, thường hay bị chùng núng huyết.

Hội Cung

Thái-âm : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Đinh Nhâm Mậu Canh

Bính Đinh Nhâm Quý

Tý Sửu hội cát

Thủ Mạnh Thân

Nguyệt lãng thiên môn ngộ

Khúc Xương

Lộc Tồn đồng cung tả hữu

cư chiếu

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

chủ quý

cách đại phú

chủ nhất sinh khoái lạc

là cách thiềm cung chiết quế, quý hiển và kết hôn với con nhà khuê các thiếu niên đặc chí.

phú quý hiển đạt.

Tý Cung

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Kỷ Mậu

Bính Canh

Khúc Xương chiếu

Kình đồng cư

Tham-lang Tý vị

CÁCH TỐT XẤU

Phúc hậu

hạ cực

đa hư thiếu thực

là người lặn độn, đa gian tân.

là cách phiếm thủy đào hoa, tứ chiến giang hồ.

Sửu Cung

Cự-môn : hãm

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Canh Tân

Bính Nhâm Quý

Kình Đà chiếu

Nhị hạn Hỏa Linh hãm

Gia tứ sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ, nhưng thường hay bị thị phi, khẩu thiệt.

nam nữ dâm

gặp hung nguy, tự tử xa nhà,.

hung hãn hay bị đói tật.

Dần Cung

Vũ-Khúc : hãm

Thiên-tướng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh

Văn-Khúc đồng cung

Văn-Xương Hình Kỵ

Lộc Mã đồng cung

Nữ Mạnh ngộ Tướng-Quân

đồng cung

Gặp Riêu Hình Hao, gia Hỏa

Linh hãm

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu. Tài quan song mỹ

chấp chương binh quyền, danh chấn chư bang

chuyên kỹ nghệ tinh xảo, có tài sáng chế

rất giỏi về ngoại giao, kinh doanh giàu có cự
vạn.

là người nội trợ giỏi, nhưng hay át quyền

chồng.

ngủ thường mơ thấy hình ảnh xấu

Mão Cung

Thái-dương :miếu

Thiên-dương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Tân Nhâm Canh

Giáp

Thủ Mệnh Thân là Nhật xuất

Phù tang, gia chư cát

Hội Khoa Khôi Khúc Xương

Nữ Mạnh gia hội Lộc Phụ Bật

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ, phú quý song toàn

chủ khốn

phú quý vinh hoa, bình sinh phúc thọ là

cách đại phú quý

tảo tuế đắc chí

Lư truyền đệ nhất danh là người nghiêm trang,
đoan chính, tảo phối lại vượng phu ích tử.**Thìn Cung**

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Canh gia cát tinh

Phụ Bật Xương Khúc

Cát tinh lệch lạc

Hội Không Kiếp

Thất-sát Thìn Tuất ngộ Triệt

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ, có mưu lược

phú quý cách

có mưu trí nhưng gặp nhiều gian truân

hạ cực mà yếu triệt

ví như kiếm đao báu bị chôn vùi đi, vì Thìn
Tuất là thổ. Triệt khắc chế, đao xói đao kiếm
lên mới được đắc dụng.**Ty Cung**

Thiên-cơ : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Mậu Nhâm

CÁCH TỐT XẤU

tuy hợp cục, nhưng phú quý không lâu dài

Ất Bính Đinh Hợi cát tinh

tuy phú quý nhưng gian xảo xa quê hương lý
tổ tông mới đỡ được khắc chế.

Hội Kinh Đà Hỏa Linh

cô đơn, hình khắc, nên chuyên công nghệ,
không nên tranh đấu chốn quyền môn.

VIII. ĐỘ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Cung Mùi

Mùi Cung

Tử-vi : vượng

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Bính Đinh Mậu Nhâm

Hội Tả Hữu cát tinh củng chiếu

Hội ác sát Kiếp Không

CÁCH TỐT XẤU

phú quý nhưng là thần bất trung, con bất hiếu
phú quý

ưa tranh đấu nhưng gian tân nên chuyên về
công nghệ.

Dậu Cung

Thiên-phủ : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Bính Mậu Tân

Giáp Canh

Hội Lộc-Tồn

Hội Phụ Bật Xương Khúc

Hội Kinh Đà đồng

Lạc Không Kiếp

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

bất quý, dễ chán nản, tiên đại hậu tiểu

giàu có

quý cách cao đệ ân vinh.

đa hư thiếu thực

cô đơn, hình khắc, chuyên rước lấy thất bại.

Tuất Cung

Thái-âm: vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Tân Quý

Quyền Lộc hội

Phượng Long Xương Khúc

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

chủ quyền quý, nhất sinh khoái lạc

là người tảo tuế, thanh vãiết nam đắc lộ.

Hợi Cung

Liêm-trinh : hãm

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Bính Mậu Kỷ Nhâm

được hưởng phúc nhưng không lâu dài, nam
lãng đãng, nữ dâm.

Hội Vũ Phá

phải phá tổ ly tông

Bính Quý ngọ kỵ đồng cung

được hưởng phúc, có thể giải bớt được hạn,
Tham Liêm.

Hội Quyền Lộc

phú quý

Nhâm gia cát tinh

hưởng phú quý

Giáp Liêm Tham đảo hạn
Thái-Tuế

phải phòng quan tụng hình ngục vì có Kinh-
Dương ở Mão chiếu

Liêm Tham hội Khúc Xương

đã hư thanh bạch

Hội ác sát

là tỳ thiếp và sượng kỵ.

Tý Cung

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Tối ái Khoa Quyền Lộc

CÁCH TỐT XẤU

thạch trung ẩn ngọc cách, Cự-môn rất hợp với
Khoa Quyền Lộc.

Hội Kinh Hình đồng cung

làm đá vỡ ra để ngọc phát quang huy mà thu
được vàng ngọc.

Đinh Quý

là thượng cách

Mậu Bính

tuy có phú quý, nhưng không trường tồn

Dương Đà hãm cư chiếu

nam nữ dâm đãng

Tam hợp ác sát

tất sẽ bị hung nguy.

Sửu Cung

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Tân Nhâm

Tài quan song mỹ

Tả Hữu Xương Khúc

quý hiển xuất tướng nhập tướng

Hình Ẩn đồng cung

chấp chưởng binh quyền

Tối kỵ Kiếp Không

ông tướng không đầu

Hỏa-kỵ

hoạn lộ giang dờ cách bãi.

Dần Cung

Thiên-đồng : đắc

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Tân Canh

phúc hậu

Giáp Tân Canh

cát khánh phú quý song toàn, bình sinh phục hậu thường là cách tay trắng mà thành đại nghiệp, dù có sự gián cách sau cũng học và danh thành.

Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh

nếu gặp Hỏa Linh thành phá cách, chung thân bất vi.

Nữ Mạnh tuổi Tý

là bậc hiền thê, vượng phu ích tử.

Mão Cung

Vũ-khúc : hãm

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Ất Tân

phúc hậu, tài quan song mỹ, chủ hữu mưu lược, thiếu thời bất lợi, nên chuyên về kinh thương.

Hỏa Linh đồng cung

vì tài mà mắc nạn

Hội Kinh Hình

làm nghề đồ tể, thợ rèn hay nghề nào có dao búa sẽ phát đạt .

Ngọ Cung

Thiên-cơ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Đinh Quý

tài quan song mỹ

Hội Xương Khúc Khoa Việt

văn chương thanh hiển, võ nghiệp trung lương.

Hội Hình Tướng Ấn

thiên về binh pháp, thường là những tay tham mưu sáng giá.

Nữ Mạnh

trong gia đình ngoài xã hội cũng được chính chức, tính cương trực, đôn hậu, vượng phu ích tử mà lập nên nghiệp cả.

IX. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Thân

Thân Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-phủ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Giáp Canh Đinh Kỷ

chung thân phúc hậu

Giáp	chung thân phú quý
Tả Hữu Khúc Xương	cao đệ ân vinh
Lộc Mã đồng cung	cự vạn chi tài
Hội tứ sát	đà hư thiếu thực
Lạc Kiếp Không	hình khắc, thị phi, suốt đời chiêu lấy bại vong
Nữ Mạnh hợp cát tinh	đoan chính, vượng phu ích tử.

Dậu Cung

Tham-âm : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Tân Canh Quý

Cát tinh triều củng

Thủ Thân Mạnh

Hội Khúc Xương

Lộc-Tồn Tả Hữu

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

chủ đại quý hiển

nhất sinh khoái lạc

thiếu niên đắc chí

là cách ly tông lập nên đại nghiệp.

Tuất Cung

Tham-lang : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Kỷ ngộ Hỏa

Ngộ Linh-Tinh

Quý

Hội Khúc Xương

Thìn Tuất lạc Kiếp Không

CÁCH TỐT XẤU

phú ông cách

tướng tướng chi danh

tài quan song mỹ, nhưng phú quý không lâu dài

đà hư thiếu thực

phá cách, thương phong bại tục.

Hợi Cung

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Tân Quý

Dương Đà hãm chiếu

Tam hợp ác sát

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ, tuy phú quý nhưng không bền vững

là người gian xảo, không có lòng trung thực

sẽ gặp nhiều hung nguy.

Tý Cung

Liêm-trinh : bình

Thiên-tướng : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Quý

Bính

Tả Hữu Khúc Xương

Lộc Tồn đồng cung

Không Kiếp ác sát xung phá

Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Quý

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

hoạch phát hoạch phá

chấp chương oai quyền

chủ phú quý

phá tổ ly tông, chiêu lấy thị phi, cơ đồ giang hồ

giáng người thanh tú, ăn nói rất hoạt bát.

Sửu Cung

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Kỷ

Ất Nhâm

Cát tinh củng chiếu

Ất Bính Đinh Nhật Nguyệt

Ty Dậu chiếu vô sát tinh

CÁCH TỐT XẤU

chủ đại quý

tài quan song mỹ

bình sinh phúc thọ, vinh hoa, chủ thọ cách

Xuất thế vinh hoa

chủ quý hiển thanh dương

Dần Cung

Thất-sát : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ

Bính Mậu

Nhâm cặp Ngọ Tuất

Cát tinh lệch lạc

Thất-sát triều đầu

Hội ác sát lạc Không-Vong

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

trung bình

bất hỷ

tuy lịch lãm, nhưng gian tân

là cách tước lộc vinh xương, nhưng phải có cát tinh tương phù.

binh nghiệp không ra gì, thân bỏ chiến địa.

Mão Cung

Vũ-khúc : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất bính Tân

Hỏa Linh đồng cung

Kình Đà đồng cung

Nữ Mạnh tuổi Tân

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

tất sinh nốt ruồi lạ

thường mắc bệnh huyết, dễ bị tàn tật.

là bậc hiền thê, vượng phu ích tử.

Thìn Cung

Vũ-khúc : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Ất

Thìn Tuất Sửu Mùi

Văn-khúc đồng cung
Quý tinh giáp chiếu

Tham Vũ đồng hành Sửu

Mùi Thìn Tuất tái ái Hình Kỵ
Tướng Ấn

Nữ Mạnh vũ-khúc

Ngộ Quả cô

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu, tài quan song mỹ

tuy thiếu niên bất lợi, nhưng phú quý.

là cách lưỡng khúc trùng phùng chấn vệ biên cương là cách của bậc tướng oai phong rất được sự tôn phục.

2 sao Tham Vũ và Đồng Hành

Thìn Tuất Sửu Mùi rất ưa thích Hình kỵ, vì là cơ mưu biến hóa, Tướng Ấn nữa là xuất tướng nhập tướng.

sao Vũ-Khúc rất ghét Quả Cô

Nữ phái thì một đời không ráo rệ vì con bất hiếu vì hình phu khắc tử.

Ty Cung

Thái-dương : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Thủ Mạnh cung

Xương Khúc Khôi Việt

Cát tinh thủ chiếu

Nữ Mạnh Thái-Dương

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

là cách tảo tuế đắc chí

quý hiển lại văn chương, được cách Nhất Nguyệt chỉ e sợ ngộ Dương Đà, nếu bị thi hình khắc cô đơn ví như Tử-vi ngộ Kiếp Không

là người đoan chính, nếu đồng cung với Kinh thì nên đi tu hưởng phúc.

Ngọ Cung

Phá-quân : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Canh Quý

Giáp Quý vô sát

Phùng Hỏa Linh

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu

tài quan song mỹ, vị chí công khanh, Phá quân Tý Ngọ là cách anh tinh lâu dài

bôn ba, lao碌, tranh đấu nhưng chỉ gặp thị phi

Mùi Cung

Thiên-cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

CÁCH TỐT XẤU

Bính Đinh Mậu Nhâm
Tân Ất song Lộc thủ chiếu
Khôi Việt Khúc Xương

Cơ ngộ Tứ sát

tài quan song mỹ

hợp cách

Thiên-cơ là mộc, ghét gặp Hỏa Linh, nếu gặp là giang dở một đời

chuyên về công nghệ ag kho lo

X. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Dậu

Dậu Cung

Tử-vi : hãm

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Ất Kỷ Canh Tân

Ngộ Linh

Ngộ Hỏa

Dậu Sửu

Ngộ Khúc Xương

Kình-Dương đồng cung

Lạc Kiếp Không

CÁCH TỐT XẤU

chủ quý cách

chủ quý cách

chủ phú cách, nhưng phú quý không được lâu dài

chung thân bất thành, nam nữ tà tâm, bất trung bất nghĩa, là người gian xảo

là người đa hư thiếu thực

gian tâm, chuyên về kinh thương

dù có Quyền Lộc hội với Không-vong cũng không nên tranh đấu nơi hoạn trường, đây là cách bồi hồi tâm sự nhiều tam canh của những nhà chính trị cách mạng không thanh công vì gia phúc, mà cứ vẩn vương vẩn không dứt được.

Tuất Cung

Cự-môn : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Tân Quý

Tân phản vi kỳ cách

Đinh Canh

Dư lại các tuổi khác

Lưu hạn phùng Kình Đà

Linh Hỏa

CÁCH TỐT XẤU

chủ quý cách

người tuổi Tân Cự-môn Thìn Tuất là có sự ám hợp độ số tinh đầu nên gọi là phản vi kỳ.

chủ hãm nhưng cũng phú túc.

gặp Cự-môn Thìn Tuất là không lành, nhất sinh chiếu thị phi.

sẽ hung nguy, phải phòng tử ư ngoại đạo

Hợi Cung

Thiên-tướng : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Canh Quý

Bính Mậu

Phụ Bát Khúc Xương

Hỏa Linh Cư chiếu

CÁCH TỐT XẤU

phú quý hiển đạt

hưởng phúc

chấp chưởng oai quyền

tàn tật

Tý Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Canh

Cát tinh tương phùng

Phụ Bát Khúc Xương

Hội Xương Lộc

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu

bình sinh phúc thọ không sợ hung nguy, chủ
thọ cách.

vị chí tam công.

là cách lưu truyền đệ nhất danh vì Lương rất
ưa Xương Lộc.

Sửu Cung

Liêm-trình : vượng

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp

Mậu Bính gia cát tinh

Bính vô sát diệu

Cát diệu lệch lạc

Lạc Kiếp Không ác sát

Đáo hạn ngộ Kinh Đà

Hỏa-ky

Phùng Tử-vi, Thiên-tướng
Lộc-Tồn

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

tài quan song mỹ, nhưng bị thị phi thành bại
phản vi tích phú chi nhân.

gian tân, thường thiên về binh nghiệp
bị bệnh đàm, huyết và lao, và phải ly tổ tông.
phòng nạn lộ thượng mai thi, nịch thủy.

gặp được Tử Tướng Lộc Tồn, khá giải hung
nguy.

Thìn Cung

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Đinh

CÁCH TỐT XẤU

tuy phú quý nhưng gian tân

Canh Quý
Phụ Bát Khúc Xương cư chiếu
Dương Đà Hỏa Linh xung phá
Đồng hội Đà hãm

phú bất trường cửu
quý hiển
trong người thường có nốt ruồi lạ.
nếu hãm ngộ Đà thì mất bé lại, mất ty hý,
không lớn nữa. Đồng vượng là người mày
xanh, mắt to sáng lưng dày.

Ty Cung

Vũ-khúc : hãm

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Nhâm

CÁCH TỐT XẤU

phúc hậu, tài quan song mỹ, thiên thời bất lợi,
phá tổ bốn ba lao碌, ngoài 30 tuổi mới mong
lập nghiệp được, nên chuyên buôn bán làm
giàu

Khúc Xương Hội

Dù Khúc Xương vượng cũng bị hình khắc,
kinh thường đỡ được sự lao tâm.

Hỏa Linh ác sát

là người đồng thành tây bại, cuối cùng cũng
không đạt ý.

Lạc Kiếp Không

vì tiền tài mà ngộ nạn, lãng đãng phiu bổng,
chung thân bất thành.

Ngọ Cung

Thái-dương : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Canh Tân

Bính Mậu

Chư cát phù trì

Xung chiếu Thiên-Lương gia cát

Nữ Mạnh

CÁCH TỐT XẤU

phú quý song toàn

chuyên quyền chi quý, địch quốc chi phú.

tất là đại quý

là cự thương cao mại cách

hiền phụ

Mùi Cung

Thiên-phủ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Kỷ

Hội cát itnh

Phụ Bát Khúc Xương, Khôi

Việt đồng cung

Nhật Nguyệt giáp Mạnh Tài

CÁCH TỐT XẤU

chủ quý hiển

tài quan song mỹ

tôn cư vạn thặng, tài kiêm văn võ.

phi quyền tắc phú.

Giáp Canh
Ngộ sát tinh
Lạc Không Kiếp

bất quý, hay chán nản, tiên đại hậu tiểu.
gian xảo, không trung thực .
hình khắc lao碌, công bất thành, danh bất
toại.

Thân Cung

Thiên-cơ : hãm

Thái-âm : lợi

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh Quý

Hội Khôi Khoa Quyền Lộc

Ất Bính Mậu Tân Nhâm

Cơ Âm Thân xư

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

chủ phú quý, trước có danh sau phú cách.

chủ thị phi khản thiết.

là cách chỉ sự oan đời thị phi không thể tránh
được. Lâm Phúc hương, họ hàng phân ly vì là
tiền oan nghiệp chướng từ trước.

XI. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Tuất

Tuất Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Ất Kỷ Canh Quý

Phụ Bật Tướng Ấn

Lạc Không Kiếp

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ.

chuyên về võ nghiệp

mưu sự bất thành, thường vì tiền tài mà
mang lụy.

Thìn Tuất thị La Vọng địa

2 cung Thìn Tuất thường gọi là La vọng chí
địa La Vọng ví như rào lưới, nên Tử Tướng
cư Thìn thì Phá-quân cư Tuất nghịch lại Tử
Tướng cư Tuất thì Phá-quân cư Thìn. Tử
Tướng này ví như cộp bị mắc lưới mắc rào,
hơn nữa vì Phá-quân Thìn Tuất hãm địa, và
bao giờ cũng ở xung chiếu với Tử Tướng, vì
luân theo tính chất của Phá-quân nên mới nói
là Thần bất trung tử bất hiếu, nên rất cần gặp
Kính Dương là gương thần, gương ấy sẽ phá
hết rào lưới để cho Tử-vi, Thiên-tướng tung
hoành. Hơn nữa nếu Tử-vi hội Kính đồng
cung ở Thìn Tuất là các hung tinh nhập miếu,
để chấn át ngăn giữ, không sợ các hung tinh

khác hại được Tử-vi. Đây là cách hung chấn cát phù.

(xem mục luận tinh đầu)

Hợi Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Nhâm

Tân Quý

Ngộ Hỏa Linh

Các tuổi dư lại

Dương Đà hãm chiếu

Nữ Mạnh

CÁCH TỐT XẤU

phú quý song toàn

trung bình

phá cục hạ tiện cô hàn

chủ hãm

thương luân bại lý

phá cục dâm bản, cô tiện.

Tý Cung

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ

Canh Nhâm cấp Ngọ Tuất

Cát tinh hội lệch lạc

Thất-sát triều đầu

Thủ mạnh

Hội Tả Hữu Khôi Việt

Cát diệu phù trì

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

bất hỷ

là người lịch lãm, nhưng gian lao.

là cách nhất sinh tước lộc vinh xương

là người thông minh cơ cơ mưu

là tường trung nghĩa

thường chấp chưởng oai quyền chấn vệ biên cương

Lạc Không Vong Hình Sát

bôn ba lận đận suốt đời, nếu ở chốn quyền môn; công nghệ và đồ tể mới hợp cách.

Dần Cung

Liêm-trình : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Kỷ Canh

Giáp Phủ Tướng triều Viên

Phụ Bật Khôi Khoa

Xương Khúc thủ chiến

Hội Lộc Mã đồng cung

Hội ác sát

CÁCH TỐT XẤU

vi quý cách

người tuổi Giáp được Phủ ở Ngọ, Tướng ở Tuất, triều về cung Mạnh là hợp cách.

là người vị đẳng nhất

phẩm, thực lộc vạn chung

phú quý càng thêm rực rỡ.

khó tránh được bệnh nùng huyết, phong lao.

Nữ Mạnh Bính Tân Ất Mậu

là người nghiêm chỉnh, tính tình thanh bạch.

Thìn Cung

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Quý

Bính Mậu

Ngộ Khúc Xương Đà đồng

Hỏa Lonh hãm

CÁCH TỐT XẤU

vi phúc thọ

phú quý nhưng tính tình không thực, xử sự bất minh.

hình khắc và gian tân, tàn tật và thị phi.

bôn ba, lao碌, suốt đời bại vong.

Ty Cung

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Bính Mậu Nhâm

Tả Hữu Khúc Xương

Đà đồng cung

Hội tứ Sát

Nữ Mạnh

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

quý hiển

mắt nhỏ

cô đơn hình khắc

là người tính tình cánh cải, hay đổi thay, tuy phú quý nhưng dâm.

Ngọ Cung

Thiên-phủ : vượng

Vũ-khúc : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Canh Quý

Kỷ

Giáp

Thủ Thân Mạnh

Tả Hữu Khúc Xương

Lộc-tồn đồng cung

Tứ sát hội chiếu

Lạc Không kiếp

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ.

chủ quý hiển

nhất phẩm chi quý.

chủ phúc thọ cách.

cao đệ ân vinh

cự vạn chí tài.

hữu thủy vô chung.

cô đơn, hình khắc, thất bại

Mùi Cung

Thái-dương : đắc

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Bính Mậu

Canh Nhâm

Khoa Lộc gia cát tinh

Giáp Khúc Xương

Âm Dương Sửu Mùi

Tam phương vô cát chiếu

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

đích thị phương hầu bá

tăng thêm quý hiển

không có cát tinh thủ chiếu là

phản vi hung, vì Nhật Nguyệt ở đây là hãm
địa, là cách bất hiển công danh, trước chuyên
cần mà sau bỏ dở dang.

Thân Cung

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Canh Ất

Khúc Xương thủ chiếu

Hội tứ Sát

Hội song Hao

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

là người đa hư thiếu thực

gian tâm lao碌

là người hình dáng tuần tú, nhưng rất dâm.

Dậu Cung

Cự-môn : vượng

Thiên-cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Kỷ Tân Quý

Đinh Mậu

Ất Bính

Gia cư cát

Kình Dương cư chiếu

Nữ Mạnh tối kỵ Hồng Đào
tứ sát xung hợp

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

hữu thành hữu bại, tha phương lập nghiệp nhi
thành.

hợp cách phú quý

chủ đại phú quý

tuy phú quý, nhưng nam nữ đều dâm.

nữ Mạnh không nên gặp Đào Hồng, hình khắc
lục thân và dâm tiện.

XII. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Hợi

Hợi Cung

Tử-vi : hãm

Thất-sát : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Bính Mậu Kỷ Nhâm

Nam Mạnh Nhâm Giáp

Hội Hỏa Quyền

Dương Đà hãm chiếu

Nữ Mạnh hội Tứ sát

CÁCH TỐT XẤU

tài quan song mỹ

phú quý

là người cơ mưu quyền trọng

là người tầm thường, chỉ có hư danh không thực tài.

hậu vận xấu, hung nguy.

Mão Cung

Liêm-trình : vượng

Phá-quân : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Đinh Tân Quý

Giáp Bính Canh

Phùng song Lộc thủ chiếu

Mậu Kỷ

Gia tứ cát

Dương cư Dậu chiếu

Dương cư Quan-Lộc

Nữ Mạnh Ất Bính Tân

CÁCH TỐT XẤU

cát lợi

hoạnh phát hoạnh phá, phá tổ ly tông

phú quý, tiêu trừ được tai nạn.

phá cách, thường làm con nuôi đổi họ tên mới mong ít tai nạn.

chuyên về kinh thương

tử ư ngoại đạo

hạ tiện, đáo xứ khát cầu

chủ thanh bạch, cao khiết

Ty Cung

Thiên-đồng : đắc

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Canh Tân Quý

Bính Mậu hội Kinh gia

Phượng Giải

Hội Tả Hữu Khúc Xương

Hội ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

phú quý chấn vệ biên cương

là cách Kinh đồng Âm nhi phùng Phượng Giải, phú quý thanh dương.

quý hiển

bôn ba lao碌

Nữ Mạnh

tuy mỹ nhưng dâm

Mùi Cung

Tham-lang : hãm

Vũ-khuc : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Mậu Kỷ Canh Tân ngọ Hỏa

Ngọ Linh-Tinh

Quý

Thìn Tuất Sửu Mùi

Canh Tân hội Sát Kỵ

Lạc Kiếp Không

CÁCH TỐT XẤU

phú ông cách

tướng tướng chi danh

tuy phú quý nhưng không trường tồn.

phú quý

là người khéo léo về công nghệ, hay chuyên kinh thương .

công danh bị bãi triệt, cơ nghiệp đổ vỡ. Cách Tham Vũ Sửu Mùi thì thiếu niên bất lợi, phải ngoài 30 tuổi mới mong thành cơ nghiệp được.

Thân Cung

Thái-dương : đắc

Cự-môn : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Giáp Đinh Kỷ Canh Tân

Dương Đà hãm chiếu

Hội Dương Đà ác sát

CÁCH TỐT XẤU

Tài quan song mỹ

nam nữ hình khắc, tuy phú quý không trường tồn, trước chuyên cần sau chán nản.

hung nguy không trán được.

Dậu Cung

Thiên-tướng : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO

Ất Tân

Giáp Canh

Phùng Tả Hữu Khúc Xương

Dương Đà ác sát

Hội Hỏa Linh

Nữ Mạnh Khúc Xương

CÁCH TỐT XẤU

cát lợi

chủ khốn

quý hiển cát khánh.

chuyên công nghệ khéo léo

thân thể đối tật

thị phi hình khắc.

Tuất Cung

Thiên-cơ : vượng

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO

Đinh Kỷ Canh Nhâm

Hội Tả Hữu Xương Khúc

Hội Tướng Ấn

Đối cung Thiên Ri

Lạc Không Kiếp Hỏa Linh

CÁCH TỐT XẤU

chủ phúc thọ song toàn

là người có văn tài thi phú.

thường thiên về võ nghiệp, có cơ mưu điều
binh khiển tướng.

có óc phát minh, sáng chế cự thương cao mại
mà lập được đại nghiệp. Nên được phê cách.
Thìn Tuất Cơ Lương phi tiểu hổ.

là người bốn ba chỉ chiêu lấy thất bại Cách Cơ
Lương Thìn Tuất hội với cát tinh, nếu tu hành
cũng là những bậc Hòa Thượng cao tăng
danh vọng vang lừng được chúng nhân tín
phục.

✱

CHƯƠNG 6**TÍNH LÝ CHƯ TÍNH HUNG CÁT
AN TẠI MƯỜI HAI CUNG****TẠI THÂN, MỆNH CUNG****Tử-vi**

Hình mạo đôn hậu, sắc diện tía, bản tính trung hậu, lão luyện, khiêm cung với mọi người nhưng rất cảnh trực.

Tử-vi mặt đỏ, lưng dày

Tính tình trung hậu, người đầy phương viên

Mạnh an Ngọ, song tuyền phú quý

Tuổi Giáp, Đinh duy chỉ hai người

Tử-vi tọa thủ cửa trời

Nếu vô Sát Tấu, một đời công khanh

Vận suy, hạn nhược chẳng lành

Được sao Tử đóng bên mình giải hung

Tử, Tang, Tả, Hữu hội trung

Có người con gái lộn chồng tìm ra

Thiên-Cơ

Thân, tài (bộ phận) không dài hoặc vắn quá. Thông minh, tú lệ, tinh táo cấp nhưng lòng thành, thích làm việc thiện, khi hành sự rất thao lược và biến hóa thích ứng.

Sao Thiên Cơ đồng cung Quyền, Kỵ.

Tuổi Tuất, Thìn, túc trí cơ mưu

Thông minh, biến hóa đủ chiều

Cự, Cơ, Tý, Ngọ mỹ miều lắm thay

Tuổi Đinh, tuổi Quý mới hay

Thạch Trung Ẩn Ngọc, cách này trời ban

Những người tuổi Bính, tuổi Tân

Cự, Cơ, Mão, Dậu thập phần giàu sang

Lâu đài gấm vóc thênh thang

Xum xuê hoa lá, đầy dương bạc tiền

Cự Cơ Tuần Triệt tại Điền

Tư cơ cha mẹ không truyền cho con

Cơ Lương, Thái Tuế, Tang Môn

Lâm vào chốn hãm, cảnh con chó trèo

Cự ngộ Hổ, chó đá châu

Ngộ Dương Đà, có thạch đầu tại gia

Thiên-Cơ, Bạch-hổ mà gia
Tang-Môn, Điều-Khách, là sa hoàng tuyền

Thái Dương

Tướng mạo hùng tráng mặt dài, thông minh, nhân từ có độ lượng với người dưới. Rất ghét những chuyện thị phi đặt điều. Được hưởng phúc, thọ song toàn. Ngộ Dương Đà mang ác tật. Ngộ Hóa Ky tất bị mục tật, mắt kém.

Thái-Dương chủ Quan-Lộc tinh
Ngọc cung, Hỏa mệnh quang vinh nhất đời
“Địch quốc chi phú” là người
“Tranh quyền chi vị” nét thời khó thương
Cư cung Mão “Lương Xương Lộc hội
Tuổi Tuất, Thành cách tối vinh xương”
Chính là: Nhật xuất phù tang
Giữ ngôi Tể Tướng quyền sang nhất triều
Dần đến Ngọ là chiều cát vượng
Trí thông minh, hình tướng gọn gàng
Ở ăn tươm tất đàng hoàng
Chuộng điều phước thiện, tránh đường vô liêm
Canh niên, Mão vị không hiềm
Tuổi Nhâm, cung Ngọ quý quyền hanh thông
Thái-dương, Hợi địa bất dung
Tự Dậu tới Sửu nghịch dòng chẳng hay
Dương Đà Không kiếp ăn mày
Mua phiền chuộc nào lo ngày lo đêm
Thiết bi hãm sắc, tính hèn
Dương Đà Ngọ Ky, mất phiền kém tươi
Gia nhân sạ khứ, sạ hồi
Bởi sao Nhật Nguyệt hãm ngôi Nô cung
Thiên-tài ngộ Nhật bất trung
Tính tình nhâng nháo, dễ dưng Phật, Thần

Vũ-Khúc

Hình dáng nhỏ, thanh cao và có đại lượng, tính cương ngay thẳng và quyết đoán nhưng không độc hại cho bất cứ ai.

Người có sao Vũ-Khúc thủ Mệnh chính là người: “chỉ cương, chí nghị chí nhân” vậy.

Vũ-Khúc là sao Kim hình

Vóc người nho nhỏ, tính tình thanh cao

“Chí cương chí nghị” anh hào
 Khoan dung đại lượng lược thao gồm tài
 Mệnh Sửu Mùi, đồng hai Văn, Vũ
 Tuổi Thổ phùng Thai Tọa tam phương
 Binh quyền vạn lý nghênh ngang
 Anh hùng “danh trấn chư bang” một thời
 Ai người tuổi Thổ, Kim hoặc Mộc
 Gặp Tham-Lang Vũ-Khúc đồng liêu
 “Văn môn vũ lược kiêm ưu
 Mộ trung Thai Tọa”, cách siêu mọi người

Thiên-Đồng

Tướng mạo phong mãn, my thanh, mục tú. Bản tính nhân từ, nhưng rất cảnh trực. Là người khiêm cung, ôn hòa, tinh thông văn bút, tuy là người có chí khí, nhưng không tỏ vẻ cao ngạo và chống báng.

Thiên-đồng mắt lớn lưng dày
 Vóc người mập mạp, diện đầy, phương viên
 Tâm cao chí đại nhưng hiền
 Không cao ngạo, dẫu bút nghiên thực tài
 Dẫn hiềm Đà, Kỵ lâm lai
 Mắt lờm ty hý, lại hay ngồi đồng
 Cúng Kinh-Dương tọa Ngọ cung
 Với sao Phượng, Giải anh hùng một phương
 Dần Thân cung, Đồng Lương đắc cách
 Giáp Tân Canh “Thủ bạch thành gia”
 Thiên-lương, Nguyệt-đức chiếu kè
 Một là đạo sĩ, hai là tăng nhân
 Với những người tuổi Thân, Thìn, Tý
 Cách Đồng Lương Cơ Nguyệt tạo nên
 Quan sang, lộc trọng vững bền
 Cửa nhà cao rộng, bạc tiền đầy kho.

Liêm Trinh

Thân trường, thể tráng. Mắt lộ quan, mi lộ cốt, mày thưa, miệng rộng, lợi khẩu, tâm tính cuồng độc, không ưa sự gò bó, tính chất thô bạo, hay giận uất hay cạnh tranh, ưa thích đời sống phong lưu, và có máu mê cờ bạc.

Chỉ duy có sao Thiên-tướng, và sao Lộc-tồn mới chế hóa được tính ác của sao Liêm-trinh lại trở thành phú quý, và đặt mình vào kỷ cương, lễ nghĩa.

Liêm-trinh, hỏa vượng thân tràng
 Lộ hầu, lộ nhãn, mắt vàng mày thưa
 Cư Thân, Mệnh, hóa Đào-Hoa
 Ăn chơi, phóng đãng, xa hoa khác người
 Hãm cung đóng tại Sửu, Mùi
 Riêng hợp tuổi Bính thành người giàu sang
 Cùng Tướng, Lộc hội tam phương
 Quyền cao, lộc trọng, phong quan mọi đảng
 Dân Thân với Khúc Xương đồng cúng
 Văn đã hay, võ cũng đồng tài
 Anh hùng cái thế trong đời
 Liêm Tham Ty Hợi, gặp thời “huyền tu”

Thái-Âm

Khổ diện vuông đầy, da trắng mà nhuận. Trí tuệ thông minh, tính chất thanh nhã và ôn hòa. Học vấn rộng, nhiều khả năng, có độ lượng khoan dung, nhưng sáng suốt và ý thức tế nhị, tình cảm dồi dào, nên ưa thích uống rượu thưởng hoa.

Mệnh, Thân có Thái-âm tọa chủ
 Hợi cung, người mạnh Thủy Mộc Kim
 Cách là: “Nguyệt lãng thiên môn”
 Tư cơ đồ sộ, quyền môn chói lòa
 Âm hội Lộc, Quyền Khoa cư Tý
 Tuổi Quý Nhân, phú hiển trăm phần
 “Thiên lương, Nguyệt diệu, dâm bản
 Ngộ Dương Đà, phải thương nhân, tán tài
 Hội Tả, Hữu, Lộc-tồn, Vũ-khúc
 Cách riêng cho những bậc phú ông
 Thái-âm ngộ Kỵ, Hình đồng
 Mắt mờ, có tật, bằng không mù lòa

Tham-Lang

Nhập miếu là người lưng cao, mông đầy. Bản chất cương cường, có uy dũng có cơ mưu sâu rộng, nhiều thủ đoạn, người ngoài khó đo lường chuyện ghét hay yêu ai, hành sự táo cấp, không chịu ngồi yên lúc nào.

Gia ác tính là người vừa man trá, vừa hiểm độc, và mê say tửu sắc đồ bạc.

Duy người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có Tham-lang tọa thủ các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hoặc hãm địa ngộ Không-vong, lại phản vi chính trực.

Tham-lang khả biến thành Đào

Mệnh Tham Sinh Vượng sống lâu hơn người
 Tham, Linh Hỏa an bài Tử Mộ
 Ngôi công hầu, triệu phú gia tư
 Tham-lang ác sát đồng cư
 “Cầu trâu thử thiết” nghề tư chính nòi
 Tham với Tả, Hữu, Khôi, Việt hội
 Mộc sinh nhân Thầy Bói lừng danh
 Tham lang, Vũ-khúc đồng hành
 Mệnh cư Mùi, Sửu tất thành phú thương
 Tham nhân, hội Văn-Xương, Văn-Khúc
 Chính thực chàng đại dóc ba hoa
 Cư Hợi, Tý ngộ Dương Đà
 Cuộc đời “Phiếm thủy đào hoa” bồng bênh
 Hai tù tinh “Thanh Liêm Ty, Hợi”
 Ngộ Triệt Tuần phản hữu kỳ công
 Tham Hỏa miếu, cách phú ông
 “Tham Linh tịnh thú” Tướng hùng vang danh

Cự-Môn

Nhập miếu, vóc người dài lưng và mỏng dầy. Là người học rộng, tài cao, thanh tú, nhưng tính tình ôn lương, đôn hậu.

Hãm cung, có tâm vóc ngũ đoản, môi thâm, gầy nhỏ. Bản tính đa nghi, ít hợp được với người khác. Tuy học nhiều nhưng kém tinh anh, thích dấn thân vào những chuyện thị phi, cung số phải bồn ba lao碌.

Duy có sao Lộc-tồn hóa giải được tính hung ác của Cự-Môn hãm địa.

Thân Mệnh, Cự-môn, Tý Ngọ chuẩn
 Phùng Triệt, Tuần “ngọc ẩn thạch trung”
 Cách này phú quý vô song
 Cự phùng Quyền Lộc cũng đồng vinh xương
 Cự, Đà, Tấu Tuế một đoàn
 Tháng ngày châu chực công môn miệt mài.
 Cự môn, Thìn Tuất hai nơi
 Đầu đình, góc chợ những người ngụ cư
 Duy tuổi Tân, phải vi phú, quý
 Vì Cự-Môn phương vị Tốn, Tân
 Sao Cự Nhật, cung Dần Thân
 Ngộ Quyền, ngộ Phượng, phong vân gặp thì
 Ngành Tư Pháp, Luật-sư cãi giỏi

Mệnh Cụ-Môn hội với Tuế Hình

Ai người miệng kín như bình

Thái-tuế, Việt, Kỵ song hành Cụ-Môn

Thiên-Tướng

Tướng mạo đôn hậu, bản tính thanh bạch, trì trọng và ôn hòa, nói hoạt bát, không làm sự trái, không ưa những cách hư ảo, giả trá. Là người có lòng trắc ẩn, nên thường thường giữa đường gặp sự bất bình ra tay. Ưa thích cầm thú, chén tạc với bạn bè, bình sinh không biến cải chí hướng, ghét chuyện thay đổi sự việc.

Tướng Ấn chính vị Công Hầu

Bình, Hình, Lộc, Mã hội châu Mệnh-viên

Cung Thìn Tuất, Mệnh an Tướng thủ

Quan-Lộc cung vượng khí công danh

Thiên-tướng chẳng kỵ Sát tinh

Chỉ hiềm Triệt-lộ đầu mình phân hai

Thiên-tướng là mặt con người

Hương trời sắc nước mệnh ai Tướng Hồng

Đã hiềm lần át quyền chồng

Tướng, Phúc, Hình, Kỵ bóng đồng tổn hao

Tướng và Khúc, hội Đào Mộc Cái

Sắc khuynh thành, chết nổi dâm bên...

Thiên-Lương

Tướng mạo trọng hậu, mi thanh mục tú. Bản chất ôn hòa, cẩn trọng, uẩn lượng. Hay làm việc thiện giúp người.

Là người thông minh, lỗi lạc, những khi lâm sự rất quyết đoán, hưởng trường thọ.

Thiên-Lương, mộc chủ Thọ tinh

Đông cung Thân, Tuất, Thìn Dần mới hay

Nữ lưu thủ mệnh phúc đầy

Hao, Hình, Kiếp, Sát một bày tai ương

Mệnh cung: “Ngọ thượng Thiên-lương”

Tuổi Đinh, Kỵ, Quý quyền sang nhất triều

Hội Thất-Sát, Song Hao tại Ty

Phải đề phòng hiểm họa đao thương

Ngộ Tri “Soi bóng đài gương”

Vị công hầu, hội Văn-xương một nhà

Tuổi hoa nở, đang khoa cao chiếm

Bởi Thiên-lương thủ mệnh Tý cung

Xương Lộc hội Nhất chiếu xung
Đề đầu sẽ tử, văn hùng nhất danh.

Thất-Sát

Mắt lớn, tính tình nóng nảy, táo bạo. Hỷ nộ bất thường. Khi hành sự đa nghi, dè dặt không có quyết đoán nhất định.

Miếu vượng là người có mưu lược. Hãm địa bị tàn tật.

Thất Sát hội Tử-vi, Hoa-quyền, gia cát tinh, tất làm Đại-tướng.

Thất-sát thuộc Kim ứng đối Hỏa
Đóng Dàn, Thân miếu địa an bài
Giáp, Canh, Đinh, Kỷ bốn người
Danh cao, Lộc trọng một đời vinh xương
Sát, Xương, Khúc “tứ phương củng phục”
Tuổi Mão, Thân thọ phúc song toàn
Tồn cung Sát Tử đồng ban
“Đế Huê Bảo Kiếm” võ quyền kinh uy
Ai người “Lộ thượng mai thi”
Vì sao Liêm Sát, đồng quy Sửu, Mùi
Ai người trận địa thay vùi
Vì sao Kinh Sát đứng ngồi Ngọ cung
Sát tuyệt địa Đà Dương xung chiếu
Thầy Nhan Hồi chết yểu, thương ôi
Nữ mệnh sát, Ngọ Tý ngồi
Ngộ Riêu, Kiếp phải lệ rơi vì tình.

Phá-Quân

Thân tài (bộ phận) ngũ đoản, lưng dày, mi thừa. Thân thể không cân đối, nên đi đứng nằm ngồi phải ngả nghiêng. Bản chất xảo trá, cương cường bất nhân. Thích làm những chuyện phiêu lưu, kinh hiểm. Chuyện phù ác, nên ít hợp với người, nếu ly tổ nghiệp tất được hưởng phúc.

Duy có sao Tử-vi là chế được tính ác của Phá-Quân, nhập miếu, gia cát tinh được hiển đạt về võ nghiệp.

Phá-Quân thuộc Thủy, Hao tinh
Hào hùng, phúc hậu gian manh tuyệt vời
Tuổi Canh, Quý Phá ngồi Ngọ Tý
An Mệnh viên: “Miếu vị anh tinh”
Anh hùng cái thế, tranh vanh
Cùng Vũ Ty, Hợi “đồng thành tây tan”

Phải chờ tới văn niên mới khá
 Đồng, Khốc, Hư: “tịch thủ xương hùng”
 Giang sơn một kiếm vẫy vùng
 Miệng cười ròn rã nhưng lòng vẫn nghi
 Đã tảo bạo, còn ưa nịnh, bốc
 Phá, Tham phùng Mã Lộc dâm, lang
 Hỏa Hao ngộ Phá tai ương
 Phá-Quân Linh, Hỏa muôn phương dãi dầu
 Kinh đồng Phá, lại triều Phụ Bật
 Mão Dậu cung, là đất nghịch thường
 Hoàng Sào làm loạn trào cương
 Nhân dân đồ thán, thực phùng bất nhân
 Trai bất nhân, Phá-quân Thìn Tuất
 Ngộ Khoa, Tuần phản ác vi lương
 Tuổi Mậu Quý, lắm bạc vàng
 Hoạn tài, bộc phát giàu sang một đời

Văn-Xương

Mi thanh, mục tú, bản chất thông minh cơ sảo. Là người học cao, tài rộng, hiểu biết nhiều nên cơ biết khác thường, vì tính tình nho nhã nên ưa sự u nhân, ghét náo tạp.

Sao Xương, Khúc chủ văn chương
 Đồng lam Thìn, Tuất chi hương tuyệt vợi
 “Miêu nhi bất tú” Nhan Hối
 Văn-Xương ngộ Ky, uổng đời tài hoa

Văn-Khúc

Thông minh thanh tú, tính tình lởi lạc ngôn ngữ hoạt bát, học cao tài rộng.
 Nhập miếu, trong người có nổi những nốt đỏ (dị chi). Thất hãm, lại thành những vết sẹo.
 Văn-khúc chủ văn chương thuộc thủy
 Mệnh, Thân lâm nhị mộ Tuất Thìn
 Phùng Khoa, Tuất với Hóa Quyền
 Văn chương, hùng biện hoàn toàn giỏi giang
 Vì cùng Vũ-khúc đồng hương
 Tướng kiêm văn võ, vinh quang một đời

Tả-Phụ

Tướng mạo đôn hậu, tính chất ôn lương, trang nhã và đoan chính. Là người phong lưu, tinh thông văn tự, nhưng rất khảng khái.

Tả-phụ là sao phù trì

Tả, Hữu thủ Mệnh, là đi phương ngoài

Giáp Tả Hữu, Thân phù đúng cách

Ngôi công hầu, hiển hách một đời

Mộ cung Tả, Hữu đồng lai

Thăng quan tiến chức, miếu đài viên vinh.

Hữu-Bật

Tướng mạo đôn hậu, cốt cách thanh tú, cá tính bộc trực nhưng lại là người có độ lượng khoan dung.

Có cơ mưu, hay giúp người và tinh thông văn tự.

Phụ-Bật ngộ Thái-Âm nhân

Chuyên làm bà đỡ, giúp đàn sơ sinh

Phụ Bật, Khúc, Tướng đồng viên

Thầy lang, Bác-sĩ danh truyền lương y.

Thiên-Khôi và Thiên-Việt

Thông minh tú lệ và ưa sự thanh bạch. Tuy là người bản chất hiền lương, nhưng có uy vũ nên có phong thái uy nghi khiến người phải nể trọng.

Lúc nào cũng giữ được niềm hòa lạc, và là người có danh chấn viễn phương.

Khôi, Lương Thanh Việt, Cái Hồng

Trai cận cửu trùng, gái tác cung phi

Hồng, Khôi, Xương, Tấu đề huề

Sân rồng, bảng hổ danh đề một hai

Khoa, Quyền, Lộc, Mã Việt, Khôi.

Công thành danh toại, một đời hiển vinh.

Thiên-Mã

Tọa thủ Thân, Mệnh cung, gọi là dịch Mã chủ hiếu động, gặp nhiều cát tinh tất chủ đại lợi. Ngộ Lộc-tồn hay Hóa-lộc là cách đẹp vô song.

Duy rất kỵ lạc Không-vong và trở thành: “Tử tuyệt chi hương”.

Mệnh cung trung, đóng sao Thiên-Mã

Tại Dần cung, gọi Mã Trạng-Nguyên

Tể Tướng Mã, Thân cung an

Ô Truy Ngự-Sử, Hợi nhân Mã lâm

Phù thi Mã, Hình xâm Mã vị
 Xích thổ Mã, cung Tỵ Mã ngồi
 Mã Đà, triết túc quê rồi
 “Giao trì Lộc Mã” tiền tài đầy kho.

Lộc-Tồn

Tướng mạo đôn trọng, thông minh tú lệ. Tính chất lởi lạc, lòng dạ hiền từ nhưng rất sáng suốt và có ý thức bén nhạy. (cảnh trực)

Là người tài cao, học rộng, có mưu trí, cơ biến, nhưng rất hâm mộ đạo đức, nên hay làm lợi cho vật và giúp đỡ được người.

Mệnh có Lộc, ngộ Phá Không
 Cát vượng phản biến vì hung tức thời
 “Uyen ương Lộc hội” tốt vời
 Công danh hiển hách một đời giàu sang
 Song Lộc thủ Mệnh quyền chuyên
 Lộc Đảo, Mã Đảo hết phiên lại lo.

Kinh-Dương

Hình mạo phá tướng, dáng dấp lệch lạc. Tính chất thô bạo cương cường quả quyết hay tranh hơn với người.

Là người có lang tâm, cơ sảo kiêu trá, đơn độc bạo hành, thường lấy thân làm sơ đồi nhân làm oán.

Sao Kinh-dương chủ về hoạch lập công danh, ưa chuyện soán đoạt “năng đoạt quân tử chi quyền”.

Kinh-dương nhập miếu Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Tây Bắc sinh nhân được hưởng phúc.

Kinh cư Thìn, Tuất Sửu, Mùi
 Tam phượng cát chiếu, một đời giàu sang
 Mệnh viên Ngọ, tọa Kinh Dương
 “Mã đầu đới kiếm” biên cương trị vì.

Đà-La

Thân hùng, hình thô, phá tướng. Võ tính quật cường. Tính hạnh kiêu trá, thể thái cao ngạo, hay làm chuyện bất chính và phóng đảng bất định.

Số có Đà-La thủ Mệnh, không giữ được tổ nghiệp, không cư ngụ nhất định ở địa hạt nào. Hành sự phản hồi, hữu thủy vô chung, hoạn thành, hoạn phá.

Đà-la bản tính chẳng lành
 Dần, Thân, Tỵ Hợi đồng hành vượng cung
 Đà-la hãm địa tối hung

Cuộc đời cơ cực, bình bằng độ thân

Hỏa-Tinh

Mắt lớn lộ vẻ hung hãm, tâm địa lang độc và cương cường xuất chúng, lông mọc trong người khác lạ, môi răng và chân tay có nhiều vết tích.

Hỏa-tinh nhập miếu, nữ mệnh trinh lương, hãm địa phản vị tà dâm, hình phu khắc tử hoặc phải tàn toan lao khổ, đa thị phi cũng như không trọn được đạo làm vợ.

Hỏa-Tinh tọa thủ Dần, Mão, Tỵ Ngọ rất hợp cho người Đông Nam sinh nhân, nên được hưởng phúc nhỏ.

Hỏa-tinh lửa đốt tứ bề

Tý, Ngọ, Dần, Mão đề huề vượng cung

Hỏa cư Hợi, Ngọ Tuyệt đồng

Tham, Hình củng hội, lấy lừng uy danh

Hỏa-Tinh Điền-trạch độc hành

Cửa nhà tiền bạc tan tành ra gió.

Linh-Tinh

Tướng mạo có nhiều sự khác lạ, cốt cách phá tướng, mắt lớn, tâm địa độc hại, tính tình trầm lặng, nhiều khi thành lãnh đạm, nhưng gan to mặt lớn khác thường.

Nữ Mệnh tính tình cương ngạnh, kháng bối lực thân thương phu, khắc tử.

Linh tinh là điện lửa trời

Tý, Ngọ miếu địa, hãm thời Dậu, Thân

Linh-Tinh Thiên-Việt ở gần

Gió mưa sấm sét phải cần tránh xa

Kẻ mà sét đánh oan gia.

Hóa-Lộc

Chủ tài lộc, tối hỷ gặp Lộc-tồn

Hóa-Lộc thủ Mệnh cung

Tý, Ngọ, Mão, Dậu là vùng tốt tươi

Lộc-Tồn, Hóa-Lộc sánh vai

Chẳng bằng cung chiếu, đông đoài song phương

Hóa-Quyền

Chủ quyền thế, hỷ hội Cự-môn, Thất-sát

Hóa-quyền chủ thể anh hùng

Dần Mão Tý Hợi là cung miếu đường

Quyền hội Thất-sát Cự-môn

Công danh hiển hách, quyền tôn nhất Triều.

Hóa-Khoa

Hóa-Khoa chủ về thanh danh, tọa thủ Thân, Mệnh cung, thông minh hãn thế, Khoa hội với Thiên-cơ, Thiên-khôi thành cách tuyệt hảo.

Hóa-khoa chủ văn chương thi cử

Hội Dần Thân Tỵ thủ Mệnh cung

Công danh, khoa bảng hanh thông

Khoa tinh, vị tướng giải hung tuyệt vời

Hóa-Ky

Chủ thị phi, sao này đóng ở Mệnh, Thân suốt đời không được vừa ý, toại tâm. Nếu Ky cự Quan-lộc có phát đạt công danh cũng không bền vững.

Sao Hóa-Ky cùng cát tinh đóng ở miếu địa, biến được tính chất nguy ky.

Hóa-ky chính sao Kế-đô

Âm trầm, cơ sảo mưu đồ cạnh tranh

Hóa-Ky hội với Quyền tinh

Đường mây nhờ ở cơ mưu tuyệt vời

Hội, Tý, Dần, Mão Dậu, Thân

Sáu cung vượng địa, Ky tinh an bài.

Thiên-Không

Chủ sự phá tán và làm những sự trái ngược với đạo lý, cương thường. Mệnh cung có Thiên-không tọa thủ, là cuộc đời thành, bại đa đoan có một kết quả: “Vạn Sự Giai Không”.

Nếu hội với cát tinh cũng được phúc nhỏ

Hạng Võ anh hùng ngộ Thiên-Không táng quốc

Thạch Sùng hào phú, phùng Địa-Kiếp vong gia

Thiên-Không hội với Đào-Hoa

Cầm, Kỳ, Thi, Họa tài ba tuyệt vời

Cơ mưu quyền biến hơn người

Ngàn năm: mệnh bạc là đời tài hoa

Địa-Kiếp

Chủ hành động cuồng bạo sơ xuất, không hợp với đường ngay lẽ chính. Trong đời yêu ghét và động tĩnh bất thường. Thích làm những chuyện tà quái, hẹp hòi. Hội với cát tinh cũng được phúc nhỏ.

Hình, Riêu phân gái long đong

Ví chẳng lộn chồng, ắt cũng phản phu.
 Thiên-Riêu, Long, Phượng một nhà
 Thiên hương quốc sắc, nồn nà giai nhân.

Thiên-Khốc và Thiên-Hư

Tọa thủ hai cung Thân, Mệnh thành cách “Mộc, Bệnh, Tử, Tuyệt chi hương” chủ sự hình, thương, phiền não, thường ngày trong cuộc đời.

Khốc Hư tọa thủ Tý Ngọ cung là nhập miếu. Gia cát hoặc ngộ Lộc-Tồn, Hóa-Lộc tất được y thực phong túc.

Khốc, Hư Tý Ngọ cung Mệnh thủ
 Hội Mã Hình nghiệp võ hiển dương
 Khốc Hư hội với Kinh Dương
 Hữu sinh vô dưỡng, ngộ Tang mất người
 Hậu thành, tiên trở trong đời
 Bởi sao Hư Khốc cùng ngồi Mệnh-viên.

Hồng-Loan

Nhâm bình (ràng buộc) chi tinh. Hồng-Loan tại Dần, Mão, Tý, Hợi và miếu vượng địa, chủ sự thông minh, tú lệ, hòa nhã. Tam hợp Tử-vi thành Tinh Tiết (cờ Tinh, cờ Tiết) miếu đường, tất được cát khánh chi sự, trai lấy được vợ đẹp hiền thực, gái lấy được chồng cao sang quý hiển.

Hãm địa: dâm ta, đa đoan.

Sao Hồng-Loan hội cùng Tử, Phù
 Gái chính chuyên, thực nữ ngàn xưa.
 Hồng-Loan ngộ Kỵ cung Phu
 Gái ngồi quạt mồ, lòng dạ xồn xao
 Hồng Cơ Tấu Vũ, Hỷ, Đào
 Câu ca, điệu vũ nghề nào cũng tinh

Thiên-Hỷ

Chủ người có dung mạo tuấn mỹ. Ngộ-Thiên hỷ sớm thành gia thất.

Sao Thiên Hỷ, chủ mừng vui
 Thiên-Hỷ thủ mệnh, miệng cười có duyên
 Hỷ-Thần, Thiên-Hỷ, Hồng-Loan
 Ba sao đem lại hân hoan trong đời

Tam-Thai Bát-Tọa

Hai sao này được mệnh danh là: “Tử-vi chi phụ tá tinh” chuyên chủ về văn chương, sĩ tiến và cát khánh chi sự.

Tọa thủ Thân Mệnh cung là bậc túc nho thanh quý, tất gặp nhiều cát lợi, hoặc chủ hiển đạt thành bậc đại quý.

Lục hãm chủ cô đơn.

Giáp Bát-Tọa, giáp Tam-Thai

Thiếu niên sớm dự lâu đài nghênh ngang

Hỏa, Linh, Kinh, Tấu đồng ban

Tung hoành bút phượng trong làng văn nhân

Bút hoa vùng vẫy phòng văn

Tài riêng thiên phú người Tân, Tồn Đoài

Càn Hợi ngọc bút vẽ vờ

Mão Dậu bùa ấn, bút người Phát sự.

Long-Trì, Phượng-Các

Chủ về khoa, giáp, tọa thủ Thân, Mệnh cung là người thanh tú, linh lợi, nhã nhặn ôn hòa nhưng rất trịnh trọng.

Nam nhân gặp hai sao này, đắc cách “Phản Long, Phụ Phượng” tất được công danh hiển đạt, tái lộc phong hầu.

Nữ nhân mà gặp là người tú lệ, có cơ trí, có nhiều tài năng, và tâm trí kiên trì duy nhất.

Long-Trì, Phượng-các hai sao

Cung Mùi, cung Sửu dòng vào vượng thay

Riêu, Hỷ Khốc, “rồng mây gặp hội”

Chốn thi đình danh vọng vọi cao

Cái cùng Long Phượng Hồng Đào

Chủ quyền nội tướng, anh hào hàng hai

Phượng Long giáp Mệnh có tài

Trước sau vinh hiển ra ngoài nổi danh

Ân-Quang

Chủ sự hưởng thụ ân-diễn đặc thù.

Thiên Quý

Tọa thủ Thân, Mệnh là bậc tú khi, hào hiệp, thiếu niên kim bảng danh đề hiển hách.

Miếu vượng, chủ vị nhân xuất chúng, danh cao, tài lộc thịnh.

Tam hợp gác Văn-Xương, là người anh tuất thông minh tuyệt vời.

Mệnh Thiên-Quý chẳng phùng Không sứ
 Hội Khoa Xương sĩ tử nề vì
 Thông minh tài học ai bì
 Lọng vàng ngựa tía cờ khoe rợp trời.

Cô-Thần

Tọa thủ Mệnh hoặc Thân cung, nếu không được cát tinh hóa giải, chủ cô côi.
 Cô Thần, Quả Tú hai sao
 Thiết thân chẳng có bạn nào với ai
 Tử-Tức mà ngộ cả hai
 Gian truân vất vả về hai nhi sinh

Quả-Tú

Tại Mệnh hoặc Thân cung, không gặp cát tinh chủ cô quả.
 Quả Tú mà ngộ Thiên-Hình
 Tuổi già đầu bạc một mình không con
 Chữ rằng: “Họa phúc vô môn”
 Tam phương cát chiếu, có con muộn mản.

Phi-Liên

Tọa Mệnh hoặc Thân cung, không được cát tinh hóa giải, chú giải hóa chồng, đàn ông hóa vợ.
 Phi-Liên ngộ Hỏa, Linh, Hình, Việt
 Thành đạn tên bắt giết, hại thay
 Phi-Liên hội Mã, Hổ bay
 Công thành danh toại, rỗng mây gặp thời.

Thai-Phụ Phong-Cáo

Chủ phù trợ, tăng gia sự phú quý, hiển đạt
 Thai-Phụ, Phong-Cáo, Khoa tỉnh ngộ
 Bước công danh rộng mở đường mây
 Cát tinh hội với Cao Thai
 Công danh thẳng tiến, lâu dài nghênh ngang

Hoa-Cái

Hoa-Cái tọa thủ Thân, Mệnh hãm địa, tốt hơn là “Thí phát xuất gia” chứ không với nếp sinh hoạt trần gian.

Khôi, Lương, Thanh, Việt, Cát, Hồng

Trai cận cữu trùng, gái tác cung phi

Hóa-Quyền Hoa-Cái hội tề

Cùng Hồ, Long, Phượng quyền uy

Đại Tiểu Hao

Chủ sự hư hao, phá tán. Gặp Đại Tiểu Hao phải ly hương, bỏ tổ nghiệp. Nếu ngộ cát tinh, có sự hóa giải.

Song Hao thuộc Thủy đại hà

Mão Dậu thủ mệnh, chính là miếu cung

Cách là “Chúng Thủy Triều Đông”

Phát tài, phát lộc vào không bến bờ

Tham-lang ngộ Hao một nhà

Cầm vàng nhin đối, lệ hòa miếng ăn.

Thiên-Đức

Cũng là một cứu tinh, chuyên chủ hóa hung vi cát. Nhưng phải căn cứ vào các loại hung cát tinh ngộ phải, để quyết đoán phú quý, bản tiện hoặc cùng thông, thọ yếu được.

Thiên Nguyệt-đức ngộ Đào Hồng

Trai lấy vợ đẹp, gái chồng giàu sang

Thiên Nguyệt-đức tọa chiếu phương

Cùng là Quan Phúc trừ hung cứu người

Thanh-Long

Chủ vui vẻ hòa nhã. Chủ động về sự mưu cầu, công danh, hôn nhân. Nhưng nếu Thanh-Long cư Thìn, thành “Lưỡng Long” là đắc cách nhất.

Thanh-Long, Mệnh PHúc, Thân tọa thủ

Tại Thìn cung, mệnh Thổ, Âm Nam

Hóa-Kỵ chiếu hợp tam phương

Tuổi Đinh, Tuổi Kỷ toại đường công danh

PHÚ ĐOÁN MẠNH THÂN CUNG

Ngôi Tử-vi lâm vào chốn hãm

Quyền cứu nguy thiếu giảm vô uy

Phủ phùng Không xứ tài suy

Chung tân nam bảo tự cơ lưu truyền
Phượng Long Mão Dậu đôi miền
Vượng thì kim bảng ghi tên ngao đầu
Mấy người bắt hiển công danh
Chỉ vì Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi
Quý Ân Mùi Sửu hạn lưu
Đường mây nhẹ bước danh cao bằng rồng
Ân Khôi Quý Việt Cái Hồng
Nam cận cứu trùng nữ tác cung phi
Công danh đợi tuổi tác cao
Giáp Liêm giáp Sát một hào không sai
Giáp Bát-tọa giám Tam-thai
Thiếu niên đã dự các đài nghênh ngang
Giáp Long giáp Phượng mấy ai
Trước sau vinh hiển ra ngoài nổi danh
Những người nên thiếu công danh
Hồng-Loan, Bát-tọa ở mình không sai
Hồng Cơ Tẩu Vũ Hỷ Đào
Gái nghề ca xướng luận vào Mạnh-viên
Hồng-Loan ngộ Kiếp Không lâm thủ
Xá bàn chi bản lũ yếu vong
Tham Liêm Ty Hợi không bàn
Chàng Tiêu thuở trước tân toan ngục hình
Thiên Nguyệt-đức Giải-thần tàng
Cùng là Quan Phúc một làng trừ hung
Luận xem phú quý mấy người
Mạnh vô chính diệu trong ngoài tam Không.
Tọa Quý hướng Quý chẳng phùng Không xứ
Gặp Khoa thời nhất cử thành danh
Ấn mang vị liệt công hầu
Sao lành Tướng Cáo hội châu Mạnh-viên
Đào Hồng Sát Phá Tham Liêm
Lâm vào nữ phái chỉ hiềm sát phu
Tang Đào ở Mạnh cung sau trước
Gái đã đành lỡ bước cầu ô
Vận lưu đại tiểu trùng phùng
Cát thời thịnh vượng, hung thời chuân chuyên

Dương Đà xâm chiếm Mạnh-viên
 Nói năng loạn thuyết những phường điêu ngoa
 Lỗ tai điếc lác lo phiền
 Dương Đà Không Kiếp Cự miền Mạnh-viên
 Miệng ấp úng nói không ra tiếng
 Vì Tuế Đà Riêu Cái Mạnh cung
 Kỵ tinh Xương Khúc đồng cung
 Nhan-Hồi yếu tử nghĩ thương anh tài
 Cơ Loan Hồng Phúc Mạnh trung
 Cửi canh kim chỉ vá may thêu thừa
 Trai bất nhân Phá-quân Thìn Tuất
 Gái bạc tình Tham Sát nhân cung

PHÁ QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân Tý Ngọ hội Văn-xương
 Tả Hữu song song nhập miếu tang
 Tài-bạch phong danh đa khẳng khái.
 Lộc quan chiêu trứ tá quân vương.

TÍNH LÝ CHƯ TINH AN TẠI

CUNG HUYNH ĐỆ

Tử-Vi

Có ba anh em, nhưng người trưởng tử phải ở địa vị y kháo (thay đổi tên họ và sống tựa vào phúc âm một nhà khác).

Nếu gia Dương Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp tất có sự khắc hại. Anh em bất hòa.

Thiên-Cơ

Miếu vượng trong hai anh em được một người quý hiển.

Hãm địa, anh em chống báng nhau, không nhất tâm với nhau.

Gia Dương Đà, Hỏa Linh, Không Kiếp, tuy vẫn có anh em nhưng khắc hại, không có sự hòa mục trong gia đình.

Thái-Dương

Miếu vượng cả ba anh em

Hãm địa, anh em bất hòa

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không Kiếp bị giảm đi một nửa.

Vũ-Khúc

Miếu vượng tuy được hai anh em, nhưng khiếm hòa.

Hãm địa và gia sát tinh, chỉ một người.

Gia Xương, Khúc, Tả Hữu được ba người.

Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất phải cô đơn

Thiên-Đồng

Miếu vượng cung tọa thủ, được bốn hoặc năm anh em.

Hãm địa chỉ được hai người thôi.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp bị giảm bớt, hoặc anh em phải phân cư mới tránh được sự bất hòa, lục đục trong gia đình.

Liêm-Trinh

Tọa thủ cung miếu vượng được hai anh em.

Hãm địa không có anh em nào.

Gia cát tinh, được một.

Thiên-Phủ

Có được năm anh em

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chỉ còn hai.

Thái-Âm

Nhập miếu được năm người

Hãm địa còn ba và bất hòa

Cùng Khoa, Quyền đồng cung, được bốn hay năm anh em.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chẳng những bị giảm một nửa mà còn có sự khắc hại nữa.

Nên phân cư để tránh sự chống đối lẫn nhau.

Tham-Lang

Miếu vượng được hai anh em nhưng bất hòa.

Hãm địa, có anh em khác bào, nhưng cũng vẫn phải phân cư.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp bị cô khắc.

Cự-Môn

Miếu vượng được hai anh em và khiếm hòa

Hãm địa, phải khác dòng và phải phân cư

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất hình khắc và cô đơn.

Thiên-Tướng

Nhập miếu, được bốn hoặc năm người.

Bình địa, chỉ có hai hoặc ba.

Hãm địa, ngộ Dương, Đà Hỏa, Linh, Không, Kiếp toàn vô.

Thiên-Lương

Miếu vượng được hai anh em và thuận hòa, nếu nhiều hơn tất bất hòa hoặc khắc bào.

Hãm địa, phải khác dòng và phải phân cư.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp có rất ít anh em.

Chủ sự cô khắc.

Thất-Sát

Tọa thủ tại Tý, Ngọ, Dần, Thân cung tất có được ba anh em và bất hòa, hoặc có anh em dị bào.

Gia xương, Khúc, Tả Hữu, anh em hòa mục.

Phá-Quân

Nhập miếu có ba người và bất hòa

Hãm địa gia hung, sát bị cô đơn

Gia, Xương, Khúc, Tả, Hữu, có được ba anh em và hòa thuận với nhau.

Văn-Xương

Dù tọa thủ tại bất cứ cung nào cũng có được ba anh em.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh tại miếu, vượng cung không bị khắc hại.

Văn-Khúc

Tọa thủ tại một trong mười hai cung đều có ba anh em.

Tại miếu vượng cung dù gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh cũng không có sự khắc hại.

Tại hãm địa ngộ Không Kiếp toàn vô.

Tả-Phụ.

Được ba anh em.

Cùng Thiên-đồng, Xương Khúc đồng cung, được bốn hoặc năm người.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh được hai người.

Gia Không Kiếp khiếm hòa, khiếm lực.

Hữu-Bật

Có được ba anh em

Cùng Tử-vi, Phủ, Tướng, Xương, Khúc đồng hội được bốn hoặc năm người.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, bất hòa.

Khôi Việt Khoa

Không chủ động về nhân số.

Quyền-Lộc

Chủ trong anh em có được hiển quý

Lộc-Tồn

Gặp các sao tương sinh có đông anh em

Ngộ sát tinh, có sự khắc hại và chiêu oán.

Kinh-Dương

Chủ sự khắc hại.

Nếu tọa thủ miếu cung (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) có một người.

Gia nhiều cát tinh được hai hoặc ba người.

Tọa thủ hãm địa, toàn vô.

Đà-La

Chủ sự khắc hại.

Nhập miếu, được một

Gặp nhiều cát tinh được hai hoặc ba người.

Hãm địa, không có anh em.

Hỏa-Tinh

Nhập miếu có được ba anh em.

Gia Liêm, Sát, Phá, Linh bị cô khắc.

Nếu lạc hãm, toàn vô.

Linh-Tinh

Miếu vượng hội với cát tinh, có được ba người.

Hãm địa, chủ cô đơn.

Gia Dương, Đà Không, Kiếp, toàn vô.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Anh em được ba người.

Hội Xương, Khúc, Tả, Hữu được tới sáu hoặc bảy người anh em.

Tử-Vi Tham-Lang

Có được ba anh em.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Được ba hoặc bốn người.

Tử-Vi Thất Sát

Chỉ được hai anh em là cùng.

Tử-Vi Phá-Quân

Có được ba anh em

Nếu có nhiều hơn tất phải là anh em khác mẹ.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Được hai hoặc ba anh em.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Được hai người.

Nếu có nhiều hơn, tất huynh đệ huých tướng.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Chỉ được hai anh em là cùng.

Thất-Dương Thái-Âm

Hội với cát tinh được năm người

Hội với hung sát, bất hòa mục.

Thái-Dương Cự-Môn

Không gặp sát tinh có ba anh em, nhưng không được hòa thuận.

Gia Xương, Khúc, Tả Hữu, anh em thuận, hòa trong nhà đầm ấm.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Được bà người và bất hòa.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Được hai anh em thôi.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Có một người.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Anh em ba người, nhưng bất hòa.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Được từ bốn tới năm anh em.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Không có sát tinh, được hai hoặc ba anh em.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Được hai hoặc ba người.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Có được ba anh em

Liêm-Trinh Tham-Lang

Nếu có anh em tất phải bất hòa, chiêu oán hờn.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Chỉ có được hai anh em

Liêm-Trinh Thất-Sát

Chỉ có độc một người.

Liêm-Trinh Phá-Quân

Duy chỉ được một người.

Các sao ở trên nếụ ngọ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Ky, tất bị giảm thiểu hoặc có sự bất hòa mục.

Nếu là trường hợp có ít anh em, tất giảm miễn được sự hình khắc.

PHU ĐOÁN HUYNH ĐỆ CUNG

Cung Huynh-đệ Triệt tuần lâm thủ
 Chim đầu đàn vỗ cánh bay cao
 Kiếp Không hai gã khá ngửa
 Lâm vào Huynh-đệ đơn sơ một mình
 Phát phùng Hình Kỵ Huynh hương
 Anh em bất thuận nhiều đường tương tranh.

TÍNH LÝ CHƯ TINH AN TẠI CUNG PHU-THÊ

Tử-Vi

Trai lấy được vợ đẹp, gái lấy được chồng quý hiển, trăm năm hòa hợp.
 Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh chủ hình khắc.

Thiên-Co

Nam Mạng tính cương, sớm lập gia thất và vợ trẻ, đẹp.
 Nữ Mạng lấy chồng nhiều tuổi hơn.
 Gia, Dương, Đà, Hỏa, Linh nếu lập gia thất sớm, bất hòa và phải phân ly.
 Lập gia thất muộn, được vui chữ xướng tùy tới lúc răng long đầu bạc.

Thái-Dương

Tọa thủ miếu cung, lập hôn sự sớm thì vợ chồng sẽ bất hòa.
 Muộn, vợ chồng mới hòa hợp và làm ăn mới được thịnh vượng.
 Nam Mạng lấy được vợ quý.

Vũ-Khúc

Chủ sự hình khắc trong đời sống lứa đôi.
 Nếu lập gia thất muộn, vợ chồng sẽ đồng lứa đồng tuổi với nhau, và hòa thuận.
 Hội với cát tinh, có duyên được vợ được của.
 Phùng hung tinh sẽ rước phải “oan gia” về phá gia, phá nghiệp.
 Nữ Mạng lấy được chồng quý hiển.
 Ngọ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất có sự hình khắc.

Thiên-Đồng

Lập gia đình muộn, vợ chồng sẽ được bách niên giai lão.
Trai lấy được vợ trẻ, đẹp, thông minh.
Gái lấy chồng nhiều tuổi hơn mình.
Hăm địa, vợ chồng xung khắc.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, vợ chồng không hòa thuận phải phân ly.

Liêm-Trinh

Trair phải ba mươi vợ mới thành
Gái cũng ba đời chồng mới đúng số
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh vợ chồng tất phải sinh ly.

Thiên-Phủ

Vợ chồng rất mực sủng ái, tương kính như tân.
Trai lấy vợ đẹp, trẻ hiền thực.
Gái lấy chồng đứng tuổi nhưng quý hiển.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp nếu tảo hôn tất bị hình khắc.
Trì hôn bách niên giai lão.

Thái-Âm

Nhập miếu, phu thê hòa hợp, vui chữ xương tùy trong cảnh chồng sang, vợ đẹp.
Hội Xương, Khúc cực mỹ.
Nam Mạng có nhiều vợ đẹp, thông minh, tú lệ.
Nữ Mạng lấy chồng sớm và gặp chồng đứng tuổi.
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Kỵ tuy không khắc nhưng chủ sự phân ly.

Tham-Lang

Nhập miếu, chậm lập gia đình mới được cát vượng tảo hôn tất bị hình khắc.
Nam Mạng ba lần bắc nhịp cầu ô.
Nữ Mạng lấy chồng đứng tuổi sau khi phải trắc trở hai ba phen.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh chủ phân ly.

Cự-Môn

Nam Mạng hợp với chồng đứng tuổi.
Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh nhất định phải hai đời vợ hoặc chủ sinh ly.

Thiên-Tướng

Trai lấy vợ đẹp hiền thực

Gái lấy chồng đứng tuổi, chồng lại là người quen thuộc “thân thương thành thân”.

Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chủ sự hình khắc.

Thiên-Lương

Lấy vợ có tác người đồ sộ, tuy nhiên vẫn sinh sản, có duyên.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp vợ chồng không được hòa thuận.

Thất-Sát

Cả trai lẫn gái đều không thể sớm lập gia đình được.

Hôn nhân trễ muộn, mới tránh được hình khắc trong cuộc sống chồng vợ.

Hội Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp ba lần sang đổi mới cầu được người.

Văn-Xương

Trai lấy được vợ đẹp, đảm đang, thông minh.

Gái lấy được chồng vinh hiển.

Gặp Thiên-Cơ, Thái-Dương đồng cung là vợ chồng đẹp lứa, vừa đôi, ngồi nhìn nhau cũng đủ no lòng, mát dạ.

Tối kỵ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp hãm địa.

Văn-Khúc

Nam Mạng sớm lấy được vợ hiền thực

Nữ Mạng lấy chồng đứng tuổi

Hội Văn-Xương, Cơ Nguyệt là trai có năm thê bảy thiếp.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp Ky, tất có sự hình khắc trong đời sống vợ chồng.

Tả-Phụ

Nam Mạng lấy vợ trẻ tuổi.

Hữu-Bật

Kiến Xương, Khúc vợ xinh đẹp, mỹ mạo

Kiến Cơ Nguyệt nhiều vợ

Nữ Mạng, lấy chồng hiền quý

Cùng Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp Tham, Liêm hội tất phải lấy người vợ nhiều tuổi và tính khí cương cường.

Nếu hai sao Dương, Đà nhập miếu, lại hợp với cát tinh phải chậm lập gia thất mới tránh được sự hình khắc.

Hãm địa chủ sớm khắc.

Gia Nhật, Nguyệt, Cự, Cơ, Hỏa, Linh Vũ, Sát chủ sự sinh ly.

Phụ, Bật phải hai đời vợ.

Khôi Việt Khoa

Nam lấy được vợ có chức phận

Quyền-Lộc

Nữ lấy được chồng vinh hiển

Lộc-Tồn

Dù nam hay nữ, hôn sự muộn mới được cát vượng.

Nam lấy được vợ trẻ đẹp

Nữ nếu gặp tứ Sát-tinh, nên phải thay đổi chỗ ở hôn nhân mới thành.

Ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp và sao Triệt tất phải cô độc.

Thiên-Mã

Hội với cát tinh, cả hai vợ chồng đều là những người hiển quý.

Riêng nam Mạng có số được cả vợ lẫn tiền của.

Dương Đà

Dương hoặc Đà nhập miếu cung, vợ chồng vui chữ xương tùy cho đến lúc răng long đầu bạc.

Hãm địa, chủ hình khắc.

Hỏa Linh

Tọa thủ miếu vượng cung, hội cát tinh vợ chồng hòa thuận bách niên giai lão.

Hãm địa chủ khắc.

Nếu lập gia thất muộn, miễn khắc.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Hòa hợp, bách niên giai lão “đáo lão vinh xương”

Tử-Vi Tham-Lang

Hội với cát tinh vợ chồng hòa thuận đến trăm năm đầu bạc.

Nam Mạng nếu lấy người vợ nhiều tuổi hơn mới hợp với mạng số.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Nếu vợ nhiều tuổi hơn chồng gia đình được thuận hòa, làm ăn thịnh vượng và vợ chồng bách niên giai lão.

Tử-Vi Thất-Sát

Tảo hôn hình khắc.

Lập gia đình muộn vợ chồng mới hòa thuận, và vợ chồng mới cùng nhau trăm năm đầu bạc được.

Tử-Vi Phá-Quân

Phải là vợ nhiều tuổi hơn chồng, mới có được sự ấm trong gia đình và làm ăn mới được thịnh vượng.

Thiên-Cơ

Ngộ Triệt hay Tuần mới là đắc cách.

Thái-Âm

Vợ trẻ đẹp, đảm đang, hiền thực.

Thiên-Cơ

Vợ chồng bất hòa.

Cự-Môn

Chủ phân ly, mỗi người mỗi ngả.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Vợ nhiều tuổi hơn chồng, nhưng sinh đẹp, đảm đang và hiền thực “Hiền mỹ chi thể”.

Thái-Dương Thái-Âm

Được sự phù trợ về âm phần.

Vợ chồng hưởng phúc đến trăm năm đầu bạc trong cảnh phu, xướng phụ tùy.

Thái-Dương Cự-Môn

Nếu không gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không Kiếp tất vợ chồng vui cảnh xướng tùy.

Gặp tứ Sát và Không Kiếp nhất định có sự hình khắc.

Thái-Dương Thiên-Lương

Hội với hai sao Tả-Phụ, Hữu-Bật, tất gặp được người vợ “Hiền Minh Chi Thê”.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Phải có sự trở trắc chậm trễ về hôn-nhân đời sống vợ chồng mới hòa hợp và bền chặt tới lúc răng long đầu bạc.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Tảo hôn hình khác.

Lập gia thất trễ, muộn, vợ chồng mới hòa hợp và làm ăn cát vượng.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Chủ phụ phụ bất hòa.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Phải đôi ba lần mới bắc được nhịp cầu Ô-Thước.

Nếu chậm tính chuyện hôn nhân, mọi sự đều hanh thông và vợ chồng hòa thuận

Vũ-Khúc Phá-Quân

Duyên nợ mắc mớ, hôn nhân trắc trở.

Ba lần đứng vai tân lang, mới tạo dựng được gia thất vững bền.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Có Âm phù Dương trợ trong cuộc xây dựng hôn nhân.

“Cơm hẩm ăn với cà kho”

Chồng đẹp, vợ đẹp, những no vì nhìn.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Có được vợ hiền thực đảm đang, tạo dựng gia đình hòa thuận, bách niên giai lão.

Hội Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp có sự hình khắc trong đời sống chồng vợ.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Chồng đẹp mà vợ cũng xinh.

Mãn đời mãn kiếp chỉ nhìn đủ vui.

Liêm-Trình Thiên-Phủ

Chàng cứng nàng lại rắn hơn

Nhưng vẫn đầm ấm chẳng hờn, chẳng lo

Liêm-Thâm

Chữ rằng: “Duyên nợ an bài”

Trăm năm, chẳng có hòa hài cùng nhau.

Liêm-Tướng

Tọa thủ miếu cung phu thê hòa hợp.

Hăm địa: anh đường anh tôi đường tôi.

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.

Liêm-Sát

Chàng bảo gà, nàng bèn bảo quạ

Chuyện tơ duyên anh ả đôi nơi

Liêm-Phá

Nhân duyên vốn định bởi Trời

Vô duyên nên mới mỗi người mỗi phương

Dù cho xa cách nhớ..., thương.

Các tinh dĩ thượng, nếu ngộ Hung, Sát, như Dương Đà, Hỏa, Linh, Kiếp, Kỵ vốn dĩ hình khắc, lại càng trầm trọng thêm.

Ví bằng không gặp sự hình khắc, tất phải có chuyện bất hòa, hoặc sinh lý.

PHÚ ĐOÁN THÊ CUNG

Vợ chồng viễn phối tha phương

Đào Hồng đối chiếu vào làng Thiên-di

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào Hồng

Trai lấy vợ đẹp gái lành chồng sang

Vợ về cửa có muôn vàn

Ân-quang Nguyệt-đức, Thái-dương Mã đồng

Ai mà Thiên tướng Đào Hồng

Ai mà Thiên mã Lộc phùng Thanh Long

Sao Thai mà ngộ Đào Hoa

Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng

Hoa-Cái Phượng-các Đào Hồng

Trai toan nề vợ trong lòng khôn khuây

Phu cung Hóa kỵ một mình

Tơ tình chưa dứt mối tình đã xui
 Thiên Riêu bất chính cả đôi
 Liêm-Trinh viễn phối ở nơi bần hàn
 Khúc Xương ấy gái chẳng lành
 Vườn xuân ong bướm hiệp tình thung thăng.
 Phụ Bật hội Thái-Âm nhân
 Gái làm bà đỡ, cứu đàn nhi sinh
 Hình Riêu số gái long đong
 Ví chẳng lộn chồng ắt cũng phản phu
 Đào Riêu số gái ai hay
 Chồng ra khỏi cửa giết tay trai vào
 Triệt Tuần ngộ Mã Hình, Thê vị
 Vợ bỏ chồng đào tỵ tha hương
 Đào tình mọc ở Nô cung
 Gái ngoan mắc tiếng bất trung cùng chồng
 Vợ chồng nay giận mai hờn
 Phục-binh Hóa-ky nơi tòa Phu Thê

CHU TINH ĐÓNG CUNG TÀI BẠCH

Tử-Vi

Phong túc xương tương (hòm xe) gặp Tả-Hữu tắc vi “tài phú chi quan” (đầy tiền bạc).
 Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tắc bất khả vượng.

Thiên-Cơ

Lao tâm, phí lực. Tay trắng làm ra, tới già mới thành tựu.
 Gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, một đời lúc thành lúc bại.

Thái-Dương

Nhập miếu tất được Tài-Bạch phong thịnh. Hãm địa lao lực bất tọa. Cùng Lộc Tồn đồng cư “thao tâm đắc tài chi đại phú”.

Vũ-Khúc

Nhập miếu phong túc, hoa cát hữu Cự vạn gia tư, vô các náo trung thiên tai.
 Hãm địa gặp Dương Đà Hỏa Linh thì tài lai tài khứ.
 Cung Tài-Bạch tối kỵ Không vong.

Thiên-Đồng

Bạch thủ sinh tài, nhưng về già mới tốt. Hãm địa bị hao phá. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì: Cữu lưu nhân sinh tại thành gia (Ba chìm bảy nổi).

Liêm-Trinh

Miếu vượng náo trung sinh tái (làm ra tiền tại nơi quần hội). Hãm cung tiền nan hậu di. Nếu gia Hao Kiếp Thiên Không, thường bị hao phá tiền tài, quan sự.

Thiên-Phù

Tài bạch phong thịnh. Nhưng gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phải khi thành khi bại.

Thái-Âm

Miếu vượng phú túc đa tài. Hãm địa thì khi thành khi bại không bền.

Cùng Lộc-tồn, Liêm-trinh và Tả-Hữu đồng cung. Đại phú

Tham-Lang

Miếu vượng hoành phát. Hãm địa bản cùng.

Gặp Hỏa Linh, ba chục năm trước khi thành khi bại, ba chục năm sau mới hoành phát.

Cự-Môn

Bạch thủ làm nên, nhưng làm ăn tại những nơi thị tứ. Tuy nhiên, không thể đặt cao vọng, vì lẽ vị cao hoành phát.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phá tài đa đoan.

Thiên-Tướng

Tài bạch phong túc, gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Ky, khi thành khi bại không tu tích được bao.

Thiên-Lương

Phú túc. Nhập miếu thượng đẳng phú quý. Hãm địa phải “tân cần cầu tài” tức là cần kiếm khó nhọc mới kiếm được.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì trước khó sau dễ, nhưng cũng phải cần túc độ nhất.

Thất-Sát

Tại Dần Thân Tý Ngọ hoành phát.

Hãm địa phải lao碌 mới có tài.

Phá-Quan

Tý Ngọ cung, có nhiều kim ngân bảo bối xúc tích.
Hãm địa thì phá tài bất tỵ. Gia Không Kiếp cực bản cùng.

Văn-Xương

Miếu vượng thì Phú túc, Gia cát tinh, tài khí vượng. Hãm địa phá hao. Cùng với Cự-môn giàu có.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp làm cảnh “Hàn Nho Bối”

Văn-Khúc

Miếu vượng được phú túc. Gia cát tinh “đắc quý nhân tài”. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thì được đông mất tây, thành bại bất tỵ.

Tả-Phụ Hữu-Bật

Cư cung nào cũng được Tài-bạch phú túc. Hội cát tinh được quý nhân tài.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thành bại bất tỵ.

Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc

Thì thanh cao nhưng được nhất sinh toại ý về trung vận trở đi.

Lộc-Tồn

Phú túc sừng sững (tiền bạc đầy kho) đòi kim tích ngọc. Gia cát mỹ tinh, không phải khó nhọc mà tài tự đến.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ trước nghèo sau khá.

Dương-Đà

Nhập miếu “náo trung sinh tài” tức phải kiếm ăn nơi thị tứ. Hãm địa dù có tân cần cũng tự tài được.

Gia Không Kiếp thì được phía này, mất phía kia.

Hỏa-Linh

Nhập miếu và độc thủ hoạnh phát, hoạnh phá. Hãm địa phải lao khổ mới có tiền tài được.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Cự phú tự tích, bền vững suốt đời.

Tử-Vi Tham-Lang

“Thủ hiện thành gia kế” tức là phải nên gìn giữ lấy gia sản được thừa hưởng chứ không nên tính xa hơn. Có như vậy về sau mới được phong thịnh.

Tử-Vi Thất-Sát

Gia cát tinh, tài bạch hoạch phát.

Tử-Vi Phá-Quân

Trước khó và hao phá. Sau mới dễ và kiếm được.

Thiên-Cơ Thái-Âm

(Đắc Tuần hay Triệt) Tay trắng làm nên sự nghiệp “bạch thủ sinh tại thành gia”.

Thiên-Cơ Thiên-Lượng

Phải dụng cơ mưu, xảo kế để có ngoại tài. Và dù có lao tâm, tổn lực cũng không có được nhiều. Nhất là phải thay đổi chỗ, mới thành gia.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia Tả Hữu cát tinh, phát tài không nhỏ, nhưng trước ít sau mới nhiều.

Thái-Dương Cự-Môn

Tảo niên khi thành khi bại. Từ trung vận tới già mới được sung mãn.

Thái-Dương Thiên-Lượng

Phải mưu tính mới có tiền, và thành đại phú được.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Một đời phú túc.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Ba chục năm sau mới phát tài được.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Tài-bạch phong thịnh. Ngộ quý tinh làm nên sự nghiệp.

Gia Dương Đà Hỏa Linh, phải khó nhọc về nghề nghiệp mới kiếm được tiền.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Bạch thủ sinh tài, tạo thành được sự nghiệp.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Đồng tới Tây đi, trước nghèo sau có. Về già mới được toại ý.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Chung thân giàu có.

Phi-Đồng Cự-Môn

Bạch-thủ thành gia. Dù có trôi nổi nhưng vẫn gặp may mà thành. Khi gặp vận bĩ đều có cơ hội tiến.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Tay trắng làm ra tiền, làm nên giàu có vượt xa cha ông.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Gia cát tinh, giàu có xa hoa. Nhưng không gặp cát tinh cũng làm nên.

Liêm-Trinh Tham-Lang

Hoạnh phát, hoạnh phá. Gặp Hỏa Linh hoạnh phát

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Buôn bán phát tài, làm sự nghiệp phú túc.

Liêm-Trinh Thất-Sát

Phải buôn bán nơi thị tứ mới thịnh đạt (Náo trung tiến tài).

Liêm-Trinh Phá-Quân

Trước khó sau thành. Và phải lao tâm mới kiếm ra tiền.

Các sao tọa thủ như nói ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thời sự làm ăn không thể thịnh vượng bằng không tất phải tan tài. Hoặc phải khó nhọc, cay đắng mới kiếm được.

PHÚ ĐOÁN TÀI BẠCH CUNG

Lộc-tồn Thiên-Mã cùng Gia

Có người buôn một bán ba nên giàu

Song Hao Hội tại Phúc Tài

Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu

Ấy ai phúc lộc đề đa

Vũ Lộc Thiên-mã chiếu hòa Tài cung

Ấy ai danh lợi thông dong
 Bởi vì Tả Hữu hội đồng Đế tinh
 Ấy ai địch quốc tiếng đồn
 Bởi vì Thiên-mã hội cùng Tràng-sinh
 Tứ-sát đóng ở Hợi cung
 Khi hết lại có khi vơi đầy
 Phá-quân đóng ở Tài cung
 Đồng tiền lên xuống lựa dòng nước xuôi
 Số ai đầm ấm thanh nhàn
 Vì chưng Tả Hữu hội ba Khoa Quyền
 Nghèo hèn bởi tại Kiếp Không
 Dương Đà Linh Hỏa long đông bốn tri
 Song Hao lâm đến Phúc Tài
 Nhọc lòng uổng phí công ai giữ tiền

✽

THIÊN-LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên-lương ngộ Hỏa lạc nhận cung.
 Đà Sát trùng phùng cánh thị hung
 Cô hình đái tật phá gia tài.
 Không-môn kỹ nghệ khả dinh công

TẬT-ÁCH CUNG CHỦ TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Ít tai tật. Nếu có bệnh tật cũng gặp lương y. Cùng Kinh-Dương Linh-tinh chủ hữu ám tật Gia Không Kiếp chủ tâm khí tật.

Thiên-Cơ

Cưỡng bao (chửa ngoài dạ con) đa tai. Chủ nhiệt độc thấp khí tật. Hãm địa, đầu diện phá Tướng. Gia Dương Đà hãm cung, hữu mục tật, chân yếu tay mềm (tử chi vô lực).

Thái-Dương

Đầu phong hàn ôn chi tật, hãm chi địa mắt có tật.

Vũ-Khúc

Cưỡng bao (chửa ngoài dạ con) đa tai. Tại đầu mặt và chân tay có thương tích, hoặc có bệnh phong đàm. Nếu cùng Dương Đà một cung, thì suốt đời nhiều đại hoạn.

Thiên-Đồng

Nhập miếu, ít tai ương. Tọa thủ hãm cung, có cát tinh thì bình thường, hoặc khí tật, bệnh hàn nhiệt, hoặc bị chứng phong tà.

Liêm-Trinh

Cưỡng bao tai sang, có tật ở lưng và chân. Nhập miếu và gia tinh được bình hòa.

Thiên-Phủ

Ít tai ách. Nếu có vướng tai ách, tất có người cứu ngay.

Thái-Âm

Miếu vượng, vô tai. Hãm địa tai nạn thường nhiều. Nam nhân chủ lao thương. Nữ nhân chủ thương tàn huyết khí chi tật.

Cùng Dương Đà Hỏa Linh, có mục tật. Nếu gia thêm Không Kiếp mắc bệnh phong cùi.

Tham-Lang

Miếu vượng ít tai nạn. Hãm địa có nhiều tai nạn.

Gia Dương Đà bị bệnh trĩ và mắc tật về tửu sắc. Gia Hỏa Linh mắt kém.

Cự-Môn

Thời niên thiếu mắc chứng nùng huyết. Gia Dương Đà Hỏa Linh bị bệnh về sắc dục. Gia Hóa Kỵ phải lo về các bệnh Tai và Mắt.

Thiên-Tướng

Miếu vượng ít tai ách, nhưng mặt và da vàng thủng. Hay mắc chứng bệnh về huyết khí và ở bì phu. Nếu hãm địa bị tàn tật.

Thiên-Lương

Ít tai ách. Gia Hỏa Linh bị tàn tật.

Thất-Sát

Ấu thời đa tai. Khi lớn hay mắc bệnh trĩ.

Phá-Quân

Thời thơ ấu hay bị sang tật (mụn nhọt) chứng Nùng Huyết vàng ồng.

Văn-Xương

Độc thủ, ít tai ách. Cùng nhiều cát tinh, suốt đời không có tai ách nào. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp nhiều tai ách.

Văn-Khúc

Ít tai nạn. Gia cát tinh nhất sinh vô hại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tọa hãm cung, có tai ách đến ngay.

Tả-Phụ

Độc thủ được bình hòa. Gia cát tinh ít tai ách, và nếu có mắc tai ách tất được giải cứu ngay. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thường mắc ta ách.

Hữu-Bật

Độc thủ được bình hòa. Nếu mắc tai ách tất được giải cứu. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp hay bị tai ách.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Ít tai ách, dù có mắc vướng, cũng được giải cứu ngay.

Lộc-Tồn

Thiếu niên đa tài, gia cát tinh ít bị tai ách. Kiến Hỏa Linh tay chân bị thương tàn. Gia Không Kiếp tự chuốc ám tật và lâu khỏi.

Kình-Dương

Bị mắc chứng đầu phong, hoặc chứng tứ chi bại hoại. Mắt và Đầu pha tướng, nhưng vẫn sống lâu. Gia cát tinh tai ách qua khỏi.

Đà-La

Thiếu niên tai ma (có bệnh nhưng lần lần khỏi). Môi răng đầu mặt có thương phá. Nhưng có thể sống lâu.

Hỏa-Linh

Nhất sinh tai thiếu, thân thể kiên, vượng, tuy nhiên hay bị bệnh ngoài da (chốc, ghẻ).

Tử-Vi Thiên-Phủ

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp hay mắc chứng phong tật.

Tử-Vi Tham-Lang

Ít tai nạn.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Ít tai nạn, nhưng da nhẵn và vàng.

Tử-Vi Thất-Sát

Ít tai ách

Tử-Vi Phá-Quân

Ít tai ách, nhưng mắc chứng huyết khí bất hòa.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Hay bị mụn nhọt

Thiên-Cơ Cự-Môn

Mắc chứng huyết khí

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Hạ bộ có tật.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia cát tinh nhất sinh ít tai ách. Gia Hòa Kỵ Dương Đà Hỏa Linh bị nhấn tật. Gia Không Kiếp mắc phong tật.

Thái-Dương Cự-Môn

Mắc chứng phong đầu thống

Thái-Dương Thiên-Tướng

Tọa thủ tại mao cung ít tai ách. Nhưng nếu đóng ở cung Dậu bị mục tật.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Ít tai ách

Vũ-Khúc Tham-Lang

Ở cung miếu vượng, không bị tai ách. Hãm địa, và gia Dương Đà Hỏa Linh mắc bệnh trĩ, chứng phòng sang, hoặc bị bệnh tật ở tay chân, và ở mắt.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Gia Dương Đà Hỏa Linh là phá tướng bị ám tật.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Hay mắc huyết chứng. Gia Dương Đà Hỏa Linh, thủ túc thương tàn.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Bị mục tật (hay đau mắt)

Thiên-Đồng Thái-Âm

Gia Hỏa Linh, nhiều tai ách. Gia Dương Đà hãm địa chủ đa bệnh hoạn và hay bị chứng huyết khí.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Mắc chứng tâm khí hoặc chứng phong ngứa tại hạ bộ. Gia Dương Hỏa mắc bệnh về tửu sắc. Gia Hòa Kỵ, mắc bệnh về Tai và Mắt.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Vong, bán đồ thương tàn (bán thân bất toại).

Liêm-Trinh Tham-Lang

Hãm địa hay bị tai ách, hoặc bị đau mắt.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Ít tai ách. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thủ túc thương tàn (chân tay mắc tật).

Liêm-Trinh Thất-Sát

Hay mắc chứng mục tật. Gia Dương Đà Hỏa Linh, chủ tứ chi thương tàn.

Liêm-Trinh Phá-Quân

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh, thường mắc tật về chân tay.

Đối với các sao tọa thủ các vị trí như đã nói ở trên, nếu ngộ Dương Đà Không Kiếp Kỵ đủ số, tất không thể tránh thoát các bệnh đã ghi chú.

PHÚ ĐOÁN TẬT-ÁCH CUNG

Triệt Tuần đóng tại Ách cung

Tai nào cũng khỏi nạn nào cũng qua

Hình Dương Hoa-cái ngộ Đà
 Hạn hành năm ấy đậu hoa phải phòng
 Hỏa Linh Trì Mộc chiếu soi
 Lánh mình lửa cháy nước sôi phải phòng
 Kỵ Đa Tấu Tuế một đoàn
 Đêm ngày châu chực cửa quan mỗi mồn
 Bệnh-phù ngộ Thiên-hình tai vạ
 Ất có người chịu họa phong sương
 Bất dorm tri túc rất hung
 Bởi vì Tật ách Bệnh phùng Kiếp Cơ
 Linh Phù Sát Phá hạn cao
 Vua Văn thuở trước phải vào ngục trung
 Ách cung Bạch-hổ huyết hư
 Ách cung Thiên-Khốc Cư Hư phong đàm
 Dương Đà Hình hội mục tỵ
 Âm Dương Riêu Kỵ cho nên mất lửa
 Tham-lang Hỏa-ky hạn phùng
 Cự-môn Hỏa-ky phải phòng giếng ao
 Kiếp Không Hình Việt xấu sao
 Hỏa Linh Hình Việt gươm đao búa trời

THIÊN-DI CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Cùng Tả-Hữu đồng cung, xuất ngoại được quý nhân phò trợ, và phát phúc.
 Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, cuộc đời bên ngoài không thể an tĩnh được.

Thiên-Cơ

Xuất ngoại tuy có gặp quý nhân, nhưng kết quả vẫn thua thiệt.
 Ở nhà luôn gặp chuyện thị phi
 Gia Dương Đà Hỏa Linh, tại ngoại gặp nhiều chuyện thị phi, không mấy lúc được an tĩnh.

Thái-Dương

Có xuất ngoại mới được phát phúc, luôn gặp may mắn, bởi có quý nhân phù trì. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tại ngoại thân tâm bất thanh nhân.

Vũ-Khúc

Tại ngoại lao tâm. Có ở chốn đô hội mới được an thân chẳng nên ở nhàn. Gia Dương Đà Hỏa Linh, ra ngoài chỉ chuốc thị phi.

Thiên-Đồng

Xuất ngoại được ở gần bậc quý và làm ăn phát đạt.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thời tại ngoại ít khi được toại chí.

Liêm-Trình

Xuất ngoại gần được quý nhân, làm việc gì cũng thành đạt, nếu ở nhà kém may mắn.

Gia Dương Đà, và 3 phía có sao hung sát chiếu lại, tất chết ở ngoài đường.

Thiên-Phủ

Xuất ngoại được quý nhân phò trợ

Thái-Âm

Nhập miếu ra ngoài gặp được quý nhân và phát tài, gặp được công việc thích ứng với bản năng.

Hãm địa, tự chuốc lấy thị phi.

Tham-Lang

Độc thủ, ra ngoài lao lực, nhưng nếu làm ăn ở nơi đô hội thì hoạnh tài. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, ngộ Hao Sát lưu niên, tất gặp chuyện binh kiếp cướp bóc (tạo binh kiếp lựợc).

Cự-Môn

Xuất ngoại, lao tâm khổ xác, chịu thua kém người.

Hãm địa chủ đa thị phi.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp càng tệ hại hơn.

Thiên-Tướng

Ra ngoài được quý nhân phù trì.

Thiên-Lương

Ra ngoài được gần người sang quý. Nhất là được quý nhân thành toàn cho.

Phá-Quân

Nhập miếu, tại ngoại tranh vanh (cao ngất, trót vót tức là hơn người).
Hãm địa lao tâm khổ xác.
Gia Dương Đà Hỏa Linh phải bồn tẩu dùng xảo nghệ mới có thể độ nhật.
Gia Xương Khúc và hội với Vũ-khúc thủ nghiệp kép hát phường ...

Thất-Sát

Ra ngoài lăm lữ, ở nhà thiếu thốn, muốn được yên thân phải biết tự quyền.
Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chủ lòng dạ khắc khoải bất yên, hoặc phải lang thang sơn cùng thủy tận.

Văn-Xương

Ra ngoài gặp người sang và làm ăn phát đạt, kẻ tiểu nhân bất phục.
Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp cuộc đời bên ngoài không lúc nào được yên.

Văn-Khúc

Ra ngoài gặp quý nhân, phát tài. Gia cát tinh được của. Gia Dương Đà Hỏa Linh chẳng mấy khi toại chí.

Tả-Phụ

Được quý nhân phù trì khi hữu sự phát phúc.
Gia Dương Đà Hỏa Linh hay bị tiếng thị phi, kẻ dưới chẳng vừa lòng.

Hữu-Bật

Có quý nhân phò trợ đăng làm ăn phát đạt. Chẳng nên tranh chấp với ai.
Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp ở ngoài là phải cạnh tranh với người.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Xuất ngoại mọi việc đều được đại cát lợi.

Lộc-Tồn

Xuất ngoại được hưởng y lộc loại tâm.
Hội Hỏa Linh Không Kiếp hầu hết được xứng ý.

Kình-Dương

Nhập miếu xuất ngoại được lợi lộc xứng ý.
Gia cát tinh, có ở nơi đồ hội mới phát tài. Hãm địa không được hài lòng với mọi người và tiền bạc khi tán khi tụ.

Đà-La

Hội cát tinh ra ngoài gặp quý nhân và phát tài.

Hăm địa, gia Hỏa Linh Không Kiếp thường tự chuốc lấy thị phi, và không được vừa lòng với mọi người.

Hỏa-Tinh

Độc thủ, xuất ngoại bất an. Gia cát tinh phải ở nơi náo nhiệt mới phát tài.

Gia Dương Đà Không Kiếp, chẳng những ra ngoài không được toại chí, mà còn tự chiêu những thị phi nữa.

Linh-Tinh

Có cát tinh đồng cung. Ra ngoài gặp may, vượng.

Gia Dương Đà Không Kiếp chẳng những không gặp người tốt mà còn bị tiếng bác tiếng chì nữa.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Ra hay vào cũng được hanh thông, thịnh đạt. Xuất ngoại phát phúc.

Tử-Vi Tham-Lang

Phải lao lực mới làm nên dù đã được quý nhân đề bạt.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Ra ngoài tất được phát đạt, nhiều may, lợi lắm.

Tử-Vi Thất-Sát

Xuất ngoại mới được toại chí

Tử-Vi Phá-Quân

Được quý nhân mến chuộng, nhưng bị tiểu nhân đổ kỵ

Thiên-Cơ Thái-Âm

Có thua thiệt rồi mới thịnh đạt.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Phải chịu sự xáo trộn trước, sau mới gặp may, phát đạt.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Xuất ngoại tuy được xứng ý nhưng phải bôn ba với nghệ thuật.

Thái-Dương Thái-Âm

Đi ra ngoài tất phải quên mình, mới gặp được may, sau sẽ kết quả mỹ mãn.

Thái-Dương Cự-Môn

Ra ngoài phải lao tâm, khổ tứ nhiều

Thái-Dương Thiên-Lương

Xuất ngoại được gần quý nhân và làm ăn tiến phát.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Nên lập nghiệp ở nơi thị tứ thời tài mới tụ được để trở thành thương gia cự phú.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Làm nhà buôn, giàu có lớn

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Xuất ngoại phát tài

Vũ-Khúc Thất-Sát

Có gặp trở ngại sau mới thành đạt, tuy nhiên cuộc đời không được thanh thoi mấy.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Thân tâm đều bất an.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Miếu vượng ra ngoài tay trắng kiếm tiền làm nên sự nghiệp. Hãm cung tất toan cần kiệm.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Tại ngoại lao tâm khổ ứ

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Xuất ngoại được quý nhân mến chuộng, phúc hậu an khang.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Thành đại thương gia, ở nơi phồn hoa đô hội

Liêm-Trình Tham-Lang

Phải quên mình để gay nên bước đầu cho sự nghiệp
 Gia Dương Đà Hỏa Linh, tại ngoại nhiều gian nan.

Liêm-Trình Thiên-Tướng

Có gặp gay cần mới đạt thành
 Gia Dương Đà Hỏa Linh mắc chuyện thị phi và bị tiểu nhân ghen ghét.

Liêm-Trình Thất-Sát

Xuất ngoại phải lao tâm khổ trí mới làm nên

Liêm-Trình Phá-Quân

Ra ngoài được kẻ cận bậc quyền quý, tuy nhiên vẫn phải lao tâm bất an.

Các sao ghi ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Kỵ đủ cả, tất sinh chuyện thị phi, hoặc bị lao tâm khổ tứ, mà vẫn chẳng được thành thời toại chí.

PHÚ ĐOÁN THIÊN-DI CUNG

Thiên-di ấy Mã Bình ngồi
 Đánh đồng dẹp bắc pha phôi cối ngoài
 Quan cung hỷ ngộ Hồng Đào
 Thiên-di tới kỵ Kiếp Không lâm vào
 Long đông đông tẩu tay trì
 Chẳng qua Thiên-mã Thiên-di hãm nhà
 Chơi bời du thủy du san
 Thiên-di ngộ Mã gặp chàng Đà-La
 Thiên-di Nhật Nguyệt giáp đôi
 Nhất sinh xuất ngoại nhiều nơi thể thần
 Thiên-di Hoa-cái Hỷ-Thần
 Thiên-di Phụ Bật quý nhân yêu vì
 Thiên-di Hóa-kỵ ra ngoài
 Kẻ thù người oán chẳng ai gần mình
 Tướng-quân ngộ Triệt trước miền
 Ra đường gặp giặc mình liền tan thân
 Thiên-di Địa-kiếp Cơ Liêm
 Hồn quy phách lạc cánh tiên lánh phàm

CỰ-MÔN NAM MẠNH CA

Cự-Môn thủ mệnh ngộ Kinh-dương
Linh Hỏa phùng chi sự bất tường
Vi nhân tính cấp đa điên đảo
Bách sự mang mang loạn chủ trương

BỘC DỊCH CUNG CHỦ TINH CÁT HUNG LUẬN**Tử-Vi**

Công việc làm ăn đắc lực, vượng chủ tài
Gia Dương Đà Hỏa Linh bất lực.
Gia Không Kiếp chiêu oán, bỏ chủ.

Thiên-Cơ

Nhập miếu làm lợi chủ, hãm địa oán chủ.
Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp gây họa cho chủ.

Thái-Dương

Miếu vượng làm ích cho chủ. Hãm địa, không có duyên phận, nếu có chỉ gây oán với chủ.
Gia Dương Đà Hỏa Linh phản chủ.

Vũ-Khúc

Vượng cung, có nhiều gia nhân, hãm địa đa oán.

Thiên-Đồng

Đắc lực và ích chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh, nhà có đầy tớ phản chủ. Kiến Không Kiếp oán chủ, và rủ rê nhau bỏ chủ một loạt.

Liêm-Trinh

Miếu vượng có nhiều và đều được công được việc.
Hãm địa bội chủ, về già mới có được kẻ tận tâm. Gia Dương Đà Hỏa Linh, tác hại cho chủ và rủ rê bỏ chủ.

Thiên-Phủ

Được việc và tận tâm phục vụ chủ (nhất hộ bá nặc). Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, hay phản và bỏ chủ.

Thái-Âm

Miếu vượng, chạy công được việc. Hãm địa chỉ ăn hại.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có đầy nhưng rồi bỏ chủ ngay đấy.

Tham-Lang

Miếu vượng cùng chủ có duyên phận buổi đầu khó mượn.

Hãm địa không có đầy tớ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có nhưng là tớ bỏ thầy.

Cự-Môn

Nhập miếu, trẻ tuổi không được việc, gây tiếng thị phi cho chủ, và cũng không ở với chủ được bền.

Thiên-Tướng

Được công việc và làm vượng cho chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp bắt lực và bỏ chủ.

Thiên-Lương

Gia nhân đông đảo, vượng chủ, hãm địa, vô tích sự.

Thất-Sát

Đảm lược và tận tâm làm lợi chủ. Nhiều tội tớ sinh ra trộm đạo gia sản chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp khó mượn gia nhân.

Phá-Quân

Nhập miếu, đắc lực lợi chủ. Hãm địa chiêu oán bội chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, khó mượn gia nhân.

Văn-Xương

Nhập miếu, độc thủ, phù trợ chủ đắc lực. Hãm địa không có duyên phận với chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có nhưng là đầy tớ phản chủ.

Văn-Khúc

Nhập miếu chạy công được việc. Hãm địa không có tình nghĩa với chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp oán chủ và bỏ thầy.

Tả-Phụ

Độc thủ, làm vượng chủ, chạy công được việc. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ, khó mướn, hại chủ.

Hữu-Bật

Độc thủ, làm lợi ích cho chủ, chu toàn công việc giao phó. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ, bội chủ đạo tài bỏ trốn.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Chủ có gia nhân giỏi giang tận tâm phù trợ.

Lộc-Tồn

Gia nhân đông. Gia cát tinh, giúp chủ khởi nghiệp.

Gia Hỏa Linh Hao Kỵ bất lực

Kinh-Dương

Nhập miếu, về già mới có gia nhân. Hãm địa, phản chủ chiêu oán, dù có gia nhân nhưng ở với chủ không bền.

Đà-La

Nhập miếu, gia cát tinh, có duyên phận với gia nhân. Hãm địa đã đoảng mà còn oán chủ.

Hỏa-Tinh

Nhập miếu, gia cát tinh, có được một vài nghĩa bộc.

Nếu Hỏa Tinh độc thủ chẳng những bất lực mà còn oán chủ nữa.

Linh-Tinh

Nhập miếu và có thêm cát tinh, đầy tớ tận tâm giúp chủ giữ nhà. Nếu Linh tinh độc thủ là người làm đã chẳng giúp chủ được việc, lại còn thường hận chủ nữa. Gia không Kiếp Hao Kỵ chỉ làm thiệt hại cho chủ.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Gia nhân giúp chủ khởi tạo nên sự nghiệp

Tử-Vi Tham-Lang

Nuôi được người làm

Tử-Vi Thiên-Tướng

Có nhiều gia nhân tận tâm và đắc lực.

Tử-Vi Thất-Sát

Đầy tớ có nghĩa với chủ.

Tử-Vi Phá-Quân

Trước khó, sau mới muốn được đầy tớ đắc lực.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Đầy tớ không giúp ích được.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Đầy tớ không thật lòng với chủ. Gia cát tinh, có tình nghĩa chủ tớ.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Buổi đầu không một lòng một dạ với chủ, về già mới có đầy tớ đắc lực.

Thái-Dương Thái-Âm

Có nhiều gia nhân.

Thái-Dương Cự-Môn

Tuy có nhiều gia nhân nhưng đều oán chủ.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ tại cung Mão thời đầy tớ làm vượng chủ.

Tọa thủ Dậu cung, chiêu oán.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Có nhiều gia nhân.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Không được việc cho chủ.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Đầy tớ được việc cho chủ

Vũ-Khúc Thất-Sát

Đầy tứ bội chủ

Vũ-Khúc Phá-Quân

Đã bắt lực, còn gây oán rồi bỏ trốn, già mới có nghĩa bộc.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Đắc lực, làm vượng chủ

Thiên-Đồng Cự-Môn

Trước khó sau mới mượn được, và cũng không được nhất tâm với chủ. Về già mới có được nghĩa bộc.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Nghĩa bộc giúp chủ tạo cơ nghiệp.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Có nhiều đầy tứ

Liêm-Trinh Tham-Lang

Gia nhân bắt lực

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Về già có đầy tứ tốt

Liêm-Trinh Thất-Sát

Đầy tứ bội chủ

Liêm-Trinh Phá-Quân

Có đầy tứ cũng chẳng hơn gì không.

Các sao nói trên, nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh đủ cả, tất gặp bọn người bắt lực hại chủ.

Nếu các sao nói trên tọa thủ vượng cung cũng chỉ được trong lúc đầu và rồi cũng phải sa thải. Nếu lại gặp Không Kiếp Hóa Ky tất toàn là gia nhân bội chủ, bỏ thầy.

PHÚ ĐOÁN NÔ-BỘC CUNG

Con em xạ khứ xạ hoàn

Bởi sao Nhật Nguyệt hãm ngôi Nô cung

Hình Ky Tả Hữu hội cung

Gia trung rộn rịp ung dung tứ thầy.

THÁI-ÂM NAM MẠNH CA

Thái-Âm hãm địa ác tinh trung
Đà Hỏa tương phùng định khốn cùng
Thử mạnh chỉ nghi tăng dữ đạo
Không môn xuất nhập đắc thung dung.

QUAN LỘC CUNG CÁT TINH HUNG

Tử-Vi

Miếu vượng, ngọ Xương, Khúc, Tả Hữu Khôi Việt vị cao đến cực phẩm.
Gia Dương Đà Hỏa Linh chỉ bình thường.

Thiên-Cơ

Nhập miếu là người quyền quý, hội với Văn-Khúc là hiền thần.
Kiến Dương Đà Hỏa Linh mất nghi vệ. Hãm địa chỉ làm lại nhân.

Thái-Dương

Nhập miếu, văn võ đều hay, nhưng không gặp Dương Đà Hỏa Linh mới tốt.
Cùng Tả Hữu Xương Khúc và gia Khoa Lộc Quyền, nhất định đắc cực phẩm chi quý.
Hãm địa chỉ quý mà không hiển.

Vũ-Khúc

Nhập miếu cùng Xương Khúc Tả Hữu đồng cung, võ nghiệp cao chói vót. Nếu là thường nhân cũng được phát phúc.
Cùng hội với Khoa Quyền Lộc sẽ đạt ngôi vị “Tài chánh chi Quan”.
Hãm địa, chỉ bình thường. Gia Đà Linh Kiếp Kỵ Không duyên phận với công danh.

Thiên-Đồng

Nhập miếu, văn võ đều hay. Không gặp Dương Đà Hỏa Linh mới hoàn hảo.
Hãm địa chỉ đến Thơ lại thôi.

Liêm-Trinh

Nhập miếu võ chức quyền quý nhưng không bền vững, hãm địa bình thường.

Thiên-Phủ

Nhập miếu văn võ quyền quý, nhưng phải không gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp mới được toàn mỹ.

Gia Không Kiếp chỉ bình thường.

Thái-Âm

Nhập miếu là nhân vật quyền quý. Hãm địa, tuy có chí khí cao nhưng hoạn phá, khó hiển đạt.

Hội Thái Dương, Xương Khúc, Tả Hữu được tam phẩm chi quý.

Tham-Lang

Nhập miếu và ngộ được Hỏa Linh tất ở vị nắm giữ đại quyền trong quân lực. Hãm địa chỉ đến địa vị cố vấn. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp bình thường.

Cự-Môn

Nhập miếu, võ nghệ quý hiển, nếu là văn nhân thời không bền vững.

Hãm địa tất gặp chuyện hổ thẹn. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phải thoái quan mất chức.

Thiên-Tướng.

Nhập miếu văn võ song toàn, bổng lộc ngàn chung.

Cùng Xương Khúc Tả Hữu đồng cung quyền quý vinh hiển. Hãm địa khi thành khi bại bất thường.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kie61tptất bị biếm trách.

Thiên-Lương

Miếu tại Ngọ cung, hội Tả Hữu Khôi Việt, tài kiêm Văn Vũ. Hãm địa làm Lại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp bình thường.

Thất-Sát

Miếu vượng, võ chức cao tột, quyền quý không nhỏ nhưng không hợp cho bậc văn nhân, hãm địa bình thường.

Phá-Quân

Miếu vượng, võ hiệp hiển ngang. Gia Dương Đà Hỏa Linh bình thường.

Văn-Xương

Nhập miếu cùng Thái-dương, hội với Khoa Quyền Lộc và cát tinh, có văn chức chi tài.

Cùng Thiên-Phủ Vũ-Khúc tất được phú quý song toàn.

Vũ-Khúc

Miếu vượng, tài kiêm văn võ.

Hãm địa cùng Thái-Âm Thiên-Cơ đồng cung, tư sử (Có tham dự) quyền quý, hội Tử-Phủ. Tả Hữu tất chấp chính và gần kề bậc Quý vượng.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ bình thường.

Tả-Phụ

Tài kiêm văn võ tuy nhiên chỉ vượng cho người văn cách, không lợi cho võ nhân.

Nếu hội với cát tinh, văn võ đều hay. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Phong Kiếp, tất có khi tiến khi thoái mới vẹn thanh danh.

Hữu-Bật

Tối vượng cho vũ chức, bắt lực với văn nhân. Cùng Tử Phủ Xương Khúc đồng cung tài quan song mỹ.

Hãm địa khi thành khi bại và có sự biếm trách. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất có sự truất giáng.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Đều chủ sự quý hiển

Lộc-Tồn

Hội cát tinh, văn võ đều hay, tài quan song mỹ. Con cháu cũng được tước lộc

Kinh-Dương

Nhập miếu tối lợi về vũ chức. Cùng cát tinh, quyền quý hiển đạt. Hãm địa, hoặc bình thường, hoặc chỉ có hư danh mà thôi.

Đà-La

Độc thủ thời bình thường. Có gặp cát tinh cũng chỉ tạo được hư danh mà thôi.

Hỏa-Tinh

Nhập miếu, tuổi trẻ long đong, khi thành khi bại, khi đứng tuổi tất công danh được vừa lòng. Hội với Tử-Vi Tham-Lang cát vượng. Hãm địa không đẹp.

Linh-Tinh

Độc thủ tại vượng cung rất đẹp. Gia nhiều cát tinh đạt thành quyền quý. Hãm địa không tốt.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Văn võ quyền quý và danh lợi song toàn.

Tử-Vi Tham-Lang

Văn võ quý hiển không nhỏ

Tử-Vi Thiên-Tướng

Quyền quý liêm chính

Tử-Vi Thất-Sát

Văn chức hiển đạt tột đỉnh

Tử-Vi Phá-Quân

Được nhiều người biết đến, tên tuổi và an thân chốn phồn hoa, đô hội.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Ngô Tuần hoặc Triệt tại Dần cung, danh chấn biên di và làm nên sự nghiệp nơi thị tứ.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Tọa thủ tại Mão được hoàn mỹ. Nếu tọa thủ cung Dậu, tuy có đẹp nhưng hữu thủy vô chung.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Tài kiêm văn võ, hiển quý tuyệt vời

Thái-Dương Thái-Âm

Tọa thủ cung Mùi, được quý hiển. Gia Xương Khúc Tả Hữu, tất được tam phẩm chi quý.

Thái-Dương Cự-Môn

Có tọa thủ miếu cung mới được trường cửu, ngộ hung sát tất khi tiến khi thoái.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ Mão cung được cát my “Tọa thủ Dậu cung, chỉ bình thường”

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Quyền quý hiển đạt

Gia Không Kiếp chỉ bình thường

Vũ-Khúc Tham-Lang

Tham khảo chi quan, tức chỉ làm được cố vấn thôi

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Được chức vụ tại nơi biên di

Vũ-Khúc Thất-Sát

Hoạnh lập công danh và được ngôi vị quyền quý.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Xuất thân từ nơi quân lữ. Gia Quyền Lộc Xương Khúc tất được hiển đạt.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Tọa thủ Tý cung, thì văn võ cát mỹ. Nếu tọa thủ Ngọ cung chỉ làm Lại.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Trước làm nhỏ, sau làm lớn. Về già sẽ phát tích

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Quyền quý không nhỏ

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Phú quý vinh hoa, gấm vóc sang trọng

Liêm-Trinh Tham-Lang

Văn chức quyền quý và được thanh thoi giữa chốn đô hội

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Hiển quý tuyệt vời

Liêm-Trinh Thất-Sát

Xuất thân từ nơi quân ngũ công danh hiển đạt

Liêm-Trinh Phá-Quân

Người có cách văn nhân không được bền. Nhưng làm tư lại thì hợp và thành nhân viên giỏi.

Các sao như ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Kỵ đủ cả, đối với người đương vị quyền quý tất bị giảm quyền hành, hoặc bị giáng làm lại, hoặc chủ sự thành bại. Bởi vậy cần phải chú trọng đến các cung Miếu hay Hãm và các sao gặp nhiều hay ít, quyết định cho rõ.

PHÚ ĐOÁN QUAN-LỘC CUNG

Mộ phùng Tả Hữu đồng lai
 Thăng quan tiến chức miếu đài hiển vinh
 Đồng Lương hội chiếu Dần Thân
 Khi xưa bạch thủ mà nay sang giàu
 Khốc Hư Tý Ngọ đồng trì.
 Thiên-Hình Dần Mão chiếu vì Quan cung
 Lộc phùng Tử Mã nhất ban
 Phong vân tể hội Mã Long Hỷ đồng
 Khôi Lương Cái Việt Tấu Hồng
 Nam cận cứu trùng, nữ tác cung phi.

THIÊN-LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên-Lương hóa ẩm cát tinh hòa
 Nhị hạn phùng chi họa tất đa
 Nhược gia cát diệu phùng miếu địa
 Quý cực nhất phẩm phụ sơn hà

ĐIỀN-TRẠCH CUNG CÁC TINH CÁT HUNG TÍNH LÝ

Tử-Vi

Ruộng vườn tươi tốt, tự xếp đặt lấy, càng được thịnh vượng.
 Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp có được, có mất.

Thiên-Cơ

Bỏ tổ nghiệp, tự mình tạo lập lấy mới hay

Thái-Dương

Nhập miếu, được hưởng tổ nghiệp. Hãm địa, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp trắng tay.

Vũ-Khúc

Miếu vượng, được tọa hưởng đại nghiệp ông cha để lại.

Hãm địa, bỏ tổ nghiệp sau mới làm nên.

Hỏa Linh đồng cung rất tốt, điền sản một ngày một tăng

Cùng Không Kiếp đồng cung có khi tậu, có khi bán

Thiên-Đồng

Trước ít, sau nhiều. Tự làm lấy rất ư thịnh vượng. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, không có điền sản.

Liêm-Trinh

Tận phá tổ nghiệp

Thiên-Phủ

Ruộng vườn xum xuê, khuếch đại nghiệp tổ truyền tới cực thịnh. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chẳng có được bao hoặc lúc có lúc mất.

Thái-Âm

Miếu vượng nhiều ruộng

Hãm địa, gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Ky hoàn toàn vô điền sản.

Nếu cùng Tả Hữu Quyền Lộc và Lộc-Tồn chủ đa điền sản.

Tham-Lang

Miếu vượng, có tổ nghiệp nhưng không giữ được bền. Phải từ trung vận trở đi mới tạo lập nên được.

Hãm địa, lìa tổ nghiệp và một đời chẳng tạo dựng được điền sản. Gặp Hỏa Linh, giữ được tổ nghiệp và mở rộng thêm. Cần phải đề phòng nạn cháy nhà.

Cự-Môn

Miếu vượng, tự tạo lập và rất hoạnh phát.

Hãm địa chẳng những trắng tay mà còn bị chuyện thị phi về việc điền sản.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp không có nhà cửa ruộng vườn.

Thiên-Tướng

Miếu vượng, được hưởng của ông cha để lại

Thiên-Lương

Miếu vượng, giữ gìn được tài sản của tiền nhân

Thất-Sát

Miếu địa, có được hưởng nghiệp tổ, tự tạo lập được. Hãm địa, một đời trắng tay.

Phá-Quân

Trước phá tán sau đạt thành. Nếu tọa thủ Tý Ngọ cung dù có lúc tiến lúc thoái, vẫn giữ được tổ nghiệp vinh xương.

Gia Dương Đà Hỏa Linh phải ly tổ, tạo được ít ruộng vườn. Cùng Hóa Kỵ đồng cung, hoàn toàn bạch thủ.

Văn-Xương

Được hưởng tổ nghiệp và bồi đắp vượng thêm

Hội nhiều cát tinh, tạo dựng được vườn ruộng bao la

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp ở tổ nghiệp

Văn-Khúc

Vượng địa, có số giữ được tổ nghiệp. Gia cát tinh có cơ tự tạo thêm được.

Cùng Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, khi được khi mất.

Tả-Phụ Hữu-Bật

Chủ được hưởng tổ nghiệp. Gia cát tinh, nhà ruộng đều nhiều

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phải ly hương và chỉ có ít ruộng đất thôi.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Đều chủ có duyên phận với tổ nghiệp.

Lộc-Tồn

Vườn ruộng phong phú, và tự mình mở mang một ngày một thịnh vượng thêm.

Hội cát tinh được thừa tổ nghiệp vinh xương.

Gia Hỏa Linh Không Kiếp nhà đất ít.

Kình-Dương

Nhập miếu, tiền phá hậu thành. Hãm địa, Gia Không Kiếp bỏ nghiệp tổ.

Đà-La

Ly hương lìa tổ và phải cần kiệm tàn khổ độ nhất. Gia cát tinh trước không sau mới có. Gia Không Kiếp trắng tay.

Hòa-Tinh

Độc thủ, có số bỏ tổ nghiệp. Cùng với cát tinh trước vất vả, sau mới tạo lập nên được sản nghiệp. Nếu gặp Không Kiếp là số trắng tay.

Linh-Tinh

Số phải ly hương, bỏ tổ nghiệp. Tọa thủ miếu cung và gia cát tinh, tự tạo dựng được tài sản.

Gặp Không Kiếp tất thị bạch thủ chi số.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Nhà cửa vườn tược trù mật. Số đại phú

Tử-Vi Tham-Lang

Được thừa hưởng tổ nghiệp

Tử-Vi Thiên-Tướng

Tạo dựng được sản nghiệp. Gia Tả Hữu Xương Khúc, Tuy có điền sản ông cha để lại, nhưng tự mình phải tu tạo.

Tử-Vi Thất-Sát

Tự mình tạo lập nên sản nghiệp.

Tử-Vi Phá-Quân

Không có số thừa hưởng phải tự mình làm nên.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Số tự mình gây tạo mới có sự thịnh vượng

Thiên-Cơ Cự-Môn

Tọa thủ Mão cung, có vườn rộng nhà cao. Tọa thủ tại Dậu cung, không giữ được tổ nghiệp, trước lớn sau nhỏ.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Tự mình làm ra, về già giàu có. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp không có nhà đất.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia cát tinh đặc biệt là tam Hoa, vườn ruộng thẳng cánh cò bay.

Thái-Dương Cự-Môn

Trước không, sau mới gây tạo thành. Tọa thủ cung Dần, thịnh vượng. Tọa thủ Thân cung số phải ly tổ.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ Mão cung, vượng phát. Tọa thủ Dậu cung chỉ bình thường.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Giữ được điền sản bền

Vũ-Khúc Tham-Lang

Về già mới tạo thành

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Trước phá tan, sau tự tạo thành sản nghiệp

Vũ-Khúc Thất-Sát

Số tha hương, ly tổ

Vũ-Khúc Phá-Quân

Số phá tan sản nghiệp, dù có cũng không bền

Thiên-Đồng Thái-Âm

Tay trắng tạo thành. Tọa thủ Tý cung, đại phú. Tọa Ngọ cung bình thường.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Vườn ruộng ít

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Trước nghèo sau giàu thịnh

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Số giữ vững bền tài sản hiện có trong tay, tổ nghiệp vinh xương

Liêm-Trinh Tham-Lang

Có được tổ nghiệp để lại, nhưng không giữ được bền.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Trước không có nhà đất, sau mới gây tạo nên được. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp số “Phiêu linh tổ nghiệp” tức làm bay mất tổ nghiệp.

Liêm-Trinh Thất-Sát

Số ly tổ tự tạo nghiệp

Liêm-Trinh Phá-Quân

Số tiền phân tán, hậu mới tạo dựng được.

Các tinh ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hóa Kỵ dù ông cha có để lại cho nhiều sản nghiệp cũng bị giảm kém đi nhiều, hoặc cũng lúc còn lúc mất. Nếu lại do điền sản mình tự tạo nên, tất trở thành trắng tay.

Do vậy phải xem các hung tinh gặp nhiều hay ít, nhất là có bị Không Kiếp lâm vào không, mới quyết định được.

PHÚ ĐOÁN ĐIỀN-TRẠCH CUNG

Triệt Tuần đóng ở cung Điền
Tư cơ cha mẹ không truyền đến cho
Phá-quân sao ấy tán tài
Lâm trạch bán hết lưu lai tổ điền
Tang-môn ngộ Hỏa xấu sao
Chiếu soi phương nào, chốn ấy hỏa tai
Ân-quang phùng Đào Hồng Điền-trạch
Ấy có gì lưu lại ruộng nương
Long-tri Địa-kiếp đồng hương
Giếng bồi ao lấp ở bên nhà này
Cơ Lương tương hội Tuất Thìn
Mộc lâm tổ nghiệp đến hồi lai sinh
Khốc Hư Tang hội chẳng lành
Tổn người hại của chẳng yên được nào.

THIÊN-TƯỚNG NAM MẠNH CA

Thiên-tướng tinh thân hệ đẳng luận.
 Chiếu thủ Thân Mạnh hỉ vô ngại.
 Vi quan tất chủ cư Nguyên-Tể
 Tam hợp tương phùng phúc bất khinh

PHỤ-MẪU CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN**Tử-Vi**

Bất khắc hại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp con cái khắc cha mẹ

Thiên-Cơ

Miếu vượng, bất khắc. Hãm địa phùng Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp đồng cư cùng cha mẹ nuôi, hoặc ở với bậc đã nhận mình làm “quá phòng tử” (tức cho mẹ hiện mình đang ở với, không mang họ với họ đích thực của mình) nhị tính ký cơ.

Thái-Dương

Nhập miếu không khác. Gia Dương Đà Hỏa Linh số phải hai lần lạy nhận cha mẹ (trùng bái phụ mẫu).

Liêm-Trinh

Được thừa hưởng tổ nghiệp bên cha mẹ nuôi. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, phụ mẫu bất toàn.

Thiên-Phủ

Cha mẹ song toàn. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chu thương (hại tới) phụ mẫu

Thái-Âm

Nhập miếu không khác. Hãm địa gia Dương Đà Hỏa Linh khắc Mẹ, và chẳng hưởng tổ nghiệp bên nghĩa phụ.

Tham-Lang

Đi làm con quá phòng. Hãm địa sớm bỏ tổ.

Cự-Môn

Nhập miếu, không khắc cha mẹ. Hãm địa, thương khắc đến phải bỏ lìa tổ quá phòng. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Thiên-Tướng

Miếu vượng, cha mẹ đều khang kiện. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp sớm bị khắc.

Thiên-Lương

Miếu vượng cát lợi. Hãm địa, gia Dương Đà Hỏa Linh sớm mồ côi. Nhưng nếu bỏ đất tổ bỏ tên họ nương nhờ người thời miễn được sự hình khắc.

Thất-Sát

Sớm khắc cha mẹ, vì số ly tổ và lục thân, cốt nhục, nên phải sống kiếp cô đơn

Phá-Quân

Số phải thay tên đổi họ, sống nương với người ngoài quê hương, mới tránh khỏi sớm khắc cha mẹ.

Văn-Xương

Nhập miếu gia cát tinh thì cha mẹ con cái chung sống đề huề.

Gia Dương Đà Hỏa Linh, chủ hình khắc phụ mẫu, hoặc phải ly hương thay đổi tên.

Văn-Khúc

Nhập miếu, độc thủ bất khắc phụ mẫu. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phụ mẫu bất toàn.

Tả-Phụ

Độc thủ bất khắc. Cung Liêm-Trinh đồng cung, sớm khắc cha mẹ.

Gia Văn-Xương được phụ mẫu đề huề. Gia Dương Đà Hỏa Linh Tất phải ly hương thay đổi tên họ.

Hữu-Bật

Độc thủ bất khắc. Gia cát tinh được cha mẹ hộ trì. Gia Dương Đà Hỏa Linh số phải ly hương đổi tên họ mới có thể an cư lạc nghiệp được.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Cung Phụ-Mẫu được các sao này tọa thủ, thì cha mẹ vinh quý, cùng con cái đề huề.

Lộc-Tồn

Bất khắc. Gia Hỏa Linh Không Kiếp sớm phá tán của cha mẹ khiến xảy ra chuyện hình thương, từ trung vận trở đi, mới tự tạo thành gia nghiệp.

Kinh-Dương

Ấu thời hình khắc. Hội Nhật Nguyệt tinh, phải ly hương và thay đổi tên họ mới có thể an cư.

Đà-La

Hồi nhỏ hình khắc cha mẹ Hội Âm Dương ly tổ bất chột và phải thay đổi danh tính mới yên ổn làm ăn được.

Hỏa-Tinh

Độc thủ, mồ côi, phải thay tên đổi họ mới khả dĩ mưu sinh.

Gia cát tinh được bình hòa.

Linh-Tinh

Số hình khắc cô độc. Phải hai lần lạy cha, nhận mẹ và sống nương nhờ vào gia đình của người.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Cha mẹ con cái chung sống điền viên một nhà

Tử-Vi Tham-Lang

Nếu không ngộ Dương Đà Hỏa Linh cha mẹ song toàn nhưng có duyên phận với nghĩa phụ.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Cha con Hòa hợp, yên thú điền viên

Tử-Vi Thất-Sát

Gia cát tinh cha con đề huề, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phụ mẫu bất toàn.

Tử-Vi Phá-Quân

Sảo khắc.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Cha mẹ con cái có khi đoàn tụ có khi không

Thiên-Cơ Cự-Môn

Số phải làm nghĩa tử, hoặc quá phòng tử

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Gia đình đoàn viên

Thái-Dương Thái-Âm

Nếu không ngộ Dương Đà Hỏa Linh phụ mẫu song toàn tại gia.

Thái-Dương Cự-Môn

Sảo khắc, gia đình không được hòa thuận bình thường.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ cung Mão cha con hòa mục. Tọa thủ cung Dậu con khắc cha Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, sớm khắc cha mẹ.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Miếu vượng cha mẹ, con cái vui thú đề huề

Vũ-Khúc Tham-Lang

Hình khắc phụ mẫu

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Quan niệm bất đồng giữa cha mẹ và con cái.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất có sự hình thương (có sự thương tổn đến gia đạo, hoặc tình nghĩa trong gia đình).

Vũ-Khúc Thất-Sát

Sớm khắc phụ mẫu

Vũ-Khúc Phá-Quân

Sớm phải mồ côi cha hoặc mẹ

Thiên-Đồng Thái-Âm

Phụ mẫu song toàn

Thiên-Đồng Cự-Môn

Phụ tử bất hòa, sớm phải nhận việc “lấy người làm cha mẹ” là sự may mắn, phải ly tổ mới khỏi hình khắc cha mẹ.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Không có Dương Đà Hỏa Linh lâm vào, thì có cha có mẹ nhưng phải bỏ tổ nghiệp.
 Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, phụ mẫu bất toàn

Liên-Trình Tham-Lang

Chủ cô đơn, sớm khắc cha mẹ

Liên-Trình Thiên-Tướng

Chủ sự thuận đồng, đề huề giữa cha mẹ và con cái

Liên-Trình Thất-Sát

Số mồ côi

Liên-Trình Phá-Quân

Sớm khắc cha mẹ

Cát tinh ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hình Kỵ Tất chủ hình khắc phụ mẫu, hoặc phải lạy nhận người “quá phòng” (con có được quyền thừa kế như con chính thức) mới có thể tránh được sự hình khắc, khiến cha mẹ phải chết, vì không có số ở cùng nhà với con cái.

Lại như, phạm xem về sự hình khắc hoặc bất dung hòa với cha mẹ tất phải coi sao Thái dương là Cha, sao Thái âm là Mẹ, để khi thấy sao Thái dương lạc tại hãm cung, tức chủ mất cha trước, và sao Thái âm lạc hãm tất chủ mất mẹ trước.

PHÚ ĐOÁN PHỤ MẪU CUNG

Âm Dương Tuần Triệt tại tiền

Mẹ cha ắt đã quy tiên thuở nào

Phụ-mẫu cung hội Thiên-Lương

Mẹ cha đồng hưởng thọ trường an vui.

THẤT-SÁT NAM MẠNH CA

Thất-Sát Bính Thân Tý Ngọ cung

Tây-di cùng thủ phục anh-hùng

Khôi Việt Tả Hữu Văn-xương hội

Khoa lộc danh cao thực vạn chung

TỬ-TỨC CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Miếu vượng tại cung Ngọ được năm con, ba trai hai gái.
 Cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc được năm con trai và các con quý tử.
 Nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ có hai con.
 Tuy nhiên nếu đổi dời nhà, hoặc chiều con cầu tự làm trưởng nam, mới nhiều con.
 Cùng Phá-Quân đồng cư có được ba con.
 Cùng Thiên-Phủ và gia ca1ttinh được 4 hoặc 5 con
 Sao Tử-Vi độc thủ, ngọ Kiếp Không là người cô đơn

Thiên-Cơ

Miếu vượng chỉ sinh hạ được hai con. Nếu có nhiều tất là con thứ xuất. Cùng Cự-Môn được một con.
 Cùng Thiên-Lương tại cung Dần, được hai hay ba con. Nếu Cơ Lương đóng tại cung Thân tất sinh nhiều con gái, con trai chỉ được một thôi.
 Cùng với Thái-Dương tọa thủ Tý cung sẽ sinh hạ được hai hay ba con.
 Nếu Thiên cơ hội với Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất vô tự.

Thái-Dương

Đơn thủ miếu vượng cung (Thịnh, Ty, Ngọ) sinh hạ được ba trai, hai gái, và con đầu lòng là trai, sẽ nuôi trọn được cả năm con tới lúc trưởng thành. Con trai út là con quý tử
 Cùng Cự-Môn tại Dần hoặc Thân cung có được ba con, đứa con sinh sau rốt là con sự nghiệp vẻ vang.
 Cùng Thái-Âm đồng cung, tất sinh được năm con trong đó có quý tử.
 Hãm địa, tuy có được ba con, nhưng bất thành khí, chẳng ra gì.
 Nếu ngọ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chỉ còn một con chống gậy cho cha, mẹ lúc mất phần.

Vũ-Khúc

Sinh được một con, nếu lấy vợ thứ, tất có nhiều con dòng thứ.
 Cùng Phá-Quân, có sự hình khắc, hiếm muộn, nhưng cũng được một con và tất phải vất vả nuôi nấng mới được.
 Cùng sao Tham-Lang về tuổi già mới sinh được hai con nhưng dễ nuôi
 Cùng Thiên-Tướng đồng cung, trước phải nuôi dưỡng tử, sau mới sinh được một con
 Cùng Thất-Sát đồng cung, chủ cô đơn, may mắn lắm mới có được một con, nhưng đứa con ấy cũng chỉ là “thương tàn chi tử”.
 Nếu có Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá, nhất định bị tuyệt tự.

Thiên-Đồng

Độc thủ miếu vượng cung, sinh được năm con trong đó có một quý tử.

Tọa thủ cung Dậu, phải dời đổi chỗ ở luôn mới được đông con. Bằng không nhiều lắm là hai con.

Độc thủ tại hai cung Thìn Tuất, chủ sự hình khắc, khó nuôi con. Có nhiều cát tinh phù chiếu, tất có được một con.

Thiên-Đồng tọa thủ Tỵ hoặc Hợi cung, chủ sự hình khắc khó khăn nuôi dưỡng. Sinh hạ hai con là điều hòa. Nếu có nhiều con tất con cái bất hòa phải ly tán, phiêu bạt, hoặc du đãng thuộc loại “phá gia chi tử”

Thiên-Đồng cùng Thái-Âm tọa thủ cung Tý, là vượng cách sinh hạ được năm con, trong có một quý tử thuộc loại “thần đồng nhập thể” nhưng Đồng âm tọa Ngọ cung lại là hãm địa, phải giảm đi một nửa.

Cùng Thiên-Lương đồng cung tại cung Dần, nếu sinh con gái đầu lòng thời có được năm con tất cả, nhưng tọa thủ tại cung Thân, chỉ có được một con chống gậy lúc cha mẹ mất phần.

Thiên-Đồng gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chủ sự hình khắc, khó có được con tống chung.

Liêm-Trinh

Đơn thủ tại hai cung Dần, Thân duy chỉ có một con. Nếu gặp nhiều cát tinh phù trợ, mới may có thêm được một con nữa.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung tất sinh được quý tử làm rạng vẻ tông môn, bốn con khác cũng được phú quý.

Cùng Thiên-Tướng đồng cung, tuy vất vả, khó nuôi, nhưng cũng có được hai con, đều hiển đạt lúc trưởng thành.

Nếu Liêm-Trinh hội với Tham-Lang, Phá-Quân, Thất-Sát chủ cô đơn, nên hiếm hoi. Nếu gặp nhiều cát tinh, tam phương lâm chiếu, khả giải, may có được một con nối dõi. Nhưng nếu ngộ Kinh, Đa, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất hoàn toàn tuyệt tự.

Thiên-Phủ

Đơn thủ tại cung Tỵ, hoặc cung Hợi, sinh hạ được năm con sắp lên, trong có một quý tử.

Tại các cung Sửu, Mùi, Mão, Dậu, nhiều lắm chỉ được ba con là cùng

Cùng với Tử-Vi đồng cung, tất có được bốn hoặc năm con, sau đều khá giả.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, có được hai con sau đều quý hiển cả.

Cùng Liêm-Trinh đồng cung được ba con.

Ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ được hai con hoặc ba con là nhiều nhất.

Thái-Âm

Tọa thủ miếu vượng cung tại Dậu, Tuất, Hợi, sinh hạ được năm con, trong đó có quý tử làm vinh quang cho dòng họ. Tuy nhiên con gái nhiều hơn con trai và phải là sinh con gái đầu lòng, sự nuôi con mới dễ và được toàn vẹn cho tới khi trưởng thành.

Đơn thủ tại Mão, Thìn, Tỵ cung, có sự hình khắc, phải đứng tuổi có con mới dễ nuôi, và có được hai, được ba con là nhiều nhất, nhưng lại phải một “nhuyễn nhược chi tử” hoặc “hư hao bất thanh khí”.

Cùng Thái-Dương đồng cung, được hai con

Cùng Thiên-Đồng cung, tất sinh được con quý tử và tất cả được năm con

Thái-Âm tại hãm địa, gia hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, tất thị đường Tử-tức hiếm hoi.

Tham-Lang

Đơn thủ tại Tý, Ngọ cung, chủ hữu sinh vô dưỡng. Sinh con muộn, mới có được hai nhưng không hòa thuận giữa anh em xung khắc với cha mẹ.

Cùng ở một cung với Tử-Vi sinh hạ được hai con.

Cùng ở một cung với Liêm-Trinh rất khó nuôi và hiếm. Phải có con cầu tự, rồi mới nuôi dưỡng được hai con.

Cùng sao Vũ-Khúc trước khó sau dễ, và có được hai hoặc nhiều lắm là ba con.

Sao Tham-Lang độc thủ tại cung Dần, hoặc cung Thân nếu có nhiều cát tinh ba phương phụ chiếu, sinh hạ hai con hiển đạt, nhưng tính tình xung khắc với cha mẹ.

Cự-Môn

Độc thủ tại hai cung Tý, Ngọ, trước khó sau mới dễ nuôi, được hai con. Ngự ngộ Tuần hoặc Triệt, tất sinh được quý tử, và được tới năm con.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, sinh đã dưỡng thiếu. Phải vất vả mới may có được hai con, nhưng cùng cha mẹ xung khắc.

Cùng Thái-Dương đồng cung tại cung Dần hoặc cung Thân tất sinh hạ được ba hoặc bốn con, nuôi dưỡng dễ dàng con cái về sau sẽ hiển đạt, người khá giả. Nhưng nếu lại gặp thêm Dương Đà Hỏa Linh xung chiếu, bị khắc phá rất hiếm con.

Cùng Thiên-Cơ đồng cung, chỉ duy được một con, lại có gia cát tinh sẽ có thêm được một con nữa, nhưng nếu lại có cả Không và Kiếp xung chiếu hoàn toàn vô tự.

Cùng sao Thiên-Đồng đồng cung, có nhiều cát tinh phụ chiếu sẽ có được ba con. Lúc trưởng thành con cái sớm phân cư và không được hòa mục.

Thiên-Tướng

Nếu không gặp Dương Đà Hỏa Linh và đơn thủ tại Tỵ hoặc cung Hợi, sẽ có được ba con.

Đơn thủ tại Sửu Mùi được hai con.

Đơn tọa cung Mão Dậu, phải sinh muộn mới nuôi được hai con

Nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh tất phải chiều tự con trưởng, sau mới sinh hạ được ba con.

Cùng sao tử-vi đồng cung và gia hội Xương Khúc Tả Hữu sẽ sinh hạ được bốn hoặc năm con .

Cùng Vũ Khúc đồng cung, có được ba con. Nhưng nếu ngộ Dương Đà hỏa linh không Kiếp tất có sự hình khắc, hiểm hoi. Nên nạp thứ phòng mới khỏi vô tự.

Thiên-Lương

Đơn thủ tại cung Tý hoặc cung Ngọ, tất hạ sinh quý tử và có được bốn con, nếu gặp Dương Đà Hỏa linh không kiếp thì sớm khắc hiểm muộn.

Đơn thủ tại Sửu Mùi may mắn có được ba con, Nếu ngộ Hung Sát tất phải vất vả mới nuôi được con.

Hội cùng Thiên-đồng gia Xương Khúc Tả Hữu và cát tinh có được ba con.

Cùng Thiên-cơ đồng cung sinh hạ được hai con, nhưng nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì hoàn toàn vô tự.

Cùng Thái-dương đồng cung tại cung Mão, có được năm con và sau đều thành đạt nên người, nhưng nếu lại ngộ Kinh Đà Không Kiếp Kỵ tất toàn vô.

Thất-Sát

Là sao chủ sự cô quả, nên nhất định chỉ có được một con, nét lại Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá tất vô tự. Nếu có chăng cũng chỉ là “hư hoa bất thành khí” hoặc lại là “cường hoành bại gia, táng nghiệp chi tử”.

Cùng với Tử-Vi đồng cung, có gia cát tinh dù có vất vả trong việc nuôi dưỡng, cũng được ba con trưởng thành, tuy nhiên con cái hay nghịch ý cha mẹ. Nhưng nếu lại gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung chiếu tất sớm khắc, tất vô tự.

Cùng Vũ-Khúc cùng ở một chung chủ cô đơn, hiểm muộn. Nếu may có được một tất cũng là “thương tàn chi tử”.

Đơn thủ tại Thìn hoặc cung Tuất, chủ sinh hạ nhiều nhưng chỉ nuôi được có một con, và đưa con hiểm hoi ấy, nếu không mang tật nguyên cũng là con hư hỏng, bất lương chi tử.

Phá-Quân

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, sinh hạ được ba con, và đều là những đứa con cường cường, không hợp ý cha mẹ tất phải viễn cư, mới được toàn vẹn.

Đơn thủ tại Dần Thân dù sinh hạ được nhiều cũng chỉ nuôi được hai con.

Đơn thủ tại Thìn và Tuất nếu có nhiều cát tinh xung chiếu, may có được hai con nhưng cũng ốm yếu bệnh tật. Bằng chẳng vậy tất cũng thành “bại gia bất lương chi tử”.

Cùng sao Tử-Vi ở một cung, tất có được ba con, nhưng lớn lên không cùng cha mẹ đồng cư mới được.

Cùng Vũ-Khúc đồng cư, gia hội Tả Hữu Xương Khúc tuy gian nan trong sự nuôi dưỡng, cũng còn được ba con khi về già.

Cùng với Liêm-Trinh đồng cung, đa sinh thiếu dưỡng duy chỉ có một con và sau cũng bình thường thôi.

Tả-Phụ

Nếu sao Tả-Phụ đơn cư cử tức, tất sinh hạ được ba trai một gái. Nếu có Tử-Vi và Thiên-Phủ ba phương cũng chiếu là “Tử Phủ triều Tử cung” chi cách, tất sinh hạ quý tử sau làm rạng rỡ tông môn. Nếu lại bị Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá thì dù có được hai con, cũng chỉ là “bất thành khí chi tử”.

Hữu-Bật

Đơn cư sinh hạ được ba con. Gia cát tinh tất sinh quý tử. Nếu lại ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất chỉ còn một hoặc hai con. Lớn lên cũng chỉ bình thường vậy thôi.

Văn-Xương

Tại miếu vượng địa, sinh hạ được ba con, nếu gia hội được nhiều cát tinh, sẽ có thêm và tất sinh hạ được quý tử, hiển đạt một thời, Ngộ Hung Sát khó nuôi con.

Văn-Khúc

Tọa miếu vượng (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Ty, Hợi) có được bốn con. Nếu được nhiều cát tinh bội chiếu, chủ sinh quý tử, lớn lên con cái đều thông minh, hiểu văn học và sớm hiển đạt.

Hãm địa chỉ được hai con, nếu lại gia Kinh Đà Linh Hỏa tất hiếm con cái.

Lộc-Tồn

Là sao chủ sự cô quả, đóng vào cung Tử Tức là điều bất lợi. Nếu có thêm phòng, cũng chỉ được một “minh linh chi tử”.

Nếu gia hội nhiều cát tinh, có thêm được một con, nhưng cũng không hòa hợp được với cha mẹ, sớm phân cư.

Nếu lại gia Hỏa Linh và Sát tinh, chủ sự khắc phá, tất hoàn toàn vô tự.

Kình-Dương Đà-La

Hai sao này tọa thủ cung tử tức là sự đáng buồn, bởi chủ sự cô đơn. Nếu gia cát tinh đắc địa, có được một con. Nếu như đối cung có nhiều cát tinh đắc địa, không gặp Hung Sát tinh xung phá, cũng có được ba bốn con.

Nhưng nếu lại có Hao hoặc Kỵ đóng vào chính cung Tử-Tức tất phải tuyệt đường nối dõi.

Hỏa-Tinh

Nếu có cát tinh đồng cung, tất có được một con.

Hãm địa và gặp Hung Sát tinh, chủ sự bình thường, tất thị cô đơn.

Linh-Tinh

Độc thủ tại hãm cung, nhất định là cô phân cô đơn.

Nhập miếu và ngộ cát tinh đồng cung, phải lập thứ phòng mới có được con.

Nếu tại đối cung, có nhiều cát tinh hợp chiếu, tất cũng có được hai ba con.

Thiên-Khôi, Thiên-Việt, Hóa-Khoa, Hóa-Lộc, Hóa-Quyền

Các sao này đều là quý tinh, có tính chất cứu, phò, giải rất đặc lực.

Nếu cung Tử-Tức do hung sát tinh tọa thủ, mà gặp được một hoặc nhiều các sao này, tất giảm bớt được sự hình khắc và tạo nên sự may mắn.

Nếu cung Tử-Tức lại có ít sao Hung và nhiều sao cát tọa thủ đồng thì các sao này sẽ biến hung thành cát, và chủ con cái thông minh, sớm thành đạt.

Nếu một hoặc hai trong số sao này tọa thủ cung Tử-Tức, không có Hung Sát tinh, tất chủ sinh hạ Quý tử, làm vinh hiển tông môn.

PHÚ ĐOÁN TỬ-TỨC CUNG

Tử cung ngộ Kiếp Không gia
 Nuôi con chẳng mát đã ba bốn lần
 Khốc Hư đồng ngộ Dưỡng tinh
 Sinh nhiều nuôi ít gian chuân thuở nào
 Hiếm hoi bởi tại Hình Hao
 Quý tinh trước cửa một hào đông con
 Thiên-hình Sát Hổ Tử cung
 Đến già chẳng thấy tay bông tay mang
 Sinh con những giống ngẩn ngơ
 Tử cung xung chiếu Sát Đà Kiếp Không
 Tử cung Không Kiếp trùng giao
 Bệnh phùng băng huyết thay bào phù hoa
 Tới Phật đường cầu tự mới sinh
 Tràng-sinh Đế-vương đa nhân
 Giáp chiếu Nhật Nguyệt có lần sinh đôi
 Đế-vượng ngộ Thai Khôi cùng Tướng
 Có dị bào hai ngả anh em
 Sinh con số hiếm rõ ràng
 Bởi sao Đà Kỵ lâm hàng Tử cung
 Hổ Lang Không Kiếp tang giao
 Sinh con chẳng mát đã ba bốn lần
 Sinh con Quyền Lộc hiển vinh
 Sinh con Khôi Việt văn tinh đỗ đầu
 Sinh con Long Phượng sang giàu
 Khúc Xương chiếu giáp thập hầu tặng phong
 Hỷ-thần hội với Phúc tinh

Dương danh quý tử hiển vinh sang giàu
 Tử cung Thai-tướng Phục-binh
 Vợ chồng ắt hẳn tư tình thuở nào
 Cô-thần Quả-tú hai sao
 Gian chuân vất vả về hài nhi sinh

PHÚC-ĐỨC CUNG CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Tọa thủ Ngọ cung, chủ dòng dõi danh gia, phúc hậu, được hưởng phúc đức, tài lộc trường tồn. Cuộc đời an lạc không gặp tai ương, ách nghiệp. Trong quyền thuộc gần xa, có nhiều người danh giá quý hiển.

Tọa thủ cung Tý tuy hãm nhưng cũng khá, chủ chung thân hoạnh cát lợi, sự nghiệp hưng thịnh trong họ ngoài hàng đều thuận hòa, và cùng được thịnh vượng.

Cùng Thiên-Phủ hoặc Thiên-Tướng đồng cung, chủ phúc lộc vương trường, được hưởng cả phú quý lẫn sống lâu. Trong đời không gặp sự hung rủi, luôn luôn được như ý, vừa lòng. Bà con thân thích hầu như người giàu có, người sang trọng đủ cả.

Cùng Thất-Sát đồng cung chủ khắc tổ nghiệp. Phải ly hương bôn tẩu giang hồ mới tạo được sự nghiệp và được yên hưởng cho đến tuổi về già.

Cùng Phá-Quân đồng cung, chủ sự khắc phá, công cuộc làm ăn lận đận, bôn tẩu, lao tâm phí sức mà vẫn bất an.

Phải ly tổ xa họ hàng mới được yên thân sinh sống đến tuổi về già.

Cùng Tham-Lang đồng cung là phúc bạc. Cuộc đời ly hương long đong, ít khi gặp may, được vừa lòng. Nếu lại gặp Không Kiếp là phận nghèo hèn và yếu tử.

Sao Tử-Vi đóng cung Phúc-Đức về âm phần, chủ về ngôi Mộ Tăng Tổ.

Thiên-Cơ

Tại cung Phúc-Đức sao Thiên-Cơ chủ tiền vận long đong hậu vận thanh nhàn. Do vậy, dòng tộc không được đông đúc.

Thiên-Cơ tọa thủ tại Tý Ngọ cung chủ Phúc và Thọ, được tiền của rồi rào hưởng thụ đến hết tuổi già. Họ hàng cũng thịnh vượng.

Cùng Cự-Môn đồng cung thiếu niên lao碌 long đong, thiếu sự may mắn. Phải về hậu vận mới được xứng ý, toại lòng và được an lạc trong tuổi già.

Cùng Thiên-Lương đồng cung, hạnh phúc hoàn hảo được cả giàu có sang trọng và sống lâu. Trong thân thích cũng có người được quý hiển, được sự âm phù.

Cùng Thái-Âm đồng cung chủ sự khoái lạc, vượng âm. Được hưởng cả phúc lẫn thọ. Nếu Cơ Âm tọa thủ cung Thân, nữ giới được vượng hơn nam giới.

Cùng Thái-Âm đồng cung tại cung Dần, kém may mắn, hay gặp chuyện bất xứng ý, toại tâm. Phe nữ nhân thường thường gặp sự trắc trở về hôn nhân, hoặc có người phải vương nghiệp giang hồ.

Thiên-Cơ tọa phủ cung Phúc-Đức, chủ có ngôi mộ Tổ Phụ đắc vượng địa cây cỏ xinh tươi.

Thái-Dương

Chủ hung trung phát phúc.

Đơn thủ tại các cung Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, chủ được hưởng cả Phúc, Lộc, Thọ. Trong họ hàng có đủ người hiểng đạt phú quý, có danh giá, có uy quyền hiển hách, con cháu cũng kế tiếp được ông cha không kém.

Tọa thủ tại các cung Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý là hãm địa, bị chiết giảm mọi phương diện. Đời sống phải bôn ba bỏ tổ nghiệp, không mấy khi gặp được may mắn, vừa lòng, thọ mệnh kém. Họ hàng cũng ngày một sa sút, có nhiều người phải tha phương cầu thực, có người phải mang ác tật hoặc tai kiếp bất đắc kỳ tử.

Cùng Thái-Âm đồng cung, chủ về khoái lạc, có nhiều trở ngại trong đời.

Cùng Cự-Môn đồng cung, long đong bôn tẩu, phí công phí sức mà cũng chẳng được yên thân.

Cùng Thiên-Lương đồng cung, chủ được sung sướng an vui. Gia hội cát tinh, nữ giới lấy được chồng sang quý. Nhưng nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ tất thị “chung thân bất mỹ”.

Sao Thái-Dương tọa thủ cung Phúc-Đức chủ ngôi mộ tam đại.

Vũ-Khúc

Chủ lao tâm phát lộc. Trong họ đơn người.

Đơn thủ tại miếu địa, an nhiên hưởng phúc lẫn thọ, càng về hậu vận càng thêm cát vượng. Trong tộc thuộc cũng vóc người giàu có, và võ nghiệp hiển đạt.

Cùng Phá-Quân đồng cung, tất thị long đong chung thân thân bôn tẩu. Phải sớm ly hương và chuyên chú về kỹ thuật hoặc công nghệ mới có thể an hưởng tuổi già được.

Cùng Thất-Sát đồng cung là bạc phụ chi mệnh. Dĩ nhiên phải tha phương cầu thực, lao tâm khổ trí suốt đời mà cũng chẳng được mấy lúc an thân. Họ hàng nghèo hèn, ly tán có người bị ác tật, yếu tử.

Cùng Tham-Lang đồng cung, về hậu vận mới được phúc lộc, nếu gặp được Linh Hỏa tất giàu sang và sống lâu.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung là số đắc phúc, được hưởng sự giàu có cho tới lúc mãn tuổi già. Họ hàng trong ngoài đều làm ăn thịnh vượng, khá giả.

Cùng Thiên-Tướng đồng cung chủ được phúc thọ song toàn. Trong đời luôn luôn gặp sự cát vượng. Họ hàng cũng giàu sang thịnh vượng và có nhiều người quý hiển.

Sao Vũ-Khúc đóng cung Phúc-Đức, chủ về ngôi mộ vị Tăng Tổ ở về khu cao, táo địa, ít cây cỏ.

Thiên-Đồng

Chủ phúc thọ song toàn, nhàn hưởng

Đơn thủ tại Mão cung, chủ về tính ý cạnh cãi bất thường, tuy vậy được hưởng nhiều sự may mắn và sống lâu. Cần phải rời xa tổ nghiệp mới làm ăn tăng tiến lên được. Họ

hàng tuy phải mỗi người một phương, nhưng đều làm ăn phát đạt, và trong đám hậu duệ, thường xuất hiện những anh tài thông minh, tuyệt thế.

Nhưng Thiên-Đồng đơn thủ tại cung Dậu, lại là cả một sự bất hạnh cho dòng họ. Lao tâm khổ tứ bất đắc an thân. Dù có là người cương cường tri chí cũng không thể nhất tâm chuyên chú vào một công việc nào được, tất phải thay đổi công việc, ý chí mà vẫn chẳng được xứng ý toại lòng. Muốn được túc dụng độ nhất tất phải ly hương và phân tán. Toàn tộc không có bậc đại thọ, bất thần di thương.

Đơn thủ tại cung Tý cung Hợi, tuy cuộc đời được sung sướng, nhưng là thứ phong lưu phóng đãng, nên không bền vững và không được sống lâu. Phải ly hương và không cố định ở nơi nào mới được hưởng tuổi đại thọ.

Đơn thủ tại cung Thìn cung Tuất cũng cùng ảnh hưởng như sao Cự-Môn đồng cung. Ít gặp may mắn hay bị tai bay vạ gió, luôn luôn chiêu chuyện thị phi, khẩu thiệt, và xảy ra sự tranh chấp trong tộc thuộc, nên rời quê hương mới giảm miễn được tai kiếp.

Cùng sao Thiên-Lương đồng cung, chủ cuộc đời thanh nhàn, được hưởng tài lộc rồi rảnh và sống lâu. Họ hàng cũng có nhiều người hiển đạt giàu sang vì được âm phù.

Cùng Thái-Âm đồng cung tại cung Tý được hưởng cách phúc thọ song toàn. Bà con họ hàng tộc thuộc đều làm nên danh giá giàu sang, con cháu được tiếp hưởng quyền lộc nhiều đời.

Nếu cùng Thái-Âm tọa thủ tại cung Ngọ, là phúc đã đến ngày kém, tất phải phân tán tha hương cầu thực bốn ba nay đây mai đó mới lập nghiệp tốt được. Không sớm yếu nhưng không được trường thọ.

Liêm-Trinh

Độc thủ chủ vong trung sinh phúc

Cùng Thiên-Tướng đồng cung, tuy cũng được hưởng phúc, họ hàng khá giả, nhưng “phúc đa nhân thiếu” có tiền bạc hiếm con cái.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung, chủ cuộc đời sung sướng phúc thọ song toàn. Tộc thuộc cũng được nhiều người giàu có, quý hiển.

Cùng Phá-Quân đồng cung, tất phải long đong, bốn bể mà vẫn được an thân. Có lao tâm tổn lực mới được túc dụng thường nhật. Nếu Ngọ Dương Đà Hỏa Linh nhất định chung thân lao khổ, phải về tuổi già mới được như ý.

Cùng Tham-Lang đồng cung, là số tự chiêu lấy tai ương, kiếp họa. Họ hàng sa sút, bần hàn. Thọ mệnh chiết giảm. Nên rời tổ nghiệp, khả dĩ giảm tai.

Cùng Thất-Sát đồng cung, chủ hay vướng phải tai nguy, họa hiểm. Có khi vướng vòng lao lý, cùng đồ. Trong dòng họ có nhiều người yếu tử, hoặc bị ác tật.

Liêm-Trinh đóng cung Phúc-đức, chủ về ngôi một Bá hoặc Thúc tổ, táng vào chốn cao địa chi hoàng thổ.

Thiên-Phủ

Chủ an tĩnh hưởng phúc

Đơn thủ tại Tý Hợi cung, chủ được phúc, thọ song toàn trong họ hàng đều làm ăn cát vượng, đa nhân diệc đa tài.

Đơn thủ tại Sửu, Mùi, Mão, Dậu chủ phúc lộc kém rồi rảnh. Nếu tha hương lập nghiệp sẽ được túc dụng an thân.

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ cuộc đời được hưởng phúc lộc, thọ toàn mỹ, lúc nào cũng vui sướng, nhân hạ, không lo lắng, hoạn nạn, tộc thuộc đều phú quý, hiển đạt.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, chủ được hưởng phúc đức trời cho, giàu có và an hưởng cho tới hết đời, họ hàng cũng khá giả.

Thái-Âm

Tọa thủ tại các cung Dậu Tuất Hợi là miếu địa, chủ được hưởng thụ: phúc lộc thọ toàn, trong tộc thuộc cũng có nhiều người giàu có, sang trọng hiển đạt.

Đơn thủ tại các cung Mão, Thìn, Ty, là “âm phản bối” chủ về phước bại, hoặc gặp tai kiếp, hoặc “bất đắc kỳ tử”. Nữ giới thường gặp chuyện trắc trở, hoặc rất vất vả về chồng con, nên tạo phước duyên hầu giảm thiểu tai kiếp và được sống lâu.

Cùng Thiên-Đồng đồng cung, chủ sinh trưởng trong gia đình quý hiển, xuống ngựa lên xe.

Nếu cùng Thiên-Đồng tọa thủ cung Ngọ, chủ sự hình khắc, trong gia đình thường có sự bất hòa. Sớm mồ côi cha hoặc mẹ.

Cùng Thái-Dương đồng cung, tuy gia đình sung túc, nhưng thiếu sự hòa thuận giữa cha với mẹ, cũng như giữa cha mẹ với các con.

Cùng Thiên-Cơ đồng cung, được hưởng thọ cách. Trong họ hàng có người giàu sang, và vượng cho nữ giới hơn. Nhưng nếu cùng Thiên-Cơ tọa thủ cung Dần, thời phúc đức đã mỏng, trong đời ít khi được xứng ý, toại lòng, họ hàng chỉ túc dụng độ nhất, nữ giới hay có sự trắc trở về chồng con, hoặc tính tình lẳng lơ không chính đính.

Sao Thái-Dương đồng cung Phúc-đức, chủ về ngôi mộ Tổ Mẫu, tọa lạc tại một cuộc đất tương tự thể “bán nguyệt, nga mi”. Ứng cho dòng bàng hệ thuộc Kim-mệnh.

Tham-Lang

Chủ lao tâm phát lực nhi bất an.

Đơn thủ tại Dần, Thân cung, tuy cũng được hưởng phúc nhưng là phúc khinh và được thọ trường.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, phải về hậu vận mới được sung sướng, trong họ hàng có nhiều người tha phương, tạo nghiệp giàu có.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, chủ giảm thọ, giảm phúc, phải ly hương mới có thể tạo dụng độ nhật và được an thân, tộc thuộc mỗi ngày thêm sa sút, nhiều người mắc “chứng bệnh Tề Tuyên”.

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ giảm thọ, giảm phúc, trong đời chẳng mấy khi được xứng ý, vừa lòng. Trong họ hàng phải ly hương, bôn tẩu mới được túc dụng, nếu kiếm được nhiều tiền của, tất số mạng yếu vong.

Cũng Liêm-Trinh đồng cung, chủ phúc bạc, mệnh yếu, hay mắc vương tai bay vạ gió, trong họ hàng có nhiều người bần hàn, hay vòng lao lý, hoặc giang hồ phiêu bạt.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, chủ vượng về hậu vận, càng về già lại càng gặp nhiều người giàu có, hoặc có người hiển đạt về binh-nghệp.

Sao Tham-Lang đồng cung Phúc-đức, chủ về mộ vị của Cao Tăng Tổ.

Cự-Môn

Chủ lao tâm phát lực nhi bất an.

Đơn thủ tại hai cung Thìn Tuất chủ phúc bạc, phận mỏng, tuy phải lao tâm, khổ xác mà vẫn chẳng mấy lúc được an thân, hay mắc tai bay vạ gió, và thường gặp chuyện khẩu thiệt, kiện tụng, số phải ly tổ mới giảm bớt được tai ương. Trong họ hàng hay xảy ra chuyện tranh chấp, nhiều người ta phương tạo nghiệp, hoặc lưu lạc giang hồ bằng không cũng phải khốn cùng và mắc vòng tù tội, hoặc thọ mệnh kém.

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, chủ được hưởng lộc thọ toàn, họ hàng, đều được gặp sự cát vượng, người giàu có, người quý hiển.

Cùng Thiên-Đồng đồng cung, chủ phúc bạc, phận mỏng. Trong đời gặp chuyện buồn nhiều, sự vui, rất hiếm, hay gặp tai nạn, khẩu thiệt, và việc kiện, tụng lỗi thời. Trong họ hàng cũng hay có sự tranh chấp lẫn nhau, phải lìa bỏ quê hương đi lập nghiệp phương xa mới đủ độ nhật và được yên thân.

Cùng Thái-Dương đồng cung tại miếu vượng địa, chủ cuộc đời sung sướng được cả phúc lẫn thọ. Họ hàng đều giàu có danh giá, và có quyền thế đời này kế tiếp đời khác.

Nhưng nếu lại cùng Thái-dương tọa thủ tại hãm địa, thời trái lại phúc bạc thọ yếu và luôn luôn gặp sự bất trắc trong đời, phải ly hương, lìa tổ nghiệp, mới có thể giảm bớt được tai kiếp và tạo dựng được cơ nghiệp túc dụng độ nhật, tộc thuộc mỗi ngày mỗi sa sút, có nhiều người phiêu bạt, hoặc phải mang ác tật hoặc bị tai nạn “bất đắc kỳ tử”.

Về âm phần, sao Cự-Môn về mộ vị bá, thúc tổ tọa lạc gần nơi đền đài, cổ thành.

Thiên-Lương

Chủ thanh nhàn, an lạc

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, được hưởng phúc thọ toàn mỹ, không gặp tai ách và cũng không phải bận tâm, lo lắng trong đời, trong họ có nhiều người hiển quý, làm rạng rỡ tông môn.

Đơn thủ tại Sửu Mùi, được hưởng thọ, tiền của bình thường, túc dụng, họ hàng cũng ở mức bình thường.

Đơn thủ tại Tý, Hợi cung, chủ phúc nhẹ, phận mỏng, hay gặp tai kiếp hay thay đổi chủ hướng và công việc sinh sống số phải sớm ly hương, hoặc trôi nổi giang hồ. Họ hàng mỗi ngày mỗi suy nhạt, thường là: nam giới thì đăng tử phiêu lưu, nữ giới cũng nhiều kẻ lẳng lơ, lẳng mạn, và hay bị lỡ dở về hôn nhân

Thiên-Đồng đồng cung, chủ cuộc đời thanh nhàn, giàu có và sống lâu, trong họ có nhiều người giàu sang, hiển đạt, vì được âm phù.

Thái-Âm đồng cung tại Tý, chủ phúc thọ song toàn, nên ly hương lập nghiệp để có nhiều may mắn, họ hàng có nhiều người giàu sang, có người có quyền thế, đời này kế tiếp đời khác. Nhưng nếu ở cung Ngọ, tất phải chiết giảm mọi mặt phải ly tổ, bỏ nhà mới được an thân.

Thiên-Lương đồng cung Phúc-đức, chủ về mộ cụ Cao-Tổ mộ vị ở vào cuộc đất không còn màu mỡ lẫn với cát sỏi.

Thất-Sát

Chủ hạnh phúc uy quyền

Đơn thủ tại Dần Thân, tất phải ly hương, rời tổ, nghiệp mới được hưởng phúc. Họ hàng có nhiều người hiền đạt về binh nghiệp và con cái nổi được sự nghiệp cha.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, chủ về phúc bạc và binh nghiệp đao thương, hay bị tai ách tổn thương đến bản thân, và còn vướng mắc vòng lao lý, phải ly hương để may tránh được tai kiếp, tộc thuộc suy, bản hàn, tha phương cầu thực và thường bị yếu tử.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, tuy được hưởng phúc nhưng là phúc khinh. Cả cuộc đời gắn liền vào thế “đắc hồ thủy, thất hồ bễ”, phải sớm ly hương mới có thể túc dụng thường nhứt và yên ổn.

Tử-Vi đồng cung, chủ khắc tổ nghiệp, phải sớm ly hương, bôn tẩu nay đây, mai đó, khả dĩ độ nhật và yên ổn tuổi già.

Liêm-Trinh đồng cung, bị giảm thọ, thường bị tai bay vạ gió ngặt nghèo, nên sớm ly hương cầu sự bình thường, họ hàng thường bị chết sớm, hoặc vướng vòng tù tội, hoặc bản hàn mang ác tật.

Vũ-Khúc đồng cung, chủ phúc suy, mệnh bạc, dù cuộc đời lận đận, lao tâm, khổ xác mà vẫn chẳng được an thân, có xa quê hương, bỏ tổ nghiệp cũng chỉ đỡ tai kiếp phần nào vậy thôi, trong họ, cũng đa số mỗi người một phương, hoặc nghèo khổ và không sống lâu.

Về âm phần, Thất-Sát chủ về mộ phần vị Tăng-Tổ tọa lạc tại cục đất khô, nóng.

Phá-Quân

Chủ lao tâm, phát lực, phân ly

Đơn thủ tại Thìn Tuất cung, chủ được hưởng phúc phần nào thôi, số ly tổ cầu thân an.

Đơn thủ tại Dần Thân, chủ phúc bạc, giảm thọ, thường mắc phải tai bay vạ gió, dù đề phòng cách mấy cũng khó tránh được, cần ly hương mới may được yên thân làm ăn độ nhật, họ hàng cũng sa sút bản hàn.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, nên rời tổ nghiệp để được hưởng cả phúc lẫn thọ. Trong tộc thuộc, riêng ngành trưởng, phải gánh mọi tai kiếp, nghèo nàn, ly tán, thời mọi người trong ngành khác mới làm ăn khá giả.

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ sự hình khắc trong đời, nên dù có long đong bôn tẩu, lao tâm tổn sức mà vẫn chẳng yên thân. Nên sớm ly hương khả dĩ độ nhật và được yên hưởng tuổi già.

Cùng Liêm-Trinh đồng cung, phải ly tổ và bôn tẩu độ nhật. Nếu lại ngộ Dương Đà Hỏa Linh tất thị chung thân lao khổ, tuy nhiên về hậu vận sẽ được toại tâm xứng ý.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, nên sớm ly hương mới được yên thân, và được hưởng cả phúc lẫn thọ trong buổi xế chiều, trong họ, tuy mỗi người một phương, nhưng nhiều người thành đạt về kỹ thuật và kinh doanh.

Phá-Quân đồng cung Phúc-đức, chủ phần mộ vị Cao-Tổ đất bị sút lở.

Văn-Xương Văn-Khúc

Hội nhiều cát tinh, chủ được hạnh phúc, sung sướng trong cảnh quý hiển cho tới mãn phần. Họ hàng có nhiều người thành đạt khoa bảng, danh giá một thời. Hăm địa và gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất phải “tâm, thân cầu bất đắc an”. Trong họ hàng, tuy khá giả, nhưng những người có danh vọng bị mang ác tật, ác bệnh hoặc yếu tử.

Tả-Phụ

Độc thủ Phúc cung, về hậu vận mới được cát vượng, yên hưởng tuổi già.

Cùng nhiều cát tinh, được phúc thọ song toàn. Trong đời gặp toàn may mắn. Ly hương đắc lộc.

Nếu hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phải cần cù, cay đắng mưu sinh độ nhật.

Hữu-Bật

Bình sinh thụ hưởng phúc lộc toàn mỹ. Hội nhiều cát tinh suốt đời không hề gặp sự âu lo.

Hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp một đời lao tâm, khổ xác vẫn chẳng được yên.

Lộc-Tồn

Một đời hưởng thụ phúc trạch trọng hậu, trường thọ an nhàn, xử thế được mọi người hòa thuận.

Gia hội nhiều cát tinh, tất thị “hỷ phúc trùng lai” đã có sự vui mừng lại được hưởng thêm phúc lộc.

Gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, cả tinh thần lẫn thể xác chẳng được yên.

Thiên-Khôi Thiên-Việt

Chủ được quý nhân, mến chuộng, coi như bạn thiết, nhất sinh vui hưởng phúc lộc mỹ mãn.

Gia ác sát tinh “phúc trung hữu họa”, càng cao danh giá càng nhiều tai ương.

Kinh-Dương

Độc thủ tại miếu địa, chủ “động trung hữu phúc” phải lao tâm mới có được sự hưởng thụ phúc lộc vinh thân.

Độc thủ tại hãm địa, lao tâm khổ xác, thường tập tai họa, trong đời chẳng bao giờ được toại tâm.

Gia hội cát tinh, giảm được âu lo

Đà-La

Độc thủ tại miếu địa, tuy được hưởng phúc lộc, nhưng trong sự “may” cũng đôi khi có sự “rủi”. Được an nhàn về hậu vận. Họ hàng trước ly, sau tụ về cát vượng thêm.

Đà-La độc thủ, tất phải cần cù, tân toan mới túc dụng. Gia hội cát tinh “tiên bản, hậu phú”

Hãm địa chủ bốn ba xuôi ngược nếm đủ vị đời cay đắng mà vẫn chẳng yên thân.

Hỏa-Tinh Linh-Tinh

Nhất sinh bốn ba, gian khổ. Được đầy rồi lại mất đầy, cái “rủi” luôn luôn đi kèm với cái “may”.

Gia hội cát tinh, phải đến tuổi già mới gặp sự xúng ý, toại lòng và an hưởng tuổi trời. Trong họ có nhiều người hiển đạt, phú quý một thời nhưng lại vắn số.

Địa-Không Địa-Kiếp

Sao Không, sao Kiếp đóng Phúc-đức cung, tất thị phúc bạc phận mỏng rồi.

Gia hội cát tinh, công việc buổi đầu gặp đầy gian nan trắc trở, nhưng phải kiên trì vững chí, tất được trôi chảy như ý, họ hàng mỗi người một phương nhưng khá giả.

Nếu gặp sát tinh, khó tránh được tai ương, phải sớm ly tổ, đi thật xa, may được yên ổn làm ăn túc dụng.

Hóa-Quyền Hóa-Lộc Hóa-Khoa

Là những vị phúc tinh có khả năng hóa giải được những ảnh hưởng tai hại do các Hung sát tinh tác động cho cung Phúc-đức.

Nếu không có ác sát tinh, ba sao này tăng phúc, tăng lộc, tăng thọ một đời sung sướng uy quyền và quý hiển.

Hóa-Ky

Chủ giảm thọ, gây tạo sự hờn oán, và tranh chấp lẫn nhau, chiết giảm sự đẹp đẽ, may mắn của các cát tinh.

Nhưng nếu Hóa-ky gặp Thanh-Long tại cung Phúc, là chủ sự hiển đạt “rồng mây gặp hội” hoặc gặp Hóa-Khoa là cách “Ky ngộ Khoa tinh” công thành danh toại, hoặc là được mọi người trên dưới mến chuộng “đắc quân, dân sủng ái”

Đại-Hao Tiểu-Hao

Chủ sự giảm chiết, giảm cả phúc lẫn thọ. Nếu tha hương lập nghiệp, họ hàng đa số nghèo túng, phải tha phương cầu thực.

Tang-Môn Bạch-Hổ

Chủ giảm chiết, thọ mệnh. Họ hàng mỗi người một nơi những người vượng tài, vượng lộc tất phải yếu tử.

Nhưng sao Bạch-Hổ ngộ Táo thư, là trong họ có nhiều người được phong tặng hiển hách.

Thiên-Khốc Thiên-Hư

Chủ chiết giảm, thọ mệnh, chiêu thị phi oán hờn.

Người trong họ hàng hay gây chuyện thị phi và oán trách lẫn nhau.

Thiên-Mã

Chủ tăng thọ, tăng phúc lộc. Càng ở xa quê hương, sự làm ăn càng gặp nhiều cơ may, và đạt thành sự nghiệp phong phú.

Trong họ có nhiều người hiền đạt, nhưng không thể ở gần hoặc quần tụ với nhau.

Nếu Thiên-Mã ngộ Hóa-Lộc, hoặc Lộc-Tồn ở cung Phúc đức là họ hàng được phát phú, người nào cũng làm ăn phát đạt.

Thái-Tuế

Nhũ chiết giảm, giáng tai ách. Ngộ Thái-Tuế khó tránh được thị phi, trong họ luôn có sự lục đục, vì đố kỵ và tranh chấp lẫn nhau.

Long-Trì Phượng-Các

Là hai phù trợ tinh chủ đem lại sự may mắn, phúc lộc, trong họ có nhiều người khá giả.

Cô-Thần Quả-Tú

Chủ sự cô quả

Cung Phúc-đức, gặp hai sao này trong họ hiếm người. Nếu hội nhiều cát tinh, tất được hưởng phúc, tránh được nhiều tai nạn vì có quý nhân phù trợ.

Nhưng nếu gặp nhiều ác sát tinh, tất bị giảm thọ khó tránh được tai họa. Trong họ hàng càng ngày càng sa sút lụn bại thêm.

Đào-Hoa Hồng-Loan

Chủ tăng sự tươi sáng. Nếu gia hội nhiều cát tinh suốt đời gặp nhiều vận hội may và tạo thành, được hưởng phúc thọ song toàn. Trong họ có nhiều người giàu có người sang trọng. Nhưng phía nữ giới có nhiều vượng cơ hơn phía nam nhân.

Nếu hội nhiều ác sát tinh, tất thị phúc bạc, mệnh yếu, hay mắc phải tai ương và không được giải cứu giúp đỡ, họ hàng ly tán sa sút, việc mưu sinh lận đận. Nữ nhân hay gặp trắc trở về hôn nhân.

Âm-Quang Thiên-Quý

Cung Phúc-đức có hai sao này chủ được quý nhân phò trợ, hoặc giải cứu khỏi vòng tai kiếp, mưu sự gặp nhiều may mắn, họ hàng cũng gặp nhiều sự cát vượng làm ăn khá giả.

Thiên-Quan, Quý-Nhân Thiên-Phúc, Quý-Nhân

Chủ sự ban ân, tứ phúc

Cung Phúc-đức có hai sao này đóng, chủ được hưởng phúc trời ban, dù có gặp tai bay vạ gió nhưng cũng được quý nhân hóa giải cho.

Trong họ hàng có nhiều bậc phúc-hậu, từ thiện, mở rộng lòng nhân hậu với mọi người.

PHÚ ĐOÁN PHÚC-ĐỨC CUNG

Phá Tý Ngọ, trưởng phiêu lưu
 Thủy Kim hợp cách, Sửu Mùi Khúc Xương
 Dần Thân Không Kiếp cơ hàn
 Cự Cơ Mão Dậu phúc càng thêm hay.
 Thìn Tuất Tham Vũ cũng hay
 Chớ ai Ty Hợi phúc bày Không vong
 Thái-sát tròn thẳng mà dài
 Tham-Lang Phụng-các là loài chim muông
 Liêm-Trinh ngộ Hỏa tiêm đầu
 Thiên-Lương có chằm gói đầu thành thoi
 Hai quan Tướng Phá cùng ngồi
 Tướng trong là giáp binh ngoài là chiêng
 Tổ sớm Tử Phủ một miền
 Những sinh có nước tả truyền hữu lai
 Phòng văn đồ duệ án tiền.
 Tân nghiên tân bút Chấn Canh cổ kỳ
 Cò Hóa-lộc bằng Hóa-khoa
 Ngựa đi Thiên-mã, voi quỳ Kinh-Dương
 Văn-Khôi Vũ Việt thịnh đường
 Tả Long hữu Hổ thuận tường phân kim
 Kiếp Không Tuần Triệt gia liên
 Có ông mất mã ở miền quan sơn
 Tang-môn Cô-quả Đào Hồng
 Họ hàng có kẻ góa chồng cô đơn
 Khốc Hư Cơ Cự muôn vàn
 Đường đi lẫn quất Vũ nhàn Triệt không
 Đà tiền ngộ Mã Tương xung
 Trai bị hình ngục gái phòng nghiệt thương
 Rể cây khôn tránh khỏi đường
 Phá liêm Mão Dậu Điều Tang một tòa
 Lộc nhàn Mã ngộ Kiếp không
 Long phi Hổ tấu một dòng phiêu lưu
 Lộ bàng Triệt Ngộ Phá- quân
 Đà la diệu táng mộ phần đảo thi
 Mã Đà gái lấy chồng xa
 Thiên-cơ Hư Nhuận bệnh ra điên cuồng

Thái-dương tam địa mộ phần
Thái-âm tam tại âm nhân rõ ràng
Ngộ hãm tứ tại tổ đường
Thiên-đồng tam địa thời phong bốn đời
Vũ-khúc Thiên-tướng năm đời
Cơ Tham thứ sáu bảy đời Cự Lương
Tả phủ thượng tổ ngôi dương
Hoa-Cái mộ mới cũng ngôi Hỷ-thần.

CHƯƠNG 7**NỮ MỆNH TÍNH LÝ CHƯ TINH****Tử vi**

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người hậu trọng, thanh tú.
- Hội cát tinh, làm vượng phu ích tử.
- Nếu Tử-vi thủ mệnh tại Dần, Ngọ, Thân cung và hội cát tinh, cũng tăng phần quý hiển cho chồng con.
- Nếu thủ mệnh tại Tý, Dậu hoặc Ty, Hợi cung, hội với tứ sát thành cách “ Mỹ Ngọc Hà Đỉnh” (ngọc lành có vết) càng ngày càng sa sút.
- Cùng Thiên- phủ đồng thủ mệnh, hoặc Tử -vi tọa thủ cung Phu, đều chủ sự được phong tặng.
- Cùng Thiên-phủ tại Ty, Hợi cung và được Tả, Hữu phù trì thành cát, tất được Phú, Quý song toàn.
- Cùng Tham-Lang đồng thủ Thân, Mệnh phải đọa lạc phong trần.
- Nhưng nếu gặp được Tả, Hữu lại có cơ thể hóa giải được.
- Ngộ tứ Sát xung phá, tuy có được Y lộc(tiền bạc) rồi rào, nhưng là người dâm dật.

TỬ-VI NỮ MỆNH CA.

Tử-Vi nữ mệnh Thân cung.

Thiên-Phủ tôn tinh đồng đáo cung

Cánh đắc cát tinh đồng chủ chiếu

Kim quan phong tặng, phúc mãn sung.

- Sao Tử-vi, Thiên-PHỦ đồng thủ tại cung Thân nếu được cát tinh chính chiếu, tất được mảo vàng phong tặng, phúc trạch rồi rào.

HỢU VIẾT

Tử vi nữ Mệnh thủ phu cung

Tam phương cát củng cánh vinh phong

Nhược phùng Sát Phá lai xung phá

Y lộc doanh dư, dâm, sảo dung

- Đàn bà có sao Tử-vi đóng tại cung Phu, có cát tinh tam phương củng chiếu, cũng được vinh hiển. Nếu có bị Sát Phá xung chiếu, cũng là người có dung nhan sắc sảo, tiền của dư dả, tuy nhiên là người dâm dật.

Thiên- Cơ

- Tọa thủ Thân mệnh cung tại miếu địa là người cương tình rất cơ sảo, có quyền bính trong tay và làm vượng phu ích tử.

- Hãm địa, gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Ky xung phá, nếu không khắc chồng con, tất cũng là người tàn tật hạ tiện.

- Cùng sao Thái âm thủ mệnh tại cung Dần hoặc cung Thân, là người có dung mạo mỹ lệ, có tiền bạc sung túc, nhưng không tránh được nét dâm dật.

- Cùng Cự-môn thủ mệnh tại cung Mão hoặc Dậu, tuy có được phú quý nhưng vì dâm dật nên phúc bất toàn mỹ.

- Cùng Thiên-lương thủ mệnh tại cung Thìn hoặc cung Tuất, tuy là người khôn khéo nhưng cũng có tật dâm dật. Bằng chẳng vậy, tức hình phu, khắc tử.

- Sao thiên-cơ và Thái-âm, hoặc sao Cự môn hay Thiên-lương đồng cung, ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung hợp, chủ: dâm ô, hạ tiện, làm hầu thiếp hoặc làm xướng tỳ (tôi đòi múa hát). Bằng không tất thương phu khắc tử.

THIÊN CƠ NỮ MỆNH CA

Thiên-cơ nữ mệnh cát tinh phù

Tác sự thao trì quá trượng phu

Quyền lộc cung trung phùng thủ chiếu

Vinh ượng cáo mệnh quý như hà.

- Nữ mệnh có soa Thiên- cơ thủ Mệnh và cát tinh phụ chiếu là người hành động tài giỏi, vững chắc hơn cả bàn tay râu. Nếu lại được Quyền, Lộc đồng cung hoặc chính chiếu tất được phong tặng, vinh hiển và quý giá biết bao?

HỮU VIẾT

Thiên-cơ tinh dữ Thái-âm đồng

Nữ mệnh phùng chi thất sảo dung

Y lộc phong nhiều, chung bất mỹ

Vi xương, vi thiếp chủ thâm phong.

- Đàn bà gặp cách Cơ Nguyệt thủ Thân mệnh cung, tất thị có nhan sắc kiều mỹ, mềm, tuy được phong gấm ru là nường không được bền. Hoặc làm hậu thiếp, tỳ xướng cho thỏa mãn thâm tình.

Thái –dương

- Tọa thủ Thân, mệnh cung tại miếu vượng chủ: vượng phu, ích tử. Nếu hội với Hóa-quyền, Hóa-lộc tất được phong tặng phẩm tước.

- Gai Sát tinh, chủ bình thường.

- Sao Thái dương thủ mệnh từ cung Dần để cung Ngọ hội với cát tinh chủ : sự Phú Quý.

- Hãm địa, thì bình thường.

- Táhi –dương thủ mệnh tại Tuất , Hợi, Tý cung, nếu cung Phu không có nhiều quý tinh đắc vị, tất chỉ làm vợ lẽ, vợ hai.

- Hãm địa, lại hội Dương Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Kỵ tuy lâm cảnh nghèo hèn hoặc tàn tật, nhưng vẫn là bậc tiết phụ khả trọng.

THÁI DƯƠNG NỮ MỆNH CA

Thái dương chính chiếu phụ nân thân

Tư mạo, thù thường, tính cách trinh

Cánh đắc cát tinh đồng chủ chiếu

Kim quan phong tặng tác phu nhân.

- Đàn bà được soa Thái-dương đắc vị chủ chiế vào cung Mệnh hoặc cung Thân là người có nhan sắc hồng hào, tính tình trinh liệt.

- Nếu lại được cát tinh củng chiếu, tất thành bậc mệnh phụ được phong tặng mũ vàng, áo gấm.

HỮU VIẾT

Thái-dương nữ mệnh hữu kỳ năng

Hãm đại tu phòng yêu sát lãng

Tác sự trầm lãnh đa tiến thoái

Tân cần độ nhật miễn gia khuynh.

- Nữ nhân có sao Thái-dương thủ mệnh là người có tài năng kỳ lạ.

- Hãm địa, phải đề phòng nạn sông nước chết người.

- Người có sao Thái-dương thủ mệnh, bản chất trầm lãng biết tiến thoái đúng lúc. Nhút là người có nghị lực chịu đựng cay đắng trong cuộc sống cần cù thường ngày để gia đình được ấm no.

HỮU VIẾT

Thái-dương phản chiếu chủ tâm vong

Y lộc bình thường thọ bất trường

Khắc quá lương nhân hoàn khắc tử

Chỉ nghi âm hạ tác thiên phòng.

- Đàn bà gặp sao Thái-dương lạc hãm thủ Mệnh là người lao tâm, nghèo hèn và mệnh yếu, trước chết chồng sau lại chôn con.

- Gặp cách “Thái dương phản bõ”, nên biết an phận, nương bóng người trong cảnh thứ thất, cho cuộc đời bớt cam go.

Vũ khúc

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại miếu vượng cung là bậc hiền phụ đáng quý.

- Tuy chồng có vợ hai, nhưng vẫn vui sống, hòa hợp với người vợ hai trong tình chị em.
- Sao Vũ-khúc còn có tên là “Đệ nhị Quả-Tú” hợp cho Nam mạnh, bất hợp Nữ mạng.
- Vũ thủ Mệnh, mà các sao tại cung Phu đều có tính chất nhu nhược, tất thị vợ đoạt quyền chồng và miễn bị hình phu khắc tử.
- Nếu các sao tại cung Phu đều “cương mãnh” thành cách “ Lưỡng Cương tương địch” tức chủ sự hình khắc sinh ly.
- Hãm địa, ngộ Xương Khúc và gia Sát tinh là người tâm bất chính, nghèo hèn và cô đơn.

VŨ-KHÚC NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Vũ-khúc mệnh trung phùng

Thiên-phủ gia chi, chi khí hùng

Tả Hữu, Lộc lai, Tướng phùng tụ

Song toàn Phú Quý, mỹ vô cùng

- Nữ mệnh có Vũ-khúc, Thiên phủ đồng cư là người có chí khí hào hiệp, có đảm lược.
- Nếu cùng Tả Hữu, Lộc, Tướng giao hội tất được hưởng thụ Phú Quý song toàn.

HỮU VIẾT

Tướng tinh nhất tú, tới cương cường

Nữ mệnh phùng chi, tính dị thường

Y lộc thao thao, chung hữu phá

Bất nhiên thọ yếu chủ hung vong

- Đàn bà có sao Vũ-khúc độc thủ cung Mệnh là người tính tình cứng rắn khác mọi người. Tuy làm ra lắm bạc nhiều tiền nhưng chung cuộc tay trắng vẫn hoàn trắng tay.
- Nếu không tất bị tai kiếp và sớm kết liễu đời bạc mệnh.

Thiên-đồng

- Thủ Thân, Mệnh tại miếu vượng cung, gia hội cát tinh được hưởng phúc lộc vinh xương.

- Nếu không ngộ Sát tinh là người thông minh, linh lợi, nhưng rất hiền thực, làm vượng phu, ích tử, một bước lên bà, hưởng thụ phú lãn quý.

- Người tuổi Tý, Mệnh lập tại Dần

- Người tuổi Tân, Mệnh tọa cung Mão.

- Người tuổi Đinh, Mệnh an tại Tuất.

đều đắc thượng cách phú quý song toàn.

- Thiên-Đồng thủ Mệnh tại cung Tỵ hoặc Hợi, dĩ nhiên dung nhan xinh đẹp, đời sống sung túc nhưng đa dâm.

- Nếu Ngộ Sát tinh xung phá, tất thị hình phu khắc tử.

- Cùng hội Thái-dương tại Thân hoặc Mệnh cung, tuy được Y lộc phong túc, nhưng phải đứng hàng thứ thiếp, cũng chẳng hay gì.

- Cung Thiên-lương đồng thủ Thân hoặc Mệnh cung cũng chỉ làm lẽ mà thôi.

THIÊN ĐỒNG NỮ MỆNH CA

Thiên Đồng thủ Mệnh phu nhân thân

Tính cách thông minh linh lợi nhân

Xương Khúc cánh lai tương hội xứ

Du du tài lộc tự thiên thần.

- Nữ mệnh được Thiên-đồng tọa thủ, là người thông minh linh lợi bất thiếp.

- Nếu hội với Văn-xương, Văn-khúc tất được tài lộc dồi dào tới như trời ban.

HỢU VIẾT

Thiên-đồng nhược dữ Thái-âm đồng

Nữ mệnh phùng chi dâm sảo dung

Y lộc tuy phong chung bất mỹ

Thiên phòng, trì thiếp dữ nhân thông.

- Sao Thiên-đồng cùng sao Thái-âm thủ Mệnh là người đàn bà có dung nhan sắc sảo, kiều mỹ, làm say đắm lòng người.

- Đương thời tuy có được tiền bạc phong phú nhưng không được bền.

- Nếu làm vợ lẽ là hợp số mạng, giúp chồng được mọi việc tiện lợi và bản thân đỡ long đong.

Liêm- Trinh

- Thủ Thân hoặc Mệnh tại miếu cung, hội với Hóa-lộc là người có tính chất cương nghị, cơ sảo.

- Có dung nhan thanh nhã, tú lệ, làm vượng ích cho chồng con.

- Nếu tam phương hội với cát tinh, không ngộ các sao Sát, Phá tất được phong tặng.

- Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Mùi hoặc cung Thân người tuổi Giáp được “thượng cách”.

- Nếu mệnh viên an tại cung Dần, Người tuổi Giáp và tuổi Kỷ cũng đắc “thượng cách”.

- Với những tuổi Giáp, Kỷ, Canh, Quý mà mệnh viên an tại cung Thân, Dậu, Hợi, Tý..., hoặc tuổi Bính, Tân, Ất, Mậu mệnh viên an tại Dần, Mão, Tỵ, Ngọ cung, đều là những người thanh quý, trọng tiết tháo.

- Nhưng với những tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi lại phản ccsh thành kẻ bần tiện.

- Nếu cùng Tham-lang hoặc Phá-quân hội với Văn-khúc Đà-la và Hỏa-tinh, tất chủ hình phu khắc tử, hoặc chỉ làm kẻ ca xướng nô tỳ.

LIÊM-TRINH NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Thân, Mệnh trị Liêm-trinh

Nội chính thanh liêm, cách cục tân

Chư cát củng chiếu, vô sát phá

Định giao phong tặng tại thanh xuân.

- Sao Liêm-tinh tọa thủ Thân hoặc Mệnh cung chủ: tài nội trợ đảm đang, liêm chính, hay cải thiện đổi mới đêet công việc thích hợp.

- Nếu được cát tinh tam phương củng chiếu, mà không gặp sát tinh tất được phong tặng mào vàng, áo vóc hiển quý ngay từ khi tuổi còn thanh xuân

HỢU VIẾT

Liêm-trinh, Tham Phá Khúc tương phùng

Đa Hỏa giao tia cực tiện dung

Định chủ hình phu hãn khắc tử

Chỉ hiểu thông phòng, xướng tỳ dung.

- Nữ mạng gặp các Sát, Phá, Liêm, Tham gia hội với Vũ-khúc, Đà-la, Hỏa-tinh là cách “tối bất hảo” chủ sự: nghèo hèn và káhc chồng káhc con.

- Số “bạc mệnh” này chỉ hợp cho đám nô tỳ, hầu phòng dong thân độ nhật.

Thiên-Phủ

- Tọa thủ cung Thân, Mệnh là người có vóc dáng đẹp đẽ, tính chất thanh tao chính trực, có cơ mưu khôn khéo để làm lợi cho chồng, ích cho con.

- Thiên-phủ thủ Mệnh tại miếu vượng cung, được nhiều cát tinh củng chiếu, không bị Sát và Ky xung phá, tất phải là bạc mệnh phụ quý hi.

- Nếu lại được sao Tử-vi tam hợp củng chiếu nhất định thành “quý phu nhân”.

- Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh xung chiếu tất hiếm con và tương bội lục thân.

THIÊN PHỦ NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Thiên-phủ Mệnh Thân cung

Tính cách thông minh, hoa dạng dung

Cánh đức Tử-vi tam hợp chiếu

Kim quan hà bội thụ hoàng phong

- Đàn bà được các sao Thiên-phủ cư Mệnh hoặc Thân cung là người có dung nhan tươi đẹp như hao và tư chất thông minh hiền hậu.

- Nếu lại được sao Tử-vi tam hợp hoặc chiếu tá sẽ được ân phong mũ áo vàng đeo ngọc giắt.

HỢU VIẾT

Hỏa Linh Kinh Đà lai xung hội
 Tính cách dung thường đa hối trệ
 Lục thân tương bội, tử nan chiêu
 Chỉ hiếu không môn vi ni kế.

- Sao Thiên-phủ tọa thủ Thân. Mệnh cung gặp các sao Hỏa, Linh, Kinh, Đà xung hãm là đại phá cách, tối bất hảo. Nữ nhân gặp phải cách này là người nghèo hèn, gặp nhiều trắc trở họa nạn.

- Chẳng những hiểm con mà còn bị họ hàng xa lánh nữa.
- Duy cửa Thiên mới đủ cơ dung nạp và tế độ cho căn số bạc mệnh này.

Thái-Âm

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung hội với Thái-dương tại miếu địa, tất được phong tặng vào hàng “phu nhân” quy hiền

- Thái-âm tại hãm địa, lại ngộ ác sát tinh, chỉ đứng hàng ca kỹ, tỳ thiếp hoặc bị hình phu khắc tử.

- Sao Thái-âm cung Thiên cơ tại cung Dần Thân là người dâm dật.

- Tùng sử giữ được tấm thân trinh chính, thời tiền bạc lại thiếu hụt chẳng lúc nào hài lòng, hoặc phải lâm cảnh thứ phòng tì thiếp.

- Nếu cùng Thiên-cơ, Văn xương, Vũ-khúc, đồng thủ cung Dần, chỉ làm xướng, kỹ dong thân.

THÁI-ÂM NỮ MỆNH CA

Nguyệt hội Đồng Dương tại mệnh cung
 Tam phương cát củng tất doanh phong
 Bất kiến hung sát lại xung hội
 Phú quý song toàn bảo đao chung.

- Sao Thái-âm cùng Thiên-đồng hoặc Thái-dương tọa thủ Mệnh cung, được nhiều cát tinh củng chiếu mà không ngộ ác sát tinh xung hãm, chủ được hưởng thụ phú quý song toàn và bền vững trọn đời.

HỢU VIẾT

Thái-âm hãm tại Mệnh hòa Thân

Bất hỷ tam phowng ác sát xâm

Khắc hại phu quân hựu yếu thọ

Cánh ư huyết khí, thiếu tinh thần.

- Sao Thái-âm lạc hãm tại Thân, Mệnh cung lại ngộ ác sao ác sát tam phương xung chiếu, thường mắc chứng “huyết biến vi tà” khiến cho thân, xác bài hoại, rã rời. Chẳng những sớm hóa chồng, ngay bản thân cũng cũng không thọ nữa.

Tham-Lang

- Sao Tham-lang còn có tên là “đệ nhị Đào Hoa tinh” tạo thủ Thân, Mệnh tại các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là vượng cách, chủ sự thành vượng tiến phát.

- Phùng Tả Hữu chủ sự quý hiển.

- Tạo Nhân cung chủ bình thường.

- Tham-lang cư Hợi hoặc Tý cung mà ngộ Kinh Đà là người hay có tính ghen ghét với bất kỳ ai, và dù có gặp thêm được Lộc, Mã cũng chẳng tốt đẹp.

- Hãm địa tại Tỵ hoặc Hợi cung, chủ sự hình khắc, thân chẳng được thanh sạch, chỉ ưa thích nghề ca vũ, đúng như câu thường nói là “Tham-lang nhập mệnh tức vi xướng”.

- Nếu lại gia hội ác sát tinh, khó tránh khỏi nghiệp “xướng kỹ”.

- Vì là sao Đào-Hoa thứ hai, nên người ngộ Thân thủ Mệnh, lẳng lơ hiếu dâm, lòng dạ gian tà, thường mưu hại tử.

THAM-LANG NỮ MỆNH CA

Tứ mộ cung trung đa cát lợi

Cánh phung Tả, Hữu phương vi quý

Lộc tài phong phú vượng phu quân

Tính cách cương cường đa chính khí.

- Nữ giới có sao Tham-lang thủ Mệnh tại bốn cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Tứ Mộ) và được Tả, Hữu đúng phương vị khác chiều, là ngowif tính tình cương gnhị, chí khí hào sảng khác người, và có tài năng giúp chồng tạo dựng cơ nghiệp.

HỮU VIẾT

Tham-lang hãm địa nữ phi tường

Y phục tuy phong dã, bất lương

Khác hại lương nhân hãn nam nữ

Hữu giao khâm chằm thủ cô sường

- Sao Tham-lang thủ Mệnh tại hđại là một “ đại bất hạnh “ cho nữ giới.

- Dù có được ăn sung mặc sướng, nhưng đều do hành sự phi nghĩa, bất lương mà ra cũng chẳng hay chẳng đẹp.

- Vì số mạng cô khắc (nữ mạng tương khắc) nên lấy chồng chồng chết, rớt cuộc “ cuộc đời trồng cỏ nắm mồ thanh xuân”.

Cự - Môn

- Thủ Thân Mệnh tại miếu vượng cung người tuổi Quý, tuổi Tân rất mực phúc hậu.

- Gia hội Tả Hữu được trường thọ.

- Hãm địa hình phu khắc tử, người tuổi Đinh gặp cách này, cực kỳ dâm dăng

- Cùng Thiên-cơ đồng thủ Thân Mệnh tại cung Mão hoặc Dậu tuy được phú quý, nhưng lại là người dâm dật.

- Hội Dương, Đà, tại Thân, Mệnh tất thị dĩ nghiệp ác xướng độ nhật.

CỰ-MÔN NỮ MỆNH CA

Cự-môn vượng địa đa sinh cát

Tả, Hữu gia lam thọ cánh trường

Nữ nhân đắc thủ thành vi quý

Liêm quyền trên châu tọa tú phòng.

- Đàn bà gặ sao Cự-môn thủ Mện tại miếu vượng cung (Tý, Ngọ) là được thượng cách, mọi vẻ đều hay

- Nếu được sao Tả-phụ, Hữu-baatj đắc vị cũng chiếu tất là người được quý hiển trong cảnh trướng rủ, màn che, vàng treo, ngọc giắt vững vàng cho tới lúc về già hỷ mãn kiếp.

HỮU VIẾT

Cự-môn mệnh hãm chủ dâm xương

Tri nữ, thiên phòng thủy miễn ương

Tướng mạo thanh kỳ đa cận sủng

Bất nhiên thọ yếu, chủ hung vong.

- Sao Cự-môn thủ Mệnh tại hãm địa, là người ưa thích chuyên dâm bên, múa hát.
- Dù có được nhan sắc kiều mỹ, khiến người say đắm nhưng cũng phải lấy chồng muộn hoặc làm thứ thiếp mới tránh khỏi tai kiếp được.
- Bằng chẳng vậy tất phải nhiều tân khổ trong cuộc đời và chết sớm.

Thiên-Tướng

- Tạo thủ THÂN, Mệnh cung là người thông minh, đoan trang tâm trí chẳng khác bậc trượng phu.
- Được cát tinh ba phương củng chiếu, tất thị được phong tặng hiển quý.
- Thiên-tướng thủ mệnh tại miễn vương cung, hội với cát tinh mà không gặp Kỵ và sát tinh, một bước thành bậc “mệnh phu” tiền bạc phong túc.
- Người tuổi Quý mệnh an tại cung Tý, người tuổi Giáp Kỵ mệnh lập tại cung Dần, người tuổi Giáp, Cnah, Quý mệnh lập tại cung Thân, đều đắc Quý Cách, phú quý song toàn.
- Ngọ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung phá tất thị cô khắc hoặc làm tỳ thiếp.

THIÊN-TƯỚNG NỮ MỆNH CA

Nữ nhân chi mệnh Thiên-tướng tinh

Tính cách thông minh, cách sự ninh

Y lộc phong doanh, tài bạch túc

Vượng phu, quý tử hiển môn đình.

- Đàn bà được sao Thiên-tướng thủ cung Mệnh Thân là người thông minh, được hưởng cuộc đời nhà cao cửa rộng, tiền của sức tích, chẳng những làm lợi cho chồng, còn sinh ba bước quý tử làm vẻ vang cho gia đình, dòng họ.

HỢU- VIẾT

Phá-quân, Tuất-sát lai lương hội

Dương, Đà, Hỏa, Linh tối sở kỵ

Cô hình khắc hại lục thân vô

Chỉ khá thiên phòng dữ trì tỳ

- Sao Thiên-tướng thủ mệnh, hội với Phá-quân hoặc Thất-sát, tối kỵ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung hãm.

- Nếu chẳng may gặp ác sát tinh, tất bị cô khắc, nghèo hèn đơn độc chẳng có bà con thân thích, chỉ có thể làm thứ thất hoặc hầu thiếp mới khỏi tai kiếp.

Thiên-lương

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung tuy là phận gái mà chi khí chẳng khác bạn râu mày.

- Nhập miếu được cả phú lẫn quý, vượng phu, ích tử.

- Hãm địa ngộ Hỏa, Linh thành người dâm dật nghèo hèn khắc hại chồng con.

- Sao Thiên-lương thủ Mệnh gặp Xương Khúc phủ trì tất được phong tặng hiển quý.

- Nếu Thiên-lương thủ Mệnh tại cung Ty, Hợi lại là người dâm dật, hạ tiện.

THIÊN-LƯƠNG NỮ MỆNH CA

Thiên-lương ngộ vị mệnh thân cung

Phúc hậu, đoan trang mỹ lệ dung

Tả, Hữu, Quý, Quang lai củng chiếu

Phú quý, vinh hoa, đắc thu phong

- Sao Thiên-lương, thủ Thân Mệnh tại cung Ngọ là đắc cách “Ngọ thượng Thiên lương vị”. Đàn bà được cách này là người có dung nhan xinh đẹp, dáng điệu đài các, tính tình phúc hậu, đoan chính và có độ lượng.

- Nếu lại được các sao Tả, Hữu và Quang, Quý cũng chiếu tất thị được ân phong phẩm tước, hiển quý tốt bực, và nhất là được hưởng cảnh phú quý, vinh hoa cho tới bạc đầu mãn kiếp.

HỮU VIẾT

Thìn, Tuất, Cơ Lương phi tiểu bổ

Phá Quân Mão, Dậu bất vi lương

Nữ nhân đắc thủ vi cô độc

Khắc tử hình phu thủ lãnh phòng.

- Nếu sao Phá-quân thủ mệnh tị cung Mão, cung Dậu còn chẳng là điều tốt lành thì sao Thiên-lương Thiên-cơ tạo thủ tại cung Thìn, cung Tuất cũng không hẳn là sự hay

- Đàn bà gặp cách như vậy, tất hình phu, khắc tử, một mình thui thủi nơi phòng không lạnh lẽo vậy.

Thất-Sát

- Thủ Thân, Mệnh tại miếu cung, hội giao Hóa-quyền, Hóa-lộc là người có chí khí hơn cả bậc trượng phu, có tài năng và quyền uy áp hcúng, làm lợi chồng, vượng con.

- Ngoài cách trên đây, số nữ nhân tối kỵ phùng Thất, sát, dù tại tam phương từ chính, hoặc ở cung Phu, gặp Thất, sát cũng bất lợi.

- Hãm địa hoặc bị Không Kiếp xung phá tất có sự hình khắc, và là người không thanh khiết, phải làm vợ thứ.

- Thất-sát độc thủ cung Thân, yếu tử.

- Đơn thủ Phúc-đức cung, có thể quyết định, chủ sự nghèo hèn, tỳ xương chi bối, không phải nghi ngại.

THẤT SÁT NỮ MỆNH CA

Nữ mệnh sầu phùng Thất-sát tinh

Bình sinh tác sự quả thông minh

Chí cao, khí đại vô nam nữ

Bất miễn hình phu, lịch khổ tân.

- Nữ mệnh Thất-sát độc thủ là chuyện đáng buồn. Tuy thông minh tài cao và chí khí hơn cả trai gái đồng thời, nhưng vẫn không thể tránh được nổi truan chuyên, cay đắng vì không con và sớm hóa chồng.

HỢU VIẾT

Thất-sát cô tình Tham tú phùng

Hỏa, Đà tấu hợp phi vi quý

Nữ nhân đắc thủ tính bất lương

Chr hiếu thiên phồn vi sử tỳ,

- Sao Thất-sát vốn chủ cô đơn, hội với Tham-lang và gặp Hỏa-Linh, Đà-la tấu hợp, là cách chẳng ra gì.

- Đàn bà gặp cách này là người có tâm địa bất lương chỉ làm vợ thứ, hoặc làm tỳ nữ.

Phá-Quân

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại cung Tý hoặc Ngọ, chủ phúc, thọ, vinh, xương tài năng xuất chúng, vượng phu ích tử.

- Hãm địa có Không Kiếp xung phá, là kẻ dâm đảng vô sỉ, khắc chồng.

PHÁ-QUÂN NỮ MỆNH CA

Phá-quân Tý Ngọ vi nhập miếu

Nữ mệnh phùng chi, phúc thọ xương

Tính cách hữu năng thiên xuất chúng

Vượng phu, ích tử tính danh hương

- Sao Phá –quân nhập miếu tọa cung Tý hoặc Ngọ, Nữ mệnh gặp được là người có tài năng đảm lược hơn người làm lợi ích cho chồng con, được hưởng cả phúc, lộc thọ và được danh thơm lưu truyền.

HỢU VIẾT

Phá-quân nữ mệnh bất nghi phùng

Kinh-dương gia hãm tiện vi hung

Khắc hại lương nhân phi nhất thứ

Tu giao bi khốc độ triệu hôn.

- Đàn bà tối kỵ sao Phá-quân hãm địa thủ thủ Thân hoặc Mệnh cung, chủ nghèo hèn nhiều tai nạn.

- Nếu gặp Kinh-dương hãm địa, tất phải đôi ba phen chôn chồng. Đau đớn nhất là : chiếu chăn chưa ấm hươ, đã phải quần khăn xô tiễn chàng về cõi ngàn thu.

Văn-Xương

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người mỹ lệ, thanh kỳ.

- Cùng Tử, Phủ tam hợp củng chiếu, tất được phú quý và được phong tặng.

- Nếu hội với cát tinh miếu địa, chủ tài lộc phong vượng có tiếng tăm.

- Hãm địa lại ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp xung phá, chủ làm ca kỹ tỳ thiếp.

- Đàn bà có Văn-xương thủ mệnh là người thông minh, tuy được phú quý song toàn, nhưng không thoát được tật dâm dật

- Tam hợp hoặc đối cung có Văn-khúc chiếu, hội với Thiên-cơ, Thái-âm cũng vẫn là người dâm dật.

- Văn-xương thủ mệnh, gia hội Kinh, Hỏa, Linh, Kỵ nếu không xướng ca dĩ nghiệp tất phải chết non.

VĂN XƯƠNG NỮ MỆNH CA

Nữ nhân thân mệnh ttrị Văn-xương

Tú l ện than kỳ phúc cánh trường

Tử,Phủ đối cung tam hợp chiếu

Quần giao phú quý trước bà thường.

- Nữ nhân có soa Văn-xương thủ Thân Mệnh cung, là n; xinh đẹp thanh nhã được hưởng phúc lâu dài.

- Nếu tam hợp có Tử-vi, Thiên-phủ hợp chiếu, tất là người xuất hân chốn phú quý, gấm vóc rực rỡ.

HỢU VIẾT

Văn-xương nữ mệnh ngộ Liêm Quân

Hãm địa Kinh-dương, Hỏa, Kỵ tinh

Nhược bất vi xơng chung thọ yếu

Thiên phòng do đắc chủ nhân khinh.

- Đàn bà có sao Vượn-xương thủ Mệnh, ngũ Liêm-trinh Phá-quân, hãm địa và Kinh, Hỏa, Kỵ xung chiếu, nếu chẳng vượng nghiệp xướng kỹ, cũng yếu tử hoặc đi lấy lẽ mà còn bị chồng rẻ khinh.

Văn- Khúc

- Thủ Thân Mệnh tọa Ty, Dậu, Sửu là miếu địa, tại Hợi Mão, Mùi, vượng địa, gia hội Thiên-lương, Thiên-tướng là người thanh tú thông minh và hiển quý.

- Văn khúc thủ Mệnh nữ Mạng, chủ sự thông minh, phú quý nhưng lại đa dâm.

- Cùng Cự-môn đồng cung, tất bèo nước bình bông vượng nghiệp.

- Văn-khúc tại hãm địa, phùng Hỏa, Linh, Không, Kiếp xung hoặc cùng Tham-lang hay Phá-quân đoòng cung, chỉ bản tiện dâm dật, phải làm vợ lẽ.

VĂN-KHÚC NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Mệnh lý phùng Văn-khúc

Tướng mạo thanh kỳ đa hữu phúc

Thông minh, linh lợi, bất tầm thường

Hữu sát thiên phòng dã dâm dục

- Đàn bà có sao Văn-khúc đóng vào cung Mệnh là người có hình tướng thanh nhã, xinh đẹp, tâm tính linh lợi, thông minh chẳng phải là người tầm thường và được nhiều phúc lộc.

- Nếu ngũ ác sát tinh xung phá, ngược lại thành người dâm dật, thô tiện chỉ làm lẽ mọn.

HỢU VIẾT

Văn-khúc thủ viên phùng Hỏa kỶ

Bất hỷ tam phương ác sát tụ

Thử nhân tuy xảo, khẩu năng ngôn

Duy tại không môn năng ngộ quý.

- Sao Văn-khúc tọa thủ Mệnh-viên lại gặp Hỏa-tinh, Hỏa-ky, nếu tam phương ác sát tinh xung chiếu, là một đại bất hạnh cho cuộc đời.

- Người gặp cách này, tuy cũng khôn khéo nhưng rất bép xép.

- Tốt hơn là: nên xuất gia nương của Thiền, khả dĩ đắc đạo quả.

Tả-Phụ

- Sao Tả-phụ tọa thủ Thân, Mệnh là người ôn lương, hiền thực.

- Gia hội cát inh tất thị phúc, thọ toàn vinh xương.

- Cùng Tử, Phủ hội hợp chủ được phong tặng và làm vượng chồng lợi con.

- Gặp Thất-sát hoặc Phá-quân: đường thọ mệnh không dài.

- Ngộ Hỏa, Đà, Kỵ xung phá tuy là thử xuất, nhưng rất được cứng, chiều chuộng.

TẢ-PHỤ NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Nữ phùng Tả-phụ chủ hiền hào

Năng cán, năng vi hựu khí cao

Cánh dữ Tử-vi, Thiên-phủ hợp

Kim quan phong tặng qua thao thao.

- Nữ nhân gặp sao Tả-phụ thủ Mệnh cung chủ tính hạnh hiền thực hào hiệp.

- Là người có tài năng, tiết tháo và có chí khí, quấy tâm thành tào cho được những dự tính mới nghe.

- Nếu cung Tử-vi, Thiên-phủ, tương hội, tất thị được phong tặng mao vàng áo gấm nhiều phen.

HỰU VIẾT

Hỏa, Đà tương hội bất vi lương

Thất –sát, Phá – quân thọ bất vi lương

Chỉ khả thiên phòng, phương đương túc

Thông minh đắc sửng quá thời quang.

- Sao Tả-phụ thủ Mệnh, ngộ Hỏa-tinh, Đà-la xung phá là cả một sự bất tường.
- Nếu ngộ Thất-sát, Phá-quân yếu tử.
- Vì là người thông minh, linh lợi nên có vì số mệnh phải làm lẽ mọn, cũng được đức lang quân sủng ái.

HỮU-BẬT

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung cũng là người hiền lương nhưng có chí khí cao cả.
- Gai hội cát tinh làm vượng phu, ích tử, và được hưởng phúc lộc viên toàn.
- Dù có gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp xung phá cũng chẳng đến nỗi thành kẻ hà tiện.

HỮU BẬT NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Thân Mệnh cung trung Hữu-bật đương

Vi nhân hữu chí, cánh hiền lương

Nhược phùng Tử Tương lai lâm hội

Vượng phu, ích tử, phúc, thọ xương.

- Cung Thân, Mệnh có soa Hữu-bật tọa thủ là người hiền thực ôn nhu, nhưng lại có chí khí thanh cao.

- Gặp Tử-vi, Thiên-tướng củng chiếu, tất là bậc hiện phụ, từ mẫu, được hưởng cả phúc lẫn thọ cho tới trăm tuổi về già.

HỮU VIẾT

Hữu- bật tôn linh nhập Mệnh cung

Nhược hoàn sát tấu chủ thường dung

Dương, Đà, Không, Kiếp tam phương tấu

Tu tri đái tật, miễn tai hung.

- Hữu-bật là một quý tinh tọa thủ mệnh-viên rất tốt nhưng gặp ác sát tinh tấu hợp thì rất tằm thường.

- Nếu ngộ Dương, Đà, Không. Kiếp tam phương xung chiếu nếu mang tất sẽ miễn được tai kiếp.

Thiên –Khôi * Thiên-Việt

- Hai sao Khôi, Việt tọa thủ, hoặc đối chiếu Thân, Mệnh cung, hội nhiều cát tinh chẳng những được phúc, lộc vinh xương còn chính là bậc “Tể phụ chi thể” hoặc “Mệnh phụ chi luân” vậy

- Nếu có Hung, Sát xung phá cũng vẫn là bậc xuất thân từ chốn phú quý, không thể nghèo hèn.

- Dẫn hiềm, không thể tránh được sự tư tình thâm bôn.

KHÔI VIỆT NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Khôi, Việt Mệnh Thân trị ngộ Xương

Thường nhân đắc thủ, túc tiền lương

Quan viên ngộ thủ, cao, thiên trạc

Tất định đương niên diện đế vương.

- Cung Mệnh hoặc Thân, có Khôi Việt tọa thủ hoặc đối chiếu tại Thân, Mệnh là được sự may mắn, cát vượng cho cuộc đời.

- Người thường gặp Khôi Việt cũng được tiền tài, thực phẩm đầy đư trong đời.

- Đối với những người có chức phận, vẫn tuần tự thăng tiến không có vấp vấp.

- Hạn ngộ Khôi Việt, phải quyết định là nội năm ấy được (chầu Hoàng đế) diện kiến bậc đại quý nhân.

Thiên-Mã

- Tọa thủ Thân Mệnh chủ thâm bôn

- Hội Quyền Lộc chiêu lâm : được phong tặng

- Cách “Lưỡng Trùng Thiên Lộc” tức là Thiên-mã gặp Hóa-lộc, Lộc-tồn đồng thủ Mệnh cung. Nữ mạng gặp cách này tức thị “Lã hậu chuyên quyền” chi cách.

- Thiên-mã thủ Mệnh, tam hợp ngộ Thiên-lương, chủ hạ tiện và thâm dật.

- Cùng Phá-quân hoặc Tham-lang đồng thủ Mệnh tại Dần, Thân, Ty, Hợi là người rất mực lẳng lơ và khắc chồng.

THIÊN –MÃ NỮ MỆNH CA VIẾT

Thiên-mã Mệnh Thân tối vi lương
 Tử, Phủ, Lộc-tồn ngộ phi thường
 Quan hoạn phùng chi ưng hiển đạt
 Sĩ nhân ngộ thử, phó khoa trường.

- Sao Thiên-mã thủ Mệnh, Thân tại vượng địa là điều cát tường.
- Nếu ngộ Tử-vi, Thiên-phủ và Lộc – tồn, tất thị gặp được điều may, vượng khác thường.
- Đường công danh hiển đạt như điều gặp gió.
- Về khoa cử, dĩ nhiên “cá vượt vũ môn”.

Lộc-tồn

- Tọa thủ Thân, Mệnh là người tú lệ, trinh liệt, có tại quán xuyên đảm đương đại sự chẳng kém bậc tu mi nam tử.
- Ngộ Tử, Phủ đồng lâm, vạn sự đều an vượng như ý, toại lòng.
- Nếu gặp lại Liêm-tĩnh hoặc Thiên-đồng tấu hợp tất thị bậc quyền quý phu nhân.
- Phùng Thiên-phủ, Thiên-tường tam hợp củng chiếu, dù chẳng đại phú, cũng phải là bậc quý hiển.
- Như Mệnh có Lộc-tồn an tại Dần, Thân được Thiên-phủ Thiên-tướng đóng tại Quan-lộc và Tái-bạch là đặc thượng cách “Phủ Tướng triều viên” phú quý viên toàn.
- Nhưng ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp thì bị phá cách, chủ vợ chồng ly cách vậy.

LỘC-TỒN NỮ MỆNH CA VIẾT

Nữ mệnh nhược ngộ Lộc-tồn tinh
 Tử Phủ gia lâm, bách sự ninh
 Cánh ngộ Đồng, Liêm tương tấu hợp
 Tất nhiên chú định thị phu nhân.

- Nữ mạng gặp Lộc-tồn thủ mệnh và được Tử-vi, Thiên-phủ xung chiếu là cách rất cát vượng, bất cứ công việc gì cũng được nhanh chóng.
- Nếu lại ập Thiên-đồng và Liêm-trinh đắc vị tấu hợp tất là bậc phu nhân giàu có, sang trọng.

HỢU VIẾT

Lộc-tồn nhập mệnh hãm cung lai

Khong, Kiếp, Linh, Hỏa tất vi tai

Nhược vô cát diệu ali tương tấu

Phu phụ phân ly, vĩnh bất giai

- Sao Lộc-tồn thủ Mệnh tại hãm đại, bi Không, Kiếp, Linh, Hỏa xung chiếu, là cả một đại họa cho đời người.

- Nếu không được cát diệu phù trợ hóa giải, không thể tránh khỏi gia đình suy sụp, chồng vợ phải sinh ly.

Kinh-Dương

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại miếu vơngj cung, tuy chủ sự quyền quý, nhưng vẫn không khỏi có sự hình khắc.

- Kinh-dương cùng Nhật, Nguyệt đồng cung là gái phải khắc chồng.

- Nếu lại lạc hãm địa và gặp Hỏa, Linh, Kỵ là người dâm dật, hà tiện và hình khắc.

KINH-DƯƠNG NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Bắc đầu phù tinh nữ mệnh phùng

Hỏa, Cơ, Cự, Kỵ tất thường dung

Tam phương Hạng, Sát kiêm lai tấu

Bất yếu chung tu lãng cõn thọ

- Sao Kinh –dương có tên là Bắc Đầu phù-tinh, là một sao tối kỵ cho nữ giới, hay gặp trắc trở tai nạn.

- Kinh thủ mệnh hội ác sát như Hỏa, Kỵ và Cự Cơ, là người tầm thường và nghèo hèn.

- Nếu tam phương gặp Không, Kiếp xung phá, ví chẳng yếu tử, thì cũng đợi chờ để: “dòng nước bạc như là mờ hồng nhan”.

HỢU VIẾT

Kinh-dương thủ mệnh tế thôi trường

Tứ Mộ sinh nhân miễn họa ương

Nhược ngộ Tử-vi, Xương, Phủ hội

Tài quan hiển đạt phúc đa trường.

- Sao Kinh-dương thủ Mệnh, dù có may, cũng chỉ đại khái thôi.
- Với những tuổi tThìn, Tuất, Sửu, Mùi mà mệnh-viên an tại tứ Mộ, không bị ảnh hưởng tác hại của sao Kinh –dương.
- Nếu hội với Tử-vi, Thiên-phủ và Xương Khúc, được hiển đạt về công danh, tài lộc và hưởng phúc lâu bền.

Đà – La

- Tọa thủ Thân, Mệnh là người tuy ngoài mặt bình thường nhưng tâm địa lang độc. Bởi vậy chồng nhiều mà con lại rất hiếm “lãng phu khắc tử”.
- Dù có nhiều cát tinh củng chiếu, vẫn có tính dâm dăng.
- Cùng sao Cự-môn thru mệnh, nhất định phải vương nghiệp xướng tỳ.

ĐA – LA NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Đà-la nhất diệu nữ nhân phùng

Ngộ cát gia lâm dâm dăng dung

Hung sát tam phương xung chiếu phá

Tu phòng tương biệt chủ nhân ông.

- Sao Đà-la độc thủ Mệnh cung, dù có cát tinh lâm chiếu vẫn là người lãng lợ dâm dăng.
- Nếu ngộ Không, Kiếp, Hỏa, Linh tam phương chiếu phá, phải đề phòng chuyện “đáng lang quân xa chơi địa phủ”.

HỮU VIẾT

Giáp Thân, Giáp Mệnh hữu Đà, Dương

Hỏa, Linh, Không, Kiếp hữu lai thương

Thiên-lộc bất phùng sinh vượng địa

Hình phu, khắc tử, bất vi lương.

- Cung Thân hoặc cung Mệnh giáp Kinh-dương, Đà-la mà lại ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp là cả một nỗi đau thương cho cuộc đời.

- Nếu không gặp được Hóa-lộc tại miếu hoặc vượng địa cũng chiếu để hóa giải cho tất thị là ngời cô quả, hết khóc chồng rồi lại khóc cho con.

Hỏa – Tinh

- Sao Hỏa-tinh toa thủ Thân Mệnh tại miếu vượng cung là người trinh nữ, khiết phụ, mặc dầu mạng số hình phu, khắc tử.

- Nếu may gặp được Tham-lang đồng cung, mọi hoài vọng trong đời đều được toại mãn.

- Hãm địa, lòng dạ độc địa, lang chạ, nhiều chồng mà hiếm con, chẳng giữ đạo làm vợ, hay gây chuyện thị phi hạ tiện.

HỎA – TINH NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Nam đầu phù tinh Nữ kỵ phùng

Chủ tam lang độc, tiện dâm dung

Khắc tử, lãng phu đa chiêu oán

Cát đa xung chiếu, bất miễn hung.

- Sao Hỏa – tinh, còn có tên là “ Nam đầu phù tinh”. Nữ giới chẳng nên gặp.

- Đàn bà ngộ Hỏa, cư Mệnh tại Hãm địa là người ác độc tâm địa lang chạ, hay chuốc lấy chuyện thị phi gây oán thù.

- Dù có được cát tinh tam phương cũng chiếu, cũng vẫn là người dâm ô hạ tiện, nhiều chồng mà hiếm con.

HỮU VIẾT

Hỏa-tinh nhất tú tối qua trương

Vô sự quan tai náo nhất trường

Khắc hai lục thân ưng bất miễn

Phá tài gian khổ miễn tê hoàng.

- Sao Hỏa-tinh là soa chủ sự ngang trái bất nhân nhất trong các sao, bỗng nhiên mắc quan sự, tai kiếp xôn xao một vùn.

- Nữ nhân gặp phải tất cô độc, mất chồng mất con và bà con cũng chẳng còn ai, và dĩ nhiên cơ nghiệp tan nát, chịu bao nhiêu gian khổ trong đời.

Linh Tinh

- Tọa thủ Thân Mệnh là người bản tính cương cường chống đối mọi người thân, làm lụy chồng, hại con.

- Nộ Tham-lang đồng cung, người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi một bước lên bậc giàu có, sang trọng, tiền bạc phong túc.

- Hãm địa không được cát tinh hóa giải, chẳng những tự vùi thân vào chốn bùn ô dâm, nghèo khổ, mà còn chết non nữa.

LINH – TINH NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Nam đầu phù tinh nhập mệnh lai

Tham-lang tường hội đắc hòa giai

Tam phương vô sát chư ân mỹ

Tọa thủ hương khuê đắc toại hoài.

- Sao Linh-tinh thủ mệnh hội Tham-lang đồng là cách “Tham Linh tinh thủ “ đẹp vô cùng.

- Nếu tam phương không ngộ ác sát, lại được cát tinh chiếu lâm, là ra vào chốn lầu son, gác tía và mọi ước vọng đều thỏa mãn.

HỢU VIẾT

Linh-tinh ác diệu tối nan đương

Nữ mệnh đơn phùng tất chủ thương

Nhược ngộ tam phương vô sát tẩu

Tu phong mục hạ nhập tuyền hương.

- Linh – tinh là sao hung hãn, ảnh hưởng tác hại rất lớn. Đàn bà ngộ Linh tất có sự đau khổ.

- Nếu lại có át sát tinh ba phương tẩu chiếu, phải đề phòng ngay “ cuộc về chơi suối vàng “ cho bản thân.

Địa – Kiếp

- Sao Địa – kiếp thuộc Dương Hỏa và thường gọi là “ Kiếp sát chi thần” chủ sự hung dữ.

- Địa – kiếp thủ Mệnh, dù là nữ Mạng, hành sự vẫn sơ suất cuồng bạo và chỉ có nghĩ tới tính chất ác hại.

- Ưa thích làm những chuyện tà khuất, bất cần chính đạo đàn bà gặp Địa – kiếp thủ mệnh chỉ là lẽ, hoặc tỳ xướng.

ĐỊA – KIẾP NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Địa – kiếp tông lai sinh phát tật

Mệnh tửng tương ngộ đa thu tức

Nhược ngộ Dương Hỏa tại kỳ trung

Tân khổ tri gia phòng nội thất.

- Sao Địa – kiếp là vị “ Thần Kiếp Sát “ chuyên gây tai kiếp, nên Mệnh có Địa – kiếp nhất sinh nhiều oan trái trong đời.

- Nếu ngộ Kinh-dương, Hỏa tinh, dù có cay đắng gian khổ mấy cũng không thể duy trì gia đình được vẹn toàn.

Thiên – Không

- Sao Thiên- Không còn có tên là : “Không vong chi thần” chuyên tác hư không chi sự, bất hành chính đạo.

- Người có Thiên-Không thủ Mệnh tiền bạc chỉ có tàn mà không có tạ, thành bại đa đoan, nếu ly tổ làm ăn thì đỡ.

- Đàn bà gặp Thiên- không tại Thân Mệnh, mà không gặp nhiều cát tinh hóa giải, chỉ làm thứ thiếp hoặc tỳ, kỹ.

THIÊN – KHÔNG NỮ MỆNH

CA VIẾT

Mệnh tọa Thiên – không định xuất gia

Văn – xương, Thiên- tướng thực kham khoa

Nhược phùng tứ ss đồng Thân, Mệnh

Thu âm, thừa ân phúc khả giai.

- Mệ có soa Thiên- không tọa thủ, có thể quyết định đó là số mạng danh cho người có duyên phận với cửa thiên.

- Cùng Văn – xương, Thiên – tướng chủ về tính khoa trương phóng đại.

- Nếu gặp tứ Sát tinh đồng lâm Thân, Mệnh cung, lại là người được thừa hưởng phúc lộc của tiền thân lưu truyền.

HỢU VIẾT

Cực cư Mão, Dậu, Kiếp, Không lâm

Vi Tăng, vi đạo phúc hưng long

Lạc hưởng sơn lâm hữu sủng hiệu

Phúc, Thọ song toàn đáo cổ linh

- Như Mệnh có Tử, Tham tị Mão cung hoặc Dậu và có sao Không Kiếp miếu địa lâm chiếu, số phải đi tu, có thể làm Hòa – Thượng hoặc đắc quả.

- Nếu có lưu lạc chốn lâm tuyền, cũng đwocsj đứng hàng thủ lãnh, và đowjc hưởng thụ tới già.

Hóa – lộc

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung có cát tinh tấu hợp là bậc mệnh phụ, có tâm địa đoan chính và phong độ uy nghiêm.

- Cung Mệnh có Hóa – lộc , và Lộc – tồn đồng cung hạp xung hợp, đều chủ bậc mệnh phụ quý hiển, sinh hạ quý tử và dĩ nhiên được hòng cảnh phú quý song toàn.

- Nếu Hóa lộc thủ mệnh, lại hội với ác sát tinh, chỉ bình thường.

HÓA LỘC NỮ MỆNH

CA VIẾT

Hóa – lộc tinh vi Phúc đức thần

Chủ trị Quan cung dữ Mệnh, Thân

Nhược ngộ kHoa, Quyền giai lâm hội

Vinh xương, Phúc, Thọ, tác phu nhân.

- Sao Hóa – lộc, có danh vị là Phúc Đức Thần, tọa thủ Mệnh, Thân, Quan cung, là người giàu sang tốt bụng.

- Được Khoa, Quyền, lâm hội, tất thị bậc mệnh phụ phu nhân, được hưởng cả Phúc lẫn Thọ viên mãn.

HỮU VIẾT

Hạn trung nhược ngộ Lộc lai lâm

Tức vị cao thiên tả thánh minh

Thường thứ tương phùng đương đại quý

Tự nhiên xúc tích quảng kim ngân.

- Nhị hạn gặp sao Hóa – lộc được vượng phát như cánh diều gặp gió, được cần kè bậc “ anh minh đại quý ” sung ái rất mực.

- Thường nhân gặp Hóa – lộc, cũng được ập bậc quý nhân và thâu hoạch nhiều vàng bạc.

Hóa – Quyền

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người tính chất cương nghị, đối xử trong cũng như ngoài đều xứng ý toại lòng.

- Đàn bà gặp Quyền tại cung Mệnh, tất nhiên lần đoạt phu quyền, nhưng hành sử rất chính đính, quang minh.

HÓA – QUYỀN NỮ MỆNH CA VIẾT

Hóa – quyền cát diệu hỷ tương phùng

Cánh cát gia lâm, y lộc phong

Phú quý song toàn, nhân tính ngạnh

Đoạt phu quyền bính phúc hưng long.

- Sao Hóa – quyền là một sao phúc lộc, gặp Quyền tại Mệnh là việc đáng mừng.
- Nếu hội với nhiều cát tinh, thì tài lộc lại càng tăng vượng thêm nhiều.
- Đàn bà có Quyền thủ mệnh, tính tình cứng rắn, hay lướt quyền chồng, nhưng hành sự rất chính đính, khiến gia đình giàu sang thịnh vượng.

HỮU VIẾT

Quyền tinh thử ngộ Vũ, Tham-lang

Tác sự, cầu mưu, tạn đắc thành

Sĩ tử danh cao thêm phúc lộc

Thứ nhân đắc thử tích kim ngân.

- Nhị hạn gặp được Hóa – quyền hội với Vũ – khúc hoặc Tham – lang, dù mưu cầu hoặc hành sử việc gì cũng thành toàn hết thảy.

- Ngộ Hóa- quyền, người có chức phận được gia quan tiến tước, thường nhân cũng thu hoạch được nhiều vàng bạc.

Hóa – Khoa

- Tạo thủ Thân, Mệnh cung là người thông minh, nhân hậu và xinh đẹp, trang nhã.
- Ngộ Quyền Lộc và cát tinh củng chiếu, một bước thành bậc mệnh phụ quýe hiển và được sự phong tặng ân điển.
- Dù có bị tư Sát xung phá, vẫn còn được trong hàng giàu có sang trọng.

HÓA – KHOA NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Hóa – khoa nữ mệnh thi lương tinh

Tứ đức kiêm toàn, tính cách thanh

Cánh ngộ cát tinh Quyền Lộc tấu

Phu vinh, tử quý tác phu nhân

- Hóa – khoa là đệ nhất lương tinh, tọa thủ nữ - mệnh là thượng thặng cách.
- Người được khoa thủ mệnh, vóc dáng trang nhã, đài các tính tình thanh cao, có đủ công, dung, ngôn, hạnh vẹn toàn.
- Nếu gặp được Quyền, Lộc củng chiếu, tức thị bậc mệnh phụ, vương phi giúp chồng, vinh hiển, dạy con hiền đạt hơn người.

HỮU VIẾT

Khoa – tinh nhị hạn ngộ Văn – xương

Sỹ tử phùng chi, danh, tính hương

Tăng đạo, thứ nhân đa phú quý

Bách mưu, bách toại sự anh dương

- Nhị hạn gặp Hòa – khoa hội Văn- xương, trăm lần mưu sự trăm lần như ý và đều là hiển hách cả.
- Hạn gặp như vậy, học trò tất thi đậu được nổi danh dù thường nhân hay bậc tăng đạo cũng đều được giàu có sang trọng.

Hóa - Kỵ

- Sao Hóa – kỵ là Kế đo tinh, tọa thủ Thân, Mệnh cung lại ngộ sát tinh xung phá, tất phải gian khổ đôn nhật.
- Nếu hội với Hóa – khóa thời “rồng mây gặp vận” công thành danh toại và được nhiều người quý trọng. “KỶ ngộ Khoa tinh, Khổng Tử đắc quân dân sủng ái”.

HÓA – KỶ NỮ MỆNH**CA VIẾT**

Nữ nhân Hóa – ky bản phi kỳ
 Cảnh ngộ Hung tính thị họa cơ
 Y thực gian tân, bản tiện thậm
 Cát tinh tấu hợp giảm tai nguy.

- Đàn bà có sao Hóa – ky đóng cung Mệnh thật chẳng có sự hay đẹp gì.
- Nếu lại gặp hung tinh hợp tấu, chính là nguyên nhân mọi tai họa trong đời, chẳng những phải nghèo hèn mà còn phải cay đắng gian khổ độ nhật nữa.

HỮU VIẾT

Ky tinh nhập miếu phản vi giai
 Tổng hữu quan tai, diệc bất thương
 Nhất tiến, nhất thoái danh bất toại
 Cánh kiêm ngộ cát, bảo an khương.

- Nhưng nêu sao Hóa – ky cư miếu địa và trúng cách như hội với Thanh-long. Hóa – quyền lại phản thành tốt đẹp, dù có gặp sự kiện tụng, cũng quakhỏi không thiệt hại.
- Nhưng bản chất của Hóa – ky khi thành khi bại bất định nên kết cuộc chẳng được toại lòng, xứng ý. Phải có thêm cát tinh hỗ trợ, mới giữ được yên ổn.

HỮU VIẾT

Ky -tinh lạc hãm tạ nhân cung
 Ác sát gia lâm tác họa hung
 Tài tán phân ly đa tật khổ
 Thương quan, thoái chức hiếu trùng phùng.

- Nếu Hóa – ky lạc hãm nhân cung, lại gặp thêm ác sát tinh, chủ tai họa hung dữ, hết tai nạn này đến kiếp khác.
- Chức phận bị tai tiếng, bị bãi giáng, cơ nghiệp tan nát, gia đình phân ly và còn bị ốm đau bệnh hoạn, hoặc có đại tang nữa.

CA QUYẾT

CHỮ TINH ĐẮC- ĐỊA TẠI MƯỜI HAI CUNG**MỆNH AN TẠI TÝ CUNG**

Tý cung, Tham-lang, Sát, Âm tinh
 Cơ, Lương, tương hội phúc lộc sinh
 Canh, Tân, Ất Quý sinh nhân, mỹ
 Nhất sinh phú quý, túc phong vinh

Những người có tuổi Canh, Tân, Ất, Quý mệnh – niên an ại cung Tý, có các sao Tham-lang, Thất-sát, Thái-âm tọa thủ, tương hội với sao Thiên cơ, Thiên-lương là thượng cách.

Một đời phú quý vinh hoa đầy đủ.

MỆNH AN TẠI SỬU CUNG

Sửu cung lập Mệnh Nhật, Nguyệt triều
 Bính Tuất sinh nhân, phúc lộc nhiều
 Chính tọa bình thường, trung cuộc luận
 Đối chiếu phú quý họa giai tiêu.

Người tuổi Bính Tuất, Mệnh lập tại cung Sửu gặp sao Thái-dương ở Tý cung, sao Thái – âm ại cung Dậu, được cách Nhật, Nguyệt triều viên, được hưởng phúc lộc rồi rào. Nếu Mệnh và Nhật Nguyệt tọa cung Sửu, Mệnh lập tại cung Mùi là đối chiếu cách, cũng được phú quý và không bị tai họa nào cả.

MỆNH AN TẠI DẦN CUNG

Dần cung cư Nhật túc phong long
 Thất – sát, Thiên – lương bách sự thông
 Thân, Tý Canh nhân giai vi cát
 Nam tử vi quan, nữ thụ phong

Sao Thái-dương, Cự-môn tọa thủ Mệnh-viên tại cung Dần, chủ sự hưng vượng. Nếu Thất – sát, Thiên-lương tọa thủ chủ sự hanh thông.

Người tuổi Thân, Ty, Canh gặp cách trên là thượng cách, Nam đắc quan vị, Nữ ân phong.

MỆNH AN TẠI MÃO CUNG

Mão cung Cơ Cự Văn-khúc phùng

Tân, Ất sinh nhân, phúc khí long

Nam-tử vi đương mi lẫm lộc

Nữ nhân hưởng phúc thụ bao phong

Cung Mão có sao Thiên-cơ, Cự-môn tọa thủ hội cùng Văn-khúc là thượng cách. Người tuổi Tân Ất, mệnh lập tại cung Mão hợp cách. Nam hưởng phú cách, vàng bạc đầy kho. Nữ đắc phúc được ân hưởng gấm vóc.

MỆNH AN TẠI THÌN CUNG

Thìn vị Cơ Lương tọa Mệnh cung

Thiên-phủ Tuất đại tới doanh phong

Phiêu kim, y tử chân vinh hiển,

Phú hoa quý diệu trực đảo chung.

Sao Thiên-cơ, Thiên-lương tọa cung Thìn, Thiên-phủ tọa cung tuất , đều là tới thượng cách. Những con số cung Mệnh an tại Thìn, tại Tuất gặp cách như vậy, đều được phú quý vinh hoa, cưỡi ngựa bạch, mặc bào tía vinh hiển rất mực.

MỆNH AN TẠI TÝ CUNG

Tý vị Thiên-cơ Thiên-tường lâm

Phủ Vũ Đồng Âm chiếu phúc thâm

Mâu, Tân, Nhâm, Bính, giai vi quý

Nhất sinh thuận toại thiếu tai xâm

Người tuổi Mậu Tân Nhâm Bính mệnh lập tại Tý, có Thiên – cơ tọa thủ Đồng Âm củng chiếu, hoặc Thiên-tường tọa thủ được Thiên-phủ, Vũ-khúc chiếu là hợp cách. Công việc được thuận dòng toại ý, ít bị tai ương.

MỆNH AN TẠI NGỌ CUNG

Ngọ cung Tử, Phủ, Thái-dương đồng

Cơ, Lương, Phá, Sát hỷ tương phùng

Giáp, Nhâm, Kỷ, Quý sinh nhân phúc

Nhất thể phong quang lẫm lộc phong.

Cung Ngọ có sôa Tử-vi hoặc Thiên-phủ hoặc Thái-dương tọa thủ, hội cùng Cơ Lương hoặc phùng Sát Phá, là cách rất tốt hợp với tuổi Giáp, Đinh, Kỷ, Quý và Mệnh lập tại cung Ngọ, tất được cuộc đời quý hiển, phong quang lợi lộc đầy kho.

MỆNH AN TẠI MÙI CUNG

Mùi cung, Tử, Vũ, Liêm-trinh đồng

Nhật Nguyệt Cự-môn hỷ tương phùng

Nữ nhân trị thử toàn phúc thọ

Nam tử phùng chỉ, vị tam công.

Cung Mệnh lập tại Mùi, được sao Tử-vi hoặc Vũ – khúc hoặc Liêm-tĩnh tọa thủ, hoặc gặp cách Nhật Nguyệt, hay sao Cự - môn chính vị, đều là hỷ cách tương phùng.

Người có cung Mệnh tại Mùi, Nữ nhân được phúc thọ song toàn, Nam nhân được tứ quý vị bậc Tam-công.

MỆNH TẠI THÂN CUNG

Thân cung Tử Đế Liêm-trinh đồng

Vũ-khúc, Cự - môn hỷ tương phùng

Giáp, Canh, Quý nhân như đắc hỷ

Nhất sinh phú quý, tạo anh hùng

Sao Tử-vi hoặc Liêm-trinh tọa thủ tại Thân cung tương phùng Vũ- khúc hoặc Cự-môn là cách tối hỷ. Nhưng tuổi Giáp Canh Quý có Mệnh-viên an tại cung Thân anh hùng cái thế, một đời phú quý hiển hách.

MỆNH AN TẠI DẬU CUNG

Dậu cung tối hỷ Thái-âm phùng
 Cự, Nhật hựu phùng dương diện xung
 Tân, Ty sinh nhân vi quý cách
 Nhất sinh phúc lộc vĩnh hanh thông.

Cung Dậu có sao Thái-âm tọa thủ, cung đối diện tức cung Mão do sao Thái-dương và Cự-môn đồng tọa, người tuổi Tân tuổi Ty gặp được là quý cách, mọi việc đều được hanh thông và được hưởng phúc lộc song toàn.

MỆNH AN TẠI TUẤT CUNG

Tuất cung Tử-vi đối xung Thìn
 Phú nhi bất quý hữu hư danh
 Canh gia cát diệu đa quyền lộc
 Chỉ lợi khai trương mậu dịch nhân

Sao Tử-vi tọa thủ cung Thìn hoặc cung Tuất, chỉ có tiền không có công danh. Nếu hội cát tinh và Hóa – quyền Hóa – lộc cũng chỉ lợi cho công việc thương mại.

MỆNH AN TẠI HỢI CUNG

Hội cung tối hỷ Thái-âm phùng
 Nhược nhân trị thử phúc lộc long
 Nam nữ phùng chi, giai xứng ý
 Phú quý vinh hoa, trực đáo chung.

Sao Thái-âm độc thủ Hội cung là ách “ Nguyệt lãng thiên môn: bất luận Nam Nữ, có cung Mệnh tại Hội, gặp cách ấy đều sớm được phú quý vinh hoa, mọi sự như ý trong đời.

PHÁ-QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân nhất diệu tối, nan đương
 Hóa-lộc Khoa Quyền hỉ dị thường

Nhược hoàn hãm địa nhưng gia sát

Phá tổ ly tôn xuất viễn hương.

CHƯƠNG 8**1- LUẬN CÁC CÁCH CỦA ĐẦU SỐ****VỊ TRÍ CHÍNH TINH CƯ CUNG MẠNH TÀI QUAN**

1- Các chính tinh cư chiếu nhau tổng 3 cung Mạnh Tại Quan được chia thành cách.

Thí dụ ; Cách Tử Phủ Vũ Tướng cư ở 3 cung Dần Ngọ Tuất là Mạnh Tại Quan có các sao, Tử-vi, Thiên-phủ, Vũ=khúc Thiên-tống gọi là Tử phủ Vũ Tướng cách.

2- Cách Sát Phá Tham.

1) 3 cung Mạnh Tài Quan có sao Thất-sát, Phá-quân, Tham-lang, gọi là Sát Phá Tham cách.

2) Nếu có sao Liêm-trinh thì gọi là Sát Phá Liêm Tham.

3) Nếu có sao Vũ-khúc thì gọi là Sát Phá Vũ Liêm Tham, nhưng cũng chỉ gọi tắt là Sát Phá Tham thôi, vì các chính tinh cũng thường cư chung 2 sao cùng 1 cung.

CÁCH NHẬT NGUYỆT

3- Hai sao Thái-dương và Thái-âm cư tại các cung Mạnh Tại Quan gọi tắt là Nhật Nguyệt cách.

CÁCH CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG

4- Ba cung Mạnh Tài Quan có các sao Thiên-cơ, Thái-âm, Thiên đồng và Thiên-lương gọi là Cơ Nguyệt Đồng Lương cách.

TÍNH LÝ CÁC CÁCH

2- Mỗi cách có tính lý chủ trì khác nhau, nên các bộ sao từng tinh và tiểu tinh đi theo phù tá cũng khác nhau.

Thí dụ: Bộ sao Tả Hữu đi với cách Tử Phủ Vũ Tướng hợp hơn và đắc lực hơn đi với cách Nhật Nguyệt.

Một lá số quý cách nhất là lá số làm Vua làm Tổng thống, nhưng bất kể một cách nào trong 4 cách cũng có thể đạt được, hay là những bậc phú, thường là tùy theo, chính tinh của cách ấy cư nơi miếu địa, và các trung tiểu tinh đi theo phù tá đắc lực, nhưng vẫn được chia ra từng cách, để dễ phân định về ác sao phù tá và luôn luôn cách Tử Phủ vẫn là cách biểu thị sẽ dễ thành công lớn hơn các cách kia.

CÁCH TỬ PHỦ

3- Tử Phủ Vũ Tướng cách được đương nhiên coi như cách của những người làm lớn, vì tổng cách này có sao Tử-vi là dương đế tinh và sao Thiên-phủ là âm đế tinh, 2 sao lớn nhất của môn đầu số.

Có cách Tử-Phủ miếu vượng, được cát tinh phù trợ hợp, thường là người làm nên lớn, hiển đạt, mà tính tình phúc hậu.

Bộ Tửu Phủ rất cần 2 sao Phụ Bát phò tá, vì Tử Phủ, Phụ Bát đều thuộc Thổ cả.

Cần nhất là phải xem Mệnh ngồi với sao nào, Tài Quan ngồi với sao nào nên nguyên tắc của Tử-vi rất là vi diệu, tuy nói là Tử Phủ nhưng Mệnh trọng nhất, thứ đến Quan rồi Tài tuy cùng là cường cung cả.

Mệnh phải ở với Tử-vi hay Thiên-Phủ thì ngũ hành của bản mệnh phải là thổ tùy theo dương thổ ở với Tử-vi, âm thổ ở với Thiên-phủ mới là hoàn toàn hưởng được trọn vẹn Tử Phủ ấy

Mệnh thuộc Kim ngồi với Vũ-khúc hợp, nhưng cách Tử-Phủ cũng đã kém độ tốt đi rồi.

Mệnh thuộc Thủy ngồi với Thiên tướng là hợp, nhưng kém hẳn người Thổ mệnh nếu không phải cư đồng cung với Thiên-tướng mà là Thủy mệnh thì chỉ là cách mượn lấy hình bóng của Tử-PHỦ, vín hư người chỉ có hư danh hay sự hiển đạt nhất thời, không thể bền vững được, nhất là khi lưu niên vận hạn gặp các cung và các sao thuộc hành Thổ, lại còn gặp tai họa là khác, chính các cách phê số, thoát khí chi đồ, khi gặp trường hợp này của những người có số, nhìn sơ thì đẹp tốt nhưng xét về ngũ hành lại bị khắc chế nữa.

4- Phải định miếu hãm các hợp thành cách Tử-Phủ tuy nói là Tử-Phủ tuy nói là Tử-Phủ Vũ-Tướng cách, nhưng khi bộ Tử-Phủ ở ba cung Dần, Ngọ, Tuất, sự tốt thật là tột bậc.

Vi Tử-vi ở Ngọ miếu địa

Thiên-phủ ở cung Tuất miếu-địa

Vũ-khúc ở Dần hãm địa

Thiên tướng ở Dần đắc địa.

Người có mạng Thổ ở với Tử-Phủ này hợp cách nhất.

Người có mệnh Kim, Mệnh Thủy dù được Tử-Phủ này, cũng kém đi nhiều huan người có mệnh THỔ, lại ngồi với sao Tử-vi Thiên-Phủ, vì Tử-vi Thiên-phủ cư nơi miếu đại, mà Vũ-khúc và Thiên-tướng đâu có sánh được, vì đã ở nơi hãm địa rồi.

Tử-Phủ Vũ-Tướng cách

CƯ TẠI TAM HỢP CỤC THÂN TÝ THÌN

5- Người mạng Thổ ở với Tử-vi Thiên-Phủ tại cung Thân hợp cách.

Người mạng Kim ở với soa Vũ- Khúc tại cung Thìn mới hợp cách.

Người mạng Thủy ngồi ở cung Tý sẽ tốt nhất của toàn thể cách Tử-Phủ, vì cách Tử-Phủ khi cư ở các tam hợp cục khác, thời Thiên-tướng không miếu địa được như Thiên-tướng cư ở Tý và tam hợp cục Thân Tý Thìn thuộc thủy nên hợp người mạng Thủy, cũng như tam hợp cục Dần Ngọ Tuất rất hợp người mạng Thổ hội với Tử-vi và Thiên-phủ, vì Dần Ngọ Tuất rất hợp người mạng Thổ hội với Tử-vi và Thiên-phủ, vì Dần Ngọ Tuất là tam hợp cục thuộc Hỏa.

Nên người mạng Thủy hội Thiên-tướng ở Tý cung, tốt hơn người mạng Thủy hội Thiên-tướng ở Dần và mạng Thủy hội Thiên-tướng ở cung Thìn.

Tử-Phủ Vũ Tướng cách

CƯ Ở CUNG THÌN TÝ

6- Người có mạng Kim nên hội với Vũ khúc ở cung Tý.

Người có mạng Thủy hội với Tử-vi tại cung Thìn.

Người mạng Thổ cùng với Thiên-phủ tại cung Tý

Mạng Thổ cùng với Thiên--phủ ở Tý kém ở cách trên vì Thiên-phủ thuộc thổ ở đây là hãm địa.

Nên người Kim mạng hội Vũ-khúc, Lộc-tồn là cách đôi kim tích ngọc, vàng chôn ngọc cát, đối với ngày nay là người có tiền gởi ngân hàng.

6- Luật xét về Tử-Phủ Vũ Tướng biểu thị qua 2 hợp cục khác nhau.

1-Dần Ngọ Tuất có cách Tử-Phủ.

2-Thân Tý Thìn có cách Tử-Phủ.

3-Tý Thìn, Tử-Phủ cách.

Nên xét bản mệnh ngũ hành, ngồi cung nào, hội với soa nào, miếu hãm ra sao, để phân biệt mức độ xấu tốt, tuy nhiên cùng một cách Tử-Phủ cả, nên cùng Tử-Phủ Vũ

Tường cách, mà không làm nên cơm cháo gì, lại còn mang hận suốt đời, ví sao ở Mạnh cung hãm địa, không cùng một hành với bản mạnh, và Mạnh lại cư cung hãm địa khắc chế với ngũ hành của bản Mạnh, mà khoa đầu sổ liệt là tiết khí vậy.

Sao Liêm-trinh hội với cách Tử-Phủ Vũ Tường.

8- Khi hai cung Dần Thân đồng cùng hai sao Tử-vi Thiên-phủ thì sao Liêm-trinh cư đồng cung với sao Thiên-tường tại Tý hay Ngọ cung.

Nếu Tử-vi Thiên-phủ hội ở Dần cung thì 2 sao Liêm Tường tại Ngọ cung.

Nếu Tử-vi Thiên-phủ đồng cư Thân cung

thì 2 sao Liêm Tường đồng tại Tý cung.

Người Hỏa Mạng có sao Liêm Trinh đồng cung với Thiên Tướng tại Ngọ, tốt hơn người Hỏa mạng hội Liêm Tướng tại Tý cung.

Vì sao Liêm-Trinh thuộc hỏa cư Ngọ cũng thuộc hỏa.

Phân định Sát Phá Tham cách

1- Cách Sát Phá Tham thường ứng hợp về võ nghiệp hơn các cách khác, nhưng cũng phải xét ngũ hành bản mạnh hợp với sao nào, khi cư cung Mạnh, và vị trí miếu, hãm địa để định mức xấu tốt tới độ nào.

HÀNH KIM THUỘC SÁT PHÁ THAM

THÂN TÝ THÌN HỘI CÁCH SÁT PHÁ THAM

2- Người mạng Kim, Thất-sát thuộc kim cư Thân cung là miếu nhất, là đệ nhất cách của Sát Phá Tham.

Tuy cùng là Thất-sát triều đầu ở hai cung Dần Thân, nhưng người có cách Thất-sát mạng Kim ở Dần kém người mạng kim ở Thân cung.

Người mạng Thủy, Phá-quân thuộc thủy cư Tý cung là đệ nhất cách, tốt hơn người Phá-quân cư Ngọ, nên Phá-quân cư Ngọ cần phải hội thêm sao Văn –khúc nữa, mới được hoàn toàn như người cư Tý.

BA CUNG HỘI MÃO MÙI

HỘI CÁCH SÁT PHÁ THAM.

4- Người mạng Mộc hợp sao Tham-lang tại Mùi cung, bộ Tham Vũ đồng hành ở Mùi Sửu này, được đặc cách đệ nhất Sát Phá Tham, vì cư tại Mùi được tam hợp cục Hợi Mão Mùi thuộc mộc.

1) Nên cách Tham-Vũ này, thì Tham-lang là sao hóa khí thuộc thủy, nếu có Hình, Ky, Đà hợp nữa là toàn 1 bộ đã được hóa thành ghiên và đao kiếm thần, hợp được Hỏa hay Linh là thượng cách vì Hỏa Linh hợp Tham-lang (mộc) thành một khối lửa, được tướng tướng chi danh hay là phú-ông cách.

2) Cách Tham-Vũ đồng cung nếu hội ở Thân-viên thời xấu, phải có Mạnh hảo nữa thì còn được phong túc, nếu Mạnh xấu mà Thân lại Tham Vũ Sửu Mùi vô cát tinh thì sẽ cực nhọc lênh đênh cả đời, và là chứng triệu về già hung hãn nữa.

3) Khi là Tham Vũ đồng hành cả ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, rất cần gặp Hình Ky Đà để hóa khí thời mới thật là tốt được.

LIÊM THAM ĐỒNG CUNG TỶ HỢI

4- Hai sao Tham-lang và Liêm-trinh đồng cung tại hai cung Tỵ Hợi là cách rất xấu, nam lẳng-đăng nữ đa-dâm, lại luôn luôn chiêu lấy công môn, ra vào lao thất không thể tránh được.

Liêm Tham Tỵ Hợi rất cần gặp được Triệt Tuần giải cứu, gặp được Triệt Tuần là phản vi kỳ cách, thời trở lại là người văn học mà tính tình nghiêm cẩn, vì tính lý của Liêm-trinh là nănghanh bạch, đoan chính.

Liêm Tham cư Tỵ Hợi nếu hội với Khoa Quyền Lộc thủ chiếu tam phương là người rất giỏi giang cơ mưu, thống đạt mà quyền biến, nhưng chỉ cần một sao Tuần chấn ngự, mới được hưởng phúc toàn vẹn, nếu được tam Hóa cũng chiếu thời không nên gặp Triệt, vì Triệt sẽ làm giảm tính chất hay của tam Hóa kia đi.

5- Cách Sát Phá Tham thường là những anh hùng lập nghiệp tuy gian nan tân khổ, nhưng thành công lấy lừng, tính tình quả cảm, thường thiên về võ nghiệp, và sự phát đạt tốt đỉnh, cho người Kim và Mộc Mạng, mà người Thổ Mạng đối với cách Sát Phá Tham thời lại không thể nào vinh hiển được cũng như người Mạng Thổ thời bộ Tử Phủ Vũ Tướng là cách ruột, để Đế quyền của Tử-vi và Thiên-phủ, tha hồ tác phúc tác oai muôn dân cũng phục là chính lý của đầu sỏ.

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH

1- Cơ Nguyệt Đồng Lương là cách tác lại-nhân, thường là những ng; nói chung không mạo hiểm, cương cường như Sát Phá Tham, nhưng ôn lương trung hậu, giữ nhân thủ thường, lo bồn phận, đời sống mực thước, ví như các công chức chuyên nghiệp.

Tuy nhiên cũng phải tùy theo vị trí các saomiếu hãm hợp với bản mệnh để luận xét mức độ xấu tốt được.

THIÊN-CƠ THÁI ÂM

THUỘC CÁCH CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG

3- Người mạng Mộc, Thiên-cơ thuộc mộc cư Dần cũng chỉ được y lộc phong túc, trung bình cách.

Cũng như người mạng Thủy Thái-âm cư Dần cung cũng trung bình cách.

Vì trong 14 chín tinh có 2 sao Liêm-trinh và Tham-lang tại Tý Hợi là xấu.

Cũng như 2 sao Thiên-cơ và Thái-âm tại Dần Thân, nhưng tại Dần ít bị khắc chế hơn tại Thân cung, nếu tại Dần mạng Mộc hay mạng Thủy, gặp được Khoa Quyền Lộc là cách phản vi kỳ.

Song nếu không gặp Khoa Quyền Lộc, mạng không đồng hành Mộc hoặc thủy, thì 2 sao Cơ, Âm chính là giây oan nghiệt bị vướng mắc không thể gỡ được, bất kể cung số nào cũng đều xấu cả. Huynh đệ thì ly tán, Phúc đức thì họ hàng băng thân chi tương cũng như Liêm Tham không có Tuần Triệt thì nam đấng nữ dâm, hình ngục nan đào.

Người Mộc mạnh hợp Thiên-lương cư Ngọ hơn người Thiên-lương cư Tý cung.

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH

TẠI NGỌ TUẤT VÀ TÝ THÌN.

4- Người mạng Kim, Thủy, cung Ngọ có Thiên-đồng Thái-âm tốt hơn người mạng Kim, Thủy có 2 sao Đồng Âm tại Tý, vì sự âm hợp tính đầu.

Vì Kinh-dương tại Ngọ được Hỏa khắc thành Thủy như nguồn gốc cho Đồng Âm chảy mãi bất tuyệt, nên Ngọ hợp hơn Tý.

Thái-âm tại Ngọ hãm địa, nên phạm Kinh ít khắc chế hơn ở Tý, miếu địa.

Người mạng Mộc hợp Cơ Lương tại Thìn hơn người mạng Mộc Cơ Lương cư Tuất.

Khi 2 sao chính tinh cư cùng 1 cung, thời sự âm hợp hay khắc chế là do độ số tinh đầu và cung có sao cư thuộc hành nào, để luận đoán sự kết hợp khắc của mệnh hành.

Thí dụ- Người mạng Thổ tọa cung Tuất có Cơ-Lương tốt hơn người mạng Thổ có Cơ-Lương cư Thìn.

Người mạng Thủy ở cung Thìn có Cơ-Lương tốt hơn người mạng Thủy ở Cơ-Lương tại Tuất, vì cung Thìn âm hợp sao Thìn thuộc hành Thủy.

NHẬT NGUYỆT CÁCH

1- Hai sao Thái-dương và Thái-âm hợp lại thành cách Nhật Nguyệt.

Cách Nhật Nguyệt cũng phải tùy theo vị trí miếu hãm của 2 sao và ngũ hành của bản mạch hợp lại mà luận xét xấu tốt, không nên yêu kẻ sinh ngày, ghét kẻ sinh đêm, mà luận cách Nhật Nguyệt, chỉ nên so sánh khi nào Thái-dương ở cung hãm địa, thời cung dương hợp hơn cung âm. Thí dụ Thái-dương ở Thân tốt hơn ở Dậu, vì lý nhất dương sinh.

Thái-âm Thìn Mão, thời Mão hợp hơn, vì lý nhất âm trưởng.

Người có cách Nhật Nguyệt mà Mạng Hỏa, ưa tranh đấu vì hợp với Thái-dương hỏa.

Người mạng Thủy trầm tĩnh hơn, vì hợp với Thái-âm thủy.

Nói chung cách Nhật Nguyệt ưa tranh đấu, nhất là chính trị nhưng thành bại là tùy vị trí miếu hãm, và các bộ sao phù trì.

CÁCH NHẬT NGUYỆT CƯ TÝ NGỌ

2- Người Hỏa Mạng, Nhật cư Ngọ thuộc Hỏa là đệ nhất cách của Nhật Nguyệt, vì ở đây là cách Nhật lệ trung thiên, mặt trời ở giữa trời, tỏ rạng được hết cái sáng của mình.

Người Thủy mạng, Nguyệt thuộc Thủy cư Tý là thủy là đệ nhất cách của Nhật Nguyệt vì Nguyệt cư thương phải là bạn đêm giờ Tý mặt trăng chiếu sáng trên bề mặt biển, mặt nước đại hải sẽ trở thành 1 vũ trụ màu bạc.

CÁCH NHẬT NGUYỆT CƯ HỢI MÃO

3- Nhật cư Mão là cách Nhật xuất lôi-môn, lôi-môn là cửa nhà trời, là nơi nhập xuất của các đẳng thần hành sự.

Mão là thời gian khí hậu còn ôn hòa, nên người Hỏa mạng có cách Nhật này là hợp, nhưng không hiển hách bằng Nhật lệ trung thiên.

Nguyệt cư Hợi là cách Nguyệt lảng thiên môn, cửa ngõ của Thái cực, nên thường gọi Hợi là Kiêu Tồn thiên môn thiên-tử bá, vì lý Tồn là hướng của văn phong tinh, Hợi là nơi cực thịnh của âm khí, nên người Thủy có Nguyệt này là hợp nhưng không bằng Nguyệt cư Tý.

4- Nhật Mão Nguyệt Hợi mà Mạng lập tại Mùi cung tât nhiên cung Mùi vô chánh diệu, phải căn cứ vào hành của mệnh để phân luận, mệnh Hỏa hợp với Thái-dương, mệnh Thủy hợp với Thái-âm, nên khi 2 sao chính tinh cùng cư 1 cung hay hợp chiếu về cung vô chánh diệu nếu không căn cứ ở ngũ hành để phân định thì tại sao biết được, thí dụ 1 người mặt dài, 1 người mặt tròn, Nhật Nguyệt tịnh minh, danh tá cửu-trùng ư kim-điện, thường là những danh tài phò tá các bậc nguyên thủ quốc gia.

Đối với cách Nhật Nguyệt, tại chính cung không tốt bằng ở tam hợp cục chiếu, hay là ở cung xung chiếu.

Nhật Mão, Nguyệt Hợi, mệnh lập Mùi có hao Thiên-hư tại Mùi là cách, Nhật Nguyệt chiếu hư không chỉ địa, ngụ ý là cung Mùi vô chính diệu là khoảng không, được thêm sao Thiên-hư, thời thật là khoảng không hư thăm thẳm, không có 1 đám mây hay vật gì cản trở, nên thông minh tuyệt đỉnh, học một mà biết mười.

CÁCH NHẬT NGUYỆT

ĐỒNG CUNG TẠI 2 CUNG SỬU VÀ MÙI

5- Không nên luận cách này sinh ngày hay sinh đêm vì nếu nói sinh ngày không hợp với Nguyệt sin hêm không hợp với Nhật, như thế là bị khắc chế, độ số tốt bị triết giảm, hay cha mẹ bị hình khắc chết trước, thời khoa Tử-vi đầu sỏ, khác một giờ sinh hay bất cứ khác ngày tháng năm, thí soa Tử-vi và tất cả các sao đã chuyển cung rồi, hơn nữa gồm cả Niên Nguyệt Nhật thời sinh, hợp lại mới thành được 1 đáp số tử vi cư ở cung nào.

Nên phải luận ngũ hành của bản mệnh hợp với sao nào, Nhật hay Nguyệt mới có thể hiểu biết tường tận được.

Nhật Nguyệt tị Sửu Mùi cung là cách Nhật Nguyệt tranh huy, thời gian thuộc giờ Sửu, thì Nhật hãm nhưng cũng sắp tới lúc mà Nhật được sáng trở lại, cũng như giờ Mùi thời Nguyệt còn hãm, nhưng sắp sửa thời gian của Nguyệt được sáng ra, Nhật tại Mùi, tuy còn sáng, nhưng sắp tới lúc Nhật bị tối trở lại, nên mới gọi tranh huy, là dành nhau chiếu sáng.

Quy luật của Nhật Nguyệt là chính bất như chiếu, nên Mệnh lập cùn với Nhật Nguyệt vô cát diệu là hung, không thể quý hiển được, nên ở phú có câu.

Những người bất hiển công danh.

Chỉ vì Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi.

CÁCH CHIẾU CỦA NHẬT NGUYỆT

6- Trái lại nếu Mệnh lập Mùi mà Nhật Nguyệt cư Sửu chiếu là cách Nhật Nguyệt chiếu bích (bích là bức tường mà Sửu Mùi thuộc chất thổ thực) nhưng cần có sao Hóa-ky cư Mùi chứ không phải đồng cung, cùng với Nhật Nguyệt là cách tường vân ập Nhật Nguyệt.

Cách chiếu này rất cần gặp được sao Không nhất là Tuần không thời hợp cách nhất, vì Tuần không sẽ bao vây ánh sáng kia lại, để Hóa-ky gặp được ánh sáng Nhật Nguyệt

tỏa hào quang, mới được toàn mỹ, như vậy thì Nhật Nguyệt Sửu Mùi này chính là cách quan cư hầu bá, chung thân quý hiển.

LUẬN CHUNG 4 CÁCH

Tuy nhiên Tử-Phủ là cách dễ quý hiển và tôn quý nhất.

Sát Phá Tham thi uy dũng thường thiên về võ nghiệp.

Cơ Nguyệt Đồng Lương là cách tác lại-nhân mà trọng hậu.

Nhật Nguyệt thì văn chương lại thường phò tá các bậc quân vương.

Sự kết hợp thành cách, để biểu lý tính chặt, và thường hay hiển đạt thế nào cho có căn bản mà thôi, còn bất kể cách nào cũng có thể làm nên công nghiệp phi thường danh lưu muôn thuở, là tùy theo cát tinh phù trì, hung tinh chân ngự, ở các nơi miếu vượng mà luận xét.

Nếu miếu vượng ngộ Triệt Tuần lại không còn uy lực nữa, nếu lạc hãm gặp được Triệt Tuần lại phản vi ky, nhưng nên nhớ các chính tinh lạc hãm gặp được Triệt Tuần, tuy nhiên có tốt thực, song cuộc đời vẫn phải lao tâm khổ tứ mới thành sự nghiệp được, không như người được chư cát miếu, là số tọa hưởng kỳ thành nhất sinh nhưng lựa, cuộc đời không gặp bước thăng trầm.

Vậy ngay các sao lớn như Tử-vi, bé nhỏ như Hóa-ky Thanh-long, phải thoe quy luật tinh đầu, nên cán cứ vào vị trí đắc thất, và sự kết hợp có đồng vị đồng tính mới cư đồng gia được, thí dụ ở bàn cờ tướng, chủ tốt ta nhỏ nhất, nhưng nếu nhập được cung rồi, thời đương nhiên thành xe bọc sắt để nghiền nát chủ tướng của đối phương vậy.

VÔ CHÍNH DIỆU CÁCH

1- Cung Mạnh khi có 1 hay 2 chính tinh, là có sao thủ mệnh.

Khi cung Mạnh không có sao chính tinh, gọi là vô chính diệu.

Cung Mạnh không có chính diệu thủ, thường coi như không tốt, phỉ yếu triết nhi bản hàn, nhưng không phải thế.

2- Trước hết phải tìm xem, trong cung Mạnh có sao tương đồng 1 hành với bản mệnh không.

Thí dụ như các sao Thiên không, Tuần Địa-kiếp, Kinh-dương, Đà-la, Bạch-hổ cư ở ccs cung miếu địa trong cung Mạnh, tránh được Triệt và các ác sát cư đồng cung. Như vậy là được cách hung tinh độc thủ nhập miếu, tức là cách rất tốt, cuộc đời hành sự sau này ví như một anh hùng tung mây lướt gió, thành công rực rỡ bao nhiêu là tùy thuộc ở

các trung tinh phò tá mà luận xét, được Khoa Quyền Lộc tam phương cùng chiếu, hung tinh miếu vị chấn ngự tam hợp là thượng cách.

2- Nếu trong cung Mệnh không có sao hung tinh nhập miếu, đồng 1 hành với bản Mệnh, lại không có hung tinh hãm địa tại cung Mệnh, khắc hành của Mệnh, cung tam hợp hay cung xung chiếu có hung sát, là cách phi yếu triết nhi hình thương mà vong mang.

3- Trong cung Mệnh vô chính diệu, tam phương xung hợp, cát hung cư chung với nhau, mà cung Mệnh không gặp được Triệt để phá hung, là cách sinh lai chung thân bốn ba bản tiện.

4- Bản Mệnh Hỏa vô chính diệu được 1 Không thủ ở cung Mệnh 2 sao Không ở tam hợp chiếu về là đắc cách nhất.

Mệnh vô chính diệu đắc tam Không nhi phú quý khả kỳ là được công danh phú quý toại mãn một đời, vì 3 sao Không cung thuộc hành hỏa cả.

5- Mệnh vô chính diệu, 1 Không thủ, 2 Không chiếu, nhưng 1 ở tam hợp và có 1 ở cung xung chiếu, cung Mệnh hay 1 cung tam hợp có hung tinh là cách.

Mệnh vô chính diệu kiến tam Không như mộng ảo hoàng lương, thời phú quý không thể trường tồn được.

6- Mệnh vô chính diệu, trong cung Mệnh có sao hung tinh hãm khắc chế hành của bản mệnh, 2 cung tam hợp và cung xung chiếu có 3 sao Không cùng chiếu là cách.

Mệnh vô chính diệu ngộ tam Không, phi bản tắc yếu vì 3 sao Không se hợp đảng với hung tinh trong cung Mệnh thời thế nào cũng là cách yếu vong đó.

LUẬN CHUNG VÔ CHÍNH DIỆU

Kết luận cung Mệnh vô chính diệu, không có sao đồng hành với bản mệnh, rất cần gặp được Triệt Tuần án ngữ, nếu tổng cung Mệnh có hung tinh hãm địa, ở tam phương xung chiếu có ác sát không vong chiếu, chắc chắn sẽ bị hình thương ác bệnh mà mạng vong.

LUẬN CÁC CÁCH XUNG HỢP

VỚI TRUNG TINH PHÒ TÁ.

1- Các cách trên vì bản chất khác nhau, nên các trung tiểu hành tinh đi theo phò tá, rất cần cách nào phải đi với bộ trung tinh ấy, mới mong được sự phù trì đắc lực, và lại rất kỵ những sao xung khắc, nên có nhiều sao đi với bộ này là hợp đi với cách khác thì sự

phù trì không đắc lực, cũng như sao xung ở với cách này thì khắc chế hoàn toàn, lại hợp với bộ khác, là tùy ở bản chất ngũ hành phù hợp xung kỵ nhau.

2- Cách Tử Phủ Vũ Tướng.

1) Cách Tử-Phủ cần thiết thứ nhất phải có 2 sao Tả Hữu thiếu 2 sao này ví như Ông Vua hay Tổng Thống không có văn thần võ tướng.

Sao Tả phu nên ở đồng cung với Tử-vi hay Tử-Phủ không nên Tử-Phủ cư đồng cung với Hữu-Bật, vì Hữu-bật thuộc võ, nếu ở đồng cung sẽ là loạn-tướng, hay vị Nguyên Thủ sẽ bị mất hết oai lực, và Phu Bật nên cư cung Thân Mạnh.

2= Tử-Phủ cần phải có Hồng-Đào cư Quan Lộc có Hồng Đào mới mong làm nên phú quý tốt bậc được, thiếu hay sao này thì đường mây trắc trở, không thể nhẹ bước được.

Hồng-Đào không nên cư Thân Mạnh vì bản tính thuộc âm tinh, sẽ đam mê sắc dục hại đến thanh danh.

KHÔI-VIỆT VỚI TỬ PHỦ

3- Tử-Phủ cũng cần có Khôi-Việt vì 2 sao này là Thiên Ất quý nhân cách, được coi như hàng tôn thần, tính tình thanh khiết mo phạm, nên có quyền uy hiển hách, được sự kính trọng sùng ái của các giai tầng quần chúng.

Tử-Phủ thiếu Khôi-Việt ví như một bậc Nguyên-Thuỷ thiếu sự tôn kính của quần chúng, nên ở ngôi tôn quý, mà không có Thiên uy tất sẽ kém hiệu năng về công việc.

Cách Tử-Phủ thiếu 1 trong ba bộ trên thì công nghiệp và sự quy hiển sẽ giảm bớt nhiều.

4- Riêng Mạnh có Thiên Tướng đồng cung với sao Hữu-bật lại ứng hợp, vì Thiên tướng thuộc võ, hội cung với Hữu bật võ nếu có Tướng quân ở cung Quan-lộc hay Thiên-ri xung chiếu là cách xuất tướng nhập tướng.

Bộ Tử-Phủ tối kỵ Kiếp Không, nếu gặp Kiếp Không sẽ mất hết uy lực, ví như ông vua bị sa cơ, nên ngừng người có tài mà sợ bị Không Kiếp chỉ nên cô lưu ở chốn thôn dã.

TỬ PHỦ VỚI TRIỆT TUẦN.

5) Cách Tử-Phủ tuy kỵ Kiếp Không, nhưng không sợ lắm 2 sao Triệt Tuần.

Riêng sao Thiên-phủ nếu cư Tài-bạch cung thì sợ Tuần nhưng ở Mạnh Thân không đáng ngại lắm, vì Thiên-Phủ là tài, tinh, cư Tài vị chủ tiền của, nếu Ngộ Tuần ví như kho lắm không có cửa khóa, không người coi giữ tất nhiên là kho rỗng, nên Phủ phùng không

xứ tài suy, thủy chung nan bảo tư cơ lưu truyền, Thiên-phủ bì sao Tuần phạm thời không giữ được cơ nghiệp tự làm ra hay của cải cha mẹ lưu truyền lại.

SÁT PHÁ THAM CÁCH

1- Cách Sát Phá Tham cũng cần có Tả Hữu, nhưng không cần thiết như bộ Tử-Phủ nên với cách Sát Phá Tham thời giáp Tả giáp Hữu tốt hơn là cư cung và củng chiếu.

2- Bộ sao Tam-thai Bát-tọa hợp với Thai-phong, Bình Hình Tướng Ấn, là các sao phù trì cho cách Sát Phá rất đắc lực.

3- Tử Phá (Tử-vi Phá-quân) tại Sửu Mùi đồng cung với Mộ trung Thai Tọa, lại có giáp Tả giáp Hữu, hay Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi xung chiếu cho nhau, là được nhiều chất thổ khắc chế hết nước của Phá-quân, nên trở lại là những anh hùng, binh quyền vạn lý, cơ mưu khôn lường, vì Thai Tọa là văn mô vũ lược kiêm ưu, gia hợp Thái Phong Bình Hình Tướng Ấn là toàn vi hảo cách.

4- Cũng 1 cách Phá-quân của bộ Sát Phá Tham, nếu ở 2 cung Thìn Tuất, hợp được Kinh-dương, người Kim hay Thủy - mạnh, thời không thể bảo là trai bất nhân Phá-quân, Thìn Tuất được, vì Kinh-dương hay Phá-quân chư tinh hợp với hành của bản mệnh, nên thường là những người tay trắng làm nên sự nghiệp và rất cơ mưu tài trí.

THẤT SÁT VỚI TRIỆT TUẦN

5- Thất-sát của bộ Sát Phá cư Dần Thân, nếu ngộ Triệt ở Thân Dậu, Tuần tại Dần Mão tối kỵ, ví như cây kiếm thần đã bị triệt trăm ra từng mảnh, hay bị hỏa thiêu hư đi khí ngộ Tuần.

Thất – Sát này chẳng những không còn uy lực mà trái lại là người chung thân bất vi nữa, vì Triệt đáo kim cung, Tuần làm mộc địa miếu vượng áp chế rồi.

Cũng như sao Tham-lang tối kỵ Triệt mà không sợ Tuần lắm.

Vi hành mộc kỵ Triệt Ngộ Triệt vi như bị chặt nát ra từng khúc.

PHÁ QUÂN VỚI TRIỆT TUẦN

Sao Phá – quân không sợ Triệt Tuần, ví như một hồ nước lớn, có ngăn chặn ra thành 2 hay 4 hồ nhỏ, cũng chỉ hao đi chút ít, hoan giả vẫn là những hồ nước nhỏ.

Sao Tuần nếu xung chiếu với Phá-quân, ví như nước gặp được hỏa, bốc lên thành hơi nóng, đôi khi có sự đắc dụng riêng của nó nữa.

Bộ Sát Phá Tham không sợ hung sát tinh lắm, vì bản chất nó đã là hung tinh, nên đôi khi gặp hung ngược lại còn phù trì đắc lực là khác.

Riêng 2 sao Tham Sát thì kỵ Triệt Tuần nhưng tùy theo vị trí.

THAM-LANG VŨ –KHÚC.

7- Tham-lang Vũ-Khúc hội ở Sửu Mùi là cách Tham Vũ đồng hành, nửa đời trước bốn ba hình khắc, phải đợi tới vận niên thì cơ nghiệp mới thành, nếu cư Mạnh còn hợp, cư Thân mà Mạnh xấu là bất hạnh, chung Thân lao khổ gian tân.

Tham ngộ Hỏa thành phú ông cách.

Tham ngộ Linh là cách tướng tướng chỉ danh.

Tham Vũ đồng hành Sửu Mùi rất cần gặp Hình Kỵ Đà mới toàn mỹ được.

BỘ SÁT PHÁ HẠN VÔ CHÍNH DIỆU

VÀ HÒA KHOA TINH

8 Cách Sát Phá Tham khi cư nơi hãm địa rất cần gặp Triệt xung phá để giải hung nguy.

Khi ngộ hãm địa, ảnh hưởng của Sát Phá Tham rất hung họa, nên thường gọi là trúc la tam hạn.

Nếu mạnh cung bị Sát Phá Tham hãm địa, lưu hạn đáo ung vô chánh diệu, hội hung sát tinh, phải tối quan phòng tai vạ, mạnh phá gia vong.

Cũng như người Mạnh vô chính diệu, lưu hạn ngộ Sát Phá Tham hãm địa gia ác sát, chắc chắn sẽ họa vô đơn chí.

Cách Sát Phá Tham gặp được Hòa-Khoa thời phù trì tăng thêm nhiều sự mỹ mãn.

Nếu phát triển hãm địa rất cần gặp Hóa-Khoa để giải cứu, nên được tôn là đệ nhất thần cho cách này.

CƠ, LƯƠNG NGỘ TRIỆT, TUẦN.

9- Hai sao Cơ Lương ngộ Triệt Tuần là bị phạm nặng vì thuộc hành Mộc nên ví như bị triệt trảm, bị cháy đi.

Thiên-đồng không sợ Triệt Tuần vì thuộc hành Thủy.

Cách Cơ Nguyệt Đồng Lương tu cần tam –hóa Quý Ân, Long Phượng.

Nhưng tối kỵ Hỏa Linh xâm phá, Cơ Lương ngộ Hỏa Linh là tối phạm vì như cây gặp lửa.

Cũng như Nhật Nguyệt tối úy Kinh Đà.

Sát Tham tới kỵ Triệt Tuần.

Tử-Phủ lạc Kiếp Không thành hạn họa.

Nên rất cần phân định tinh đầu thuộc ngũ hành sinh khắc, vì sau này hợp cách này mà khắc bộ kia.

Xem trẻ em sơ sinh

1- Trẻ em mới sinh, nếu được các cách cục hợp, cát diệu ở nơi miếu vượng thì dễ nuôi mập mạp, mau lớn.

2- Nếu tinh thầy phạm giờ, chính tinh hay hung sát tinh cư hãm ở Mạnh, hay xung hợp chiếu là số khó nuôi, hay sinh tai sát trong đồng hạn (12 năm) và nhất là 3 năm đầu.

-Trẻ sơ sinh còn trong đồng hạn, ảnh hưởng tới cha mẹ nhiều.

Thì dụ - thấy song Lộc cư Phụ Mẫu, hoặc ở Mạnh của đứa trẻ, tức là cha mẹ sẽ được phát đạt.

Nếu thấy Triệt Tuần án ngữ hay Không vong lạc Mạnh cha mẹ sẽ bị thất tài hoặc công việc làm ăn không tốt.

4- Bản mệnh của trẻ sơ sinh khắc chế hành bản mệnh của cha mẹ, thời gia đình cũng bị ảnh hưởng thất hãm tại lộc.

Thí dụ- Con thủy cha là hỏa, tức là thủy khắc hỏa.

Phạm giờ Diêm-Vương.

Trẻ em sơ sinh phạm giờ Diêm-Vương, thời hay có sự kinh sợ giật mình, la hét khi ngủ.

BẢNG KÊ GIỜ DIÊM VƯƠNG.

MÙA SINH	GIỜ DIÊM-VƯƠNG
XUÂN	SỬU MÙI
HẠ	THÌN TUẤT
THU	TÝ NGỌ
ĐÔNG	MÃO DẬU

PHẠM GIỜ DẠ-ĐỀ

Trẻ sơ sinh phạm giờ Dạ - Đề hay khóc về ban đêm.

BẢNG KÊ GIỜ DẠ ĐỀ

MÙA SINH	GIỜ DẠ ĐỀ
XUÂN HẠ THU ĐÔNG	NGỌ DẬU TÝ MÃO

SINH PHẠM GIỜ TƯỚNG-QUÂN

Trẻ sinh phạm giờ Tướng-quân, hay khóc thật lâu có khi khóc cả tháng mất hết tiếng, phong tục ta coi phạm vía phải vái.

BẢNG KÊ GIỜ TƯỚNG QUÂN

MÚA SINH	GIỜ TƯỚNG QUÂN
XUÂN HẠ THU ĐÔNG	THÌN TUẤT DẬU TÝ MÃO MÙI DẦN NGỌ SỬU THÂN TÝ HỢI

PHẠM GIỜ QUAN SÁT

Trẻ phạm giờ quan sát, hay bị bỏ vú, và hay bị sài, đồng phân bột xanh.

BẢNG KÊ PHẠM GIỜ QUAN SÁT

THÁNG SINH	GIỜ QUAN SÁT
1	TÝ
2	NGỌ
3	MÙI
4	THÂN

5	DẬU
6	TUẤT
7	HỢI
8	TÝ
9	SỬU
10	DẦN
11	MÃO
12	THÌN

PHẠM KIM-XÀ THIẾT-TỎA THỜI

Trẻ sơ sinh phạm giờ Kim-Xà Thiết-Tỏa, coi như nặng nhất đối với các giờ khác, thường là trẻ khó nuôi.

Phép tính giờ Kim-xà Thiết-Tỏa.

Kể cung Tuất là năm Tý, tính theo chiều thuận tới năm sinh.

Ngưng tại cung nào, kể cung ấy là tháng giêng tính theo chiều nghịch tới tháng sinh.

Ngưng tại cung nào, kể cung ấy là mồng một, tính thuận tới ngày sinh.

NAM SINH

Nếu phạm vào 2 cung Thìn Tuất, là chính giờ Kim-xà Thiết Tỏa.

Nếu phạm vào 2 cung Sửu Mùi là giờ bàng.

NỮ SINH

Nếu phạm vào 2cung Sửu Mùi là phạm chính giờ Kim-Xà Thiết Tỏa.

Phạm vào 2 cung Thìn Tuất là giờ bàng.

Trẻ em sơ sinh tất cả các giờ kể trên, kể cả giờ Kim-Xà Thiết Tỏa cũng thế, chỉ là ước lệ mà thôi, có sự phạm khắc đối với các gia đình hiếm muộn, hay thường hữu sinh vô dưỡng thời mới cần tính xem có phạm giờ nặng nhẹ để quan phòng.

Nếu là số của trẻ sinh được cát diệu tương phù, hay có hung tính nhập miếu trấn ngự ở các cung Mạnh và Thân, thời dù có phạm Kim-Xà Thiết-Tỏa cũng không nên kể tới.

TỶ	NGỌ	MÙI Con gái ky	THÂN
THÌN(con trai ky)	PHÉP TÍNH GIỜ KIM-XÀ THIẾT-HỎA		DẬU
MÃO	Năm: Thuận Tháng: Nghịch	Ngày: Thuận Giờ: Nghịch	TUẤT Con trai ky
DẦN	SỬU Con gái ky	TÝ	HỢI

Nam ky Thìn Tuất

Nữ ky Sửu Mùi.

Xét đoán số trẻ em

1- Khi xem số trẻ em thấy sáng sủa tốt đẹp, được chính tinh cư miếu vượng, có cát tinh phù trì, thì chắc chắn đứa trẻ ấy sẽ dễ nuôi, mập mạp, mau lớn, và về sau sẽ được hiển đạt.

2- Nếu thấy Mệnh Thân vô chính diệu, lại có hung sát tinh hãm địa thủ chiếu, phải rất quan phòng còn trong đồng hạn 12 năm, thường hay mắc bệnh tật, và về sau cuộc đời sẽ bị bôn ba lận đận.

3- Các sao cư cung Mệnh và cung Phúc đức của con giống như các sao ở cung Mệnh và phúc đức của cha mẹ, là được sự truyền tinh, như vậy là tốt, và về sau cha mẹ sẽ được nhờ, giống như ở phúc cung là chứng triệu gia đình phước ấm tổ tông còn thịnh đạt.

4- Thí dụ- Mệnh hay Phúc cung của cha mẹ có Cơ Nguyệt Đồng Lương, mà Mệnh hay Phúc cung của con cũng có các sao Cơ Nguyệt đồng Lương, như vậy là truyền tinh.

5 - Nếu không thấy các sao không giống nhau giữa cha mẹ và con là không được truyền tinh, như vậy cha mẹ sẽ không được nhờ người con ấy.

Cách tính đồng hạn

Đồng hạn là các năm vận hành tốt xấu của trẻ em từ sơ sinh 1 tuổi tính tới năm 12 tuổi.

BẢNG KÊ NIÊN VẬN CỦA ĐỒNG HẠN

Lên 1 tuổi kể hạn ở cung Mạnh- Viên

Lên 2 tuổi kể hạn ở cung Tái-Bạch

Lên 3 tuổi kể hạn ở cung Tật-Ách

Lên 4 tuổi kể hạn ở cung Phối(Phu-Thê)

-----5----- Phúc-Đức

-----6----- Quan-Lộc

-----7----- Thiên-di

-----8----- Nô - bộc

-----9----- Tử - tức

-----10----- Điền-trạch

-----11----- Huynh-đệ

-----12----- Phụ Mẫu.

Thơ an đồng hạn

Nhất Mạnh

Thất Thiên

Nhị Tài

Bát Nô

Tam Giải

Cửu Tử

Tứ Phối

Thập Điền

Ngũ Phú

Thập Nhất Huynh

Lục Quan

Thập Nhị Phu

Phép xem trẻ em sinh đúng hay sai giờ

Trẻ em sin giờ Tý Ngọ Mão Dậu là từ Bại, khi sinh ra ngựa, đầu có một khoáy lệch sang bên tả.

Sinh giờ Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc từ Mộ, lúc inh ra sắp đầu có 2 khoáy.

Sinh giờ Dần Thân Ty Hợi thuộc từ Sinh, lúc sinh ra nghiêng, đầu có 1 khoáy nhưng lệch sang bên hữu.

Cách xem lưu niên vận hành

Đại hạn và tiểu hạn

Khi quan sát 1 lá số, nên hợp chung Mệnh Thân Tài Quan lại, xem được bộ nào. Thứ nhất là Mệnh cung, xem chính tinh cư Mệnh Thân hợp với hành của Bản Mệnh là tốt hay các chính tinh ấy khắc chế hành của bản Mệnh là xấu.

Hợp chung cả Mệnh Tài Quan xem được cách nào, thí dụ Tử-Phủ hay Sát Phá, để khi lưu đại hạn hoặc tiểu hạn thì hạn ấy có cách nào, mới phân luận được mức độ tốt xấu.

MỘT ĐẠI HẠN LÀ 10 NĂM

VÀ 1 TIỂU HẠN LÀ 1 NĂM

Sự ứng hợp các cách với vận hành sinh khắc.

1- Nên phân biệt Mệnh Tài Quan có cách Tử-Phủ, đi đến hạn hành có Không Kiếp thời tối kỵ.

2- Mệnh Tài Quan có cách Nhật Nguyệt, kỵ hạn hành Dương Đà.

3- Cơ Nguyệt Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh.

4- Tham Sát bị Triệt Tuần thời khắc hãm.

Còn như các bộ tứ hung, tứ sát, lục bại, cần phải xem ơ cung miếu vượng, hay hãm địa để phân định mức độ tốt xấu.

5- Cũng như bộ Tử Phủ, ưa người mạng Thổ, hạn tới những năm Giáp Kỷ, được tài lộc tốt.

6- Nhật Nguyệt gặp năm Canh, năm Đinh rất hợp được tăng tài tiền lộc.

7- Sát Phá Tham gặp năm Quý năm Mậu, mưu sự tất thành.

8- Và Cơ Nguyệt Đồng Lương, hạn tới các năm Đinh năm Canh, thời danh tài thăng tiến.

HẠN HÀNH TỚI CÁC CUNG VÀ SAO

Nên xem cung của hạn, có khắc chế hành của Mệnh không, thí dụ Mệnh Hỏa đi tới cung Thủy là xấu vì Thủy khắc Hỏa.

1- Các sao cư ở các cung cũng rất cần xét về ngũ hành, xem có được sự phù hợp tương sinh với các cung không, ví như sao Kim ở cung Hỏa, thì bị xấu, vì sao Kim như người tới cư ngụ tại nhà Hỏa, thời người cư ngụ Kim sẽ bị Hỏa thiêu đốt cháy đi.

Sao Hỏa cư cung Thủy, sao Thủy cư cung Thổ, sao Thổ cư cung Mộc, sao Mộc cư cung Kim như vậy là xấu.

TƯƠNG QUAN NGŨ HÀNH CUNG VÀ SAO

Ngoài ra nếu không được các sao tương đồng 1 hành với cung, thời nên được hành của cung sinh ra sao, ví như sao Kim ở cung Thổ vì Thổ sinh Kim.

Sao Mộc cư cung Thủy

Sao Thủy cư cung Kim

Sao Hỏa cư cung Mộc

Sao Thổ cư cung Hỏa.

Như vậy là có sự tương sinh.

3- Người sinh Âm nam Dương nữ, gặp Bắc đầu tinh thì ứng hợp năm năm trước đối với đại hạn, và nửa năm trước đối với tiểu hạn.

4- Người sinh Dương-nam Âm-nữ gặp Nam đầu tinh thì hợp, và Nam-đầu tinh ứng hợp năm năm về sau với đại hạn, 6 tháng sau với tiểu hạn.

Mạnh Thân được các sao cư chiếu tốt, gặp hạn xấu thời ít phải lo ngại.

5- Nhưng nếu Mạnh Thân đã bị các sao hung sát cư chiếu, đáo hạn gặp thêm các sao hung ác, và khi lưu 3 vòng sao Tràng-sinh, Thái-tuế, Lộc-tồn, thấy cá sao xấu của 3 vòng này, hội thêm vào hạn hung nữa, thời phải tối qfuan phòng tai ương sẽ tới.

PHÉP LƯU HẠN HÀNH HUNG CÁT

Muốn biết hạn hành hung cát ra sao, phải biết an các sao thuộc nhóm phi tinh.

CÁC SAO THUỘC NHÓM PHI TINH

Vòng Thái-tuế gồm có Thái-tuế thuộc Mộc

Và tiền hậu Thái-tuế 2 sao Thiên-không, Quân-sách thuộc Hỏa.

Vòng Lộc-tồn có Lộc-tồn thuộc Thổ.

Kèm 2 bên Lộc-tồn là Kinh Đa thuộc Kim

Tràng-sinh thuộc hành Thủy

Thiên-mã là Dịch-mã để chỉ sự gặp gỡ, hoán cải.

Khôi Việt để chỉ phương vị quý nhân và gặp được tôn thần quý nhân giúp đỡ.

LƯU TIỂU HẠN MỘT NĂM

Thái-tuế tùy theo năm hiện hành nào, an Thái-tuế vào cung ấy, tiếp tục an thuận 11 sao còn lại, và Thiên không Quán-sách trước sau Thái-tuế.

2- An Lộc-tồn theo Can của năm hiện hành xét hàng Can thuộc Âm hay Dương, để an thuận hay nghịch, và nhờ an luôn 2 sao Dương Đà, sau khi đã an xong 12 sao còn lại của vòng Lộc-tồn.

3- An vòng Tràng sinh, tùy theo hàn Can của năm hiện hành của hạn, xét xem Can thuộc Dương an thuận vòng Tráng-sinh nếu Can của năm hiện hành thuộc âm thời khởi tại Tý, Ngọ, Mão, Dậu và khởi nghịch.

Và tiếp tục an 11 sao còn lại của vòng Tràng-sinh.

Vòng Tràng-sinh là chủ của sự lưu niên vận hành, và Tràng-sinh là đại diện cho toàn thể trong gia đình, ngôi thứ các bà thế thiếp, nam nữ từ trưởng nam đến con út, hên xui vận hạn ra sao, nếu thiếu vòng Tràng-sinh, thời làm sao biết được phần tử nào của gia đình sẽ nạn tai hạnh phúc.

4- An Thiên-mã tùy theo tam hợp của năm hiện hành.

5- An Khôi-Việt tùy theo hàng Can của năm lưu hạn.

Thí dụ người sinh hạn hành năm nay tại Ngọ cung.

Lưu niên vận hành năm nay fa năm Nhâm Tý.

Tử-phù Phi-liêm Thiên-việt TUYẾT	Tuế-phù Hỷ-thần THAI	Long-dực Bệnh-phù DUỖNG	Tràng-sinh Bạch-hổ Đại-hao
Quan-phù Tấu-thư MÔ	Tiểu hạn tại cung Ngọ. Lưu niên vận hành là năm Nhâm-Tý		Mộc-dực Phúc-dực Phục-bình
Thiếu-âm Tướng-quân Thiên-khôi TỬ			Quan-dối Điều-khách Đà-la Quan-phủ
Tang-môn Tiểu-hao Thiên-mã BỆNH	Thiên-không Thiếu-dương Thanh-long SUY	Đế-vượng Thái-tuế Kình-dương Lực sỹ	Lâm-quan Quán-sách Trực-phù Lộc-tồn Bác-sỹ

Liệt kê các sao thuộc nhóm phi tinh, khi đã an xong. Thí dụ tiểu hạn cư cung Ngọ.

1) Năm hiện hành là năm Nhâm Tý.

Nhâm thuộc can Dương, nên an thuận vòng Lộc-tồn.

Mà Nhâm, Lộc-tồn tại cung Hợi.

Kinh-dương tại Tý cung.

Đà la tại Tuất.

Hỷ-thần tại Ngọ cung.

2) Năm hiện hành Nhâm-Tý

nên Thái-tuế tại Tý cung an thuận.

Thiên-không tại Sửu.

Tuế--phá tại Ngọ.

3) Năm hiện hành Nhâm-Tý

Can Nhâm thuộc Dương Thủy.

Nên Tráng-sinh tại Thân cung và an thuận.

Đế-vượng tại Tý cung.

Sao Thai tại Ngọ.

4) Năm hiện hành là Tý.

Thân, Tý, Thìn Thiên-mã cư Dần cung.

6) Năm hiện hành là Nhâm-Tý.

Khôi việt Nhâm Quý Thổ Xà tàng.

Thiên-khôi cư cung Mão.

Thiên-việt cư cung Tý.

1- Như vậy nếu xét đơn thuần các sao phi tinh, thì năm nay Nhâm-Tý, cung Ngọ có các sao.

Tuế-phá, Hỷ-thần, Thai.

2- Cung xung chiếu có các sao.

Thái-tuế, Kinh-dương, Đế-vượng, Lực-sỹ.

3- Cung Dần có các sao.

Tang-môn, Thiên-mã, Tiểu – hao, Bệnh.

4- Cung Tuất có các sao.

Điều –khách, Đà-la, Quan-đời, Quan-phủ.

Hợp phi tinh luận đoán vận hành

Hợp lại mà xét đơn thuần các sao phi tinh thuộc cung xung chiếu và tam hợp thời.

CÁCH 1.

Các sao Thai, Hỷ-thần, Đế-vượng, là có tin vui gia đình tăng tiến nhân đình.

CÁCH 2

Tuế-phá, Thái-tuế, Tang-môn, Thiên-mã, Đà-la, Quan-phủ, là có sự thị phi khẩu thiệt, hoặc đáo tụng đình, thắng bại tùy theo các sao ở lá số đã lập thành, tổng hợp lại để luận đoán mới quyết định được.

Lập Mạnh hành hạn sở ky.

Mỗi người đều thuộc vào ngũ hành của cục khi lưu Đại Tiểu hạn cùng với Thái-tuế.

NGŨ CỤC SỞ KÝ CUNG.

Thủy nhị cục ky Sửu Dần (Cấn cung)

Mộc tam cục ky Ngọ (Ly cung)

Kim Tứ cục ky Tý (Khảm cung)

Thổ ngũ cục ky Mão Thìn Tỵ (Chấn Tốn cung)

Hỏa lục cục ky Dậu (Đoài cung)

BẢN MẠNH NGŨ HÀNH NHẬP HẠN CUNG SỞ KÝ

Kim nhân gộ Khảm (Tý) mạnh tu thương

Mộc mạnh phùng Ly (Ngọ cung) hữu họa ương

Thủy ngũ Cấn cung (Dần) ượng kiên trệ

Hỏa lai Đoài (Dậu cung) thượng họa nan tàng

Thổ đáo Đông nam phùng Chấn Tốn (Mão Thìn Tỵ)

Tu phòng nùng huyết cấp kinh hoang

Tùng nhiên cát diệu tương phùng chiếu
Vị miễn quan tai não nhất trường.

THẬP NHỊ CHI HÀNH HẠN ĐÁO CUNG SỞ KÝ

Nhân sinh Tý niên ký Dần Thân
Sửu Ngọ sinh nhân Sửu Ngọ sân
Dần Mão chi nhận phong Ty Hợi,
Thìn Ty thiết ký bản thân lâm
Thân nhân Linh Hỏa tai ương trọng
Mùi Ngọ Hợi dậu mộ hoạn ân
Tuất Hợi Dương Đà tu tỵ ký
Dậu nhân Đà Nhận diệc phi thân
Tuất Hợi sinh Nhân mạc quý Ty
Thìn Tuất thiết ký đảo Vồng La
Dự tiên chỉnh đồn y quan mộc.
Vị miễn sinh nhân xướng văn ca.

Tính chất cát hung của

14 chính tinh khi lưu Đại Tiểu hạn

TỬ VI NHẬP HẠN CA

Tử-vi viên nội cát tinh lâm
Nhị hạn tương phùng phúc lộc hưng
Thường nhân đắc ngộ đa tại phú
Quan quý phùng chi chức, vị thăng

Tử-vi cư Mạnh cung là sao cát vượng, đảo nhị hạn sẽ mừng được phát phúc phát tài.

Các nhà quyền quý thời thăng quan tiến chức, dân giả thời tài lộc hưng thông.

HỮU VIẾT

Tử-vi nhập hạn bản vi tường

Chỉ khủng tam phương Sát Phá Lang

Thường thù phùng chi đa bất lợi

Quan viên giáng trích hữu kinh thương

Nguyên bản chất của Tử-vi giảm thiểu được tai nguy, nên lưu hạn gặp được thì cát tường, nhưng chỉ sợ Sát Phá Tham hãm địa.

Thứ dân chắc sẽ bị tổn hại tài lộc, quan quyền danh phận phải luôn luôn lo lắng, nếu danh vị không bị giáng cấp cũng bị khiển trách.

THIÊN- CƠ NHẬP HẠN CA

Nam nữ nhị hạn trị Thiên-cơ

Lộc chủ Khoa Quyền đại hữu vi

Xuất nhập kinh dinh đa ngộ quý

Phát tài phát phúc thiểu nhân tri.

Lưu hành nhị hạn mà gặp sao Thiên-cơ hội cùng với Hóa- khoa, Hóa-quyền thi tài lộc hoành phát.

Công việc kinh doanh gặp quý nhân giúp đỡ, được vượng phát phúc tài, một cách kín đáo ít người lường được.

HỮU VIẾT

Thiên cơ chiếu hạn bất an ninh

Gia sự phân phân ngoại sự đa

Cánh ngộ Dương Đà tính cự Âm

Tu tri thủ tuế nhập nam kha.

Hạn hành gặp sao Thiên-cơ cùng với Dương Đà, Cự - môn , Thiên-lương hãm địa hội chiếu, thi gia nội rối bời, mà ngoại lại còn rủi ro đa sự, tâm hồn tam canh lo lắng, nếu thử chiếu thêm hung sát tinh, năm ấy chắc sẽ được về hưởng phúc quy tiên.

THÁI DƯƠNG NHẬP HẠN CA

Nhị hạn thiên nghi kiến Thái-dương

Thiên tài tiến nghiệp phúc phi thường

Hôn nhân hòa hợp, thêm tự túc

Sỹ giả cao thiên tạo miếu đường.

Vận hành nhi hàn đều gặp Thái-dương miếu vương, thời phúc nhà hưng khởi, danh tài tăng tiến, phu xướng phu tùy, tăng trưởng nhân đinh, bậc quyền quý sẽ được vinh hoa thăng thưởng.

HỮU VIẾT

Thái-dương thủ hạn hữu đa ban

Hãm Địa tu phòng ác sát xâm

Gia kị phùng hung đa trở trở

Hoành sự phá tài gia linh đình

Nếu Thái-dương hãm địa nhập hạn, hội với các ác sát tinh thời sẽ gặp nhiều sự không may.

Gia hợp với Hóa-kỵ hoặc hung tinh, phải quan phòng vận sự trắc trở, mà sẵn nghiệp có thể đổ vỡ.

VŨ KHÚC NHẬP HẠN CA

Đại tiêu hạn phùng Vũ khúc tinh

Nhược hoàn nhập miếu chủ tài hưng

Cánh gia Văn xương lâm Tả Hữu

Phúc lộc song toàn đắc xứng tâm

Vũ-khúc là tài tình, nên đại tiểu hạn gặp được Vũ-khúc cư nơi vượng miếu, thời tiền bạc sẽ súc tích.

Nếu lại thủ chiếu với Văn xương và Tả Hữu, thì là cách phúc lộc trùng trùng lòng xuân thơ thái.

HỢU VIẾT

Vũ-khúc chi tinh chủ quan nhân
 Công lại phùng chi hình trượng lai
 Thường thứ phùng chi hoàn phụ trái.
 Quan viên trị thử hữu kinh hoàng.

Nếu Vũ-khúc thất hãm, lớp nho lại sẽ mắc phải hình phạt, thứ dân chịu vòng oan trái, và nhà quan tước không thoát được tai biến kinh sợ.

THIÊN-ĐỒNG NHẬP HẠN CA

Nhân sinh nhị hạn trị Thiên-đồng
 Hỷ khi dinh môn vạn sự vinh
 Tài lộc tăng thêm nghi sáng tạo
 Tông kim gia đạo đắc phong long.

Sao Thiên-đồng cát khánh cư nhị hạn, thời sự vui mừng vinh vượng đầy nhà.

Gia đạo gặp được tài lộc hưng khởi, và chắc chắn sẽ tậu sắm thêm gia trang vườn ruộng.

HỢU VIẾT

Lưu niên nhị hạn trị Thiên-đồng
 Hãm địa tu phòng ác sát xung
 Tác sự mỹ trung chung bất mỹ
 Duy phòng quan phá cấp gia khuynh

Nếu gặp sao Thiên-đồng hãm địa, lại ác sát tinh xung hợp, thời dù có gặp công việc đẹp tốt, cung cuộc vẫn bất thành, phải phòng danh phận quan tai, và nạn khuynh gia bại sản.

LIÊM –TRINH NHẬP HẠN CA

Liêm-trinh nhập hạn vượng cung lâm

Hỷ phùng cát diệu phúc biên trần

Tài vật tự nhiên đa súc tích

Nhiệm nhân đắc ý vị cao thăng

Sao Liêm-trinh đại tiểu hạn cư cung miếu vượng, rất mừng gặp được cát tinh phù trì, thời tiền của làm nên như nước chảy bạc dòng, hưởng phúc đức đề đa, và vì có tài biết người mà hoạn lộ được vinh thăng.

HỮU VIẾT

Đại tiểu nhị hạn ngộ Liêm-trinh

Cánh hữu Thiên hình, Ky, Nhận xâm

Nùng huyết hình tai đào bất đắc

Phá – quân Tham, Sát phó u minh.

Lưu hạn thấy Liêm-trinh hãm địa, thủ chiếu với các sao Thiên- hình, Hóa-ky, Kinh – dương, chắc chắn sẽ mắc bệnh nung huyết nặng, vòng lao lý không tài nào tránh khỏi.

Nếu gia hội cùng với bộ Sát Phá Tham hãm địa, ví như người mắc trong vòng u tối , lẩn quẩn không có định hướng.

THIÊN-PHỦ NHẬP HẠN CA

Hạn lâm Thiên-phủ năng tư lộc

Sỹ thứ phùng chi đa phát phúc

Thiêm tại tiến hỷ vĩnh vô tai

Thả giả nhuận thân tinh nhuận ốc.

Đại tiểu hạn gặp được Thiên-phủ (tài chính) miếu vượng ví như cửa đổ vào nhà.

Học trò và dân giả được sự mừng vui, thường phát phúc phát tài, không sợ tai ương, lòng xuân hỷ hả, gia đạo an khương.

HỮU VIẾT

Nam-đầu tôn tinh nhập hạ lai
Sở vi mưu sự xứng tâm hoài
Nhược phung hựu Hóa-khoa, Quyền Lộc
Chỉ nhật hân nhiên triển đại tài.

Thiên-phủ là vị đế-tinh, tôn-tinh, nên nhập hạn miếu vượng thời vạn sự xứng ý toại lòng.

Nều gặp được bộ tam hóa Khoa Quyền Lộc thời ví như đương nhiên gặp thời đại phát .

THAI-ÂM NHẬP HẠN CA

Thái-âm tinh diệu hạn trung phùng
Tài lộc phong dinh bách sự thông
Gia-thư thân nghinh thêm tư tực
Thường nhân đắc thử vạn môn phong.

Thái-âm là cát tinh, tính chất ôn hòa, nếu nhập nhị hạn cát khánh, thời vạn sự hạnh thông, hoạnh phát tài lộc.

Việc hôn nhân thành đạt dễ dàng, mùa đông nên duyên mà mùa hạ đã được tay bông tay mang, và là hạn sẽ mở mang được cơ sở thêm phú cường.

HỮU VIẾT

Hạn chí Thái-âm cư phản bối
Bất hỷ Dương Đà tam sát hội
Hỏa Linh nhị hạn tối vi hung
Nhược bất quan tai đá phá hối.

Nếu nhập hạn t-am cư hãm địa, rất e ngại hôn với Dương Đà, ác sát, Hỏa Linh là tối hung họa, nếu không bị quải miễn, tất nhiên bị phá tái bại sản.

THAM-LANG NHẬP HẠN CA

Tham-lang chủ hạn tứ mộ lâm
Cánh hỷ nhân sinh sừ mộ sinh
Nhược kiến Hỏa Linh Đa hoạnh phát
Tự nhiên phú quý quân hương lân.

Sao Tham-lang đồng hành tứ mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) nhập hạn rất ứng hợp cho người sinh tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi.

Đồng cung với 2 sao Hỏa Linh, thì danh tài vượng phát không kể xiết, phú quý thanh dương, hương lân không sánh kịp

HỮU VIẾT

Nữ bạn Tham-lang sự bất lương
Nghĩ hoài lục Giáp bất tai ương
Nhược vô cát diệu lai tương hội
Tu tri nhất mệnh nhập tuyền hương.

Nữ hạn sao Tham-lang thường ít được sự ứng hợp, riêng tuổi sinh thuộc lục Giáp là tránh được hung họa.

Nếu Tham-lang nhập hãm địa, không được cát- diệu phù trì, gia hội thêm ác sát inh, thời oan khiên khôn lường và sẽ được an hưởng chốn tuyền đài.

CỰ MÔN NHẬP HẠN CA

Cự-môn chủ hạn Hóa- quyền tinh
Tối hỷ cầu mưu đại sự thành
Tuy hữu quan tai tinh khẩu thiệt
Hung vi cát triệu đắc an ninh

Sao Cự - môn tuy tính chất quan tai khẩu thiệt, nhưng nhập hạn miếu vượng đồng cung với Hóa-quyền, thì mưu việc lớn nhỏ cũng được thành tựu, và gia đạo đắc an Khang, vì đã phản hung vi cát khánh.

HỮU VIẾT

Cự-môn hạn hãm tối quai trương
 Vô sự quan phi nò nhất trường
 Khấp khóc tang lên chung bất miễn
 Phá tài ầu khí thụ thê lương.

Cự-môn cư hãm địa, thời tính chất hay tráo trở, việc không ra gì cũng làm náo động cửa quyền môn.

Liên miên khăn tang không ráo lệ, thường mắc bệnh thổ huyết, pha tai và chịu cảnh thê lương.

THIÊN-TƯỚNG NHẬP HẠN CA

Thiên-tướng chi tình cảm chủ tài
 Chiếu lâm nhị hạn tất vô tai
 Động tác mưu vi giai toại ý
 Ưu du hưởng phúc tự nhiên lai.

Đại tiểu hạn lưu vận gặp được Thiên-tướng miếu vị chủ phát tài phát lộc, và không sợ hung tai.

Làm việc gì cũng được danh lợi xướng cân, là cách nản lai vô sự hưởng phúc thần tiên.

HỮU VIẾT

Hạn lâm Thiên-tướng ngộ Kinh-dương
 Tác họa hưng ương bất khả đương
 Cánh hữu Hỏa-Linh chư sát tấu
 Tu giao nhất Mạnh nhập tuyền hương.

Lưu hạn sao Thiên-tướng lạc hãm, đồng cung với Kinh-dương, thời hung họa đầy động không ngăn cản được.

Nếu hội thêm với các sao Hỏa Linh và sát tinh, thời chắc chắn tình mạnh sẽ được vĩnh cửu thắng nơi Thiên-quốc.

THIÊN LƯƠNG NHẬP HẠN CA

Hạn chi Thiên-lương tối thị lương
Do như thu cú thổ hình hương
Gia quan tiến chức nghinh tân lộc
Thường thứ phùng chi dã túc tương

Đáo nhị hạn phùng Thiên lương miếu địa, ví như hoa cúc mùa thu tỏa hương thơm ngào ngạt.

Bắc quan quyền thời được thăng quan tiến chức, kẻ thứ dân sẽ được hưởng y thực phú túc.

HỮU VIẾT

Thiên-lương thủ hạn thọ diên trường
Tác sự cầu mưu cánh cát xương
Nhược ngộ Hỏa Linh Dương Đà hợp
Tu phòng nhất ách dữ gia vong

Sao Thiên lương tuy được đắc cách thọ trường, cư nơi miếu đường, thời mưu sự được cát xương vinh vượng.

Nhưng nếu lạc hãm hợp với các sao Hỏa Linh, Dương Đà, thì tất bệnh khó tránh, và phải quan phòng tài phá gia.

THẤT SÁT NHẬP HẠN CA

Nhị hạn tuy nhiên phùng Thất – sát
Thung dung hòa hoãn gia đạo phát
Đối cung Thiên-phủ chính lai triều

Sỹ hoạn phùng chi đanh hiển đạt.

Tuy Thất sát là sao bản tính rất hung ác, nhưng vị trí Thất – sát bao giờ cũng ở đối cung sao Thiên-phủ nên đã giảm thiểu phần nào hung sát nhờ Thiên-phủ, vì thế khi lưu hạng gặp được Thất-sát triều đầu, thì thật là tốt đẹp, chính là cách tước lộc vinh xươn, ung dung an hưởng, gia đạo cũng vinh vượng hiển quý.

HỮU VIẾT

Thất-sát chi tính chủ thu tức

Tác sự gian nan câu hữu thất

Cánh gia ác diệu tại hạn trung

Chủ hữu quan tia đa bệnh tật

Thất-sát lạc hãm thời một đời thờ than rên xiết, làm công việc thì vạn sự bất thành.

Nếu gặp hung tinh hội hợp, thì tai vạ chôn quyền môn khó tránh, và khó thoát khỏi ác mệnh

PHÁ-QUÂN NHẬP HẠN CA

Phá-quân nhập hạn yếu suy tường

Miếu địa phương tri phúc lộc xương

Cánh ngọ Văn-xương đồng Khôi Việt

Hạn lâm thử địa cực phong quang.

Lưu đại tiêu hạn gặp Phá-quân nhập miếu, tất sẽ được hưởng phúc lộc song toàn.

Nếu đồng cung với sao Văn-xương và bộ Khôi Việt thủ chiếu, là hạn sẽ gặp bước vẫy vùng, và đường quan thời được thăng quan tiến chức.

HỮU VIẾT

Phá-quân chủ hạn da nùng huyết

Thất thoát, qui trương bất khả thuyết

Cánh trĩ nữ nhân chủ hiếu phục

Huyết quang sản nạn, tai ương tiết.

Lưu hạn gặp Phá-quân lạc hãm, thời phải quan phòng bện nung huyết, gia trang thất tán rủi ro.

Nữ nhân khi lâm bồn, thường băng huyết khó sản sinh, thường hay bị mổ xẻ châm chích, và luôn luôn mất không ráo lệ vì hiếu phục buồn thương.

VĂN - XƯƠNG NAM MẠNH CA

Văn-xương thủ mạnh diệp phi thườn

Hạn bất yêu thương phúc thọ trường

Chỉ phạ hạn xung phùng Hỏa Ky

Tu giáo yếu triết đái hình thương.

Các sao kết hợp thành bộ nhỏ tốt đẹp

Phụ thêm các cách lớn

TỬ-VI NGỘ TÂU-THƯ : Thần đồng phụ nhĩ thông minh

TỬ-VI PHỦNG TẢ HỮU : Quân thần khánh hội

NHẬT XUẤT PHỦ TANG : Thái-dương cư Mão gặp Tang-môn

THÁI-ÂM NGỘ VĂN XƯƠNG : Thiềm cung triết quế

PHÚ (THIÊN) VŨ (KHÚC) PHÙNG : Đôi kim tích ngộ, Phủ Vũ

LỘC TỒN : là tài tình

KHÁNH VÂN PHUNG NHẬT NGUYỆT : Nhật Nguyệt Mùi Hóa-Kỵ ở

: Sửu hay Nhật Nguyệt Sửu

: Hóa-kỵ tại Mùi

THAM LANG NGỘ TRÀNG SINH: cách thượng thọ

THIÊN-ĐỒNG NGỘ TRÀNG SINH : Cách thượng thọ và rất thông minh

TỌA QUÝ HƯỚNG QUÝ: : Là tọa Khôi hướng Việt, hay là tọa

Việt hướng Khôi.

THAI TỌA ĐỒNG CUNG : khắc khoan khắc đỉnh

TỌA HỮU ĐỒNG CUNG	: là cách văn chương
QUY ÂN XƯƠNG KHÚC	: văn tính cách
PHƯỢNG LONG THAI TỌA	: bề vệ đài các
LỘC MÃ TƯỞNG ẨN	: phú quý cách
TẢ HỮU HỒNG ĐÀO NGỘ LỘC	: cách phú quý dễ dàng
TỬ-PHỦ ĐỒNG CUNG VỚI MÃ	: cách Tử mã nhất ban
MÃ NGỘ TRÀNG SINH	: cách thanh vân đắc độ
MÃ NGỘ KHỐC KHÁCH	: oai vệ
KHỐC QUYỀN	: minh danh vu thể
TIỀN CÁI HẬU MÃ	: Mạnh ở giữa, trước có Cái và sau có

Mã

KINH-DƯƠNG BẠCH HỔ	: là cách văn chương oai dũng
BẠCH HỔ NGỘ PH LIÊM	: oai dũng
GIÁP LONG GIÁP HỔ	: Mệnh ở cung giữa
TIỀN HÌNH HẬU ẨN	: quý cách mạnh ở giữa
THẤT SÁT NGỘ QUYỀN	: cách oai dũng
THANH-LONG HÓA-KY	: khéo léo rỗng gập nước
LƯU HÀ	: rỗng gập mây

CỰ CƠ TÝ NGỘ : thạch trung ẩn ngọc

CỰ CƠ MÃO DẬU NGỘ SONG HAO

MANH ĐÀ (LA) THÂN KINH

THIÊN LƯƠNG CỰ HỘI NGỘ

THIÊN KHÔI

THIÊN ĐỒNG CỰ TÝ NGỘ

THIÊN VIỆT

HỎA PHÙNG TUYỆT

TƯỚNG PHỤC VIỆT KHÔI : võ cách oai dũng

TƯỚNG PHỤC HỒNG ĐÀO : thiếu niên hiển đạt

XUẤT TƯỚNG NHẬP TƯỚNG : Mạnh 1 tướng, Ri hay Quan 1
tướng (nếu 2 tướng đồng cung
thì kém hơn)

CỰ-MÔN THÁI TUẾ KHÚC	:	là cách văn chương, hình luật
XƯƠNG NGỘ HÌNH	:	thường là luật sư hay các vị thẩm phán
THANH-LONG LONG-ĐỨC	:	song long cách phú quý
PHƯƠNG-NG LONG CÁI HỔ	:	cách tứ linh, không sợ hung sát tinh
BẠCH-HỔ TẤU-THƯ	:	hổ đội hòm sắc phong tặng
KHỐC HƯ TÝ NGỘ	:	oai dũng cách
SONG HAO MÃO DẬU	:	chúng thủy triều đông cách
BINH HÌNH TƯỚNG ẤN	:	oai dũng, vũ cách
PHƯƠNG LONG RIÊU Y	:	văn chương, phong lưu
CƠ QUYỀN	:	mưu cơ
THIÊN-KHÔNG NGỘ ĐÀO HOA	:	quyền biến nhưng đổ vỡ
Kỵ QUYỀN	:	quyền biến
KHOA QUYỀN KHÔI VIỆT	:	cách dễ thành công
KIỆP KHÔNG Kỵ HỢI NGỘ QUYỀN	:	oai dung, phát dã như lôi
THAM PHÙNG LINH HỎA	:	oai dũng phú quý
VĂN-KHÚC VŨ-KHÚC ĐỒNG CUNG	:	lưỡng khúc trùng phùng (văn võ toàn tài)
Các bộ nhỏ phá cách		
MỘC-DỤC NGỘ HỎA-LINH	:	đề phòng chết đuối
HÌNH VIỆT NGỘ LINH	:	Phòng bị điện nước sôi
TƯỚNG-QUÂN NGỘ TRIỆT	:	làm việc bị cách bãi
TRÀNG-SINH NGỘ TRIỆT	:	công vụ trắc trở
PHÁ-TOÁI NGỘ RIÊU Kỵ	:	miệng tiếng
TUẾ-PHÁ NGỘ Kỵ	:	thị phi
KIỆP-SÁT NGỘ HAO HÌNH	:	đau ốm phá tài
ĐỊA-KIỆP NGỘ HỒNG-LOAN	:	tơ duyên trắc trở
TANG NGỘ KHÔNG KHỐC	:	nạn tán tài
TƯỚNG PHÁ PHỤC NGỘ THAI	:	nạn chữa hoang
NHẬT NGUYỆT NGỘ HÌNH Kỵ	:	nạn đau mắt
CƠ CỰ NGỘ HỎA KINH THƯƠNG SỬ	:	bệnh tật thi phi quan sự
THÁI-TUẾ NGỘ ĐÀ	:	những sự việc bức mình
KINH DƯƠNG NGỘ RIÊU	:	mụn nhọt ghẻ lở
MÃ NGỘ ĐÀ	:	hoán cải nghề nghiệp
THAM NGỘ SONG HAO	:	tình duyên oan trái
SÁT PHÁ PHÙNG LINH PHÙ	:	khẩu thiệt
KHOA QUYỀN NGỘ KIỆP	:	làm ăn bị kèn cựa
THIÊN-HÌNH NGỘ RIÊU PHÙ	:	thị phi, quan tai
HỔ NGỘ Kỵ ĐÀ	:	ra ngoài phòng thú dữ
PHÁ NGỘ HÌNH Kỵ	:	có chuyện đánh nhau

TANG NGỘ HƯ KHỐC	:	tang thương súc vật dịch chết
KINH NGỘ KIẾP CÁI	:	lên đầu, lên sởi
TƯỚNG ẮN NGỘ TRIỆT	:	công việc bị tiểu nhân ám hại
TANG MÔN NGỘ HỎA	:	phòng cháy nhà
HÌNH HAO NGỘ KIẾP	:	phá tai tai nạn
THAI NGỘ KIẾP SÁT	:	thai nghén không yên
MỤC DỤC NGỘ KIẾP SÁT	:	khó dễ
KHỐC KHOA NGỘ THƯƠNG SỬ	:	khoa trường lận đận
KINH Kỵ ĐỊA KIẾP	:	tai nạn đau thương
TỬ-VI NGỘ KIẾP	:	dễ bị mắc lừa
TỬ-PHỦ NGỘ HỎA LINH	:	dễ bị ngăn ngại
THIỆN PHỦ NGỘ KHÔNG	:	tiền tài bao tán
MÃ NGỘ TRIỆT	:	phòng té ngã
PHÁ LIÊM NGỘ HỎA	:	hình ngục, phá tài
KINH ĐÀ KHÔNG KIẾP	:	tang thương, tán tài
VIỆT NGỘ LINH HÌNH	:	phòng nạn sét đánh
TƯỚNG NGỘ TỬ TUYỆT	:	xuất ngoại trắc trở
CỰ MÔN NGỘ Kỵ HỒNG	:	tơ duyên trắc trở
THAM-LANG NGỘ HỎ	:	phòng bị thú dữ
CỰ-MÔN NGỘ Kỵ	:	phòng nạn sông nước
NHẬT NGUYỆT NGỘ RIÊU Kỵ	:	nạn đau mắt, cha mẹ
HỎA LINH	:	đau ốm
SÁT PHÁ LIÊM THAM NGỘ	:	tàn tật, tang thương, đau ốm
TANG ĐÀ HÌNH TUỆ TỬ PHỦ VỮ TƯỚNG NGỘ	:	nạn vong gia, phá tài
TAM KHÔNG ĐỊA-KIỆP, ĐÀ- TANG	:	đau bệnh

Hôn nhân

Sát Phá Liêm Tham hội Hồng Đào, Tả Hữu, Riêu, song Hỷ Phượng Long: là có hỷ sự về hôn nhân.

Hạn sinh con cái

1. Phượng Long, Đế-Vượng, Thanh long, ngộ Thai Dưỡng.
2. Thiên-mã hội Tràng-sinh, Thanh-long, Song-Hỷ, Hồng Đào.

Muộn vợ muộn chồng

Cung Phu Thê thủ chiếu các sao: Quả Công, Không Kiếp, Tang Hổ, Kinh Đà, Linh Hỏa, Khốc Hư hay bị Tuần Triệt án ngữ.

Số Hiếm muộn tử tức

Cung Tử Tức thủ chiếu các sao: Quả Cô, Hình, Tang Hổ, Đẩu quân, Khốc Hư, Phá-toái Kiếp-sát.

**Phương vị các cung Xung Hợp cát hung tương quan với Mạng cung
QUAN PHƯƠNG THẬP DU**

Bản phương, Đối phương, Hợp phương, Lân phương.

Trong các phương có phương cát phương hung, phương khinh, phương trọng, chớ không nhất luật coi cùng một đẳng lượng như nhau được.

Nêu lên 10 điều rõ ràng, để biểu lý cái tinh túy uẩn súc của sự kiện.

PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG

1. Bản phương cát, vị chi do nội tự cường
2. Bản phương hung, vị chi tòng căn tự phát
3. Đối phương cát, vị chi ngưỡng diện xuân phong
4. Đối phương hung, vị chi đương đầu ác bồng
5. Hợp phương cát, vị chi tả hữu phòng nguyên
6. Hợp phương hung, vị chi tả hữu thụ dịch
7. Lân phương cát, vị chi lưỡng lân tương phù
8. Lân phương hung, vị chi lưỡng lân tương hối
9. Phương cung giai cát, vị chi thiên tường văn tập
10. Phương cung giai hung, vị chi tứ diện sở ca
(chữ nhỏ)

PHỤ THẬP DU CA

Cát hung tối yếu tế phân minh
 Bản Đối Hợp Liên hữu trọng khinh
 Tứ diện sở ca chung tất bại
 Thiên tường văn tập tự nhiên hanh.
 Tự cường tài thị hảo nhân gia
 Lân xá duy thêm cảm thương hoa
 Nhược đáo phòng nguyên chân cảnh địa
 Xuân phong chỉ khả cảm tương ta
 Lưỡng lân tương hối khởi vi tai
 Tự phạt tài giao đại khả ai
 Di đoá đương đầu nhất còn bồng
 Nan phòng tả hữu tập binh lai

Các vị sao chỉ về cơ thể của người

SAO	CƠ THỂ CỦA NGƯỜI
Thiên-Khôi	đầu
Ngộ Hình đồng cung	là đầu có tỳ vết
Phi-liêm	tóc
Thiên-tướng	mặt
Ngộ Hồng loan	mặt khôì ngô, tuần tú
Tam-thai	trán
Bát-tọa	cằm
Thái-âm	mắt bên phải
Thái-dương	mắt bên trái
Tuế-phá	răng
Ngộ Kinh dương	răng vỡ
Lâm-quan	cổ
Long-trì	vú
Phượng-các	tai
Ngộ Kiếp Hình	tai điếc

Hóa-lộc	râu rậm quai nón
Cự-môn	cái mồm
Hóa-ky	lưỡi
Thiên-đồng	má
Văn-xương	bụng phệ
Thiên-riêu	lông
Vũ-khúc	nốt ruồi
Hỏa-linh	nốt ruồi (nốt bót lớn)
Thiên-việt	bả vai
Song Hao	cái mũi
Hóa-quyền	gò má
Tham lang	nách
Tham ngộ Kỵ	hôi nách
Đế-vượng	lưng
Thiên-mã	chân tay
Bạch-hổ	xương, gân cốt
Thiên-la	rốn
Hoa-Cái Kiếp Kinh	mặt rỗ
Kình-dương	dương vật
Hỷ-thần	cái trĩ

Các sao trên đây là biểu tượng các bộ phận của thân thể, phải tùy theo khi ngộ Kinh Hình, hay ngộ Kiếp tại Mệnh và Tật ách cung, mà luận xét sự thương tổn nặng nhẹ. **Các vị sao C Các sao thuộc các vật dụng**

Hồng-loan	vải vóc
Thiên-hình	giao kéo
Thiên-cơ	máy móc
Kình-dương	chàng, đục, búa, rìu
Quốc-ấn	con dấu
Thiên-tướng	cái bút
Tấu-thư	giấy
Đà-la	mực
Quang-Quý	thư tín
Khôi Việt	bằng sắc
Vũ-khúc	nhạc khí
Thiên-mã	xe cộ
Thiên-khốc	cái nhạc
Thiên-Y	quần áo
Thai Tọa	bàn, ghế, giường, tủ

Các sao trên biểu tượng vật dụng, nếu ngộ Hình Kiếp, tức là bị hư hỏng, móc, một ăn, một xông tùy theo vị trí hãm địa.

Các sao thuộc về thực phẩm

Tham-lang	thịt
Thiên-cơ	ngũ cốc, cơm gạo

Hóa-lộc	chất đắng chất cay
Phượng-các	thịt gà, thịt vịt
Hồng-loan	tiết canh
Tham ngộ Kỵ	thịt heo
Bạch-hổ	thịt rừng, món ăn thuộc sơn hào
Long-trì	cá biển, thuộc hải vật
Thiên-lương	thịt dê thịt ngựa
Mã ngộ Khốc	thịt trâu
Cự-môn	thịt bò
Đào ngộ Đà la	rượu mùi, rượu
Hoa-cái	các thứ đậu to
Thất-sát	các thứ đậu nhỏ, đậu thường
Hỏa Tấu Cự Kỵ	thuốc phiện, thuốc lá, thuốc Lào
Thái-dương	thức ăn mặn
Nhật-Nguyệt	các thứ bánh, trái cây
Thái-âm	thức ăn nhạt, ngọt
Khốc Hư	gừng
Lưu-hà	bún ốc, trai, sò huyết
Thiên-tướng	các thứ canh, rượu quý
Lộc-tồn	lòng lợn, hành tỏi, gia vị
Hóa-quyền	các món thịt thui, thịt tái
Hóa-khoa	con nhộng, tằm
Thanh-long	cá chép, cá quả
Thiên-lương	các thứ rau

Các sao tượng trưng đám táng

Khi về già, thấy lâm trọng bệnh, tính hạn thấy các sao nhày chỉ là sự sắp về nơi lâm tuyền.

Xem Tật ách cung thấy các sao biểu tượng một đám tang lớn, tất nhiên biết là người được hưởng phú quý vinh hoa tới lúc chết.

Cự-môn	ván, hòm
Tả Hữu	đồ tùy, phu khiêng quan tài
Bạch-hổ	quần áo tang
Thiên-khốc	kèn trống
Thiên-hư	gậy chống
Thiên-khôi	địa lý, ông sư, linh mục
Hoa-cái	lọng, dù, tàn y
Hóa-kỵ	thuốc uống
Đường-phù	các đồ lễ liệm
Quan-đời	giây thừng
Tấu-thư	giấy phủ mặt
Quốc-ấn	giấy vàng, giấy bạc

Điều-khách	khách thăm viếng
Thiên-mã	các đối trưởng, vòng hoa

Bài Lục Thập Hoa Giáp

Lục thập hoa giáp là 1 chu kỳ 60 năm từ Giáp Tý tới Quý Hợi, được chia thành 6 Giáp thường gọi là Lục Giáp.

Các thuật số gia còn căn cứ Can Chi, để tính các ngày khai trương, quật thổ, kiến tạo gia trang, hoặc quan hôn tang tế.

Việc áp dụng để xem hôn nhân trai gái, nên căn cứ quy luật sau.

Nam phái – Phu khắc thê nghi tài nghi tử, nghi phú, nghi quý.

Nữ phái – Thê khắc phu nghi bại nghi vong.

Nên rĩ Phụ vi chủ, để nhất luật tính sinh, nhập khắc xuất như đã ghi ở mục Ngũ Hành sinh khắc.

1. GIÁP TÝ		
Giáp-Tý Ất-Sửu	hải trung Kim	vàng dưới bể
Bính-Dần Đinh-Mão	lô trung Hỏa	lửa ở nếp
Mậu-Thìn Kỷ-Ty	đại lâm Mộc	loại mộc to lớn
Canh-Ngọ Tân-Mùi	lộ báng Thổ	Thổ ở cạnh đường
Nhâm-Thân Quý-dậu	kiếm phong Kim	chất kim ở đao kiếm

2. Giáp Tuất		
Giáp-Tuất Ất-Hợi	sơn đầu Hỏa	hỏa ở đỉnh núi
Bính-Tý Đinh-Sửu	giản hạ Thủy	thủy ở các rãnh, rạch nhỏ
Mậu-Dần Kỷ-Mão	thành đầu Thổ	đất trên đầu thành
Canh-Thìn Tân-Ty	bạch lập Kim	kim ở chân đèn cây
Nhâm-Ngọ Quý-Mùi	dương liễu Mộc	gỗ cây dương liễu

3. Giáp Thân		
Giáp-Thân Ất-Dậu	thoàn trung Thủy	nước ở trong ghe thuyền
Bính-Tuất Đinh-Hợi	ốc thượng Thổ	đất trên nóc nhà
Mậu-Tý Kỷ-Sửu	tích lịch Hỏa	lửa sấm sét
Canh-Dần Tân-Mão	tùng bách Mộc	gỗ cây tùng, cây bách
Nhâm-Thìn Quý-Ty	trường lưu Thủy	nước ở sông lớn

4. Giáp Ngọ		
Giáp-Ngọ Ất-Mùi	sa trung kim	vàng ở trong cát
Bính-Thân Đinh-Dậu	sơn hạ Hỏa	lửa ở chân núi
Mậu-Tuất Kỷ-Hợi	bình địa Mộc	mộc ở vườn ở ấp
Canh-Tý Tân-Sửu	bích thượng Thổ	đất đầu tường
Nhâm-Dần Quý-Mão	kim bạc Kim	chất vàng chất bạc để sơn phết

5. Giáp Thìn

Giáp-Thìn Ất-Ty	phú đẳng Hỏa	Thiên phú địa tái trời che đất chở, lựa của đền bị che lấp đi
Bính-Ngọ Đinh-Mùi	thiên hà Thủy	chất thủy ở sông Ngân Hà
Mậu-Thân Kỷ-Dậu	đại dịch Thổ	đất của 1 quán dịch lớn (trạm)
Canh-Tuất Tân-Hợi	thoa xuyên kim	chất kim của đồ tư trang
Nhâm-Tý Quý-Sửu	tang đồ Mộc	gỗ cây dâu tằm

6. Giáp Dần

Giáp-Dần Ất-Mão	đại khe Thủy	nước của khe lớn
Bính-Thìn Tân-Ty	sa trung Thổ	đất ở trong cát
Mậu-Ngọ Kỷ-Mùi	thiên thượng Hỏa	hơi nóng trên trời
Canh-Thân Tân-Dậu	thạch lựu mộc	gỗ cây lựu
Nhâm-Tuất Quý-Hợi	đại hải Thủy	nước ở đại dương

Xin xem lại mục Ngũ hành sinh khắc, và đem so sánh, sẽ hiểu ra tại sao lưỡng Thủy thành xuyên, lưỡng Thổ thành sơn được.

CHƯƠNG 9

MẠNH – VIÊN TƯƠNG QUAN 12 CUNG

Biểu Lý Tính Mạnh

Ta thường nói Tính Mạnh, vậy ảnh hưởng ở các địa vật là Tính và thụ bẩm ở thiên can trời phú là Mạnh nên lập Mạnh để biết thọ yếu. Mạnh là gốc của 12 cung số cần phải tốt đẹp. Ví như cây kia gốc rễ có to lớn bền chặt mới không sợ gió bão, và mới sinh được hoa thơm quả ngọt.

Có thể cây kia to lớn xanh tốt, lại sinh hoa quả xấu, ví như Mạnh và Thân, nếu mạnh tốt Thân xấu là Mạnh cường Thân nhược thời cuộc đời tuy phú quý nhưng gặp nhiều vận hạn rủi ro. Mạnh xấu Thân tốt là Mạnh nhược Thân cường, thời cuộc đời tuy phú túc, có tiền tài nhưng ngu dốt, bệnh hoạn và hình khắc, ví như loại cây có hoa quả thơm ngọt nhưng gốc rễ bị hồng l64, sâu đục chắc không thể nào trường thọ được.

Nên quan niệm Mạnh Thân là duyên nợ của mình từ bao kiếp trước, tỷ như thuyết nhân quả của nhà Phật, nên trong cuộc sống hiện thực, có bao người giỏi giang, học thức mà vẫn thất bại. Trái lại, thiếu chi người khả năng kém mà lại thành công, hiển đạt; thật là : si từng ẩm á gia hào phú, trí tuệ thông minh khước thụ bần ; bởi ảnh hưởng phúc đức thiện á từ bao kiếp trước của mình, cộng với công tội của cha mẹ ông bà kết hợp lại mà thành cái may mắn, hoặc tai họa của đời mình, nên ta thường nghe nói : cha ăn mặn con khát nước.

Cung Mạnh có ảnh hưởng chung cuộc sống, nhưng mạnh mẽ nhất là thời gian nửa cuộc đời trước nên tử-vi đã phân định, tam thập niên quan mạnh, mà nửa cuộc đời sau xin xem ở Thân, tam thập niên hậu khán thân.

Thân tương quan Mạnh-lý

Thân là kết quả chịu trực tiếp các đức tính, các công nghiệp của Mạnh mà thành, nên Mạnh là nhân và thân là quả của Mạnh. Mạnh chi phối toàn cuộc đời, lại gồm thêm sự thọ yếu mà Thân chỉ có nửa đời sau, nên Mạnh quan trọng hơn Thân nhiều, không thể nói mạnh hảo bất như thân hảo được. Thân hảo tuy có làm nên nhưng nếu mạnh yếu vong thời cũng là bỏ đi vậy. Cũng như Thân hảo bất như Hạn hảo thời nên luận xét Hạn là thời vận, mà Mạnh Thân ____ gốc rễ; đã được phú quý rồi, nếu Thân Mạnh xấu dù có gặp được hạn tốt nữa, cũng chỉ như cơn mưa mát mặt dễ chịu lúc ấy thôi, sau phải bại vong ngay, vì Mạnh Thân xấu thời sao giữ được phú quý lâu dài.

Phải lấy Mạnh là chủ, luận với Thân cũng như Mạnh Thân với Phúc - đức vậy.

Phúc – cung liên hệ Mạnh Thân

Ta thường nói cung Phúc-đức là tối trọng, Phúc-đức đẹp mới làm nên được, nếu Phúc đức xấu là xấu.

Định luật này đúng với các môn học khác vì Phúc-đức và các cung khác không có tuyến định phân rõ ràng, riêng ở Tử-vi thời Phúc-đức I cung, Mệnh 1 cung, Thân cư cung nào luận Thân ở cung ấy, đã có giới hạn rõ ràng, không thể áp dụng như các môn học khác được.

Mệnh Thân phải tốt mới làm nên được, nếu Mệnh Thân xấu thời không làm nên phú quý hiển đạt được.

Thân cung chỉ để hợp luận với các cung mà thôi, nếu Phúc-đức tốt thời tăng thêm, xấu sẽ bị chiết giảm.

Phúc-cung để khán cả một đại gia tộc, tam tứ đại và tương lai các con cháu sau này mạnh nha ở các môi trường phúc, thiện, hung, trong cung Phúc đức mà chịu liên hệ cũng như Mệnh Thân chịu chung ảnh hưởng của Phúc-cung.

Nếu nói sóng trước đồ đầu, sóng sau đồ đáy là phúc-đức hệ lụy từ bao kiếp trước cùng với phúc-âm tổ tiên là nhân của Mệnh thời do thiện ác đã kết hợp nên Mệnh xấu hay tốt rồi.

Nên Mệnh tốt là kết quả của phúc âm tốt mà phúc bạc thời hẩm Mệnh sẽ xấu.

Mệnh Thân xấu là hiển nhiên phúc âm lưu truyền xấu nên không thể hiển đạt được.

Mệnh Thân tốt là kết quả của phúc đức tốt kết hợp lại nên sẽ được thịnh vượng.

Biểu lý Phúc-cung

Thí dụ : Con 1 nhà quyền quý, có họ hàng nhiều người làm nên danh phận, trí khôn ngu muội, tuy học hành không thành, ra đời không chức tước nhưng được nhờ của cải hi lư li của cha mẹ và họ hàng mà được ấm thân thời lá số sẽ hiện ra Cung Thân xấu mà Phúc cung tốt đẹp ; trái lại một người con nhà nghèo, ra đời công thành danh toại, vì có cung Mệnh Thân tốt đẹp mới làm nên được nhưng cung Phúc đâu có đẹp hoàn toàn, Các cung Tử-đức, Huỳnh-đệ, Phụ-mẫu, Mệnh Thân thời nên hiệp ảnh hưởng cung Phúc lại mà luận xét. Nếu thấy phúc tốt thời vì như có sẵn duyên phước căn bản để tăng tiến thêm sự tốt đẹp, riêng Mệnh Thân nếu xấu thời chỉ y thực túc hỷ mà thôi, không thể quý hiển được.

Nếu đã hiểu tiên tích đức nhi hậu tầm long thời ăn ở lấy phúc đức làm trọng để sau này hậu duệ được nở ngành xanh ngọn, không nên tác hung, tác họa mà sau sẽ tuyệt đường vinh danh hiển tổ.

Truyền tinh liên hệ

ở Tử-vi học thường nói sinh đồng niên, nguyệt, nhật tại sao lại bất đồng phú quý là vì 2 trẻ sinh đồng giờ tất độ số tinh đầu như nhau nhưng phải phối hợp số cha mẹ của 2 trẻ lại để xem.

Đứa trẻ không làm nên, tuy các sao ở cung Mệnh của nó cũng giống như các sao ở cung Mệnh của đức kia, nhưng cung Mệnh hay Phúc của nó không có sự truyền tinh với cung Phúc Mệnh của cha mẹ nó.

Một gia tộc đã vượng phát mấy đời, khi đem các lá số ra đối chiếu cũng thường thấy các sao cư Phúc và Mệnh truyền tinh mãi cho nhau, khi thấy các sao ở Phúc và Mệnh không truyền tinh là dấu hiệu suy tàn đã tới.

Cũng một định luật, địa-lý gia tại sao hạ la-bàn khán mộ thạch xong lại biết nam nữ thứ trưởng hay con út ngành nào phát, ngành nào bại và thường phát cho toàn thể các tuổi được.

ở Tử-vi, lá số nào không truyền tinh là bại, trừ khi thấy có Cát diệu hội triều đẹp hơn so với các số trong gia đình tất nhiên có sự vượt lên, hay đã được hưởng phúc mới kết phát vậy.

Tương quan Mệnh và Tài

Nên luôn luôn coi cung Mệnh là chủ, ví như người cha trong một gia đình, không thể suy nhược yếu hèn được. Cũng như một cái hồ nước, có cứng chắc giấy bền thời chứa quá nhiều thời hồ sẽ bị bể, và nước tràn ra làm dơ bẩn thêm.

Nên Mệnh cường Tài nhược thường phát phúc.

Nếu Mệnh nhược Tài cường năng chiêu họa.

Vậy tiền tài đến tay chưa chắc là phúc, vì nếu không đủ tài ba mẫn cán sẽ ngược lại là hạn họa.

Phu-Thê cung

Cũng như vợ chồng so đôi tuổi, thời phu khắc thê nghi tài, nghi tử, nghi phú, nghi quý.

Mà thê khắc phu thì nghi bại nghi vong.

Khi nghiên cứu Đầu-số mới thấy sự huyền diệu, vợ chồng là duyên kiếp, Thiên-lý ngộ, nếu có sự hòa hợp bách niên giai lão, lá số tất nhiên có sự truyền tinh ở cung Phu-Thê.

Nô Bộc

Các sao ở cung Mạnh dù hung tính hay cát tính cũng phải tốt đẹp hơn các sao ở cung Nô Bộc thời mình mới mong điều khiển các gia nhân giúp việc, tuân hành kỷ luật để phù trì cho nên công nghiệp.

Nếu lấy các sao ở Mạnh yếu hơn cung Nô-Bộc tức là mình sẽ giúp việc kẻ khác là lý đó vậy.

Điền - Trạch

Nếu các sao cư ở cung Điền-trạch là Khoa Quyền Lộc, Thai Tọa, Tả Hữu, là hiển nhiên mình sẽ là gia nhân cho nhà phú quý, nếu các sao cư ở cung Mạnh quá yếu.

Như vậy không nên luận cung Điền-trạch tốt lắm mà làm lỡ, nếu thấy cung Mạnh yếu.

Phụ-Mẫu

Ngay như Phụ-mẫu là bậc sinh thành thời các sao cũng nên yếu hơn cung Mạnh Thân, vì cung Mạnh Thân là chủ trong 12 cung, nếu xác sao cát diệu cư ở các cung khác thời còn đâu sao tốt cư ở cung Mạnh Thân được?

Vả chẳng con hơn cha là nhà có phúc, cho nên Mạnh tốt hơn Phụ-mẫu là điều đáng mừng chứ không đáng trách, Cung Mạnh phải là chủ thứ đến Thân Quan Tài không được yếu hơn các cung khác, cũng như Nữ phải Mạnh Thân Phu là trọng, các cung khác là thứ chi.

Vậy Nam hay Nữ ngoài cung Mạnh Thân Phu Quan Tài phải đặt cung Tử - tức thành một vắn để hiệp thêm với Phúc-đức mà xét.

Vì cuộc đời tuy có bốn ba lao碌 nhưng vẫn niên con cái thành đạt tất nhiên sẽ được an hưởng lúc tuổi già.

Tật – Ách cung

Hơn nữa, cung Tật -ách nên coi là cung Mạnh thứ hai nhu bóng với bóng hình, tạo hạnh phúc hay tai tật cho cả cuộc đời.

Tật – ách là căn cứ để xem đám tang lớn –lao ra sao khi chết, nên có thể phụ luận ,à biết được sự phú quý có trường tồn không , nếu các sao tượng cho một cuộc ma chay lớn, cũng là dấu hiệu để biết được sự quý hiển tới lúc châu tiên cảnh,

Phải căn cứ vào ngũ - hành của tinh diệu cư Tật -ách mà luận xét bệnh tật cũng như tính tình thụ bẩm từ từ ngũ hành vậy.

Nên	mộc	giả	nhân	thọ
Cơ	Lương	thuộc	mộc	chủ
			thọ	trường

Kim		chủ	quả	cam
Nên	Vũ	- khúc	kim	quyết
Hỏa		chủ	đoan	chính
Liêm	-	trinh	chủ	bach
Thổ		cư	hậu	trọng
Tử	Phủ		chủ	phúc
Thủy		chủ	trí	hậu
Thiên-đồng, thủy, sinh kỳ trí.				tuệ

Tìm nguyên gốc bệnh thời căn cứ vào hành của bản Mệnh (Mệnh thuộc ngũ hành nào) đối chiếu với các sao cư cung Tật - ách sinh khắc ra sao để tìm bệnh.

Cũng như đẩu vận - hành niên nguyệt thuộc ngành nào định-lý sinh khắc, để biết bệnh gì, gọi là vận bệnh.

Nếu biết được bệnh nguyên gốc và tính được vận bệnh thời sự phòng bệnh sẽ giúp ta không nhỏ trong cuộc sống; vả chăng đã có sự ngăn ngừa tất nhiên sẽ dùng được các phương dược y khoa để chấn áp, thời khó mà lâm trọng bệnh được.

Nhận-thân là tượng thiên địa nên lục phủ, ngũ tạng người ta cũng được phân định theo ngũ hành và các sao cũng có ngũ hành nên căn cứ ở hàng của bản Mệnh là căn bản (rõ mạnh hành vi chủ) để luận xét về các bệnh trạng.

Ngũ – hành tiêu trường

Ngũ-hành tiêu trường liệt phân như sau :

- | | |
|--|--|
| Vượng, Tướng, Hưu, Tù, Tuyệt | |
| 1) Khi MỘC VƯỢNG thời : hỏa tướng, thủy hưu
kim tù mà thổ tuyệt | |
| 2) Khi HOẢ VƯỢNG thời : thổ tướng, mộc hưu
thủy tù mà kim tuyệt | |
| 3) Khi KIM VƯỢNG thời : thủy tướng, thổ hưu
hoả tù mà mộc tuyệt | |
| 4) Khi THỦY VƯỢNG thời : mộc tướng, kim hưu
thổ tù mà hoả tuyệt | |
| 5) Khi THỔ VƯỢNG thời : kim tướng, hoả hưu
mộc tù mà thủy tuyệt | |

THÍ DỤ : - Người mộc mạnh mà thiếu chất thủy sẽ bị huyết bệnh.

- Người thổ mà hoả thiếu là khí thương bệnh.
- Nếu kim hư là thương quan vì hàn tắc lãnh khái (bệnh ho)
- Người kim mạnh mà bị hỏa khắc thì hay bị ho ra máu, Nhiệt tắc phong đàm (bệnh đờm) hay ho lao.
- Kim thủy cố hương nhi thận kinh hư, như người mạnh kim bị hoả khắc, người thủy thổ khắc dễ bị mắc bệnh thận và thần kinh.
- Cũng như mạnh thổ mà bị mộc khắc là tỳ bị hư (lá lách).
- Người mộc bị kim khắc là cân động cốt thống (đau gân và nhức xương).

Trên đây là nguyên gốc bệnh đã có sẵn trong thân thể, khi lưu niên vận hạn tới các năm, thời nên xem xét để biết năm ấy thuộc ngũ hành nào, hiệp lại với hành của bản mệnh để luận xét, căn cứ vào định luật vượng, tướng, tuyệt, tất nhiên sẽ biết bệnh hoạn ra sao, cũng như định luật này cùng chung áp dụng đối với tinh tú vậy.

LUẬN ĐỊNH LÝ CÁT HUNG

CHỮ

TINH

CÁCH

Tinh dầu là các vì sao mà Hi-Di Tiên sinh xem ở tượng trời có ảnh hưởng trực tiếp với con người, lập thành khoa dầu số vào năm tháng ngày giờ và biết được họa phúc thịnh suy.

Các tinh-tú hoặc hiện thực, hoặc tượng hình hay lý khí, xếp thành một quy luật rất tài tình, từ phương vị miếu -vượng hay bại huyệt, cho đến danh biểu các vì sao. Lấy căn bản là sao Tử-vi chủ tể, thường gọi là Đế -cực.

Tử - vi tinh

TỬ : được định nghĩa là : thanh xích chi gian (xanh và đỏ thắm hợp lại) tức là màu tín hồng.

Vi : tốt diệu, tối tiểu, ẩn dã.

Cực linh động, cực bé nhỏ không thể trông thấy được.

TỬ-VI : Vi thiên đình trung hữu ngũ đế tọa, hằng trung chí thiên hữu tam năng tam hành dã.

Tử-vi là toà thiên đình trong có năm vị vương : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chủ trì, luôn luôn có mặt ở khắp trời, gồm 3 quyền và 3 vị.

Nên linh động hiểu nghĩa chữ Tử-vi không nên quá hiện thực Tử-Vi là một ông vua, nên suy ra cho cung Ngọ là thiêu hỏa (hơi nóng) nên ngũ đế tọa ở

Tử-vi sẽ được sinh hóa dễ dàng vì vậy Tử-vi cư Ngọ miếu vượng là ý nghĩa thể.

Thiên - Phủ - Tinh

THIÊN : 1) Bắc cực thần chi biệt danh là tên riêng của thần Bắc Cực

2) Viết âm đức, thái nhất, thiên nhất, địa nhất gồm các đức tính của thái cực của trời và đất.

3) Tả tử cung môn lập, thừa sự thiên vương đại đế vị, cư tại phía trái, thừa hành các công việc vua Tử-vi đại đế.

4) Tri nhân cát hung biết người lành dữ

5) Diệc tại Thiên-ất quý nhân là thần phúc hay giúp đỡ.

PHỦ : - Chưởng tổ miếu chi thủ tàng là thần đứng đầu coi kho tàng

- Bang quốc chi mạnh thủ văn tịch các nước

- Đinh điền bộ tịch gia đẳng ư Thiên-phủ Nhân đinh điền bộ đều ở Thiên phủ cả.

Vì vậy Tử-vi là nam bắc đầu, dương thổ, mà Thiên-phủ là nam đầu âm thổ, phải tương ứng cùng nhau trên 12 cung, để hòa hợp cùng các sao khác kết thành những bộ lớn nhỏ khác xấu tốt là tùy theo tính chất và phương vị các sao.

Về khoa đầu số, mỗi sao đều có phương vị miếu hãm và bản chất riêng, miếu là tốt và hãm là xấu.

Miếu địa và hãm địa

Nên cần nghiên cứu để tính các cung miếu hãm của các sao để dễ phân luận:

Thí dụ: các chính tinh đóng ở nơi miếu vượng, gặp các sao tốt cư chiếu phù trì nữa mới là thực tốt.

Nhưng nếu đóng ở nơi tốt lại gặp phải hai sao Tuần Triệt thì lại xấu, vì đã bị khắc chế.

Tử-vi là ông vua, thì ông vua phải ngồi ở chốn cung điện có hai hàng văn võ phù trì có quán tính canh gác; nếu ông vua lại ngồi ở quán nước, không ở cung này tất sẽ ở cung khác, không có kẻ hộ vệ tất chỉ 1 cận cao bồi cũng hiếp đáp được.

Đây là chỗ khó khăn của người mới nhập môn, hơn một trăm vì sao, an trên 12 cung, không ở cung này tất sẽ ở cung khác, không thể bỏ đi một vị nào được, nên các sao kết hợp ở cung này đang tốt mà thành xấu, vì gặp các sao ác sát hay Triệt Tuần án ngữ.

Phân chia tinh đầu

Các sao được chia thành nhóm, có tính chất thiện ác, hoặc phù trì hay hãm hại lẫn nhau.

Quý tinh hay tôn tinh

Quý tinh là các sao chủ ảnh hưởng đến sự giàu có của cải súc tích, ruộng cả ao sâu, nhà cao cửa rộng.

Nhóm văn tinh

Văn tinh là các sao ảnh hưởng về quyền chức, quan tước, danh phận về đường hoạn lộ.

Nhóm tài tinh

Tài tinh là các sao ảnh hưởng đến sự giàu có của cải súc tích, ruộng cả ao sâu, nhà cao cửa rộng.

Nhóm văn tinh

Văn tinh là các sao ảnh hưởng đến sự học hành, văn chương thư tịch.

Nhóm phúc thiện tinh

Nhóm phúc thiện tinh là các sao chuyên giải trừ tai nạn, vận hạn, và tăng thêm sự tốt đẹp lên.

Nhóm hung sát

Hung sát tinh là các sao chuyên tác hại, đưa tới những sự hao tán tiền của, trộm cướp, tai nạn, yếu triết, hay những sự việc chẳng lành, thường gọi là hung tinh.

Nhóm tiệt tinh

Tiệt tinh là các sao ảnh hưởng tới sự nghèo hèn, ngu dốt, mờ ám, thiếu thông minh.

Nhóm hoặc thiện hoặc hung

Là các sao khi gặp sao thiện thì hoá thiện, khi gặp sao ác thì hóa hung ác.

Phản Định Luật

Các sao được chia từng nhóm có tính chất riêng, có vị trí miếu vượng, không phải là định luật cố hữu được, vì còn có phản định luật nữa.

Hai sao Triệt-lộ Tuần-không khi gặp các sao chính tính miếu vượng, thời làm cho các sao này, chẳng những không còn tính chất tốt nữa, lại còn hoá ra xấu là tùy theo vị trí.

Một sao cư cung hãm địa là xấu, nhưng ngược lại nếu gặp Triệt Tuần án ngữ lại hoá ra tốt.

HUNG CÁT BIẾN HOÁ

Hơn nữa phải căn cứ các sao cư chiếu mà luận tốt xấu.

1) Đa hung thiếu cát biến vi hung, là nhiều sao hung ác mà gặp ít sao tốt thì sẽ hoá ra hung

2) Đa cát thiếu hung biến thành cát, là nhiều sao tốt mà gặp ít sao hung thì sẽ biến thành tốt.

Đây là một định luật của khoa tử vi đã làm cho người nhập môn không hiểu, lẫn quẩn để rồi coi câu phú này cũng như trăm ngàn câu phú khác hoá thành chán nản.

Vì vậy các tinh đầu phải căn cứ vào cả một hệ thống lý luận. Hãy đơn giản 1 giả thuyết, oai quyền không ai bằng 1 ông vua, nếu như thất thời thì chỉ một ông “cù hi bấp” cũng hà hiếp được.

Sao Tử-Vi cư Ngọ là ông vua : Thất sát Dần Thân là thần dũng-tượng nhưng nếu ngộ Triệt Tuần thuộc ngũ hành bị khắc chế chẳng những không còn là vua tài giỏi, tường hùng dũng nữa, mà chỉ là những tên ngu độn ô nhục suốt đời.

So sánh tinh đầu

Một định luật khác cũng quan trọng không kém.

- Phải luận các sao theo địc vị lớn nhỏ, so sánh cát tinh với cát tinh xem sao nào lớn hơn, sao nào nhỏ hơn.

Thí dụ : một võ sinh bao giờ cũng phải phục tùng ông võ sư.

một người trung học phải kém người đại học

So sánh hung tinh với hung tinh

- Một chú cao bồi phải phục tùng một chúa đảng
- Một tướng cướp phải phục tùng một đại tướng

Luận Triệt_lộ Tuần-không

Nên hiểu ý nghĩa hai sao này, vì rất quan trọng cho việc đoán trước các chính tinh hay hung tinh khi gặp 2 sao Triệt Tuần

Triệt

triệt thuộc kim đới thủy, là triệt trăm, là chém đứt ra từng mảnh, từng khúc, ngăn chặn ra, phân ra không để cho liên lạc với nhau.

Tuần

Tuần thuộc hỏa đới mộc là vây hãm lại, bao chặt lấy. Nên Mộc, Hỏa, Kim là 3 hành khi gặp phải Triệt Tuần rất quan trọng, không còn quyền uy, khả năng hữu hiệu, trái lại còn u tối đi nữa là tùy theo vị trí miếu hãm của các sao .

Thí dụ : Thất -sát Dần Thân là nhất sinh tước lộc vinh hoa, tứ phương cũng phục anh hùng, nhưng gặp phải Triệt Tuần là kiếm gãy.

ở Tử Vi triệt tuần đóng thuộc vị trí 2 cung , nhưng các sao khác chỉ ở 1 cung.

Vậy phải xem xét triệt tuần ảnh hưởng cung nào nặng cung nào nhẹ, phải căn cứ vào Âm Dương lý theo định luật sau đây :

Định-lý Triệt Tuần

Triệt tuần theo định lý phân chia ảnh hưởng theo cung

Dương hành tam thất (3/7)

Âm quy nhị bát (2/8)

Thí dụ : Triệt tuần ở 2 cung Dần Mão

- 1) Người sinh thuộc Dương thì cung Dần ảnh hưởng 7 phần cung Mão ảnh hưởng 3 phần.
- 2) Thí dụ cũng 2 sao Triệt tuần ở 2 cung Dần Mão.

Người sinh thuộc Âm thì cung Mão chịu ảnh hưởng 8 phần cung Dần chịu ảnh hưởng 2 phần.

Do thế, cũng một Triệt tuần mà cung Mạnh của người Dương ở cung Dần thì bị hại lớn vì chịu 7 phần nếu ở cung Mão thì chịu 3 phần.

Trái lại cung Mạnh của người Âm ở cung Mão lại chịu 8 phần, nếu ở cung Dần chỉ chịu 2 phần ảnh hưởng thôi.

Triệt Tuần Quy Lý Âm Dương

Âm dương rất quan trọng để xét Triệt tuần vì dương thuận mà âm nghịch

1) Thí dụ : người Dương theo định luật thuận khởi Mạnh cư cung Dần , mà Triệt tuần cư Dần Mão là bị Triệt tuần chậm lại, vậy lại, cản trở không đi được vì Triệt tuần ở phía trước mặt.

Mạnh cư cung Mão là Triệt tuần ở phía sau lưng , nên ít bị cản trở.

2) Nên trong Phú đoán có câu :

- Triệt tuần dương đầu, thiếu niên tân khổ, mà trái lại không thấy lao tâm khổ trí, lại vẫn phát sinh phú quý, tọa hưởng kỳ thành nhưng lụn.

3) Tướng quân ngộ triệt trước miên, ra đường gặp giặc mình liều tan thây.

Nếu người Dương-mạnh ngồi cung Mão có Tướng quân Triệt, thời Triệt kia đâu có đủ sức mà làm hại Tướng-quân, vì Triệt ở sau lưng ông Tướng-quân.

Nhưng nếu người Âm gặp Tướng quân ngộ Triệt mà Mạnh cư cung Mão, ấy là Triệt cản Tướng-quân, vì triệt ở phía trước mặt nên phú đoán rất hay vì Tướng- quân kia không cụt cũng què.

Tam hành kỵ Triệt tuần

1) Những sao thuộc ba hành Kim, Hỏa, Mộc, là 3 hành rất sợ Triệt tuần

Ví như sao Mộc là cây mà gặp Thổ

Sao Kim mà gặp Hỏa

Sao Hỏa mà gặp Thủy

Sẽ bị khắc chiết mà hết ảnh hưởng.

2) Theo định lý Tử-vi thì:

Sát Phá Tham tối kỵ Triệt tuần

Vì sao Thất Sát thuộc Kim

Và Tham lang thuộc Mộc

Còn sao phá-quân thì ít sợ Triệt tuần, vì Phá-quân thuộc Thủy.

3) Tử Phủ Vũ Tướng không sợ Triệt tuần lắm vì Tử Phủ cách, thiên sang hành thổ nhiều hơn.

Riêng sao Thiên Phủ là kho lẫm, thì sợ Tuần mà không sợ Triệt lẫm

Vì ngộ triệt thì chỉ bị trộm cắp, sút mẻ ít thôi, nếu ngộ Tuần là kho rỗng.

Cũng như sao Vũ-Khúc sợ Triệt tuần, vì Vũ Khúc thuộc Kim. Riêng hai Hành Thổ và Thủy thì ít sợ Triệt tuần hơn

Triệt tuần ảnh hưởng các cung xung hợp

1) Các cung xung hợp chịu ảnh hưởng nặng nhẹ của Triệt tuần cũng phải căn cứ vào Âm Dương mà luận.

2) THÍ DỤ : Dần, Mão, Thân, Dậu là 4 cung xung chiếu mà Triệt tuần cư Dần Mão người Dương thì cung Dần Dương chịu 7 phần chiếu sang cung Thân Dương phải chịu ảnh hưởng nặng.

- Cung Mão chỉ chịu ảnh hưởng có 3 phần, cung Dậu chiếu thuộc Âm, nên chỉ chịu ảnh hưởng chút đỉnh mà thôi.

3) THÍ DỤ : Dần Mão Thân Dậu xung chiếu nhau

Triệt Tuần cư Dần Mão

- Người Âm quy Mão thuộc Âm chịu ảnh hưởng 8 phần, chiếu sang cung Dậu (âm) chịu ảnh hưởng nặng.

Cung Dần (dương) chịu 2 phần, chiếu sang cung Thân (dương) thì ảnh hưởng không còn bao nhiêu.

4) Phải tùy thuộc vào Âm hay Dương mà định ảnh hưởng.

- Người sinh Dương thì các cung thuộc Dương xung chiếu hay tam hợp chịu ảnh hưởng nhiều.

- Người Âm thì các cung thuộc Âm xung chiếu hay tam hợp chịu ảnh hưởng nhiều.

Hung cát của Triệt Tuần

1) Luận về tinh đầu thời không 1 sao nào ảnh hưởng quyền năng hung cát có thể lớn như 2 sao Triệt Tuần.

Nên Triệt Tuần cư 2 cung, chiếu 2 cung, lại còn ảnh hưởng ở các cung xung chiếu, và tam hợp nữa.

Tam phương cung

2) Tam phương xung sát hạnh nhất Triệt nhi khả bằng.

Là 3 cung tam hợp có các sao ác sát.

Hay là 3 sao chính tinh hãm địa Sát, Phá, Tham rất xấu, tối kỵ, nhưng khi gặp được một sao triệt cũng khá bình yên được.

Tứ chính cát

3) Sao Tuần là Tuần không cũng phá được hết các sự tốt đẹp.

Nếu tứ chính giao phù là Mạnh, Quan, Tài, Ri có sao tốt hợp Lộc cách mà gặp Tuần cũng phá hết tốt.

(Tứ chính giao phù kỳ nhất Không chi trực phá) là vậy.

Đảo nghịch của Triệt Tuần

1) Hai Sao Triệt Tuần ví như bộ thắng của chiếc xe hơi, khởi hành mà thắng lại thời đi sao được, xe đang chạy vùn vụt, thắng lại là yên ngay.

2- Nên 14 chính tinh, kể cả các sao ác sát, cư nơi miếu địa, mà gặp Triệt Tuần là hết ảnh hưởng.

3- Chính tinh cư nơi hãm địa thời ảnh hưởng thật dữ, nhưng nếu gặp Triệt Tuần thì trái lại là tốt.

4- cũng như các sao hung sát nhập miếu, thời ví như người làm giặc nhưng lại thành công là cách hung tính nhập miếu, phát dã như lời, lại không nên gặp Triệt Tuần.

5- Nên ở phần định lý có câu:

Nhược phòng bại địa chuyên khán phau trì chi diệu, định hữu kỳ công.

Là sao chính tinh cư nơi hãm địa mà gặp được Triệt Tuần thì ngược lại là tốt, sẽ lập được công nghiệp rực rỡ, là kỳ cách vậy.

Thí dụ: Không một sao nào xấu hơn sao Liêm-trinh và Tham-lang cư ở 2 cung Ty Hợi, phú đoán đã có câu:

- Liêm-tham Ty Hợi, hình ngục nan đào.

- Liêm-Tham Ty Hợi khôn bàn, chàng Tiêu thuở trước tân toan ngục hình.

Là Liêm Tham Ty Hợi thì hạ tiện, không tránh được tai nạn, ra vô chốn ngục tù, nhưng nếu gặp được Triệt Tuần thì ngược lại là người phú quý, văn võ song toàn.

Tất cả các tính lý hung hãm, ngục hình không còn, và sự quý hiển hoặc thiên sang văn hay võ là tùy theo các sao phù mà nhận xét.

Thời gian của sao Triệt Tuần

Tam thập niên tiền quan Triệt

Tam thập niên hậu khán Tuần.

Hai sao Triệt hay Tuần đều có ảnh hưởng cả cuộc đời nhưng sao Triệt tác động mạnh mẽ nửa cuộc đời trước, cũng như Tuần, ảnh hưởng mạnh nửa cuộc đời sau.

Phải nhận xét nếu Tham Liêm gặp Triệt, nửa cuộc đời trước được bình an, nhưng nửa đời sau sẽ lâm nạn.

Liêm Tham gặp Tuần nửa cuộc đời sau sẽ tốt không sợ hung hãm.

Nguyên tắc chung của 2 sao Triệt Tuần, với thời gian tính, ví như người mắc bệnh lao, tuy chữa khỏi bệnh nhưng sau đó cũng bị giảm sức khỏe, và vẫn phải phòng sự tái phát của bệnh.

Bộ sao Tả-Phụ, Hữu-Bật

Tả-phụ là dương thổ Bắc đầu tinh
Hữu-bật thuộc âm thổ Nam đầu tinh.

1- Đối với đầu-số hai sao này rất cần thiết ví như 2 hàng văn võ của một ông vua.

- Tả-phụ thuộc hàng văn, bàn tính mưu cơ chiến thuật, nên chữ Hán viết chữ phụ có chữ xa (là xe) tức là ngồi cùng một xe với ông vua để giúp về kế hoạch, ông vua cũng chỉ có thể ở chung với quan văn mà thôi, nên sao Tả-phụ đồng cung với Tử-vi là tốt.

- Sao Tả-phụ đồng cung với Thiên-phủ ở Tuất, là tả-phủ-cách, thượng cách vì Thiên phủ miếu ở Tuất mà Tả-phụ cũng miếu ở Tuất.

2- Sao Hữu-bật thuộc hàng võ quan, nên chữ Hán viết chữ bật có bộ cung, tức là cung tên (một thứ vũ khí). Đã là võ tất phải đi bên ngoài mà đánh đông dẹp bắc, không nên ở cung một cung (ví như 1 nhà) với ông vua được, vì hàng võ bao giờ tính nét cũng cương cường, có thể đoạt ngôi giết chúa, thường lộn xộn không thâm trầm như các quan văn.

Phương vị của Phụ-Bật

3- Khi thiết triều thì văn tả, võ hữu, khi hành sự thì văn nội võ ngoại, trái đi là không hợp cách.

Luận đoán tinh đầu cần xét xem Phụ Bật có cư đúng vị trí không.

4- Thí dụ : như một người có hai tay tả hữu, đúng theo Tạo hóa xếp đặt, cùng úp lòng bàn tay vào đùi cả, trái lại nếu đem tay trái qua phía tay mặt và đem tay mặt qua phía tay trái thì sẽ ra sao.

5- Nên phương vị của hai sao Phụ Bật cũng 1 lý do đó, và Tả-phụ thuộc văn đâu có đi ra ngoài để đánh đông dẹp bắc được cũng như võ đâu có thể ở trong cung để thiết mưu định kế được.

6- Vì vậy nên Tả Hữu miếu địa ở 2 cung Thìn Tuất cho người sinh tháng giêng tháng bảy vì một sao ở trong và 1 sao ở ngoài.

Và vượng địa ở hai cung Sửu Mùi cho người sinh tháng 4, tháng 10 vì 2 sao Tả Hữu đồng cung ở 2 cung Sửu Mùi.

7- Phương vị của hai sao Phụ Bật rất cần với cách giáp biên nhất là ở Sửu Mùi.

8- Về cách giáp biên, phải tùy theo Mệnh ngôi cung nào xét xem Tả Hữu có hợp phương vị không, nếu trái lại là không hợp, cũng ví như văn ở bên võ, mà võ ở bên văn thì tuy giáp Phụ bật nhưng sẽ gặp rất nhiều sự xáo trộn trong cuộc sống.

Tả Hữu tòng hung diệt

9- Hai sao Tả Hữu nếu cư đồng cung ở Sửu và Mùi, nên xem ngay trong cung có sao cát tinh miếu vượng, hay ác sát không vong mà phân định hung cát của Tả Hữu.

Thí dụ như trong cung có sao Địa-kiếp Thiên không hãm thì sao Tả Hữu sẽ nhập đảng ngay với bọn hung tinh này, mà tác hại khủng khiếp ngay, ví như Địa-kiếp là tương cướp lại thêm hai ông tướng Tả Hữu nhập bọn nữa, thì ảnh hưởng tai hại hung hãn thật trở tay không kịp, là cách tổng hung diệt.

Tả Hữu tòng cát phù

10) Thí dụ trong cung có sao Lộc sao Quyền đồng cung với Tả Hữu, là Tả Hữu sẽ nhập bọn cùng Lộc Quyền, mà tăng gấp sự tốt đẹp của Lộc Quyền kia lên.

Lộc Quyền mà gặp Tả Hữu đồng cung, ví như nhà toàn ngọc toàn vàng, đây là cách Tả Hữu tòng phù cát.

Tả hữu giáp biên hung cát

11) Cùng một định lý này áp dụng cho cách giáp Biên. Khi đã xét qua đồng cung, thời sự hung cát của cách giáp biên cũng thế.

- Thí dụ Tả Hữu giáp biên ở Sửu Mùi, mà trong cung có Kiếp Không, thời Tả Hữu sẽ nhập bọn cùng Lộc Quyền để tăng thêm sự tốt lành của Lộc Quyền.

Nên theo định lý này để phân định tinh tường mà luận xét, tại sao Tả Hữu đồng cung là nhất hô bá nức là tôn cư vạn thặng mà hô lên không có quần thần văn võ đáp lại thì chỉ là một chú cai thầu hay một ông tướng cướp.

Và giáp Tả giáp Hữu quý vô nghị, lại không gần vua, gần chúa, hội họp ở chốn triều đình, và chỉ là một sự kết phe họp đảng của một bọn cướp hay một bọn du đảng khét tiếng mà thôi.

Bởi thế nên mới phân biệt đâu là quần thần khánh hội cách, cùng với các giáo sư, bác sĩ, cô mục nhà hộ sinh, ông thương gia, chú du đảng, hay là một tướng cướp tùy theo vị trí, tính chất các tinh tú cư chiếu, mới phân biệt minh bạch được.

12) Vị trí ta thấy co lính mang vũ khí, thời nên luận đoán với một nhà quyền quý ở cao tốc, biệt thự nguy nga, và kẻ gác nhà tăng vẻ uy nghiêm cho nhà quyền ấy.

Trái lại với 1 người dân nhà lá, nhà tôn, thời người lính mang vũ khí tới để xích tay điệu về ngục lãnh tội.

Bộ sao Long Tri Phương Các

Long-Tri thuộc Thủy

Phượng-các thuộc mộc đới kim

Là đài-các tinh, là văn tinh

Chủ sự vui mừng, cười hời, thi cử

Phù trì chủ Nhật Nguyệt là hợp cách

Đi với Quý Ân là cách kim băng đề tên

Nếu cùng với Hỷ-thần, Riệu Y, Hình, Ky hội hợp là đồng tính chất, tăng thêm hỷ sự, đài các nguy nga, văn chương siêu việt.

Ví như rồng có vẩy, có vây, râu, móng tỏa ánh hào quang.

Như phượng có bộ lông rực rỡ, nhảy múa dưới ánh mặt trời.

Cách giáp biên và đồng cung ở Sửu Mùi, cát phù hung diệt, cũng một định lý như trên mà luận đoán.

Ngoài Thân Mạnh ra Phượng Long cư cung Điền-trạch là hợp cách.

Khảo sát phú đoán

Ở phú đoán có câu :

Phượng Long Mão Dậu đôi miền

Vượng thì kim băng đề tên ở đầu

Sao Long-tri khởi thuận tại cung Thìn

Phượng-các khởi nghịch tại cung Tuất

Không bao giờ hai sao này ở đối cung Mão Dậu được cả, chỉ có thể đồng cung ở Mùi với người tuổi Mão.

Đồng cung ở Sửu với người tuổi Dậu.

Câu phú đoán ngày mình chứng cho thấy người tuổi Mão, Dậu, Phượng Long miếu địa ở Sửu Mùi, nếu gặp được các văn tinh khác hội hợp tất sẽ thi đỗ cao. Vậy không nên lầm lẫn sang 2 cung Mão Dậu với người tuổi Mão Dậu.

Bộ sao Tam-thai Bát-tọa

Tam-thai thổ

Bát-tọa thổ

2 sao Thai Tọa miếu địa ở các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu giáp biên mà trong cung có Kiếp Không, thì là nhà rách vách nát, hoặc ở xóm lao động, xóm bình dân chứ không là nhà cao cửa rộng được.

Lại như Dương Đà, hung sát hay 2 sao Xương Khố là chủ sự buôn bán, kỹ nghệ, kho lẫm tức là nhà ở đầu góc phố hay là sự buôn bán ở trong chợ, song ngày nay đầu đường xó chợ mới là nơi thị tứ, buôn bán phát đạt được.

Nếu trong cung điền-trạch có cát tinh miếu vượng, hay Khoa Quyền Lộc tất nhiên là nhà cao cửa rộng, ruộng vườn tít cánh cò bay.

Cũng như : Mộ kiêm Thai Tọa văn mô vũ lược kiêm ưu,

Ở mệnh phải tùy theo cát tinh hay ác sát mà luận đoán, cát tinh cư đồng cung với Thai Tọa là người mưu lược mà khoan hậu trung lương, trái lại nếu cư đồng cung với Không-vong ác sát là kẻ mưu quỷ chức thần, gain xảo lừa bịp chính hiệu.

Giáp Bát-tọa giáp Tam-thai.

Thiếu niên đã dự các đài nghênh ngang.

Cũng 1 định lý cát phù hung diệt mà đoán là được ở các đài phủ nọ, phủ kia, nhà buôn bán kỹ nghệ, hay là nhà là nhà gianh.

Nên cũng đồng cung, cũng giáp biên cách mà phân biệt được người giàu có vàng chôn ngọc cất, mà kẻ kia chỉ là bà đếm tiền ở ngân hàng, ông gác cửa kho bạc.

Bộ sao Ân-Quang Thiên-Quý

Ân-quang thuộc hỏa

Thiên-quý thổ

Quý Ân miếu địa ở 2 cung Sửu Mùi

Quang Quý là bộ sao Phụ Bật, Xương Khúc, Thai Tọa là tăng thêm sự tốt đẹp sáng sủa của các sao này.

Quang Quý phù trì cho cách nhật-nguyệt hợp hơn các cách khác.

Quý Ân là bộ sao phúc thiện, giải trừ được hung họa mà không sợ các hung sát tinh.

Bộ sao Đào-hoa, Hồng-loan

Đào-hoa mộc

hồng-loan mộc

đào-hoa, Hồng-loan miếu ở Tý, vượng ở Mão

Hai sao này cư ở Quan-lộc hợp cách nhất.

Cung Quan-lộc mà gặp được Hồng Đào thì đường hoạn lộ nhẹ bước thang mây, không phải bôn ba cầu cạnh, dù thương mại hay kỹ nghệ cũng vậy, nếu không có Hồng Đào thì khó mà làm nên cơ nghiệp, dù có làm nên cũng không thể lớn lao được.

Nếu hợp với Thiên-hỷ, Hỷ-thần thành bộ tam minh, thì hỷ sự đến trùng trùng.

Đào-hoa Hồng-loan không nên ở Mạnh, vì tính dâm và huê nguyệt.

Nhất là Nữ-mạnh càng không nên gặp Hồng Đào.

Đào-hoa cư Tý Mão nếu ngộ Thiên-không ví như cây đào bị cháy vì Thiên-không thuộc hỏa.

Đào ngộ Không là bán thiên chiết sý, tức là chim bay lưng trời gãy cánh.

Nếu ở Mạnh Thân Quan Tài là cơ nghiệp sẽ bị đổ vỡ nhưng Không Đào cư Mạnh là người cơ mưu, trí lược.

Bộ sao Văn-Xương Văn-Khúc

Văn-xương bắc đẩu tinh, dương-kim

Văn-khúc nam đẩu tinh, âm-thủy

Vượng ở Sửu Mùi Thìn Tuất Ty Dậu

Chủ Văn chương, khoa giáp, mỹ thuật, ca vũ.

Hãm địa chủ gian xảo, đa hư thiếu thực.

Ngộ Lộc-tồn Kinh Kỵ là nghề thầy cúng, hát châu văn, các ban nhạc kèn trống của các đình chùa.

Nữ-mạnh không nên gặp Khúc-Xương.

Hội với Hình Kỵ, Quan Phúc là người ưa thích về đồng bóng và tính tình thường ưa đổi thay.

Hội với Riêu Y là cách dâm bôn.

Hội vờ Riêu Hỏa, Linh, Hình thường trong giấc ngủ mơ thấy chuyện tình nên phú đoán có câu: Khúc Xương ấy gái chẳng lành. Vườn hoa ong bướm hiệp tình tung tăng.

Nam Nữ-mạnh Văn-xương ngộ kỵ đều là cách giảm thọ.

Bộ sao Thiên-Khôi Thiên-Việt

2- Thiên-Khôi nam đầu tinh dương-hỏa đới mộc

Thiên-việt nam đầu âm-hỏa đới kim

Đệ nhất tôn vinh quý tinh

Chủ văn-chương, khoa giáp

Quyền tước mà mô phạm

Thường được sự kính trọng của mọi người, nên được tôn là Thiên-át quý nhân thần.

Tính tình cao thượng, phúc đỉnh mà thanh khiết.

quyền uy hiển hách mà nghiêm nghị

Nhà quyền quý không có Khôi Việt thì không được sự kính trọng của nhân dân, vì thiếu thiên uy.

Khôi là bằng sắc

Việt là bút nghiên.

2- Hãm địa là con dao, lá chắn vũ khí búa rìu của kẻ ăn cắp. Khôi Việt tối kỵ ngộ Tuần Triệt, là cách quý tinh ngộ Không. Nên Khôi Việt (Quý) mà ngộ Không (Tuần triệt) là bằng cấp, ấn tín rách nát coi như không có.

Nên ở phú đoán : Quý phùng Không xứ ai làm cho nên Việt Khôi hãm tối kỵ Ngộ Hỏa, Linh, Hình tất sẽ bị tai nạn kinh khủng như sét đánh, điện giật, hỏa tai.

1- QUY ĐỊNH CỦA KHÔI VIỆT.

2- QUÝ TINH MIẾU ĐỊA CÁCH.

3- Cung Ngọ ví như Thiên-đình của Ngọc Hoàng, cung điện của nhà vua chúa bao giờ cũng chính ngộ cả, nên ta thường nghe nói cửa ngộ-môn là cửa chính, thường là nơi yết bái các sắc lệnh chiếu chỉ của nhà vua, cũng như ngộ cung là nơi cao nhất nên Thiên-khôi miếu ở Ngọ là ý nghĩa ấy.

Thiên-khôi hỏa, Ngọ cũng thuộc hỏa nên người được cách Khôi Việt thì văn chương siêu việt, tính tình thanh khiết uy nghiêm, được mọi người tôn kính, song nếu Khôi ngọ Triệt Tuần là ngọ Không thời học không thành mà thi cử khoa trường lận đận không đỗ đạt cao được.

Quý tinh vượng địa cách

4) Nhâm Quý thổ xà tang

Người sinh tuổi Nhâm Quý

Thiên-khôi vượng ở Mão

Thiên việt vượng ở Ty.

Cung Mão là cửa của nhà trời, là nơi đi lại, nhập xuất của các long thần Lục-Đinh, Lục-Giáp (Thần coi về trận đồ) Luật Ninh thần (thần sấm xét) nên Thái-dương cư Mão là cách nhập xuất lôi môn là ý nghĩa ấy.

Thiên-khôi Việt vượng ở Mão Ty không nên gặp Triệt Tuần, nếu gặp thời bằng cấp không cao và học hành cũng dang dở.

Quý tinh hãm địa cách

5) Thiên-khôi, Thiên-việt ở Sửu Mùi.

Bằng cấp chiếu chỉ là tôn quý.

Cung Sửu là trầm và thổ, là đất bùn sinh, là nơi tắm tối, tối, ví như bằng cấp bị chôn vùi xuống đất.

Khôi Việt ở hai cung Sửu Mùi là hãm địa nên ngược lại cần gặp được Triệt Tuần ví như con đường cái quan được yết bằng chiếu chỉ, ví như ông nghề vinh quy vậy.

Nên ở Sửu Mùi không gặp được Triệt Tuần để khắc chế Khôi Việt thời không thể đỗ cao hay văn chương hiển đạt được.

6) Hai cung Tý Hợi là đại hải thủy (đại dương).

Đối chiếu với Ngọ là cổng tiền thì Tý Hợi là cổng hậu nên bằng cấp chiếu chỉ không bao giờ yết bằng ở cổng hậu cả, nên cần gặp được Triệt Tuần tùy theo ngũ hành để đạt được sự học hành và bằng cấp cao.

Khôi Việt được tôn là Thiên-át quý nhân thần, ở phương tôn quý thì quyền uy, văn chương thanh hiển, người người sùng ái, ở nơi hãm địa ngộ ác sát lại hoá ra tai ương cần có sự khắc chế.

Nên cũng Khôi Việt mà thành nghề đồ tể, thợ rèn tay cầm giao búa khéo léo, hay là sẽ hứng chịu tai nạn.

Bộ sao Thai-phụ Phong-cáo

Thai-phụ thuộc thổ

Phong-cáo thổ

Chủ bằng sắc ấn tín, các nha sở, thư viện, văn tịch, các phủ kho lưu trữ tài liệu.

Hội với bộ Binh, Hình, Tướng, Ấn, chủ chấp chương binh quyền.

Ở phú đoán : Ấn mang vị liệt công hầu.

Sao lành Tướng Cáo đóng vào mệnh-viên.

Rất hợp với cách Sát, Phá, Tham.

Sao Thiên-Mã

Thiên-mã thuộc hỏa

Miếu địa ở cung Dần.

Vì là dịch-mã nên tùy theo mệnh thuộc hành nào.

Thiên-mã đổi ngũ hành theo phương vị.

Mã cư ở Mệnh-cung hợp với ngũ hành của Mệnh mới là Mã của mình.

Nên tại sao Thiên-mã là người mẫn tiệp, lợi khẩu giỏi về ngoại giao, mà sao cũng Mã lại ù lỳ, ngôn bất xuất khẩu.

Phương vị và ngũ hành của Thiên-mã

1) Thiên-mã cư Dần là thanh-thông mã, là trạch-nguyên chi mã.

Người mộc, Mệnh cư cung Dần là hợp cách.

2) Thiên-mã cư Thân là bạch-mã, hay là tể-tướng mã.

Người kim-mạnh cư cung Thân là hợp.

3) Thiên-mã cư Tỵ là xích-thố mã, hữu vị thủ-án mã. Người hỏa, mệnh cư cung Tỵ là hợp cách.

4) Thiên-mã cư cung Hợi là ô-truy mã, hữu vị ngự-sử mã. Người thủy, thổ, Mệnh cư cung Hợi là hợp cách.

5) Mã ngộ Tràng-sinh, Khốc Khách ví như ngựa có yên cương có nhạc khua vang, chạy trên đường thiên lý, nên được cách là Thanh vân đắc lộ.

6) Lộc Mã giao tri là ngựa được thả vào cánh đồng cỏ, sẽ tha hồ mà ăn, để chỉ người buôn bán, kinh thương, hoặc người quyền quý không phải nhọc nhằn mà lộc cứ đổ về như nước triều dâng.

Nên ghi nhớ Mã đổi phương vị là đổi ngũ hành. Nên tại sao Mã Lộc mà người văn chương cự phú, cũng Mã Lộc lại bôn ba lận đận, chẳng qua vì mã ấy không hợp với mình.

Cũng như ngựa cột trong chuồng, mà cỏ bỏ ngoài sân may mắn lắm rút được năm ba ngọn cỏ dài, cỏ đâu mà ăn được cả bó cỏ, nên cả đời lo nghĩ tiền mà tiền không tới tay đôi khi lại vì tiền mà mắc lụy nữa vậy.

Sao Hoa-Cái

Hoa-cái thuộc mộc

Vượng ở cung Thìn Mùi.

Hoa-cái là cái lọng, cái dù là nghi vệ dùng để che cho các nhà quyền quý khi kinh-lý cho thêm phần long trọng. Các cuộc kinh lý thường thi hành vào buổi sáng ban ngày, giữa thanh thiên bạch nhật, nếu thực hiện vào đêm tối là không thuận lý.

Hợp với Thiên-mã thành cách gián biên, tiền Cái bầu Mã, là cách chấp chưởng oai quyền đi đâu có tiền hô hậu ủng.

Thí dụ một ông đại-tướng đi đâu thì có tùy tùng hộ vệ, còi hú đi trước dẹp đường, nhưng cũng đi ban ngày mới là thuận lý.

Sao Thanh-long

Thanh-long thuộc thủy

Miếu vượng ở Tý, Hợi, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Chủ sự vui vẻ, bất thiệp, hỷ sự, hôn nhân, thi cử.

Thanh-long miếu vượng tượng là rồng.

Những hãm địa chỉ là con rắn đất.

Hội với Hoá-ky là long vân khánh hội cách, ví như rồng gặp mây.

Hội với Lưu-hà là thanh vân đắc lộ, ví như rồng gặp nước vùng vẫy trong bể cả.

Hội với Long-đức là cách song Long.

Song Long cư Thìn là cách Long nhập uyên (rồng vào vực).

Song-long hội với Kỵ Hà thời công danh tài lộc, không tính trước và cầu cạnh vất vả, mà tài lộc sẽ vô vọng tự thành, bất cần sở đắc, nếu gặp cát tinh thời sẽ được hiển đạt lớn lao.

Cung Thìn mà gặp được Song-long cách thì thật là phú quý song toàn, an nhàn toạ hưởng, nếu ở cung Phúc-đức tất con gái sẽ thành vương-phi.

Người sinh tuổi Giáp Đinh là hợp cách.

Nữ mệnh : Nữ-giới gặp cách Long Kỵ Hà cư Thìn thì dáng người thanh tú, xinh tươi, con nhà khuê môn lệnh tộc, tất giỏi giang về ngoại giao, mà kinh doanh là tay cự phách, làm nên tài lộc nước chảy bạc dòng, lại thêm vượng phu ích tử.

Sao Hoá-ky

Sao hóa-ky thuộc thủy

Miếu địa ở Tý Hợi.

Vượng địa ở Dần Thân Mão Dậu, dư lại các cung là hãm

1) Kỵ hãm địa là con rắn đất, tượng là chén thuốc đắng.

Miếu địa ví như rồng hay kỳ-lân ở dưới biển cả, tha hồ vùng vẫy, nên cũng như sao Phá-quân được phê là thủy bà đại hải cách (sáong gầm bể cả).

Ở nơi miếu địa thì phùng thời, phát đạt, tăng thêm quyền quý.

2) Cư Mùi mà Nhật Nguyệt ở Sửu chiếu lên, hay cư Sửu mà nhật Nguyệt ở Mùi chiếu xuống là cách tường vân áp nguyệt.

Cách này vì như nhật nguyệt tỏa ánh sáng, mây kia chịu lấy mà thành năm sắc, nhưng cũng vẫn phải có Xương Khúc nữa mới được toàn mỹ.

3) Hoá-ky hãm địa chủ ghen ghét, giận hờn, chiêu lấy thị phi, tai họa.

Ở mệnh là người oan nghiệt, làm ơ nên oán, hình khắc cô đơn.

ngô65 Riêu Y là người đắm đuối tửu sắc, ham mê ẩm thực.

ngộ Song Hoa thì đam mê cờ bạc.

Ngộ Linh Hỏa thì ghiền ma túy nặng.

Gia hêm Hình nữa thì vì đam mê mà lâm nạn, hình phạt ngục tù.

4) Hoá-ky miếu ở cung Quan-lộc thì phát đạt lớn, ở Quan-lộc hội với sao Tấu-thư, ở các cung Dần Mão, Thân-Dậu là người làm việc bàn giấy, hay giữa các công việc về vi bằng biên bản mà phát tài.

Hội với Lộc-tồ thường là các tay buôn lậu rất

5) Nữ-mạnh tối ố Hoá-ky hãm địa, nếu gặp thời dâm tiện, khó giữ được lòng trinh khiết, năng chiêu thị phi mà suốt đời chỉ là xướng kỹ hay tỳ thiếp mà thôi.

Sao Lộc-tồn

Lộc-tồn thuộc thổ

Miếu địa ở Cung Tý Ngọ

Vượng địa ở cung Dần Thân.

1) Lộc tồn phải tùy theo vị trí các cung và các sao giáp mà luận xét cát hung.

Vì luôn luôn Lộc-tồn có 2 sao giáp là Dương Đà.

Thí dụ: Tại sao ở phú đoán lại nói, Lộc-tồn thủ Mạnh vi khát cái (sao Lộc-tồn ở Mạnh là cách ăn mày). Là vì Lộc tồn không nên cư đơn độc ở trong cung vì luôn luôn Lộc-tồn bao giờ cũng có 2 sao Kinh Đà đi kèm, đó là Lộc-tồn đã bị cách giáp Kinh giáp Đà rồi.

Nếu ở trong cung Lộc-tồn ở cùng Địa-kiếp nữa thì thành cách khát cái vì Dương Đà giáp kia sẽ hội luôn với Địa-kiếp mà tác hung tác hại.

2) Ngược lại nếu trong cung Lộc-tồn hội đồng cung với Quyền Lộc hay Khoa hay Lộc-tồn lại giáp Khoa giáp Quyền là cách xuất thế vinh hoa, đồng cung với Lộc là Cự vạn chi tài, là đôi kim tích ngọc (vàng chôn, ngọc cất).

Hay giáp Quyền giáp Lộc là kim ngọc mãn đường cách (vàng bạc đầy nhà) vì 2 chú Dương Đà kia đã trở thành tay đại võ giúp đỡ đắc lực và giữ gìn của cho chủ.

Nên quy luật cát phúc hung diệt đương nhiên là căn bản bất di bất dịch để phân minh.

Bộ sao Tam Hóa

Hóa-lộc thuộc thổ

Hoá-quyền thuộc mộc

Hoá-khoa thuộc thủy.

Ba sao Lộc, Quyền, Khoa khi ở 3 cung liên tiếp nhau ví như 3 viên ngọc, khi xa nhau thì sức sáng ít, nhưng khi hợp lại thì tỏa sáng rực rỡ nên có cách Tam Hoá liên châu, là cách tốt nhất gồm đủ phú quý văn võ nếu cư cung Quan-lộc.

Đông và Tây vị Phân Âm Dương cách Liên Châu

Cách Tam-hoá liên châu miếu địa ở các cung Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi.

Ở 3 cung Dần, Thìn, Ngọ có Tam Hoá là thượng cách, vì 3 cung Dần, Thìn, Ngọ thuộc dương cung.

Ở 3 cung Mão, Ty, Mùi cách Tam Hoá kém đi một bậc.

Tam-hóa là 3 viên ngọc quý thời phải bày biện ra nơi cao quý thuộc ban ngày, không ai bày ra để chơi nơi tối tăm hay là bày ngọc ra ban đêm để ngắm nghía cả, vì lý do đó mà ở cung dương là thượng cách, ở cung âm là kém đi, trái lại ở thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý là hãm địa vì thuộc tây-vị âm có cách Tam-hóa ở các cung toàn âm như Dậu Hợi Sửu, bên tây-vị thời sự phù trì của Tam-hóa ảnh hưởng rất ít, nên học hành kém, và không làm nên hiển đạt được, là vì các cung bên tây thuộc âm, lại 3 cung Dậu Hợi Sửu lại là âm của âm vị.

So sánh thủ chiếu của Lộc Quyền Khoa

3 sao này 1 thủ 2 cư ở cung tam hợp chiếu là tốt nhất.

Thí dụ : 1 thủ Mạnh, 1 ở Quan-lộc và 1 ở tài-bạch.

Ba sao này ở nơi miếu địa đi theo phù trì có cách Tử-Phủ, Sát Phá, Cơ Lương, Nhật Nguyệt ví như quân thần khánh hội cách, đôi khi không cần đến Tả Hữu Thai Tọa hay Khúc Xương, và bộ Tam-hóa là kiêm gồm cả văn võ, phú quý, mưu trí toàn năng.

Vô chính diệu và Tam-hóa

Riêng đối với cách vô chính diệu mà có trung tinh nhập miếu ở cung Mạnh, thời Tam-hóa nên ở tam phương Quan Tài, Ri cũng chiếu mới hợp, vì trong cung Mạnh có hung tinh độc thủ, nếu hội hợp với Tam-hóa đồng cung sẽ bị khắc chế mất uy lực của Tam-hóa, vì vậy Tam-hóa không nên cư đồng cung mà nên củng chiếu.

Hỏa-khoa tuy mưu lược nhưng cũng thiên sang văn tinh, Lộc tối kỵ lạc Không-vong.

Quyền đi với cát phú cát, mà hội với hung thời hóa hung, ba sao này tốt đẹp rực rỡ vô kể khi ở miếu địa, nhưng lại rất yếu ớt với các sao hung sát.

Ở Tử-vi 3 sao này đã được ví như là miêu nhi bất tú cách, miêu là lúa, mì là giống, lúa, là của ngọc thực rất được quý báu ở thời cổ xa xưa, nếu cây lúa không tươi chẳng những không sinh được hạt mà lại còn bị chết non yếu nữa.

Sao Kinh-dương

Kinh-dương thuộc kim đới hỏa

Miếu địa ở Thìn Tuất

Vượng địa ở Sửu Mùi.

Kinh-dương là Bắc đầu tinh, chủ hung bạo, thường rĩ oán báo ân, thân sơ không kể, nhưng có hung tính, không quá gian hiểm như Hoả-ky.

Nhập miếu được tôn là thần bút, căn chương quán thể, thần kiếm vì Kinh hỏa khí là Hình.

Tuy nói là Thìn Tuất Sửu Mùi Kinh-dương hùng nhưng hoàn toàn hợp cách cho người tuổi Tân ở cung Tuất và người Ất ở cung Thìn là miếu địa, được hưởng trọn cách Kinh-dương.

Bính Mậu sinh nhân. Kinh-dương cư Ngọ là cách mã đầu đới kiếm, chấn ngự biên cương.

Sao Thiên-Lương

Thiên-lương thuộc mộc, nam đầu tinh

Miếu địa ở 2 cung Thìn Tuất

Thiên-lương miếu vượng chủ tính tình cao khiết thường có tâm hồn uẩn lương, hậu trong mà hay nhân từ thương xót người, nên gọi là phúc tinh.

Hội với Thái-dương, Xương, Lộc, thời thanh danh vang lừng thường là những bậc quân sư thượng phụ.

Ở hai cung Sửu Mùi là hãm địa vì cung Sửu là trầm vu thổ, ruộng xinh, ở cung Mùi là bình dương thổ, nếu gặp được Ky đà Riêu hoá khí để nuôi dưỡng cho đại lâm mộc này đủ chất thủy mà sinh tươi tốt.

Nếu gặp thêm được sao Mộ nữa, ví như ở cánh đồng xinh, đồng lúa kia có gò đồng lớn lao, ta thường thấy có cây đa cây đề cổ thụ, có bóng rợp che mát, mà trâu bò hay các nông phu, thường nghỉ trưa ở dưới bóng mát đó, sao Mộ ở đây ví như gò đồng, để Thiên-lương là mộc sinh trưởng vậy.

Người có cách này là những bậc danh tài văn học. Mặc dầu Thiên – lương ngộ Đà-la, và tuy Đà-la hãm địa là kẻ thị phi khẩu thiệt, song Đà ở đây đã hóa khí văn chương rồi vậy.

Sao Thiên-cơ

Thiên-cơ nam đầu tinh thuộc mộc

Thiên-cơ chủ sự tính toán linh lợi, uyển chuyển khéo léo, là người rất sáng ý, tinh tường, biết tùy thời ứng đối, biến dịch, tiên liệu công việc khôn lường.

Song hãm địa là kẻ gian xảo, yếm trá. Cách Thiên-cơ xấu tốt ở 2 cung Sửu Mùi cũng luận như sao Thiên-lương.

Đại-Hao Tiểu-Hao

Song Hao thuộc thủy là bại tinh

Miếu địa ở Mão Dậu

Vượng địa ở Tý Ngọ

Cách song Hao Mão Dậu là chúng thủy triều đông, là tất cả các dòng nước đều chảy về phương đông. Bốn cung Tý Ngọ Mão Dậu là tứ chính thủy nên song Hao miếu vượng ở đó và ở phú đoán rõ ràng gọi song Hao là chúng thủy, là các dòng nước thì tại sao song Hao lại là hỏa như các sách Tử-vi đã ghi. Nên song Hao không thể là hỏa mà là thủy vậy.

Người mạng Thủy Mạnh lập Mão, người mạng Kim Mạnh lập Dậu là hợp cách song Hao.

Song Hao miếu địa cư Quan-lộc thì tốt đẹp bội phần hơn cung Mạnh, nếu hãm địa cùng các hung sát là vi khát cái cách.

Cung Mão Dậu có song Hao tọa thủ, mà cung Mão vô chính diệu, bên cung Dậu Thân có Triệt án ngữ, nếu Mạnh Quan, Tài, lập Mão là thượng cách, vì Triệt đáo kim cung, sẽ khắc cái khối kim sinh ra thành thủy để cho dòng nước là song Hao chảy mãi mãi bất tuyệt, ví như nước đã có nguồn chảy mãi cũng không hết được.

Song-Hao ái ngộ Cư Cơ

Cũng do một lý ấy mà Cư Cơ Mão Dậu là cách phú hữu lâu dài, vì song Hao là giòng nước chảy ra bất tận, nuôi dưỡng Thiên-cơ đại lâm mộc, nếu chỉ được Cư-môn thủy hiện hợp với Thiên-cơ thì thủy của Cư môn không đủ nuôi dưỡng mãi mãi đại lâm mộc được.

Nên người Bính Mộc, Tân Thủy có Cư Cơ Mão Dậu là thượng cách.

Song Hao tối hiềm Hoá-lộc

Song-Hao ái ngộ Cự Cơ vì có sự tương qua về ngũ hành sinh hóa với Cự Cơ, nhưng lại tối hiềm sao Hóa-lộc.

Song-Hao thuộc thủy nên thù ghét Hóa-lộc là chí lý vì hội với Lộc thì cái thổ của Lộc sẽ khắc chế, hút hết thủy của song Hao rồi.

Hơn nữa thổ của Lộc chẳng những hút hết nước của Cự-môn thủy, mà ngay mộc của Thiên-cơ, sẽ khắc cái thổ của Hoá-lộc nữa, thành ra cả ba sao Hao, Cự, Cơ đều xúm nhau lại mà tỵ hiềm Hoá-lộc cả.

Nhưng trái lại nếu Cơ Cự cư Mão Dậu không có song Hao, hội với Quyền Lộc thì lại không sao cả.

Ở phú đoán : song Hao Mão Dậu ái ngộ Cự Cơ, tối hiềm Hoá-Lộc là thế.

Cự Cơ Tý Ngọ

Thạch trung ẩn ngọc cách.

Cũng như cách Cự Cơ thạch trung ẩn ngọc, là trong đá có ngọc, ví như ở dưới lòng đất có mỏ vàng, mỏ kim cương, phải làm sao cho vàng ngọc kia phát được quang huy, lộ ra ngoài để khai thác được, chớ nếu vàng ngọc kim cương cứ ở trong lòng đất sâu hay trong lòng núi thời làm sao mà lấy được.

Ba cách của Cự Cơ

1) ĐỆ NHẤT CÁCH là cần thiết phải gặp được 2 sao triệt Tuần, ví như sấm sét đã làm nứt núi ra để lộ vàng và kim cương cho ta tha hồ mà lấy.

Đây là cách Cự Cơ Tý Ngọ ngộ Tuần Triệt khai phát.

2) ĐỆ NHỊ CÁCH - Cự Cơ Tý Ngọ Kinh Hình là gặp được Kinh-dương Thiên-hình, ví như có kỹ sư, tàu bè, máy móc để khai thác mỏ vàng kia.

3) ĐỆ TAM CÁCH - Cự Cơ Tý Ngọ ngộ song Hao ví như nước chảy đá mòn, nên ngọc vàng lộ ra ở khu nào thời lấy được ngọc vàng ở khu đó .

Bạch hổ khiêu tây phương cách

Bạch hổ thuộc kim

Miếu địa ở Dậu

1) Bạch hổ- hãm địa chủ hình thương , tai nạn

2) Cư ở tậ- ách chủ các bệnh về máu huyết, phong đàm hội với thiên-hình hãm chủ mổ xẻ, châm chích tàn tật .

3) cư nơi miếu địa, thời tính tình cương cường, anh hùng quả cảm, tái kiên văn võ là cách tứ phương cũng phục anh hùng,

4) ở cung thân thuộc kim vượng địa, ví như cạp ra rừng đi kiếm ăn, còn có sự hiểm nguy, nhưng ở cung dậu âm kim là như tận dùng sâu, thâm sơn cùng cốc, hổ ở đây ví như đã ăn no về hang nằm nghỉ, nên Bạch hổ miếu ở dậu là nhập ý đó.

Bạch- hổ cư Dần Mão

5) Bạch hổ cư dần mão là hổ xuất sơn lâm, hổ ở đây ví như đã ra ngoài bìa rừng, có thể gặp nhiều hiểm nguy, chẳng hạn như thợ săn.

Cách đồng gia
Của Bạch-Hổ và 1 chính tinh

6) 14 chính tinh khi 2 sao cư ở 1 cung là có sự tương đồng về bản chất, nên thường hay trao đổi cho nhau về việc sinh hoá tăng thêm sự rực rỡ tốt đẹp hoặc xấu xa là tùy theo các trung tiểu tinh đi theo phù tá.

7) Nếu Bạch-hổ cư cùng một cung với chính tinh thì nên xét chính tinh thuộc hành nào để luận đoán xấu tốt.

Thí dụ Bạch-hổ cư đồng cung với Tham-lang ở Mão là 2 sao này cùng cư nơi vương địa cả.

Tham-lang cư Mão, tử vi thường cho là cách hổ xuất lâm biên.

Ngũ hành vi căn bản

Muốn luận 2 sao này phải căn cứ vào ngũ hành, nếu trong cung Mão có nhiều sao thuộc mộc, lại có sao hỏa nữa, là mộc Tham-lang đủ sức hợp thành đảng mà đoạt bạch hổ kim, vì hỏa sẽ giúp cho mộc thêm rực rỡ, hay hỏa là chất khắc chế kim, như vậy là Bạch-hổ kim kia sẽ bị cháy thêu. Ngược lại Bạch-hổ kim, nếu gặp thêm các sao thuộc kim, thì Bạch-hổ có thêm vây cánh để tiêu diệt Tham-lang mộc, như vậy là Tham-lang mộc không sống được vì lý kim khắc mộc.

Cũng như nhất quốc không thể lưỡng vương được, nếu hai anh hùng cùng một nơi dụng võ, tất phải có một bị tiêu diệt, là lý của một chính tinh khi đồng cung với Bạch-hổ.

Cần phải căn cứ vào ngũ hành của Mệnh để phân luận. Nếu Mệnh kim là hợp Bạch-hổ gia thêm sao kim là thắng Tham lang đó. Ngược lại thấy Mệnh mộc hội với nhiều sao mộc là Bạch-hổ sẽ chết.

Nên ở đầu-số chỉ nhìn vào lá số mà biết người này bị cạp ăn, người thân phơi chiến địa là thế.

Đồng cung cách của Bạch hổ Thiên-tướng

Thí dụ Bạch-hổ Thiên-tướng cư Dần Mão cũng cùng chung một định luật cả, vì Thiên tướng là tướng-binh thiên về võ nghiệp mà Bạch-hổ có nhiều tính chất tướng, như vậy là hai ông chủ tướng lại càng không nên cư đồng gia, sự khắc chế lại càng nhiều tăng thêm lên.

Địa-cầu Chi tinh

Tương quan bát đại hành tinh

Khoa Tử-vi liên quan mật thiết tới bát đại-hành-tinh, vì trong tám ngôi sao này, thì địa cầu của chúng ta cư ngụ, là một đơn vị được Hi-Di tiên sinh tượng bằng sao Địa-Kiếp, để chỉ tất cả các kiếp thú mà chúng ta phải gánh chịu, khi các hành tinh chịu chung sức hấp lực của vũ trụ phát ra ảnh hưởng tùy theo độ số của các tinh tú.

Bảng kê bát đại-hành-tinh

1) Thủy tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ nhất tinh. Còn gọi là Phòng, hay là Thìn-tinh.

Xương long chi thế dã.

Thủy-tinh chi biệt danh Tân Ất.

2) Kim-tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ nhị tinh.

Kỳ quỹ đạo tại thủy-tinh dữ địa-cầu chi gian.

(vị trí đường quay của Kim-tinh ở giữa Thủy tinh và Địa cầu)

Kim-tinh tức là sao Thái-bạch, sao này rất sáng về đêm, thường để xem về giặc giã, và tượng các tướng soái của một quốc gia.

Sao Thái-bạch phạm vào đế tinh, là trong nước xảy ra đảo chánh. Nếu sao Thái-bạch bị phạm, là triệu chứng thất trận, hay sẽ có một vị tướng soái lớn bị chết.

3) Địa cầu : tượng chi Địa-kiếp

Bát đại-hành-tinh chi đệ ngũ tinh

Kỳ phân tuyến đạo khởi ư Dần, ước thập nhị tuế nhi nhất của chu thiên.

Thái-tuế tại Giáp viết quan phòng, hữu tại Dần viết nhiếp-đề cách.

Thuật-số gia rĩ Thái-tuế sở tại vi hung phương.

Kỳ quật thổ, kiến tạo gia trang.

Thái-tuế vi hung phu

Thị Hán-sơ thời rĩ hữu thử thuyết dã.

6) Thổ tinh : Bát đại-hành tinh chi đệ lục tinh.

Kỳ-quỹ-đạo tại Mộc-tinh dữ Thiên-vương tinh chi gian.

7) Thiên-vương tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ thất.

Sao này Đông Phương đã tìm ra từ thời thượng cổ mãi tới tháng 3 năm 1781, Tây-phương mới tìm thấy.

8) Hải-vương tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ bát.

Sao này do người Anh và Pháp đã tìm thấy từ năm 1845.

Thái-tuế mộc tinh

Thái-tuế là một đơn vị hành-tinh của bát đại-hành tinh, trong Thái-dương hệ chúng ta.

Các thuật số gia đã khám phá từ thời Hán-sơ, biết Thái-tuế vận hành theo đường Hoàng-đạo Dần Thân (tức là đông bắc tây nam) và 1 vòng chu thiên là 12 năm, mới trở về giáp vòng quỹ đạo ở Dần, mà địa cầu chịu trực tiếp xạ ảnh ở Dần cung, nên Tử-vi mới có định luật sinh năm nào an Thất-tuế ở cung ấy là theo chu độ-số của Mộc tinh (Thái-tuế).

Sở dĩ có thuyết kiêng cử khai, thổ, kiến tạo gia trang, sơ phòng năm Giáp và tối kỵ năm Dần vì Dần là cung đã chịu ảnh hưởng Thái-tuế bao trùm, đè nén, như ta gọi là ma đè, ma ám coi Thái-tuế ở cung sở tại (Dần) là hung phương, và có nhiếp-đề cách là ý nghĩa ấy. Nếu nói Thái-tuế hỏa là làm lẫn lớn vậy.



VĂN-KHÚC NAM MẠCH CA

Văn-khúc thủ Mạnh tối vi lương

Tứợng mạo đường đường chí khí ngang

Sĩ thứ phùng chi ượng phúc hậu

Trượng phu đắc thủ phụ kim chương

CHƯƠNG 10

TỬ - VI PHÚ

- **Mệnh-hảo, Thân-hảo, Hạn -ảo đảo lão vinh xương.**

- **Mệnh-suy, Thân-suy Hạn-suy chung thân khát cái.**

- Cung Mệnh cung Thân có sao Trường-sinh, Đế vượng đắc-vị, bản cung (tức cung minh chú trọng, như xem về công-danh, tất phải coi cung Quan-Lộc là bản cung) cũng được cát tinh miếu vượng, đại, tiểu hạn cũng có cát tinh và đều tương sinh với nhau thì bất cứ mưu tính việc gì cũng thành đạt mỹ mãn.

- Nếu Mệnh Thân ở vào Hãm địa (tứ tuyệt chi hướng) bản cung không có cát tinh, lại hội với hung, sát tinh tai hại cung Đại-hạn và Tiểu-hạn, tất quyết định là bần-tiện, đến mức bị gây sinh nhai.



- **Giáp Quyền, giáp Lộc thiếu nhân trí**

Giáp Quyền giáp Khoa thể sở nghi.

- Thông thường người ta chỉ biết cách giáp Quyền, Lộc, hoặc giáp Khoa. Quyền chớ ít ai biết cách giáp Quý, giáp Lộc.

- Người tuổi Bính, Đinh, Nhâm, Quý mệnh viên an tại cung Thìn hoặc Tuất, tất được giáp Khôi Việt.

- Nếu lạ gặp Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt, Quyền Lộc Tả Hữu xương khúc hoặc Giáp Mệnh, hoặc giáp Thân đều là cách Giáp Quý, được hưởng phú quý song toàn.

- **Và cách giáp quý Giáp Lộc là :** người tuổi Giáp, tuổi Thân, mệnh viên tại Mão hoặc Sửu, cung Dần có Lộc đóng, chính là cách “sinh thành chi Lộc”, thượng cách.

Ngoài ra, tuổi Giáp cung Dần, tuổi Ất cung Mão. tuổi Canh cung Thân, tuổi Thân cung Dậu, đều cũng đồng được cách “sinh thành chi Lộc” vậy.



- **Giáp Nhật giáp Nguyệt thủy năng ngộ ?**

Giáp Xương giáp Khúc chủ quý hề

Giáp Không giáp Kiếp chủ bần tiện

Giáp Kinh giáp Đà vì khát cái.

- Thân hoặc mệnh có Thái-dương, lại có Thái-âm giáp biên, cũng như Thân Mệnh cung được Xương Khúc giáp hai bên, đều chỉ sự quý hiển.

- Cung Thân hoặc Mệnh có hai sao Không, Kiếp giáp hiên tất là số nghèo hèn. Nếu lại giáp Kinh-dương, Đà-la là số phải bôn ba đây đó kiếm ăn vậy.



- **Phúc vô chính diệu, tu cần Không tú, ky, ngộ Triệt tính,**

- Nhược phùng Sinh Kinh Ky, Việt vi nhân tiểu trưởng

- Cung Phúc-đức không có chính tinh, rất cần sao Tuần không án ngữ, nhưng lại rất kỵ sao Triệt.

- Nếu Phúc cung có các sao Sinh Hình Ky Việt, sẽ là người tiểu phu, thợ rừng hay các người-hành-nghề-khai thác lâm-sản.



- **Phúc tại Tý cung, Đồng Âm Kiếp Tử (sao tử) Triệt Tuần xâm.**

Hữu học vô lương, tiện yếu cách.

- Cung phúc đức cư tý, có các sao Đồng Âm Kiếp Tử gặp Triệt Tuần, chủ người có học nhưng bất thành danh và bất chính, thường là người đa hư thiếu thực, nghèo nên và chết non.



- **Liêm-trinh thất-sát phản vì tích phú chi nhân,**

- **Thiên-lương, Thái-âm khước tác phiêu-bồng chi khách.**

- Liêm, sát là hai sao hung dữ, gặp nhau một cung lại phản thành cách giàu có tiền kho, bạc đụn, bởi vì Liêm thuộc kim, sát thị hỏa năng chế kim vì quyền (lửa luyện sắt thành quyền lực).

- Thiên-lương Thái-âm là hai cát tinh chủ quý hiển, nhưng hội nhau lại bị chiết giảm thành cách “phiêu bạt lang thang”, vì lẽ thái âm cư mao Thìn Tý Ngọ là hãm địa, và sao thiên lương thủ mệnh hoặc thân tại cung Tý, Hợi chủ cơ hàn, hoặc phiêu đảng tha lương,đam luyện tửu sắc nay quán này, mai tiệm khác.

- Lại có lời rằng : Lương cư Tý, Ngọ là hãm-địa, nhưng cũng “bất tác đôn hậu chi nhân” (không là người đầy đặn).



- **Liêm trinh chủ hạ tiện chi cơ hàn**

Thái âm chủ nhất thân chi khoái lạc.

- Thân Mệnh an Ty Hợi cung, ngộ Liêm-trinh là hãm địa, tam phương và tiền hậu đều không có cát tinh cũng chiếu hoặc giáp, tất thị mang nghiệp nghèo cố định.

- Sao Thái-âm thủ Thân Mệnh từ cung Mùi đến cung Tý chỉ sự phú quý. Nếu lại hội được nhiều cát-tinh, sự phú quý quyết chẳng nhỏ, và nếu chỉ hội được cát-tinh thời cũng thành kẻ “đao bút công danh”.



- Tiền bản hậu phú, Vũ Tham đồng Thân Mệnh chi cung

Tiền phú hậu bản chỉ vi vận phùng Kiếp sát.

- Tham lang Vũ-khúc thủ Mệnh tại cung Sửu hoặc Mùi tất trước nghèo, sau giàu, vì Vũ thuộc Kim, khắc với Tham thuộc Mộc, và mộc nhờ có sự chế hóa tất trở thành hữu dụng.

- Mệnh hoặc Thân có một hai chính diệu, lúc vào đời gặp được hạn tốt cho tới trung niên hạn làm tuyệt địa, lại ngộ Kiếp Không Hao Sát, thành thử những tốt đẹp ở Thân Mệnh trước bị vô hiệu hóa, dĩ nhiên hậu vận phai nghèo hèn không thể lẫn tránh được.



- Xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc thủ Tài quan chi vi

Sinh lai bản tiện, Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hương.

- Quyền và lộc tọa thủ miếu đại tại cung tài bạch hoặc cung Quan Lộc, gia hội nhiều cát-tinh, nhất định là đắc cách phú quý vinh hoa.

- Địa-không và Địa-kiếp đóng vào cung Phúc-đức hoặc cung Tài Bạch là số của những người vận kiếp nghèo hèn.



- Văn khúc, Vũ khúc vi nhân đa học, đa năng

Tả-phụ, Hữu-bật -bình tính khắc khoan khắc hậu.

- Hai sao Văn-Khúc, vũ khúc thủ mệnh tại các cung Thìn Tuất Ty Hợi Mão Dậu, ngộ được cát tinh nữa, tất chủ bậc học rộng, tài cao hơn đời.

- Tả-phụ và Hữu-bật-tọa thủ cung Mệnh dù có hội với các sao cát hoặc hung nhiều ít, cũng vẫn là người có độ lượng bao dung và cách đối xử đầy đặn với mọi người.



- Hỏa Khốc nhập cung, thiết đồng dị thành chân nghiệp.

- Mệnh viên có hỏa tinh và thiên khốc đó là số những người chuyên về nghề làm đồ bằng đồng, bằng sắt.



- Thân cư Phúc-hương vô chính diệu, tối kỵ Kiếp Dương Triệt Sát.
- Cái ngộ Đà Không, thị vi cứu cánh chi tinh
- Nhược, Kinh miếu Phúc-trạch, tu cần Tượng, Hình, ấn, Mã, thị vi vô hiển thanh dương.
- Nếu thân cư Phúc-đức, không có chính tinh mà lại gặp các sao Kiếp Kinh Triệt Sát là sự rất e ngại
- Nhưng Phúc cung vô chính diệu, lại gặp được Đà-la, Tuần-không, ví như hai vị cứu khổ phò nguy, giải toả được các tai biến.
- Cung phúc gặp Kinh-dương nhập miếu, và hội được với các sao Tượng Hình ấn Mã tất được vô nghiệp hiển-bách, danh tiếng lẫy lừng và chắc chắn được phú quý song toàn.



- Mạnh không, thân kiếp lai hội song hao, vô chính diệu thiếu, học đa thành.
- Cung Mệnh lập tại Mão có song Hao đồng cung với Địa-Không, thân cư Quan-Lộc đồng cung tại mùi với Địa-Kiếp, người tuổi Tân Quý hay Thủy Mạnh là người rất thông minh, học ít hiểu nhiều và tất thành đạt quý hiển.



- Mạnh Thân đồng cung Ty, Ngọ hoặc cư Tuyệt xứ, vô chính tinh khủng kiện Mã Linh Hình Kiếp, chung thân như hoa khai ngộ vũ mãn thế phi yếu triết nhi hình thương.
- Nếu Mạnh Thân đồng cung tại Ty hoặc Ngọ, hoặc Hợi cung, vô chính tinh, hội Mã Linh Hình, Kiếp không cũng chiếu ví như hoa nở gặp mưa to gió lớn, tất chung thân tàn khố, bằng chẳng vậy sẽ bị hình thương hoặc yếu vong.



- Thiên phủ Thiên-tướng nãi vị Y lộc chí thần, vị Sĩ vị Quan định chủ hanh thông chí triệu.
- Mệnh an tại cung Sửu, có Thiên phủ Thiên tướng ở Ty Dậu lai triều ; hoặc Mệnh ở cung Mùi, được Thiên phủ, Thiên tướng ở Hợi và Mão triều lại, là cách phú quý trên gấm dưới nhung.
- Sĩ-tử và quan chức hạn gặp hai sao Phủ, Tướng là điềm triệu hanh thông, người đỗ đạt, người thăng quan, tiến chức.



- Miêu nhi bất tú, Khoa danh hãm ư hung thần

Phát bát chủ Tài, Lộc chủ triển ư nhược địa.

- Sao Hỏa- khoa bị hãm với không, Kiếp hoặc Dương hay đà một cung ; hoặc Thái dương tại Tuất Khoa Nguyệt lại Mão thì : tuy bản chất tam Hóa là “Cát Hóa”, nhưng Khoa Quyền Lộc ở cách này, “diệt bất vi mỹ dã”. Cho nên “lúa Miêu không tươi tốt” hàm nghĩa tài hoa yếu tử, do Khoa bị hãm với hung sát vậy.

- Hóa-lộc mà không làm vượng được tài lộc vì hóa-lộc bị hãm nhược địa, tức là trường hợp Lộc bị hãm với Kiếp Không hoặc Lộc làm Tý Ngọ Mão Dậu cung cũng vậy, chẳng những Lộc bị vô- dụng mà còn chủ cô đơn, bần hàn nữa.



- Thất sát triều đầu, tước lộc vinh xương

Tử phủ đồng cung chung thân phúc hậu.

- Thất sát thủ Mệnh tại Dần Thân Tý Ngọ là được cách trên, hoặc cách Tả Hữu Khôi Việt Xương Khúc tọa chiếu hay tương hội chủ một đời phú quý vinh hoa.

- Tử vi Thiên phủ đồng thủ Mệnh tại Dần hoặc Thân, tam phương Tả Hữu Khôi Việt cũng chiếu, chỉ sự phú quý chung thân phúc hậu. Người tuổi Giáp gặp cách này là cực mỹ.



- Tử-vi cư Ngọ vô sát tấu vị chí công khanh

Thiên-phủ lâm Tuất, hữu tinh phù, yêu kim ý tử.

- Cung Mệnh có Tử-vi tại cung Ngọ, không gặp Kinh Đà Không Kiếp là đắc cách trên, tất được đại quý. Nếu là các cung khác, chủ được giàu có, sung túc, hoặc quý hiển trung bình thôi.

- Sao Thiên-phủ cư Mệnh tại Tuất, có tả hữu phụ chiếu, chủ sự quý hiển gấm vóc, vàng đeo ngọc giát.

- Nếu gặp hung sát-tinh, không được trúng cách như trên.

Nhưng nếu hội Khôi, Việt Tả Hữu Lộc Quyền cũng chủ sự phú quý vậy.



- Khoa Quyền Lộc củng danh dự chiêu chương,

Vũ khúc miếu viên uy danh hách dịch.

- Mệnh có một Hóa, Quan Lộc và Tài Bạch mỗi cung một hóa, là cách “Tam Hóa củng mệnh” chủ-vị đến bậc Tam-Công.

- Mệnh có Vũ khúc tọa thủ tại cung Thìn hoặc Tuất là thượng cách, tại cung Sửu hoặc Mùi là hạ cách. Nếu gặp Quyền Lộc Tả Hữu Xương Khúc thì cũng đoán theo ý như vậy.



- Khoa minh lộc ám vị liệt tam đài

Nhật nguyệt đồng tâm quan cư hầu bá.

- Người tử-vi Giáp Mệnh lập tại Hợi có Khoa tọa thủ tại cung Dần có sao Thiên lộc, và vì cung Dần cung Hợi là cung hợp của nhau. Do thế, thành cách Khoa Minh Lộc Ám chủ được quan vị về Hình Bộ (Tư Pháp)

- Cung mệnh tại Sửu, Nhật Nguyệt ở Mùi, hoặc Mệnh an Mùi, Nhật Nguyệt tại Sửu, là cách Nhật Nguyệt đồng làm, chủ đắc phong tước vị (Công Hầu Bá Tử Nam)

Vậy có câu quyết rằng:

Nhật Nguyệt đồng làm luận đối cung

Bính Tân nhân ngọc phúc, hưng, long.



- Thân Mệnh đồng cung, tối hiem nhập Mộ, hoặc cư Tuyệt xứ, vô chính diệu, hoan phùng Tả Hữu Sinh Vượng, hóa chung vi cát, chung thân vượng hưởng phúc tài.

- Cách thân mệnh đồng cung không có chính tinh nếu cư tử Mộ (thìn tuất Sửu mùi) hoặc Hợi cung là tối kỵ, nên rất cần gặp sinh vượng phụ bật là cách phản hung vi cát : người thổ mạng là cách hợp được một đời phú quý song toàn.



- Mạnh Triệt, Thân Tuần tu cần vô hữu chính tinh văn niên vạn sự hoàn thành khả đãi.

- Cung Mạnh có Triệt án ngữ, Thân cung ngộ Tuần thời không nên có chính tinh. Gặp cách này về già sẽ được vạn sự hanh-thông, tạo thành cơ-nghiệp.



- Cự cơ đồng cung, công khanh chi vị tham linh tinh chữ, tướng tướng chi danh.

- Người tuổi Dần, tuổi ất, Mệnh an Mão, có Cự Cơ đồng thủ Mệnh và ngộ Xương Khúc, đắc thượng cách làm đến bậc công khanh.

Người tuổi Bính được thứ cách

Người tuổi Đinh chỉ bình thường.

- Cung Mệnh an tại Thìn Tuất Sửu Mùi, có Tham lang và Linh tinh tọa thủ, chắc chắn sẽ thành vị tướng uy quyền hiển hách.



-Thiên-khôi Thiên-việt các thế văn chương Thiên-lộc Thiên-mã kinh nhân giáp đệ.

- Như cung Thân hoặc Mệnh có sao Thiên-khôi, tam hợp chiếu có Thiên-việt ; hoặc Thân mệnh cung có Thiên việt, tam hợp chiếu có Khôi là cách tọa Quý hướng Quý, chủ văn tài tuyệt vời, xuất chúng.

- Cung Mệnh có thiên lộc, thiên mã tọa thủ tại các cung dần thân tỵ hội là cách lộc mã giao tri, nếu tam hợp lại có nhiều cát tinh thủ hoặc chiếu tất cả là bậc sĩ tử có tài học làm kinh động người đồng khoa mà cao chiếm bảng vàng.



- Tý Ngọ Tham Đào, ất Kỷ âm nam, lập nghiệp do thế, kiêm năng sát diệu, hành sự dụng thế.

- Người sinh âm-nam, tuổi ất, Kỷ, Mệnh cung lập tại Tý Ngọ hội với Tham, Đào, có vợ là người đảm lược, lập thành cơ nghiệp.

Trái lại rất kỵ hội với sát tinh là người có thể quên điều chính nghĩa, dùng vợ vào các công việc mưu cầu danh lợi.



- Tả phụ Văn-xương hội Cát tinh tôn sư Bát-tọa

Tham lang Hỏa tinh miếu vượng danh chấn chư bang.

- Hai sao Tả-phụ Văn xương tọa thủ Thân Mệnh cung tam hợp cát tinh củng chiếu, chủ đắc cao vị nơi đài cao gác tía.

- Tham-lang và Hỏa-tinh đồng tọa Mệnh cung tại Thìn Tuất Sửu Mùi là thượng cách, chủ nổi danh, cách quốc gia lân bang phải kiêng nể. Nếu tam phương có cát tinh củng chiếu tại càng thập phần tốt đẹp, nhưng nếu Mệnh an tại Mão dù không gặp sao hung sát cũng chỉ được thứ-cách gặp Dương Đà Không Kiếp là bị phá cách.



- Cự Nhật đồng cung quan phong tam đại

Tử Phủ triều viên thực lộc vạn chung

Sao Cự Mòn Thái dương thủ Mệnh tại cung Dần không gặp Kiếp Không Tứ Sát Tinh là thượng cách, ba đời kế tiếp làm quan.

- Nếu Mệnh-an tại cung thân chỉ là thứ cách
- Thái dương thủ mệnh ở cung Ty, tại cung Hợi có Cự môn cũng được thượng cách.
- Nhưng nếu Thái dương Thủ mệnh tại cung Hợi cung Ty có Cự-môn lại là không đẹp.
- Mệnh tại cung Dần, cung Ngọ có Tử vi, cung Tuất có Thiên phủ, hoặc Mệnh tại cung Thân, tại cung Thìn và Tý có Tử vi Thiên phủ, đều được cách Tử Phủ triều viên, chủ “vi nhân Quân phỏng Thần chi tượng” tức là bậc phu chính thân thần.
- Nếu lưu nhị hạn ngộ Lộc tất vị chí công khanh.



- Thìn cung thượng khởi Cơ Lương, Giáp Nhâm dương nữ, lợi tử thương phụ.

- Âm Nam ất quý, duy thê khắc hại, do phú thành vinh

Dương nữ tuổi giáp Nhâm, mệnh lập tại cung Thìn hội với hai sao Thiên cơ Thiên lương là người đảm lược, nhiều con nhưng khắc chồng, tất trung niên phải phòng không chính ảnh.

- Người Âm-nam tuổi ất Quý, nhờ phú cách mà sau thành danh, nhưng khắc vợ.



- Khoa Quyền đối cung, được tam cấp ư Vũ-Môn

Nhật nguyệt tịnh minh tá cửu-trùng ư kim điện.

- Sao Hóa khoa, Hóa quyền đóng tại các cung Tài bạch Thiên-ri hay Quan Lộc, tam phương cũng đối chiếu, hoặc cung Mệnh có Hóa khoa, hai sao Quyền Lộc tại tam phương chiếu lại, chủ sự vượt qua được ba kỳ khảo thí cao chiếm bảng vàng, hoặc rồng mây hội được tiến cử và được trọng dụng, hiển đạt.

- Người tuổi Tân tuổi ất an Mệnh tại Sửu gặp Thái dương tại cung Ty, Thái âm tại cung Dậu triều lại là đắc cách tất được bậc anh quân trọng dụng (làm quan tại điện nhà vua) người tuổi Bính được quý cách, người tuổi đinh chỉ được phú cách.



- Phủ Tướng đồng lai hội Mệnh cung toàn gia thực lộc.

Tam hợp minh châu sinh vượng địa, ổn bộ thiềm cung

- Thân mệnh cung an tại miếu vương địa thiên phủ thiên tướng tại tam hợp cung chiếu lại, và hội nhiều cát tinh là được cách phủ tướng triều viên, phú quý song toàn. Có câu rằng :

Phủ tướng triều viên cách tối lương

Xuất sĩ vi quan đại cát xương

- Như mệnh viên an tại Mùi cung, gặp thái dương tại cung Mão, thái âm tại cung Hợi triều lai, là hợp cách “minh châu xuất hải” tất được tài quan song mỹ.

- Hoặc Thái dương thủ Mệnh tại cung Thìn và Thái âm ở cung Tuất đối chiếu, cũng như Thái âm thủ Mệnh tại cung Tuất, sao Thái dương tại cung Thìn đối chiếu , tất chủ quý hiển, bề vè ở chốn Thiềm cung vậy.



- Thất-sát, phá-quân nghi xuất ngoại

Cơ nguyệt đồng lương tác lại nhân.

- Thất sát hoặc Phá quân thủ Thân Mệnh dù ở miếu địa, đắc cách vẫn nên ly hương tạo nghiệp , có như vậy mới hoàn toàn ứng hợp với vận mạng, hầu tránh được những bất trắc , gây trở ngại trong đời . (Sao Thất Sát đóng các cung Dần Thân, sao Phá quân đóng cung Tý và Ngọ, đúng vào cách như trên.)

- Bốn sao Thiên cơ, Thái âm, Thiên đồng và Thiên lương thuộc một tinh bộ, tất phải đóng vào Thân Mệnh và các cung tam hợp mới là “khúc toàn” chủ có biệt tài về văn án, văn từ, làm quan, làm lại.

Nếu gặp Sát tinh hay Hóa kỵ là hạ cách

Có câu quyết rằng : Dần Thân hội Đồng Lương Cơ Nguyệt tất định tác lại nhân, nhược vô tứ tinh, tam giả nan thành. Nghĩa là : nếu không hội đủ Đồng Lương Cơ Nguyệt 4 sao, mà chỉ có 3 sao, tất không thành cách được.



- Tử phủ nhật nguyệt cư vương địa đoán định công hầu khí

Nguyệt nguyệt khoa lộc sửu cung trung định thị phương bá công.

Sao tử vi đóng cung ngọ, thiên phủ tại tuất thái dương tại mão, hội lại được tam hóa đóng tại thân mệnh cung, là cách tử phủ nhật nguyệt cư vương địa, thành bậc công hầu.

Nếu ngộ Sát Kiếp Không Kỵ là ngọc quý có vết “mỹ ngọc hà điểm” bị phá cách

- Mệnh viên an tại sửu mùi có thái dương, thái âm và khoa lộc tọa thủ là đắc cách chủ được phong tước vị công hầu bá

Nhưng nếu không gặp cát tinh và sao Hóa thì tuy Nhật Nguyệt đồng cung, cũng không cát lợi.

Có câu quyết rằng :

Nhật Nguyệt Sửu Mùi mệnh trung phùng

Tam phương vô cát phúc vô sinh

Nhược hoàn cát hóa phương vi mỹ

Phương diện uy quyền, phúc lộc tăng.



-Thiên-lương, Thiên-mã hãm phiêu đãng vô nghi

Liêm-trinh sát bất gia thanh-danh viễn bá

- Sao Thiên lương thủ Mệnh thất hãm tại các cung Thân, Ty, Hợi , có Thiên mã đồng hãm với Hỏa Không Kiếp, chắc thành người phiêu đãng, không phải nghi ngờ.

- Sao Liêm trinh thủ Mệnh tại cung Mão, chủ quý hiển, hoặc có cát tinh tại tam hợp chiếu cũng được quý, nếu ngộ sát tinh chỉ bình thường.

Hoặc Liêm trinh thủ Mệnh tại cung Mùi hay cung Thân, không ngộ sát tinh, cũng được đại cát, tên tuổi được vang dội đến cả nơi xa.



- Tuất cung tượng tâm Tử Tướng, Âm nam Tân ất, thê vinh phú hoạch

Giáp Canh Dương nữ, hoạch đạt tự thành.

- Người sinh Âm-nam, tuổi Tân ất, mệnh lập tại Tuất cung có hai sao Tử vi Thiên tướng, Thủy mạng hợp đệ nhất cách sẽ hoạch phát tiền tài, và thê vinh tử ấm.

- Cũng tại Tuất cung người dương nữ, tuổi Giáp Canh thời tự mình bốn ba, tần tảo kinh doanh thương mại đảm lược, gây dựng được cơ nghiệp.



- Lương Đồng viên ngộ Khôi Quyền, gia hội Kỵ Linh giao lai song Lộc, doanh thương dị đạt phú cường.

Hai sao Thiên lương Thiên đồng thủ Mệnh, rất mừng gặp được Khôi Quyền, nếu gia thêm Kỵ Linh cùng với song Lộc, là người kinh doanh thương mại không phải lao lực mà thành triệu phú.



- Nhật xuất lôi môn, phú quý vinh hoa

Nguyệt lãng thiên môn, tiền tước phong hầu.

- Mệnh an tại cung Mão có Thái dương tọa thủ tam phương có Tả Hữu Khôi Việt Xương Khúc phụ chiếu, tất phú quý không thể nhỏ.

- Người tuổi Giáp ất Canh Tân là hợp cách, nếu gặp tứ sát cũng được ảm no.

- Thái âm thủ Mệnh tại cung Hợi tam phương được cát tinh củng chiếu, chủ đại phú quý. nếu không có cát tinh phù củng, chỉ được công danh, chức vị nhỏ.

Người tuổi Bính Đinh được quý hiển

Người tuổi Nhâm Quý vượng về tiền bạc.

**- Dân phùng Phủ Tướng vị đẳng nhất phẩm chi vinh****Mộ phùng tả hữu tôn cư bát tọa chi quý**

Mệnh viên an tại dân có thiên phủ ở ngọ, thiên tướng ở tuất triều lai, người tuổi giáp gặp cách này tất nhất phẩm vinh hoa.

- Sao tả phụ hữu bật thủ mệnh tại các cung thìn tuất sửu mùi, hoặc tại ba cung thiên ri, quan lộc tài bạch có hai sao tả hữu cũng chủ được đại phúc, đại thọ.

**- Lương cư Ngọ vị quan tư thanh hiển****Khúc ngọ Lương tinh vị chí đài cương.**

- Sao thiên lương thủ mệnh tại cung ngọ, chủ công danh quý hiển và là người liêm chính.

Người tuổi Đinh là thượng cách

Người tuổi Tỵ thứ cách.

Người tuổi Quý, dù gặp cách này cũng chỉ vượng phát về tiền bạc.

- Mệnh-viên tại cung Ngọ có Thiên-lương tọa thủ, gia hội Vũ-khúc miếu địa là thượng cách.

Mệnh-viên an tại cung Dần là thứ cách nhưng quan-vị cũng được tới chức Ngự-sử.

**- Khoa Lộc Tuân phùng Chu-Bật hân nhiên nhập tướng.****Văn-tinh âm củng Cô-Nghị duẩn hĩ đẳng khoa.**

- Như mệnh-viên có cát tinh tọa thủ, tam phương có Tam Hóa, củng cát tinh củng chiếu, là cách ông Chu-Bật bỗng được phong tướng.

Cung Mệnh có cát tinh tọa thủ, ba cung Thiên-ri, Quan-lộc, Tài-bạch, có Xương Khúc và Hóa-khoa triều cung, ông Cổ-Nghị được cách này, đã cao chiếm bảng vàng.

- **Kinh-dương, Hoá-tinh uy quyền xuất chúng.
Đồng hành Tham Vũ uy yểm biên đi.**

- Mệnh-viên an tại tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) ngộ Hỏa-tinh và Kinh dương miếu vượng, chủ văn võ song toàn và đường công-danh sẽ thành người chấp-chưởng binh-quyền vạn lý.

- Hoặc sao Tham-lang, Vũ-khúc ngộ Hỏa-tinh tại miếu vượng địa, cũng chủ : người có tài kiêm văn võ, và là bậc vũ-tướng có quyền-uy áp chúng, trấn ngự được những bộ-lạc, nước nhỏ lân cận.

- **Lý Quảng bất phong. Kinh-dương phùng ư Lực-sĩ
Nhan Hồi yếu triết Văn-xương hãm ư yêu thương**

- Ông Lý Quảng, tuy là đại danh tướng nhà Hán, mà không được phong tước vị vì cung Mệnh của ông có Kinh-dương gặp Lực-sĩ.

- Ông Nhan Hồi chết non cũng bởi cung Mệnh có sao Văn-xương lạc hãm địa.

✽

- **Trọng – Do mãnh liệt, Liêm trinh nhập miếu ngộ Tướng quân.
Tử Vũ tài năng, Cự tú Đồng Lương xung thả hợp.**

- Ông Trọng-Do mạnh bạo, quyết liệt vì cung Mệnh có Liêm-trinh tọa thủ tại cung Thân và hội với sao Tướng-quân.

- Ông Tử-Vũ có tài năng, vì cung Mệnh lập tại Tý, cung Tý có Thiên-đồng, cung Dần có Cự-môn, cung Thìn có Thiên lương, và lại được Khoa Quyền Lộc Tả Hữu củng xung chiếu.

✽

- **Dần Thân tối hỷ Đồng Lương hội,
Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cự-môn.**

- Sao Thiên-đồng Thiên-lương hội với nhau tại cung Dần hoặc cung Thân là cách rất tốt.

Sao Cự-môn đóng ở cung Thìn Tuất là cách bị hãm, rất xấu.

✽

- **Lộc đảo Mã đảo kỵ Thái-tuế chi hợp Kiếp Không.
Vận suy, hạn suy hỷ Tử-vi chi giải hung ách.**

- Lưu hành nhị hạn dù gặp cách Lộc Mã, nếu ngộ Thái tuế, Không Kiếp thành phá cách.

- Hạn và vận xấu cần phải được sao Tử-vi mới hoá giải được tại hung.

✱

- **Điều khách Tang-môn, Lộc-Châu hữu truy lâu chi ách, Quan-phù, Thái-tuế Công-Dã hữu tiết luy chi ưu.**

- Người Lộc-Châu bị nạn rơi từ lâu xuống vì hạn gặp : phía trước sao Tang-môn, phía sau sao Điều-khách và sao Thái-tuế hội với hung tinh.

- Người Công-Dã bị trần-trối vì cung Mệnh và Thân có Quan-phù, Thái-tuế tọa thủ, nhị hạn lại cũng ngộ Quan-phù hội với sát tinh.

✱

- **Đế tinh tại Tý, nan giải hung nguy, lưu hạn sát tinh La Vồng lao hình khôn vị thoát.**

Mạnh nãi Dương Đà Kiếp hội vi thành thọ giảm.

- Mạnh cung có Tử-vi tại Tý, khi tới vận hành hạn xấu, thời không giải cứu được tai ương. (Mạnh khi có Tử-vi có thể giảm thiểu được hung nguy, nhưng ở cách Tử-vi đóng tại Tý cung, là Đế vô sở quyền, không giải được hạn hung-ác nữa, vì Tử-vi cư Tý này là hãm địa (Lưu nhị hạn ở hai cung Thìn Tuất (La Vồng) nếu gặp sát tinh, tất thị hung nguy, khó thoát lao tù.

- Nếu cung Mạnh có Dương Đà Địa-kiếp hội, đến hạn La Vồng có hung sát tinh, thời phải quan-phòng đến thân mạng muốn quy hồi Tiên-quốc.

✱

- **Phụ Cáo hoan ngộ Tướng Ấn ở Ky, Cự Đồng, nhược hội Khôi Xương, cử khoa ngao đầu tất chiếm.**

- Hai sao Thai-phụ, Phong cáo rất ưa Tướng Ấn, trái lại rất ghét gặp Cự-môn và Thiên-đồng.

Nếu Thai Cáo đồng cung với Khôi Xương tại Mệnh cung, tất thị đăng khoa chiếm đầu vị.

✱

- **Hạn chí Thiên-la, Địa-võng Khuất-Nguyên nịch thủy nhi vong. Vận ngộ Địa-kiếp Thiên-không, Nguyễn-Tịch hữu bản cùng chi khổ.**

- Ông Khuất-Nguyên tự-trầm vì nhị-hạn tới cung Thìn Tuất gặp Vũ-khúc Tham-lang và Thái-tuế, Tang-môn, Điều-khách, Bạch-hổ ngộ hung tinh chiếu lại thành tối hung chi hạn.

- Ông Nguyễn-Tịch lâm cảnh bản cùng khốn khổ vì nhị hạn gặp Kiếp Không tọa thủ, lại tính hạn lưu-niên cũng có sát tinh củng chiếu, dĩ nhiên phải chịu cảnh nghèo khổ.

Hạn gặp Không Kiếp dù được cát tinh phù-trì, thời cũng không thể tránh được : “tiền bạc tới, tiền bạc đi”.

- **Văn-xương Văn-khúc hội Liêm-trinh, táng mệnh yếu niên. Mệnh Không, hạn Không vô cát tấu, công danh thặng đặng**

- Sao Xương Khúc thủ Mệnh-viên tại cung Tỵ Hợi, nếu ngộ Liêm-trinh tất bị chết yểu.

Người tuổi Tân tối kỵ gặp cách này. Nhưng nếu được Vũ-khúc Thiên-tướng tuý hội lại phản vi đắc quý, chủ hữu quyền uy.

- Mệnh và nhị hạn phùng Không gia Kiếp, dù được chư cát tinh phù-trì, đường công danh vẫn phải lận đận, cheo leo, không thể đạt thành như ý. Hoặc có chính tinh hội tam Hoá và cát tinh mà gặp Không Kiếp ở tại Mệnh và hạn, dù có tàn can gắng công đèn sách, cũng chỉ đạt được nửa vời.

✱

**- Sinh phùng Thiên-không do như bán thiên triết sĩ,
Mệnh trung ngộ Kiếp hợp như lãng lý hành thuyền.**

Mệnh-viên có Thiên-không tọa thủ, về trung vận tất phải suy giảm, nếu đắc hoạnh phát, sau đó tất chết dữ.

Người tuổi Tý mệnh-viên tại Hợi, người tuổi Ngọ mệnh-viên tại Tỵ hay gặp cách này.

- Cung Mệnh có sao Địa-kiếp, gia Sát, Ky, thực thậm hung, chẳng khác con thuyền nhỏ đi trên mặt đại dương vậy.

✱

- Hạng-vũ anh hùng hạn ngộ Thiên-Không nhi táng quốc
Thạch-Sùng hào phú hạn hành Địa-kiếp dĩ vong gia.

Anh-hùng như Sở bá-vương, hạn gặp Thiên-không cũng phải mất nước và chết.

Giàu phú-gia định quốc như Thạch-Sùng hạn phùng Địa kiếp, tư cơ cũng tan nát

✱

**Lã-Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên-lộc Thiên-mã.
Dương-Phi hiếu sắc tam hợp Văn-Khúc Văn-Xương**

Bà Lã Hậu chuyên quyền vì Mệnh-viên có Lộc-tồn Hóa-lộc và Thiên-mã,
Dương Quý-phi dâm-dật, bởi cung Mệnh, Tài-bạch, Thiên ri có Xương Khúc chiếu cùng với Thái-Âm Thiên-Cơ là cách chú sự, dâm-ô cực kỳ.

✱

-Tử Phủ đồng cung, Đế vô quyền sở, nan giải tai ương, do như Tuần không xâm nhập.

-Tử Phủ làm Mạnh hay Dần hoặc Thân là hai sao giải cứu được hung nguy khi đáo nhị hạn, nhưng nếu bị Tuần không án ngữ, ví như hai ông vua bị mất hết quyền hành, nên không giảm thiểu được tai kiếp khi hạn ngộ ác sát-tinh, cũng như trường hợp Tử-vi đóng ở cung Tý vậy.

✱

-Sát tinh hung diệu, Triệt đầu cư lai, bất cập a hành, nan phùng tai ách vận lai.

-Cung Mệnh viên dù có tứ sát, tứ hung, lục bại đi nữa, nếu được Triệt tinh án ngữ tại bản cung, cũng không e sợ lũ hung ác sát tinh kia hoành hành hại chi được, vì sao Triệt đủ ảnh hưởng khắc chế được mọi hung nguy.

✱

– **Mạnh Tuân Thân Triệt**, hủ đắc văn đoàn tương hội, phú quý văn tài cánh phát chung niên.

– Mạnh có Tuân, Thân cung có Triệt án ngữ, vô chính tinh, rất mừng gặp được văn-tinh như Khôi Việt, Xương Khúc, Long Phượng, gặp như vậy là người có văn tài, học vấn và khi đứng tuổi tất sẽ được an nhàn phú quý.

✽

– Thiên-lương ngộ Mã nữ-mệnh tiện nhi thả dâm.

Xương Khúc giáp trì, nam-mệnh quý nhi thả hiển.

– Mệnh viên an tại Dần Thân Ty Hợi ngộ Thiên-mã tọa thủ, tam phương ngộ Thiên-lương hợp chiếu là cách nghèo hèn và dâm dật.

– Sao Thái-dương gọi là Đan-trì và Thái-âm là Quế-trì, Mệnh an Sửu, Mùi ngộ Âm Dương, cung phía trước và cung phía sau có Tả Hữu Xương Khúc lai giáp, đắc-cách này, chủ sự quý hiển.

✽

– Cực cư Mão Dậu đa vi thoát tục tăng nhân.

Trinh cư Mão Dậu định thị công tư lại bối.

– Sao Tử-vi (Cực) thủ Mệnh tại cung Dần Mão, lại gặp sát tinh, chủ bậc tăng, đạo thoát tục.

– Mệnh-viên tạo Mão Dậu, có Liêm-trinh tọa thủ, gia hội sát tinh, chỉ làm lại chốn công môn hoặc bộc-dịch tại tư-gia.

✽

– Tả Phủ đồng cung tân cư vạn thặng

Liêm-trinh Thất-sát lưu đăng thiên nhai.

– Sao Thiên-phủ và Tả-phụ thủ Mệnh tại cung Thìn hoặc Tuất, tam phương được cát tinh và tam Hóa củng xung, tất đắc “cực phẩm chi quý” (tôn cư vạn thặng là làm vua nước có vạn cỗ xe - vạn thăng chi quốc).

– Mệnh an tại cung Ty hoặc Hợi có Liêm Sát tọa thủ, ngộ Sát, Kỵ, Không, Kiếp, tất phải lang thang góc biển chân trời.

✽

– Thân Cư Thế vị, Tuấn Triệt lai xâm, thiếu niên ai lệ mãi thất tình.

Nhược gia cát tú, lương duyên mãn kiếp dữ phụ nhân.

– Người có số Thân-cư Thế-cung bị Triệt Tuấn xâm phạm, tất thiếu-niên bị tình-phụ, mà nước mắt buồn rơi khi nhớ tới người xưa.

– Nếu gia-hội cát tinh, cũng được mãn kiếp sum vầy cùng hóa-phụ.

✽

– Thiên-phủ cư Ngọ Tuất, Thiên-tướng lai triều, Giáp nhân nhất phẩm chi quý.

– Cung Mệnh an tại Ngọ hoặc Tuất, có được Thiên-tướng củng chiếu và hội với cát tinh, người tuổi Giáp, nhất là Thổ-mạng, tất được cực phẩm chi phú quý.

✽

–Đặng-Thông ngạ tử vận phùng Đại-hao chi hương.

Phu-Tử tuyệt lương hạn đao yểu thương chi nội.

–Người Đặng-Thông chết đói vì Mệnh an tại Tý cung, nhị hạn và giáp cung hạn gặp Đại-hao hội ác sát tinh.

–Đức Khổng-Tử bị nhện đói ở đất Tàn, vì nhị nạn ngộ Hao với ác sát tinh.

–Linh Xương La Vũ hạn chí dịch hà.

Cự Hỏa Kinh-dương chung thân ải tử.

–Người tuổi Tân, Nhâm, Kỷ, gặp hạn Linh-tinh, Văn-xương Đà-la, Vũ-khúc, giao hội tại cung Thìn hoặc cung Tuất tất gặp tai nạn sông nước.

–Thân Mệnh cung có các sao Cự-môn, Hỏa-tinh Kinh-dương tọa thủ, nhị hạn phùng ác sát tinh chung hội, tất thọ tử bởi sợi giây oan-nghiệt.

✱

–Mã đầu đái kiếm phi yểu triết tắc chủ hình thương.

–Kinh-dương độc thủ tại cung Ngọ là cách “mã đầu đái kiếm”, nếu tam phương hội cát tinh cũng chiếu, người tuổi Mậu đắc cách nhất, chủ võ-chức hiển-hách, chấn ngự biên cương, người tuổi Bính là thứ cách.

Còn các tuổi khác nếu không sớm chết yểu tất cũng bị tàn-tật.

Nếu lại phùng ác sát tinh, thực khó thoát khỏi thọ tử dưới lưỡi đao của đao-phủ.

✱

–Tý Ngọ Phá-quân, gia quan tiền chức.

Xương Tham cư Mệnh phần cốt, toái thi.

–Sao Phá-quân thủ Mệnh tại cung Tý hoặc Ngọ, gia hội cát tinh, tất nhiên công danh tới vị tam-công.

–Sam Tham-lang cùng Văn-xương thủ Mệnh tại cung Tý hoặc Hợi, nếu gia Kinh Sát Kỵ tất bị sớm bất đắc kỳ tử, tan xương nát thịt.

✱

–Tử Phủ Kinh-dương tất cự thương.

–Cung Mạnh hoặc cung Quan-lộc có Tử-vi hay Thiên-phủ đồng cung với Kinh-dương nhập miếu, tất sẽ là người Kinh-thương quy mô rộng lớn, thành đại-phú gia.

✱

–Quế Sứ, Hoa Thương tối hiềm giao ngộ, mạc phùng sát diệu, đa khổ tai ương.

–Văn-quế là tên riêng của sao Văn-xương, Văn hoa là tên riêng của sao Văn-khúc, nếu như Văn-xương hội với Thiên-sứ, Văn-khúc hội với sao Thiên-thương đồng cung là điều tối độc, chủ đa thị-phi, đa chiêu oán đối với thân-thích và tỳ-bộc.

Lưu vận hành nhị hạn mà gặp, gia trạch, tài-lộc tất bị tổn hại không ít.

–Triều đầu, ngưỡng đầu tước lộc Văn-xương.

Văn-quế, Văn-hoa cửu trùng quý hiển.

–Thất-sát thủ Mệnh tại Tý Ngọ Dần Thân là triều đầu, ở tam phương là ngưỡng đầu, đều đắc cách “Thất-sát triều đầu, chủ sự phú quý song toàn”.

–Văn-xương Văn-khúc thủ Mệnh tại cung Sửu hoặc Mùi, lại có tam Hóa, cát tinh củng chiếu, tất làm đến đại-thần.

Nhưng nếu không có cát tinh Xương Khúc thành vô dụng.

✽

–Đan-trì, Quế-trì tảo toại thanh vân chi phí.

Hợp Lộc củng Lộc định vi cự-phách chi thần.

–Sao Thái-dương cư Mão Thìn Tỵ (đan-trì) sao Thái-âm cư Dậu Tuất Hợi (quế-trì) Thân hoặc Mệnh an được tại một trong sáu cung ấy, và gia hội Xương Khúc Khôi Việt, tất nhiên “thiếu niên kim bảng đắc danh đề”.

–Sao Lộc-tồn với Hóa-lộc chia nhau đóng ở Tài-bạch, Quan-lộc, hoặc Mệnh-viên một Lộc và Thiên-ri một Lộc, đều chủ về cả phú lẫn quý. Có câu quyết rằng:

Hợp Lộc củng Lộc đôi kim ngọc,

Tước vị cao thiên ý tử bào.

Nghĩa là: đắc cách song Lộc tất được vàng ngọc chất đống, cởi bỏ áo thường để khoác hồng bào, đúng như một tay cự phách trong hàng bề-tôi cột-trụ.

✽

–Cự lương Tướng hội Liêm-trinh, tịnh hợp Lộc uyên ương nhất thể vinh.

–Vũ-khúc nhân cung đa thủ nghệ, Tham-lang hãm địa tác đồ nhân.

–Cự Lương Tướng Liêm bốn sao mà Thân. Mệnh và tam hợp ngộ tại miếu địa, tại cung Phu-thê có Hóa-lộc, Lộc-tồn lai hợp, chủ một đời vinh hiển.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh tại Tỵ Hợi (nhân cung) gia cát tinh nên làm thủ công-nghệ an thân.

Sao Tham-lang thủ Mệnh tại Tỵ Hợi, gia sát tinh, chủ mệnh yếu, hoặc làm đồ tể (người mổ trâu, heo).

✽

–Thiên-lộc triều viên thân vinh quý hiển

Khôi tinh lâm Mệnh vị liệt tam đài.

–Người tuổi Giáp, Mệnh lập tại cung Dần có Lộc tọa thủ cũng là cách Thiên-lộc triều viên.

Người tuổi Canh Lộc cư Thân, tuổi Ất Lộc ở Mão, tuổi Tân lộc ở Dậu đều theo đấy mà đoán.

–Tử-vi thủ Mệnh tại cung Ngọ ngộ Văn-xương, Khôi hay Việt đồng cung, người tuổi Bính được kỳ cách này, sự vinh hiển khó có người bằng.

✽

–Kiếp Kinh Đế Cự Suy Triệt lâm mệnh, Tý hương, ác nhân đáng tử mãn kiến nan toàn.

–Cung Mạnh cư Tý, hai sao Tử-vi hay cự môn, nếu hội với các sao Kiếp Kinh Suy Triệt là người phải chết bởi tai nạn, và khi chết rồi, thể xác vẫn phải bị mổ, xẻ.

✱

–Thân cư Quan, kiến Triệt Tuần Kiếp Ky, nam nhân phong vân vị tể, hựu phùng cát diệu, vũ lộ thừa ân, khả đãi văn niên dĩ hậu.

–Cung Thân cư Quan-lộc, nếu gặp Triệt-Tuần Kiếp Ky đồng cung, buổi thiếu thời tất phải lận-đận, bôn ba vì không gặp thời cơ.

–Nếu như có được cát tinh củng chiếu, cũng phải chờ đợi tới văn niên mới được hưởng phúc lộc và tạo thành cơ nghiệp.

✱

–Nhật tại Tý cung, hiệu viết Nhật trầm thủy để, loạn thể phùng quân, nhược ngộ Hình Sát tu phòng đao nghiệp.

–Sao Thái-dương thuộc Hỏa, đóng tại cung Tý thuộc Thủy là hãm địa, tuy nhiên với những người thuộc hỏa Mệnh được hưởng cách Nhật trầm thủy để, loạn thể phùng quân, nếu có được Kinh-dương và Đà-la xung chiếu.

–Bởi lẽ: khi mặt trời nằm tại đáy nước thì chẳng những chỉ có một bóng mặt trời nằm im lìm ở chốn sâu thẳm mà không thể phát được quang-huy rực rỡ như ánh tự nhiên. Cho nên cần phải có Kinh Đà xung chiếu vì Kinh Đà tượng là sóng và gió, và khi mặt nước được sóng gió khơi động, tất phải nổi thành muôn vàn gợn nhấp-nhô, và mỗi gợn đều có một ánh mặt trời lóng-lánh, tựa như phát huy được sức sáng chói của Thái-dương, khả nãi vi thụ-hưởng cách đồng quang, quý, loạn thể phùng quân, tức như đời loạn gặp được bậc anh-quân vậy.

–Đối với những tuổi thuộc Kim, Mộc, Thủy, Thổ mệnh, nếu hội Hình sát, tất phải cẩn mật đề-phòng đao thương chi nghiệp.

–Tý Ngọ Cự-môn, thạch trung ẩn ngọc.

Minh Lộc ám Lộc cảm thượng thiên hoa.

–Sao Cự-môn thủ Mệnh tại Tý hoặc Ngọ và có Khoa Lộc tại Dần Tuất Thân Thành hợp chiếu là được cách “Ngọc nắp trong đá” chủ cả phú lẫn quý.

–Người tuổi Giáp có Hóa-lộc thủ Mệnh tại cung Hợi, lại được Lộc-tồn ở cung Dần (Dần lục hợp với Hợi) cũng đồng với cách Khoa minh Lộc ám, chủ tăng phúc thọ như “áo gấm thêm hoa” vậy.

✱

–Xương khúc Phá-quân phùng hình khắc đa lao碌.

Tham Vũ Mộ-trung cư tam thập tái phát phúc.

–Phá-quân thủ Mệnh tại Mão Dậu Thìn Tuất, tuy gia Văn-xương Văn-khúc vẫn không được hoàn mỹ, phải nhiều gian truân.

–Vũ-khúc Tham-lang thủ Mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi chủ thiếu niên tân khổ, phải ba chục năm về sau mới khá được.

Nếu phùng Hóa-ky, tất yếu

✱

–Thiên-đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cách chủ đại quý.

Cự-môn Thìn Tuất vi hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vanh.

–Thiên-đồng tại cung Tuất là hãm địa, nhưng rất hợp cho người tuổi Đinh, chủ quý hiển.

–Cự-môn đóng tại Thìn Tuất là hãm địa, đối với mọi tuổi đều không tốt, riêng người tuổi Tân được hưởng phúc lộc tuyệt vời.

✽

–Phủ Tướng Đồng Lương tính tất hảo, Sát Kiếp không Tham tính bất thường.

Xương Khúc Lộc Cơ thanh tú sảo, Âm Dương Tả Hữu tối từ tường.

–Bốn sao Thiên-phủ, Thiên-tướng, Thiên-đồng, Thiên-lương bản chất rất tốt lành, nhưng Tham-lang Thất-sát Địa-kiếp Địa-không thì khi tốt, khi hung dữ, khi vô hại.

–Các sao Xương Khúc, Lộc-tồn, Thiên-cơ chủ sự thanh tao, nhã nhặn, khéo léo, trong khi Âm Dương Tả Hữu chủ sự hiền từ, may mắn và cát vượng.

✽

–Vũ Phá Liêm Tham xung hợp khúc toàn cổ quý.

Dương Đà Thất-sát tương tạp căng kiến tắc thương.

–Bốn sao Vũ-khúc Phá-quân Liêm-trinh và Tham-lang đồng cung chiếu, tuy phải trắc trở rồi mới thành toàn nhưng được quý hiển.

–Còn Kinh-dương Đà-la Thất-sát xung chiếu chẳng những gieo rắc phiền tạp mà còn bị thương tổn nếu các sao ấy đóng hãm vào cung ảnh hưởng của Thân Mệnh.

✽

–Thân cư Quan-lộc hội sát diệu Triệt Tuần, Nữ-mệnh nan bảo thân danh.

Gia kiến Tang Bạch cô thân chích ảnh, nghi gia văn tuế tất thành.

–Nữ nhân, Thân cư cung Quan-lộc, ngộ Triệt Tuần và sát tinh, là người khó bảo toàn được danh tiết. Nếu lại gặp hai sao Tang-môn Bạch-hổ tất bị phòng loan gối chích, phải đến tuổi sẽ chiều mới được thành gia-thất.

✽

–Thân hội Di cung, Triệt Tuần hãm nhập văn tuế hồi hương phương túc cát.

Nhược hựu kiến sát tinh, sự nghiệp viên thành ư ngoại xứ.

–Người có số Thân cư cung Thiên-di gặp Triệt Tuần hãm địa, tất phải tha hương lập nghiệp cho tới khi tuổi già mới được về quê và hưởng phúc lộc rồi-rào.

–Nhưng nếu Di cung lại bị sát tinh cùng chiếu thì chỉ có thể thành cơ nghiệp nơi đất khách, quê người.

✽

–Tham-lang Liêm-trinh Phá-quân ác,

Thất-sát Kinh-dương Đà-la hung,

Hỏa-tinh Linh-tinh chuyên tác họa,

Không Kiếp Thương Sứ họa trùng phùng.

–Tham, Liêm Phá là ba ác tinh, Sát Kinh Đà là ba hung-tinh.

Sao Hỏa-tinh, Linh-tinh là hai sao tác họa, và nếu gặp Không Kiếp và Thiên-sứ Thiên-thương một lượng, tất tai họa đến không ngừng.

✽

–Cự-môn, Hóa-ky giai bất cát, vận Thân Mệnh hạn kỵ tương phùng.

Cánh hiềm Thái-tuế Quan-hù chí, quan phi khẩu thiết quyết bất không.

–Sao Cự-môn và Hóa-ky đều là những sao không tốt, nên Thân Mệnh và vận hạn gặp phải là điều tối kỵ.

–Vận hạn mà gặp Thái-tuế, Quan-phù một lượt, tất không thể tránh được cãi-cọ và lời nhau tới công môn, bởi Quan-phù Thái-tuế là “hưng tụng chi thần” cũng như Cự-môn là: “thị phi chi diệu”; nếu lại gặp thêm Hóa-ky nhất định có sự kiện-tụng tới ngay.

✽

–Điều-khách Tang-môn hựu tương ngộ, quản giao tai bệnh nhi tương công.

Thất-sát thủ Thân chung thị yếu bản Tham-lang nhập Mệnh tất vi xướng.

–Sao Điều-khách Tang-môn bản chất chủ sự thương tổn, chết chóc, nếu không gặp Thất-sát Thiên-hình Kinh-dương còn có thể miễn. Nhưng nếu gặp Hóa-ky tất không thể tránh được tai kiếp.

–Sao Thất-sát đóng vào Thân Mệnh cùng hãm địa, gia hội hung tinh tất thị nghèo, yếu.

Sao Tham-lang thủ Mệnh, tuy chẳng có sát tinh đồng thủ, hoặc tam hợp chiếu lại, cũng chủ sự dâm ô. Nếu lại ngộ sát tinh tại hãm địa, chủ nam-nhân phiêu đảng, nữ nhân dâm loạn.

✽

–Khôi Việt đồng hành vị cư thai phụ,

Lộc Văn củng Mệnh quý nhi thả phú.

–Thiên-khôi, Thiên-việt tọa thủ Thân Mệnh cung, được Quyền Lộc Xương Khúc cát diệu chủng chiếu, chủ sự phú quý song toàn.

–Nhưng nếu gặp Thiên-hình Hóa-ky củng xung thời chỉ bình thường. Tốt hơn là đi Tu.

✽

–Mã đầu đới kiếm chấn ngự biên cương,

Hình tù giáp Ấn hình trượng duy tư.

–Cung Mệnh an tại Ngọ, Kinh-dương tọa thủ hội Tham-lang Thiên-đồng, người tuổi Bính Tuất gặp cách này, dù có Kinh tại Mệnh, vẫn thành cách tốt đẹp, có thể được cả phú lẫn quý duy không được vững bền.

–Cung Mệnh giáp hai sao Thiên-hình và Liêm-trinh chung thân lặn đạn, nên đi tu hợp cách hơn.

✽

–Thái-dương cư Ngọ vị chi Nhật lệ trung thiên hữu chuyên quyền chi vị, địch quốc chi phú.

Thái-âm cư Tý hiệu viết thủy trường quế ngạc, đắc thanh yêu chi chức, trung gián chi tài.

–Sao Thái-dương thủ Thân Mệnh tại cung Ngọ, người tuổi Canh-Tân có quyền hành nhất và cũng giàu có vào bậc nhất trong nước.

–Sao Thái-âm thủ Thân Mệnh tại cung Tý người tuổi Bính Đinh được phú quý toàn mỹ, lòng dạ ngay thẳng và có tài can ngăn được người.

✱

–Tử-vi Phụ Bát đồng cung nhất hô bá nặc,

Văn Hao cư ư Mão Dậu chúng thủy triều đông.

–Cung Mệnh có Tử-vi Tả-phụ và Hữu-bật đồng tọa thủ “gọi một tiếng trăm người dạ” tất thị chung thân phú quý.

–Mệnh và Thân an tại Mão và Dậu ngộ Đại-hao và Tiểu-hao là được cách: “các dòng nước đều chảy về hướng đông”.

✱

–Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu, hợp âm phúc tụ bất phạ hung ách.

–Thái-dương Thái-âm tọa thủ tại Thân Mệnh cung, dù có gia hội cát tinh, tất không sợ hung tai.

✱

–Tham cư Hợi Tý danh vị phẩm thủy đào hoa.

Hình ngộ Tham-lang, hiệu viết phong lưu thả trượng.

–Sao Tham-lang tọa thủ cung Hợi hoặc cung Tý gọi là cách: “hoa đào nổi trôi mặt nước” nếu Mệnh-viên có cách ấy và hội với cát tinh, có thể là cách tốt đẹp, nhưng nếu lại ngộ Hình, Kỵ chủ trai phiêu đảng, gái dâm hư.

–Như Thân Mệnh an tại cung Dần, có Tham-lang Thiên-hình tọa thủ, tuy là người thông-minh đĩnh-ngộ, nhưng vì bản-chất phong-lưu, hào-hoa nên bị thả trượng.

✱

–Thất-sát, Liêm-trinh đồng vị, lộ thượng áp thi

Phá-quân ám diệu đồng hương, thủy trung tác trủng.

– Thân Mệnh cung có Sát Liêm đồng thủ, tam hợp gặp Kỵ Hao sát tất bị chết phơi xác mặt đường.

–Phá-quân giao hội với Cự-môn (ám diệu) chủ thay nổi trên mặt nước (chết đuối).

✱

–Lộc cư Nô-bộc túng hữu quan dã bồn trì,

Đế ngộ hung đồ tuy hoạch cát nhi vô đạo.

–Sao Lộc-tồn hoặc Hóa-lộc tọa thủ cung Nô, dù có được công danh gặp hội cũng phải bồn-ba, dong duỗi.

–Sao Tử-vi ngộ Không Kiếp (hung đồ) suốt đời chả làm được việc gì nên thân.

Nhưng nếu Tử-vi ngộ Hình Kỵ, hội Quyền Lộc, thời tuy có được cát vượng đấy nhưng vẫn là kẻ có tâm thuật bất chính, gian manh.

✱

–Đế toạ Mệnh khó, tắc viết kim dư phù ngự liễn.

Lâm-quan đồng Văn-diệu vi ý cảm nhạ thiên hương.

–Sao Tử-vi cư mệnh, phía trước có cát diệu tức như “xe vàng có tán báu che” chủ đắc chức trọng, như “áo gấm có hương thơm”.

✱

–Thái-dương hội Văn-xương ư Quan-lộc, hoàng điện thủ ban chi quý.

Thái-âm đồng Văn-khúc toạ Thê-cung, thiềm cung triết quế, văn chương linh thịnh.

–Sao Thái-dương hội Văn-xương ở cung Quan-lộc, gia cát diệu, tất làm đến tể-tướng (đứng đầu nhóm ở đền vàng) phú quý tuyệt đỉnh.

–Sao Thái-âm cùng Văn-khúc ở cung thê, được cát diệu phụ chiếu, có văn-tài linh diệu tuyệt vời, trai lấy được vợ sang đẹp, gái lấy chồng hiển quý (bề cảnh quế cung thêm).

✱

–Lộc-tồn thủ ư Điền Tài, tắc đôi kim tích ngọc.

Tài Ấm toạ ư Thiên-di, tất cự thương cao cổ.

–Sao Lộc-tồn đóng cung Điền-trạch hay Tài-bạch, chủ bậc đại-phú trong nhà có tích chứa cả vàng lẫn ngọc.

–Vũ-khúc (Tài-tinh) Thiên-lương (Âm-tinh) một trong hai sao này đóng cung Thiên-di, hội với Quyền Lộc, tất là bậc phú-thương có cửa tiệm đồ-sộ.

Nếu ngộ Hình, Kỵ Sát chỉ bình thường.

✱

–Sát cư tuyệt địa, yếu niên tuyệt tự Nhan Hồi.

–Cung Mệnh an tại Dần Thân Tỵ Hợi có Thất-sát toạ thủ, gia Hình Kỵ tất phải chết non như thầy Nhan-Hồi.

Hạn gặp cách như vậy, tất bị hung tai.

✱

–Hoa cư Lộc vi duyên đồ khát thực,

Tham hội vượng cung chung thân thủ thiết.

–Đại, Tiểu-haotoa thủ cung Quan-lộc gia Hình Kỵ, người tuổi Dần Ngọ Tuất mệnh viên an tại Ngọ cung, người tuổi Tỵ Dậu Sửu mệnh viên ở Dậu, người tuổi Hợi Mão Mùi mệnh viên ở Mão, người tuổi Thân, Tý, Thìn. Mệnh lập ở cung Tý, nếu như gặp cách này, tất vương nghiệp ăn mày nơi ven đường, góc chợ.

–Sao Tham-lang cùng Hao thủ Mệnh Thân hoặc cung Quan-lộc, chủ nghèo hèn, chung thân trộm cắp.

✱

–Hình Sát hội Liêm-trinh ư Quan-lộc gia sửu đồng lưu,

Quan-phủ giáp Hình Sát ư Thiên-di ly hương tao phối.

–Như Thiên-hình, Thất-sát hội Liêm-trinh tại cung Quan lộc, lưu niên nhị hạn mà gặp, nếu không bị hoạ hoạn cũng bị tội tù.

–Cung Thiên-di có sao Quan Phủ, giáp hai bên là Thiên Hình Thất-sát, chủ ly hương lập thành gia thất. (lấy vợ nơi xa).

✽

–Tử-vi Vũ-khúc Phá-quân hội Dương Đà khi công hoạ loạn.

Tử-vi hội, Vũ-khúc Phá-quân, ngộ Kinh-dương Đà-la chủ dối trá người thành tai hoạ loạn nghịch.

✽

–Thiên-cơ Ty cung Dậu phùng hiển ầm, ly tông gian giao trọng.

–Người tuổi Dậu, Mệnh cơ Thiên-cơ tại cung Ty là người thích rượu chè, gam giảo và tất phải tha hương cầu thực.

✽

–Nhật Nguyệt Tật-ách, Mệnh cung Không yêu đà mục cổ.

–Mệnh-viên hoặc cung Tật-ách có Nhật Nguyệt ngộ Không vong tất phải mang tật lưng vẹo, mắt hư.

✽

–Xương khúc cát tinh cư Phúc-đức vị chi ngọc trực thiên.

–Văn-xương Văn-khúc đóng tại cung Phúc-đức, gia cát-tinh, thành cách tốt đẹp, tựa như “cái trục ngọc giữa chốn đất trời”.

✽

–Xương khúc Liêm-trinh ư Ty Hội, tạo hình bất thiện thả hư khoa.

–Sao Văn-xương Văn-khúc và Liêm-trinh đóng tại cung Ty Hội, gặp Thiên Hình nếu không là kẻ bất nhân tất cũng là kẻ ba hoa, khoác lác.

✽

–Vũ-khúc Lộc Mã giao trì phát tài viện quân,

–Vũ-khúc thủ thiên mệnh hội Lộc-tồn Thiên-Mã, chủ phải ly hương mới làm ăn thịnh vượng và kiến tạo cơ nghiệp được.

✽

–Vũ-khúc, Kiếp-sát hội Kinh-dương nhân tài tri đao.

Sao Vũ-khúc Kiếp-sát thủ Mệnh hội với Kinh-dương là người giỏi về đao pháp.

✽

–Tham-lang ngộ linh Hoả tứ Mộ cung hào phú, gia tư hầu bá, quý.

–Sao Tham-lang cùng Linh-tinh hoặc Hoả-tinh tại các cung Thìn Tuất Sửu Mùi (tứ Mộ) là người giàu “ phú gia địch quốc ” và công danh ngang bậc công hầu.

✽

–Tham-lang Ty Hội gia sát tinh, nếu chẳng may lấy nghiệp đồ-tể tắc cũng bị hình thương.

✱

- Tham-lang gia sát đồng hương, Nữ thâu hương nhi Nam thử thiết.
- Sao Tham-lang hội Thất-sát tại hãm địa, gái buôn hương bán phần, trai trộm cắp.

✱

- Liêm-trinh Mão Dậu cung, gia Sát, công tư vô diện quan nhân.
- Liêm-trinh thủ Mệnh tại cung Mão hoặc Dậu là hãm địa, nếu gia Sát tinh, là số không có công danh.

✱

- Liêm-trinh Tham, Sát Phá-quân phùng Vũ-khúc, Thiên-di tác cụ nhưng.
- Các sao Sát-phá Tham-liêm gặp Vũ-khúc tại cung Thiên-di, tất là bậc võ-tướng khiến bọn ngoại-tặc phải kiêng sợ.

✱

- Liêm-trinh Phá Hoả cư hãm địa tự ải đầu hà.
- Sao Liêm-trinh hoặc Phá-quân ngộ Hoả tinh tại hãm địa, chủ gieo mình xuống sông tự sát.

✱

- Liêm-trinh, Kinh-dương Thất-sát cư Quan-lộc, già sai nan đào.
- Sao Liêm-trinh hoặc Thất-sát hãm địa ngộ Kinh-dương tại cung Quan-lộc, khó tránh khỏi tai hoạ gông cùm, trấn trở.

✱

- Cự cơ Dậu thượng cát giả, túng hữu Tài, Quan đã bắt chung.
- Sao Cự-môn Thiên-cơ Thủ-Mệnh tại cung Dậu, tuy ngộ Hoả lộc (Tài-quan) nhưng tiền của vẫn không được vững bền.
- Nếu an phân nghèo, được trường thọ và an-ổn nếu bột phát thành cự phú, tất phải yểu vong.

✱

- Cự Nhật Dân cung lập Mệnh, Thân, tiên khu danh nhĩ thực lộc.
- Sao Cự-môn Thái-dương toạ thủ cung dần lập Mệnh tại cung Thân, trước phải bỏn ba về danh lợi và về hậu vận mới được thụ-hưởng.

✱

- Cự-môn tại Ty, Thái-dương tại Hợi nhi an Mệnh, phản vi bất giai.
- Sao Thái-dương thủ Mệnh tại cung Hợi, sao Cự-môn tại cung Ty, là hai chính-tinh ở vào thế nghịch đảo tất bị tiêu ma,

✱

- Cự-môn Dương Đà ư Thân Mệnh Tật-ách loa huỳnh khốn nhược, đạo nhi xướng.
- Sao Cự-môn hội Kinh-dương hoặc Đà-la tại cung Thân, Mệnh hoặc cung Tật-ách chẳng khác con tò-vò bị hãm đối là, chẳng trộm cắp thời cũng ca xướng độ nhật.

✱

–Thất-sát trùng phùng tứ sát, yêu đà bối khúc trận trung vong.

–Sao Thất-sát ngộ Kiếp-sát và Hỏa-tinh Linh-tinh tại cung Tật-ách là người bị tật lưng bụng cong vẹo, tất bị chết trong trận mạc.

✽

–Thất-sát lâm Thân Mệnh lưu niên Hình Kỵ tai thương.

–Sao Thất-sát thủ cung Mệnh hoặc cung Thân, hạn lưu-niên mà ngộ Hóa-kỵ hoặc Thiên-hình, chủ bị tai nạn, thương tổn.

✽

–Thất-sát thủ chiếu, Tuế hạn Kinh-dương, Ngọ sinh nhân, Mệnh an Mão, Dậu cung, chủ hung vong.

–Sao Thất-sát thủ hoặc chiếu Mệnh, lưu niên Thái-tuế lại ngộ Kinh-dương, người tuổi Ngọ Mệnh-viên an tại Mão Dậu, tất chết vì hung tai.

✽

–Phá-quân ám Cự đồng hương thủy trung tác trủng.

–Sao Phá-quân không thể cùng Cự-môn đồng viên. Điều đáng ngại là, nếu Phá cùng Cự đồng chiếu Mệnh hoặc Thiên-di, chủ dòng nước bạc sẽ là mồ chôn người mệnh bạc.

✽

–Kinh-dương Tý Ngọ Mão Dậu phi yểu triết nhi hình thương.

–Sao Kinh-dương tọa thủ cung Tý Ngọ Mão Dậu nếu không được nhiều cát-tinh hóa giải, chẳng chết non cũng phải mang ác tật.

–Kinh-dương ở Ngọ (Mã đầu đái kiếm) là cách rất hung độc.

✽

–Dương Hỏa đồng cung uy quyền áp chúng.

–Sao Kinh-dương và sao Hỏa-tinh đồng thủ Mệnh tại cung Thìn, Tuất chủ có uy-quyền khiến mọi người phải nể sợ, ở cung Sửu Mùi không được toàn mỹ.

✽

–Kinh-dương phùng lực-sĩ, Lý-Quảng nan phong.

–Ông Lý-Quảng, dù là đệ nhất danh tướng của triều Hán, mà vẫn không được phong tước-vị, vì số của ông có sao Kinh-dương gặp sao Lực-sĩ tại cung Mệnh.

✽

–Dương Đà Hỏa Linh phùng cát phát tài hung tác kỵ.

–Nhị hạn gặp các sao Dương Đà Hỏa Linh mà hội nhiều cát tinh cùng hoặc chiếu chủ được tài lộc cát vượng. Nhưng nếu lại ngộ nhiều hung tinh lại là điều chẳng lành.

✽

–Dương Linh tọa Mệnh, lưu niên Bạch-hổ tai thương.

–Mệnh-viên có Kinh-dương và Linh-tinh tọa thủ, hạn lưu-niên lại ngộ sao Bạch-hổ, tất bị tai họa.

– Hạn gặp Kinh-dương hoặc Đà-la, lưu niên ngộ Linh-tinh, Phá-quân, trên mặt tất nổi lên những vết loang-lổ, vết hằn.

– Kinh-dương hay Hỏa-tinh gặp Phá-quân là hạ-cách.

✱

– Kinh-dương trùng phùng lưu Dương, Tây-Thi khuynh vẫn thân.

– Đẹp khuynh thành, khuynh quốc như Tây-Thi, mà bị chết mất xác vì hạn lưu niên, ngộ Kinh-dương trùng phùng.

✱

– Khôi Việt giáp Mệnh vi kỳ cách.

– Mệnh-viên tại cung Thìn chẳng hạn, có Thiên-khôi tại Mão, Thiên-việt tại Ty (tức cách giáp Khôi giáp Việt người gặp được kỳ cách này, tất đại quý hiển).

✱

– Khôi Việt Xương Khúc Lộc-tồn, phù tinh Sát vô xung Thai-phụ, quý.

– Cung Mệnh hoặc Thân được Khôi Việt Xương Khúc với Lộc-tồn phù-trì, không bị Hình Sát xung phá, chủ quý hiển đến bậc cận thần.

– Nếu ở tam phương chiếu lại là thứ cách Ngộ Hình Sát xung chiếu, chỉ bình thường.

✱

– Khôi Việt phụ tinh vi phúc thọ.

– Như Mệnh-viên an tại bất cứ cung nào trong 12 cung mà được hai sao Khôi Việt đồng tọa thủ, tất được hưởng phúc thọ song toàn.

✱

– Khôi Việt trùng phùng Sát tấu, cổ tật vưu đa.

– Lưu niên Khôi Việt trùng phùng, ngộ Dương Đà Không Kiếp, chủ bị mang cổ tật.

✱

– Tả hữu Văn-xương vị chí đài phụ.

– Sao Tả-phụ và Hữu-bật đồng thủ Thân hoặc Mệnh cung, ngộ Văn-xương, chức vị tới bậc cận thần.

✱

– Tả Hữu giáp Mệnh vi quý cách.

– Như ở bên trái cung Mệnh có sao Tả-phụ và ở cung bên phải có sao Hữu-bật là quý cách, công-danh tiến đạt tới vị phụ tá chi đại-thần.

✱

– Hữu-bật Tả-phụ chung thân phúc hậu.

– Sao Hữu-bật và Tả-phụ đồng thủ cung Mệnh hoặc cung Thiên-di thời suốt đời được hưởng phúc lộc rồi rạo, Nếu Tả Hữu ở tam phương cũng chiếu chỉ là thứ cách.

✱

– Tả Hữu đồng cung, phi la ý tử.

–Người sinh tháng giêng hoặc tháng bảy, Mệnh-viên an tại Thìn, Tuất.

–Người sinh tháng tư, Mệnh-viên an tại Mùi.

–Người sinh tháng mười, Mệnh-viên an tại Sửu đều đặc-cách Tả Hữu đồng cung, được “áo tía đai lụa”, là bậc thượng quan.

✽

–Tả Hữu đơn thủ, chiếu Mệnh cung ly tổng thứ xuất.

–Thân Mệnh cung vô chính diệu, tất gặp cách này, chủ phải ly hương và không có công danh.

✽

–Tả Hữu Trinh Dương, tạo hình đạo.

–Hai sao Tả-Hữu ngộ Liêm-trinh và Kinh-dương, hay bị tù-tôi vì trộm cắp.

✽

–Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám chi.

–Sao Tả Hữu và Xương Khúc gặp hai sao Kinh-dương và Đà-la, trong người có mọc những nốt ruồi bất lợi.

✽

–Tả Hữu Tài-cung kiêm giáp củng, y lộc phong doanh.

–Cung Tài-bạch có Tả Hữu tọa thủ, hoặc giáp Tả giáp Hữu, cũng chủ được tài lộc phong lưu, cuộc đời túc dụng.

✽

–Tả Hữu Thiên-tướng phúc lai lâm.

–Ba sao Tả Hữu Tướng đóng ở bất cứ cung nào trong 12 cung, đều được thụ phúc lộc, quý hiển.

–Duy đóng tại cung Sửu Mùi Hợi, chủ vượng về phú hơn quý nhiều, và dù có được quý hiển phần nào, tất cũng chẳng được bền vững.

Và dù đóng tại cung Dậu Mão, là hãm-địa thời cũng chủ, không có được sự an-tâm, toại chí thôi.

✽

–Lộc-tồn thủ ư Tài-Trạch, tích ngọc đôi kim.

–Sao Lộc-tồn đóng vào cung Tài-bạch, Điền-trạch là người có tiền kho, bạc đụn.

✽

–Lộc-tồn Tý Ngọ vị Thiên-di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi.

–Sao Lộc-tồn đóng tại cung Tý hoặc Ngọ mà Mệnh, Thân hoặc Thiên-di an tại hai cung ấy, tất là người hái ra tiền bạc.

✽

–Khoa Quyền Lộc hợp phú quý song toàn.

–Có được ba sao Khoa, Quyền, Lộc hội nhau hợp cách; như cung Mệnh có Hóa-khoa, cung Quan-lộc có Hóa-quyền và cung Tài-bạch có Hóa-lộc v.v... hoặc là cung Mệnh

có Hóa-khoa, cung Huynh-đệ có Hóa-quyền và cung Phụ-mẫu có sao Hóa-lộc, đều là hợp cách chủ được cả phú lẫn quý hiển.

Sao Lộc-tồn hợp với Khoa Quyền cũng đồng tính cách như Hóa-lộc vậy.

✽

–Lộc Quyền mệnh phù hợp cát, uy quyền áp chúng, tướng vương triều.

–Mệnh-viên có Quyền Lộc tọa thủ, gia hội cát tinh, tất là bậc đại-soái của vương-triều, có uy-quyền khiến mọi người nể trọng.

✽

–Hoạt-lộc Tý Ngọ vị Thiên-di, Phụ-tử văn chương quán thế.

–Cung Thiên-di đóng tại Ngọ-cung, Mệnh viên có Thái-dương, Hóa-lộc đồng cung, hoặc xung chiếu là đặc cách.

Đức Khổng-tử có tài văn-chương quán thế, vì số của Ngài có cách này.

✽

–Khoa danh hãm ư hung thần, miêu nhi bất tú.

–Sao Thái-dương cư Tuất, Thái-âm tại Mão, Hóa-khoa hãm địa hoặc hội Dương Đà Không Kiếp là cách “Khoa hãm ư hung thần” chủ sự tài-hoa mệnh bạch, người có tài nhưng chết non.

✽

–Lộc chủ triển ư nhược địa, Mệnh bất chủ tài.

–Sao Hóa-lộc hoặc Lộc-tồn lạc hãm bại địa, hoặc Lộc ngộ Không Kiếp, là số không làm ra được tiền của.

✽

–Quyền Lộc thủ Tài, Phúc chi vị, xử thế vinh hoa.

–Sao Hóa-quyền, Hóa-lộc tọa thủ cung Tài-bạch hoặc cung Phúc-đức là người có địa vị trong đời và được phú quý vinh hoa suốt đời.

✽

–Quyền Lộc cát tinh Nô-bộc vị, tưng nhiên quan quý đã bốn ba.

–Sao Hóa-quyền, Hóa-lộc cùng cát tinh đóng hoặc hội tại cung Nô-bộc, dù có được quý-hiển làm quan nhưng cũng phải lận đận, nay đây mai đó.

✽

–Kiếp không lâm hạn, Sở-Vương táng quốc Lộc-Châu vong.

–Sở Bá-Vương bị mất nước, cũng như người Lộc-châu chết, đều vì nhị hạn gặp Kiếp Không.

✽

–Sinh xứ Kiếp Không do như bán thiên triết sỹ.

–Cung Thân và cung Mệnh nếu an tại các cung hãm địa, có Không Kiếp lâm thủ, chẳng khác con chim bị “giữa trời gãy cánh”.

✽

–Kiếp Không Tài Phúc chi hương, sinh lai bần tiện.

–Sao Địa-kiếp hoặc Địa-không đóng vào cung Phúc-đức hoặc cung Tài-bạch thì mới sinh ra đã phải chịu cảnh nghèo hèn rồi.

✽

–Thiên-thương gia ác diệu. Trọng-Ni tuyệt lương, Đặng Thông vong.

–Hạn Thiên-thương ngộ Địa-không, Địa-kiếp, Đức Trọng-Ni bị đói ở đất Tần, cũng như người Đặng-Thông bị táng mạng vì gặp phải hạn như vậy.

✽

–Tam giáp Mệnh hung, lục giáp cát.

–Tam giáp là: Kiếp Không, Hỏa Linh, Dương Đà, chủ sự tai-uương, họa hạn.

–Lục giáp là Tử-phủ, Tả Hữu, Xương khúc, Khôi-Việt, Nhật-Nguyệt, Khoa-Quyền Lộc, đều là những cách giáp cát-vượng.

✽

–Mệnh vô chính diệu, nhị tính diên sinh.

–Cung Mệnh không có sao chính tinh, nên đổi họ làm nghĩa-tử gia-đình khác, mới có thể tránh được yểu vong.

–Mệnh phùng cát diệu từng bá thanh tú dĩ nan điều.

–Cung Mệnh có những sao tốt sáng sửa đóng, tựa như cây tùng, cây ba xanh tốt, xum xê, rất khó có sự tàn úa.

✽

–Hạn phùng hung diệu, liễu lực đào hồng nhi dị tạ.

–Hạn ma gác các sao hung dữ có xanh rờn như liễu, tươi thắm như đào, cũng chóng tàn tạ.

–Mệnh thực vận sinh như hạn miêu nhi đắc vũ.

–Mệnh suy vận nhược như nộn thảo chi tao sương.

–Cung Mệnh tốt, gặp vận hạn tốt, cũng ví như cây lúa đang thời hạn-hán gặp mưa.

Mệnh xấu gặp vận hạn xấu, chẳng khác đám cỏ non gặp sương sa vậy.

✽

–Thân cát mệnh hung diệc vi mỹ luận.

–Mệnh nhược thân cường tài nguyên bất tỵ.

–Cung Thân có cát tinh, cung Mệnh có hung tinh còn có thể khá được.

Nhưng cung Mệnh lâm hãm địa dù cung Thân có đóng tại vượng địa, thời tiền bạc cũng không thể tích vững được, tất phải tiêu tan.

✽

–Tham Vũ thủ Thân vô cát, Mệnh phản bất vi lương.

–Sao Tham-lang Vũ-khúc thủ mệnh, vô cát diệu, cung Mạng cũng không được cát tinh phù trì, tất suốt đời phải nghèo hèn, lao碌.

✽

–Sinh phùng bại địa phát dã như hoa,

Tuyệt sứ phùng sinh hoa như bất bại.

– Nếu Mệnh-viên ở vào hãm địa, dù có gặp được cơ hội may cũng chóng tàn.

– Người Thủy hoặc hỏa Mệnh, Mệnh-viên ngộ sao Tuyệt tại cung Tý Hợi với Không Kiếp là được cách “tuyệt xứ phùng sinh” và được hưởng thêm cách “phản vi kỳ” nếu tam phương được Khoa Quyền Lộc củng chiếu nữa.

✱

– Thiên-lương Thái-dương, Xương Lộc hội, lưu truyền đệ nhất danh.

– Sao Thiên-lương Thái-dương tọa thủ Thân Mệnh cung gia hội Văn-xương Hóa-lộc chủ thông minh, đi thi đậu thủ-khoa.

✱

– Kinh Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự.

– Sao Kinh-dương Thiên-hư Thái-tuế và Điều-khách hợp thành đám sao chuyên chủ hình khắc. Thân Mệnh cung gặp bốn sao này thì trai chết vợ, gái hóa chồng, trẻ mồ côi và già cũng quan, quả.

✱

– Kiếp Không Tý Hợi, Tướng Mã đồng cư nhi hội Khoa-tinh, loạn thế phùng quân.

– Sao Địa-kiếp, Địa-không đóng cung Tý hoặc Hợi gặp Thiên-tướng Thiên-mã đồng cung và được Hóa khoa củng chiếu là người có tài ba và gặp được quý nhân để làm nên sự nghiệp hiển hách trong thời loạn.

✱

– Nam-nhân Tang Hổ hữu tài uyên bác.

Nữ-mệnh Hổ Riêu đa sự quả ưu.

– Nam nhân kim Mạng gặp Tang-môn tại Mão (Thiên-môn) Bạch-hổ tại Dậu (Hổ khiêu tây phương) là người có tài cao học rộng, bậc cái thế anh hùng.

Nhưng đàn bà mà cung Mệnh có Bạch-hổ, Thiên-riêu đồng cư, lại chủ về nhân duyên trắc trở, suốt đời phải ưu phiền vì chuyện chồng con.

✱

– Khốc, Khách, Kiếp, Phù mạc ngộ Cự Dương, chung thân đa lệ.

– Cung Mệnh có Thiên-khốc tọa thủ hội với Điều-khách, Kiếp-sát, Tử-phù đồng thời gặp Thái-dương Cự-môn xung chiếu, là người suốt đời gặp những sự khốc hại, đôi mắt luôn luôn đầy nước mắt khóc than cho số phận cay đắng của mình.

✱

– Tử-vi vô Phụ Bật đồng hành vi cô quân, mỹ trung bất túc.

– Sao Tử-vi, dù đắc địa, không hội được Tả Hữu đồng cung, hoặc giáp hoặc chiếu, thời chỉ là ông vua ngồi một mình, một xó, chẳng được tích sự gì cả.

✱

– Tử-vi Tham-lang đồng cung ư Mão Dậu, bất trung bất nghĩa, nạt cận gian nhân.

– Sao Tử-vi Tham-lang thủ Mệnh tại cung Mão Dậu, là hạng người bất trung bất nghĩa, suốt đời chỉ thích gần kề với tội gian ác.

Nếu là đàn bà, chủ đời lưu lạc, phong trần.

✱

–Tử-vi dữ chư sát đồng cung, chư cát hợp chiếu, quân-tử tại dã, tiểu-nhân tại vị, chủ nhân gian-trá, cách thiện.

–Sao Tử-vi cùng các sao sát thủ Mệnh, ngũ cát tinh chiếu lại, chủ tính tình gian trá, xa lánh việc thiện.

Nếu ngay thẳng phải cô đơn, phải thủ đoạn mới được ngồi vào địa vị.

✱

–Tử-vi tại Dần Ngọ Thân cung, Nữ-mệnh chủ vượng phu ích tử, cát quý mỹ.

–Đàn bà sao Tử-vi thủ Mệnh tại cung Tý Dậu, Ty, Hợi, gia hội tứ sát là bị cách “ngọc lành có vết” hậu vận vất vả.

✱

–Thiên cơ dữ Thiên-lương, Tả Hữu Xương Khúc hội hợp, văn vị thanh hiển, vũ vị trung lương.

–Sao Thiên-cơ cùng Thiên-lương thủ Mệnh tại Tý Ngọ Mão Dậu, hội với Tả Hữu Xương Khúc là bậc văn quan thanh liêm nhưng rất hiền hách. Nếu là võ quan thời cũng là bậc trung lương chi tướng.

✱

–Thiên-cơ tại Sửu Mùi hãm địa thủ Mệnh ngũ tứ sát xung phá hạ cục, nghi kinh thương, tập nghệ.

–Sao Thiên-cơ thủ Mệnh tại hãm địa (Sửu Mùi) gặp Kinh Đà Không Kiếp xung phá là hạ cách, nếu tính chuyện buôn bán, hoặc làm công nghệ rất hợp và tất phát đạt.

✱

–Thiên-cơ dữ Thái-âm đồng cung ư Dần Thân, nan miễn bạt thiệp tha hương.

–Sao Thiên-cơ và sao Thái-âm tọa thủ Mệnh cung tại Dần hoặc Thân, tất không thể tránh được bước lận-đận trôi nổi vượt suối nơi đất khách quê người.

✱

–Thiên-cơ dữ Cự-môn đồng cung ư Mão Dậu, tất thoái tổ nhi tự hưng.

–Sao Thiên-cơ và Cự-môn tọa thủ Thân, Mệnh tại cung Mão hoặc cung Dậu, chủ phải ly-tổ đi lập nghiệp nơi xa mới phát đạt.

✱

–Thiên-cơ dữ Thiên-lương đồng cung ư Thìn Tuất, tất hữu cao nghệ tùy thân.

–Sao Thiên-cơ và Thiên-lương đồng thủ Mệnh tại cung Thìn hoặc Tuất, tất là người có một nghề tài-giỏi để dung thân.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mão Thìn Tý Ngọ kiến chư cát thủ chiếu, tất đại quý.

Kiến chư hung, diệc vi công khanh môn hạ sỹ.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại các cung Mão Thìn Tý Ngọ, nếu được cát tinh củng chiếu, tất đại quý hiển.

Nhưng nếu gặp hung-tinh hội chiếu, thời cũng là văn nhân tân khách môn hạ các bậc công khanh.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mùi Thân vi nhân tiên cần hậu họa.

–Sao Thái-dương thủ cung Mệnh tại các cung Mùi hoặc Thân, là người chỉ hăng-hái buổi đầu, sau sẽ chán nản bỏ dở.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh, lạc hãm, lao tâm phát lực, tuy Hóa Quyền Lộc diệc hung, Quan-lộc bất hiển, tiên cần chung họa, thành bại bất nhất, dẫn xuất ngoại ly tổ khả cát.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại hãm-địa chủ tổn tâm phí sức mà chẳng nên công trạng gì, tuy cũng có Quyền có Lộc đầy, nhưng cũng chỉ là sự bất tường, công danh bất thành đạt. Tính nét thời chỉ hăng hái buổi đầu, sau lại chán nản, bỏ cuộc khiến thành bại chả ra làm sao cả. Tốt hơn, nên ly hương làm ăn, mới có thể khá được.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh ư Tuất Hợi Tý phùng Cự-môn nhất sinh lao lực bản vong, cách chủ nhần mục hữu thương, dữ nhân quả hợp, chiêu phi.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại Tuất, Hợi, Tý gặp sao Cự-môn, chủ một đời khó nhọc, nghèo hèn, mất có tật, tính nét khó khăn, ít bạn bè và hay tự chuốc lấy chuyện thị phi.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh lạc hãm gia hung sát, đái tật, phùng Hóa-ky, mục tật

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại hãm địa, nếu có hung sát tinh, tất phải mang tật, nếu ngộ Hóa-ky mất phải mang tật.

✱

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mão địa, vi “Nhật xuất phù tang cách” chủ sự phú quý vinh hoa.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại cung mão là cách: “mặt trời vượt khỏi nường dâu”, được phú quý vinh hoa một đời.

✱

–Thái-dương cư Ngọ vị chi “Nhật lệ trung thiên”, Canh Tân Đinh Tỵ nhân, hữu chuyên quyền chi quý, địch quốc chi phú.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Ngọ là cách “Mặt trời chói sáng giữa trời”, người tuổi Canh, Tân Đinh Tỵ hợp với cách này, chủ người có quyền hành thu gọn trong tay và giàu có vào hạng phú gia địch quốc.

✱

–Thái-dương hội Thiên-lương Văn-xương ư Quan-lộc hoàng điện triều ban, phú quý toàn mỹ.

–Sao Thái-dương hội Thiên-lương Văn-xương tại cung Quan-lộc thành cách “Dương Lương Xương Lộc hội” danh vị đạt đến bậc Tể-tướng đủ cả phú lẫn quý.

✱

–Thái-dương tại Phu-thê cung, nam vi chư cát tỵ, khả nhân thân đắc quý, hãm địa gia sát, thương thể bất cát.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Phu-thê cùng các sao cát-tinh hội hợp, chủ tiểu đẳng khoa lại đắc đại đẳng khoa (thi đậu và lấy vợ) nếu hãm địa và gặp hung tinh, chủ khắc vợ.

✽

–Thái-dương tại Tử-nữ cung, nhập miếu gia cát, đắc Bát-tọa, chủ sinh quý tử, quyền bính bất tiểu.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Tử-tức, nếu là vượng miếu địa, hội với Bát-tọa và cát tinh, chủ sinh hạ được quý tử nắm được đại quyền và làm rạng rỡ tông môn.

✽

–Thái-dương tại Tài-bạch cung, miếu vượng, hội cát tương trợ, bất phạ Cự-môn vô Không Kiếp, nhất sinh chủ phú.

–Sao Thái-dương miếu vượng tại cung Tài-bạch hội cùng cát tinh và không có Không Kiếp, dù gặp Cự-môn cũng vô ngại, tất được một đời giàu có sung túc.

✽

–Thái-dương tại Thái-dương cung, nan chiêu tổ nghiệp đa căn hóa diệp, xuất tổ vi gia.

–Sao Thái-dương đóng vào cung Thái-dương là người không được hưởng thụ phúc-đức cũng như cơ-nghiệp tổ truyền; lại cũng là người mang nhiều căn số khiến phải long đong, nay đó mai đây.

✽

–Thái-dương tại Điền-trạch cung miếu vượng, đắc tổ-phụ ấm trạch.

–Sao Thái-dương miếu vượng ở cung Điền-trạch là người được hưởng phúc-đức và cơ-nghiệp tổ truyền.

✽

–Thái-dương nhập hạn, miếu vượng, Tả Hữu chư cát tinh giai chí, đại tiểu nhị hạn câu đáo, tất hữu sậu hưng chi thiện.

–Sao Thái-dương đóng cung miếu vượng, cùng Tả Hữu và cát tinh hội hợp, nếu đại tiểu-hạn đều gặp được, tất gặp nhiều sự may lành đến bất chợt.

–Nếu đại tiểu-hạn lại gặp Thái-dương hãm địa, cùng Dương-Đà Linh tỵ-tập một lượt, tất có sự lo buồn ngay trước mắt, hoặc khắc cha, khắc mẹ.

✽

Nhật Nguyệt giáp Mệnh, giáp Tài bất quyền tác phú, gia Dương Đà xung thủ, nghi tăng đạo.

–Nhật Nguyệt giáp cung Mệnh hoặc cung Tài-bạch, nếu không vượng đạt công danh, tất được vượng phát về tiền bạc rồi rào. Như gặp Kinh Đà xung hãm, nên xuất gia tu-hành sẽ có thể thành bậc chân tu, đạo hạnh.

✽

–Nhật Nguyệt đồng Mùi, mệnh an Sửu, hoặc đồng Sửu, Mệnh an Mùi, Bính Tân nhân cát hầu bá chi tài.

–Hai sao Nhật Nguyệt đồng cung Mùi mà Mệnh an tại Sửu, hoặc đồng tại Sửu mà Mệnh an tại Mùi, người tuổi Bính tuổi Tân tất được cát vượng, công danh hiển-đạt đến tước phong hầu, bá.

✱

–Nhật Ty, Nguyệt Dậu Mệnh an Sửu, tá cữu trùng ư Kim-điện, vi Nhật Nguyệt tịnh minh cách. Tân Ất sinh nhân hợp cách, Bính sinh nhân chủ quý, Đinh sinh nhân chủ phú, gia tứ sát Không Kiếp bình thường.

–Sao Thái-dương đóng cung Ty, Thái-âm đóng cung Dậu, mệnh-viên an tại cung Sửu là cách “Nhật Nguyệt sáng ngời”, người tuổi Tân, tuổi Ất hợp với cách này, có thể làm tới bậc “phụ chính thân thần” cho bậc minh quân. Người tuổi Bính gặp cách này được quý hiển, người tuổi Đinh chỉ được giàu có. Nếu gặp Không Kiếp hoặc tứ sát, chỉ bình thường.

–Nhật Mão Nguyệt Hợi, Mệnh an Mùi, Thiềm cung triết quế chi vinh, vi minh châu xuất hải cách, chủ tài quan song mỹ.

–Sao Thái-dương đóng cung Mão, Thái-âm đóng cung Hợi mà Mệnh-viên an tại cung Mùi là được cách này tất được “tay vịn cành quế chốn cung trăng”, công danh và sản-nghiệp đều thịnh vượng.

✱

–Vũ-khúc miếu viên, vi Tướng-tính đắc địa cách, uy danh hách dịch, Thìn Tuất Sửu Mùi sinh nhân, an mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi cung chủ phú quý song toàn.

–Sao Vũ-khúc nhập miếu là cách Tướng-tính đắc địa, chủ danh cao, uy trọng vang tiếng một thời. Người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi, mới là hợp cách, tất được cả phú lẫn quý. Những tuổi khác thời kém.

–Vũ-khúc nhân cung đa thủ nghệ.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh tại cung Ty Hợi là nhân cung, hoặc ở vượng cung mà hội với sát tinh, thời cũng một cách với nhân cung, chỉ khéo léo về công-nghệ dung thân.

✱

–Vũ-khúc thủ ư Tài-bạch, đa vi tài phú chi quan.

–Sao Vũ-khúc đóng vào cung Tài-bạch, phần nhiều là những người có tài đặc-biệt về kinh-tế tài-chánh, nên thường giữ các chức-vụ về 2 ngành ấy.

✱

–Tài cư Tài vị, ngộ giả phú xa.

–Vũ-khúc. Tử-vi, Thiên-phủ hội nhau ở cung Tài-bạch, lại có Quyền Lộc hoặc Lộc-tồn xung chiếu, là người giàu có xa-hoa một thời.

Nhị hạn gặp cách này chủ đại phát tích.

✱

–Vũ-khúc Tham-lang đồng cung ư Sửu Mùi, chủ thiếu niên bất lợi, tiền bản hậu phú, biến lận chi nhân.

–Sao Vũ-khúc, Tham-lang thủ Mệnh tại các cung Sửu hoặc Mùi, chủ tuổi trẻ lao-đao lận-đận, tiền vận nghèo hèn, hậu vận mới khá giả nhưng là người biến-lận, keo kiệt.

✱

–Vũ-khúc Tham-lang Tài Trạch vị, hoạnh phát tư tài.

–Sao Vũ-khúc và Tham-lang đồng cung tại cung Tài-bạch hoặc cung Điền-trạch, chủ sự hoạnh-poha1t việc kiến tạo cơ-nghiệp.

–Vũ-khúc, Thất-sát Hỏa-tinh đồng cung, nhân tài bị kiếp.

–Sao Vũ-khúc, Thất-sát và Hỏa-tinh đồng cung chủ người chỉ vì tiền tài mà vướng mắc phải tai-kiếp.

✽

–Vũ-khúc Phá-quân đồng cung ư Ty Hợi, nan quý hiển.

–Sao Vũ-khúc và Phá-quân tọa thủ Mệnh viên tại cung Ty hoặc Hợi, chủ đường công danh trắc trở, khó thành.

✽

–Vũ-khúc Phá-quân tọa thủ Mệnh cung, phá tổ, phá gia, lao tâm phát lực.

–Sao Vũ-khúc và Phá-quân tọa thủ cung Mệnh là người phá tán tổ nghiệp, và dù có lao tâm khổ xác, cũng chẳng nên cơm cháo gì.

✽

–Vũ-khúc, Thất-sát dữ Phá-quân Liêm-trinh ư Mão cung tất kiến mộc áp lời kinh.

–Sao Vũ-khúc hội với Thất-sát hoặc Phá-quân, Liêm-trinh tại cung Mão, khó thể tránh được nạn cây đề, điện giật (sét đánh).

✽

–Vũ-khúc dữ Phá-quân, Tham-lang hội ư Tý cung, tất chủ đầu hà nịch thủy.

–Sao Vũ-khúc Phá-quân, Tham-lang hội tại cung Tý, nếu ngộ Cự, Ky, hay Lưu-hà, chủ tự gieo mình xuống sông, nước mà chết.

–Vũ-khúc dữ Liêm-trinh hội ư Mão cung tất chủ phá bại.

–Sao Vũ-khúc hay sao Liêm-trinh hội tại cung Mão, chủ sự thất bại, tan hoang.

✽

–Vũ-khúc dữ Liêm-trinh, Tham-lang cập Thất-sát hội hợp tiện tác kinh thương.

–Sao Vũ-khúc cùng với Liêm-trinh, Tham-lang, Thất-sát hội hợp, chỉ hợp cho công việc Kinh-dương, buôn bán mà thôi.

✽

–Vũ-khúc nhập miếu dữ Xương Khúc đồng cung, xuất Tướng nhập Tướng.

–Sao Vũ-khúc Mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi cùng với Văn-xương, Văn-khúc đồng cung, là đặc cách “xuất Tướng nhập Tướng” văn võ thao lược kiêm toàn.

–Vũ-khúc Khôi Việt cư miếu vượng, tài phú chi quan.

–Sao Vũ-khúc cùng Thiên-khôi, Thiên-việt tọa thủ tại miếu vượng địa, là người có biệt tài để giữ những chức vị về tài chánh.

✽

–Vũ-khúc Lộc Mã đồng cung, phát tài hoàn hương.

–Sao Vũ-khúc cùng Lộc Mã đồng thủ Mệnh ở cung miếu hoặc vượng địa, là người làm ăn thịnh vượng, giàu có, mặc áo gấm về làng.

–Vũ-khúc, Dương Đà kiêm Hỏa Tú, táng mệnh nhân tài.

–Sao Vũ-khúc hội Kinh-dương, Đà-la Hỏa-tinh và Quả tú là người vì tiền tài mà mất mạng.

✧

–Vũ-khúc, Hỏa-tinh đồng cung, nhân tài bị kiếp.

–Sao Vũ-khúc cùng Hỏa-tinh và Linh-tinh đồng cung chủ vì tiền tài mà mang lấy tai kiếp, họa-hoạn.

✧

–Vũ-khúc thủ Mệnh, tứ sát xung phá, cô bản bất nhất, phá tướng diên thọ.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh-viên, bị tứ sát xung-phá, nên sống cô đơn tránh khỏi sự nghèo hèn. Nhất là người có lệch lạc (phá tướng) hoặc có tật mới sống lâu được.

✧

–Vũ-khúc chi tinh vi Quả-tú, Phu tinh nhu nhược, phụ đoạt phu quyền, phương miễn hình khắc, nhược tương cương tương địch, tất chủ hình khắc, sinh ly.

–Sao Vũ-khúc là sao Quả-tú thứ hai, đóng cung Phu là người chồng nhu nhược.

✧

–Thiên Đồng thủ mệnh, bất phạ Kiếp-sát tương xâm, bất phạ chư Sát đồng cung, gia hội cát tinh tại Ty, Hợi cung, chủ thọ nguyên trường.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại Ty, Hợi cung, nếu có cùng sát-tinh đồng cung cũng không bị ảnh-hưởng, không bị Kiếp-sát triệt-giảm, chủ thọ mệnh được từ 90 tuổi sắp lên...

✧

–Thiên-đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cát, chủ đại quý.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại cung Tuất là cách phản bối, bị mất hết cát-vượng tính, chỉ riêng người tuổi Đinh, lại phản thành đại quý hiển.

✧

–Thiên-đồng cư Ty, Hợi, thủ mệnh, phùng Không, Kinh, tàn tật, cô khắc.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại cung Ty, Hợi, phùng Địa-Không Kinh-dương là người tàn tật, không ưa một ai, chỉ sống cô độc.

✧

–Thiên-đồng, Thái-âm đồng tại Ngọ cung thủ mệnh, gia sát trùng, chi thể luy huỳnh.

–Sao Thiên-đồng cùng Thái-âm thủ Mệnh tại Ngọ cung hội nhiều Sát-tinh, thân thể và chân tay gầy còm, vàng vọt.

✧

–Thiên-đồng thủ mệnh, ngọ Cự môn, Hỏa, Linh tất sinh dị chí.

Sao Thiên-đồng thủ Mệnh, hội sao Cự-môn Hỏa-tinh và Linh-tinh, trong người mọc nhiều nốt ruồi lạ.

✱

– Thiên-đồng Thiên-lương đồng tại Dần Thân cung thủ mệnh, Giáp Ất Đinh sinh nhân, phúc hậu.

– Sao Thiên-đồng, Thiên-lương thủ Mệnh tại cung Dần hoặc Thân, đặc cách “Đồng Lương tối hỷ Dần, Thân” người tuổi Giáp, Ất được hưởng đại phúc một đời.

✱

– Thiên-đồng, Kinh-dương cư Ngọ vị, vi “Mã đầu đôi tiền cách”, Bính Tuất sinh nhân. Trấn ngự biên cương, phú thả quý.

– Sao Thiên-đồng cùng sao Kinh-dương thủ Mệnh tại cung Ngọ, là đặc cách “Mã đầu đôi tiền”, Đầu Ngựa đôi tên người tuổi Bính tuổi Tuất, giữ quyền cai quản một cõi biên-cương được cả giàu và có quyền uy lẫy-lừng.

✱

– Thiên-đồng, Kinh-dương đồng cung, thân thể tao thương.

– Sao Thiên-đồng, Kinh-dương đồng cung, chủ có tích có tật trong thân thể.

✱

– Thiên-đồng, Đà-la đồng cung, phì mẫn nhi mục điều.

– Sao Thiên-đồng cùng Đà-la đồng cung là người phì mập nhưng mắt lé, chột.

✱

– Nữ-mệnh Thiên-đồng tất thị hiền, Tý sinh nhân, mệnh tọa Dần; Tân sinh nhân mệnh tọa Mão; Đinh sinh nhân mệnh tọa Tuất, nhập cách. Bính Tân sinh nhân mệnh trung cát; Ty Hợi phùng thử hóa cát tuy mỹ tất dâm.

– Đàn bà mà gặp sao Thiên-đồng thủ mệnh, nói chung, là người hiền thực. Riêng người tuổi Tý, mệnh lập tại Dần; người tuổi Tân mệnh lập tại Mão, người tuổi Đinh mệnh lập tại Tuất, đều là những tuổi nhập cách, vượng phu ích tử, một đời sung sướng. Người tuổi Bính Tân chỉ khá vậy thôi, người tuổi Ty, Hợi cũng hóa cát, người tuy đẹp nhưng đa dâm dật.

✱

– Liêm-trinh tại Mệnh, Thân cung vi thứ Đào-hoa, nhược cư vượng cung, tắc đồ bác, mê hoa nhi trí tụng.

– Sao Liêm-trinh thủ mệnh, Thân cung tức thị sao Đào hoa thứ hai. Nếu lâm vượng địa là người đam mê cờ bạc, huê tình và gây ra những vụ kiện tụng.

✱

– Liêm-trinh mùi thân cung thủ mệnh, vô tứ sát, phú quý thanh dương, phiên viễn danh, vi hùng tứ triều viên cách, gia sát: bình thường.

– Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Mùi hoặc cung Thân nếu không có Sát tinh xung phá tức được cách: “Hùng tứ triều viên” chủ sự phú quý nhưng thanh cao, danh tiếng vang xa. Nếu gặp Sát tinh, chỉ bình thường.

✱

– Liêm-trinh thủ mệnh Ty, Hợi cung, chủ hạ tiện cô hàn, khỉ tổ, ly gia; nhược an mệnh tại Mão, Dậu cung, gia tứ-sát chủ công môn tư lại, hoặc sảo nghệ nhân.

–Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Tỵ hoặc Hợi, là người nghèo hèn, đơn côi, bỏ tổ, bỏ nhà; Nhưng nếu mệnh an tại cung Mão hoặc cung Dậu, dù có tứ Sát-tinh xung chiếu, cũng làm được tư-lại ở chốn công-môn, hoặc làm người thợ giỏi.

✱

–Liêm-trinh, Tham-sát, Phá-quân phùng,
Văn-khúc, Thiên-di tác cụ nhưng,
Nhược Liêm dữ Sát cư miếu vượng,
Phản vi tích phú, thương sự thông.

–Cung Thiên-di mà hội tụ Sát, Phá. Tham Liêm với sao Văn-khúc là một vũ-tướng có tài. Nhưng Liêm-trinh và Thất-sát cư miếu-vượng cung, ngược lại là bạc giàu có, súc-tích, buôn-bán gặp dịp phát-đạt mau chóng.

✱

–Liêm-trinh hội Thất-sát, cư Tỵ Hợi, lưu đãng thiên nhai.

–Sao Liêm-trinh cùng Thất-sát đóng vào cung Tỵ hoặc Hợi là người lang-thang góc biển, chân trời.

✱

–Liêm-trinh, Thất-sát hội Kinh-dương ư Quan-lộc, gia nữ nan đào.

–Liêm-trinh và Thất-sát hội với Kinh-dương đóng vào cung Quan-lộc, không thể tránh được nạn bị cùm xích hoặc trần-trối.

✱

–Liêm-trinh, Phá-quân hội Kinh-dương ư Thiên-di, tử ư ngoại đạo.

–Cung Thiên-di có sao Liêm-trinh, Phá-quân cùng với Kinh-dương đóng vào chủ chết ở ngoài đường.

✱

–Liêm-trinh, Phá-quân, Hỏa-tinh cư hãm địa, tự ải đầu hà.

–Sao Liêm-trinh cùng Phá-quân, Hỏa-tinh hội tại hãm-địa, chủ gieo mình xuống sông tự trầm để vợ đoạt hết quyền hành, Nếu như người chồng tính chất cương-ngạnh, tất có sự hình khắc sinh ly.

✱

TỬ PHỦ VŨ TƯỚNG CÁCH

Tử Phủ Vũ Tướng tôi vi kỳ
Thổ Mệnh phùng chi lợi lộc nhi
Nhâm Giáp triều trung tôn vạn thặng
Cực Quyền uy yểm thị hồng phi.
Tài Lộc trùng phùng Kim phúc thọ.
Thủy nhân mạc luận tối vi kỳ.

SÁT PHÁ LIÊM THAM CÁCH

Hỏa Mệnh phùng chi phúc lý đa
Tu tri bạch thủ khả thành gia.
Đại phú mạc như Kim Mộc Mạng,
Chung thân phú quý lạc như hà

Thổ nhận ngộ thử thiên lời phá.
Tông thử tiêu hao khát thức đa
Mạc chỉ thủy nhân vô tác luận
Ngũ hành tứ sát diêu vân tra.

KHÔNG KIẾP TỶ HỢI CÁCH
Tiền đồ kha khảm bất tu ngôn
Trung vận hanh thông phú mỹ môn.
Thìn Tuất chi nhân phùng thử cách
Thủy năng ức triệu di nhĩ tôn

MỆNH KHÔNG THÂN KIẾP CÁCH
Mệnh Không Thân Kiếp tối vi hung.
Tứ Mộ sinh nhân phúc bất cùng
Tuy nhiên Mệnh thử quy Kim Thổ.
Phú quý phong lưu đẳng Thạch-Sùng

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH
Tối ái sinh nhân Thân Tý Thìn
Địch quốc phú phong Thủy Thổ Mạnh
Dần Mùi Dậu Hợi Thủy Thổ nhân
Phú quý ức triệu năng hoàn mỹ.

NẠP ÂM THI
Tý Ngọ Ngân đẳng giá bích câu.
Tuất Thiên yên mãn tự chung lâu.
Dần Thân hán địa thiêu sài thấp.
Lục giáp chi trung bất ngoại cầu.

TÔNG THIÊN-CAN TẦM CỤC CA
Giáp Kỷ giang đẳng giá bích ngân.
Ất Canh yên cảnh tích mai tân.
Bính Tân đề liễu ba ngân trúc
Đinh Nhâm mai tiến chước hải trần.
Mậu Quý ngân ba đôi chước liễu.
Ngũ-hành lập cục tẩu như vân
Tuất Hợi nhĩ cung vô điểm chi
Cục tông Dần Mão cục vi chân.

THÊ Thiên - phủ Văn – khúc Thiên - việt Tuyết Hồng – loan Hoá – Khoa	HUYNH Thiên - đồng Thái – âm Bạch - hổ Thái Hỷ - thân Thiên – phúc Quý nhân	MỆNH Tham – lang Vũ – khúc Quả - tú Hoá - kỵ Dưỡng Quốc – ấn Phúc - đức Thiên - đức	PHỤ Thái – dương Cự - môn Đại - hao Thiên - mã Tràng - sinh Điều - khách Thiên - khốc
TUẦN			
TỬ Hữu bật Linh – tinh Tấu – thư Mộ.	Hợi Tý Sửu Dần	Đ ỨC TH ÁNH TRẦN Sinh 30 tháng 12, giờ Ngọ, Canh Tý Dương-Nam Thổ - Mạnh Mộc Tam Cục	PHÚC THÂN Thiên - tướng Văn - xương Phục binh Bát tọa Trực - phú Mộc - dục
TAI Liêm – trinh Phá - quân Nguyệt đức Thiên khô Tử Thiên - hình Tương – quân	Tuất Dậu		DIỄN Thiên – cơ Thiên - tướng Tả - phụ Hoá - lộc Địa – không Đà – la Thiên – quan Quý nhân Hoa cái
ÁCH Long tri Tiểu - hao Quan – phú Bệnh Hỏa - tinh	DI Thanh – long Thiếu – âm Suy.	NÔ Phượng - các Kinh – dương Tang – môn Đế - vương địa kiếp.	QUAN tử - vi thất – sát Hoá - quyền Thiên không Lộc - tồn Cô thần Thiên - hỷ

TÀI BACH : Tả Hữu. Sinh Vương Hội Đồng Đào Song Hỷ.

TƯỜNG TỔNG THỐNG
NHÀ CẦM QUYỀN LÂU ĐỜI NHẤT HIỆN ĐẠI

PHỤ L.Trình Đ.Kiếp Th.long Đ.Không Tuế phá Hình Mã Đà	PHÚC Cự môn Hoá kỵ L.tồn Lg. Đức Tràng sinh	ĐIỀN Th Tướng Kh.Dương Khốc cái dưỡng	QUAN Th. Đồng Th.Lương H.Quyền Phg. Cao Thi, Đ ực B ính Thái
M ANH THÂN Thái Âm V.xương H.lộc Hg Loan 2. Đời Th.Long Ng. Đức Linh	Hợi Tý Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục	Sửu Dần Mão Thìn	N Ô Vũ khúc Th.Việt Th.sát Th.Quý Đ.hao Ri êu-Y Đ.Khách
HUYNH Thi ên ph ủ Long Trì T.Hao Cô thần Hoá	Dậu Thân Mùi	Ngọ Tỵ	DI Thái Dương V.Khúc mộ Th.Hỷ
TRIỆT			
THÊ Đế vương T.Thai Bật Âm Tướng quân Th.Quan	TỬ Tử vi Phá quân Suy Tấu thư	TAI thiên cơ bát toạ H.khoa Tả phụ Đ.Hoa Th.Phu	ÁCH Th.khôi Phg Các Th.Tuế Quả tú Thi.Phúc

Mạnh thân cách:
Âm dương hội xương khúc nhi đắc lực gia phù đào hồng hỷ, Thiên Nguyệt Đức.
Lộc cư Thân Mạnh, Khoa quyền tài Quan củng chiếu, danh dự chiêu chương.
Quan lộc cung cơ nguyệt Đồng Lương miếu tại tam hợp cục Thân Tý Thìn, hội Khoa quyền Lộc, Tả Hữu, Thai Toạ. Thai Phong, Tướng Ấn.

LÁ SỐ ĐỨC VẠN-THẾ-SU

NÔ Vũ khúc Phá quân Đại hao H.Quyền Long đức Thiên Quý	DI Thái dương H.Lộc Thai phụ Bạch hổ Th.Khôi Thiên phúc	ÁCH Thiên phủ Quá tú Suy Th.Hình Th. Đức Đà la	TÀI Thái âm Thiên cơ Đ.khách H.ky Th.mã Th.khốc bệnh Lộc tồn
QUAN Thiên Đồng V.khúc Quan đới H.khoa Tuế phá	Hợi Tý Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục	Sửu Dần Mão	TỬ Tử vi Tham Lang K.dương Ân quang Tử Trực phù
DIỄN Đào hoa Mộc dục Hỷ thần Tử phù Ng. Đức	Dậu Thân Mùi	 Ngọ Tỵ	THẾ Cự môn V.xương Mộ Thái tuế Hoa cái Th.Long
TUẦN			
PHÚC Phong cáo Tả phụ Lg.Tri Th.Việt Trg.Sinh T.Thái	PHỤ Liên trinh Thất sát Tấu thư Th. Âm Dưỡng	MẠNH THÂN Thiên lương Tường quân Pg.các Bát tọa Hữu bật Tg. môn	HUYNH Thiên tướng Đ.kiếp Đ.Không Riêu Y Thiên quan Tiểu hoa

Văn chương quán thế:
Kỵ ngọ khoa tính Khổng Tử đắc quân dân sủng ái.
Năm 61 tuổi, gặp hạn kiếp không phùng Thiên thương bị tuyệt Lương tại tằm.
Năm 73, hạn Thái Tuế, Thiên thương nhập địa vãng; mạnh trung

HUYNH Thiên – cơ Địa – không Địa - kiếp Tiểu – hao Trục – phú Tuyệt	MỆNH THÂN Tử - vi Thái - tuế Tướng – quân Thai	PHỤ - MẪU Thiếu – dương Dưỡng Thiên - không Hình Tấu thư viết Thiên-quan Quy nhân	PHÚC Phá-quân Quyển Tang-Môn Phi – liêm Tràng-sinh Thiên-mã
THÊ Thất-sát Văn – xương Thang-long Mộ Phượng-các Điều-kách	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Gi áp Ng ọ Ngày 13, tháng 11, giờ Ngọ Dương-Nam Kim - Mạnh Thổ – ngũ - Cục	Hợi Tý	TRIỆT ĐIỀN Thiếu-âm Hồng-loan Hỷ-thần Đường-phu Mộc-dục Thiên-phúc Quý-nhân
TỬ Thái-dương Thiên-lương Hóa-ky Kinh-dương Đào-hoa Ân-quan Thiên-hỷ Tử	Thìn Mão Dần Sửu		QUAN Thiên-phủ Liêm trình Quan-phủ Long tử Bệnh-phú Hoa-cái Quan-tới Quốc-ân hoá-lộc Văn-khúc
TÀI Vũ khúc Thiên tướng bạch-hổ lộc-tồn bác-sỹ Hoá khoa Tả-phu Tam-thai Bệnh	ÁCH Thiên-đồng cự môn Long-đức Quan-phủ Đà-la Thiên-khôi suy	RI Tham lang Phục bina Thiên khốc Hữu bát Tuế-phá bát- toạ Thiên hư Đệ-vương	NÔ Thái-âm Nguyệt-đức Tử-phu Đại-hoa Thiên-quý Lâm-quan Thiên-Riêu Thiên-Y

Mệnh thân đồng cung. Tử vi hội tướng quan, song lộc phụng nghinh cách
LÁ SỐ VUA LÊ - THÁNH - TÔN

THÊ Thiên - phủ Văn – khúc Thiên - việt Tuyệt Hồng – loan Hoá – Khoa	HUYNH Thiên - đồng Thái – âm Bạch - hồ Thái Hỷ - thân Thiên – phúc Quý nhân	MỆNH Tham – lang Vũ – khúc Quả - tú Hoá - kỵ Dưỡng Quốc – ấn Phúc - đức Thiên - đức	PHỤ Thái – dương Cự - môn Đại - hao Thiên - mã Tràng - sinh Điều - khách Thiên - khốc
TỬ Hữu bát Linh – tinh Tấu – thư Mộ.	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục	Mão	PHÚC THÂN Thiên - tướng Văn - xương Phục binh Bát tọa Trực - phú Mộc - dục
TAI Liên – trinh Phá - quân Nguyệt đức Thiên khôi Tử Thiên - hình Tương – quân	Dậu Thân Mùi Ngọ Ty	Thìn	ĐIỀN Thiên – cơ Thiên - tướng Tả - phụ Hoá - lộc Địa – không Đà – la Thiên – quan Quý nhân Hoa cái
TRIỆT ÁCH Long tri Tiểu - hao Quan – phú Bệnh Hỏa - tinh	RI Thanh – long Thiếu – âm Suy.	NÔ Phượng - các Kinh – dương Tang – môn Đế - vương địa kiếp.	QUAN tử - vi thất – sát Hoá - quyền Thiên không Lộc - tồn Cô thần Thiên - hỷ

LÁ SỔ BÀ LÃ HẬU

ĐIỀN đồng Linh Cô Đại - hao Lưu - niên Văn - tinh Thiếu - âm	QUAN THÂN Phủ Vũ Khoa Văn - khúc Tráng - sinh Long - trì tả phụ	NÔ Âm dương Việt Hỉ - thần Hỷ Nguyệt đức Hoá - kỵ	RI Tham Hữu bật Văn xương Phương - các Thái phu Tuế - phá Phí - liên
PHÚC Phá – quân khốc quyền Cáo Phục - binh	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Giáp Dần Ngày 7, tháng 3, giờ Dần Dương-Nữ Thuý - Mệnh Hỏa – Lục - Cục	Hợi Tý	ÁCH Cự Cơ Địa - không Tẩu như Long - đức Phá oái
PHỤ Kinh - dương Thiên - không Đào - hoa Thiếu - dương Riêu - Y	Thìn Mão Dần Sửu	Tý	TAI Tử Tướng Ấn mộ Tướng - quan Bạch - hổ Hoa - cái
TRIỆT	HUYNH Khôi Hồng Quang Quy Đà - la Địa - kiếp Quả - tu.	PHU Thất - sát Thanh - long Đẩu Điều Tam - thai	TUẦN TỬ Lương Hoả Tiểu - hoa Kiếp - sát Kinh Thiên - đức Phúc - đức

Tử, phủ triều viên, Giáp sinh nhân song lộc. Lộc trùng phùng, hội tái tuế, chuyên quyền chi cách.

LÁ SỐ ĐẠI TỬ BẢN THẠCH - SÙNG

PHỤ MẪU Cự Tiểu hao Riêu - Y Lưu – niên Văn - tinh Phá toái Thiên quý	PHÚC Liên – Tướng Hữu Khúc Lộc Tướng - quân Thái - tuế	ĐIỀN Lương Việt Mộ Tấu - thư Thiếu - dương	THÂN QUAN Sát Xương Mã Tả - Cô Tang - môn
MỆNH Tham – lang Phượng Cáo Long - đức Quả - tú Bát - tọa Điếu - khách	Mùi Thân Dậu Tuất Ỗ Năm Gi áp Ng ọ Ngày 3, tháng 5, giờ Dầ n Dương-Nam Kim - Mệnh Mộc – Tam - Cục		TRIỆT NÔ Đồng Thai Hỉ Hồng Địa - Không Quang
HUYNH Thái - âm Đế - vương Hỏa Hỷ - Kinh - Dương Đào Thiên - đức Phúc - đức	Tý Thìn Mão Dần Sửu		RI Vũ - khúc Khoa ấn Tam thai Thanh - long Hoa - cái
THÊ Tử Phủ Lộc - tồn Bạch - hổ Đầu - quân	TỬ Thiên - cơ Linh Quan Khôi Địa - Kiếp Đà - la Thiên - hình	TÀI Phá - quân Khốc Hư Quyền Phục - binh Tuế - phá	ÁCH Thái - dương Tràng - sinh Hoá - kỵ Đại - hao Nguyệt đức Kiếp - sát

Thạch - sùng đại - phú, Phá - quân Tý Ngọ bà Phù quyền Lộc Khốc Hư.

HUYNH Mã Cáo Đà-la Cô. Tang môn Quang Phá - toái	MỆNH Thiên - cơ Khoa lộc - tồn Hỏa Hỷ	PHỤ Tử Phá Xương Khúc Kinh - dương Thanh – long Cái	PHÚC Địa - không Phục - bình Riêu - Y Kiết - sát Nguyệt đức
THÊ Thái - dương Thiên - Hình Bát - tọa Thiếu dương	Mùi Thân Dậu Tuất Ngo Năm Đinh - Mão Ngày 12, tháng 8, giờ Mão Âm - Nam Hỏa Mệnh Thùy Nhi Cục	Tuất Tỳ Hợi	DIỀN Thiên - phủ Việt Đại - hao Tuế phá Thiên Lưu - niên Văn – tinh
TỬ Vũ Sát Hữu Khốc Tiểu hao	Tý Thì Mão Dần Sửu n	 	QUAN Thái – âm Lộc Tam - thái Long đức
TRIẾT			TUẦN
TAI Đồng Lương Quyền Địa - kiếp Tướng - quân Quốc ân	ÁCH Thiên tướng Linh - tinh Tấu thư Quả tú Điều khách	- RI THÂN Cự - môn Hoá - ky Hồng - loan Đào hoa Phúc - đức Thiên đức	NÔ Tham Liêm Tả - phụ Khôi Bạch - hổ Hỷ - thần

Cơ Cơ Tý Ngọ, Khoa Quyền Lộc phản vi kỳ.

LÃ SỔ THẦY-MẠNH-TỬ

PHỤ Thiên-Phủ	PHÚC Thiên-đồng Thái-âm	ĐIỀN Tham Vũ-khúc	QUAN Thái-dương Cự-môn
Thiên-quý Tràng-sinh Đại-hao Thiên-đức	Tả-Phu Tam-thai Khoa - khởi Kỵ	Đà Quyền	Hữu-bát Bát-tọa Thái-tuế Lộc-tôn Lộc
MẠNH THÂN Văn-khúc Bạch-hồ	Năm Canh Thân Ngày 1 tháng 3 giờ Tý Dương-Nam Mộc-Mệnh Kim-tử-Cục		NÔ Thiên-lương Ân-quang Đế-vương Thiên-không Kính
HUYNH Liêm-trinh Phá-quân Hỷ-thần Long-đức			RI Thiên-cơ Lương Văn-xương Tang-môn Thanh-long Linh
THÊ	TỬ	TÀI	ÁCH
Phi-liêm Tuế-phá Việt Thiên-Mã Điếu-khách Hỏa	Mộ Tấu thư Tử phủ Nguyệt đức	Tương-Quân Quan-phủ	Tử-vi Thốt-sốt Tiêu-hao Địa-không Địa-kiếp

Cơ Lương, Xương Khúc hội Thái-dương, song Lộc.
Thái-tuế.

LÃ-SỐ TIÊU-HÀ			
NÒ Thái-âm Bạch-hồ Đà Tử Lục.sỹ	DÌ Tham-lang Lộc-tồn Tả-phu Cáo Văn-xương Đào.hoa Hồng loan Quyền	GIẢI Thiên-đồng Cự-môn Địa-không Suy Kinh	TÀI THẦN Vũ-khúc Thiên-tướng Hữu-bát Việt Văn-khúc Lộc Đế-vương Kỳ
QUAN Thiên-phủ Liên-trinh Long-đức Mộ Thanh-long	Năm Kỷ Dậu Ngày 22, tháng 3 giờ Thìn Âm Nam — Thổ-Mệnh Thủy-Nhị-Cục		TRIỆT TỬ Thái-đương Thiên-lương Đại-hao Thái-tuế Lâm-quan Khoa
ĐIỀN Tuế.phá Tuyệt Tam-thai Địa-kiếp Tiêu-hao			THÈ Thất-sát Thiên-không Quan-đời Bệnh-phủ
PHÚC Phá-quân Thai Quang Trực-phủ Tướng-quân	PHỤ Dưỡng Quan-phủ Tấu-thư	MANH Tử-vi Phi-liêm Quý Khởi Tràng-sinh Thiếu-âm	HUYNH Thiên-cơ Hỷ-thần Bát-tọa Tang-môn Mộc-dục

Tử, Phủ Vũ Tướng hội Khởi Việt Đào-Hồng Tả, Hữu, Xương, Khúc, Quyền, Lộc, nhất triều phủ quý vịnh xương.

LÁ SỔ TRẦN - BÌNH			
NÔ	RI	ÁCH	TÀI THẦN
Thiên-lương Hồng-loan Đại-hạo Lâm-quan Hóa	Thất-sát Tả-phu Văn-Xương Cáo Khởi Bạch-hổ Đề-vương	Đà-la Quan-phủ Suy Linh-tính Địa-không	Liêm-trình Hữu-bất Văn-khúc Lộc-tồn Thiên-Mã
QUAN Tứ-vi Thiên-tướng Quý Bệnh-phủ	Năm Canh Tuất Ngày 18, tháng 3 giờ Thìn Dương-Nam Kim-Mạnh Hỏa-Cục		TỬ Kính-đương Lực-sỹ Tứ Trực-phủ
ĐIỀU Thiên-cơ Cự môn Hỷ-thần Đào-hoa Bất-tọa Địa-kiếp			THÈ Phá-quân Mộ Quang Thai Phủ Thang-long Thai-tuế
TUẦN PHÚC Tham-lang Việt Phi-liêm Tràng-sinh Long-tri	PHU Thái-dương Thái-âm Lộc Ky Tấu-thư Dưỡng	MỆNH Vũ-khúc Thiên-Phủ Quyền Tướng-quân Thái Tang-môn Phượng-các	HUYNH Thiên-đồng Khoa Thiên-không Tiểu-hạo Tam-thai
Tứ Phủ Vũ Tướng hội Tướng Quyền Xương Khúc, cơ mưu quyền biến chi nhân.			

LÃ-SỐ TRƯỞNG TỬ-PHÒNG			
ĐIỀN Cự-môn Tiêu-hạo Hỏa Trục-phủ	QUAN Liên-Trình Thiên-Tướng Hữu-bật Tướng-quân Văn-Xương Thái-tuế	NÔ Thiên-lương Việt Địa-không Tấu-thư Thiên-không Linh	DI Thất-sát Tả-phụ Vân-khúc Thiên-Mã Tang-Môn
TUẦN PHÚC Tham-lang Quý Phượng-các Thanh-long Điểu-khách	Năm Giáp Ngọ Ngày 6, Tháng 5, giờ Thìn Dương-Nam-Kim-Mệnh Hỏa Cục		TRIỆT GIẢI Thiên-đồng Hỷ-thần Thiếu-âm Hồng-loan
PHỤ Thái-âm Kinh Lực-sỹ Địa-kiếp Phúc-đức Đào-hoa			TÀI THẦN Vũ-khúc Mộ Khoa Thai Quang Long-tri Quốc-ấn
MỆNH Tử-vi Thiên-Phủ Lộc-tồn Bạch-hồ Tràng-sinh	BẢO Thiên-cơ Tam-thai Khởi Bát-tọa Đà Long-đức	THÈ Phá-Quân Quyền Tuế-phá Phục-bình	TỬ Thái-dương Kỵ Tử-phủ Đại-hạo

Tử Phủ Vũ Tướng hội Tả Hữu Xương Khúc Sinh,
Vượng song Lộc.

LÃ SỔ HÀN-TÍN

HUYNH	MỆNH THẦN	PHỤ	PHÚC
Cự-môn Không Hồng-loan Tiểu-hao Kiếp Long-đức Tuyệt	Liên-trình Thiên-tướng Tam-thai Lộc Tướng-quân Bách-hồ	Thiên-lương Ấn-quang Thiên-Quý Việt Tấu-thư	Thất-sát Bát-tọa Cáo Thiên-mã Tràng sinh Phi-liêm
THE Tham-lang Văn-xương Thanh long Tuế-phá Mộ	Năm Giáp Tuất Ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ Dương - Nam Hỏa Mệnh Thổ - Ngũ - Cục.		TUẦN-TRIỆT ĐIỀN Thiên-dòng Hỷ-thần Mộc-duc Trực-phủ
TỬ Thái-âm Đào-hoa Kính Lực-sỹ Tử			QUAN Vũ-khúc Văn-khúc Bệnh-phủ Khoa Thái-tuế
TÀI Tử-vi Thiên-phủ Tả-phu Long-tri Lộc-tồn	GIẢI Thiên-cơ Khôi Thiếu-âm Đà Quan-phủ Suy	THIỆU RI Phá-quân Hữu-bát Thai-phu Quyền Phượng-các Tang-môn Đế.vượng	NÔ Thái-dương Thiên-Hỷ Kỷ Đại-hao Thiên-không

Lưỡng Tướng Mạnh Thần hội song Lộc Phượng Long
Tang Hồ.

LÃ SỔ BÁCH LÝ HỀ

ĐIỀN Tử-Vi Thất-Sát Hồng-loan Đại-hạo Tuyệt Hòa	QUAN Hữu-bát Văn-Xương Cao Khôi Phúc-bình Bạch-Hồ	NÔ Linh Phúc-dức Đà la Dưỡng Quan-phủ Địa-không	RI Tả-phu Văn-khúc Lộc-tồn Thiên-Mã Điều-khách Trạng-sinh
PHÚC Thiên-cơ Thiên-lương Mộ Bệnh-phủ Quốc-ấn	Năm Canh-Tuất Ngày 20, tháng 5, giờ Thìn		GIẢI Liêm-trình Phá-quân Kinh-dương Trục-phủ
PHỤ Thiên-tướng Tam thái Địa-Kiếp Đào-hoa Hỷ-thần	Dương-nam Kim-Mệnh Thổ Ngũ Cục		TÀI, THẦN Thai Thanh-long Hoa-Cái Thái-tuế
TUẦN MỆNH Thái-dương Cự-môn Việt Long-tri Phi-liêm	HUYNH Tham-lang Vũ-khúc Quý Suy Quyền Tấu-thư	THÈ Thiên-dồng Thái-âm Tang-môn Quang Phụng-các Khoa Trương-quân Ky	TỬ Thiên-Phủ Bát-tọa Thiên-hỷ Tiểu-hạo Thiên-Không

Cự Nhật hội Xương Khúc Khôi Việt song Lộc Tả Hữu
vì nhân đa học, đa năng.

LÃ SỔ LƯU LINH			
QUAN	NỜ	RI	GIẢI
Thiên-tướng	Thiên-lương	Liên-trình	Long-tri
Thiên-hỷ	Phượng-các	Thất-sát	Linh
Tuyệt	Thái-Việt		Phi-liêm
Tiểu-hào	Tướng-quân	Tấu-thư Dưỡng	Quan-phủ
Thiên-không	Tang-môn	Hỏa-Lộc	Tràng-sinh
			TRIỆT
DIỄN			TẠI THẦN
Cự-môn			Đào.hoa
Tam-thai			Địa-kiếp
Hoa cái	Năm Giáp Thìn		Hỷ-thần
Thanh-long	Ngày 4, tháng 10 giờ Tuất		Tử-phủ
Thái-tuế	Dương Nam — Hỏa Mệnh		
PHÚC			TỬ
Tử-vi	Thủy-Nhị-Cục		Thiên đồng
Tham-lang			Bát-tọa
Kinh			Bệnh-phủ
Lục-sỹ			Tuế-phá
			Quan-dối
TUẦN			Quốc-ấn
PHU	MỆNH	HUYNH	THÈ
Thiên-cơ	Thiên-phủ	Thái-dương	Vũ-khúc
Thái-âm	Tả-phu	Văn-xương	Phá-quân
Văn-khúc	Khởi	Quý	Hồng-loan
Quang	Hữu bát	Cáo	Đại.Hao
Điều.khách	Địa-không	Bach-hồ	Hóa-Quyền
Lộc-tồn	Đà	Hỏa-Ky	Hóa-Khoa
Thiên-mã		Đế-vương	
Thiên-khốc		Phuc-binh	
Thiên-phủ mệnh viên, hội Tả Hữu Khởi Việt dân hiềm			
Không Kiếp Đà.la.			

LÃ SỔ NHẠC NGHỊ			
QUAN	NÔ	RI	GIẢI
Tử-vi Thất-sát Bạch-hồ Lực-sỹ Đà-la Tứ	Phúc-dực Lộc-tồn Bát-tọa Đào-hoa Hồng-loan Bệnh	Điều-khách Kính-dương Quan-phủ Suy	Phúc-bình Quý Trực-phủ Đế-Vượng
ĐIỀN Thiên cơ Thiên-lương Thái-Khoa Long-dực Thanh-lông Mộ	Năm Kỷ Dậu Ngày 8, tháng 10 giờ Tuất Âm Nam Thổ-Mệnh Thủy Nhị Cục		TÀI THÂN Liên-trình Phá Quân Thiên-quan Đại-hao Việt Thái-tuế Địa-kiếp
PHÚC Thiên-tướng Tuế-Phá Tiểu-hao Tuyệt			TỬ Quan-dời Thiên-không Thiên-đương Bệnh-phủ
PHỤ Thái-đương Cự-môn Trương-quân Văn-khúc Tử-phủ Thiên-phúc	MỆNH Tham-lang Vũ-Khúc Địa-không Hoa-cải Tả-phu Hữubát Long-trì Phượng-các Lộc Quyền	HUYNH Thiên-đông Thái-âm Tràng-sinh Văn-Xương Cáo Khôi Thiên-Hỷ	THÊ Thiên-phủ Mộc-dục Tang-môn Hỷ thần Thiên-Mã

Tham Vũ đồng hành, Lộc Quyền Phượng Long Tả Hữu
gia hợp Kính.dương, Bạch-hồ.

LÃ-SỔ CỬ-NHÂN

QUAN Liên-trình Tham-lang Tam-thai Thiếu-âm Đại-hao	NÔ Cự-môn Long-trì.Khôi Quan-phủ Thiên-phúc Đế-vượng	TRIẾT-TUẦN	DI Thiên-Hỷ Tử-phủ Suy Thu	GIẢI Phượng – các Tuế -phá Hoá khoa Lộc-tồn Thiên- Mã.
--	---	------------	--	--

ĐIỀN Thái-âm Thai-phu Tang-môn Hóa-ky Quan đối	Năm Canh-Dần Ngày 5, tháng 10 giờ Tuất		TÀI THÂN Bát-tọa Long-đức Hoá-quyền Địa-kiếp
PHÚC Thiên-phủ Đào-hoa Quang Thiên-không Hỷ-thần	Dương Nam Mộc Mệnh Hỏa -lục Cục		TỬ Bạch-hổ Hoá-lộc Thanh-long Mộ
PHỤ Văn-khúc Việt Thái-tuế Phi-liêm Tràng-sinh	MỆNH Tử-vi Phá-quân Tả-phụ Hữu-bật Hồng-loan Tấu-thư Địa-không	HUYNH Văn-xương Phong-cáo Thai Tướng-quân	THỂ Quý Phúc-đức Thiên-quan Tiểu-hao Tuyệt

Sát, Phá, Tham Tả Hữu Thai Tọa Hồng Hỷ hội Tấu Quyền, dẫn hiềm Hồng-loan Kỵ Kiếp Không.

LÁ SỐ ĐIỀU-THUYỀN

PHỤ Thái-âm Bát tọa Quang Thiên-Việt Phi-liêm	HUYNH Tham-lang Văn-khúc Thiên-phúc Bạch-hổ Tấu thư	MỆNH Thiên-đồng Cự-môn Thiên-hỷ Phúc đức Suy Tướng quân	PHỤ Vũ-khúc Thiên-tướng Văn-xương Thai-phục Hóa-ky tiểu-hao
TỬ Liêm-trinh Thiên-phủ Phong-cáo Hoá khoa tuế-phá Mộ	Năm Nhâm-Tuất Ngày 23 tháng 8 giờ Dần Dương Nữ, Thủy-Mệnh Thủy-Nhị-Cục		PHÚC Thái-dương Thiên-lương Tam-thai Quý Hóa-lộc Thanh-long
TÀI Hữu-bật Thiên-khôi Đào-hoa Tử-phu Tuyệt			ĐIỀN Thất-sát Thiên-quan Thái-tuế Đà Lực-sỹ
TRIỆT ÁCH Phá-quân Long trì Quan-phù Đại-hao Thai	RI Hồng-loan Thiếu-âm Phục-binh Dưỡng	TUẦN NÔ Tử-vi Phượng-các Hóa-Quyền Tang-môn Kinh Tràng-sinh	THÂN QUAN Thiên-cơ Tả-phụ Thiên không Lộc-tồn

Nữ Mệnh bắt nghi Đào Hồng Hỷ Tướng Phúc Khúc Xương.

LÁ SỐ TIỂU NHI YẾU MỆNH

PHỤ Liên-trinh Tham-lang Văn-xương An quang Hoá-quyền Đà la Tang-môn	PHÚC Cự-môn Thiên-hỷ Lộc-tồn, Bác-sỹ Thiếu-âm Địa-không	ĐIỀN Thiên-tướng Phong-cáo Kình-dương Quan-phủ Mộ	QUAN Thiên-đồng Thiên-lương Thiên-việt Hoá-khoa Phục-binh
MỆNH Thái-âm Thiên Hình Thiên-Không Thiếu-dương Địa kiếp Dưỡng	Năm Kỷ Mão Ngày 2 tháng 8 giờ Tỵ Âm-Nam Mộc Mệnh Mộc Tam Cục		TUẦN -TRIỆT NÔ Vũ-khúc Thất-sát Văn-khúc Thiên quý Hoá-lộc Hoá-ky
HUYNH Thiên phủ Hữu-bật Tiểu-hao Thái-tuế Tràng sinh			RI Thái-dương Bệnh-phù Long-đức Suy
THÊ THÂN Bát-tọa Tứợng-quân Trực-phù Mộc-dục	TỬ Tử-vi quân Tấu-thư Điếu-khách Quan-đời Phá-	TÀI Thiên-cơ Tam-thai Đào-hoa Thiên-khôi hồng-loan Lâm-quan	ÁCH Tả-phụ Thai-phụ Hỷ-thần Bạch-hổ Đế-vượng

Nhật Nguyệt phản bối nhi hội Kiếp Không Thiên hình Hồng Đào.

LÁ SỐ NGƯỜI SƯƠNG PHỤ

ĐIỀN Cự-môn Phong-cáo Thiên-Việt Thiên-Phúc Hoá-quyền	QUAN Liêm-trinh Thiên-tướng Bát-tọa Thiên-quan Long-đức Phi-liêm	NÔ Thiên-lương Tả-phụ Hữu-bật Văn-xương Văn-khúc Quang Quý	DI THÂN Thất-sát Tam-thai Phúc-đức Bệnh-phù Địa-không
PHÚC Tham-lang Hồng-loan Hóa-ky Tử-phù Tứơng-quân	Năm Quý Hợi Ngày 26, tháng 4 giờ Mão		ÁCH Thiên-đồng Thai-phụ Điều khách Đại-hao
PHỤ Thái-âm Thiên-Khôi Hóa-khoa Quan-phù Tiểu-hao Long-trì	Âm Nữ Thủy Mệnh Thủy Nhị Cục		TÀI Vũ-khúc Thiên-hỷ Trực-phù Phục-binh
MỆNH Tử-vi Thiên-phủ Thiếu-âm Thanh-long Địa-kiếp	HUYNH Thiên-cơ Tang-môn Lực-sỹ Kình	PHU Phá-quân Đào-hoa Hoá-lộc Thiên-hình Thiên-không Lộc-tồn	TỬ Thái-dương Thái-tuế Quan, phủ Đà Phượng-các

Phu cung Song Lộc phùng Không.
Đào-hoa ngộ Thiên-hình
mệnh đắc Tử Phủ đảh hiêm Kiếp Không xung phá.

TỬ-VI ĐẦU SỐ CHỮ TINH

Muốn lấy 1 lá số bằng chữ Hán, nên nghiên cứu các chữ sau đây.

Tử-vi

Thiên-cơ

Thái-dương

Vũ-khúc

Thiên-đồng

Liêm-trinh

Thiên-phủ

Thái-âm

Tham-lang

Cự-môn

Thiên-tướng

Thiên-lương

Thất-sát

Phá-quân

Tả-phụ

Hữu-bật

Văn-xương

Văn-khúc

Đào-hoa

Hồng-loan

Thiên-hỷ

Thiên-khôi

Thiên-việt

Long-trì

Phượng-các

Giải-thần

Tam-thai

Bát-tọa

Ân-quang

Thiên-quý

Thai-phụ

Phong-cáo

Thiên quan Quý nhân

Thiên phúc Quý nhân

Đường-phù

Quốc-ấn

Thiên-không

Quán-sách

Thái-tuế

Thiếu-dương

Tang-môn

Thiếu-âm

Quan-phù

Tử-phù

Tuế-phá

Long-đức

Bạch-hồ

Phúc-đức

Điều khách

Trực-phù

Tràng-sinh

Mộc-dục

Quan-đối

Lâm-quan

Đế-vương

Suy

Bệnh

tử

Mộ

Tuyệt

Thai

Dưỡng

Lộc-tồn

Bác-sĩ

Lực-sĩ

Thanh-long

Tiểu-hao

Tướng-quân

Tấu-thư

Phi-liêm

Hỉ-thần

Bạch-phù

Đại-hao

Phục-sinh

Quan-phủ

Kinh-dương

Đà-la

Thiên-đức

Nguyệt-đức

Cô-thần

Quả-tú

Thiên-giải

Địa-giải

Thiên-trù

Địa-không

Địa-kiếp

Hỏa-tinh

Linh-tinh

Thiên-hình

Phá-toái

Kiếp-sát

Lưu-hà

Thiên-mã

Hoa-cái

Hoá-lộc

Hoá-quyền

Hóa-khoa

Hoá-ky

Thiên-diêu

Thiên-y

Thiên-khốc

Thiên-hư

Thiên-thương

Thiên-sứ

Lưu niên văn tinh

Triệt-lộ

Tuần-không

Thiên-la

Địa-võng

Sinh dương nam âm nữ

Sinh âm nam dương nữ

Ngũ cục

Thủy nhị cục

Mộc tam cục

Kim tứ cục

Thổ ngũ cục

Hỏa lục cục

Mười hai cung số

mạnh – viên (Thân cung)

Huynh đệ

Vợ, chồng

Tử-tức (con)

Tài-bạch

Tật-ách

Thiên-ry

Nô-bộc

Quan lộc

Điền trạch

Phúc đức

Phụ mẫu

Thân

Ngũ hành

Kim

Mộc

Thủy

Hỏa

Thổ

Niên

Nguyệt

Nhật

Thời

Nhập thiên can

Giáp

Ất

Bính

Đinh

Mậu

Kỷ

Canh

Tân

Nhâm

Quý

Thập nhị địa chi

Tí

Sửu

Dần

Mão

Thìn

Tỵ

Ngọ

Mùi

Thân

Dậu

Tuất

Hợi

NHẬN ĐỊNH CHUNG MÔN TỬ-VI ĐẦU SỐ

NIÊN, NGUYỆT, NHẬT, THỜI SINH

KHẮC NHAU

Về môn Tử-vi đầu số, không nên quan niệm sinh được năm tốt nhưng hiểm vì mùa sinh xấu, hoặc được mùa sinh tốt nhưng phải tháng sinh xấu, hay là được ngày sinh tốt nhưng phải giờ sinh xấu, thành ra số mệnh bị chiết giảm.

Quan niệm như vậy là sai lạc.

Bởi vì, khoa tử vi lấy phương vị đầu số làm căn bản để luận định, chứ không giống như khoa Bát-Tự, lấy ngày sinh là nhật nguyên, ví như cung mệnh ở môn Tử-vi, và lấy hàng can của ngày sinh để tính sinh khắc chữ với 7 chữ kia, mà năm tháng ngày giờ sinh là đại diện cho phụ mẫu, thê thiếp, huynh đệ, tử-túc, trong khi bên Tử-vi, Nô-bộc có cung riêng, Phúc-đức có cung riêng. Ở Bát-Tự, vì nhờ tính theo quy luật sinh khắc giữa năm, tháng, ngày, giờ mà biết được chính tài hay thiên tài, hay là huynh đệ xấu, tốt mà thôi, tuyệt không có sự luận phân tỷ mỉ như : mắt trái lé, tay phải có tỳ vết hay môi thâm, răng sứt được, vì Bát-Tự không có các trung tiểu tính đại diện cho việc luận đoán như vậy. Nhất là môn Bát-Tự để tính cho các ngày quan, hôn, tang tế thì thật chính xác.

Ở môn Tử-vi phải đủ niên, nguyệt, nhật thời mới hội đủ điều-kiện để có thể an được sao Tử-vi ở một cung nào, nếu sai đi dù một giờ hay bất kể ngày tháng năm, thời sao Tử-vi đã đóng vào cung khác rồi, và đã được phân chia thành 12 cung, thí dụ như huynh đệ biệt lập một cung, muốn luận xấu tốt là do các sao cư, chiếu thuộc ngũ hành sinh khắc nhau, và ngũ hành của sao có tương hợp với hành của bản Mệnh không, cho nên ngay hai sao chính-tinh cư trong Mệnh mà nhà Tử-vi học vẫn cho là vô chính diệu, vì việc nói vô chính diệu này có nghĩa là Bản Mệnh không có chính tinh nào đồng một hành với hành của Bản Mệnh cả, đây là chỗ thâm sâu của Tử-vi, bởi các tinh đầu chỉ là tượng hình hoặc tượng tính mà thôi, và đặt như vậy để có một ước lệ cho 12 cung số, chớ làm gì có ông Tử-vi hay ông sao Thiên-Phủ thật sự.

Và căn-bản tối thiết là các sao ấy thuộc hành nào mới quan trọng, và sự đoán sai Tử-vi, là do chưa quy định vào ngũ hành để phân luận.

Mệnh-Hành và Tinh-Đầu

Cũng một vận hành cùng cư tại một cung số, đoán cho người này thấy đúng như in, khi luận cho người khác lại sai, hồng cả, cho nên, phải lấy ngũ hành của tinh đầu theo quy luật sinh khắc là : Vượng, Tướng, Hưu, Tù, tuyệt mới có thể tìm được mức độ cát, hung ra sao được. Nếu chỉ căn cứ vào tinh đầu thì chỉ đúng được một phần mấy mươi mà thôi, vì mỗi người Bản mệnh 1 hành và chịu thêm Vượng, Tướng, Hưu, Tù, Tuyệt nữa, thời đã xa cách biết bao nhiêu rồi.

Cho nên, biết thêm được bao nhiêu, lại càng ao ước biết thêm hơn mãi, và vàng tôn phục sự linh mẫn của bậc Thánh Tổ, và càng thấy mình tầm tối bấy nhiêu.

Vì vật việc luận cứ năm khắc tháng, ngày khắc giờ khiến số bị chết giảm, đối với Tử-vi học chẳng những đã là sai lạc, mà còn làm cho người học Tử-vi lẩn quẩn thêm.

Dương	cư	Âm	vị
Âm cư Dương vị			

Cũng như luận-cứ số bị chiết giảm vì năm tốt mùa xấu, hay tháng tốt ngày xấu, còn có luận-cứ Mạnh thuộc Dương hiểm cư Âm vị, hay Mạnh thuộc Âm hiểm cư cung Dương nên bị khắc chế mất nhiều.v.v...

Nên gạt bỏ luôn việc luận định này. nếu như Mạnh thuộc Dương, cư cung Dương cũng còn phải xét xem cung Dương ấy vượng hãm ra sao, cũng như Mạnh thuộc Âm cư cung Âm thời cung Âm này miếu hãm ra sao, bởi Mạnh Âm cư cung Âm cũng cứ là hãm-địa được và rất xấu.

Vả chẳng việc lập Mjanh để biết quý, tiện, thọ yếu, thời phải căn cứ vào Mạnh hành ngồi ở cung nào là miếu hay bại địa và quy định vào các sao cư, chiếu để luận xét, vì thiếu gì trường hợp Âm-mạnh cư cung Dương vẫn phú quý, nhưng lựa từ tuổi sơ sinh, và Âm mạnh cư cung Âm mà khổ từ lúc sơ-sinh cho tới lúc về chầu trời. cho nên, không thể nói bị khắc chế và chiết giảm vì năm, tháng, ngày, giờ, hoặc vì Dương mạnh cư cung Âm, hay Âm mạnh cư cung Dương được.

Hơn nữa, ở nhiều sách Tử-vi có nói : Mạnh Dương cư cung Dương nhưng vì Thân cư cung Âm nên bị khắc chế, chiết giảm v.v...

Thực ra, không bao giờ Mạnh cư cung Âm mà Thân cư cung Dương hoặc mạnh cư mà Thân cư cung Âm được. Vì 12 cung số, cứ tuần tự một cung Âm thời một cung Dương mà thân chỉ cư trên 6 cung mạnh, phu (Thê) Tài, di, Quan và phúc nếu như mạnh đã cư ở cung Âm, thời 5 cung kia cũng là cung Âm, và nếu cung Mạnh là cung Dương thời 5 cung kia tất cũng phải là Dương cả. như vật Mạnh thân nếu là Dương thì Dương cả, nếu là cung Âm thì là Âm cả, không nên nhầm lẫn.

Đông sinh nhân

Một điều quan trọng gặp trên các sách vở là Đông sinh nhân. Tây sinh nhân; Đông nam sinh nhân hay Tây Bắc sinh nhân là nguyên do hàng Can Chi thường được định hướng là :

Đông-phương	Giáp	Ất	mộc
Nam-phương	Bính	Đinh	hoả
Tây-phương	Canh	Tân	kim
Bắc-phương	Nhâm	quý	thủy
Trung-ương vi Mậu Kỷ thổ			

Thí dụ : NGƯỜI SINH NĂM ẤT-MÃO :

Trong các sách Tàu hoặc các thuật-số gia gọi là Đông-sinh nhân

Vì hàng Can ất là đông phương Chi Mão cũng phương đông

NGƯỜI	SINH	NĂM	TÂN	DẬU
thường gọi là Tây sinh nhân				
Vì hàng Can tân thuộc tây phương				
Hàng chi, Dậu cũng thuộc phương tây.				
NGƯỜI SINH NĂM BÍNH-TUẤT				
Thường gọi là Tây-nam sinh nhân, vì hàng Can Bính thuộc nam phương, hàng Chi Tuất thuộc phương Tây.				
NGƯỜI SINH NĂM GIÁP NGỌ				
Thường gọi là đông nam sinh nhân				

vì hàng Can Giáp thuộc Đông phương hàng địa chi Ngọ thuộc Nam phương

Cũng ví như ở môn học địa lý Bát Trạch gồm các tứ dương trạch và tứ âm trạch cũng chỉ thường gọi là Dương Trạch hay Âm trạch

nhất là về Hán Tự thường nói và viết khác nhau, nhưng tựu trung phải hiểu rõ ý nghĩa Đông Tây Nam Bắc hay Tây-Bắc sinh nhân, là tại sự phối hợp hàng Can và Chi. Vì Can chi ấy ở phương vị nào, chớ không thể lầm lẫn sang việc sinh đẻ ở phương Đông, phương Nam, đông nam hay tây bắc được, giải nghĩa như vậy thì người học tử-vi không biết đâu là ranh giới phân luận cả, vì thí dụ nước nhật bản cư về phương đông của địa cầu, thì tất cả người nhật bản đều được hưởng sự hay hoặc là xấu của cả sao, nên xin hiểu lại vấn đề nêu trên, để tránh sự sai lạc về phương hướng sinh đẻ và sự cư ngụ theo hướng nữa. Còn về việc xây cất nhà cửa cổng ngõ là một môn địa lý dương trạch rất kỳ diệu và tỷ mỉ.

✱

VẤN ĐỀ SỬ LIỆU LƯU TRUYỀN HIỆN TẠI ĐẠI HOÀNG ĐẾ TIỀN THỜI ĐỨC ĐÌNH-TIÊN-HOÀNG

Cũng như dân ta đã bị sai lạc và thường đọc trong các sách Đức-Đình-Tiên-Hoàng là con một con dái cá vì bà thân mẫu bị dái cá hiếp.

Thật là đau lòng một bậc anh hùng, một vị tiên vương của dân tộc ta, giá trị đã bị hạ thấp như thế.

Thực ra Đức-Đình-Tiên-Hoàng là con quan Thứ-Sử Hoan-Châu Đình-Công-Trứ, một vị quan rất phúc đức, thấy nước loạn, thời thường nhật luôn luôn khẩn vái thiên-địa, xin được 1 vị anh hùng cứu dân, độ thế, cũng do tiên tích đức nhi hậu tâm long, mà sau này ngài gặp được cơ duyên, có thầy địa lý để cho một ngôi âm phần kết phát cho Đức-Đình-Tiên-Hoàng.

Thời xưa, là vợ một vị quan thứ sử thời sự thâm nghiêm khuê các là sự hiển nhiên, bất kể du hành nơi nào, cũng phải có nghi vệ loan kiệu, cờ lọng, kèn trống và vài chục quân gia thất tùng thì làm sao một con dái cá bé nhỏ có thể hiếp được.

Sau khi thân mẫu mất, tiên hoàng về ở với chú ruột là ông đình công dự cũng làm quan gia đình, chẳng những thuộc hàng quý tộc mà còn kiêm hào tộc ở đất Hoa lư nữa, Tiên vương trong lúc canh tác và giữ trâu đàn cho

Ngôi mà kết phát có địa đồ minh chứng là nơi sơn thanh thủy tú, thật thắng cảnh được ghi lại :

Huyệt an long phúc
Hữu thủy thuận giảng
Tả xa nghịch thăng
Hiềm sơn chiết cước
Nhất đại nhi chung

(Trích đình gia ngọc phả)

Sau khi bị mưu sát cùng với con cả là Nam Việt Vương Đình Liễn, quyền binh về tay thập-đạo tướng quân Lê Hoàn.

Hậu duệ của đại vương hiện nay là Đình, Quách, Bạch, Hà rất đông đảo ở từ Hoà-Bình tới năm châu thanh hóa và đã di cư vào Nam, theo chế độ Lang-đạo cha truyền con nối.

Trải qua hơn một ngàn năm, nước nam mới thoát khỏi vòng nô-lệ, có một chính-thống triều đầu tiên, đã binh Chiêm và nhà Tống phải kiêng nể, sách phong, nên mới có các triều Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn hưng khởi sau này.

✱

BÀ TỪ THỰC PHU NHÂN

Bà là con gái quan Hộ-Bộ Thượng thư Nhữ-văn-Lan, đầu đệ tam giáp Tiến-sĩ năm Quý Mùi, tức là niên hiệu Quang thuận thứ 4 (1463) thời vua Lê-Thánh-Tôn, người làng Yên-tử

hạ, nay là làng Tiên-Lãng thuộc Tỉnh Kiến-An, Bắc Việt, một vọng tộc mấy đời Tể Tướng triều Lê.

Tục truyền bà là người giỏi về văn chương, nhất là rành môn lý-học, tự xem tướng mình, sẽ sinh con đại quý làm tới bậc thiên tử, nên kén chồng, mãi tới ngoài 30 tuổi mới kết hôn với ông Văn-định-Công, người làm Cổ-Am, huyện Vĩnh-Lại, tỉnh Hải Dương, vì nhận thấy ông này có tướng sinh con đại quý.

Bà sinh được cụ Trình-quốc-Công năm Tân Hợi, dương lịch 1491, tức là triều vua lê-thánh-tôn, niên hiệu hồng-đức năm thứ 22

Bà xem tướng số, biết sau nay chỉ đỗ tới Trạng Nguyên và làm đến Tể Tướng là cùng, nên giao con cho ông Định Công và tái hôn với một người khác ở làng Phùng Xá (tức gọi là Làng Bùng) huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, sinh ra ông Phùng-Khắc-Khoan, năm mậu tý, dương lịch 1528 đời Mạc-Đặng-Dung, niên hiệu Minh-Đức thứ 2.

Xét về phong tục nho giáo, thời không thể nào bà từ thực phu nhân có thể làm được việc kỳ quái này, và hơn nữa, ông văn định công đã có tới tước công của triều đình, biết vợ có tướng sinh con đại quý, lại có thể chấp nhận cho bà có thể chấp nhận cho bà có thể tái hôn được.

Giả như bà 36 tuổi sinh cụ Trạng Trình năm 1491, lại sinh ông Trạng Phùng năm 1528, thời gian cách nhau 37 năm bà đã 73 tuổi, như vậy không có phụ nữ nào còn sinh nở vào tuổi cổ lai hy được.

Hơn nữa sử chép về ông Trạng Phùng Khắc Khoan thật rõ ràng; câu chuyện sinh 2 ông Trạng cùng một bà mẹ lưu truyền trong dân gian và thường thấy ở sách sử, không thể chấp nhận được vì quá thương tổn cho nền lý luận Đông-Phương

✱

ĐẠI VĂN NHO

TRẠNG NGUYÊN MẠC - ĐĨNH - CHI

Ông Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi, người xã Long Động, tổng Cao Đội, huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương là dòng dõi ông mạc biển tích và mạc kiến quan, đỗ đầu bảng Thái học sinh, cũng như Trạng nguyên, khoa Bính Dần và khoa Kỷ Ty là hai khoa thi đầu tiên của nước ta về triều nhà Lý, làm quan tới chức thượng thư.

Ông Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn, dương lịch 1304 đời vua Anh-Tôn-Triều Trần, cháu 7 đời của ông là vua Thái Tổ nhà Mạc, tức là vua Mạc Đăng Dung đã phong tặng : Kiến Thủy Khâm-Minh Văn Hoàng Đế cho ông Mạc Đĩnh Chi.

Từ khoa thi Kỷ Ty tới khoa Giáp Thìn cách nhau là 35 năm, 2 ông Mạc Hiền tích và Mạc Kiến Quan, quý hiển tột bậc, Danh Văn Trạng Nguyên khai khoa nước Việt, chức Thượng Thư, thật là một danh gia vọng tộc, mà bà thân mẫu ông Mạc Đĩnh Chi lại nghèo hèn, phải đi kiếm củi, đến nỗi bị khỉ hiếp, thời sao có thể nuôi con ăn học đỗ tới Trạng nguyên được.

Hơn nữa, ngôi đất kết phát của dòng họ Mạc tại Long-Động, được phê là : “ Mộc Bạng khai oa” kinh thiên bút, dài phỏng định 70 bước, nên mới đắc cách văn chương thanh hiển tột bậc như thế, chỉ hiềm quá thiên sang đông phương, không kiem được Tồn hướng nên Mạc triều mới không được xếp là chính-thống Triều đối với lịch sử.

✱

ĐỨC THÁI TỔ LÝ TRIỀU

LÝ CÔNG UẨN

Khi nhà đường bị loạn lạc mất ngôi, 2 Lý-Khánh-Vân và Lý-Khánh-Đản là hoàng thúc phải chạy qua Việt Nam lánh nạn, để tìm kế mưu phục tương lai, 2 ông đều là nhà thông thiên Việt Nam, đặt địa lý, nên khi đi qua miền từ Đình-Bản Bắc Ninh tới Thăng Long, tất nhiên không lọt qua được sự hiểu biết của 2 ông.

Hoàng thúc Lý-Khánh-Vân, vì hài cốt gia đình bị thất lạc trên đường lưu vong, nên mới ngầm kết hôn với một cô gái và để ngôi âm phần tường vân áp nguyệt, chỉ kết phát cho

dòng ngoại, tại cánh đồng làng đình Bảng mà sau này gọi là rừng Bảng, tức là bà ngoại của Lý-Thái-Tổ.

Hai ông định xưng là Thiên-sư, đã dạy dỗ tán trợ và mưu đồ công nghiệp sau này.

Như vậy, Đức-Thái-Tổ-Lý triều đầu phải là con hoang, nhưng vì hoàn cảnh đương thời.

Khi ngôi báu về tay Trần-Cảnh, vì dòng họ Lý bị mưu sát tuyệt diệt bởi quân sự trần thủ độ, nên ông lý long tường là hoàng thúc bà lý chiêu hoàng, chức tư không kiêm binh bộ thượng thư, thu bài vị gia tiên và ấn tín xuống chiến thuyền cùng gia nhân thân tín, định qua trung quốc, không may bị bão bạt qua cao ly, ít năm sau thắng giặc Mông cổ được phong tặng chức bạch mã tướng công, dòng dõi thật là hiển đạt, cao sang, rất nhiều người đỗ trạng nguyên, tiến sỹ, kế tiếp tới nay là đời thứ 30, đóng góp một phần lớn cho nền văn hóa Hàn quốc.

Vọng đài làm trên núi từ lúc ông Lý Long Tường còn sinh tiền, để hàng ngày bái vọng nam phương cố quốc, và đền thờ rất nguy nga tráng lệ ở Hoa-sơn-Tĩnh, được trùng tu cẩn thận, đến nay vẫn là các di tích tồn cổ của Hàn Quốc.

Như vậy phải chăng con người biệt phân vạn vật, có tâm óc hướng thượng, tuy nhập thế, nhất trần bất nhiễm vô lao, nhưng cũng phải mưu đồ mới có công nghiệp được, còn sự thành bại, phải cộng thêm với yếu tố phong thủy, thời vận, nói chung là định mệnh, nhưng chỉ khác nhau, kẻ không biết tướng số, khi thất bại thì đau đớn vô cùng, mà người thông lý học được yên ủi, bởi lẽ cùng thông thái dĩ thái, biết đãi thời nhi phát, âu cũng là sự đại ích vậy.

Trên đây chỉ là các sự kiện, nêu lên để nhận xét được sự chân giả, để đính chính lại bao nhiêu gương anh hùng, tiết liệt của dân tộc ta đã bị bọn đồ hộ chủ mưu xuyên tạc, và manh tâm báng hoại bằng văn hoá sai lạc, in các man thư để đầu độc, nên nhà mình đã sai các tướng trương phụ, hoàng phúc tận thu các sách vở quý báu của ta, và phải nộp cả đến những thợ thuyền thuộc các nghề tinh xảo vào các kỳ cống thuế nữa, kể cả các thầy bói danh tiếng, nói tóm lại tất cả các tinh hoa của dân tộc ta.

Thanh triều dưới thời càn long mới biệt thái giáo sư văn chính quốc công và minh thái sư văn thành thu nạp in các sách, dành riêng cho nhà vua, gọi là quân vương chi đạo, tể phụ chi học mà các đại thần cũng không được biết tới, không thiếu chi những đại thần vì vi phạm đã bị tử hình.

Họ in các man thư để đầu độc Cửu Di, Bát Man và người bạc chủng, sự việc Càn Long du Giang Nam, phải chăng là càn long đã ngầm sợ sự lai vãng của ngag của người da trắng tây phương hiệp cùng Cửu Di , Bát Man để thôn tính thiên quốc Trung Hoa vậy.

HẾT

* * *